TRUYỆN PHAN NHẬT NAM
Vnthuquan.net, 2009.

Tù binh và hòa bình

Lời mở đầu
Hòa Bình, 28-1-1973

Để mở đầu cho tập bi ký, tôi lấy ngày tháng nầy
để làm dấu - Ngày Hòa Bình - Một thứ hòa bình quái dị, đắng như thuốc mà quê hương trong cơn thập tử phải uống vào. Nhân dân tự vệ đi đập cửa từng nhà hối thúc gia chủ treo cờ, Tổng Thống Thiệu đọc trên tivi gởi đến toàn dân thông điệp lịch sử - Thông điệp báo tin một hòa bình đe dọa. Thông điệp gồm những ngôn từ nóng, những thành ngữ giản dị đầy hình ảnh, thông điệp dồn dập không thể có được ở cấp nguyên thủ của bất cứ quốc gia nào... Quê hương Việt Nam đón nhận hòa bình trong trạng thái buốt sống lưng.

Tôi đi trong Sài Gòn ngày 28-1 với cảm giác xôn xao kỳ lạ. Tháng năm chinh chiến quá dài biến đổi chiến tranh nên thành một hiện tượng hằng có, thường trực; dứt ra, ngỡ ngàng như ra khỏi vùng quen thuộc. Sự quen thuộc khốn nạn. Ở Tây Ninh, Cộng sản tứ bề vây kín Tòa Thánh, quốc lộ 15 bị đóng mấy "chốt" ở bắc và nam Long Thành, đường đi ra Trung, lên Đà Lạt bị kìm kẹp...Cộng sản cố giữ một đoạn Quốc Lộ 1 ở Trảng Bom, hòa bình được đón nhận bằng một loạt vi phạm ào ạt cùng xẩy đến khắp bốn quân khu. Đã có hòa bình chưa?

...Vẫn còn được an ủi lớn - Chưa có trận đánh quy mô cấp tiểu đoàn trở lên!! Sự an ủi tội nghiệp như hơi thở hồi dương của xác thân đã chết phần chân tay.

Nhưng "hòa bình" hình như được ráp nối dần. Những phái đoàn Nam Dương, Gia Nã Đại trong Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến đến Sài Gòn, những người mặc áo đại cán may bằng vải kaki Nam Định đã có mặt tại Tân Sơn Nhất. Những cán bộ Cộng sản từ Hà Nội, Ba Lê, mật khu lần đầu tiên tập trung tại trên đất quốc gia. Cuộc họp lịch sử khai diễn. Tổ quốc bước qua một chặng đường mới. Con đường dài dầy đặc hỏa mù dậy lên ào ạt như khói súng của những trận đánh trên bốn quân khu. Hòa bình đến với những người chết ngỡ ngàng không nhắm mắt. Những buổi họp thành hình quanh chiếc bàn nỉ xanh trong căn phòng kín cửa. Bằng lời nói uyển chuyển, thái độ hòa nhã, những con người đối cực ngày hôm qua, hôm kia, trao đổi với nhau một đề tài bi thảm - Tù binh, vật thụ nạn trực tiếp đau đớn nhất của chiến tranh, món quà tội nghiệp của hòa bình bắt đầu được ngã giá.

Hôm nay, ngày khởi đầu màn bi kịch lặng lẽ, những người tù bắt đầu được thả để ở yên trong một khoảng trống nào đó hay sẽ mặc lại bộ áo chiến binh, nhận một thứ vũ khí để bắt đầu lại vở bi kịch trường thiên không đứt đoạn.

Được đi chứng kiến và sống cùng "chiến trường" bi thiết lặng lẽ nầy, người viết với trái tim trung tín, thẳng thắn cố gắng ghi lại sau đây những diễn tiến đã được một lần ghi nhận. Sự ghi nhận chủ quan - Lẽ tất nhiên, nhưng cũng không thể vượt khỏi chủ quan của một người - Người Việt Nam.

...Tôi mở cửa căn phòng, hơi lạnh tỏa ra dễ chịu. Tường gỗ đánh vẹc-ni nâu, sàn lót thảm, bàn nỉ xanh, vẻ yên tĩnh trang trọng của nơi tiện nghi theo lối Mỹ, trăm phần trăm Mỹ với không khí thơm thơm sạch sẽ của toàn khối vật chất được khử trùng lọc sạch. Trong căn phòng nhỏ đẹp gọn ghẽ trơn láng nầy, vấn đề gai góc nhất của hiệp định ngưng bắn - Ba mươi ngàn tù binh của hai bên và năm trăm sáu mươi mốt tù binh Mỹ sẽ được giải quyết, trả giá và cân nhắc từng trăm, từng chục, hoặc từng người tùy theo nhiệp độ khí hậu của bốn bên. Con người chỉ còn lại là một con số trống. Tù binh, giờ nầy anh nghĩ gì?

... Xin giới thiệu với quí vị - Đại Úy Nam. Tôi đứng dậy cúi đầu chào. Những con mắt mở ra vừa phải dò dẫm... Tôi đang đối diện với cán bộ cộng sản thực thụ, những người đàn ông trung niên, nghiêm trọng cứng nhắc trong những bộ quân phục may bằng vải kaki Nam Định màu ô-liu. Đây là những cán bộ trung cấp nòng cốt vừa từ Ba Lê đến, những chuyên viên hội nghị, những người có thể ngồi thật lâu nói thật nhiều trên nhiều đề tài mơ hồ, đối cực và vô bổ. Những kịch sĩ thiên bẩm, thiện nghệ, biết kìm hãm tình cảm trong tất cả mọi trường hợp. Ý nghĩ đầu tiên tôi nghĩ về họ qua những nét mặt hình như không biết cười!!

Phiên họp bắt đầu, Đại Tá Đắt, đại tá của những đại tá, thâm niên cấp bậc mười lăm năm, con người quen thuộc với tù binh và nhà giam từ những ngày cách đây hai mươi năm, một chuyên viên của tù, không thể ai hơn ông trong chức vụ nầy. Phiên họp mở đầu bằng thông báo của hoạt động trong ngày, bổ túc việc trao trả, trao đổi danh sách tù nhân của hai bên...

Thứ tự phát biểu xoay theo chiều kim đồng hồ VNCH, Mỹ, Mặt Trận Giải Phóng và Bắc Việt... Lý luận trao đổi qua những ngôn từ trầm lắng, kiểm soát và ngăn chận. Lý luận không theo cùng hệ thống, không phải là câu trả lời những câu hỏi, nhưng tùy theo chiến pháp của hai bên, Việt Nam Cộng Hòa thông báo số tù binh được dự trù trao trả trong ngày, nhưng vì đến giờ họp, vẫn không thực hiện được vì người của Mặt Trận ở Thạch Hãn, Quảng Trị không chịu qua sông nhận tù và tù binh ở Biên Hòa không chịu lên máy bay đi Lộc Ninh. Đại Tá Russell của Mỹ nêu vấn đề Mặt Trận không trả tù Mỹ ở Lộc Ninh đúng như đã hẹn. Những vấn đề đặt ra rõ ràng gọn như một miếng bánh nhỏ. Tôi chờ đợi câu trả lời của hai phe cộng sản. Nhưng buổi họp đã lộ dần tính chất chạy trốn, sự tránh né lộ liễu buồn cười. Đại Tá Lê Trực, trưởng đoàn Mặt Trận xoay quanh vấn đề danh sách tù binh dân sự và Trung Tá Tấn, trưởng đoàn Bắc Việt thông báo nhà nước Hà Nội thả thêm một trung tá phi công Mỹ sáng nay ở Gia Lâm vì lý do nhân đạo: Mẹ ông ta bệnh nặng!!

Như những hòn bi được rơi tự do trên một độ dốc lồi lõm, các đề nghị, câu hỏi, vấn đề thảo luận do Việt Nam Cộng Hòa đưa ra được biến dạng thành những câu hỏi khác, những vấn đề tổng quát mà chỉ có thể giải quyết được trong thời gian tương lai. Các câu trả lời cho những câu hỏi trực tiếp không có trong suốt phiên họp.

Tôi lắng tai nghe, tay ghi và tinh thần giản ra trong một niềm lạnh

nhạt thú vị... À ra "chiến pháp" tân kỳ của cộng sản là thế - Không bao giờ trả lời một vấn đề trực tiếp, cứ xoay vòng một cách vô tích sự, càng lâu càng tốt, càng xa càng tốt, sự rõ ràng phải được bao bọc dưới lớp màn mù mờ khó khăn. Khó khăn hóa, mơ hồ hóa mọi vấn đề do đối phương đưa ra, dù chỉ là những vấn đề kỹ thuật, thủ tục, của trọng tâm lớn... Trịnh trọng như những công chức già, xoay xở như một anh đánh bạc thiện nghệ, người cộng sản kéo dài phiên họp trong một rã rời cố ý và đúng hệ thống. Hội nghị Ba Lê kéo dài trong bốn năm hay bốn mươi năm cũng có thể được với những chuyên viên hội họp này, họ tránh né và lật đổi vấn đề một cách sỗ sàng bằng những giọng nói nghiêm trọng bất chấp sự hiện thực không thể chối bỏ được. Đại Tá Đắt đưa ra tai nạn buổi sáng nay (12-2-73) tại Biên Hòa: Tù binh cộng sản không chịu lên xe ra phi trường, họ đòi phải gặp đại diện Bắc Việt đến để cam kết và bảo đảm sự nhận lãnh... Đại diện tù binh tuyên bố không tin thực chất của đại diện Mặt Trận (Đại Tá Lê Trực)... Sự thật rõ ràng: Tù binh Bắc Việt không tin vào đại diện MTGP...

Đối diện với sự thật trên, Trần Tấn chậm rãi mở cuốn sổ nhỏ, đằng hắng lấy giọng: Thưa quí vị, theo điều 1 và 2 của Nghị Định Thư về Tù Binh chỉ xác định có ba loại tù: Tù của Hoa Kỳ và các nước ngoài, của VNCH và của Chánh phủ lâm thời Cộng Hòa miền Nam... Vậy theo tinh thần này và thỏa thuận của hòa hội Ba Lê, chúng tôi xin xác nhận không có tù binh Bắc Việt tại miền Nam!! Đúng sách vở và chiến pháp! Tôi muốn phì cười vì vẻ mặt trang nghiêm, ánh mắt long lanh bằng lòng với phản ứng sắc bén đúng theo "tinh thần Nghị Định Thư" của Tấn... Tinh thần Hiệp Định, một dụng tâm tráo trở của những tay bợm siêu đẳng được căn cứ và nhắc nhở với những ngôn từ trang trọng như giáo điều thiêng liêng. Buổi họp, sự vô liêm sĩ đứng đắn kéo dài trong vô ích. Bốn giờ đi qua không vấp váp.

À, ra thế là cộng sản, cộng sản chính cống, hạng A, loại cán bộ nồng cốt hy vọng trở thành Ủy viên trung ương trong tương lai, Lê Trực, Bí thư của Tướng Trà, Bộ trưởng Quốc phòng của "Chính phủ" lâm thời chỉ là một "chuyên viên" đi đủ qua ba đề mục: bổ túc danh sách tù quân sự, nêu con số 140 tù dân sự của VNCH và đòi hỏi VNCH thêm vào con số bảy ngàn vì còn hằng vạn người nữa! Ba đề mục được Trực kéo đi kéo lại trong bốn tiếng đồng hồ không mệt mỏi bất chấp câu hỏi của Đại Tá Đắt: Tại sao quí vị không trả tù chúng tôi đúng 8 giờ 30 ở Lộc Ninh như đã hứa? Mặc cho các câu hỏi rọi rõ

như ánh mặt trời hắt vào mặt, Trực qua lại ung dung giữa ba bấn đề của mình như con cá vùng vẫy trong chiếc hồ bơi riêng rẽ. Bắc Thạch Hãn, nơi thuộc về Bắc quân làm sao Trực có thể cho và nhận chỉ thị trực tiếp?! Tội nghiệp cho vẻ kiêu hãnh ốm yếu của Trực sau khi lập lại một đề tài tránh xa sự thật... Trực đã ở Ba Lê trong bao lâu?

Tôi ngồi đối diện với cộng sản, nghe những trả lời trống, những lý luận trơn, nghe những hằn học đóng kịch và dễ dãi vô duyên. Thấy rõ toàn bộ cấu tạo và chiến pháp của cán bộ cao cấp đối phương - Một đối phương quá nhiều huyền thoại và huyễn hoặc. Thấy rõ người để xét lại mình. Không tự tôn cũng chẳng nên tự ti. Tôi kết luận. Đấy chỉ là những chuyên viên bình thường ở âm tượng ngôn ngữ, ở khí phách tia nhìn... Chỉ là những chuyên viên bàn giấy học thuộc bài, nhớ thuộc vở, biết nghe lời thượng cấp, theo đúng chỉ thị, làm việc bằng trí nhớ được tập luyện hơn phản ứng sôi nổi linh động của tâm lý. Đó là một đội cầu gồm nhiều cầu thủ trung bình chuyên lối chơi cộng đồng không có quyền nẩy nở phản ứng cá nhân. Toàn thể đặc tính của cán bộ cộng sản có thể thâu tóm một cách tổng quát không sợ sai lầm.

Chiến tranh, hòa bình đã được thực hiện và điều hành bởi lớp cán bộ cao cấp này. Những người vâng lời cứng ngắc, quyết chí như một mũi tên hụt hơi, những người nhìn lịch sử bi thương của dân tộc qua những sự kiện được đánh số và phân loại. Tôi đã đối diện với đối thủ tàn ác thô bạo ở chiến trường, nay lại gặp phải một đối phương cố chấp qua chiếc bàn rộng lót nỉ màu xanh. Sự tàn ác thô thiển nơi chiến địa hay cứng cỏi cực đoan trong căn phòng có chung một tính chất - Tính chất tổng quát của những phản ứng được hệ thống hóa sau thời gian dài định lượng và kiểm chứng. Tôi không gặp được Người trên hai chiến trận, đây chỉ là những cán bộ tốt biết vâng lời và che dấu tình cảm riêng tư tuyệt đối. Cảm giác lãng đãng kết tụ dần như hơi khói thuốc không tan được trong căn phòng kín cửa. Có một điều đau đớn chập chờn ám ảnh không rời dần lộ mặt - Chiến tranh đã xảy ra thật hợp lý - Người cộng sản quả tình chỉ sống được trong thế giới cường bạo và chấn động. Biện chứng pháp duy vật há không phải là luận lý xây dựng trên “sự nổ” hay sao? Căn phòng rì rầm máy lạnh bỗng chốc mang vẻ đe dọa như cơn im lặng của trái phá sau khi bay ra khỏi nòng...

Tháng 2-1973

Tù binh và hòa bình

Cây Bút Kaolo

Đột nhiên thấy được cả một chuỗi ngày thơ ấu trải dài trước mặt như khi mở cuốn Album nhìn lại hình ảnh của ngày quạ. Bên tay phải, hơi chéo về trước mặt, Trung Tá Tuấn Anh của phái đoàn Bắc Việt đặt lên trên chiếc thảm xanh cây viết nâu có những sọc ngang vàng đục. À! Viết Kaoloọ. Lâu lắm, hai mươi năm đi qua, ngày vừa đỗ tiểu học, món quà đắt giá nhất có được lần đầụ: Cây viết Kaoloọ. Cây viết nặng và lớn so với bàn tay nhỏ bé, tôi cẩn thận vặn khẽ từng vòng phần cuối của cây viết, ngòi bút thuỷ tinh hình tháp có những vòng xoắn ốc từ từ ló ra khỏi ổ bút. Lũ trẻ chung quanh trầm trồ... Cây viết giá ba mươi lăm đồng, viết mấy cũng không “rè”, viết chiều nào cũng được. Tôi hân hoan vặn ngược lại, ngòi bút rút dần vào ổ. Hai mươi năm, xã hội qua muôn ngàn biến đổị Đứa bé chưa bao giờ uống nước đá bào ngày nào đã lớn, lớn để chứng kiến những đảo lộn đến chót cùng kinh ngạc, những biến đổi ngược ngạo, chớp nhoáng bừng bừng lạ lùng xảy ra hằng ngày qua, theo năm tớị. Biến dạng ở tâm linh và thế giới chung quanh. Biến đổi hệ thống lý luận và cách nhìn. Biến đổi từng mẫu ý nghĩ, từng cái chắc lưỡi khẽ rung để che dấu niềm kinh ngạc sững sờ.

Năm 1950 ông Nixon phản đối chính sách hoà hoãn với Trung Cộng của Ngoại Trưởng Dean Acheson. Năm 1972 con người đối nghịch với cộng sản đó khẽ sửa lại vạt áo Chu Ân Lai, hành động vượt xa lịch sự ngoại giaọ Cũng năm ấy, Thượng Nghị Sĩ McCarthy nổi bật hẳn lên khỏi những đồng viện vì tính chất diều hâu siêu đẳng của mình. Năm 1968, tinh thần McCarthy lại biến tướng thành McGovern sau này Những năm 50, chiếc xe đạp bánh đặc vẫn được xem là dấu hiệu của sung túc giàu có. Năm 1972 ở Sài Gòn xe gắn máy Sachs hoặc Solex đã được xem như vật cũ kỹ hết xài, xe hơi Ford Mustang chỉ là phương tiện di chuyển đắt giá bình thường. Đức Quốc Trưởng Bảo Đại năm xưa nay chỉ còn là một ông già hết thời dù báo Figaro mở chiến dịch thăm dò và báo Sài Gòn yểm trợ. Vua Bảo Đại đã là một điều của dĩ vãng. Hiện tượng Perón không thể nào có được ở Việt Nam, nơi hai mươi năm chiến tranh đảo lộn hết toàn thể giá trị tinh thần và đời sống. Người Việt Nam, giống dân chai lỳ chịu đựng nhất của nhân loại

Nhưng người Cộng Sản ở miền Bắc “hình như” không thay đổi. Y phục, hệ thống tổ chức, phương cách chuyển đạt ý nghĩ, lý luận, hút điếu thuốc, thở khói, để tay lên bàn, sửa cái kính... Tất cả đều có vẻ chung chung, quen quen hình như đã gặp, đã nghe, đã thấy. Năm 1950, tại chiến khu bên tả ngạn sông Hương nay thuộc vùng Ashau, tôi hỏi đồng chí “Chú Nhan”:... Sao súng chú quá lớn? ” Đáp ngay: “ Súng chú dùng để bắn Tây! ”. Phản ứng đối đáp nhanh chóng đúng “tinh thần kháng chiến” này sao quá giống với câu trả lời ở phi trường Lộc Ninh khi được hỏi vì sao ống quần quá rộng. Đáp: “ Để dễ tác chiến chống Mỹ Nguỵ! ”. Hai mươi năm hơn đi qua đã không thay đổi gì ở trong những đầu óc đó. Vẫn chỉ là kháng chiến, chống lũ bán nước, đấu tranh công nông, cộng sản đại đồng, hỗn độn va chạm khô cứng vào nhau dưới một đầu tóc rẽ ngôi giữa, hai bên hớt cao trắng phếu...

Trung Tá Tuấn Anh, người có khuôn mặt lặng lẽ, trí thức nhất của phái đoàn Bắc Việt, tuy có một nụ cười tươi, nhưng nụ cười đó hình như có tính toán, có sửa soạn. Nụ cười được định lượng dè chừng chợt tắt ngay nếu phải nghe một lời vượt ra khỏi hệ thống Trung Tá có nghĩ rằng Đông Dương sẽ trở thành một vùng Balkan nhưng tiến bộ và tự do hơn không? Những lần tắt nụ cười đó thường làm người tiếp chuyện ngạc nhiên, nhưng khi nhìn thấy cây viết Kaolo được cẩn mật để trên bàn, ngòi bút đi ra chậm chậm nghiêm trọng thì lòng tôi chợt hiểu. Hai mươi năm hơn đi qua không có thay đổi trên miền Bắc có nhiều hệ thống nghiêm cẩn không suy suyển đó; 138 trang cuốn Chiến Tranh Nhân Dân và Quân đội Nhân dân của Võ Nguyên Giáp (Nhà xuất bản Sự Thật À 1959) rặt một thứ lý luận thô thiển đến hàm hồ. Trang 112, Giáp định nghĩa Quân đội Nhân dân À Đây là một quân đội thực sự của nhân dân, của nhân dân lao động, thực chất là công nông, một quân đội do giai cấp công nhân lãnh đạo!!! Không xa đó Giáp viết tiếp: “Đảng của Quân đội nhân dân đó..” Và Đảng của Giáp năm 1930 là gì? Hãy đọc lại nguyên tên: Đảng Cộng Sản Đông Dương... Tiếp tục bước chót của lý luận: “Nhân dân tức là toàn thể đảng viên Cộng sản ”. May quá, Giáp chưa đi đến bước chót của thái độ liều lĩnh này...

Tôi đã đi trên đường vào An Lộc trong tháng 6 năm 72, tôi đã tiến theo Nhảy Dù để vào Quảng Trị cuối tháng 7... Dọc quốc lộ 13, dọc quốc lộ 1, trên những đoạn đường chết với câu hỏi vang dội: “ Sao người Cộng sản có thể tàn ác tỉnh táo đến độ này ” Tại sao họ có thể xuống tay tận diệt những người dân vô tội không chút e dè như thế này. Nhưng bây giờ thì tôi có thể hiểu. Người cộng sản đã

hướng dẫn hành động theo sát với tất cả những giáo điều đã xâm nhập vào từng hơi thở, ý nghĩ của họ. Cuộc đấu tranh vũ trang để thực hiện Chủ nghĩa xã hội do quân đội nhân dân đảm trách. Nó chiến đấu cho quyền lợi của nhân dân lao động cách mạng, được ủng hộ của nhân dân Liên Xô, của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hoà bình trên thế giới!... Vậy, Nhân Dân miền Nam, những nhân dân không cách mạng, không giác ngộ, không ủng hộ cho cuộc chiến đấu kia ắt hẳn được xếp vào loại nhân dân địch, nhân dân "nguy"., loại nhân dân cần phải... Tiêu diệt!! Chúng ta, người của miền Nam chắc sẽ không bao giờ chấp nhận một thứ hệ luận kỳ quái xuẩn ngốc độc địa kia, chúng ta cũng không nghĩ có một thứ lý luận sơ đẳng tàn hại như thế đã được thành hình làm phương châm chỉ đạo cho bao nhiêu hành động cuồng sát. Nhưng thật sự đã xảy ra, xảy đến tột độ kinh hoàng, xảy đến trong chót cùng kinh ngạc... Mậu Thân ở Huế, tháng 4-72 ở Quảng Trị, tháng 3-72 trên đường 13 hướng An Lộc-Chơn Thành, dù tôi là người lính chiến thuần tuý đã đi trong lòng cái chết qua thời gian đằng đẵng cũng đã không hiểu nỗi tâm trạng đối phương hằng vang dội trong lòng mãi mãi câu hỏi trên. Nhưng hôm nay trong căn phòng kín cửa nhìn cây viết cũ kỹ trên tấm nỉ xanh lòng chợt khám phá ra nguyên lý của hệ thống giết người... Kinh khiếp thật, người Cộng sản đã giết người qua định nghĩa. Định nghĩa cấu tạo từ mùa thu cách mạng, hệ thống hoá thêm bởi mười chín năm trời trong "chủ nghĩa xã hội. Định nghĩa ví như một lá cờ đuôi nheo nhàu nát được mang ra làm chỉ đạo cho cuộc tàn sát tận tình. Tôi hiểu ông Ngô Đình Diệm, người quân tử vụng về của thời đại chỉ vì không theo kịp với nhịp biến động của thế giới chính trị nên phải trả giá bằng cái chết tàn khốc, sự kiện không canh tân hoá ý niệm chỉ đạo điển hình qua chiếc bàn gỗ nặng nề của thời Louis XIV. Vậy nên, viên sĩ quan cộng sản làm sao đuổi kịp được thế giới, hiểu kịp được tâm tư của người dân miền Nam khi trên tay vẫn còn nâng niu hoài cây viết cũ, đầu óc đặc kịt những lý luận "sắc bén" của đồng chí Đại Tướng, một ông giáo sử địa của những năm 1930, soạn thảo phương châm chỉ đạo chiến tranh bằng những luận cứ hồ đồ: "Cuộc vũ trang đấu tranh của nhân dân Việt Nam thành công trước tiên chính là nhờ sự thắng trận của Hồng quân Liên Xô đối với Phat-xít Đức, Nhật..". Vừa phải thôi, chính vì cuộc thắng trận khốn nạn đó, Pháp mới có thể trở lại Việt Nam để cùng anh dự tiệc máu người Việt Nam qua chín năm dài. Thế nhưng luận cứ trên đã viết thành lời, đã đại chúng hoá bằng những tờ ronéo nhem nhuốc, phổ biến đến mỗi cán bộ xã ấp, mỗi "chiến sĩ" với đầu óc bít kín như những viên gạch

được xếp đầy đặn chờ hơi nóng nung đốt, để hôm nay - 1973, ở Lộc Ninh, ở Thạch Hãn đâu đâu cũng chỉ nghe: Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin dạy chúng ta rằng: Chiến tranh, nhà nước, quân đội đều là những hiện tượng lịch sử, những hiện tượng đó đặt cơ sở trên các giai cấp xã hội đối nghịch và sẽ không còn nữa khi xã hội loài người không còn chia thành giai cấp đối nghịch, nghĩa là khi chủ nghĩa Cộng sản đã thắng khắp thế giới...!!! Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin, Cách Mạng tháng 10 hình như chỉ còn là tài liệu nghiên cứu cho một giai đoạn lịch sử đã đi qua... Nhưng Trung Tá Năm Tích - Tư lệnh phi trường Lộc Ninh - gã nông phu phụ bạc ruộng đồng để hân hoan cùng "quân hàm tương đương" cứ lập đi lập lại hoài bài học đó. Phải chăng trong đầu óc đặc cứng đó chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện toàn hảo trên quân hàm mà Năm Tích suốt đời không bao giờ có ý niệm?!!

Tháng 3-1973

Tù binh và hòa bình

Những sợi tóc bạc trên thảm nỉ xanh

Ngồi trước mặt tôi là hai người tóc bạc, một thượng tá và một trung tá của lực lượng vũ trang thuộc Mặt Trận giải phóng, cả hai đều trên tuổi năm mươi, tóc bạc trắng quá nửa đầu, da mặt xám xanh và ánh mắt khác lạ. Người mang cấp bậc thượng tá, Nguyễn Hoàn quê Bến Tre, ngoài nụ cười tươi ít khi xử dụng thường có thái độ tự tin bằng cách ngồi ngữa người nhìn đến người đối thoại, tia nhìn phát từ đôi mắt màu xanh da trời lóng lánh một màn mỏng bóng loáng, đôi mắt có vẻ thâm độc kỳ dị, phản chiếu tính chất hung tàn bệnh hoạn như kẻ bạo dục đứng nhìn nạn nhân quằn người dưới tra tấn của hắn. Ở đây, đôi mắt của Thượng Tá Nguyễn Hoàn có một tính chất bạo ngược phát động từ tinh thần đã mất hẳn những rung động tế vi nhân bản, tinh thần lạnh cô đặc của Goering, Rudolf Hess, những người tự tin và tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa, quyết định của tổ chức. Người đã đồng hóa bản thân vào vận động lịch sử, người xóa bỏ mình, hết còn là một nhân vị. Nguyễn Hoàn có đôi mắt của một bộ máy điện tử dùng để đo phản ứng con người. Người thứ hai, Bùi

Thiệp mang quân hàm Trung Tá gốc Qui Nhơn, Thiệp có khuôn mặt nặng nề bình thản gồm nhiều nét nhăn ôm thành vòng tròn từ trán xuống miệng, những nét nhăn của một con hổ; khuôn mặt Thiệp là một con hổ phiền não, mệt mỏi. Nhưng con hổ nhọc mệt vẫn còn vẻ hung tợn căn bản; cũng thế, Thiệp như đang lúc tỉnh giấc của con vật vừa xong bữa tiệc máu.

Tôi không vẽ nên quá độ những đường nét của đối phương, nhưng vì muốn biểu hiện một cách trung thực, phản ảnh đứng đắn toàn thể không khí của những cán bộ cộng sản mà tôi đã làm việc, đối diện, nghe và nói cùng họ trong suốt thời gian dài, nên dùng nhiều hình ảnh, ẩn dụ để sáng tỏ hình tượng biểu hiệu của hai nhân dáng, hai cá tánh. Nguyễn Hoàn, Bùi Thiệp, cũng có thể rằng đây chỉ là bí danh, nhưng chắc rằng cả hai thuộc vào lớp cán bộ mùa thu, những cán bộ xuất phát từ 1946, có thể đã vào đảng và có đảng tịch từ những năm trước 1945-46... Cả hai đều được định quân hàm vào năm 1956, sau đợt chỉnh bị toàn quân tại Hà Nội. Họ là những cán bộ tập kết ra Bắc năm 1954 để sửa soạn trở về Nam theo những điều khoản của Hiệp Định Genève năm 54. Nhưng dù không trở về Nam đúng trong năm 1956, họ cũng là những cán bộ của Mặt Trận vào những ngày đầu tiên thành lập. Trước khi về Sài Gòn, Thiệp và Hoàn đã có những tháng năm dài công tác tại hòa hội Ba Lê. Tóm lại, đây là loại cán bộ cốt cán của Mặt Trận với quá trình đấu tranh dằng dặt đầy ứ những kết quả, đúng tiêu chuẩn do Đảng "đề xuất"...

Quá trình tranh đấu liên tục còn được phản ảnh cụ thể ở thái độ nghiêm túc, hạn chế, ở phương tức lý luận theo sát ba nhịp của tam đoạn luận, đi đủ chu kỳ cần thiết của một nhịp duy vật biện chứng. Những lý luận phát khởi từ chuẩn bị kỹ càng được ôn tập, phê bình và xếp đặt theo tiến trình của đề tài thảo luận bằng một phương pháp giản dị dễ ghi nhận và xử dụng. Để bác bỏ lời tố cáo của Việt Nam Cộng Hòa về sự kiện tù quân sự và dân sự còn bị giam giữ ở khắp lãnh thổ Đông Dương với những bằng cớ xác đáng như lời nhắn tin của những người tù trên các đài phát thanh Hà Hội, đài Giải Phóng, hình ảnh, thơ từ gởi về Nam theo những người bạn tù đã được trao trả. Những sự kiện chắc chắn, cụ thể tưởng rằng khó để từ chối được, nhưng Hoàn và Thiệp (hay tất cả ủy viên trưởng ban, phó trưởng ban hay Hoàng Anh Tuấn, Sĩ, Giang của cấp trưởng phái đoàn) đều dung dị né lách vấn đề theo đúng điều đã học tập. Trước tiên, họ xử dụng lời bác bỏ vì tính cách "bịa đặt, dựng đứng" sự kiện do VNCH bày vẽ nên, tiếp theo họ trình bày những tài liệu cung cấp từ báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, kháng thư của

các hiệp hội, đoàn thể quốc tế đòi đấu tranh và cải thiện đời sống lao tù ở VNCH... Cuối cùng lời kết luận, căn cứ vào tài liệu vừa được trình bày (luôn nhấn mạnh sự chính xác của tài liệu bởi tính chất: Tài liệu phát xuất từ những giới chức, đoàn thể thuộc VNCH hay khối tự do) để đưa ra lời tố cáo: “Chính VNCH đã, đang còn giam giữ hằng trăm ngàn người với chế độ ngược đãi tàn nhẫn nên Chính phủ lâm thời giành lại quyền phản kháng để tố cáo VNCH trước quốc tế và quốc nội đã vi phạm các điều khoản của hiệp định, nghị định thư về trao trả tù quân dân sự!!!” Những luận điệu móc nối khít khao được trình bày bằng giọng nói khuôn thước vừa đủ cường độ gây nên ấn tượng quyết tâm nhưng cũng không ra khỏi tính chất hòa hoãn của tinh thần hòa giải dân tộc. Không những chỉ cùng nhau xử dụng chung một phương thức lý luận, những cán bộ cộng sản luôn luôn dùng một số từ ngữ, cách ngắt câu, chấm dứt vấn đề theo đúng tiêu chuẩn, chỉ thị đã được phổ biến học tập và huấn luyện. Những sự kiện trên thoạt đầu gây trong lòng tôi nể nang vì thấy cán bộ đối phương đã chuẩn bị kỹ càng vấn đề thảo luận và thực hiện mục tiêu tranh luận theo phương pháp thuần nhất. Nhưng vào thời gian của tháng thứ sáu, thứ bảy, sau khi đã nhiều lần nghe những động từ “đề xuất, triển khai, lên khung vấn đề, kết tập phương án...” những thành ngữ “tinh thần hoà hợp và hoà giải dân tộc, chấp hành nghiêm chỉnh tinh thần và lời văn của hiệp định ngưng bắn, đấu tranh cho hoà bình tự do...” trong tất cả mọi đề tài, phương thế thảo luận, tôi đâm ra hoài nghi với ý nghĩ: Tất cả ưu điểm của Cộng sản chỉ thế nầy sao? À Chỉ là diễn dịch vấn đề bằng một số luận cứ sơ đẳng giản dị, với những từ ngữ quen thuộc đã được tập dượt để áp dụng cho tất cả mọi lớp cán bộ trong bất cứ mọi trường hợp; một hệ thống lý thuyết chỉ đạo gồm toàn những từ ngữ, luận lý thô thiển được áp dụng đồng loạt phổ quát từ anh lính gác ở bờ bắc sông Thạch Hãn đến gã thiếu tướng ngồi ở bàn hội nghị!! Hoài nghi biến dần thành xác định, sự nể nang ban đầu rút lui thành cảm giác não nề vì nhận thấy. ãSự chiến đấu của nhân dân cách mạng yêu nước Việt Nam đã được sự ủng hộ nồng nhiệt của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới... đã là một thành ngữ mòn nhẵn, cũ kỹ từ những ngày kháng chiến trong cộng đồng dân tộc của những năm 1940... Hai mươi, ba mươi năm một sáo ngữ đã mất hẳn tính chất và hiệu lực vẫn được xử dụng trang trọng đồng loạt từ bài báo của tạp chí Học Tập, cơ quan ngôn luận đảng Lao Động đến nhận định của Võ Nguyên Giáp về chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng... Từ ngữ cũng được, “cũng phải được” lập lại nghiêm chỉnh trong bài phóng sự “Về các xã

giải phóng...” do một anh văn công viết trong một hóc hẻm của đồi núi Quảng Trị đăng trên báo Giải Phóng (Lại giải phóng... Cũng chỉ cùng quê quán với “giải phóng quân” của 1945, 46, từ thằng Mạ giải phóng của Lý Cẩm Dương...)

Thật lạ, người cộng sản xây dựng lý thuyết trên yếu tính đối kháng, hủy diệt, giải thích lịch sử trên căn bản tái tạo của hủy thể tiến bộ, thế nhưng trên rất nhiều khía cạnh họ lại phô trương tận lực tính chất bảo thủ kiên trì, thái độ duy tâm cùng cực. Ở những năm tháng đầu tiên khi đảng Lao Động vừa được cải danh, Đại Hội Đảng nhóm dưới một gốc đa, trong hang núi vào những năm 1941, 42, thì số từ ngữ mà đám cán bộ hôm nay, năm 1973 dùng như một thứ đá lót đường căn bản cho lý luận, đã là những chữ nghĩa được phổ biến “học tập”; kể từ thuở ấy, ngôn ngữ của thời kỳ “huấn luyện” thì làm sao theo sát và phù hợp với đời sống thực tế hôm nay. Sự kiện này mở ra thêm hai bước lớn với những ý nghĩ sau: Quả tình người Cộng Sản đã không có tiến bộ tối thiểu trong phạm vi ngôn ngữ, văn chương hay rộng rãi hơn, họ không có được tiến bộ trong toàn thể vận động văn hoá. Chúng ta sẽ quá độ khi đánh giá đối phương qua một vài từ ngữ xử dụng, những danh từ quê kệch trống trải vô nghĩa được cố công gò ép vào những ý nghĩa xúc tích để tạo nên tác động tuyên truyền cho đám đông. Nhưng có sự thật phải được chấp nhận: Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn xã hội có một ngôn ngữ riêng biệt, đồng thời ngôn ngữ đó cũng mang tính chất tiến bộ theo nhịp độ của xã hội khai sinh nó. Không thể phủ nhận sự biến hoá kỳ ảo của ngôn ngữ Việt Nam khi so sánh cú pháp, từ, ngữ, văn phong của hôm nay với mười, hai, ba mươi năm trước... Điều này chắc chắn và xác thật như chiều hướng tiến hóa của văn hoá nhân loại, tiến theo chiều cao lẫn chiều rộng, trong đó những khuyết điểm, trở ngại trước sau sẽ dần bị đào thải vì tính chất chậm chạp ứ đọng của nó. Thế nên, thật lố bịch khi dùng những chữ nghĩa đã ối đọng, mất hết giá trị đích thực ở nội dung lẫn sức mạnh phô diễn bề mặt, những từ ngữ “chết” được cấu tạo bởi một nhu cầu chính trị giai đoạn chứ không do khát vọng văn hoá của con người. Như trong năm 1973 mà lập lại những “tình hữu nghị Việt, Trung, Xô, nước anh em Liên Xô vĩ đại, các nước anh em yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới...” Làm gì có được “nước anh em” của thời đại tráo trở và tan vỡ này, làm gì có được hình tượng Liên Xô vĩ đại khi bằng những kẻ hở của Hiệp ước Varsovie Nga đã xua quân vào Ba Lan, Tiệp Khắc và chắc chắn rằng Liên Xô vĩ đại đã hoàn toàn tan biến khi Âu Châu khai hội Helsinki với sự tham dự bắt buộc của Mỹ và Gia Nã Đại, những nước xa Âu

Châu một đại dương mà Nga không phản đối được. Cũng không thể lấp liếm để bảo rằng đó chỉ là những ngôn ngữ tuyên truyền bình dân xuất hiện trên báo Học Tập, trên tạp chí Việt Nam để phổ biến giáo dục tới từng anh em xạ thủ cao xạ, "tên lửa" mang quân hàm binh nhất, hạ sĩ, vì đây cũng là ngôn ngữ của di chúc Hồ Chí Minh, của Võ Đại Tướng, của Đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, của Trung Tướng Trà, Đại Tá Sĩ, ngôn ngữ cơ sở "khung" của cộng sản Việt Nam trên bước đường thực hiện cách mạng vô sản! Sự kiện chữ viết thật ra chỉ phản ảnh khía cạnh của tinh thần, vì không thể có tinh thần tiến bộ nào đang tâm sử dụng một số ngôn ngữ cũ kỹ từ ba mươi, bốn mươi năm trước, không thể dùng xe hơi những năm đầu tiên lập nghiệp của ông Ford để dự cuộc đua hai mươi lăm giờ với những chiếc xe có sức mạnh như một phi cơ phản lực, không thể dùng luận lý của Trương Tửu ở những năm 1930, 40 để giải thích sự đột biến trong lòng những nhân vật tiểu thuyết rã rời của thập niên 1960, 1970. Và giai cấp công nông chắc hẳn không thể phát động đấu tranh được trong xã hội mà nạn nhân chính chỉ là người trí thức bị đe dọa từ vật chất đến tinh thần. Chế độ Sô Viết của năm 73 bị tai tiếng, đe dọa không phải vì thành công vượt bực của Skylab Hoa Kỳ sau năm mươi chín ngày thành công hoàn hảo trong không gian, không phải vì mấy lộ quân Trung Quốc dàn dọc theo sông Issouri, cũng không vì các công trường Tây Bá Lợi Á nổi loạn, nhưng chỉ bị lung lay, ngột ngạt vì lá thư vài trăm chữ của người viết văn Solzhenitsyn. Thế nên, trong thực trạng này, mô thức xã hội tinh truyền với giai cấp công nông vô sản có một vẻ cưỡng ép thô bạo mà lịch sử đã và đang dẫn chứng không thể nào thực hiện được. Nhưng cuối bản chúc thư, Hồ Chí Minh, bộ óc siêu đẳng của cộng sản Việt Nam vẫn hạ bút: Sau khi chết đi, tôi sẽ được gặp các cụ Karl Marx, cụ Lenin... Ông Karl Marx, ông Lenin những khuôn mặt lớn của triết học Đức, lịch sử cục bộ nước Nga, người đã có công giải thích và thay đổi khối cộng sản trong một khoảng thời gian hạn chế, hiện nay đang được xác định lại giá trị chính quê hương của họ. Vậy, ở Việt Nam, nơi cách kinh đô cách mạng vô sản nửa vòng thế giới, sau khoảng thời gian dài hơn nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tin vào lẽ tất thắng của một chủ thuyết rất hạn chế địa bàn thành công cũng như thời gian phát triển, thật sự đã là một lầm lẫn vô cùng nghiêm trọng... Thế nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn không chịu hiểu cùng phần soi sáng của lịch sử...

"Các cô chú khi đi công tác hãy đổ máu cho thật nhiều, biến ruộng vườn thành chiến trường, cày cuốc thành vũ khí, nông dân là

chiến sĩ...” Ông Hồ Chí Minh đã thốt ra lời vàng ngọc chỉ đạo cho đám cán bộ trước khi lên đường như thế. Lời nói không phải là phản ảnh của tâm tính bạo ngược, tôi không tin như thế, vì lòng của một người già đã qua số tuổi sáu mươi không thể nào còn tính hăng để có nhu cầu bạo ngược nhìn máu chảy... Nhưng lời nói đó phản ảnh niềm tin tất thắng của kẻ tin tưởng tuyệt đối vào hành động; lòng tin đã theo đúng đường vận chuyển của lịch sử, không phải chỉ riêng dân tộc mà còn cả nhân loại. Vì Hồ Chủ Tịch đã tin như thế, toàn thể ủy viên của Ủy ban Chấp hành Trung ương đảng Lao Động đã tin như thế, Ủy viên Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng đi theo đà mê mãi nồng nhiệt thắm đỏ này nên đã có hiện tượng giết người tỉnh táo ở Huế trong Tết Mậu Thân, nên từ năm 1964, 65 ủy ban hành chánh xã vùng Lưỡi Câu, Mõ Vẹt đã thành hình với đồng chí chủ tịch xã Nguyễn văn Hằng quê Nam Định được cải tên thành Thạch Mét (1) Õ. Niềm tin sắt đá trên cũng làm sáng tỏ phần sâu xa của Sinh Bắc Tử Namã - thể hiện ý niệm chiến lược quyết thắng với toàn cõi Đông Dương rực đỏ. Người cộng sản đã tin chắc chắn như thế nên họ đã bỏ qua sự kiện những trái bom rơi từ pháo đài bay B29 Mỹ xuống nhà ga Đà Nẵng, bến tàu Hải Phòng sau ngày 6-3-1945, nơi những căn cứ có cắm lá cờ mặt trời đỏ của Nhật. Họ đã quên rằng chiến tranh Việt Nam không còn là chiến tranh chống đế quốc và phong kiến, không thể có một chiến tranh giải phóng thuần túy khi thế lực quốc tế đã chọn Việt Nam làm nơi hòa giải. Trái bom Mỹ năm 1945 đã báo hiệu chiến tranh không còn là cuộc thánh chiến giữa hiệp sĩ giải phóng dân tộc cùng tên khổng lồ thực dân đế quốc; trái bom là điểm nối đầu tiên của hai ý hệ đối cực đang tìm đường gần nhau qua xương máu Việt Nam. Người cộng sản không thể nào chấp nhận và hiểu được hiện trạng, phải hai mươi tám năm sau đại chiến thứ hai, những thế lực quốc tế mới dần thoát khỏi tình trạng chiến tranh lạnh nằm trên sợi dây thăng bằng với cơn nổ dứt điểm từ chiến tranh Việt Nam (2) Õ. Thế giới đã đứng bình yên trên chiếc trục tàn bạo chôn sâu xuống thân thể đau đớn quê hương ta. Người cộng sản Việt Nam không thể hiểu những sự kiện giản dị nầy, cũng như khi họ tổng tấn công vào An Lộc, Quảng Trị, Kontum là mở rộng cửa kho bom B52 đã đầy ứ sau thời gian chờ đợi. Một chiếc B52 bị bắn rơi ở Hà Nội có là bao so với lực lượng khủng khiếp gồm 200 B52, 500 phản lực cơ chiến đấu đồng lực dội bom, đánh phá suốt hai mươi bốn giờ trong ngày 5-12-1972 trên nửa mảnh quê hương điêu linh. Cuộc không tập có giá trị tuyệt đối: Chứng tỏ một lực lượng không quân to lớn có thể xử dụng chớp nhoáng từ ngoài khơi biển

Thái Bình, từ những hòn đảo bất khả xâm phạm Guam, Midway, Wake để đánh phá bất kỳ những mục tiêu nào trên nội địa Châu Á. Xong, người Mỹ an tâm rút khỏi Việt Nam, Thái Lan sau cuộc "tập dượt" với mục tiêu: miền Bắc Việt Nam. Người Mỹ đã hoàn toàn thành công khi chứng tỏ cùng Nga và Tàu khả năng siêu đẳng của mình, đồng thời trình bày đủ quan niệm tự hạn chế. Hai cường quốc cộng sản cũng an tâm, thúc đẩy Bắc Việt ký Hiệp định. Chiến cuộc Đông Dương coi như dứt điểm, Bắc Việt, Khmer Đỏ uy hiếp Nam Vang, Kompongcham, lính sư đoàn 320 Bắc Việt tấn công trại Lệ Minh, công trường 9 bao vây căn cứ Tống Lê Chân vào tháng thứ mười sáu. Tất cả chỉ là xung đột cục bộ địa phương, một địa phương nhỏ bé chìm đắm giữa bao la của ba đỉnh lớn, Tàu, Nga, Mỹ. Người không tin vào điều này nên nhất định đi nốt bước đường "chiến thắng". Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, khuynh khoát Lào, Miên dưới bóng dáng âm u của Đảng Cộng Sản Đông Dương. Người cộng sản như con kiến leo lên miệng chén với ảo tưởng rằng đã thoát xa vực thẳm. Ông Hồ Chí Minh nếu có chút anh hồn thiêng liêng chắc hẳn phải đau đớn khi nhìn thấy Kissinger ngồi trên xe từ Gia Lâm tiến về Hà Nội đi qua dãy nhà ga xụp đổ của trận oanh tạc cuối năm 1972. Tưởng như là ngày hôm qua. Ông Hồ chỉ mới chết vào ngày 3-9-1969.

Bên kia chiếc bàn xanh, hai người cán bộ cộng sản tóc bạc lại thêm một lần nữa lập lại một số lý luận quen thuộc (mà tôi đã thuộc lòng sau ba tháng cùng làm việc): "Chấp hành nghiêm chỉnh Hiệp định ghi nhận của quí vị về vấn đề tù VNCH bị bắt ở Nam Lào, chúng tôi cũng đòi quí vị trả vô điều kiện 200.000 tù chính trị... Dẫn chứng là "cuốn sách trắng" của Hồ Ngọc Nhuận, lời tuyên bố của Đại Tướng Dương Văn Minh, bản kháng thư do các dân biểu Trương Gia Kỳ Sanh, Hồ Hữu Tường, kháng thư của Ủy ban cải thiện chế độ lao tù tại miền Nam Việt Nam... Tôi rút tờ ghi chú của phiên họp ngày 20 tháng 4; có tất cả những chi tiết này đã ghi đủ từ ngày ấy. Đợi chờ sự thay đổi nào trong lòng những cán bộ này vì họ đang nói tiếp: Điều 1 Hiệp Định Ba Lê đã bảo đảm quyền dân tộc tự quyết, nước Việt Nam độc lập, thống nhất như Hiệp định Genève 54 đã qui định... Thế nên làm gì có hiện tượng có nước Bắc Việt xâm lăng Nam Việt..." làm sao có thể xử dụng từ xâm lăng cho người trong một nước với nhau! Luận lý và luận lý, tôi nghe bao nhiêu lần, tôi đã thấy bao điều sơ hở vô lý, nhưng đợi chờ gì ở những người nầy, khi họ vẫn không lay chuyển trước câu trả lời:

" Quí vị hãy trả lời cho chúng tôi: Có hay chăng hiện tượng giải

phóng người một nước ra khỏi cộng đồng dân tộc đó? Có hiện tượng "giải phóng" nào để giải thích trường hợp của 300.000 người đi "giải phóng" trở thành hồi chánh viên, người dân các xã "giải phóng" ở Lộc Ninh, Darkto, Gio Linh, Đông Hà cố vượt qua biên giới sống và chết để thoát ra nơi "giải phóng"...

Nhưng luận lý trả lời đã bất nhẫn đến độ cụ thể như thế, thế nên tôi cũng chẳng có hy vọng thay đổi gì nơi họ. Nơi huấn luyện đã thay thế bản năng, nơi học tập đã thay đổi cho tư duy, nơi chỉ thị đã bao trùm lên mọi lối nhỏ của hệ thần kinh. Đợi chờ gì ở những người hơn ba mươi tuổi đảng này?!! Càng hợp lý hơn khi nhìn lại những sợi tóc bạc trắng, sau ba mươi năm trong tập thể "vô sản cách mạng"; họ đã là ủy viên với quân hàm Trung, Thượng Tá, họ đã là thủ trưởng có quyền hạn của cấp ủy trung ương mặt trận; dứt ra khỏi vùng "đất hứa" này họ sẽ là gì? Họ còn được gì nếu không hiện nguyên hình một cựu giáo viên tiểu học, thứ thầy đồ "raté" bị loại khỏi đời sống đã ầm ầm tiến những bước vượt ngoài ý niệm. Tưởng tượng cảnh Bùi Thiệp trở về làng xưa ở Bình Định với một túi vải kaki mang ở vai, đôi dép râu đế vỏ xe hơi dưới chân, nếu không có quân hàm trên vai với chút uy quyền tội nghiệp, Thiệp sẽ còn là gì trước làng xưa tiêu tán, không gia đình, không vợ con, chỉ có chiếc bóng ngã dài trên đất vàng khô le lói chút nắng cuối ngày. Không có quê hương "vô sản cách mạng" với quân hàm trung tá đó Thiệp còn là gì trước sự thật tàn nhẫn như hư không này? Thiệp không còn gì, quả thật vậy. Chỉ còn những sợi tóc trắng chảy mềm trong kẻ tay.

Tháng 4-1973

Tù binh và hòa bình

Đi Bắc về Nam

Suốt một tháng nay người cứ căng đầy như quả bóng đến độ chót thể tích, như kẻ nội lực quá thâm hậu mà không phương cách tống ra ngoài. Từ vị thế người lính tác chiến chuyên nghiệp sau chặng đời dài bỗng dưng được dự phần vào cuộc đấu lặng lẽ quanh chiếc bàn

trải thảm xanh, rì rầm máy lạnh, tôi bị bao quanh bởi những sự kiện xảy ra ào ào chớp nhoáng. Sự kiện cũng xảy đến chậm rãi, từ tốn, như những phiên họp sau bốn giờ có thể kết luận một câu: Phiên họp sẽ tái tiếp tục để chờ chỉ thị mới... Trận chiến diễn ra trong căn phòng kín cửa, trải dài từ trại giam Phú Quốc qua Lộc Ninh, Minh Thạnh, Hoài Ân, Tam Quan kéo dài đến bờ bắc Thạch Hãn...

Phải viết. Tôi đắm đuối mê man theo nỗi ao ước được ngồi xuống trong lặng lẽ với cây viết để khởi đầu giòng chữ cuốn bút ký "Tù Binh và Hòa Bình". Những chi tiết được xếp đặt dần dần thành hệ thống trên những chuyến bay UH1, lúc ngày mới bắt đầu hay trong lúc chiếc trực thăng bốc khỏi phi đạo Lộc Ninh khi trời vừa tắt nắng. Tiết mục, dàn bài, hình ảnh tài liệu chất cứng bận rộn hoài hoài trong trí não, chỉ đợi chờ được cầm cây viết. Nhưng không thể được, tất cả đang diễn tiến, lý do kỹ thuật của công tác, đồng thời ý thức độc lập và sáng suốt cho người cầm bút không thể có được trong thế hỏa mù sôi động nầy. Tôi chờ đợi ngày thứ sáu mươi, chín mươi hay một ngày nào gần đây.

Nhưng hôm nay phải cầm đến cây viết. Chuyến đi Hà Nội như ánh sáng chói lòa rọi thật rõ vào hệ thống ấn tượng dậy nên từ thơ ấu kéo dài theo đời người. Những ấn tượng về một quê hương xưa cũ, nơi lịch sử đã diễn thật dài theo thăng trầm của dân tộc. Hà Nội, đất thánh của tâm linh xao xuyến, gây nên giòng rung động lãng mạn tuyệt vời cho bao nhiêu người làm văn nghệ. Hà Nội, địa danh Việt Nam mà những người lớn và sống dưới vĩ tuyến 17 nghĩ đến như một chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng.

Thế nhưng tôi đã đến được. Người của miền Nam Việt Nam, lớp tuổi trẻ khôn lớn từ miền Nam đã đến kinh đô cũ miền Bắc. Đến và trở về với tâm trạng não nề băn khoăn thật kỳ lạ. Nỗi xao xuyến không tên, nỗi ray rứt trầm trầm cùng với sự choáng váng dật dờ. Phải ghi lại cảm xúc này... Tôi cầm viết. Viết để tặng quê hương bí nhiệm tan vỡ đó, viết cũng để riêng tặng miền Nam, vùng đất rực rỡ đã nuôi dưỡng tuổi trẻ chúng tôi mà chưa một lần được xưng tụng, miền Nam nơi ân nghĩa chưa được đền đáp và cũng không hề đòi hỏi lời tạ ơn. Tôi cảm thấy có một tội mơ hồ khi máy bay trong chiều tối bỏ mặt biển ép dần vào tay trái. Phía Tây, nơi mặt trời rực rỡ, dải đất đen vùng Long Khánh gập bùng ánh lửa rừng. Đất miền Nam.

Cũng cần nói thêm một điều: Bài viết chỉ là phản ứng cấp thời của tuổi trẻ miền Nam sau chuyến đi, lứa tuổi trẻ có rất nhiều tự do và trung trực, không phải là "công tác" của một thành viên thuộc ban Liên Hợp quân sự kiêm thêm nhiệm vụ "tuyên truyền". Lời phân trần

có vẻ khôi hài đối với dân miền Nam nhưng rất cần thiết đối với người miền Bắc.
Những người đã đọc và "triển khai khẩn trương" tối đa bài viết của Dương Phục và Phạm Huấn với nhiều phê phán khắc khe sai lạc, những người luôn chủ trương "công tác tốt..." cho toàn thể mọi hành vi, lời nói.

Liếc nhìn về phía đất liền, mõm Hải Vân ghi nét đậm trên đường chân trời xám đục. Với tốc độ của máy bay như thế nầy chỉ mười lăm phút nữa tôi vào không phận miền Bắc. Năm 1967, khi dẫn quân lên đến vùng phi quân sự, suốt một đêm dài tôi đã thao thức không ngủ, đợi ngày đến để được nhìn về phương Bắc... Và trong ánh nắng vàng của ngày xưa đó, tôi đã thấy cơn chấn động mãnh liệt khi nhìn bờ cát cong cong chạy từ cửa Tùng lên mãi vào xa xăm, vùng Vĩnh Linh, Đồng Hới. Xúc động của ngày xưa ấy được nâng niu ấp ủ mãi qua một thời gian dài. Đó là tình cảm để kết hợp lại quê hương... Tôi đã viết rất thành thật như thế trong cuốn sách đầu tay. Thế nhưng, hôm nay, trên không phận miền Bắc, qua khung cửa tròn từ phi cơ nhìn giãi cát trắng chạy dài từ Quảng Trị ra Quảng Bình, lòng bình thản thật kỳ lạ. Đã có thay đổi nào trong hồn chăng? Tôi lạ với chính mình. Đang ở trên không phận miền Bắc của quê hương mà sao không có cơn xúc động trong lòng, đang vượt cửa Tùng, đang bay trên Đồng Hới mà sao lòng vẫn tịch nhiên lặng lẽ? Thật lạ, suốt đêm hôm qua đây người vẫn tưởng chừng như vỡ ra vì xúc động được đi Bắc. Giờ này, đất Bắc đây, sao xúc động hôm qua đã biến mất... Tại sao? Suốt tuổi ấu thơ, ngay bây giờ và chắc cũng là mãi mãi cho đến ngày cuối đời, tôi chỉ có một mong ước lớn trong lòng. Đi hết cùng xứ sở, đi tận thước đất chót của quê hương. Đất đai cảnh vật xứ người không gợi trong tôi hứng khởi, không gây niềm cảm khích. Tưởng tượng khi đứng dưới chân tháp Eiffel chắc tôi chỉ có cảm giác vui vui vì trí tò mò được thoả, được biết một cảnh vật, một đồ vật nổi tiếng. Thế thôi, nhưng khi ở trên cao độ hai trăm thước nhìn xuống sông Cái Lớn chảy ra biển ở cửa Rạch Giá. Này đây, tôi không phải chỉ biết chỉ thấy mà tôi sống cùng... Tôi mê đắm, ngất ngất trong cảm xúc cao độ như chiêm nghiệm được vẻ đẹp tối thượng, chứng kiến được một nhiệm mầu... Trên sông Cái Lớn, tôi được sống lại cảnh tượng của tiền nhân khi tay dao, tay gậy, chống con đò mong manh vượt qua sông Tiền, sông Hậu, đến đây nhìn U-Minh trầm trầm, nhìn đại dương mịt mùng và con sông mênh mông đầm đìa sức sống đang lồng lộng chảy vào nội địa... Nơi đất và nước không ranh giới lớp lớp phù sa tràn ra biển, dải rừng đước bạt ngàn với vẻ hoang sơ

tối cổ... Không phải chỉ thấy cửa Rạch Giá, mà tôi sống lại cùng toàn thể lịch sử với nỗi bồn chồn thao thức của tiền nhân trong đêm thức dậy bên bờ sông âm âm con nước dâng triều nở lách tách giữa hai hàng lau sậy. Trên cao độ hai trăm thước qua khung cửa kính trực thăng tôi không chỉ thấy biển trở màu thành vàng nghệ vì phù sa nhưng còn nghe được tiếng trống trận uy hùng của người xưa Nguyễn Huệ đuổi quân Xiêm qua ngọn sóng bạc đầu, ánh cờ đào phần phật lộng gió trên mặt nước lộng phù sa. Thế nên thật lạ với cảm giác bình yên khi qua sông Mã, khi qua Ninh Bình, khi bay trên đất Bắc... Có gì đã thay đổi với hôm qua. Tại sao??

Máy bay lượn trên những đồng ruộng ngập nước, bờ đê, cây liễu và mây mù, cảnh vật đồng quê miền Bắc, mang vẻ lặng lờ kém sinh động khác ruộng đồng miền Nam, thiếu hình ảnh lũy tre, thực vật căn bản của dân tộc. Bình thản vẫn bằng bặt trong lòng. Lạ thật... Máy bay xuống dần.

Tôi xòe tay hứng những hạt mưa nhỏ, mưa phùn mùa Xuân miền Bắc là đây, hạt mưa quá nhỏ phải một khoảng lâu mới đủ thấm ướt bàn tay. Một đám đông đứng đợi ở phi trường với áo mưa màu ô liu hoặc nâu lặng lẽ nhìn chúng tôi tiến đến. Tôi bước tiếp theo Trung Tá Tuấn Anh, viên sĩ quan Bắc Việt có nhiệm vụ hướng dẫn phái đoàn Liên Hợp. Thoáng lo âu nghĩ rằng nhỡ đám đông kia ào tới đánh hội đồng để trả đũa vụ lính Bắc Việt bị dân chúng đả thương ở Huế thì sao? Yếu tố cụ thể cho ý nghĩ này là những viên sĩ quan Bắc Việt bị thương cùng đi chung chuyến bay vừa được đưa vào phi cảng. Kệ nó, bao nhiêu năm lính chết chưa ngán huống gì đám người kia, đã vào Lộc Ninh, Minh Thạnh cũng chỉ có mỗi mình, hơn nữa người cộng sản đâu có nổi hứng bất tử, cái gì cũng có học tập, kiểm thảo, đả thông, đây lại là giai đoạn hòa hợp, hòa giải... Sức mấy nổi hứng đánh ẩu được...

Kiểm soát lại tất cả phản ứng và cảm xúc, thấy một điều. Tôi thản nhiên đến độ lạ lùng. Vì chỉ vài năm xa cách Huế, khi trở lại nhìn từ độ cao, đầm Cầu Hai bủa sóng, lòng đã dậy nôn nao, huống hồ khi trong ánh nắng chiều bay dọc phá Tam Giang, trên làn hơi khói sóng, trên những con sông xanh thẩm lững lờ lá tre già vùng Dưỡng Nong, Niêm Phò. Lòng lúc ấy là cơn phong ba yên lặng vì nhìn thấy quê hương điêu linh lặng lẽ đến uy nghi. Cũng cảm giác náo động đó khi từ đồn điền Xa Cam nhìn vào An Lộc đang nằm trong hơi khói pháo binh. Thế tại sao Hà Nội đằng kia, Hà Nội ở đây, rõ rệt như mưa làm mát mặt, đọng trên mi, phủ trên áo, Hà Nội mùa xuân mưa bụi là đây sao lòng cứ vẫn lặng lờ... Lạ lùng không giải thích. Không lạ lùng sao

được, bởi tối hôm qua, ngay hôm kia những ngày được biết chuyến đi chắc chắn được thực hiện không thể bị phục kích tại phút chót như hai chuyến đi ngày 12, 18-2, tôi đã nôn nao quay quắt, đã đứng ngồi không yên, đã hụt hơi nín thở, khi nghĩ đến giờ qua, phút tới để được sát thêm, gần thêm Hà Nội, chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng...

Chùa Trấn Quốc ở đây nhá... Trấn Quốc chùa xưa(?) đã dãi dầu. Chạnh lòng cố quốc... đấy mà. Anh chàng Đằng Giao vừa vẽ bản đồ vừa ghi rõ từng vị trí đặc biệt của Hà Nội. Đây là phủ Toàn Quyền, đây chợ Hôm... Chỗ ngả tư nầy là khách sạn Hoà Bình mà thằng Phục nói, đằng sau kia có vườn hoa con Cóc... Nhớ nhé, nhớ liếc cái số nhà 102 hộ tao, nhà nầy tôi ở cho đến ngày di cư, tôi còn bà dì ở đó, ông liếc vào xem coi có người nào không, chắc chắn gì ông cũng được đi qua đường đó, bà dì tôi và mẹ tôi giống nhau như hệt, nếu thấy được, ông biết ngay là dì tôi liền!!! Tôi lẩm bẩm từng đống địa chỉ, 102, 115, ở phố X.35, 19 ở phố Y, gần chục địa chỉ với những cảm xúc nồng nhiệt đã được trao cho tôi bằng lời dặn dò như kèm theo tiếng khóc bị nén.

Tôi đã sống hai ngày trong lửa cháy trước khi bước chân đến Hà Nội. Thế nhưng sao hôm nay, ngày biến cố, ngày mong đợi, ngày được sờ trên tay hơi ẩm ướt của cái mát phơn phớt giọt mưa bụi đầu xuân Hà Nội, kinh đô văn hoá dân tộc, trung tâm điểm của lối sống phong cách hào hoa không làm tôi xúc động. Nỗi nôn nao của ngày hôm qua, đêm vừa rồi đã biến mất, biến hẳn, nhường lại cho tâm tư lặng lẽ cứng cỏi. Ngồi xuống chiếc ghế, nâng ly bia không đá, nhớ lại tất cả những lời của Phạm Huấn và Dương Phục, tôi sửa soạn lâm chiến với bước đầu chiến dịch nụ cườis. Những suy tính phảng phất nét tàn nhẫn hiện rõ trong lòng. Tôi chợt hiểu... Thái độ lặng lẽ bình thản có suy tính nầy chỉ là một cách thủ thế, phương pháp tự bảo vệ. Hơn tháng qua tôi đã qua bao nhiêu lần bị tấn công, tấn công có kèm nụ cười, tấn công chớp nhoáng sau cái bắt tay nồng nhiệt, tấn công bất thình lình trong những câu chuyện trên trời dưới biển đột nhiên tát vào mặt như bị ném một nắm kim tẩm thuốc độc.

Anh người ở đâu? Bố mẹ còn không? Một anh chàng dáng dấp nhã nhặn thân mật hỏi tôi

Vâng tôi người Quảng Bình!!

Ấy, quê hương anh anh hùng lắm đấy nhé, có ông Võ Nguyên Giáp nầy... nhưng nát bét cả rồi, bảy tấn B52 đấy. Nát bét...

Chưởng đầu tiên tôi hứng phải được đánh ra một cách lẹ làng như thế. May quá, nói láo là "nghề của chàng" nên tôi phản ứng kịp: Thật ra tôi người Huế, ở Bãi Dâu nơi mà các anh chôn người hôm

Tết Mậu Thân!!! Lần nầy cũng tương tự như khi vừa cầm ly bia ở bờ bắc sông Thạch Hãn, khi vừa mới hớp ngụm cà phê ở Minh Thạnh, Chơn Thành... Một tháng qua bao nhiêu giờ trong phòng họp, trên máy bay, nơi địa điểm trao trả đã dạy cho tôi một điều: Không thể hớ một chữ, thua một câu, nhường một việc với người cộng sản... Vì tất cả đều có mạch lạc, liên kết chặt chẽ với nhau vào trong một hệ thống.

Toán phục dịch tiếp đón, toán phóng viên nhiếp ảnh đã được phân công, phối hợp và bố trí các câu hỏi, phương thức chụp hình đến độ hoàn hảo, mỗi người có mỗi công việc, có mỗi mục tiêu, một số câu hỏi, một số câu trả lời đã được học thuộc lòng. Tôi không nói quá lời, vì như khi ở Thạch Hãn, Quảng Trị vừa cười cười nói nói với nhau, sau hớp bia thứ nhất, viên thiếu tá chính trị, viên trung đoàn 102 đã "công tác" ngay. Hôm nay chúng ta được ngồi uống bia Trúc Bạch với nhau là do Hiệp Định Ba Lê trong tinh thần hoà giải dân tộc và vì thế chúng ta là người Việt Nam được quyền đi bất cứ chỗ nào!! Ý anh chàng này muốn nói đến điều 1 Hiệp Định (theo quan điểm cộng sản) là nước Việt Nam thống nhất, bất khả phân, nghĩa là Bắc Việt có quyền điều động quân, vật dụng chiến tranh vào giúp nhân dân miền Nam, mà nhân dân miền Nam có đại diện chính thức, duy nhất là Mặt Trận Giải Phóng!! Ở Thạch Hãn đã "khẩn trương công tác" như thế huống gì ở đây, Hà Nội cái "ổ" của thủ đoạn, nơi không có tình thương, chỉ có "công tác". Lòng bình thản chỉ là một cách giữ thân.

Xin lỗi đất Bắc, xin lỗi Hà Nội, tôi đã đến cùng với tâm tư quá tỉnh táo pha chút khắc nghiệt, nhưng biết làm sao khi "đề cao cảnh giác" quả tình phải là một tính chất cốt yếu khi đến cùng người cộng sản.

Mưa bụi bám vào lớp áo nhung của người đàn bà làm mướt lớp tuyết bên ngoài, trông đẹp vô tả. Ông Hoàng Hải Thủy đã "tán" mưa Hà Nội như thế. Sáng hôm nay ở phi trường Gia Lâm không có đàn bà, thiếu nữ mặc áo nhung, chỉ có những người con gái mặc áo cộc, quần đen, mang dép nhựa hướng dẫn đám phóng viên Đông Âu chạy hối hả trên phi đạo.

Xe qua cầu Long Biên, chiếc cầu bằng sắt, lót gỗ, đường rầy xe hỏa ở giữa, hai bên lối đi bộ nhỏ khoảng một thước rộng. Khung cầu màu đen nặng nề han rỉ, được gắn đầy cờ đỏ của ngày khánh thành sau khi vừa sửa chữa hoàn tất. Cờ được gắn san sát suốt trên hai cây số chiều dài với khẩu hiệu có những ngữ từ ngúc ngắc nghe lạ lạ như đội làm cầu... công tác tốt Chiếc xe chạy rì rì phát ra chấn động làm lùng bùng lỗ tai. Tôi váng vất khó chịu, nhìn xuống lòng sông cạn

đáy mênh mông dằn vặt trong sương mù... Tôi đang đi qua cầu Long Biên, đang đi trên sông Hồng, địa danh muôn thuở huyền hoặc là đây nhưng sao lòng vẫn nặng trì trợm, vắng mặt hẫn những cảm xúc ngây ngất như khi xuống đèo Cả, nhìn lên đỉnh Vọng Phu, tượng đá hiển hiện trên bầu trời làm rợn trên da những gai nhỏ. Con sông lịch sử ở dưới chân thấp thoáng mù sương lẫn khuất cuối chân trời qua cửa kính lấm chấm mưa đối với tôi như là cảnh chết của một giòng nước lặng lờ thụ động. Ấn tượng con sông hùng vĩ đỏ ngầu cuộn dưới chân đê từng đợt sóng bạc và gió thổi mạnh trên làn nước mông mênh gây nên bởi không khí tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng hoàn toàn khác xa với thực tế và cảm giác bây giờ. Giòng sông cạn đáy trơ lớp đất xám đỏ, mặt nước yên lặng không khác Trà Khúc của miền Nam, nhưng kém hẳn cường lực của giòng Cửu Long khi chạy qua Rạch Miểu, Mỹ Thuận, bốc lên thứ khói sương mờ mờ rung rinh qua ánh nắng. Thật ra cũng không phải vậy, ấn tượng rực rỡ về sông Hồng bị công phá không vì lưu lượng nước thấp, nhưng vì khối không khí thụ động bao trùm giòng sông và vẻ nặng nề đe dọa của rừng cờ đỏ máu, hai đối tính gây nên đổ vỡ bất cân xứng. Nhiều cờ quá, nhiều khẩu hiệu quá nên thiên nhiên vốn thụ động càng bị xóa tan, lấn át. Con sông lịch sử uy nghi trong ấn tượng sáng nay bị lấp dưới rừng cờ cùng khẩu hiệu tăng năng xuất lao động.

Xe chạy chậm, quá chậm, tai bị ù hẳn, không khí trong lòng xe khô rốc, người tài xế ấn còi liên tiếp. Trước đầu xe, hai ba người dân đang đẩy chiếc xe hai bánh lỏng chỏng vật dụng loay quay tìm lối tránh, bên cạnh chiếc xe nầy người lính chở đứa bé gái trên chiếc xe đạp đang lúng túng dừng lại vì bị ép giữa hai khối lớn. Người lính dừng lại, bế đứa gái lên bờ lề của người đi bộ, xong hối hả nâng chiếc xe lên theo. Sau khi đứng yên được ở vị thế chắc chắn, người lính và đứa bé nhìn lên chiếc xe chở chúng tôi. Đó là một người đàn ông đã quá bốn mươi tuổi, khuôn mặt gầy, lưỡng quyền cùng đôi mắt nổi lên quá độ, khuôn mặt đặc biệt của dân quê miền Bắc với răng cửa hơi hô ra, má hóp, đôi mắt võ vàng chịu đựng. Người đàn ông dù với bộ đồ ka-ki và cái nón cối có vẻ trái ngược với hình ảnh điển hình của người chiến sĩ nhân dân, thành phần tiền phong xây dựng chủ nghĩa xã hội thể hiện qua dãy biểu ngữ mang danh từ sắt đá. Vẫn biết người cộng sản đã hình thành được một quân đội nhân dân trong tập hợp xã hội, người lính chỉ là một cán bộ như cán bộ nhà máy điện, cán bộ hợp tác xã rau, cán bộ làm cầu... Người lính chỉ được phân biệt qua đồng phục. Nhưng với ý niệm của một người miền Nam, tôi nghĩ, người lính miền Bắc dù đã đồng hóa vào cùng xã

hội nhưng họ vẫn là biểu tượng cụ thể chính yếu cho chế độ, rõ ràng hơn là chế độ đang nuôi dưỡng và dành các quyền ưu đãi vật chất to lớn cho họ, thành phần trực tiếp gánh vác chiến tranh, họ phải là biểu tượng lớn cho ngưỡng mộ của toàn dân. Nên ở đây, những tiếng còi thúc dục của người tài xế, đôi mắt võ vàng chịu đựng trên khuôn mặt lo âu thống khổ của người lính giữa một vùng sương mù bốc lên từ khói sông lẫn cùng làn mưa bụi gây trong tôi một xúc cảm ngậm ngùi... Nhớ đến những người lính địa phương quân ở Long An buổi chiều sau cuộc hành quân tuần tiểu, ngồi câu cá ở chân cầu với vẻ bình yên khoáng đạt; hình ảnh người lính nhân dân của miền Nam tuy chưa được hình tượng hóa, nhưng người lính địa phương quân đó đã thành hình và vững mạnh dần cùng với miền Nam bằng tất cả sung mãn tinh thần và vật chất.

Tôi đi qua sông Hồng trong bầu trời mưa giăng bụi nhưng lòng trống vắng cảm xúc ngây ngất, chỉ thấy tràn đầy phẫn nộ im lặng. Đứa bé con người lính đội một chiếc nón cối bằng lá gồi, loại nón của những năm 1950, trong vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú... Hôm nay ngày đầu xuân, trời còn lạnh nhưng người dân không ai mặc áo ấm, dù là đứa trẻ. Tưởng tượng cảnh đoàn người lầm lũi đi trên chiếc cầu nầy trong mùa đông khi mưa lớn nước dâng cao và gió bão... Với cảm giác bị canh chừng từ khi xuống phi trường lại vây cứng thêm không khí u uất trên cầu Long Biên gây nên bởi rừng cờ rực đỏ, tôi đi vào Hà Nội, trái tim văn hóa Việt Nam, quê hương lãng mạng và mơ mộng với cảm xúc mới thành hình. Sự não nề tăng dần cường độ. Não nề, tôi tựa vào tỉnh từ nầy để gọi tên trạng thái tinh thần, mà ảnh hưởng còn đến hôm nay khi cầm cây bút, năm ngày sau khi rời Hà Nội, lúc liếc nhìn lại tấm ảnh, lúc bưng bát cơm. Tâm tư không yên ổn của buổi sáng mai kia còn nguyên hiển hiện.

Não nề, không thể còn một tỉnh từ nào gọi nên đủ cường độ và tính chất hơn thế nữa. Xe đi hết cầu Long Biên đổ xuống một con dốc, leo lên một con dốc khác, ga hàng Đậu hay hàng Cỏ, tôi cũng chẳng cần để ý. Tờ bản đồ của Đằng Giao trong túi, chỉ cần kéo ra là đủ theo dõi, nhưng tôi mệt, mệt thật sự. Những rộn rã nao nức tối hôm qua, ngày hôm kia, tháng trước mất hẳn, nhường chỗ cho cảm giác mệt. Mệt và muốn trở về Nam. Phải, tôi muốn trở về Nam ngay ở nơi ngã ba có mũi tên chỉ hai hướng Hà Nội - Hà Bắc (chắc là Hà Đông, Bắc Ninh) cách trung tâm Hà Nội bốn cây số. Cách trung tâm Hà Nội bốn cây số, người đàn bà trong lúc mưa nặng hạt chỉ phong phanh một mảnh vải nhựa che thân, chân trần dẫn xe đạp đi lên con đường dốc ngược. Trên nóc nhà ga treo một khẩu hiệu lớn “Đời đời

nhớ ơn Hồ Chủ Tịch”... Nhớ ơn Hồ Chủ Tịch; Kissinger cùng Lê Đức Thọ có đi ngang qua chốn này trong cuộc viếng thăm tháng trước chăng? Ông Hồ Chí Minh đã được nhớ ơn vì người Mỹ chỉ “giới hạn” đánh bom từ Gia Lâm đến Long Biên, được nhớ ơn vì người đàn bà miền Bắc được đi xe đạp “trang bị” thêm mảnh ni-lông che mưa gió sau hai mươi năm chiến thắng Điện Biên xây dựng Xã hội chủ nghĩa. Người đàn bà trên đường vào Hà Nội, cách thủ đô bốn cây số đường trải nhựa từ thời thuộc địa. Chiếc xe Prefect hướng dẫn đoàn xe chúng tôi bị hỏng, sẵn dịp tôi chụp bức hình “quán nước” Hà Nội gồm một chiếc bàn gỗ tạp, cao khoảng ba tấc chung quanh có những chiếc đòn nhỏ sát mặt đất, trên bàn vài gói giấy trắng chắc hẳn là thuốc lào hay thuốc lá lẻ, ấm nước lớn để giữa bàn. Bên cạnh “quán nước” là tiệm hớt tóc, dưới mái hiên dột nát một thiếu nữ đang hớt tóc cho em nhỏ. Tôi tưởng chừng như cảnh không thật, bây giờ là năm 1973, năm người Mỹ chấm dứt chương trình Apollo, các bà Gandhi, Golda Meir cầm quyền quốc gia không thua kém một đồng nghiệp phái nam trên toàn thế giới, rõ rệt hơn “ngoại trưởng” Nguyễn Thị Bình ở Paris mỗi ngày mỗi gây chú ý bởi tác phong cách mạng vô sản rất “văn minh” không loạt choạc với trào lưu của kinh đô ánh sáng. Nhưng ở tại cây số bốn trên đường đến Hà Nội, người thiếu nữ của miền Bắc, biểu tượng của ba đảm đang, ba sẵn sàng, có dáng dấp, y phục của những nữ cán bộ vùng Bình Định, Quảng Ngãi ở giai đoạn trước 1954... Dáng dấp thanh lịch đài các của thiếu nữ Hà Nội bị mất hẳn, bị xóa sạch để cầm chiếc tông-đơ đè xuống đầu em nhỏ ngồi trên chiếc ghế gỗ cũ, cũ bằng hoặc hơn thời gian chủ nghĩa xã hội thành hình ở miền Bắc. Phải chăng đây là đường hướng tiến bộ từ tâm thức Hồ Chủ Tịch và ông đã được nhớ ơn bởi thành quả đó?

Xe tiếp tục chạy qua cửa Bắc nơi Hoàng Diệu tự vận để giữ tròn tiết tháo, một tấm bảng đặt dưới chân cổng thành ghi hàng chữ “ Nơi đây dấu vết quả đạn đại bác của quân Pháp ”... Tôi đọc không kịp nên cũng không biết có đúng nội dung trên không, nhưng đại ý là như vậy. Hàng chữ nhắc người Việt Nam luôn nhớ đến mối thù với người Pháp để luôn giữ độc lập tinh thần. Hội nghị Ba Lê mà người cộng sản coi là một thắng lợi lịch sử đang tiếp tục những phiên họp ủy ban bàn việc viện trợ cho miền Bắc và âm hưởng Trung Hoa hình như bao trùm lên tất cả tiết tấu những bài hát tôi đã nghe ở bờ Thạch Hãn tuần rồi chập chờn vang dội đâu đây. Đã tan vỡ rồi Hà Nội... Tôi nghe như tiếng nói chính mình vì viên sĩ quan đi cùng, Đại Úy Tuyển cứ lẩm bẩm: Chẳng có gì thay đổi... Y hệt như hôm qua, tất cả như

tranh cũ, như ý niệm. Cũng những ngôi nhà khang trang của phố cửa Bắc, hàng cây xanh, lề đường im bóng mát và sương mờ giăng cuối phố trong tàng cây. Buổi sáng mùa xuân có đủ tất cả yên tĩnh thơ mộng và Hà Nội không mất một gốc cây, không vỡ một viên gạch lề đường; nơi mà Thanh Tâm Tuyền đã di chân qua trước giờ rời Hà Nội hai mươi năm trước chắc giờ nầy vẫn còn nguyên, nhưng sao thành phố lại gây thê thảm não nề đến thế này. Thành phố đông người sao thấy quá vắng, phải chăng vì người mặt đồng phục nhiều quá, màu xanh ô-liu lấn át hẳn màu trắng xám và xanh nhạt. Màu ô-liu, màu của lính, của tập thể, màu của biểu tình, hội họp, màu của đồng nhất im lặng và kỹ luật lạnh lẽo. Tan vỡ rồi, Hà Nội... Trên lề đường không vang dội tiếng guốc vì đế dép plastic lướt đi vội vã, xe điện qua không nghe hồi còi leng keng rộn rã như trong văn chương của Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Đình Toàn... Phải chăng xe chạy đúng giờ, người dân quá kỹ luật nên tiếng xe reo vui, đặc thù của Hà Hội không còn cần thiết? Hay chuông reo cũng giảm mất một phần năng xuất điện? Tôi đi giữa lòng Hà Nội mưa bay không thấy phố phường, không thấy người, chỉ thấy thê thiết não nề dồn lên hơi thở. Trần Dần năm xưa thất vọng vì màu cờ đỏ quá mạnh lấn át hẳn cảnh sắc Hà Nội, tôi hôm nay đi trong lòng Hà Nội với đe dọa trùng điệp, cảnh giác thường xuyên và trong không khí đồng nhất quái dị... Hà Nội thiêng liêng bí nhiệm vẫn còn nguyên hè xưa phố cũ nhưng đã tan vỡ đến đáy sững sờ... Phải chăng đây là Hà Nội? Câu hỏi vang vọng tột độ đớn đau...

Hỏa lò, tòa nhà xám xây bằng đá, phòng họp nước trà đặc và thuốc lá khô... Giọng viên đại úy chỉ huy trưởng trại vang vang hách dịch, giọng Quảng Nam chắc nịch gằn từng tiếng một. Viên thiếu úy thông dịch cao lớn, đôi mắt dữ dội cay nghiệt, không khí trại giam đầy đủ và toàn hảo. Lại thêm màn bỏ quên chìa khoá để rút ngắn thời gian tiếp xúc tù binh. Tất cả màn kịch quen thuộc có đủ hết những gút thắt và mở. Tôi đi qua sân bóng chuyền, chiếc lưới quá mới, phải chăng vì mới giăng nên chưa kịp ẩm ướt mặc dù mưa bụi suốt ngày. Những cửa sổ trên cao thấp thoáng tù binh Mỹ, những khuôn mặt gầy, ánh mắt xao xuyến. Rất thành thực, tôi đưa tay ngoắc và nói lớn với cảm xúc được nén xuống “Cảm ơn, và chào các anh”... Có những ánh mắt rưng rưng nhìn lại. Tù binh, sinh vật tội nghiệp nhất của chiến tranh, món quà thê thảm của hoà bình. Hello Friends!! Tôi chào họ lần nữa. Máy ảnh hết phim, chẳng cần thay. Trung tâm Hỏa Lò, một đề tài hấp dẫn để làm phóng sự. Tôi không phải một phóng viên đúng nghĩa. Buồn thật.

Đã qua một đoạn viết về Hà Nội, trong lòng có hai phản ứng trái ngược. Tôi có nhìn Hà Nội với nhãn quan độc lập, trung trực hay chỉ vì thiên kiến do ý thức "quốc gia" cụ thể qua tấm áo lính nên đã "bóp méo" Hà Nội để gây nên tác dụng "tuyên truyền"? Thật sự đến lúc nầy, ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội, cảm giác não nề, lãng đãng vẫn còn đầy ứ... Tôi vẫn bị lao đao với câu hỏi sững sờ: Hà Nội là thế sao? Vùng đất thánh văn hoá, nơi chỉ cách Sài Gòn ba giờ bay có thể nằm ngoài hẳn mọi ý niệm, lạ lùng đến thế được sao? Cố gắng phân tích, cố gắng bình thản viết lại sau đây những hình ảnh để cụ thể hóa cơn náo loạn tinh thần đó, tôi muốn được viết trung thực về vỡ nát ấn tượng Hà Nội... Bữa ăn ở khách sạn Hoà Bình tức là khách sạn Splendide cũ, nơi có cái cửa kính xoay, biểu tượng văn minh xa xưa cũ của Hà Nội. Hai mươi năm đi qua chiếc cửa vẫn còn đó, lớp kiếng mờ, thớ gỗ lạnh, Hà Nội không một vết nhỏ thay đổi những nơi tôi đi qua. Khách sạn kiến trúc theo lối Pháp, tường dày, nhiều cửa kính theo kiểu Majestic Sài Gòn nhưng bé hơn chỉ bằng khoảng một phần sáu, tường vàng lạnh trống trải hình như vừa quét lại, phòng ăn nơi cửa ra vào được che bởi một tấm màn vải phin màu xanh nhạt, tấm màn cửa mới cứng đơ nếp hồ. Hai két bia Trúc Bạch để ở góc phòng, thực đơn gồm những món ăn thông dụng của người Bắc, giò lụa, chả quế, thịt bò tái và cơm tám thơm. Thức ăn thường nhưng đậm đà và ngon, vị ngọt của miếng thịt bò, lát chả gây xúc cảm... Con gà ngoài Bắc ta... Hoài niệm 12 tháng của nhà văn Vũ Bằng bây giờ mới được hiểu hết cường độ xót xa. Thổ ngơi, tình tự gợi nên từ bờ tre, đáy giếng, tiếng gà eo óc dưới những cây soan gầy guộc mờ nhạt trong mù sương của miền Bắc hình như vẫn được tồn tại qua miếng chả quế tuy không tinh xảo bằng lát chả Sài Gòn nhưng thoang thoảng hương thơm thuần nhất của thớ thịt, thảo mộc quý cách. Chủ nghĩa xã hội đã "vô tính hóa" người và cảnh Hà Nội, nhưng vẫn không có hiệu lực đối với cảm tính muôn đời của dân tộc. Bàn tay nào đã rãi những hạt cơm thừa nuôi loài gia súc, giả mạnh cái chầy để tạo nên thức ăn ý hẳn vẫn còn nguyên tính chất tư hữu tài hoa của chốn quê hương tan vỡ này. Ý nghĩ lãng đãng, bức tường nhà ăn lạnh cóng, những người phục dịch lúng túng vội vã, nâng niu từng dĩa thức ăn gây nên cảm xúc lạ. Tôi đã ăn những thức ăn quý giá, kết quả sau bao nỗ lực cần mẫn của người dân miền Bắc. Miếng ăn ngon như nghẹn ở cổ khó khăn vô cùng để gắp thêm một lần thứ hai.

Bữa ăn xong, tôi mời người thiếu nữ tiếp đãi chụp chung tấm hình. Hai anh sĩ quan Bắc Việt không bỏ cơ hội đứng vào luôn. Có

đám đông đứng ở bên đường nhìn vào. Không lẽ chính trị viên Bắc Biệt lại bỏ mất cơ hội "tiếp thu tinh thần hòa giải" cụ thể như thế nầy sao? Lúc nào cũng "công tác tốt" được. Sống thật phiền!!

Lại lên xe, di chuyển từ khách sạn ra phố chính (Tràng Tiền, phố Huế, Hàng Ngang, hàng Gai, hàng Đào) xe chạy thật nhanh giữa thành phố đông người với tiếng còi dồn dập, thúc bách... Máy hình chụp liên tiếp, xe điện, ngã tư đường xuôi xuống nhà Hát lớn, nhà Bách Hóa, rạp chớp bóng, tiệm may. Mặc cho xe chạy đảo điên xô đẩy, tôi mê man theo từng mỗi thước đất đi qua. Đang ở giữa trái tim Hà Nội... Những bức hình lịch sử, sự thật sẽ được lưu giữ trong giây phút nầy. Anh tài xế cố gắng chạy nhanh để ngăn cản cũng vô hiệu đối với tôi, máy Topcon với ống viễn kính sẽ không phản bội sự thật, xe đi hết đường Trường Thi ép về tay phải, thảm nước xanh lặng lẽ trong trời mù. Hồ Gươm. Rung động dọc sống lưng, những gai nhỏ li ti châm chích trên da thịt. Tôi thấy được những rêu phong trên tháp Rùa, bãi cỏ non, làn nước xanh mờ mờ khói nhạt... Đền Ngọc Sơn khuất sau tàng cây, hàng chữ nho sắc nét, cầu Thê Húc cong cong chập chờn, hình tượng sống động của lịch sử quê hương là đây. Hôm nay tôi hít được mùi nước gây mát của chiếc hồ muôn thuở, hôm nay tôi thấy được nét chữ in sâu đỏ chói não nùng của câu đối trước đền Xã Tắc. Có một gò đất nhỏ ở cổng đền. Phải chăng là núi Nùng? Chắc không phải, núi Nùng cao hơn ở một nơi nào đó. Nhưng cảm giác phơi phới rạo rực sau khi bừng sáng bỗng tắt ngấm lạnh tanh... Tại sao? Tôi thấy lạnh kỳ dị lạ lùng, chóng mặt và ngỡ ngàng. Hồ vắng quá. Đền lạnh quá... Kỳ dị thật, từ cái nhà ba tầng to lớn kia (Tòa Thị Chính cũ) nơi có treo những khẩu hiệu vĩ đại đến chỗ tôi đang đi qua đầy ứ người đi bộ, người lũ lượt hàng hàng lớp lớp, xuôi ngược chen chúc, nhưng sao không nghe tiếng động. Tiếng động thường hằng của thành phố mà chúng ta sống cùng nhưng không cảm thấy, chỉ khi nào mất đi như những hôm cấm đường, đình công, bãi thị, giới nghiêm mới nhận ra. Quái dị, ở đây ban ngày, người đầy ứ mà sao thành phố lặng lẽ một cách kỳ dị; sự lặng lẽ của đám đông trong buổi biểu tình sau khi dứt tiếng hoan hô đả đảo... Chung quanh Hồ Gươm có nỗi im lặng ghê rợn lạ lùng nầy. Người đông nhưng màu áo nhà binh tràn ngập nặng nề che khuất hết vẻ rộn rã. Đông nhưng không nghe tiếng rì rầm sống động của con người di chuyển và đang sống. Quanh Hồ Gươm có đám đông thiếu sức sống của người. Tôi run tay, khó thở, xe lại bít bùng váng vất, gió lùa từ cửa sổ vào thành một luồng gờn gợn, trong đầu lại vang vang câu thơ Trần Dần. Tôi bước đi không thấy phố thấy phường. Hôm nay quanh Hồ

Gươm, câu thơ lại mang thêm cường độ công phạt tàn bạo. Tôi nghĩ đến lời thơ được sửa đổi: Tôi bước đi không thấy phố, thấy người... Phải, tôi không được thấy người giữa lòng Hà Nội quanh Hồ Gươm...

Xin ngã mũ chào người cộng sản miền Bắc, các anh đã hơn Nga Sô đã hơn Trung Cộng, một thành phố có sức sống cổ kính dài lâu, mãnh liệt như Hà Nội chỉ sau mười chín năm trở nên thành phố "vô tính". Các anh đã thành công khi xóa sạch hết biên giới con người, không còn người già người trẻ, không phân biệt thiếu nữ hay thanh niên, không chia loại trí thức và lao động, không cách xa giữa thiếu nhi và người lớn. Tất cả đều được đoàn ngũ hoá, hệ thống hóa, tổng hợp và vô tính hóa... Con người muôn thuở của Hà Nội đã được "bạch hóa" đến cực độ chỉ sau mười chín năm tôi luyện... Ông Karl Marx, Lenin có bao giờ nghĩ đến một hiện thực cộng sản "đỏ" đến thế nầy ở một nước Á Châu không? Và kinh khiếp hơn, Hà Nội vẫn còn nguyên yếu tố thiên nhiên, kiến trúc; còn nguyên đủ hè đường lát gạch, hàng cột điện với ngọn đèn ngày trước, cây sấu xanh, lá bàng dầy, chuyến tàu điện xưa cũ đi về, mặt nước hồ lặng lẽ gợn rung rinh Tháp Rùa rêu phủ... Tất cả còn nguyên, đủ nhưng tại sao Hà Nội lạnh đến kinh khiếp ngỡ ngàng. Thành phố, không khí và con người đã được "bạch hóa" đến độ nầy sao? Câu hỏi biến thành niềm xao xuyến mông mênh kéo dài đến hôm nay. Ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội.

Dự khán buổi trao trả tù binh Mỹ, hai anh Thái Lan ngơ ngác giữa một chốn hận thù hỗn độn... Nghĩ đến những nhân vật của Gheorghiu, thấy ánh mắt bừng sáng vui sướng và hy vọng, bước chân đi lại theo động tác cơ bản thao diễn lúng túng, bàn tay run run đặt cái chào đúng thế của những người tù vừa được trở lại vị thế người lính... Cảm xúc đầy ứ làm nóng mắt. Bỏ qua những dự tính chiến lược và chính trị, người lính trong chiến tranh, bất kể quốc tịch và cấp bậc vẫn là kẻ gánh hết thống khổ điêu linh. Người tù, kẻ ở đáy cuối cuộc đời gió bão. Đi theo một toán tù binh Mỹ đến sát đuôi chiếc C141, người nữ y tá hôn nồng nàn mỗi người trở về... Thấy thương người, thương đời, trạnh nhớ tù binh ta, tù binh cộng sản... Có những xa cách và khác biệt nào? Cảnh phất cờ khởi loạn ở bờ sông Thạch Hãn của tù binh cộng sản lại ám ảnh trong lòng. Thù hận vì ý thức hệ có thể là một tính chất căn bản được chăng?

Cũng chẳng muốn đấu trí, đấu khẩu, nhưng những phóng viên trẻ tuổi Đông Âu cứ bao quanh rốt cuộc phải đi đường nói láo.

- Tôi và người này (Tôi chỉ vào anh chàng có nhiệm vụ theo tôi, một phóng viên Bắc Việt) là bạn học cũ!!!

- Thật không?
- Thật...
- Đại úy cho biết ý kiến về B52?
- Anh bao nhiêu tuổi?
- Hai mươi lăm.
- Hai mươi lăm quá trẻ, anh phải đợi vài năm nữa mới hiểu được Việt Nam. Anh chưa có khả năng phân biệt tiếng nói của tôi (người Trung) và anh này (phóng viên cộng sản người Bắc) làm sao anh hiểu được diễn tiến chính trị Việt Nam. Không phải lỗi anh, chỉ vì anh quá trẻ so với chiến tranh này. Chỉ nói thế cũng thấy mệt, thấy thừa. Đi lòng vòng ở sân bay chụp hình loạn xạ cốt đợi giờ về.

Buổi trao trả xong, anh phóng viên áo trắng, (cũng chẳng cần hỏi tên) người bám sát tôi từ sáng, kéo riêng ra một góc để ngồi nói chuyện tâm tình. Nghe có tiếng cười mĩa mai im lặng trong lòng. Một tháng rồi, tôi đã qua bao nhiêu lần "nhất trí", hoà giải... để kết thúc với "B-52". Bây giờ thì cũng thế thôi. Ngồi xuống cỏ, mời thuốc lá và lại bắt tay: Anh Nam bao nhiêu tuổi? Người vùng nào? Liếc nhìn sau lưng: Một ống Micro-phone đang ở vị thế thâu... Chán thật! Tôi nổi cáu:

Đây này, tôi cũng có một máy thâu tối tân hơn máy anh không cần micro, để trong túi bật cái nút là thâu rõ hết trơn... Tôi không phải là nhà báo nhưng cũng chẳng lạ gì nghề này, các anh cất máy đi... Tôi sẽ nói chuyện miền Nam trên tư cách là người trẻ, người lính miền Nam...

Bị bắt gặp tại trận, anh "bạn tâm tình" phải dấu cái micro. Không có sự thẹn thùng và liêm sĩ trí thức của một người bị bắt gặp làm việc lén lút. Nản đến tận cổ, ê chề đầy cứng người, nhưng cũng gắng "thuyết trình" hết bài báo chí tự do miền Nam, dẫn chứng bằng tờ Sóng Thần ngày 3-3-1973 có hình ảnh người Huế biểu tình ở Bãi Dâu và hồi ký của hồi chánh viên Nguyễn Anh Tuấn. Nói cũng "ngon" như bình thường nhưng biết rằng sẽ vô ích. Bức tường đá cố chấp không kẽ hở sẽ không để sự thật đi vào. Sau lưng lại thấy dí dí một cái micro khác... Đ.m... Muốn chưởi thề một tiếng thật lớn...

Ngồi đợi máy bay quay cánh quạt để dọt. Tôi nhớ Ngã Năm, Ngã Sáu Sài Gòn, đường Trương Minh Giảng, Lê Văn Duyệt giờ này đang tan sở... Mùi xăng, hơi nắng, hơi nhựa hừng hực, nhưng cảnh "địa ngục" dơ bẩn của Sài Gòn mới xa một ngày sao đã thấy vạn phần thương nhớ trong không khí tịch mịch u uất nơi sân bay Gia Lâm bắt đầu mù hơi lạnh khi trời về chiều... Miền Nam, ban đêm các quán cóc lù mù ánh đèn bán khô cá thiều, cá mực bỗng nhiên hóa

thành từng chuỗi kim cương kết tủa long lanh. Tôi nghe hơi gió Sài Gòn ban đêm, tôi thấy ánh nắng Sài Gòn ban ngày, tôi tưởng hít được mùi tanh tanh mốc mốc vùng bến Chương Dương, Vân Đồn. Cảnh dẫu nghèo, dơ cũng là cảnh người, cảnh có sức sống. Sài Gòn, hỗn độn, nóng bức, khô khan bắt đầu từ giờ đây là quê hương cuối cùng, quê hương để bó xương, chôn thịt... Chắc chắn phải là như thế. Bao năm sống ở miền Nam cứ nuôi một tâm lý "sống gởi, thác về" không thiết tha, không xưng tụng. Khổ nỗi, nếu xưng tụng thì mang tiếng "văn nô"... Nhưng hôm nay tôi phải viết, phải bốc, phải hét to, Sài Gòn, Quê Hương Tự Do cho người, nơi đã từ lâu chỉ có nỗi phũ phàng. Xin lỗi miền Nam quí giá và bao dung, xin lỗi Sài Gòn nồng nhiệt. Tôi đã phụ người quá lâu.

Kéo một nụ cười nhạt thếch vì máy bay đã quay cánh quạt mà Trung Tá Bùi Tín còn "công tác" với giọng thân mật...: Nam thấy mấy chiếc Mig kia không? Hạ mấy trăm thằng Mỹ rồi đó! May quá, cánh quạt quá ồn để không cho anh ta nói tiếp về B-52!

Bay cao, hãy bay cao hẳn lên, chẳng cần quay lại nhìn sông Hồng, sông Đuống... Bay thật cao và nhanh, qua đèo Ngang, qua Đồng Hới thật nhanh để đưa tôi về miền Nam... Phía tây ánh mặt trời đỏ ối từ từ chìm dần vào bóng đêm, tầu ép tay trái vào đất liền, ánh lửa vùng Long Khánh chập chờn rực rỡ. Đất miền Nam. Nghe cơn sóng đầm ấm trong lòng vang dội. Tôi về Nam - Miền Nam.

Đọc lại bài viết của năm trước để xét xem đã viết trong một "áp lực" nào không, nhưng cuối cùng vẫn phải nhìn nhận. Tôi đã viết thật đúng, thật trung trực, tôi không thổi phồng sự kiện, không "quốc gia hóa" cái nhìn, cũng không văn chương hoá, bi thảm hóa sự kiện, cảnh sắc và yếu tính của Hà Nội. Sau này, những chuyến đi khác chỉ còn là một công tác bắt buộc, thiếu hào hứng, đầy nhọc mệt và nhàm chán, tuy thế nhưng cũng có một vài đền bù như được đến Văn Miếu, Viện Bảo Tàng nơi tập trung khá đầy đủ các di tích văn hoá do viện Bác Cổ trước kia sưu tập và các cuộc tìm kiếm sau này của chính quyền miền Bắc. Nhưng chỉ là những vui thích "kỹ thuật", được thấy và biết thêm nhiều điều để mở rộng kiến thức. Xúc động từ chuyến đi đầu tiên hoàn toàn mất hẳn.

Đọc lại bài viết cũ nhân dịp xem một đoạn phim quay tại Hà Nội và miền Bắc hơn hai mươi năm trước. Cuốn phim tuy non yếu về kỹ thuật, hỏng hoàn toàn trên tất cả mọi khía cạnh nhưng quả tình đã giúp cho tôi soi sáng được một phần nào ấn tượng đẹp đẽ về Hà Nội. Dù ống kính đã thu hình Hà Nội với non yếu kỹ thuật và thiếu vắng nghệ thuật, nhưng đoạn phim Kiếp Hoa ấy đã ghi đủ những cảnh sắc

và tinh thần Hà Nội... Đó là một nơi chốn tươi mát, hồn hậu và thân mật, những hè đường dầy trầm trầm tiếng guốc, bờ hồ thẩm tàng cây, mặt nước loang nắng, hắt hơi mát lạnh xanh xao lên lớp vỏ cây dịu dàng, và những "người Hà Nội" thanh nhã chậm rãi đi lại trên lối nhỏ im bóng lá sinh động hiện thực phẩm tính lịch lãm nhẹ nhàng của thủ đô văn hóa, nơi văn minh Việt Nam đã khai phóng nên thành hình tượng. Tôi nhìn lên màn ảnh, bỏ qua hình ảnh của các tài tử vốn chỉ là đào kép cải lương Bắc Việt, bỏ đi giòng nhạc đệm nặng nhọc, ngớ ngẩn, để chỉ thấy lại một khối Hà Nội rực rỡ trong nắng, để thấy Hà Nội trầm mặc trong mưa, một di sản văn hoá cao quý mà tiền nhân đã gây dựng nên và trao gởi lại... Thấy trên màn ảnh, nhớ lại cảnh sắc của lần đầu tiên đến Hà Nội với cảm giác não nề trên mỗi thước đường đi qua, chồng dần, chồng dần cứng đọng nỗi thất vọng khi nhìn khối dân chúng lặng lẽ dị thường của buổi chiều Chủ Nhật 4-3-1973... Kinh dị thật. Chủ nghĩa Cộng Sản đã đánh gục được tâm chất Việt Nam sâu thẳm ngay tại thủ đô văn hoá miền Bắc. Tôi bàng hoàng với sự thật tàn bạo ghê gớm âm thầm này. Cảm giác của một năm về trước...

Qua đoạn phim cũ, tôi được nhắc nhở thêm một điều. Chiến tranh đã quá lâu trên quê hương. Cảnh tượng của đoàn người tản cư chạy loạn trên đường đê, trên cánh đồng chiêm dù chỉ được đạo diễn dựng nên nghèo nàn, ấu trĩ, vụng về, nhưng bóng dáng những đứa bé Việt Nam ôm tay nãi, đầu đội nón rách, chân trần đi trên con đường quê điêu tàn, gót chân trẻ thơ vội vã tội nghiệp bước lên lớp đất nức nẻ phủ bụi mờ đã như cơn tấn công phũ phàng nhất, đập mạnh vào cảm xúc, gây nên choáng váng. Hóa ra chiến tranh thật sự đã quá lâu, gần ba mươi năm máu lửa tràn ngập, tác động tiêu hủy lên bao nhiêu thế hệ. Đứa trẻ trong đoạn phim giờ này đã lớn, chắc rằng hiện đang lập lại cảnh đời cay nghiệt với lửa đạn có thật ở một nơi nào đó của quê hương. Cuốn phim quay khoảng 1952, 1953, các ngôi đình tan tác trong phim chắc rằng vẫn giữ nguyên hình trạng tang thương vỡ nát đó ở hiện tại, và biết đâu lại không bị suy sụp, hư hao, hủy diệt nhiều hơn... Đau đớn thật, một quê hương đẹp đẽ, đôn hậu hiền hoà như quê hương ta trong ba mươi năm chưa được hưởng trọn một ngày thanh bình!! Chỉ có bóng dáng thường trực của bom đạn, chỉ có ám ảnh hằng hằng của sự chết, chỉ hằng chuẩn bị miên man để chạy loạn, tản cư... Cay đắng quá: Hòa Bình, tiếng gọi linh thiêng mầu nhiệm này sao vẫn còn vắng mặt. Hòa Bình, giấc mơ thiết tha mà toàn khối Việt Nam đang mong tới đã vắng mặt ba mươi năm. Ba mươi năm chiến tranh. Chiến tranh ba mươi năm... Những

người Cộng Sản có nhớ điều đau đớn, tan vỡ này không?!!

Tháng 4-1974

Tù binh và hòa bình

Những người lỡ làng

Bây giờ, một giờ chiều của ngày 24-7-73, cuộc trao trả tù dân sự tại địa điểm Lộc Ninh đi vào bế tắc. Cộng sản tập trung một số đông dân chúng và cán bộ chung quanh lều trao trả tạo áp lực vào khối tù nhân đang và sắp được trao trả, số người này sẽ được dàn cảnh ào hẳn vào lều trao trả để tạo nên những cảnh hỗn loạn như đã xảy ra tại Quảng Trị, Quảng Ngãi. Tôi đã quá đủ với chiến thuật gây rối này, đồng thời chỉ thị cũng đã nhấn mạnh: Nếu cộng sản vi phạm thủ tục thì phải hoãn trao trả. Cuộc trao trả tạm ngưng, tôi cùng Trung Úy Nội sắp sửa trận đánh tuyên bố đình hoãn trao trả và quy trách nhiệm cho Việt Cộng vì họ đã gây trở ngại cho công tác. Những lý lẽ này phải được thông báo chính thức cho Ủy Ban Quốc Tế, minh xác quan điểm của Việt Nam Cộng Hòa. Hôm nay là ngày công tác chót của phái đoàn Gia Nã Đại và những người trong Ủy Ban Quốc Tế cũng đã thấy rõ được thực chất và khả năng của nhau sau sáu tháng hoạt động. Những điều khoản của Hiệp Định, Nghị Định Thư quả tình đã bị vô hiệu hóa trước tình thế và thực trạng của Việt Nam, chưa nói đến sự cứng rắn bất chấp vô liêm sĩ của hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi. Họ đã đánh mất tư cách "Quốc Tế" của Ủy Ban khi khai triển tối đa sự nhất trí đoàn kết giữa những người cộng sản. Sáu tháng qua hàng chục lần trao trả ở nhiều địa điểm, tôi đã quá não nề với ủy ban "Quốc Tế" này, nhưng lời lẽ thông báo sắp nói vẫn giữ đúng cốt cách trang nghiêm của một "đại biểu".
- Kính thưa quí vị, trước tiên là lời cám ơn nồng nhiệt của chúng tôi. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, vì quí vị đã đến đây giám sát và quan sát cuộc trao trả... Đồng thời trình bày cùng quí vị lý do vì sao chúng tôi phải tạm đình hoãn cuộc trao trả...
Anh Trung Uý Nội vặn vẹo mấy chữ Ăng-Lê để phiên dịch. Tôi lim dim mắt vì ánh nắng nhưng thật ra đang dò xét xem phản ứng của

anh Thiếu Tá Vầy (Việt Cộng) để tìm hiểu ý định của hắn ta. Thoảng trong tiếng gió có tiếng hát cao vút vang vang, tiếng hát hòa nhịp bởi âm thanh của một chiếc Tây Ban cầm... Quê hương, hòa bình, cầu mong hết chiến tranh, những bài hát của Phạm Thế Mỹ, Trịnh Công Sơn được diễn tả bởi giọng hát tuy không điêu luyện sành sõi nhưng vang dội nhiệt tình trong sáng. Những người sinh viên "tranh đấu" được trao trả ngày hôm qua (23-7) nay đang tập họp trong một chiếc lều gần lều của chúng tôi để đợi được phát biểu nguyện vọng với Ủy Ban Quốc Tế, đồng thời yêu cầu tôi (chuyển qua lời của viên Thiếu Tá Việt Cộng) ký nhận và bảo đảm cho họ trở về Sài gòn trong tư thế nguyên thủy. Chỉ là những sinh viên tranh đấu cho hòa bình dân tộc.

Nhóm sinh viên gồm hai mươi người, có những người "nổi tiếng" như Võ Như Lanh, Trịnh Đình Ban, Cao Thị Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ, Nguyễn Thành Công. Tất cả can tội phá rối trị an vì các vụ biểu tình xuống đường đòi hủy bỏ chế độ quân sự học đường, chống chiến tranh, chống Mỹ, chính quyền Tổng Thống Thiệu và đòi quyền sống.

Tôi trình bày ý kiến cũng để trả lời cùng Vầy:

- Những người này được trao trả vào các đợt 7, 8 của ngày hôm qua 23-7 tại địa điểm này và hôm nay họ đưa yêu sách chính quyền Việt Nam Cộng Hòa phải nhận họ lại, trả tự do vô điều kiện và cam kết không bắt giữ lại. Với vị thế là một nhân viên Ban Liên Hợp Quân Sự phía Việt Nam Cộng Hòa, tôi từ chối xác nhận cam kết này vì tội trạng của những người trên đã cấu thành bởi hành động được ghi rõ trong hồ sơ, tôi cũng không thể nhận họ về với tư cách "chỉ là những sinh viên học sinh bị bắt giữ vì tranh đấu" vì như thế là gián tiếp phủ nhận tính chất của công tác trao trả. Đây là cuộc trao trả giữa hai bên miền Nam về những nhân viên dân sự bị bắt giữ. Tôi cũng không có khả năng để cam kết một điều khoản vượt quá xa trách nhiệm của một sĩ quan trung cấp, hơn nữa trên thực tế những người này đã được trả ngày hôm qua, hôm nay phía Việt Nam Cộng Hòa không còn trách nhiệm nào với họ (theo thủ tục trao trả, lời phát biểu nguyện vọng chỉ có giá trị khi cuộc trao trả đang diễn tiến mà thôi).

Tôi chấm dứt vấn đề bằng những lý lẽ có hệ thống, các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế gật đầu tán thành, ngay cả những anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thường ngày vốn yểm trợ Việt Cộng ra mặt nhưng hôm nay trước tính chất "lô-gích" của sự việc cũng đành phải ra chấp thuận lý lẽ của chúng tôi. Tôi nói tiếp:

- Tóm lại, vấn đề hai mươi sinh viên học sinh này đã được vượt khỏi giới hạn của chúng tôi và quí vị (chỉ UBQT) vì nhiệm vụ "chúng ta" chỉ

là quan sát cuộc trao trả những nhân viên dân sự thuộc hai bên miền nam Việt Nam, nay những người sinh viên này bảo rằng họ không thuộc hai thành phần đó, nhưng là một thành phần "thứ ba" trung lập... Thì tôi nghĩ rằng, vấn đề cũng đã ra khỏi điều 7 của Nghị Định Thư (điều 7 Nghị Định Thư chỉ nói đến việc trao trả Nhân viên dân sự hai bên miền nam Việt Nam). Tôi dứt điểm cú chót bằng bằng cớ rất cụ thể: Các điều khoản của Hiệp Định và Nghị Định Thư.

Các anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thở dài, trao đổi ý kiến để kiếm đường giúp đồng chí nhưng cuối cùng chỉ phát biểu một ý kiến rất não nề: "Chúng tôi ghi nhận sự kiện về các người sinh viên..."

Tôi thắng cuộc, một trở ngại lớn của vấn đề trao trả đã được vượt qua. Nhưng đó chỉ là tôi một phía, phía của công vụ, của con người bổn phận được ấn định bởi bộ quần áo đang mặc, cấp bậc trên cổ áo. Còn có một phần người khác đang lãng đãng giữa một vùng phiền muộn hiu hắt, phần con người đang nghe những câu hát lồng lộng, con người đang nhìn thấy những ánh sáng trong vắt vị tha trong tia nhìn của hai mươi người tuổi trẻ. Vấn đề của họ không bao giờ giải quyết được.

Phải nói thật, từ lâu nay tôi vốn không tin phẩm cách và khả năng của lớp sinh viên tranh đấu, những người tuổi trẻ xuống đường với những mục tiêu chiến thuật đoản kỳ như chống quân sự học đường, chống động viên, chống chính quyền, người Mỹ và chiến tranh. Những sinh viên trong nước như Huỳnh Tấn Mẫm, ở nước ngoài như Đoàn Hồng Hải, Nguyễn Thái Bình... Trong tư thế một người lính tác chiến, chịu những khổ ải và đau đớn cụ thể nhất của chiến tranh, sống trong lòng cuộc chiến tàn ác phi lý, lạ lùng, tôi đã cố gắng hết sức để tồn tại đồng thời tìm lời luận giải thích cho hành động. Thế nên dù có "phản chiến" đến mức độ nào chăng nữa, sẽ vô cùng phi lý khi quy trách nhiệm cuộc chiến này lên chính phủ và người lính Việt Nam Cộng Hòa: giai tầng đau đớn nhất của cuộc chiến. Tôi không thể nào chấp nhận những luận cứ buông súng vô điều kiện, những lý lẽ hàm hồ hoan nghênh sự chiến đấu hợp lý của những người lính cộng sản và thái độ thời thượng chống chiến tranh ở hình thức khả ố, bệnh hoạn. Trong khoảng tháng 7-1972 tôi viết một bài đả kích đám sinh viên này ở tuần báo Diều Hâu, một bài báo bốc lửa, cấu tạo bởi những từ ngữ mạnh mẽ dậy nên từ một tâm thức phẫn nộ, bài viết đã cấu thành sau khi ở miền Trung từ thành phố dẹp Quảng Trị, dọc Đại lộ Kinh Hoàng trở về... Tôi đã viết bài báo với cơn giận làm run tay, trước mắt chập chờn những mảnh áo cháy xém bay phất phơ trên đồng cát xám từ những xác chết co quắp. Những

người dân bị pháo cộng sản chết trong ngày 1-5-1972. Lòng tôi căng thẳng trên hình ảnh tai ương uất ức đó; thế nên, nhìn mặt chiến tranh, cố tìm hiểu lý do tại sao người cộng sản đã giết người tỉnh táo đã là ám ảnh não nề hằng mỗi giờ, mỗi ngày khi đối diện với những kẻ thù còn rất mới qua chiếc bàn rộng trải nỉ xanh. Trong tình huống này, tôi nhìn Ngô Bá Thành, Trần Ngọc Châu, Huỳnh Tấn Mẫm như những kẻ mắc chứng dở hơi bị ám ảnh bạc nhược, được thôi thúc hướng dẫn bởi một khối chỉ đạo tinh ma già ngọn, hơn thế nữa tôi đồng hóa họ với những kẻ giết người. Thời đại này xây dựng trên tan vỡ, mâu thuẫn và phi lý, cả một khối đông nhân loại đang bị đốt cháy dưới tiếng chuông cầm thú kiểu thí nghiệm Pavlov, tiếng chuông bỉ ổi này vang động những danh từ đẹp đẽ: Giải Phóng, Tự Do, Hòa Bình... Nên lũ người phản chiến reo hò trong đường phố Sài Gòn, nơi công viên Mỹ Quốc theo sau chiếc hot-pants của ả đào cởi truồng Jane Fonda, thật đang đùa cợt, hân hoan sỉ nhục những cái chết đau đớn của người dân Việt Nam. Tôi nhìn những người "tranh đấu" qua nhãn quan khắc nghiệt uất hận này.

Nhưng hôm nay, khi nghe tiếng hát trong sáng lồng lộng trong gió, khi thấy nét mặt tinh anh của Nguyễn Thành Công lúc tiếp xúc với viên Đại Tá Hung Gia Lợi dù đôi mắt đã có vẻ lạc thần, giọng nói đã đượm màu mệt mỏi. Tôi thấy được một điều lạ ở những người tranh đấu, tôi tìm được kẽ hở của vấn đề, lời giải thích về hiện tượng phản chiến đồng thời có nỗi hận khác bùng nổ theo với tốc độ chóng mặt: Quả tình Cộng Sản đã và đang hủy diệt hằng bao thế hệ bởi ngọn đòn sơ đẳng: Thêu dệt và lập đi lập lại một số danh từ hàm súc trong một hệ thống luân lý chặt chẽ để quyến rũ con người theo tiếng gọi của máu. Sự khám phá gây nên nỗi giận hờn chen thêm niềm thương cảm xót xa. Tôi đã biết.

Phải, tôi hiểu rằng nhóm sinh viên đang ngồi ở dưới tàng cây cao su, đang gẩy nên những âm thanh trầm lắng với tiếng hát nhiệt thành trong sáng kia quả tình không thể nào là những người cộng sản được. Họ không thể nào là những người cộng sản chuyên chính, dù cho họ đã vào khu học tập, dù đã là cán bộ nội thành làm nhiệm vụ sinh viên vận theo đường lối và kỹ thuật đấu tranh phát xuất từ cục R, kiểm soát và điều hành bởi ủy viên thanh niên thuộc Thành Ủy Sài goon-Chợ Lớn. Họ cũng không phải là cộng sản dù có chứng minh thư xác nhận là thành viên của Đảng Lao Động, hoặc thành viên của Đoàn Thanh niên trong Mặt Trận Giải Phóng... Vì tiếng hát, điệu đàn, nét mặt và lời nói tất cả vẫn là phản ảnh của một hoài bão, hoài bão bất diệt của tuổi true. Muốn thoát khỏi hoàn cảnh bít bùng của đời

sống hiện tại, đấu tranh và xây dựng một quê hương rạng rỡ tốt đẹp hơn. Và chính phát xuất từ ý định đẹp đẽ mơ tưởng này, hoài bão của họ đã được đồng hóa với mục tiêu chiến thuật đoản kỳ của cộng sản. Và họ trở thành loại cán bộ tiền phong đắc lực thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài gòn, nơi giảng đường, trong lòng cộng đồng tuổi trẻ Việt Nam. Bởi Cộng sản không bao giờ dại dột lộ hẳn bộ mặt của mình từ đầu, trái lại chúng đã "phục kích" tuổi trẻ bằng cách "tặng" không một số sách lược tranh đấu, cung cấp phương tiện và kỹ thuật sách động (Vì còn ai hơn người cộng sản Việt Nam, khối nhân lực vô tận luôn luôn gài người, xách động, hướng dẫn các cuộc đấu tranh, dù bắt đầu với những mục tiêu lành mạnh, hữu khuynh)... Dần dần cán bộ cộng sản đưa ra một vài mục tiêu "chiến thuật" như chống đi lính cho Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, được ngụy trang thành chương trình chống quân sự học đường, động viên, những mục tiêu đoản kỳ nhưng sinh tử đối với sinh viên. Và cứ thế tiếp tục xâm nhập dần vào phong trào đấu tranh để biến thành vận động chống chiến tranh, thực hiện hòa bình cấp thiết... Mục tiêu dần lộ mặt cùng với những vận động khắp nơi trên thế giới. Vô tình để trở nên hữu ý, những người xuống đường dần thấy những ước vọng to lớn của mình phù hợp với cương lĩnh của Mặt Trận, nên từ chống Mỹ, chống quân sự học đường đến chống Mỹ cứu nước chỉ là bước nhỏ của vấn đề kỹ thuật. Cuối đường, chính thể Việt Nam Cộng Hòa cùng cộng đồng miền Nam tự động biến thành những đối tượng thù nghịch khi đã thấm sâu lý luận:"Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh cách mạng chống với chiến tranh phản cách mạng do Mỹ Ngụy khởi xướng. Chiến tranh Việt Nam khởi động do nhân dân giác ngộ yêu nước, được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới..." Khi đã chấp nhận những chữ "hòa bình, giác ngộ, cách mạng" nằm đúng vị trí trong hệ thống luận lý của cán bộ cộng sản thì tất cả năng lực sáng suốt để soi sáng cuộc đấu tranh hoàn toàn tắt ngấm. Người sinh viên diễn xuất theo động tác phản ứng có điều kiện gợi nên từ những danh từ đẹp đẽ trên.

Nhưng, như đã nói, những người tuổi trẻ đó sẽ không bao giờ trở thành cán bộ nồng cốt của Đảng Lao Động được vì họ không bao giờ là "giai cấp công-nông". Họ cũng không phải là tiểu tư sản giác ngộ; họ chỉ là những tên lính tiền phong trong đường phố Sài Gòn, nơi buổi họp báo tại trụ sở sinh viên, họ chỉ dùng để chạy tránh hơi cay với một túi ni-lông pha nước chanh, để làm đầy các nhà giam giúp cho cộng sản có thêm lý lẽ: "Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã bắt

giam nhiều sinh viên học sinh yêu nước...” Và nặng nề hơn hết thảy: Người sinh viên vẫn còn là “những sinh viên học sinh yêu nước” - Nghĩa là còn một bản vị sinh viên, một cá thể sinh viên, một nhân vị yêu nước... Không bao giờ là “người cộng sản” khi vẫn còn mang tước hiệu đẹp đẽ đó. Người sinh viên, gã anh hùng trong đường phố không bao giờ là người cộng sản thuần túy. Không có trường hợp đặc biệt cho trường hợp những cá nhân này.

Thế nên, khi điều động một số dân chúng và binh sĩ đến để nghe các “sinh viên yêu nước” hát, cán bộ cộng sản đã xác nhận lại vị thế cho các anh, đã nhắc nhở sự xa cách giữa “thành phần sinh viên trí thức” và tầng lớp “công nông giác ngộ”, họ đã vạch một ranh giới giữa các bản vị sinh viên và tập thể nhân dân kia, khi họ để anh mặc chiếc áo trắng đẹp nổi bật lên giữa đám dân chúng và binh sĩ cộng sản nghèo đói, xấu xí cũng là lúc tô đậm chữ khai trừ các anh ra khỏi tập thể đấu tranh của Mặt Trận và sự thật cũng vừa xảy đến. Các anh có đấu tranh được những gì ở địa điểm Lộc Ninh, trong lòng người cộng sản. Vai trò anh đã hết. Những người sinh viên tranh đấu Sài Gòn hãy hát cao lên nữa; tiếng hát đó cũng như một lần của Phạm Duy cất lên từ khu tư, trên nương đồi Yên Bái, trên thượng lưu của những giòng sông miền Trung với khí thế say đắm hào hùng và lãng mạn của những ngày “cứu nước” từ mùa Thu 46. Giọng hát của các anh giờ này cũng mang tính chất đẹp đẽ thơ mộng hào hùng đó. Và chỉ có thế, vì bản chất cuộc chiến đã thay đổi, con người đã lộ mặt, vai trò của các anh cũng đã hết, sân trường, đường phố đã xa xôi. Các anh đã lỡ làng trong cơn say đắm của buổi tiệc rượu nấu bằng máu của quả tim nhiệt thành.

Đây là phản ứng thứ nhất, phản ứng thương cảm, bội phục, trong lòng còn có một phản ứng đối nghịch đau đớn khác: Sự giận. Phải, tôi giận dữ, vì những người tuổi trẻ trong lòng cộng đồng miền Nam đã được nuôi dưỡng và lớn lên từ thực trạng đau đớn quê hương. Hơn ai hết, họ phải thấy được bản chất của cuộc chiến Việt Nam. Kết quả tất nhiên của những cường lực thế giới đang tìm cách thế để hòa giải, cân bằng lẫn nhau. Những người sinh viên lại càng phải biết rõ hơn ai hết, thủ phạm gây nên tiêu hủy cấu trúc xã hội ổn định Việt Nam đã trường tồn và vững chắc qua hai nghìn năm dài, một xã hội trật tự, điều hòa, trong đó các giai cấp đã được vô tính hoá, xung đột xã hội được hòa giải do tính chất tổng hợp cùng mạch sống dân tộc. Lẽ tất nhiên tôi không mê muội gì để bảo rằng hai nghìn năm lịch sử của nước ta là mô thức lịch sử không kẽ hở; nhưng quá trình vận chuyển lịch sử ấy đã chứng minh tính cân bằng của cơ cấu xã hội

Việt Nam, đã là một kết quả tuyệt kỹ. Và như thế, những người tuổi trẻ, lòng mở rộng vị tha, trí sáng ngời hoài bão và tình tự quê hương, thấm đậm cùng nhịp đập của trái tim trung trực lẽ nào không nhận thức được: Chiến tranh này, chỉ là kết quả cuối cùng của chuỗi nổ dây chuyền gây nên bởi xung động của hai ý hệ cùng phát xuất từ phương Tây, hai ý hệ tuy mang nhãn hiệu đối cực nhưng thực chất cũng chỉ là một phản ảnh biểu hiện tình trạng tan vỡ, suy đồi của cơ cấu xã hội xây dựng trên vật chất thuần lý. Cộng sản, tư bản, tự do, dân chủ, giải phóng, độc tài, thuộc địa: quả tình chỉ là sản phẩm thuần túy Tây phương và chỉ dành riêng cho những xã hội bên bờ Thái Bình. Nhưng khốn nạn đã xảy đến cho chúng ta, những ý hệ xung đột đó đã chọn lựa đất nước này làm chiến trường tranh chấp, đã cân bằng, hòa giải, cùng nhau qua máu xương người Việt. Những người tuổi trẻ phải biết rõ điều này, phải biết rõ trước khi lên đường nhập cuộc, trước khi dự vào trò chơi lớn mà dịp may không bao giờ có, chỉ có một đường sống hay chết cho cá nhân, cũng của cả dân tộc. Thế nhưng những người trẻ tuổi chỉ có một phía nhìn, chỉ có lời giải thích (Thật lố bịch khi đang ở một giai đoạn lịch sử và tự giải thích giai đoạn ấy theo tiêu chuẩn của mình định đặt) và nguy biến hơn, nhất quyết tin tưởng mình đi đúng đường. Chỉ riêng một mình với cục bộ lý luận riêng.

Những người tuổi trẻ tranh đấu còn mắc thêm một nhược điểm trầm trọng, nhược điểm cốt tủy hình như đã biến thành tổng quát khắp thế giới. Mặc cảm vô vọng đau đớn của người trí thức. Đúng như thế, từ Tây qua Đông trong lòng của Paris rực rỡ đến những góc hóc hẻm của một nước nhược tiểu Á Đông, đâu đâu cũng có một lớp trí thức lòng đầy những ước vọng nhân bản, những hoài bão tuyệt vời nhưng giữa vòng đai ngột ngạt phi nhân của xã hội. Người trí thức trong khi ý thức về giá trị của mình đồng thời cũng thấy hết nỗi tuyệt vọng bi đát của khả năng hạn chế. Vì đây không còn thời đại của cá nhân nhưng là thời của tổ hợp, không còn những thi sĩ, chỉ có giai cấp công nhân, không còn tri thức lẻ loi giữa vòm trời trí thức nhưng là con người nhập thế để chịu sự va chạm toé lửa phũ phàng của đời sống. Và đây cũng là thời đại đối nghịch của tâm linh, những giá trị tinh thần dần dần trở nên hạ giá trước những hệ Sinh Tâm lý. Trong cơn đổ nhào của giai cấp kẻ sĩ, người tuổi trẻ tranh đấu chắc sẽ không ngại ngùng tham gia ngay vào thế giới nơi chiếc chiếu hoa kính trọng đã dành sẵn cho những Sartre, Gide, Malraux, những người đã thử lửa với Cộng sản để dò xem năng lực trí thức của mình; và ở Việt Nam, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân,

Nguyễn Đăng Trừng, Lê Hiếu Đằng. Nếu không võ đoán, thì ắt hẳn khi họ nhúng tay vào máu cũng mang cảm giác hân hoan của người được gột rửa những bạc nhược bất lực của khối trí thức tuyệt vọng để chuyển mình thành những trí thức giác ngộ, yêu nước. Nguy biến đã xảy ra, tan vỡ đã hiện hình, người trí thức tuổi trẻ ắt hẳn trong núi rừng mật khu chắc phải tự kiểm thảo quá trình tranh đấu để nhận thức lại giá trị của chính mình. Chỉ là người trí thức khi mang tâm thức xao xuyến ở đường phố Sài Gòn, trong giảng đường đại học và đã là người lạc lõng, ngơ ngáo giữa một đám "đồng chí" cách biệt, giác ngộ, lẫy lừng bởi thành tích và gốc gác giai cấp. Hoàng Phủ Ngọc Tường, tên tuổi sáng chói của lớp sinh viên tranh đấu Huế nay là một ủy viên học vụ ở Gio Linh, cuối đường đấu tranh của nỗ lực trí thức với kết quả tầm phào mạt hạng...(1) Trịnh Đình Ban, Trần Thị Huệ sẽ là gì ở núi rừng Lộc Ninh?!! Hình ảnh trong buổi sáng 24-7, tên Trung Tá gốc "thợ rèn" Năm Tích nửa vừa ra lệnh, nửa vừa coi thường sửa tay sửa chân cho Trịnh Đình Ban để chụp ảnh gây trong tôi cay đắng... Cuối đường tranh đấu chống Mỹ, chống chiến tranh của tuổi trẻ trí thức rốt cuộc để được cười hãnh diện vì chụp ảnh cùng Trung Tá Năm Tích, một cựu thợ rèn, lớp cán bộ mùa thu với quá trình đấu tranh cách mạng mà suốt đời Ban không bao giờ thực hiện được. Có phải thế không?! Có phải thế để tiêu hủy mặc cảm dư thừa của đời sống ù lỳ cứng đọng của ba mươi năm trong gia đình và học đường... Người tuổi trẻ tranh đấu, anh thấy gì trong tàng cây cao su xanh thẩm ở rừng Lộc Ninh?
Lộc Ninh - 24-7-1973

Tù binh và hòa bình

Những người lãng mạn

Người sinh viên được nhắc nhở đến nhiều nhất trong vòng năm năm trở lại đây, ngồi trước mặt tôi với dáng điệu của một diễn viên không sành nghề đóng một vai trò quá khổ. Huỳnh Tấn Mẫm mặc chiếc áo trắng, quần xanh, chân mang dép, một túi vải lớn có kẻ hàng chữ xác định: Sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm.

Tôi đứng bên cạnh Mẫm để thấy rõ những giọt mồ hôi lấm

tấm ở tóc mai đang kết thành giòng chảy xuống má, Mẫm xoắn mười ngón tay vào nhau, anh không có một dáng dấp chế ngự, đập mạnh lên cảm nhận của kẻ khác khi nhìn thấy lần đầu. Mẫm chỉ là một người tầm thước với nét mặt đều đặn bình thường, đôi mắt hơi lé và một gò má cao. Người sinh viên được hầu hết báo chí bám theo từng hành động, lời nói, của những năm trước, người được các hảng thông tấn quốc tế đánh đi khắp cùng thế giới kèm với biến động chính trị Nam Việt Nam, trung tâm thu hút của mọi nguồn tin mà một số đông mỗi buổi chiều mở ti-vi, giở trang báo đều hướng mắt vào. Huỳnh Tấn Mẫm, người của dàn chào, của hơi cay, khiên mây, áo giáp mà khối Cảnh Sát Dã Chiến hùng hậu nhất thế giới đã đồng ý là mục tiêu số một, "ngon" nhất. Tôi không thấy ở người ngồi trước mặt là người thanh niên có dáng dấp của kẻ gây biến động đó. Mẫm dưới mắt tôi trong buổi sáng nầy là một người rất thường.

Giữa đám người lao xao cùng chung toán tù, những người tù già, những người tù "cách-mạng", Mẫm lạc lõng hoàn toàn với chiếc áo trắng, đôi mắt xao xác của kẻ bị rơi vào một thế giới hung bạo.

- Anh này là Huỳnh Tấn Mẫm, không thuộc về thành phần trao trả, chúng tôi biết rõ như thế, chúng tôi không cần hỏi ý kiến của anh...

Anh cán bộ cộng sản với quân hàm tương đương thiếu tá bí danh Dũng bỗng nhiên chỉ tay vào Mẫm khẳng định trước cách đối xử. Thật lạ, bình thường cán bộ cộng không bao giờ có những lời lẽ, hành động hấp tấp như vậy, tất cả phải được tập dượt, "hội ý", lấy ý kiến chung rồi mới quyết định. Nhưng sáng nay viên thiếu tá Việt cộng đã làm một biệt lệ (Những người muốn phát biểu nguyện vọng phải đến khi trao trả hết người trong toán mình (hai mươi lăm người) khi ấy mới được hỏi ý kiến về bên tiếp nhận (Mặt Trận Giải Phóng), hay ở lại bên trao trả (Việt Nam Cộng Hòa), Mẫm co rúm người trước lời nói chát chúa thẳng thừng bất ngờ nầy. Thiếu tá Ngọc của Việt Nam Cộng Hòa đốp chát ngay để giữ tinh thần cho Mẫm:

- Thiếu tá Dũng vi phạm thủ tục, hai bên phải điểm danh sách, đến tên người nào người đó có ý kiến hay không, ở đây không có sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm nào hết, chỉ có danh sách hai mươi lăm nhân viên dân sự do Việt Nam Cộng Hòa trao trả... Yêu cầu thiếu tá Dũng bắt đầu theo đúng thủ tục ấn định...

Cần phải mở một dấu ngoặc về công việc ngày hôm nay: Hôm nay là ngày thứ mười hai của đợt trao trả cuối cùng (Bắt đầu từ 8-12-1974 đến 6-3-1974), Việt Nam Cộng Hòa trả cho Mặt Trận Giải Phóng con số còn lại của tổng số 5081 người (Đã trả số lớn đợt đầu tiên vào tháng 3-73; đợt thứ hai ngày 23 và 24-7-73...). Đợt cuối cùng

nầy cũng là lần quan trọng nhất, ngoài mấy ngàn nhân viên dân sự thường còn có một số tù nhân nổi tiếng mà hai bên có những tính toán riêng khi đem trao trả và tiếp nhận. Đó là những người chống chính phủ Việt Nam Cộng Hòa qua các phong trào vận động hòa bình, các mặt trận chính trị mà mục tiêu là chính phủ của Tổng Thống Thiệu. Năm ngoái, chúng tôi đã đưa về bên kia hai mươi mốt nhân viên dân sự gốc sinh viên như Trần Thị Huệ, Trần Thị Lan, Trịnh Đình Ban, Võ Như Lanh, Nguyễn Thành Công... trong buổi trao trả ngày 23-7-73, cũng tại địa điểm Lộc Ninh nầy. Năm nay chúng tôi có nhiệm vụ "đẩy" một số nhân viên dân sự (NVDS) khác mà tên tuổi đã được dư luận trong cũng như ngoài nước đang cực lực theo dõi đó là các tù nhân Trần Ngọc Châu, Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Long, Huỳnh Tấn Mẫm, Cao Thị Quế Hương, Thiếu Sơn... Phía Việt Nam Cộng Hòa khi đưa những người nầy để trao trả có chủ tâm chứng minh: Họ chỉ là những người được cộng sản ngụy danh xâm nhập vào sinh hoạt chính trị miền Nam Việt-Nam dưới những hình thức đấu tranh hòa bình dân chủ. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa còn muốn dọn đường trước cho dư luận thấy rằng: "Thành phần thứ ba" mà Hiệp Định Ba-Lê quy định để tham dự vào Hội đồng Hòa Giải thực tế cũng chỉ là những người "nằm vùng" trên mà thôi. Trái lại, phía Mặt Trận Giải Phóng lại muốn dùng những nhân viên dân sự (NVDS) trên để làm cớ tố cáo: Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đàn áp đối lập, chụp mũ những người đấu tranh cho hòa bình là cộng sản rồi đem "trả ép" về phía Mặt Trận Giải Phóng; mà thật ra chính là những "nhân tố" cần thiết để cấu thành nên lực lượng thứ ba trong ba thành phần của Hội Đồng Hòa Giải theo điều 12 Hiệp Định.

Từ hai phía nhìn đối nghịch, mỗi bên đã có một phương thức giải quyết rõ rệt đối với lớp người nầy. Phía Việt Nam Cộng Hòa muốn trả về cho Mặt Trận tất cả những người đấu tranh nầy, và chỉ nhận về khi họ phát biểu ý kiến "Xin trở về vùng Việt Nam Cộng Hòa". Phía Mặt Trận Giải Phóng lại có cơ tâm khác, họ sẽ không nhận những người nầy danh nghĩa là những nhân viên dân sự của họ, mà chỉ nhận những người "tị nạn chính trị" Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trong vùng Mặt Trận tạm kiểm soát. Cán bộ cộng sản cũng trù tính một chương trình nội công ngoại kích tạo điều kiện thuận tiện để những "Nhân Viên Dân Sự" nầy phát biểu, tố cáo những điều bất lợi đối với Việt Nam Cộng Hòa tại địa điểm trao trả. Phía Mặt Trận đã đưa vào nhà giam tất cả chi tiết diễn tiến trao trả để những người nầy hình dung và chuẩn bị trước công việc sẽ làm, những lời phải nói; họ cũng "dọn" trước tại Lộc Ninh một số phóng viên báo chí ngoại quốc

thiên tả, những luật sư trẻ tuổi của Ủy Ban các luật gia tranh đấu cho Tự Do tại Nam Việt Nam; Ủy Ban Quốc Tế đòi tự do cho những tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam... Những người nầy đã đến Việt Nam sau hội nghị vận động trả tự do cho các tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam mở tại Paris trong 4-1-73. Bề mặt, không hiểu họ đến với tư cách gì, chỉ biết khi đến Sài Gòn, họ đã được một số cán bộ cộng sản thuộc Thành ủy Sài Gòn móc nối hướng dẫn vào khu để nhận tài liệu, cách điều hành công tác tại Sài Gòn cũng như ở các địa điểm sắp thực hiện trao trả. Tôi không biết rõ các cơ quan tình báo của ta đã hoạt động như thế nào để kiểm soát những nhóm người nầy, điều ngạc nhiên là họ đi đứng, trang phục và phát biểu một cách gần như công khai tất cả dự tính, hoạt động thiên cộng của họ... Dép da, áo quần bà-ba đen, các tài liệu về tù nhân do cán bộ cộng sản cung cấp. Lẽ tất nhiên sự có mặt của đám người này cùng cách đấu tranh cách mạng theo lối Mỹ của họ không phải là một trở ngại cho công việc trao trả chúng tôi. Điều đáng nói là sự chuẩn bị rất kỹ của đối phương để làm nổi bộ mặt Tù Chính Trị, Lực lượng thứ ba tại miền Nam Việt Nam... Mẫm, Long, Châu, Quế Hương khi đến địa điểm trao trả đã thuộc lòng tất cả thủ tục về cách thức phát biểu nguyện vọng, các từ ngữ cần tránh né như từ “VNCH”, cách thức yêu sách ghi ở mục cước chú khi phát biểu nguyện vọng. Đám luật sư người Mỹ chỉ một ngày sau khi đến Sài Gòn đã có đủ mấy chục tập báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, tuyên cáo của Phái đoàn Mặt Trận trong Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên Trung Ương về vấn đề tù binh và rõ ràng hơn hết là những tài liệu mà đám sĩ quan cộng sản trong Ban Liên Hợp có được chỉ là những tài liệu đem đến từ nước ngoài... Phải nói thật rộng về vấn đề liên quan đến đám tù nhân nổi tiếng trên để xác định lại một sự kiện: Cộng sản chuẩn bị chu toàn tối đa để khai triển yếu tố “tù chính trị” ở miền Nam Việt Nam... Cuộc đấu tranh giữa chúng tôi cùng với âm mưu trên sẽ được trình bày lại rõ ràng trong đoạn đấu về “Thủ tục trao trả” sau nầy.

Hôm nay ngày 21 tháng 2-1974, Huỳnh Tấn Mẫm đến địa điểm trao trả, mục tiêu “nổi” nhất của đợt trao trả nầy. Chúng tôi và cán bộ cộng sản nhập trận. Sau phần giáo đầu với câu nói tấn công bất chợt như trên, thiếu tá Dũng của Mặt Trận bắt đầu lời “chào mừng”, xong đến điểm danh từng người một. Người thứ nhất, thứ nhì... Huỳnh Tấn Mẫn đưa tay: Tôi có ý kiến, Dũng đáp ngay: Anh đợi khi trả hết danh sách chúng tôi sẽ giải quyết trường hợp anh. Mẫm

ngồi xuống lại, mồ hôi chảy giòng lớn và hai bàn tay xoáy cứng vào nhau.

Danh sách trao trả hết. Dũng lớn tiếng gọi: Xin mời Ủy Ban Quốc Tế, Ban Liên Hợp Quân Sự đến để chứng kiến anh Huỳnh Tấn Mẫm phát biểu ý kiến. Để thực hiện cuộc trao trả và tiếp nhận, mỗi bên đưa ra một sĩ quan đại diện để trao trả hoặc tiếp nhận. Sáng hôm nay phía Mặt Trận đưa thiếu tá Dũng, phía Việt Nam Cộng Hòa có thiếu tá Ngọc. Công việc nầy tại địa điểm Lộc Ninh chúng tôi gồm có ba người, Ngọc, Chuẩn và tôi thay phiên nhau đảm nhiệm theo tình hình, sáng hôm nay tôi rút lại về vị trí thành viên Trung Ương, không thuộc thành phần trao trả, nhường chỗ cho Ngọc. Cần phải nói qua về anh chàng nầy, Ngọc người Quảng Nam, từng sống với cộng sản trong thời kỳ 45 lúc Nam, Ngãi, Bình, Phú là Liên khu 5 giải phóng. Gốc Quảng Nam với một kinh nghiệm tích cực nhất đối với cộng sản kinh qua bằng máu xương của mình, Ngọc là đại diện cho thành phần chống cộng đến nơi đến chốn của người quốc gia miền Nam... Tôi báo cho các anh biết: “Các anh lấn tôi một bước, tôi sẽ lấn lại hai bước, các anh nói dai một giờ, tôi nói dai một buổi, nếu cần tôi sẽ ngủ tại Lộc Ninh nầy để “cãi” với các anh..... Các anh nên nhớ tôi là dân Quảng Nam, nơi đã lập tuyến chiến đấu đối kháng với các anh từ ba mươi năm nay, có các anh thì không có tụi tôi và ngược lại...” Đó là những lời giao hữu của Ngọc với sĩ quan Mặt Trận. Tên Triệu Tử Long của địa điểm trao trả nầy hôm nay được dịp “đánh” tối đa với mục tiêu Huỳnh Tấn Mẫm. Tôi rút về vị trí quân sư nhường Ngọc đi xung kích.

Khi đông đủ bốn thành viên quốc tế, hai sĩ quan thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên Trung Ương, Dũng trên tư cách tiếp nhận được quyền hỏi trước. Nhưng thay vì hỏi Mẫm ba câu hỏi đúng theo thủ tục, câu thứ nhất hỏi về hộ tịch: tên họ, nơi, ngày và năm sinh; câu hỏi thứ hai lý do bị bắt; câu thứ ba: Nay muốn xin về đâu, ở xã, quận, tỉnh hay đô thị nào.. Dũng cất cao giọng:

- Đây là anh Huỳnh Tấn Mẫm, sinh viên tranh đấu cho hòa bình, hòa giải dân tộc bị chính phủ Sài Gòn bắt và hôm nay trả ép cho chúng tôi. Chúng tôi khẳng định anh Mẫm không phải là “diện trao trả” nên chúng tôi sẽ không ký nhận anh Mẫm là một nhân viên dân sự của “Chính phủ” chúng tôi, mà chúng tôi chỉ giúp đỡ anh theo đúng ý kiến anh phát biểu...

Mẫm đứng dậy nói lớn:

- Tôi là sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm thuộc trường Đại học Y khoa Sài Gòn, như ai cũng biết trước đây tôi tranh đấu cho hòa bình và hòa

giải dân tộc nên bị Chính phủ Sài Gòn bắt...

Ngọc can thiệp ngay: (Thật ra ngay từ đầu, khi Dũng mới nói được câu thứ nhất thì Ngọc đã lớn tiếng cắt đứt nhưng vì để người đọc theo dõi đủ nội dung của lời phát biểu, người viết trình bày theo thứ tự...)

- Chúng tôi phản đối, yêu cầu của thiếu tá Dũng hỏi đúng ba câu hỏi của thủ tục quy định, yêu cầu nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm chỉ được trả lời theo từng câu hỏi... Chúng tôi không chấp nhận sự phát biểu ý kiến nầy, nếu không, yêu cầu bên tiếp nhận hoặc ký nhận và mang nhân viên dân sự này đi, hoặc không thì chúng tôi mang về.

Anh thiếu úy Hiếu, sĩ quan thông dịch của phía Việt Nam Cộng Hòa, người có tác phong của một sĩ quan cán bộ tại quân trường và khả năng dịch Anh ngữ thì đúng "tiêu chuẩn" chống cộng. Hiếu, vọt lên chiếc ghế, dịch sang Anh ngữ, dịch thanh thoát, nhấn mạnh từng từ ngữ, Hiếu dịch như "vờn" địch thủ, như "chưởi" cả một chế độ cộng sản...

- Chúng tôi phản đối! Chúng tôi phản đối! Yêu cầu thiếu tá Ngọc lẫn thiếu úy Hiếu hãy để cho anh Mẫm phát biểu ý kiến của anh ta!!... Dũng quơ tay phân bua cùng đám sĩ quan quốc tế. Dịch cho mấy "ông" quốc tế đi... Dũng xúi thiếu úy Khánh, sĩ quan phiên dịch của Mặt Trận cố gắng phản công Hiếu; vì bây giờ Hiếu không dịch nữa nhưng đang "đánh" bên đối phương bằng khả năng tiếng Anh rất có học, rất chống cộng. Chống cộng đúng sách vở với "chính nghĩa sáng ngời" (Thành ngữ cộng sản thường dùng)... Các anh Ủy Ban Quốc Tế không biết nghe theo ai, cả một nhóm người nhốn nháo... Thủ tục! Thủ tục! Chúng tôi bắt buộc phải áp dụng đúng thủ tục gồm ba câu hỏi và ba câu trả lời!! Ngọc nói như hét. Hiếu lập lại toàn bộ để chấm dứt phần thuyết trình. Mẫm tái mặt, mồ hôi không phải từng dòng, nhưng mồ hôi đầy mặt, lời nói của anh ta chìm vào đám đông, một đám đông đầy đe dọa, chắc nịch từng phe từng khối, rõ rệt vững vàng. Đây không phải là giảng đường, không phải là trụ sở sinh viên, nơi Mẫm đã từng cất cao giọng trấn áp đối thủ, nơi Mẫm nổi tiếng đanh thép đè bẹp một liên danh đồng bạn, những người tóc xanh mắt sáng, lòng bừng ngọn lửa đấu tranh của tuổi trẻ, cho dân tộc, thiếu hẳn các thủ đoạn chính trị tinh ma... Mẫm, chỉ đã gặp những cường lực chống đối bề mặt đó cùng những phẫn nộ bắp thịt ở những ngày qua trong các đường phố để rồi chỉ gây nên phản ứng hận thù hơn bị khuất phục. Nên đây là lần đầu tiên Mẫm thấy được cuộc đấu tóe lửa giữa Cộng Sản và Quốc Gia mục tiêu là chính mình. Một cái cớ nhỏ nhoi của xung đột căn bản giữa hai ý hệ không

hòa giải cùng nhau được. Mẫm sững sờ trước những khuôn mặt đối nghịch, giữa các luận cứ không thể hòa hợp, một bên là Dũng với khuôn mặt xấu xí, bộ răng úa vàng, đầu tóc ngã màu xám của tuổi già với những sự lập lại chát chúa: Anh cứ phát biểu ý kiến, anh cứ phát biểu ý kiến với chúng tôi, chúng tôi sẽ giải quyết thích đáng... Một bên là Ngọc với âm vang xứ Quảng kiên cường, xứ sở của Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Khôi với lý luận cứng như gạch nung, với quyết chí trong từng âm lượng: Phải áp dụng đúng thủ tục phát biểu ý kiến, thiếu tá Dũng hãy hỏi ba câu hỏi, nhân viên dân sự nầy trả lời ba câu, đi hay xin ở lại... Ở đây không có phát biểu ý kiến, ở đây không có khích động, tuyên truyền, đừng giở trò phá hoại trao trả... Chúng tôi sẽ ngưng trao trả ở đây yêu cầu quý vị về lều Liên Hợp Quân Sự để làm việc... (Khi có một vấn đề không giải quyết được tại lều trao trả thì hai bên trao trả, tiếp nhận; sĩ quan của Ban Liên Hợp của hai bên về lều Liên Hợp để tìm cách giải quyết: Thủ tục hai bên ấn định). Trong khi chờ đợi, nhân viên dân sự ngồi tại đây, không ai được tiếp xúc, khích động. Ngọc kết luận mở qua một hướng tấn công mới...

Nhóm người giản ra, Mẫm ngồi xuống. Tôi nhìn thấy nét mệt mỏi tàn tạ trong ánh mắt của anh. Mẫm đã vào một trận đấu không có ý niệm đủ, trận đánh quá xa lạ, khốc liệt và anh ý thức mình chỉ là một cái cớ vô nghĩa khởi đầu cho xung đột. Mẫm không còn là sinh viên y khoa Huỳnh Tấn Mẫm, Chủ Tịch Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, người dẫn đầu lực lượng xung kích xuống đường phố Sài Gòn đòi quyền sống. Mẫm đã trở thành một cái "cớ" không hơn không kém, một cái "cớ" bị triệt tiêu!! Chúng tôi để Mẫm ngồi lại gian lều; đám trật tự của Mặt Trận vây chung quanh xì xào...

Mẫm ngồi lại trong hững hờ sau cơn huyên náo tàn nhẫn, hai bàn tay bám chặt trên chiếc băng đôi mắt nhìn về phía trước để tránh hẳn tất cả gặp gỡ, tra hỏi. Nếu chạm phải một cái nhìn bất ngờ, Mẫm cười, nụ cười sẵn sàng muốn thoát khỏi thực tế tàn bạo đang vây bũa.

Tôi ngồi trong chiếc lều của Ban Liên Hợp cách lều trao trả nơi Mẫm ngồi một khoảng ngắn, tai lắng nghe bên ta cùng đối phương phân tích trường hợp Huỳnh Tấn Mẫm và các cách giải quyết. Hôm nay tôi không phải đấu, nhường nhiệm vụ nầy lại cho thiếu tá Chương, sĩ quan Liên Hợp cùng Tiểu ban Tù binh với tôi. Chúng tôi đủ sức đè bẹp cái đối phương tội nghiệp ngày hôm nay, như đợt đầu vừa qua giữa Ngọc và Dũng, chúng tôi đã chiếm thượng phong rõ rệt. Cán bộ cộng sản không phải chỉ có ưu điểm; Rành lý

luận và biện luận giỏi hơn phe ta; họ chỉ học thuộc bài hơn. Bài học độc nhất. Nên chỉ lên lớp, vượt đượt "kẻ vô học", người không quen trận địa miệng lưỡi. Hơn một năm qua ở bàn hội nghị cũng như các địa điểm trao trả chúng tôi đã thấy rõ được bài học của đối phương, nên khi đẩy vấn đề ra khỏi phạm vi bài học, cán bộ cộng sẽ ngất ngư đến độ buồn cười. Tên tôi được Chương nhắc tới... "Đại úy Nam sẽ trình bày các chi tiết của thủ tục trao trả ở đoạn nói về các trường hợp tương tự như của nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm và cách thức phát biểu ý kiến..." Chương nhường lời cho tôi.

Tôi bắt đầu: Trước mặt tôi có hai bản thủ tục, một bản của chúng tôi, một bản của quý vị, hai bản có nội dung khác nhau và một vài vấn đề chưa được thỏa thuận, nhưng quả tình cả hai đã thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản để làm "khung" (tôi dùng một từ ngữ của họ) cho việc trao trả và tiếp nhận. Chính trong bản văn của quí vị cũng công nhận tính chất nầy qua câu kết luận: "Tuy chưa có sự thỏa thuận chính thức của cấp trưởng đoàn nhưng thủ tục trao trả nầy có giá trị thi hành...". Văn bản của quí vị thiết lập chính thức từ 21-7 đã được xử dụng trong hai cuộc trao trả ngày 23, 24 tháng 7 năm ngoái cũng tại địa điểm nầy. Và cũng đã từng áp dụng cho trường hợp hai mươi mốt nhân viên dân sự gốc sinh viên tương tự như anh Huỳnh Tấn Mẫm. Vì tính chất thực tế và thực dụng của những thỏa thuận căn bản, đã từng áp dụng qua nhiều lần trao trả, hôm nay tôi nhắc lại những điều nầy để giải quyết trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm"...

- Thỏa thuận thứ nhất là người phát biểu ý kiến chỉ được hỏi khi bên trao trả đã trả hết danh sách trong đó có người ấy.
- Bên tiếp nhận chỉ được phép hỏi ba câu: Câu thứ nhất hỏi tên, họ, năm, nơi sinh; câu thứ hai hỏi lý do bị bắt tức là những hoạt động trước kia gây nên duyên cớ bị bắt giữ,và câu chót hỏi về nguyện vọng (Tôi xin nói rõ ở đây, trong cả hai bản thủ tục chỉ có từ ngữ "phát biểu ý kiến"). Và nguyện vọng ở đây được xác định là nguyện vọng thay vì đi về theo bên tiếp nhận thì xin được ở lại phía bên trao trả. Nguyện vọng nầy sẽ được thực hiện khi trả lời câu hỏi: Nay xin ở lại quận, tỉnh nào... Sở dĩ chúng tôi đã cấu tạo nên câu hỏi trên vì muốn tránh tính chất khích động từ những câu hỏi: Nay xin về với Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa hay theo Chính phủ Lâm Thời; cũng vì muốn tránh những khích động tạo căng thẳng tại địa điểm trao trả nên chúng tôi mới đề nghị dùng ghi chú "xin ở lại" ở cột cước chú để tóm tắt nguyện vọng của người phát biểu thay vì những ghi chú như: Chiêu hồi, tìm tự do, ở lại với bên nào...

Những điều trên tôi vừa trình bày đến quí vị là những thỏa thuận căn bản đã thực hiện qua nhiều địa điểm trao trả. Thế nên hôm nay chúng tôi cần nhắc lại để giải quyết với trường hợp của nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm. Chúng tôi sẽ không thể nào giải quyết được vấn nạn mà chắc chắn quí vị sẽ nêu ra: Nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm không thuộc "diện trao trả", nghĩa là anh ta thuộc về một thành phần thứ ba, thứ tư nào đó. Chúng tôi xin mở rộng vấn đề nầy thêm một lần nữa để rồi khép lại dứt khoát vì vấn đề nầy hoàn toàn vượt khỏi khả năng, quyền hạn, trách nhiệm không những của chúng tôi mà cả quí vị. Những sĩ quan của Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên... Như danh từ "quân sự" đã xác định, nhiệm vụ của chúng tôi cũng như quí vị lại được Nghị Định Thư về Ban Liên Hợp Quân Sự xác định thêm một lần nữa, nhiệm vụ đó đã được nêu rõ từng dòng, từng chữ, nghĩa là một nhiệm vụ rất hạn chế và cũng rất cụ thể... Trong phạm vi trao trả, nhiệm vụ của "chúng ta" lại được xác định thêm một lần nữa ở điều 11(d) Nghị Định Thư về trao trả những nhân viên quân sự và dân sự tại các địa điểm trao trả mà cả hai bên thỏa thuận... "Quan sát" có nghĩa là nhìn, ghi nhận và báo cáo các diễn tiến, trở ngại, kết quả của các buổi trao trả lên trưởng ban của hai bên ở trung ương để các vị này thảo luận hoặc đưa lên cấp trưởng đoàn... Thế nên khi quí vị khai triển trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm để ép buộc chúng tôi phải quan sát, chứng kiến và cuối cùng giải quyết một trường hợp đặc biệt, xác nhận thành phần, lực lượng chính trị thứ ba, thứ tư, hoặc quá đáng hơn nữa, quí vị đẩy chúng tôi vào những cam kết nghiêm trọng như: Trả tự do cho các nhân viên dân sự này vô điều kiện, không được bắt lại, theo đúng nguyện vọng của người ta... Làm sao chúng tôi có thể thực hiện những cam kết, xác nhận như trên, không phải cấp trưởng đoàn của ban Liên Hợp Quân Sự mà ngay cả hội nghị cấp cao ở La Celle Saint Cloud cũng chưa thỏa thuận được về định nghĩa, xếp đặt cho thành phần thứ ba này... Chúng tôi chỉ là những sĩ quan trung cấp của một tiểu ban thuộc ban Liên Hiệp Quân Sự làm sao có thể giải quyết được một vấn đề nghiêm trọng, to lớn và rất phức tạp... Một vấn đề nhiều tính chất "chính trị" rất khác biệt với nhiệm vụ cụ thể của một sĩ quan trong tiểu ban trao trả. Tóm lại, chúng tôi cũng như trong quá khứ của khoảng thời gian tháng 4, 5, 6, 7 năm 73 trong lúc ngồi làm việc với quí vị trung ương để thiết lập thủ tục trao trả, khẳng định lại rằng: Chúng tôi chỉ làm việc theo nhiệm vụ của một quân nhân, ấn định rõ bởi các Nghị Định Thư về ban Liên Hiệp Quân Sự. Trong trao trả và chúng tôi làm việc theo thể thức nào. Đấy là thủ tục

trao trả hiện đang có trước mặt tôi. Một thủ tục có "giá trị thi hành", từ ngữ của quí vị. Để chấm dứt, tôi xin đúc kết thành khẳng định sau đây: Nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm sẽ được hỏi theo ba câu hỏi của thủ tục, và cũng chỉ trả lời theo ba câu hỏi đó. Nếu quí vị bảo rằng anh ta không thuộc "diện trao trả", có nghĩa không là đối tượng để trao trả thì chúng tôi gạch tên anh ra khỏi danh sách và mang anh ta về. Tôi chấm dứt.

Bên kia lều trao trả, Mẫm lặng lẽ ngồi nghe, chắc anh đang chọn lựa, so sánh và cân nhắc, những chỉ thị đã nhận trước có lẽ đã không có giá trị với thực tế vừa trải qua. Mẫm đã bị đánh bật ra khỏi địa bàn quen thuộc với những đối lực mãnh liệt, phũ phàng hơn anh dự tưởng. Qua khoảng sân nắng, tôi thấy Mẫm gục đầu.

Cuối cùng, Mẫm được giải quyết trong khuôn khổ thủ tục ba câu hỏi, anh chỉ yêu cầu đừng ghi là "hồi chánh" (lẽ tất nhiên) và ghi rõ nguyện vọng: "Xin trở về gia đình ở Sài Gòn" ở mục cước chú. Tôi mang xắc tay cho Mẫm đi về phía lều đợi, sát ở bãi trực thăng, ngang qua lều y tá, Nguyễn Thành Công, Tổng Thơ Ký của Tổng Hội Sinh viên, lúc Mẫm là Chủ tịch, tay mang băng "y tá" đưa tay lên chào Mẫm. Hai người tuổi trẻ nhìn nhau thật nhanh, hình như họ cố gắng cười với nhau nhưng không nổi.

Đến lều đợi, ngồi xuống bên cạnh Mẫm, sẵn có trung úy Vượng, dân Đại Học xá Minh Mạng quen với Mẫm từ trước, sĩ quan báo chí của phái đoàn gợi chuyện; tôi tìm lời nói mở đầu thân thiện nhất. Tôi tự giới thiệu, Mẫm gật đầu xác nhận có đọc qua những bài báo của tôi. Lấy đà từ sự kiện này tôi nói cùng Mẫm:

- Trước kia tôi rất chống đối hoạt động của anh, ở vị thế của một người lính chiến đấu, từ chiến trường nhìn về một hậu phương hỗn loạn trong đó các anh nhân danh hòa bình, dân tộc để đòi chấm dứt chiến tranh, nhưng trong cách thế đấu tranh đó các anh đã đề cao người cộng sản và sỉ nhục chúng tôi. Chúng tôi còn gọi đó là thái độ vong ơn với những kẻ góp máu để các anh sống ở hậu phương, không những chỉ chống đối, tôi cũng nhìn các anh như là những hiện tượng cần phải hủy diệt, đánh nát. Nhưng bây giờ, sau những ngày sống cùng sinh hoạt này, tôi biết được thêm nhiều chuyện, biết để nghĩ rằng thái độ của mình trước kia tuy căn bản không sai nhưng quả tình thiếu nhiều tinh tế và quá hạn chế. Trước thì tôi nghĩ các anh bị cộng sản giật giây, nếu không muốn nói là cộng sản chính cống, nhưng bây giờ qua hai năm sống và tranh đấu trực tiếp cùng họ, hai năm chìm ngập trong hoạt cảnh bi thảm tù tội, tôi có những ý kiến khác về anh, về anh Công, rộng rãi hơn về những người tranh

đấu chống chính quyền. Tôi nghĩ trừ một thiểu số nhỏ, những "nhân tố cơ sở" (chữ Việt cộng) mà cộng sản "cấy" vào lòng các tổ chức sinh viên, các tổ chức tranh đấu hòa bình là những cán bộ cộng sản đích thực, còn ngoài ra, anh hay các bạn trẻ dù có nhận tài liệu từ khu đưa vào, dù có được đón đi vào Hố Bò, Bến Mương, Tây Ninh học tập, các anh vẫn chưa là người cộng sản, không bao giờ có thể là người cộng sản, cộng sản thuần túy từ lý lịch quá khứ đã tạo dựng lên. Các anh chỉ là những người trẻ tuổi không muốn thỏa hiệp với một chính phủ nhiều sơ hở, nhiều khuyết điểm, tôi không thể phủ nhận tính chất này và có muốn phủ nhận cũng không được, vì ngay cả ông Thiệu, ông Hương cũng đã báo động về tham nhũng, đã kêu gọi tiếp tay để diệt trừ tham nhũng. Trước một xã hội như thế, hoài bảo, trí thức và lòng tự trọng của tuổi trẻ không cho phép các anh thỏa hiệp, và các anh phải phất cờ tranh đấu. Nhưng tranh đấu thì phải có kỹ thuật, tranh đấu phải có mục tiêu. Thế thì còn ai ngoài người cộng sản để tặng đến cho các anh hai khí giới chiến thuật cần thiết đó. Và dần theo sự giải thích của họ, anh thấy mục tiêu của mình "có vẻ giống" mục tiêu của họ. Anh nhận thấy họ cùng anh ở một tuyến chiến đấu. Nhưng vấn đề không dừng lại ở đây, những mục tiêu chiến lược gói trọn cả hoài bảo tuổi trẻ của anh đối với người cộng sản chỉ là một mục tiêu chiến thuật đoản kỳ. Đối lại thái độ nhận họ vào tuyến chiến đấu chung của các anh, thì họ chỉ xử dụng các anh như những đội ngũ tiền phong ở một vài giai đoạn nào đó, trong một vài địa bàn nào đó, như những năm 1966 - 67 ở đường phố Sài Gòn. Họ luôn luôn bảo vệ lực lượng chiến lược căn bản gồm những công - nông trung kiên với "đảng tính" tinh truyền, các anh chỉ là những "trí thức trẻ" thặng dư để lót đường trong một chiến dịch. Một chiến dịch chứ không là trận đánh cuối cùng, quyết định. Nhưng đến đây, tôi cũng phải nói rõ niềm thán phục của tôi đối với anh; những người tự bỏ đời sống bình yên để dấn thân vào cuộc đấu tranh mang đến nhiều cay đắng, thua thiệt. Nếu như những người khác, giờ này anh và anh Công chắc đã trở thành bác sĩ bình yên ở Sài Gòn, nhưng các anh đã chọn con đường chông gai, các cô Lan, Huệ đã lựa những vị thế bão táp... Chúng tôi thán phục sự chọn lựa can đảm đầy hy sinh cao đẹp này. Đến đây, anh Mẫm nếu có, cũng đừng nghĩ rằng tôi đang làm một công tác "chiến tranh tâm lý", công việc này tôi không quen làm, cũng không xứng đáng để tôi thực hiện cùng anh, được như thế thì tôi mới nói tiếp - Tôi ngần ngại một chút, xong tiếp tục - Tôi nghĩ rằng sự chọn lựa vừa rồi của anh đứng đắn, cũng như các anh Công, cô Lan, cô Huệ đã thấy, Lộc Ninh nầy

không phải là thế giới của các anh, các chị. Thế giới, không khí, môi trường của các anh là ở Sài Gòn, trong giảng đường, giữa cộng đồng sinh viên, chỉ những nơi nầy anh mới có mục tiêu, cuộc tranh đấu của anh mới có ý nghĩa, chứ ở đây các anh còn gì nếu không là hình ảnh của anh Công mang băng y tá, ngồi trước mui một chiếc xe Hồng Thập Tự công tác cùng với những "bác sĩ", chị "y tá" mà khả năng chuyên môn là điều đùa cợt với danh xưng và trong ánh mắt chỉ loáng lên những tia nhìn rình mò nghi kỵ hạ đẳng. Anh về lại Sài Gòn học tiếp xong bằng bác sĩ, kết tập kinh nghiệm, mở thế tranh đấu mới trong tinh thần độc lập sắc son của quê hương, dân tộc... Nếu có thể tôi xin làm người viết diễn văn, dán bích chương cổ động cho anh.

Mẫm cười, phải, tôi cũng chỉ chờ đợi nụ cười tự nhiên trong sáng đó, tôi không biết anh nghĩ gì về lời tôi nói, nhưng chắc rằng, (hy vọng như thế) anh không bỏ qua lòng thành thật của tôi. Bây giờ, tháng 4-74, hai tháng sau ngày trao trả, Mẫm vẫn bị biệt cư với một vài điều kiện nào đó, ước mong chính quyền có những biện pháp tích cực, uyển chuyển hơn để chấm dứt tình trạng hạn chế của Mẫm, vì quả tình đó chỉ là những người lãng mạn đẹp đẽ mang nhiệt tình vào đời sống nhiều hư hại nầy mà thôi.

Lộc Ninh hai ngày sau, hôm nay chính tôi đứng trao trả, một tù nhân nổi tiếng khác: Luật sư Long. Ông Long ngồi ở băng cuối cùng, ngồi hẳn về một góc riêng rẽ, hai tay chống lên đùi chắc nịch tự tin, bên cạnh không phải chỉ một gói hành lý như Huỳnh Tấn Mẫm, luật sư Long có đến một đống hành lý gồm nhiều xắc tay cồng kềnh. Ông già ngồi vững chải, mắt quyết chí, đôi mắt nhỏ long lanh sau lớp kính trắng. Tôi nhủ thầm, ông ta chắc chắn sẽ có thái độ khác hẳn Mẫm hay Huỳnh Văn Trọng những ngày trước. Thái độ đó như thế nào, tôi không tiên đoán được, nhưng cảm thấy có một dự mưu và bề ngoài hăm hở kia chỉ là một lớp sơn che dấu. Từng tên người, từng người tù xao xuyến, còm cõi đi qua... Số 23, Nguyễn Long. Luật sư Long đứng dậy, cầm tay nải, một anh cộng sản có nhiệm vụ tiếp đón, đón lấy hai xắc lớn khác, ông đi thẳng không nhìn qua lại, không lộ vẻ ngần ngừ, hai dãy sĩ quan Ủy Ban Quốc Tế và Liên Hợp quân sự theo dõi lần lần bước chân của ông Long. Ông đi thẳng từ lều trao trả qua lều chờ đợi, ngồi xuống cùng đám tù chung danh sách vừa được trao trả. Chúng tôi trả thêm hai người cuối cùng (Danh sách hai mươi lăm người), các nhân viên thuộc Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa cùng các cán bộ cộng sản trao đổi nhau ý kiến chót trước khi để tôi cùng thiếu tá Dũng (Mặt Trận Giải Phóng) ký xác nhận cuối cùng

ở cuối bản danh sách. Bỗng tôi nghe từ bên lều đợi, cách trao trả khoảng năm thước những tiếng xôn xao, luật sư Long đang sửa soạn tuyên bố vài điều gì đó. Mấy viên sĩ quan Mặt Trận hấp tấp đi tập họp đám sĩ quan Ủy Ban Quốc tế, Thiếu úy Khánh (Mặt trận Giải phóng) sĩ quan phiên dịch đang oang oang gọi viên Chủ Tịch Hung Gia Lợi. (Mỗi phái đoàn quốc tế thay phiên nhau làm chủ tịch một tháng), một anh thiếu úy mặt non, búng ra sữa với những trịnh trọng khôi hài... Như thế này là không được. Tôi bỏ tờ danh sách sắp ký xuống chạy băng qua lều đợi...

- Bác không thể tuyên bố, họp báo hay phát biểu ý kiến gì ở đây được. Thủ tục chỉ quy định phát nguyện vọng tại lều trao trả và trong lúc tiến hành trao trả mà thôi. Tôi nói cùng luật sư Long.
- Tôi muốn phát biểu ý kiến, tôi không rõ thủ tục, tôi nghe nhầm, cho tôi phát biểu ý kiến.
- Bác phát biểu ý kiến gì?...

Đôi mắt ông Long hốt hoảng, hai tay ông mở ra phân bua:

- Tôi có tội chi, tôi có tội chi, cho tôi phát biểu ý kiến trở về Việt Nam Cộng Hòa. Bốn chữ chót nầy làm lấp trí khôn, mất hết phản ứng vốn rất nhậy, tôi tưởng rằng ông Long muốn trở về thật, sự hăng hái đi thẳng vừa rồi chỉ vì không nghe rõ lời hướng dẫn thủ tục về cách phát biểu nguyện vọng trước khi cuộc trao trả bắt đầu... Nhưng chỉ sau ba phút, tôi đã biết mình nhầm lẫn, bị mắc lừa. Trở về VNCH, tôi nghĩ ông Long cũng như Mẫm hay Huỳnh Văn Trọng. Đến lúc chọn lựa cụ thể nhất đã chọn Việt Nam Cộng Hòa; vì quả tình chỉ có trong cộng đồng nầy họ mới là Nguyễn Long, Huỳnh Văn Trọng, Huỳnh Tấn Mẫm, qua phía Mặt Trận Giải Phóng, họ sẽ không là gì hết. Cán bộ cao cấp như Phùng Văn Cung, Phạm Văn Bạch cũng chỉ là những chỗ ngồi bung xung thôi, huống gì chính sách sa-lông Nguyễn Long, thành tích tranh đấu không gì ngoài ba tuyên cáo chưa hề được phổ biến đến dân chúng. Tôi dẫn ông Long trở lại lều trao trả để ông phát biểu nguyện vọng, những sợi tóc trắng trên một thân thể đã vào tuổi già làm tôi chùng xuống, tôi quên mất đề phòng trong cảm giác xót xa nầy. Ông Long ngồi xuống băng ghế, liếc mắt thấy đủ tất cả các viên sĩ quan của Uỷ Ban Quốc Tế, đột nhiên ông vùng dậy, mau như một con nai khi thoáng tiếng động...: Tôi, Nguyễn Long, luật sư, 65 tuổi người xã Diên Khánh, phủ Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, nhà tôi ở 42 Võ Tánh Sài Gòn, văn phòng tôi ở 40C Gia Long Sài Gòn. Năm 1961 tôi tham gia vào Phong trào Dân Tộc tự quyết, năm 1965 tôi tham gia vào Ủy Ban Bảo Vệ Hòa Bình tôi bị bắt thả ra, rồi năm 1971 (?) tôi bị bắt lại và hôm nay đem trao trả cho

Chính Phủ Lâm Thời... Tôi không phải là người của Chính Phủ Lâm Thời (Chánh Phủ Mặt Trận Giải Phóng) nhưng bây giờ tôi xin tỵ nạn chính trị tại Lộc Ninh này!!

A!Ø ra thế!! Tôi đã bị ông Long lừa một cú lớn, tôi đã bị đôi mắt lạc thần, hai bàn tay run run mở ra cùng câu nói như tiếng khóc "tôi có tội chi" làm mờ mắt, tôi bị những sợi tóc bạc, khối thân thể già nua mệt nhọc làm mất hết năng lực nhận xét, nên đã vội vã đưa ông về lều trao trả và ông đi được bước "phát biểu ý kiến" chính thức trước Ủy Ban Quốc Tế... Nỗi sợ hãi "đẩy" một người oan uổng về phía đối phương đã khiến tôi quên mất âm mưu này của phía cộng sản; suốt ba tháng 4, 5, 6 và tháng 7 năm 1973 tại bàn hội nghị, qua hàng chục lần trao trả ở địa điểm này, chưa bao giờ phía Mặt Trận Giải Phóng thực hiện được một cú "phát biểu ý kiến" đầy đũ như lần nầy!! Lần nầy là lần độc nhất và chắc cũng là lần cuối cùng. Tôi có thêm được một kinh nghiệm xác đáng. Không bao giờ đem tinh thần nhân ái ra sống cùng Cộng Sản... Phải nhớ như in vào óc như thế, một lần nầy quá đủ... Tôi đưa tay ngắt lời ông Long, nói lớn gấp năm lần ông Long, nói lớn gấp mười lần lời phiên dịch chát chúa của viên thiếu úy cộng sản.

- Thưa quí vị, nhân viên dân sự Nguyễn Long đã được chúng tôi trao trả đúng thủ tục và không có một ý kiến, một nguyện vọng nào của nhân viên dân sự này được ghi nhận trong khi diễn tiến cuộc trao trả. Sự kiện phát biểu ý kiến của nhân viên dân sự Nguyễn Long sau khi cuộc trao trả hoàn tất chỉ là do thiện ý (quả tình như thế) của chúng tôi, tưởng để làm sáng tỏ một nguyện vọng, nhưng bây giờ biến thành một cuộc kích động, tố cáo. Chúng tôi chấm dứt sự phát biểu này vì sai hẳn thủ tục trao trả. Về phần bác, tôi đã trao trả xong, xin mời bác đi (tôi nói riêng với ông Long).

Ông Long bước đi, bước chân vui thích sốt sắng, cán bộ Mặt Trận Giải Phóng chung quanh tỏ vẻ hớn hở. Nhưng rồi có ra gì, đi đến đâu, Ủy Ban Quốc Tế "ghi nhận" sự kiện, và nhân viên dân sự Nguyễn Long chìm hẳn vào màu xanh đậm ngắt của rừng Lộc Ninh.

Lần đầu tiên trong hai năm "đấu" cùng cộng sản, tôi bị thua một đòn, thua vì nghĩ ông Long là người "quốc gia"; thua là vì yếu tính "quốc gia" làm mờ khả năng phòng ngự... Nhưng quả tình tôi không thua nặng lắm, kẻ thua thật sự là những Nguyễn Long, Nguyễn Thành Công, Trần Thị Lan, Võ Như Lanh, những người đem nhiệt tình vào trận, ném lên chiếu bạc đấu tranh chính trị tất cả nồng nàn cao quý của những con tim sáng ngời trung chính; Để đến cuối đường nơi khu rừng Lộc Ninh, trên đám rẫy vùng đồi đất đỏ, trong

đêm khuya qua liếp cửa lộng gió, chập chờn giữa những giấc ngủ bị rình rập, theo dõi. Họ có được gì, còn được gì, ngoài nỗi tan vỡ bi thương của một tâm thức lãng mạn không đất sống.

Tháng 2, 1974

Tù binh và hòa bình

Thời đại của gian dối

Ngày gần hết, ánh nắng loáng vàng trên mặt sông, chiều ngày đầu năm váng vất khí lạnh mùa đông còn sót lại. Tôi đứng nhìn về bờ nam sông Thạch Hãn, lá cờ Vàng bay phơi phới trên bầu trời xanh thấp mây trắng. Lòng nôn nao nhẹ nhàng, tôi muốn được trở về bên bờ kia mau chóng. Toán chót của tù binh vừa được trao trả xong, cuộc họp cuối cùng của ngày bắt đầu. Nói và họp, người Cộng sản chuẩn bị, liên kết hai công việc vào nhau gọn ghẽ, thích thú.

Sự chán mứa dâng cao cùng cực trong khi tôi ngồi xuống chiếc băng ghế cứng, một nữ cán bộ phục dịch "công tác" ngay một ly trà bốc khói. Tất cả đều được tính toán kỹ.

Thiếu Tá Nguyễn An Giang chỉ huy trưởng địa phương bắc sông Thạch Hãn đứng dậy tuyên bố khai mạc buổi họp, kiểm điểm công tác trong ngày, rút ưu khuyết điểm, hoạch định công tác ngày mai. Từng chữ nghĩa vô bổ, trống rỗng va chạm nhau đều đặn tuông ra, khuôn mặt tái xanh đông cứng nghiêm trọng. Thiếu Tá Giang đúc kết công tác trong ngày bằng những thành ngữ quen thuộc:
Công tác tiến triển tốt, phản ảnh được tinh thần hòa giải và hoà hợp dân tộc, hai bên thực hiện cuộc trao trả đúng như đã dự định trong tinh thần tích cực, khẩn trương công tác đúng theo như điều 8(a) Nghị Định thư, chấp hành nghiêm chỉnh bản Hiệp Định chấm dứt chiến tranh đã được nhân dân tiến bộ yêu chuộng hoà bình trên thế giới ủng hộ...!!!

Tôi ngồi lơ đãng nhìn đám mây xám phủ xuống cuối con sông nơi phía Ngô Xá Đông, nhớ lãng đãng lần trực thăng vận của chiến trận mùa đông năm 1967 trên vùng đất cát đó... Cuốn sổ đặt trên đùi được ghi vắn tắt vài con số, số tù binh được trả trong ngày... Thiếu Tá Giang tiếp tục:

Để chấm dứt phần kiểm điểm công tác trong ngày, tôi xin nêu thêm một điểm nhỏ để Đại Úy Nam (thay vì dùng chữ "phía VNCH") ghi nhận để sửa đổi lại cho phù hợp với tinh thần Nghị Định thư và Hiệp Định ngưng bắn (!) Đấy là tiêu đề của mỗi bản danh sách nhân viên quân sự của phía Chính phủ cách mạng lâm thời (!) được quân cảnh (chỉ có từ ngữ "quân cảnh" không có từ VNCH) giao trả. Vì theo như chúng tôi ghi nhận, "tinh thần của Nghị Định thư và Hiệp Định ngưng bắn" là để hai bên miền Nam - Bắc Việt Nam có cơ hội hòa giải, hòa hợp, trao đổi nhân viên quân sự và dân sự, vì vậy tiêu đề ãTù binh Cộng Sản Bắc Việt xâm nhậpã ghi trên mỗi bản danh sách không phù hợp với thực tế pháp lýã của tinh thần Nghị Định thư (!) vậy nên yêu cầu Đại Úy Nam ghi nhận và sửa đổi...

A! Lại một đòn mới, kết quả của cuộc "hội ý" suốt buổi chiều nay giữa các đầu óc cách mạng! Tôi ngồi thẳng dậy, vụt bỏ sự lơ đãng,chuẩn bị nghênh đón đối phương. Đ...m, đúng là Việt Cộng. Tôi bực dọc chửi thề trong bụng. Vì hôm nay (19-2-1973) là ngày trao trả thứ ba của đợt II tại địa điểm này, bờ bắc sông Thạch Hãn. Từ ngày đầu của cuộc trao trả (12-2) tại các địa điểm khác như Lộc Ninh, đâu đâu, Quân cảnh VNCH vẫn dùng tiêu đề đó trên các bản danh sách, và rõ ràng hơn ba ngày trao trả trước tại đây, các danh sách với tiêu đề đó vẫn không đặt nên vấn đề, nhưng hôm nay... Lại dở trò mới rồi... Tôi tập trung chú ý lại. Khi Thiếu Tá Giang ngồi xuống thì đến Thiếu Tá Vầy trưởng tổ Liên hợp phe Mặt trận giải phóng thuộc Tiểu ban Tù Binh Trung ương phát biểu ý kiến. Thêm một màn lập lại: Cám ơn quí vị trong Ủy ban Kiểm soát và Giám sát Quốc tế đã tích cực tham gia vào công tác kiểm soát cuộc trao trả nhân viên quân sự... Thể hiện tinh thần hòa giải hòa hợp (!). Cám ơn chính quyền địa phương (?) đã tổ chức chu đáo (!) và cuối cùng là "điểm nhỏ": Theo điều 1 và 2 của Nghị Định thư về Tù Binh thì chỉ phân loại ba thứ tù binh: Nhân viên quân sự và dân sự của Hoa Kỳ và các nước ngoài, nhân viên quân sự và dân sự hai bên miền Nam Việt Nam vậy ý kiến của Thiếu Tá Giang là một thực tế (!) phản ảnh đúng tinh thần Nghị Định thư nên yêu cầu Đại Uý Nam ghi nhận và sửa đổi!!!

Thiếu Tá Vầy ngồi xuống, bật cái hộp quẹt Thăng Long đốt điếu thuốc lá Điện Biên khói bay khét lẹt, rung đùi lắng tai nghe Đại Úy Lân của Bắc Việt phát biểu ý kiến... Cám ơn quí vị... Tinh thần hòa giải và "điểm nhỏ" của Thiếu Tá Gang vừa nêu ra... Theo điều 1 và 2 Nghị Định thư!! Một lập lại lần thứ ba qua người phát biểu!! Một lập luận được ba người lập lại trong nghiêm trọng, được dịch lại ba lần bởi một thứ "broken English" rất vất vả. Vòng tròn người ngồi nghe

nghiêm trang, những cái đầu gục gặc tán thưởng đồng ý lẫn nhau, hai anh Hung Gia Lợi và Ba Lan gật mạnh đầu hơn hết, tra cứu cuốn sổ nhỏ để tìm điều 1 và 2 Nghị Định Thư... Những đôi mắt đăm chiêu lướt vội trên giòng chữ, những xì xào to nhỏ xác nhận ãthực tếã của tù binh căn cứ trên điều khoản Nghị Định thư... Tất cả màn kịch khôi hài gian trá được đồng tình khai triển tối đa. Đợi lúc Đại Úy Lân và tên thông dịch viên ê a luận lý điều 1 và 2 Nghị Định thư tôi làm việc thật mau trong đầu... Điều 1 và 2 Nghị Định thư quả thật qui định không có tù "Cộng Sản Bắc Việt" trong đó, suốt bản Hiệp Định ngưng bắn cũng không có một chữ nhắc đến Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa... Vậy thì trả lời như thế nào? Căn cứ ở đâu?... Bản Hiệp Định hay là tấm màn nói dối vĩ đại đã được cả thế giới tán thưởng!!! Đại Tá Thompson của phái đoàn Hoa Kỳ đẩy đưa vài lời cám ơn, nêu con số các chuyến bay trong ngày và kết thúc bằng một lời cám ơn khác. Người bạn đồng minh độc nhất không thể giúp gì tôi hơn được vì hôm nay 18-2, Bắc Việt vừa thả đợt 2 tù binh Mỹ ở sân bay Gia Lâm: Tù binh Hoa Kỳ, gánh nặng lớn cuối cùng của chiến tranh Việt Nam cần phải giải quyết nhanh chóng trước tiên.

Tôi đứng dậy. Nắng cuối cùng của ngày đầu năm đã tắt, vùng núi đồi phía tây La Vang mờ trong sương xám, ngọn cờ Vàng ở đầu cầu Quảng Trị bay phần phật. Khói đạn pháo binh Bắc quân bắn vào vùng Tích Trường, Như Lệ của Nhảy Dù Việt Nam dâng cao từng cột... Hình ảnh xa nhưng vang dội đau đớn trong lòng. Tôi lâm chiến:

Thưa quí vị, tôi xin được thông qua các con số tù binh do chúng tôi trao trả trong ngày mà quí vị đã tận tường, tôi cũng xin thông qua các ưu điểm mà quí vị vừa xác nhận. Tôi xin đi thẳng vào "điểm nhỏ" mà Thiếu Tá Giang vừa nêu ra... Đó là "Tiêu đề Tù binh". Thưa quí vị, tiêu đề "Tù binh Cộng sản Bắc Việt xâm nhập" hay "Tù binh Cộng sản hồi kết" hay "du kích" là những tiêu đề hiện thực tính chất thực tế về người tù binh đã được Quân cảnh Việt Nam Cộng hòa thiết lập khi hoàn tất lý lịch căn cứ trên cung từ của mỗi người tù. Cung từ của mỗi tù binh được lập nên, đúc kết từ những câu hỏi liên quan đến các yếu tố cụ thể sau đây: Sinh quán của tù binh, ví dụ như tù binh đó sinh ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Quảng Ngãi hay ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Nghệ An. Đơn vị của tù binh đó, ví dụ như tù binh thuộc các đội du kích ở Tân Bình, Gia Định hay các Công trường 5, 7, 9 của lực lượng võ trang thuộc Mặt Trận Giải Phóng miền Nam hay các Sư đoàn 308, 320, 324 B, 325 của Quân đội Nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cung từ của tù binh cũng xác định nơi xuất phát của đơn vị mà tù binh đó trực thuộc. Ví dụ như tù binh du kích thuộc

xã Xuân Thới Thượng quận Tân Bình tỉnh Gia Định xuất phát từ mật khu Lý Văn Mạnh nằm giữa Long An, Hậu Nghĩa, Gia Định, hay tù binh thuộc Công trường 7 xuất phát từ vùng Mõ Vẹt vượt biên giới Việt Miên tấn công vào Lộc Ninh, tràn xuống An Lộc. Và tù binh có tiêu đề "Cộng sản Bắc Việt xâm nhập" thì được chỉ định cho những người phát xuất từ Nghệ An, theo đường mòn Hồ Chí Minh hay đường dây "Xã hội Chủ nghĩa" xuống nam Lào đến Tchépone theo đường số 9 vượt biên giới Lào Việt vào tham chiến tại mặt trận Trị Thiên. Cụ thể là tù binh thuộc Sư đoàn 325 Tổng trừ bị Quân đội Nhân dân Bắc Việt đang có mặt tại đây, tỉnh Quảng Trị của VNCH... Hiện thời, đã ở đây rất lâu.

Tôi ngừng nói, đưa mắt đi một vòng, Thiếu Tá Giang, Thiếu Tá Vầy, Trung Tá Martin (Hung), Đại Tá Garrick (Gia Nã Đại)... Những ánh mắt khó chịu, những tia nhìn phẫn nộ... A! Ra tất cả đều muốn tránh xa sự thật, tất cả đều muốn bỏ qua sự kiện có một nước Nam Việt Nam, mọi người đều đồng ý thực hiện một màn dối trá bịp bợm theo khuôn mẫu của Hiệp Định ngưng bắn. Tờ cam kết được cả thế giới hoan nghênh. Mà giá trị đích thực chỉ là mảnh giấy tráo trở chứng nhận trò bịp lớn của thế kỷ và che dấu sự thật đau đớn của người Việt Nam.

Tôi hơi khép đôi mi, hình như những gân máu nằm trong mắt nổ to, căng phồng những lượng nước mắt phẫn nộ. Phía trái bên kia con sông thành phố Quảng Trị tan vỡ như một dấu tích ngàn đời không nguôi ngoai, Cổ Thành, Tòa Hành Chánh, nhà thương... Đống đá vĩ đại bi thương kia chỉ cách năm trăm thước, như ngọn lửa đốt cháy thêm lòng thù hận... Tôi gằn mạnh từng chữ, tiếp tục:
Và hơn ai hết, quí vị đã biết rõ, biết rất rõ những sự thật sáng như ánh mặt trời mà tôi vừa kể đến. Điều 1 và 2 của Nghị Định thư chỉ là một trò chơi chữ nghĩa muốn xóa tan một sự thật. Đó là có một nước Bắc Việt xâm lăng, tấn công miền Nam Việt Nam! Nếu quí vị có một trí nhớ khả dĩ, quí vị hãy nhớ năm 1966 chúng tôi đã phóng thích một số tù binh thuộc quân đội chính qui Bắc Việt về bên kia bờ bắc sông Bến Hải với những danh sách được thiết lập cùng tiêu đề này... Từ năm 1966 đến nay tính chất, lý lịch của những người tù binh căn cứ trên các yếu tố cụ thể vừa kể không thay đổi, vậy hôm nay không có lý do gì bắt chúng tôi phải xóa bỏ tiêu đề đó. Thế nên tôi xin lập lại: Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì tiêu đề "Tù binh Cộng sản Bắc Việt xâm nhập..." cho đến ngày chót của đợt trao trả tù quân sự đối với những tù binh gốc quân đội Bắc Việt.

Tiếng xì xào bất mãn, những ánh mắt toé lửa không che dấu. Tôi

đứng thẳng chịu đựng sự tấn công của bốn hướng, chờ đợi những phản ứng bùng nổ... Lê Thanh Lân (Bắc Việt) nghiêng vai qua Vầy (Mặt trận giải phóng), cặp mắt màu xám chớp chớp, chiếc đầu đội nón ông sao gật gật theo những lời của Vầy. Thiếu Tá Vầy đứng dậy: Đại Úy Nam đã trình bày dưới một dạng thức vô lễ, mặc dù ở đây, Đại Úy Nam là người nhỏ tuổi nhất, nhỏ cấp bậc nhất...
Tôi cười nhạt, đứng phắt dậy nói trong tiếng hét:
Ở đây, chúng ta họp nhau lại để làm những công việc của lịch sử không phải để phân định cấp bậc và xét xem phẩm chất của mỗi cá nhân trên khía cạnh luân lý...
Anh thông dịch viên Chi lắp bắp hỏi... Làm sao dịch, có phải dịch không? Chẳng cần. Tôi ngồi xuống với một hân hoan tội nghiệp. Trước hay sau sự thật cũng đã bị đồng tình chối bỏ... Ý nghĩ xẩy đến làm rả rời, trầm hết xuống tất cả mọi ồn ào. Tôi nén tiếng thở dài...

Trở về bờ Nam, trời mù sương, chiếc máy bay bốc khỏi bãi đáp đưa toán Ủy ban Quốc tế và Ban Liên Hợp Quân sự trở về Huế, tôi đứng lại giữa đám gạch ngói và những người lính thủy quân lục chiến đang chuẩn bị lại tuyến phòng thủ đề phòng đêm xuống lũ giặc bắc bờ sông. Đi bộ về ngã ba Long Hưng xuyên qua những đống đá lớn trên những con đường trơn trợt. Tôi đang đi trong lòng Quảng Trị, thành phố có sức sống lâu dài kể từ ngày Chúa Nguyễn vào Nam Đây là gì nhỉ? Đứng tần ngần trước một "ngôi nhà" mà chiếc mái bê tông đã bị bẹp xuống sát nền đất, dãy cửa bị ép lại thành một đám sắt vụn như chiếc lò-xo bị rối... Phải chăng đây là quán sách ở góc đường Gia Long? Tôi nhìn về phía Cổ Thành rồi so sánh lại... Cũng không thể nhận ra ngôi nhà mà suốt năm 1967 đã nhiều lần la cà qua lại. Tôi đi trong thành phố Quảng Trị cố vận dụng tối đa trí nhớ cũng không thể gom đủ chi tiết về một chỗ ở đã qua sống cùng trong thời gian dài. Bên kia bờ sông, năm trăm thước bề rộng, cuộc đấu lý vừa qua như một khinh bỉ không lường. Lương tâm trung trực của con người ở đâu?? Tôi không hiểu khi Kissinger và Thọ ngồi phân tích từng chữ, gọt dũa từng dòng của Hiệp Định ngưng bắn, họ có ý thức đang cùng nhau thực hiện một dối trá ghê tởm chi phối mười lăm triệu người dân miền Nam Việt Nam, các bộ tham mưu của các văn phòng chính trị khi phân tách, nghiên cứu tìm hiểu có ai đã phải bật cười vì tính chất hồ đồ độc địa của những hàng chữ vô nghĩa có tác dụng che đậy tội ác vĩ đại. Tội ác cao như núi, tội ác ngập ngụa như biển máu, như rừng xác người đã nằm xuống trên chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng, của dãy người chết nằm rải rác dưới những gốc cao su dọc đường 13... Cả thế giới đều bịt mắt, toàn

thế giới vỗ tay, rung chuông, mở rượu, tung dây ngũ sắc để mừng hòa bình Đông Dương, đón mừng Hiệp Định ngưng bắn, chuẩn bị cho Nixon lãnh giải Nobel Hòa Bình, đồng công nhận Kissinger là "Ông Thế Giới" và chính phủ Hà Nội, tập đoàn cộng sản Bắc Việt là những kẻ tích cực góp phần xây dựng hòa bình thế giới... Đau đớn biết bao nhiêu. Đau đớn quá!!

Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình cho Việt Nam. Hàng chữ như một trêu ghẹo độc ác nhảy múa trong màn mưa, trên gạch ngói, những chữ rơi rớt lổng chổng trên con đường phố bị bóc hết nhựa hằn từng vết bùn đỏ chạch. Từ tờ đầu đến giòng chữ cuối không có một chương, một dòng ấn định rõ rệt sự kiện Bắc Việt đã xâm lăng miền Nam. Không một giòng xác định Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rút về phía bờ Bắc sông Bến Hải trừ điều 5, nói mơ hồ về sự rút quân của các quân đội không phải của hai bên miền Nam Việt Nam. Đau đớn và độc địa quá, đám lính Bắc chỉ cần qua một buổi học tập là biến thành quân đội giải phóng, nên người Quảng Trị sơ tán vào núi theo lực lượng vũ trang của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam (!!) Ai trên thế giới sẽ gánh chịu sự lừa dối nham hiểm thô bạo nầy. Hòa bình nào có được khi đám lính của các Sư đoàn 324, 325, 308, rặt một lớp người nói tiếng Bắc, dưới hai mươi tuổi, cố chấp, cuồng sát, cuồng tín biến thành "người Quảng Trị" kỳ quái trên, để sẵn sàng đào đường, chùi súng, sửa phi đạo, thiết lập giàn phóng hỏa tiễn trực chỉ vào bờ Nam sông Thạch Hãn?? Đây chính là tội ác của cả thế giới, từ anh trí thức bên trời Âu đến lũ ngụy hòa bình đang lúc nhúc tràn ngập ở miền Nam, từ tên thủ lãnh biển lận của thời đại thực dân còn sót lại ở Ba Lê đến anh chánh khách hèn mọn chờ thời làm con cờ lót đường trong buổi nhiễu loạn. Tất cả thế giới đang đồng lòng che mặt hóa trang dự buổi dạ vũ máu trên thịt xương người Việt.

Hay thật, sự lừa dối khi đến mức siêu đẳng đã biến thành sự thật. Tội ác khi đạt đến mức tinh vi biến thành hành động cứu rỗi, phụng sự con người. Kim Dung khi tạo ra Vi Tiểu Bảo làm trò cười cho độc giả, chắc hẳn đã ý thức được sự tan vỡ của thời đại này, trong đó những tên dối trá, những kẻ cường bạo chi phối, điều động đại cuộc. Và ghê tởm hơn, cả một khối đông thế giới đều đồng lòng xưng tụng tội ác...

Tôi đi trong Quảng Trị tan vỡ, đi trong mưa phùn, trên lầy lội, quãng đường dài xa xôi không còn lý hội... Cơn đau xót, nỗi phẫn nộ, trí căm hờn như át hẳn mưa rơi như xóa tan trời gió. Giông bão trong lòng nghe thắm thiết đau đớn mãnh liệt tưởng như dòng khí độc tác

hại hết giác quan... Làm gì được đây? Tôi làm gì được hở?!!

Tháng 3-1973 - Quảng Trị

Tù binh và hòa bình

Tù cộng sản... Tù cộng hòa

Phi đạo nằm theo hướng Nam - Bắc vạch một đường đỏ thẫm giữa lòng rừng cao su xanh lá. Trực thăng hạ xuống theo lối xoắn trôn ốc, mặt phi đạo hiện rõ dần... Bước xuống sân bay Minh Thạnh, cách quốc lộ 13 không đầy mười lăm cây số đường chim bay. Tôi vào đất địch.

Dưới tàng cây xanh im bóng, trong khu rừng tịch mịch, từ tốn hít từng hơi thuốc ấm, nghe tiếng gió vi vu thổi qua hàng lá dày... Tôi tận hưởng hết tất cả bình yên trước một ngày căng thẳng. Đám cán bộ cộng sản đến từ Sài Gòn đang "hội ý" với những cán bộ địa phương. Chỉ còn khoảng thời gian "trong sáng" này để sống cho riêng mình. Nửa giờ nữa, một con người thật lạ phải thế chỗ trong tôi.

Hôm nay, tôi dự kiến cuộc trao trả về phía cộng sản bốn trăm người và nhận lại hai trăm. Địa điểm này tôi đã xuống một lần, đã biết được thế nào là chiến pháp cư xử của cán bộ cộng sản miền Nam có cán bộ cộng sản miền Bắc chỉ huy kiểm soát. Biết, nên giương sẵn mọi cẩn thận đề phòng. Minh Thạnh - Tây Ninh. Mật khu Ba Thu nằm bên kia biên giới Miên - Việt chỉ cần một ngày một đêm di chuyển. Nhân viên của cục R đã ra mặt hoạt động. Khu rừng cao su mông mênh, những người Mỹ ngồi bên cạnh nhỏ to thì thào, tôi lọt hẳn giữa những bũa vây im lặng mở đầy phong ba.

...Để tránh gây khích động tâm lý nơi những người sắp được trao trả, để biểu lộ lòng yêu chuộng hòa bình đích thực trong tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc... Chúng tôi yêu cầu đại úy chỉ thị cho quân cảnh không được mang vũ khí vào khu vực trao trả, tất cả phải để lại trên máy bay...- Anh cán bộ Mặt Trận mở đầu.

Tôi cúi đầu nhìn xuống đất cỏ, phân chia lời nói theo các thứ tự để trả lời... Không được mang vũ khí, lại một khó khăn mới. Việt cộng quả hơn người ở điểm sáng tạo, mỗi ngày phải gây thêm một khó

khăn. Những đòi hỏi kế tiếp: Trực thăng không được lượn vòng trên phi đạo (?!); Quân cảnh phải gọi anh trước tên mỗi tù binh. Quân cảnh không được điểm danh tù khi trao trả (Dù phía MT chưa ký nhận chữ ký cuối cùng ở mỗi danh sách). Những anh Ủy Ban Quốc Tế gật đầu, những anh Bắc Việt gật đầu, những anh Mặt Trận miền Nam trong tổ Liên Hợp cũng gật đầu... Trung Tá Tuệ, gã cán bộ tuổi quá ngũ tuần, da xanh bụng ỏng ồ ề giọng nói đầy những âm thanh đặc thù của vùng quê Bắc Việt. Trung Tá Tuệ, chỉ huy trưởng phi trường Minh Thạnh, người có kiến thức quân sự phi trường ở câu nói: Cứ bảo máy bay C-130 đáp xuống đi, cán bộ phi trường của chúng tôi bảo đáp được...!! Cán bộ "kỹ sư phi trường" Minh Thạnh, một anh mắt toét, răng hô hấp him đôi mắt nhìn ra phi đạo ửng nắng gật gật chiếc đầu xác nhận sự đồng tình góp ý với ông chỉ huy phi trường. Ai bảo chủ nghĩa xã hội vô giai cấp? Chú Mạ Què quả tình là nhân vật chống cộng hữu hiệu và đúng cỡ nhất đối với cộng sản Á Châu.

Máy bay sắp đến, tôi phải chấm dứt màn kịch để bắt đầu công việc. Trung tá "tư lệnh" phi trường Minh Thạnh bệ vệ lên chiếc xe Jeep mang huy hiệu Nhảy Dù... A! Người cộng sản vẫn biết xỏ xiên láu cá như ai (vì họ thấy tôi mặc đồ rằn ri nên lấy chiếc Jeep bắt được của nhảy dù ra lái).

Cuộc trao trả bắt đầu với những phiền toái bực mình cố hữu. Những bộ áo quần gượng gạo vứt bỏ khỏi thân thể, những hộp trái cây, hộp thịt e dè ném đi, những cánh tay đưa lên hô khẩu hiệu hững hờ, những ánh mắt lơ láo, những cái siết tay nồng nàn nhạt thếch... Cả một lớp hài kịch bi thảm dằng dặt cũ kỹ được diễn lại trong gượng gạo thảm thương pha lẫn vị khôi hài. Bộ quần áo nâu mới và bọc quần áo (của VNCH cấp phát) được ném đi để nhận lại một tấm khăn rằn mỏng như vải mùng cùng một bộ áo quần xanh mới nhuộm lem luốc đậm nhạt từng khoảng màu loang lổ. Hài kịch "cách mạng" ném áo quần này không hiểu do rỉ tai nào đã xúi dục vì những cuộc trao trả trong những ngày đầu tiên (12, 13 tháng Hai 1973) tại các địa điểm Lộc Ninh, Thạch Hãn không thấy thực hiện, và chắc chắn không phải do tự ý tù binh; vì hơn ai hết, những người này sau khi được trao trả, họ sẽ không còn dịp nào để có những bộ áo lành lặn, tốt đẹp, chắc chắn như thế này. Bộ quần áo nâu có chữ T.B. (tù binh) bắt buộc phải cởi đi nhưng những chiếc quần lót, mùng chăn là những vật dụng không thể nào có được nữa. Chẳng phải là lý luận suông nhưng cứ nhìn y phục của đoàn quân "cách mạng" mới biết thế nào là sự thiếu thốn, tàn tệ của quân đội cộng sản, Cộng sản

Nam cũng như Bắc. Những bộ áo quần sờn mòn (đây là dịp trọng đại mới đem ra mặc) những chiếc dép vẹt đế. Tất cả y phục tội nghiệp nghèo khó đó thật khó hòa hợp với những khuôn mặt kiêu căng đầy vẻ tự mãn trẻ con đến độ buồn cười. Nét kiêu căng của "Nhân dân cách mạng giác ngộ" hiến thân cho Độc Lập, Dân Tộc và Chủ Nghĩa!!! Có một điều gì bất ổn trong cảnh sống của người cộng sản. Loại người đặt căn bản hành động trên hệ thống luận lý biện chứng duy vật nhưng lại hướng đến những tiêu chuẩn tâm linh nhiều hơn ai hết... "Tự do, Cộng sản, Xã Hội, Cách Mạng" rốt cuộc chỉ là những danh từ trống được bơm vào đó chút say sưa kích thích để xô đẩy cả bao thế hệ vào dòng vận động cuồng tín... Năm 1973, năm của những tiến bộ khoa học tưởng chừng như trong chuyện cổ tích, nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn phải khó khăn đấu tranh với từng mẫu sắn, từng lon gạo, một hai điếu thuốc khô, dăm ba chiếc kẹo ngọt trên bước đường đấu tranh thần thánh thực hiện chủ nghĩa xã hội thì quả tình quá tội nghiệp. Cả một đội vận tải trên đường dây "Chủ Nghĩa Xã Hội" (đường mòn Hồ Chí Minh) phải "hội ý" (hội họp) từ năm giờ chiều đến chín giờ tối để đạt "tiêu chuẩn" "tiếp thu" năm điếu thuốc. Đội vận tải gồm những kỹ sư, bác sĩ, những cán bộ mang quân hàm trung, thiếu tá phải bình nghị, hội họp suốt bốn tiếng đồng hồ để đạt "tiêu chuẩn" phân chia năm điếu thuốc Điện Biên. Thế nên cuộc cách mạng vô sản giải phóng miền Nam phải cần nhìn lại mục đích và phương tiện. Phải chăng cách mạng đã là một việc vô ích và quá phí phạm phương tiện. Nhưng phương tiện "người" trong chế độ cộng sản phải chăng là yếu tố không hao mòn, yếu tố không cần phải lý hội.

Tôi không nhìn sự "nghèo" của người cộng sản để bỉu, nhưng quan niệm tính chất "nghèo" đó là một ưu điểm cần phải đấu tranh để thực hiện thì không thể nào chấp nhận được với đầu óc bình thường. Người cộng sản Việt Nam đã thực hiện được gì trong ba mươi năm đấu tranh trên đại dương mênh mông xác chết, chiếc xe đạp của một cán bộ cao cấp ở Hà Nội, bộ áo quần thô kệch của viên "Tư Lệnh phi trường Minh Thạnh", bữa cơm không có thịt trong suốt mười tám năm của người dân Tuyên Quang miền Bắc, hai điếu thuốc lá được viên kỹ sư máy nổ "tiếp thu" trên đường dây chủ nghĩa xã hội như mặt trái của tấm gương phản chiếu những chữ nghĩa rực rỡ, nghe xa xăm như một giấc mộng mơ hồ không bao giờ có thật.

Tàn tệ như thế, thê thảm như thế, nhưng người tù cộng sản trước giờ trao trả khi bước ra khỏi lòng máy bay, chân bước xuống mặt đất "giải phóng" phải hành động như một lũ người mê man... Tay

vỗ vào nhau, mồm cất giọng khàn đặc..."Đoàn kết chúng ta là sức mạnh... Thề chết không hề lui. Giết cho hết loài bán nước..." Giết cho hết loài bán nước thì quá sai với "Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc" mà những người lính cộng sản "Nam Việt Nam" xuất phát từ trại Xuân Mai, Hà Đông, nói giọng Sơn Tây, Thái Bình đang nhắc đi nhắc lại hoài xem như là phương châm chỉ đạo mới! Bài hát phải được xì xào chỉ thị đình chỉ, để bậm tay nâng cao hoan hô: "Hồ Chủ Tịch muôn năm... Tinh thần chống Mỹ cứu nước bất diệt..." Hồ Chủ Tịch không hề là Chủ Tịch của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam và "tinh thần chống Mỹ" thì quả tình đã được xóa tan từ lâu. Tôi muốn nhắc họ yếu tố nầy. Nhưng như một lũ đồng bóng đã bị cốt nhập, đám tù bắt đầu cởi áo quần, ném tay nải... Chiếc quần lót, vật xa xỉ của chế độ cộng sản được ném đi với hối tiếc không dấu được trong ánh mắt để bậm môi, quắt mắt, vung tay hô to khẩu hiệu. Sự hận thù dù cần thiết trong cuộc chiến bi thảm cũng đã là một điều tàn nhẫn, huống gì bây giờ (khi tiếng súng tạm ngừng nổ trên văn bản Hiệp Định), nên những khích động căm hờn, những xúi dục phẫn nộ này mang một nét bạo ngược tàn ác lỗi thời... Anh cảm hóa ai? Thù hận người nào? Ai là lũ bán nước? Ôi nước rách tan không do sự góp tay tích cực của người cộng sản sao? Căm thù lũ bán nước, giết lũ tham tàn, mùa thu 1945, mùa đông 1946, cuối thập niên 50, đầu những năm 60, đã được hát bao nhiêu lần, đã được vỗ tay bao nhiêu lần... Người Pháp, Ông Diệm, chống Mỹ... Bao nhiêu đối tượng đã thay đổi mà nội dung cứ mãi cũ kỹ nhạt nhòa. Thật lạ, có những quy luật sơ đẳng tưởng chỉ như là chuyện đầu môi hóa thành động lực căn bản. Căm thù, thứ gia vị thô thiển độc địa mà người cộng sản thêm vào bữa tiệc máu người Việt Nam không chán ngấy. Cộng sản sẽ là gì khi không còn khích thích tố mê man đó? Con chó Pavlov không thể nhỏ giọt nước bọt nếu thiếu tiếng chuông khiêu gợi. A! Chỉ mỗi tiếng chuông lạnh đó, chỉ mỗi hai chữ ngắn nhức nhối kia mà cả một khối người bị chi phối, những người có đủ trí thức, giác quan nhưng đã mất phần nhân bản, người còn xác nhưng lạc hồn, người không phải sống cho người nhưng cho Cách Mạng, cho Tổ Quốc, Hòa Bình, Tiến Bộ, Xã Hội Chủ Nghĩa... Câu hỏi không phải là phản ứng cực đoan của một tinh thần "chống cộng" quá độ. Tôi chỉ muốn tự hỏi sao có những con người quá quy tắc, bị kìm kẹp, huấn luyện đến độ cuồng tín như thế này. Vì được trả tự do, phải có nghĩa là nhảy lên khỏi mặt đất chật hẹp, phải vung tay thật cao để hít cho hết lượng gió mát mênh mông của trời cao; nhưng những người tù cộng sản không được quyền biểu lộ niềm sung sướng đó, họ phải chứng tỏ "kiên gan,

duy trì tinh thần quyết chiến, quyết thắng..."; họ phải biểu lộ "lòng căm thù không suy giảm, trí căm hờn không phôi phai..." Họ phải quên những giờ khắc của năm trước, năm kia khi phải đưa tay đầu hàng trước mũi súng của người lính Việt Nam, phải quên những đối xử nhân đạo sau khi đã trao cây súng, phải quên điếu thuốc chân thành được mời hút dù trong vị thế tù binh... Họ phải quên luôn thực tại. Một thân thể chắc cứng khỏe mạnh với lồng ngực nở nang, những bắp thịt ở vai ở lưng cuồng cuộn... Thân thể căng phồng chiếc áo tù binh, hừng hực mùi muối bể và không khí tốt lành của trại giam Phú Quốc, thân thể cường tráng vạm vỡ nổi bật lên dưới ánh nắng, tương phản cực độ với thứ nước da xanh mái, hình vóc còm cõi thiếu hụt của những đồng chí tiếp đón. Người tù cộng sản phải quên hẳn sự thật trên thân thể họ để đứng lên tố cáo: "Chế độ giam giữ hà khắc tàn nhẫn của trại giam Phú Quốc..." Viên trung úy Bắc Việt lóng cóng chiếc máy ghi âm để thâu lời tố cáo... Nhìn thân thể gầy gò của anh ta dưới chiếc áo đại quân lụng thụng bên cạnh lồng ngực trần cường tráng của gã tù binh khi nghe câu tố cáo "Traị giam đã bỏ đói, hành hạ chúng tôi..." Cùng với sự chăm chú ghi nhận của các sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, tôi nghe trong lòng nỗi phẫn nộ bão bùng dấy lên như giông tố... Sự thật được che đậy và lật ngược trong tráo trở tỉnh táo, ngang ngược vô liêm sĩ đến tận cùng!!

Vì sự thật không phải chỉ trên thân thể gã tù cộng sản, sự thật còn ở cuối phi đạo cách nơi trả tù cộng sản năm trăm thước, góc rừng hai trăm người lính Việt Nam ngồi im lặng với cặp mắt đứng tròng...

Có chắc trả không Đại úy, tụi em có được trả không Đại úy...

Chắc mà, chiếc trực thăng bay đi thì có chiếc kia lại liền... Tôi đến đây để lãnh các anh em...

Đại úy, em... có được trả về mình không...

Cả trăm con người ngồi thì thào to nhỏ, lo sợ từng tiếng nói, lo sợ từng đầu ngón tay lóng cóng đón điếu thuốc do tôi mời, lo sợ ở đôi mắt lạc thần cứ coi chừng mãi "anh cán bộ"... Tôi muốn nói một câu gì thật đủ, tôi muốn làm một việc gì thật mạnh mẽ, muốn ôm lấy hết hai trăm người lính đưa họ ra thẳng trực thăng, bay lên thật nhanh, để tránh khỏi vùng rừng cao su thẫm đặc, những gã cán bộ canh gác lầm lì soi mói, nét độc ác ngấm ngầm tràn đầy trên những sợi gân máu đỏ rực... Tôi muốn đẩy đám sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, Gia Nã Đại... đến tận từng người tù để họ thấy lớp da người lở loét ăn sâu xuống phần xương tay, để họ thấy những đôi mắt hủng, chiếc má vàng bủng tưởng như đọng cứng cả một khối vi trùng độc hại

dưới lớp da mỏng tanh vàng bệch... Tôi muốn hét to cho cả khu rừng, cho cả thế giới biết đâu là cường bạo, đâu là sự thật, gã tù nhân trại Phú Quốc cách xa đây năm trăm thước với lồng ngực vạm vỡ cùng những lời tố cáo như một cái xiên nung đỏ chọc hẳn vào mắt tôi khi nhìn người tù Việt Nam Cộng Hòa không kêu nổi được tiếng "có mặt" loạng choạng run rẩy từng bước một, đi qua chiếc bàn của nhân viên trao trả... Sự thật ở hai thân thể đối cực này nhưng tại sao cả thế giới, cả hằng triệu người trên thế giới vẫn dành riêng những ý niệm tốt đẹp cho người cộng sản, cả những người chân tu, những nhà hiền triết hình như đều nghĩ một chiều, hướng một phía Phía cộng sản. Tôi muốn gọi họ đến đây chỉ vào từng đôi mắt người tù để cả nhân loại ngộ nhận tìm được sự thật... Người tù binh đứng dậy, một đáy quần sũng nước. Trong cơn chờ đợi thảng thốt người lính đã đái ra quần!!!... Không phải vậy, phải nghe lời anh nói: Em sợ tụi nó lắm, tụi nó tàn ác không phải như người đối với nhau... Em sợ xin nó đi tiểu rồi nó giữ lại không trả thì chết mất... Tôi muốn chảy nước mắt, tôi muốn khóc giòng phẫn nộ... Gã Ba Lan đâu rồi? Tôi muốn nói cho hắn ta nghe lời nói, tiếng kêu của người đã ở trại giam cộng sản. Hình như mọi người dấu mặt, hình như mọi người đã đánh mất lương tri, chẳng có ai chụp hình vũng nước tiểu đọng trên nền đất phủ đầy lá, chẳng ai chụp hình hai trăm con người ngồi dật dờ như một đám xác chết chưa tẩm liệm, sao không có tên Hung Gia Lợi nào chụp hình người tù Việt Nam ngã quỵ trên phi đạo mồm sủi nước dãi vì thiếu ăn!! Hung Gia Lợi Chúng ta đã dành cho dân tộc này biết bao cảm tình trong những ngày Budapest đổ máu cho tự do. Nhưng hình như những người Hung yêu tự do, sống cho sự thật đã không đến nơi này, chỉ có đến đây những cán bộ cộng sản mang quốc tịch Hung Gia Lợi. Hóa ra người sống cùng người không phải do tương quan của hai chủ thể nhân bản nhưng do chính trị của quốc gia, đảng phái xác định. Người Hung Gia Lợi phải ũng hộ cộng sản Việt Nam và gây bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ thị đã được học tập, phổ biến thế, nên gã tù Bắc Việt với thân hình lực sĩ lớn tiếng tố cáo chế độ giam giữ hà khắc của Việt Nam Cộng Hòa vẫn hữu lý hơn hình ảnh người tù Việt Nam ngồi lạc thần, không dám tin vào sự thật sắp được trao trả, kiệt sức để không nói lên được hai chữ "có mặt"... Chỉ thị đã ban bố, gã sĩ quan Hung phải xóa bỏ lương tri, phải tự che mắt để không thấy sự kiện, gã chỉ được chụp hình người tù Bắc Việt đưa tay lên hô đả đảo, bỏ qua bàn tay ghẻ lở thấu xương của người tù Việt Nam. Cách vong thân đi đến mức tuyệt hảo khi quan niệm hành xử như thế là đúng với công lý và chân thật!!! Không

phải chỉ mỗi Trung Tá Martin thuộc nước Cộng Hòa Nhân Dân Hung Gia Lợi này tin vậy, nhưng hình như toàn thể nhân loại. Những dân tộc tiến bộ và yêu chuộng hòa bình của toàn thể thế giới. Đều mắc phải chứng bạo ngược tâm lý với dân tộc Việt Nam. Phải có một ngày sự thật nầy hẳn được nhận ra.

Tháng 3-1973

Tù binh và hòa bình

Vấn đề Tù Binh

Ngày 27-1-1973, Hiệp Định Ba Lê được ký kết, đình chỉ chiến tranh Việt Nam. Hiệp Định gồm có chín chương bao gồm tất cả các điều khoản căn bản để thực hiện ngưng bắn và giải quyết những vấn đề do hòa bình đem đến. Việc trao trả tù binh giữa các bên tham chiến là một nét chính của Hiệp Định, được quy định bởi Chương III, Điều 8, ấn định tổng quát công việc trao trả và một Nghị Định Thư (NĐT) gồm mười bốn điều nhằm qui định nhiệm vụ, chức năng của mỗi bên, đồng thời phác họa một số quy định để các bên làm cơ sở thi hành. Việc trao trả nhân viên quân - dân sự của hai bên miền Nam được thiết lập từ Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư kể trên. Có thể tạm gác vấn đề trao trả những tù binh quân sự Hoa Kỳ và các nước ngoài (Những nước tham chiến trong khuôn khổ quân viện của thế giới tự do giúp Việt Nam Cộng Hòa), thường dân Hoa Kỳ và các nước ngoài do Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng bắt giữ và trao trả. Chủ điểm chính của hai bài viết là vấn đề những tù binh Quân-Dân sự của hai bên miền Nam Việt Nam mà Điều 8 (a+c) đề cập, cũng như Điều 1 và 7 Nghị Định Thư ấn định trên những nguyên tắc căn bản để giải quyết.

Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư về trao trả tuy trên hình thức đã ấn định một số điều khoản cần thiết để trao trả, có thể thực hiện được với một mức độ hiệu quả, nhưng không khí chung của toàn thể những bản nội dung trên lại đặt căn bản trên một tính chất mơ hồ và uyển chuyển “tinh thần nhất trí hòa hợp hòa giải giữa các phe lâm

chiến" cụ thể là "tính chất hòa giải trong tinh thần dân tộc của hai phe miền Nam." Một bản văn chính trị đặt cơ sở trên tính chất tâm lý khởi đầu đã tạo nên một không khí không mạch lạc, dứt khoát; vì vậy các bên ký kết có thể nhìn lời văn dưới nhiều quan điểm khác chiều, đôi khi đối nghịch. Trong tính chất tổng quát đó Điều 8 Hiệp Định cũng như Nghị Định Thư về trao trả đã vô tình (và cố ý) bỏ qua sự kiện: Có những quân nhân và nhân viên dân sự Việt Nam Cộng Hòa bị các lực lượng chính qui của quân đội Bắc Việt bắt và giam giữ; những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền nam Việt Nam và những thường dân Việt Nam bị bắt bởi lực lượng Cộng sản trong suốt thời gian từ khi phát khởi cuộc đấu tranh tại miền Nam từ những ngày đất nước phân ly (20-7-1954). Tuy Điều 1 và 7 của Nghị Định Thư đã nói tổng quát đến vấn đề toàn thể nhân viên quân sự và dân sự của hai bên miền Nam bị bắt giữ trong chiến tranh phải được hoàn toàn trao trả hết, ấn định một thời lượng cơ bản để hoàn tất công tác này; 60 ngày, để trả hết tù quân sự; 90 ngày để trả tù dân sự trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc cho những người ở cả hai phe hiện bị giam giữ ở các trại giam bên nầy hoặc bên kia. Nhưng Điều 1 và 7 Nghị Định Thư chỉ mới là cái khung cần thiết chứ chưa phải là điều kiện đủ để giải quyết thỏa đáng vấn đề tù binh Việt Nam; Điều 1 Nghị Định Thư chỉ kể ra: Tất cả Nhân viên Quân sự Việt Nam bị bắt, thuộc các lực lượng vũ trang chính qui hoặc không chính qui sẽ được trao trả cho hai bên miền Nam Việt Nam; những người nào phục vụ dưới sự chỉ huy của bên miền Nam Việt Nam nào thì sẽ được trao trả cho bên miền Nam Việt Nam đó. Vấn đề cơ bản đã có kẽ hở ở đây. Những tù binh của quân đội miền Bắc sẽ được giải quyết ổn thỏa khi Việt Nam Cộng Hòa trao họ cho lực lượng vũ trang giải phóng; những xáo trộn về địa bàn hoạt động của những tù binh nầy sẽ được giải quyết ổn thỏa cho dù các đơn vị tiếp nhận có trực thuộc vào cục R (Trung ương Cục miền Nam), đường lối chỉ đạo chính trị vẫn phát xuất từ Bộ Chính Trị Đảng Lao Động miền Bắc; nên khi tù binh quân sự Cộng sản vốn là lính của Sư đoàn 324B Bắc Việt được trao trả tại Lộc Ninh do nhân viên tiếp nhận của Mặt Trận Giải Phóng đề cử vẫn có được cơ sở tinh thần để tiếp tục công tác trong lòng đơn vị mới. Kẽ hở nguy hiểm nhất của điều 1 NĐT giương lên về phía Việt Nam Cộng Hòa vì điều 1 này đã không đề cập với mực độ chính xác tối thiểu đến những quân nhân VNCH bị bắt bởi các đơn vị chính quy miền Bắc, những người bị giam giữ ở trong các trại giam Bắc Việt, Lào, Kampuchia. Kẽ hở cũng chính là lý hướng nguy hiểm nhất của Hiệp Định: Ngụy trang hay không đề cập đến sự

tham chiến của lực lượng quân sự chính qui miền Bắc tại chiến trường miền Nam. Trong tinh thần này, câu “Sinh Bắc Tử Nam” không chỉ là khẩu hiệu tác động tinh thần nhưng là một ý niệm chiến lược chỉ đạo mà đảng Cộng sản miền Bắc quyết tâm thực hiện.

Nghị Định Thư cũng có kẽ hở khác ở Điều 7, khi không xác định rõ rệt và dứt khoát những thường dân VNCH bị bắt trong thời gian dài của mười chín năm chiến tranh. “Tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc” được nhắc lại trong Điều 7 này không đủ khả năng để giải quyết tình trạng bi thiết mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu trong cuộc chiến cục bộ của hai ý hệ đối nghịch. Con số 67.501 thường dân và cán bộ của VNCH bị bắt từ năm 1954 - 1/1975 phải là một con số có thực mà ý niệm hòa giải của Điều 7 này không làm sao bao gồm được, Mặt Trận Giải Phóng (MTGP) đã đeo cứng vào những kẽ hở để xóa bỏ những thực tế bi thảm này.

Tù binh và hòa bình

Diễn Tiến

Ngày 27-1-1973 là ngày bắt đầu thi hành những biện pháp cụ thể tích cực tái lập hòa bình, Hoa Kỳ đình chỉ oanh tạc khắp lãnh thổ VN các phe lâm chiến ở miền Nam đình chỉ các cuộc hành quân, ở nguyên tại vị trí, cùng ngày tại Ba Lê, VNCH trao cho Mặt trận Giải Phóng (MTGP) danh sách 4.285 người. Đại diện MTGP khi trao danh sách đã đưa ý kiến sẽ bổ túc thêm danh sách để tỏ thiện chí, cụ thể hóa tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Phiên họp đầu tiên của Tiểu Ban Tù Binh Ban Liên Hợp Quân Sự 4 bên ở Sài Gòn nhóm vào ngày 3-2-1973. Vấn đề trao trả tù binh theo danh sách trên bắt đầu đặt lên bàn hội nghị.

Trong thời gian 60 ngày (kể từ 28-1-1973) theo Điều 8a Hiệp Định và 4a Nghị định thư (NĐT) về trao trả, Tiểu Ban Tù Binh 4 bên đã nhóm họp tất cả 50 phiên để hoàn tất việc trao trả 26.508 nhân viên quân sự MTGP, 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ các nước ngoài và 4.956 nhân viên quân sự VNCH trong bốn đợt. Bốn đợt trao trả đã được bốn bên thực hiện như sau:

VNCH trả 26.508 người ở bốn địa điểm: Lộc Ninh (Bình Long), Minh Thạnh (Bình Long), bắc sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và Bồng Sơn (Bình Định).
VNCH nhận 1.956 người ở bảy địa điểm: Lộc Ninh, Quảng Trị, Minh Thạnh, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Bồng Sơn (Bình Định), Đức Phổ (Quảng Ngãi), Tam Kỳ. Riêng địa điểm Đức Nghiệp (Pleiku) tuy đã thám sát ba lần nhưng 410 nhân viên Quân Sự (NVQS/VNCH) hiện tại ở địa điểm này vẫn chưa được trao trả, phải đợi đến hơn một năm sau, MT mới được trả làm ba đợt kéo dài trong một tháng từ 8-2-74 đến 7-3-74 với tỷ lệ thiếu là 31/410.

MTGP và Bắc Việt (BV) trả 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ và thường dân các nước ngoài tại hai địa điểm Lộc Ninh và Gia Lâm (Hà Nội). Trong số nầy có một binh sĩ Đại Hàn được trả tại Đức Phổ (Quảng Ngãi) và hai lính Thái Lan tại Gia Lâm.

Tổng cộng hai bên miền Nam đã xử dụng tất cả bảy địa điểm để trao trả và tiếp nhận số NVQS mỗi bên trong thời hạn do Hiệp Định đề ra. Ngày 28-3-73, chấm dứt thời hạn sáu mươi ngày của NĐT. Vấn đề tù binh quân sự được tạm kết thúc với 26.508 nhân viên quân sự MTGP được trao trả và 4.956 NVQS/VNCH; vấn đề còn lại có hai điểm cụ thể : 410 người ở Đức Nghiệp chưa được trao trả và 210 phía Mặt Trận hồi chánh ở Biên Hòa và hai mươi tám người tìm tự do phía VNCH chưa được hợp thức hóa đúng thủ tục trao trả (Theo quan điểm phía Cộng sản). Ngoài ra, một số lớn quân nhân VNCH hiện còn bị giam giữ cũng là một mối quan tâm lớn mà Tiểu Ban Tù Binh VNCH phải cố gắng thuyết phục để phía CS chấp thuận bổ sung. Vấn đề nhân viên quân sự này đã kéo dài quá thời hạn sáu mươi ngày, lan qua thời hạn chín mươi ngày quy định cho vấn đề nhân viên dân sự, và kéo dài cho đến ngày 3-1-74 (Ngày Mặt Trận trả đợt chót của 410 người ở Đức Nghiệp) mới tạm coi giải quyết xong.

Theo tinh thần Điều 7b NĐT trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày ký kết 27-1-73 hai bên phải phổ biến danh sách nhân viên dân sự mà hai bên giam giữ và phải hoàn tất trong vòng 90 ngày kể từ ngày 27-1-1973 việc trao trả toàn bộ số nhân viên dân sự được

thông báo. Để thi hành đứng đắn điều khoản trên, phía VNCH trong phiên họp ngày 12.2.1973 đã mang sẵn danh sách đầy đủ 5081 NVDS/MTGP để trao đổi, đổi lại phía Mặt Trận dự định chuyển giao một danh sách chỉ vỏn vẹn 140 người. VNCH không thể chấp thuận con số này nên cuộc trao đổi bất thành. 140 người, một số lượng quá ít ỏi so với 67.501 nhân viên dân sự và thường dân VNCH đã bị bắt trong khoảng thời gian 1954-1973. 67.501 người có đủ chi tiết hộ tịch, các trường hợp bị bắt, ngày tháng, nơi bị bắt được tu chỉnh đầy đủ chi tiết. Trước đòi hỏi hợp lý của VNCH với danh sách chính xác, MT không thể muối mặt ngoan cố hơn được đành phải bổ sung vào số lượng 140 bằng những con số kế tiếp: 60, 200, 28 và 209... tổng cộng tính đến ngày 2.4.1973, MTGP công bố một danh sách 637 người và xác định: Đây là con số cuối cùng, nếu có bổ sung thêm thì cũng chỉ có được với một, hai người đâu đó mà họ chưa kiểm kê chính xác được. Con số 637 người vẫn còn là một cách xa không bù so với tổng số 67.501, nên VNCH một mặt vẫn đòi hỏi MT bổ sung đến một con số thỏa đáng; một mặt để tỏ thiện chí, tôn trọng thời hạn do NĐT đề cập, nên đã thiết lập một kế hoạch trao trả bắt đầu vào ngày 28.4.1973 để thăm dò thiện chí của phía CS. Kế hoạch dự trù trả 750 người cho MT tại Lộc Ninh và bắc sông Thạch Hãn từ 28.4.73 đến 11.5.73, đồng thời nhận về 385 người ở ba địa điểm Lộc Ninh, Quảng Trị, Bình Định. Nhưng đúng như dự kiến của VNCH, đối phương đã gài vào số lượng 385 người được trao trả này 128 quân nhân VNCH, một tỷ lệ vô lý vi phạm trầm trọng yếu tố chính của tinh thần trao trả: Trao trả nhân viên dân sự giữa hai bên miền Nam. Trước sự tráo trở này cùng những thủ đoạn xảo trá tại các địa điểm trao trả nhằm mục đích ngăn chận người muốn tìm tự do về phía VNCH, điển hình trong cuộc trao trả ngày 9.5.73 tại Quảng Trị khi 10 trong 25 người của danh sách thứ nhất phát biểu nguyện vọng tìm tự do, cán bộ MT tại địa điểm bắc Thạch Hãn đã trở mặt đòi hợp thức hóa những người này ngay ở cuối đợt trao trả danh sách thứ nhất nầy. Trái với thủ tục phát biểu nguyện vọng đã thỏa thuận trên nguyên tắc ở BLHQS/2B/TƯ". Sự kiện đã làm trì hoãn việc trao trả cho đến ngày 11.5.73. Vì những lý do xác đáng này, VNCH tạm thời đình chỉ công tác để kiện toàn lại thủ tục hầu có một bản văn làm căn bản để có thể thi hành ở tất cả mọi địa điểm trao trả hoặc tiếp nhận.

Ngày 13.6.73, Thông Cáo Chung Ba Lê được ký kết để tìm một giải pháp tích cực và cụ thể hơn cho việc thi hành Hiệp Định ngưng

bắn, vấn đề trao trả nhân viên quân sự và dân sự cũng được đề cập chặt chẽ bởi Điều 8 của Thông Cáo Chung này và một số thời lượng chính xác khác lại được nêu ra làm mốc để việc trao trả phải được hoàn tất nhanh chóng: Vấn đề nhân viên quân sự phải được giải quyết trong 30 ngày, nhân viên dân sự trong 45 ngày kể từ 13-6.

Nhưng Thông Cáo Chung cũng như Hiệp Định ngưng bắn, dù với những điều khoản thiện ý cùng các qui định chặt chẽ tới đâu cũng không thể thực hiện được vì tính ngoan cố căn bản của phía cộng sản, huống gì ngay trong căn bản, Hiệp Định đã vô tình hay hữu ý có những kẽ hở trầm trọng to lớn, và MT núp sau đó, làm nơi trú ẩn tránh né sức công phá do đòi hỏi hợp lý cụ thể của phía VNCH. Thế nên số lượng nhỏ nhoi 637 cần được phía MT kiên trì giữ vững với lập luận:

- Chúng tôi chỉ có chừng đó và kế hoạch trao trả cho quí vị chỉ có được với số còn lại của 637 (385 người đã trả ở Quảng Trị, Lộc Ninh, Bình Định).

Một lần nữa để tỏ rõ cùng thế giới lòng tha thiết muốn thực hiện hòa bình bằng những biện pháp tích cực nhất, VNCH lại khởi đầu lập ra một kế hoạch trao trả khác kể từ 23-7-73 đến 28-8-73 để trả hết số nhân viên dân sự MTGP còn lại của 5.081 (750 đã trả theo kế hoạch ngày 28-4 và 11-5 tại hai địa điểm Lộc Ninh và Thiện Ngôn) đồng thời thâu nhận 410 nhân viên quân sự VNCH ở Đức Nghiệp và 252 dân sự. Kế hoạch này không thực hiện.

Trước Tết Giáp Dần, phía VNCH muốn khai thông vấn đề trao trả với hy vọng cuộc trao trả sẽ tiến hành và kết thúc trước Tết. Nhưng hai bên đã nhìn vấn đề theo hai quan điểm đối cực. Phía Việt Nam muốn đặt vấn đề trong khung cảnh toàn bộ, muốn giải quyết toàn thể tù binh (gồm số tù đã được thông báo nhưng chưa trả hết và quân nhân VNCH bị bắt ở Hạ Lào, Kampuchia, Mậu Thân, và tổng số nhân viên dân sự bị bắt cóc từ 1954 hay trở về trước nữa...) Trái lại, phía MT chỉ muốn tiếp tục lại kế hoạch bị bỏ dỡ từ tháng 7-1973; họ quan niệm kế hoạch này là toàn bộ vấn đề tù binh, trả hết số tù binh nầy là kết thúc. Vấn đề Tù Binh (nếu gọi là còn) tức là số 200.000 nhân viên dân sự và tù chính trị thuộc lực lượng thứ ba hiện VNCH đang giam giữ (!); theo quan điểm của họ 410 quân nhân VNCH và 252 nhân viên dân sự là những “con số thực tế” cuối cùng! Thật gọn, ai bảo người cộng sản không biết khôi hài; quả tình họ khôi hài độc địa và thâm hiểm hơn bất kỳ loại khôi hài đen nào.

Tết Giáp Dần đi qua, kế hoạch không được thực hiện, mãi tới ngày 8-2-74 một cuộc trao trả mới được bắt đầu để kết thúc vào ngày 7-3-74. Cuối cùng VNCH trao trả đủ số 5081 nhân viên dân sự thêm 76 nhân viên quân sự cho Mặt Trận, nhận về 410 người ở Đức Nghiệp (với số thiếu là 31/410) và tỷ lệ thiếu về nhân viên dân sự là 12%... Một cuộc chiến tranh ý hệ dài dằn dặt được kết thúc với con số 252 còn lại của tổng số 637 người dân, nhân viên dân chính bị bắt.

Tù binh và hòa bình

Những con số đau đớn

Theo Điều 8a của Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam, trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký kết 27-1-1973 những phe tham chiến tại Việt Nam sẽ trao trả hết số tù quân sự và thường dân nước ngoài hiện đang bị giam giữ, đồng thời phải trao đổi ngay danh sách đầy đủ về số tù nhân này trong ngày ký kết.

Vấn đề tù binh dân sự Việt Nam được qui định giải quyết trong một thời gian 90 ngày đặt căn bản trên Điều 21 (b) của Hòa Ước Genève (Điều khoản này định nghĩa : Nhân viên dân sự bị bắt là người đã tham gia vào cuộc đấu tranh vũ trang hoặc chính trị tại một bên ở Việt Nam mà bị bên kia bắt giữ. Cuộc tham gia này có thể là dưới nhiều hình thức miễn không là ở cương vị người lính.

Vấn đề cụ thể và đau đớn của cuộc chiến, một cuộc chiến khốc liệt cao điểm của phương thức chiến tranh giải phóng, cuộc chiến tinh quái độc hại rối rắm nhất của nhân loại được giải quyết bởi 11 giòng gồm 195 chữ của Điều 8 HĐ và bốn trang của NĐT gói ghém toàn bộ cách thức giải quyết. Trên cơ sở mong manh hàm hồ nhiều cạm bẫy này, vấn đề tù binh dần được giải quyết với sự thiệt hại nghiêng dần về phía Việt Nam Cộng Hòa. Phải viết đủ bốn chữ như thế để phân biệt với “hai” thứ Việt Nam kia, những người Việt no say hưởng bữa tiệc rượu máu của những người Việt đang bị giam giữ: Những quân nhân Việt Nam Cộng Hòa.

Trong những ngày soạn thảo văn bản Hiệp Định và các Nghị Định Thư, không hiểu những người có nhiệm vụ bớt từng chữ, từng

câu khi cố tình loại bỏ sự có mặt của quân đội Bắc Việt, của "nước" Bắc Việt để che dấu những thỏa thuận biển lận, thâm độc chính trị, có nghĩ rằng họ đang sửa soạn một bữa tiệc máu: Máu những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị quân đội Bắc Việt bắt giữ khi giao tranh. Vì Điều 1 và 2 NĐT/TB không có phân biệt rõ ràng để xác định có bao nhiêu loại tù binh, nên dù cố gắng soi sáng bằng tất cả mọi góc cạnh tỉ mỉ mười bốn hàng chữ của hai điều khoản đó, ta cũng chỉ nhận được có bốn loại tù binh : Tù binh Hoa Kỳ và quân đội nước ngoài (Những nước đã tham chiến giúp VNCH), thường dân nước ngoài thuộc quốc tịch Hoa Kỳ hay của bất cứ nước nào khác (Phi, Úc, Nhật...) và hai loại tù dân - quân sự của miền Nam Việt Nam : tù do Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và tù của Mặt Trận Giải Phóng!! Không có một giòng chữ nào gợi đến những người lính chính qui đã phát xuất từ Bắc Việt theo đường mòn Hồ Chí Minh vào tham chiến tại mặt trận B2 (Trị Thiên), B3 (Ba biên giới)... Không có một chữ, nghĩa dù mơ hồ để chỉ những tù nhân quân sự bị bắt tại trận địa, mình xâm câu "Sinh Bắc Tử Nam", trả lời thẳng thắng: "Tôi thuộc Sư đoàn 304B do Thượng Tá Nguyễn Sơn chỉ huy, đơn vị thành lập năm 1965 tại Thanh Hóa, xâm nhập miền Nam ngày 9-10-1967, tham chiến tại Khe Sanh kể từ ngày 19-1-1968..." Không có một giòng chữ để chỉ loại tù này: Những người lính đi B (đi Nam) và lẽ tất nhiên cũng không có chữ nghĩa vô ích để gọi đến cái Sư đoàn 304B kia! Kinh khiếp thật, cả thế giới a tòng cùng quân cướp, trong đó có những người được nổi tiếng vì hoạt động cho hòa bình!! Và thê thảm hơn cả, đau đớn hơn cả, hệ luận tất nhiên của hai điều khoản trên ắt phải xảy ra: Không có quân nhân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt bởi quân đội Bắc việt... Tóm lại: Chiến dịch Hạ Lào (2-1971), chiến dịch đánh vào hậu cần Cục R trên đất Miên (5-1970), rõ rệt nhất là cuộc tổng công kích vào miền Nam trong Tết Mậu Thân, và mới mẻ hơn hết: Cuộc đại chiến mùa hè 1972, những cuộc giết người vĩ đại được hợp thức hóa thành chiến tranh cục bộ do phong trào "Nhân dân miền Nam giác ngộ yêu nước chủ động hoặc do Nhân dân Khmer và Pathet Lào kiên cường chống xâm lược..." Người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt trong các trận chiến nầy bị hư vô hóa, vô hiệu hóa và vô tính hóa. Không có loại tù binh đó trong Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam. Vấn đề tù binh sẽ được giải quyết trên căn bản "Hòa hợp, hòa giải dân tộc, chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và để người tù đoàn tụ với gia đình..." Cả thế giới hoan nghinh tinh thần đẹp đẽ và điều khoản nhân đạo của Hiệp Định... Người tù quân sự VNCH, anh ở đâu? Cả thế giới đồng lòng xóa bỏ

sự hiện diện đau đớn bi tráng này. Thế Giới, Nhân Loại, trong khi ngửa cổ uống ly rượu "ý thức hòa bình tiến bộ" có nghĩ đến những người lính miền Nam đang bị cùm chân ở núi rừng Cao-Bắc-Lạng. Người Tù rớt khỏi trò chơi Hòa Bình.

Để trao đổi với VNCH khi bên này công bố bảng danh sách tù quân sự 26.750 người của Mặt Trận Giải Phóng bị giam giữ. Trong danh sách 26.750 tù binh cộng sản, VNCH liệt kê các thành phần: Quân đội chính qui Bắc Việt xâm nhập; lực lượng hồi kết (Thuộc các đơn vị ở Trung và Nam Việt Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Genève 1954 và xâm nhập về Nam từ 1959 trở đi...); đơn vị chính qui và du kích thuộc MT. Đối lại, MT chỉ ghi chú số 5.018 người là do quân giải phóng bắt giữ được trong mười năm chiến tranh. Cộng sản chỉ dự trù trao trả cho VNCH những tù binh phần lớn bị bắt trong năm 1972, một số ít của những năm 68, 69, 70, 71... Tù binh trước năm 68 không hề được đề cập và liệt kê vào danh sách. Thâm hiểm hơn hết họ không trao trả số quân nhân VNCH đã bị bắt trong các cuộc hành quân vượt biên với lý luận đây là tù binh của Phathet Lào và của Khmer Đỏ.

Phía VNCH không thể nào chấp nhận danh sách 5.018 người kia trả là tổng số thực tế của mười năm dài chiến trận. Không thể chấp nhận nầy vì sẽ phạm tội đồng lõa khi gọi số lượng nhỏ kia là con số thực tế. Sau cuộc trao trả, khi so sánh danh sách 5.018 người được trao trả nầy với danh sách đã phổ biến tại Ba Lê người ta thấy ngay được con số lớn chênh lệch: 29 sĩ quan, 1033 binh sĩ và hạ sĩ quan (Có tên trong danh sách 5.081 phổ biến ở Ba Lê) nhưng không được trao trả. Sự kiện có thể hiểu theo hai cách: Vì có 29 sĩ quan và 1033 hạ sĩ quan, binh sĩ trong danh sách này đã chết nên bây giờ phía cộng sản thế vào bằng một số người khác; hoặc 29 sĩ quan và 1033 binh sĩ sau này tuy không được liệt kê vào danh sách Ba Lê như dự trù nhưng vì danh sách thiếu hụt số lượng người trao trả nên họ bù vào cho đủ số. Tất cả hai luận lý đều có chung một kết luận: "Còn rất nhiều quân VNCH hiện đang còn bị giam giữ trong lao tù cộng sản". Như dẫn chứng sau đây, Tiểu đoàn 101 pháo binh đóng tại Gio Linh, tháng 3-1972; Bắc quân mở đầu đại chiến mùa hè, căn cứ hỏa lực của tiểu đoàn nầy bị tràn ngập, trung úy Thành bị bắt và đem giam tại Bắc Việt. Một bức ảnh chụp tù nhân VNCH tại miền Bắc trong đó có Thành được đăng lên báo Đoàn Kết (Bắc Việt) và phổ biến tại Ba Lê. Gia đình cũng nhận được lời nhắn tin của Thành qua đài Hà Nội. Sự kiện về trung úy Thành rõ ràng cụ thể không che lấp, dấu diếm

nhưng chắc rằng Thành đã có hành động chống đối, lời nói bất phục nên Thành không được trao trả. Tất cả bằng chứng về Thành được đưa ra ở bàn hội nghị của ban LHQS. Phe Mặt Trận "ghi nhận" chi tiết và đi qua trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc"...

Trường hợp của Thành chỉ là một ví dụ điển hình, cụ thể, của hằng ngàn người hiện còn bị giam giữ trong sáu mươi trại giam rải rác khắp ba lãnh thổ Việt, Miên, Lào, trong đó những trại giam miền Bắc Việt Nam được ghi nhận chính xác là mười hai trại. Trong mười hai trại ở Bắc Việt có trại T2 (thành lập vào khoảng tháng 4-71 sau chiến dịch Hạ Lào hai tháng) đặt tại vùng hai xã Việt Hồng, Việt Cường huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái, trong trại này có những quân nhân Việt Nam bị bắt ở chiến dịch Hạ Lào, những sĩ quan như Đại tá Nguyễn Văn Thọ Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 3 Dù, Thiếu Tá Trần Văn Đức sĩ quan ban 3, Thiếu Tá Phương. Đại úy Thương, những sĩ quan pháo binh của Tiểu đoàn 3 Pháo, đơn vị trấn giữ đồi 31. Những con người có thật đã nói ở đài Hà Nội, bị giam ở những trại đã được kiểm chứng, do lời tiết lộ của những người vừa được trao trả, do cung cấp của những hồi chánh viên có nhiệm vụ quản lý trại... Những tài liệu chính xác, những dẫn chứng cụ thể, những lời nói được thâu băng... Tất cả trở nên vô hiệu, vô ích trước cộng sản. Phía MTGP lý luận: Những sĩ quan như Đại tá Thọ, Thiếu tá Phương, Đức,... Như quí vị vừa nêu ra, chúng tôi xin ghi nhận; nhưng chúng tôi xin thông báo trước: Những nhân viên quân sự đó không thuộc quyền "quản lý" của chúng tôi, họ tham chiến tại Nam Lào bị lực lượng Pathet Lào bắt được, chúng tôi chỉ vì "tình đồng bào" (?!) lòng nhân đạo, sẽ "quan hệ" với lực lượng Pathet Lào để thả các anh em đó ra vì dù sao họ cũng là người Việt Nam (!!).

Khỏe ru, MTGP, Bắc Việt ung dung thông qua vấn đề, vì Hiệp Định, Nghị Định Thư không nói đến loại tù nầy... Quân Bắc Việt không tham chiến ở Lào, ở Nam Việt Nam. Tóm lại, lãnh thổ và chính quyền đó đứng ngoài cuộc chiến tranh. Quái đản và đau đớn quá, nhiều cái mồm hét lớn hoan hô hòa bình, hoan hô thiện chí... Có nhiều nguyên do gây nên chiến tranh, gây nên tội ác. Danh từ là một trong những nguyên nhân chính yếu. Cộng sản, những người chiến đấu vì danh từ và dùng nó để che dấu vết giết người. Rất nhiều người không thấy rõ mặt cộng sản sau những danh từ: Hòa Bình, Hòa Hợp, Hòa Giải...

Tạm gác vấn đề tù quân sự lại, phương thức giải quyết sẽ vô cùng khó khăn khi va mặt với bức tường đá cộng sản. Chúng ta đi tiếp vấn đề. Tù dân sự, khuôn mặt bi thảm thứ hai của vấn đề tù

binh. Sau ngày 27-1-1973 Phủ Tổng Ủy Dân Vận phổ biến một tập danh sách tổng kết số thường dân và cán bộ dân sự bị cộng sản bắt cóc kể từ 1954. Tổng số là 67.501 người, gồm 50.747 thường dân và 16.754 cán bộ. Con số tuy lớn nhưng vẫn là con số chính xác căn cứ vào những chi tiết cụ thể đã được kiểm chứng kỹ. Ngoài ra còn có một số lớn thường dân ở những vùng hẻo lánh bị bắt cóc mà chính quyền không kiểm kê được. Đối diện với số người to lớn có đủ dẫn chứng về tên họ, gia cảnh, sinh quán, chức vụ, ngày và nơi bị bắt, người cộng sản tỉnh táo trả lời đến độ ngang ngược: Năm 1959, Phong trào nhân dân vũ trang giải phóng mới được phát động, ngày 20-12-1960, Mặt Trận Giải Phóng mới chính thức thành lập... Vậy thật vô lý khi bảo Mặt Trận đã tham dự vào công việc bắt cóc thường dân và cán bộ VNCH trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1960!! Được đà, đám cán bộ trong bàn hội nghị tiếp tục: Kể từ năm 1960 trở về sau này, quả tình MT có bắt giữ một số cán bộ, những người dân không "giác ngộ", những người dân không có "ý thức cách mạng tiến bộ...", nhưng vì chính sách của MT là cải tạo, giáo dục và không... giam giữ, nên số người nầy sau một thời gian học tập đã giác ngộ (!!). Mặt Trận đã thả họ về nhà hoặc để họ "tự động" tham gia vào phong trào nhân dân vũ trang yêu nước (!!?). Cuối cùng để chứng tỏ thiện chí và tinh thần tôn trọng Hiệp Định và Nghị Định Thư, Chính phủ Lâm Thời trao cho Việt Nam Cộng Hòa một danh sách 140 người hiện bị MT giam giữ để chứng tỏ lòng yêu chuộng hòa bình. MT luôn sẽ cố gắng bổ sung thêm nếu có!!

Thậm quái đản, không có sự ngang ngược nào hơn thế nữa, cuộc chiến dài giữa hai ý hệ đối nghịch trong thời gian dài mù mịt chỉ có được 140 người tù dân sự. Và đúng như danh từ "cải tạo, giải phóng" mà CS gán vào cho những người thường dân, cán bộ dân chính VNCH, cũng thật đúng nữa khi họ bảo không có chế độ giam giữ. Vì họ đã giết, giết rất nhiều cán bộ hành chánh và thường dân vô tội. Nhân loại thế giới khi vỗ tay ca ngợi lũ người xanh mặt bủng từ mật khu đi hội Ba Lê vì "thiện ý hòa bình" hãy hiểu rõ họ đang cổ võ tán thưởng "những kẻ giết người". Những đao phủ thâm ác và nhiệt tâm từ ý thức giác ngộ cách mạng; được gây hứng khởi bởi máu xương của người dân miền Nam nước Việt. Người dân Huế chết trong Tết Mậu Thân, người Quảng Trị trên chín cây số xác người của "Đại Lộ Kinh Hoàng", người Bình Long ngã gục dọc đường số 13... Chủ nghĩa siêu nhân của Nietzsche gây cơn hứng giết người cho dân tộc Đức, giáo điều Mao Trạch Đông giúp Vệ Binh Đỏ xuống tay quá độ không ngần ngại... Và ở Việt Nam, nơi đáy sâu

tai ương khốn nạn, thứ Marxisme thô sơ được biến thể và cập nhật hóa bởi đầu óc ngoại hạng họ Hồ giúp đám cán bộ đảng Lao Động giết người vô tội trong tận cùng thỏa thuê với ý thức giác ngộ sáng suốt... Kinh tởm quá, hậu bán thế kỷ 20 vẫn còn số đông nhân loại mang chứng bạo ngược tinh thần để a tòng cùng kẻ sát nhân qua máu xương người Việt thụ nạn.

Cuối cùng, phe cộng sản tỉnh táo kết luận như trên, dù khi phía VNCH công bố chi tiết về trại Ba Sao ở Nam Hà (Nam Định và Hà Nam) trong số có các ông Bảo Lộc, Phó Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, Nguyễn Văn Đãi Ủy viên Chính phủ Vùng I, Hà Thúc Tứ Trưởng ty Hỏa xa Đà Nẵng, Nguyễn Đình Bá sinh viên và nữ ký giả Nguyễn Thụy An. Và cụ thể nhất là trường hợp của Bác sĩ Nguyễn Đệ Trưởng Ty y tế Bồng Sơn bị cộng sản bắt trong tháng 5-1972, đã bị khám phá bởi ký giả báo Ashahi Shinbul. Báo nầy viết : “Trường hợp của Bác sĩ Đệ bị bắt ép phải ở lại, là một vết nhơ của vùng giải phóng...” Những người này không có tên trong danh sách 637 người bổ túc.

Ngày 12 tháng 2/73, cuộc trao trả tù bắt đầu, Bắc Việt trả tù ở Gia Lâm, Việt Nam Cộng Hòa trả ở Thạch Hãn, Mặt Trận Giải Phóng trả tù ở Lộc Ninh. Cuộc trả tù ở Gia Lâm diễn tiến tốt đẹp. Hà nội còn trả thêm một trung tá vì mẹ ông này bịnh. Tại Quảng Trị phíaVNCH đem tù đến bờ nam sông Thạch Hãn, toán cán bộ gốc Bắc Việt ở bên kia sông chưa kịp chuẩn bị vì thiếu phối hợp, nên từ chối tiếp nhận. Tại Lộc Ninh, MT chơi trò ma giáo, hẹn trả lúc 8 giờ 30, mãi đến chiều tối mới trao trả. Ông tướng Woodward phản pháo lập tức bằng một kháng thư gởi đến Chủ tịch Ủy Ban Quốc Tế và một văn thư cảnh cáo Trướng Trà với xác định: Việc trao trả của quân nhân Hoa Kỳ chỉ liên hệ trực tiếp với việc rút quân của Hoa Kỳ. Việc rút quân này diễn tiến theo đúng thời hạn ấn định, không có lý do nào để giải thích những trì hoãn tương tự...

Tháng 2, 3 năm 73 qua hết, 556 tù Quân sự Mỹ được hoàn tất đúng boong kỳ hạn, cả hai anh Bắc Việt và Mặt Trận sau hai lần thử gió người Mỹ, đã phải de lui vì phe nầy nắm trong tay nhiều sức mạnh để quyết định... Chúng tôi không đến đây để đùa cùng quí vị, ông Cố vấn Kissinger đang có mặt tại Hà Nội (2-73) với những chỉ thị của Tổng Thống chúng tôi để yêu cầu quý vị dứt khoát trả các tù nhân Hoa Kỳ đúng thời hạn... Câu nói cứng rắn nhiều uy thế của Tướng Woodward, của Đại tá Russell đẩy mạnh vấn đề của Hoa Kỳ êm đẹp. Việt Nam Cộng Hòa cũng hoàn tất việc trao trả 26,508 tù quân sự cộng sản (còn 210 chưa hợp thức hóa là người tìm tự do).

Mặt Trận trở mặt giữ 410 quân nhân VNCH lại Đức Nghiệp không có giải thích thỏa đáng, được che dấu dưới luận điệu : Chúng tôi luôn đặt tinh thần nhân đạo lên trên mọi tác động chính trị. Và tiếp tục giữ 410 người ở Đức Nghiệp nầy quá thời hạn sáu mươi ngày, chín mươi ngày cho đến tháng 7 năm 1973. Ba tháng đi qua đã có 30 người chết trong các trại giam. Vấn đề tù quân sự được tạm thời đình chỉ đầu tháng 5-73 để bắt đầu cuộc trao trả cho MT 750 tù dân sự và nhận về 385... Kế hoạch đang trên đà tiếp tục bỗng bế tắc vì Ủy Ban Quốc Tế không chịu đến địa điểm trao trả nếu MT không chịu bảo đảm hành lang không lưu. Người Cộng sản cũng không chịu nhận tù ở địa điểm nam Thạch Hãn vì muốn lợi dụng địa điểm bắc Thạch Hãn để ngăn những người tù không muốn về phía Mặt Trận. 36 người hồi chánh trong 750 người trao trả của đợt I tù dân sự chắc chắn sẽ có thêm một đa số không chịu về phía bờ bắc Thạch Hãn nơi có những lá cờ máu và cán bộ đáng nói giọng miền Bắc với danh xưng. “Người Quảng Trị”. Ngoài ra MT còn chuẩn bị thêm một chiến thuật khác nhằm khai triển và lợi dụng những người như Ngô Bá Thành, Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Long... để tạo dựng nên một thành phần thứ ba, những người chắc chắn sẽ gây nhiều trở ngại và rối rắm ở địa điểm trao trả với số phóng viên báo chí ngoại quốc mà Mặt Trận bố trí sẵn sàng. Trong tình trạng dằn co của tháng 5, 6, 7, 1973 phía VNCH nỗ lực đòi hỏi phía CS trả hết số tù nhân đã được thông báo, ưu tiên là 410 quân nhân ở Đức Nghiệp; số tù dân sự còn lại và trọng tâm của yêu cầu là những tù nhân VNCH còn bị giam rải rác khắp nơi trên lãnh thổ Đông Dương; cụ thể là 7.061 tù nhân quân lẫn dân sự của 34 trại ở nam và bắc Việt Nam. Trước con số cụ thể, những dẫn chứng minh bạch, những vị trí chính xác của trại giam, phía CS vẫn cố tình che lấp vấn đề bằng lập luận ngang ngược và cố chấp đến cùng cực.

Chúng tôi chỉ còn một hoặc hai người là nhiều, quí vị đánh ở Nam Lào, ở Kampuchia, nếu bị bắt là do Pathét Lào, Khmer Đỏ bắt giữ chứ không phải chúng tôi. Những lập luận quái đản, những lý lẽ hàm hồ được lập đi lập lại không ngượng ngùng bằng những ngôn từ nghiêm trang mẫu mực. Bức tường đá cố chấp không tình người vẫn đứng nguyên trước những đòi hỏi hợp lý. Tù nhân Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn bị cùm kẹp nơi hốc núi, cuối lòng rừng ở Tuyên Quang, Vĩnh Phú (Vĩnh Yên À Phú Thọ), Yên Bái, Sơn Tây. Những viên chức hành chánh VNCH vẫn phải lao động sản xuất đến hơi thở cuối cùng trong trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, hệ thống trại giam Lý Bá Sơ cũ. Trại Lý Bá Sơ, nơi địa ngục trần thế của lũ người nghiện men máu và

hơi xác chết qua một thời gian dài. Chỉ còn mười ngày nữa là hết thời hạn bốn mươi lăm ngày của Thông Cáo Chung 13-6-1973 những lính Biệt Kích, Nhảy Dù của Lữ Đoàn 3 thuộc trại T371 nơi núi rừng Lạng Sơn hằng ngày vẫn phải kiếm lá, nhặt rau để ăn cầm hơi vì phần gạo "tiêu chuẩn" tối thiểu... Trong khi ở Trà Mi miền Nam, Trà Bồng, Ba-Tơ, A-Sao, A-Lưới bao nhiêu quân nhân vẫn đang bị học tập cải tạo, sống với tiêu chuẩn hai vắt cơm cùng vài hạt muối mỗi ngày. Mười ngày nữa, thời hạn sẽ qua đi, tù cộng sản được trả hết, phía VNCH còn lại gì để bàn cãi, để đặt vấn đề. Đau đớn quá, tiếng thét của hàng vạn người Việt Nam Quốc Gia không vang được đến tai người đồng đội, không thoát khỏi tàng cây, không vượt qua đỉnh núi... Các anh sẽ ra sao, những người lính đồi 31 Hạ Lào, của căn cứ Hỏa Lực A1, A2, Gio Linh, các anh sẽ ra sao những người đã giữ vững Tân Cảnh, đã tử thủ Hoài Ân, những người chiến đấu cho Hòa Bình, cho nhân loại, cho thế giới.

Mặt Trận còn xử dụng một chiêu thức khác để chạy tội về vấn nạn tù binh, bằng cách nêu lên đòi hỏi: phía VNCH phải trả tự do ngay lập tức và không điều kiện 200.000 (?) tù chính trị hiện còn đang bị giam giữ. Họ lý luận: "Đây là những người tranh đấu cho Hòa bình, Hòa giải, Dân Tộc"... Thuộc về "thành phần lực lượng thứ ba"; một lực lượng tối cần thiết để thành lập Hội Đồng Hoà Giải Dân Tộc!!! 200.000 người theo MT là tổng số thường phạm hiện còn đang bị giam giữ ở các nhà giam VNCH.

Đây là một đề tài tương đối mới mẻ mà Mặt Trận vừa mới đưa lên bàn hội nghị kể từ tháng 5-73. Vấn đề này sở dĩ xuất hiện muộn vì có hai lý do mà chúng ta có thể dẫn chứng không sợ sai lệch.

Trong những tháng 3 và 4-73, MTGP dồn nỗ lực để tiếp nhận con số lớn 26.750 nhân viên quân sự được VNCH trao trả đồng thời tranh thủ thời gian để kịp nhận số nhân viên dân sự cộng sản (5081 người) mà VNCH sắp trao trả. Nhân tố này là một thành phần tối cần thiết để MTGP bổ sung lại lỗ hổng cán bộ hạ tầng đã tan vỡ và vô hiệu hóa sau biến cố Mậu Thân, hoặc do hậu quả và các chiến dịch vượt biên của quân đội VNCH năm 1970, 1971; các đường giây giữa cục R và cơ sở nông thôn như giao liên tiếp vận, chuyển quân đã bị đứt hẳn hoặc chùng lại trong suốt những năm 69, 70, 71, 72.. Số cán bộ hạ tầng này cũng để dùng thay thế lớp cán bộ chính trị Bắc Việt hiện tại đang khuynh loát toàn thể cơ cấu của Mặt Trận, lớp cán bộ miền Bắc này đã được bố trí vào hạ tầng cơ sở nông thôn miền Nam trong âm mưu chiến lược của cuộc đại tấn công 1972 do các sư đoàn chính qui Bắc Việt. Nhưng có lẽ sau đợt tiếp nhận từ 28-4 đến

11-5-73 với 750 nhân viên dân sự, MTGP thấy không thể khai thác đám cán bộ này với nhiều lý do, có những lý do nội tại tiêu cực là lớp người này đã mất hẳn cơ sở tinh thần tranh đấu, hoặc áp lực tích cực của khối cán bộ gốc Bắc Việt. Thế nên, cách hăm hở, nôn nóng ban đầu nguội dần, Cộng sản xoay mũi đấu tranh qua địa bàn tù chính trị.

Lý do thứ hai có thể giải thích sự muộn màng việc Mặt Trận Giải Phóng trở hướng chiến đấu vì từ tháng 5-73 trở đi họ mới có đủ tài liệu và dữ kiện để nhập trận. Khi có những tài liệu về các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, báo chí, sách vở của nhóm trí thức Công Giáo tả khuynh như Ngọc Lan, Chân Tín, tập Bạch Thư của Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận; Mặt Trận Giải Phóng tận lực khai triển hợp cùng với những đợt tấn công của các hiệp hội đoàn thể có khuynh hướng cộng sản, thiên tả lấy mục tiêu nhà tù VNCH làm chủ điểm đấu tranh. Nội ngoại tiếp ứng nhịp nhàng để tạo thành cơn nổ lớn với đề tài À Tù chính trị ở miền Nam. Nắm được điểm chủ yếu của phong trào, Mặt Trận Giải Phóng khai triển tối đa thành phần nhân viên dân sự mang tội phá rối trị an như luật sư Long, luật gia Thành sinh viên Mẫm, Ban, Lan, Huệ... Với sức đẩy của phong trào, người cộng sản nỗ lực biến những người này thành một lớp "tù chính trị trung tính, một lực lượng thứ ba yêu nước" chỉ vì đấu tranh cho hòa bình mà bị cấu thành tội. "Khối thứ ba" nầy rất cần thiết cho giai đoạn hòa giải và hòa hợp dân tộc. Một khối thứ ba với kỹ thuật đấu tranh sách lược hoạt động và quá trình tư tưởng là cộng sản. Công tác này bắt đầu được đẩy mạnh trong tháng 6-73. Phía MT tổng hợp số người "thực tế" nầy với số 200.000 người trên để tạo nên một thực tế "ma" là 200.000 tù chính trị!!!

Với chủ đích nghiêm trọng như thế, Mặt Trận Giải Phóng kết lập tất cả mọi dữ kiện từ cuốn sách của Dân biểu Nhuận với một lời tuyên bố của một giới chức VNCH liên quan đến vấn đề tù nhân, bài báo của nhóm linh mục cộng sản giáo tả khuynh hòa điệu cùng bức thư của sinh viên Mẫm. Tất cả diễn ra nhịp nhàng chặt chẽ với sự tiếp hơi của các đoàn thể, hiệp hội khuynh tả trên thế giới, đặc biệt của nhóm Công Giáo Cấp Tiến đang có ảnh hưởng mạnh lên thành phần trí thức phản chiến Tây Phương. Và phong trào đã dừng lại trên cao điểm: Việt Nam Cộng Hòa hiện đang giam giữ hàng trăm ngàn người tù chính trị trong các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, Phú Quốc, Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, các trại giam ở 44 tỉnh, ở các quận... Lời tố giác cũng yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa phải thả vô điều kiện các thành phần sinh viên học sinh tranh đấu, các nhân vật Châu, Long,

Trọng, Thành... Cam kết không bắt giữ họ lại. Mục tiêu này cùng hiện rõ khi MT đưa ra trên bàn hội nghị một dự thảo thủ tục trao trả có nguyên một điều khoản để đề cập đến thành phần "không thuộc hai bên miền Nam" nầy... Chiến thuật tố cáo này cũng là một đòn né khi Việt Nam Cộng Hòa đưa ra đòi hỏi bổ sung danh sách NVDS/VNCH theo tập thống kê 67.501 như đã trình bày.

Diễn tiến cũng như kết quả của vấn đề này đã một lần được hiện rõ khi phía chúng ta trao trả hai mươi nhân viên dân sự gốc sinh viên học sinh, trong ngày 23-7-73 tại Lộc Ninh. Từ khi xuống trực thăng cho đến khi hoàn tất thủ tục trao trả nhóm sinh viên này đã lộ hẳn tình trạng. Đó là một thứ cán bộ cộng sản đã thấm nhuần cách thức đấu tranh do MTGP phát khởi và huấn luyện. Mặt trận đã chuẩn bị tinh vi để đám sinh viên học sinh này có cơ hội phát biểu trước Ủy Ban Quốc Tế với thực chất được ngụy trang sinh viên học sinh tranh đấu cho hòa bình dân tộc thuần túy" để tố giác Việt Nam Cộng Hòa đã giam giữ họ cũng như nhiều tù chính trị khác mà không qua căn bản pháp lý nào, mở đầu mối xích chuỗi đấu tranh liên tục cho vấn đề "tù chính trị". Nhưng khôn ngoan, thâm độc là một chuyện, sự thật và công lý lại là một khía cạnh khác, Điều 7 (a) Nghị Định Thư đã nêu rõ chỉ có hai thành phần nhân viên dân sự để hai bên miền Nam trao trả. Hai thành phần nhân viên dân sự đó là những người đã dự phần vào cuộc đấu tranh ở một bên này hay bên kia dưới bất cứ hình thức nào trong tác động võ trang hoặc chính trị nên bị một bên kia bắt giữ (Điều 21b Genève). Thế nên bằng tất cả mọi nổ lực, 24 giờ sau khi tiếp nhận đám sinh viên học sinh này, Mặt Trận Giải Phóng đã không gây được một tiếng vang hiệu quả nào khác ngoài sự cố gắng tuyệt vọng để khai triển một vấn đề mà thực chất đã bị ngụy danh.

Tù binh và hòa bình

Tù Binh, anh đi về đâu?

Như tiêu đề đã nêu trên, phần lớn của tập bút ký này là viết về người tù, về cảnh tù, về những người thê thảm và cảnh đời tan vỡ. Trong những đoạn đã viết qua, tôi trình bày đủ một vài khía cạnh chính yếu về tù nhân Việt Nam Cộng Hòa do phía Cộng sản bắt giữ, những người tù thảm hại nhất của chế độ tù tội nhân loại. Những người tù bị ngụy danh, bị sỉ nhục, bị tước đoạt hết giá trị con người cùng quyền

hạn, khả năng thực hiện thực đời sống. Cộng sản đã không gọi họ qua danh từ thông thường. Tù nhân (dù đã là từ ngữ đen tối, thấp kém đau đớn nhất), nhưng họ bị chụp bởi những chiếc mũ: Giặc, ngụy, hoặc phản nghịch. Các trại tù lại được ngụy danh thành trại sản xuất, trại cải tạo, tù nhân được chia thành đội ngũ để xẻ núi, làm đường, trồng ngô, trồng sắn để sản xuất, tự lực cánh sinh... Trả nợ nhân dân!! Người tù Việt Nam Cộng Hòa không được yên thân trong thế giới đọa đày riêng, họ phải phấn đấu qua mỗi giờ, mỗi phút, làm sao có được bát cơm hẩm, giọt nước muối để được sống. Phải, tất cả sức lực tinh thần, vật chất chỉ được hướng vào một mục đích: Sống còn. Nhưng chính vì trong đời sống thụ động đau đớn kinh hoàng này, người tù Việt Nam Cộng Hòa khi được trao trả, trở về trong phần đất quốc gia, đời sống tù tội, giấc mơ ác liệt tưởng như trong địa ngục hoàn toàn chấm dứt, họ bắt đầu một đời sống mới, đời sống tưởng chừng như đã hủy diệt bất phục hồi. Được trao trả đồng nghĩa trở về địa đàng trần thế và quên thật nhanh, quên thật hết tháng qua, ngày trước, giờ phút trước khi điểm danh trao trả để đi như chạy, bò bằng tay lẫn chân vào lòng của chiếc trực thăng để bay cao, trở về và không bao giờ nhớ lại Đã một lần bị người cộng sản giam giư.õ Đã một lần sờ tận tay nỗi chết. Bài viết này không đề cập đến những “người sung sướng” tội nghiệp đó, tôi muốn nói đến lớp tù đối phương, tù Cộng sản do quân đội, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và trao trả về cho đối phương; những người tù bị bắt khi tay đang giữ vũ khí ở chiến trường hoặc là những cán bộ nội thành bị phát giác đầy đủ tang vật và tài liệu. Cần nói rõ hơn một khẳng định, tôi sẽ không viết những lời tán dương chế độ giam giữ của chính phủ VNCH, một chủ đề mà cuốn sách không dự liệu, cũng như rất đối nghịch cùng lương tâm người viết: Người kinh sợ cảnh tù trên tất cả mọi sợ hãi. Bài viết sẽ cố gắng trình bày đủ đoạn trường tù tội mà kẻ tù nhân kia bắt buộc phải triệt để chấp hành, bắt đầu từ khi hắn tự đưa tay đầu hàng trước một mũi súng trên chiến địa hoặc đặt tay vào chiếc còng của nhân viên công lực VNCH.

Như đã nhiều lần nhấn mạnh, người Cộng sản không bao giờ bỏ lỡ cuộc đấu tranh trong bất kỳ hoàn cảnh, cơ hội hoặc giai đoạn ngắn ngủi nào... Không có vấn đề nghỉ ngơi, không có đời sống riêng rẽ, hoàn cảnh độc lập. Đã dự vào cuộc đấu tranh do Đảng “đề xuất” và lãnh đạo có nghĩa đã dự vào một cuộc đua liên tục, đua không ngừng, không nghỉ, cho đến phút chót khi thiên đường Cộng sản hoàn toàn thực hiện. Đó là trên lý thuyết, trên cơ sở chủ nghiã, riêng trong giai đoạn hiện tại, sau bước đường chống Mỹ cứu nước nay đã

đến bước "Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp Định Pa-ri..."; người tù Cộng sản lại phải luôn luôn học tập, phải đả thông vấn đề, phải chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh Đảng ngay trong cảnh tù tội, để đến khi được trao trả thì đã nắm đủ các yếu tố phát động thế đấu tranh mới.

Sau khi đưa tay lên đầu hàng ở chiến trận, người tù quân sự Cộng sản được cơ quan an ninh của đơn vị bắt giữ khai thác tại chỗ để phân loại và cung cấp các hoạt động liên quan đến trận liệt. Thường thường các cuộc thẩm vấn được tiến hành cấp tốc vì những đơn vị tác chiến thuộc Quân lực Việt Nam Cộng Hòa không đủ nhân viên chuyên môn để khai thác tù binh, họ chỉ ghi nhận vài yếu tố lý lịch, đơn vị của người tù, xong giải giao ngay đến các cơ quan lưu giữ tạm thời như Bộ Chỉ huy Trung đoàn, Bộ Tư lệnh Tiền phương của Sư đoàn mà đơn vị đó trực thuộc hoặc thuộc dụng hành quân. Tại những nơi này dù có đủ thì giờ rộng rãi hơn cũng như có chuyên viên thẩm vấn, các cuộc hỏi cung cũng chỉ có mục đích xét hỏi người tù binh những tin tức liên quan đến tình hình mặt trận mà anh ta vừa tham dự, một số chi tiết về tên họ, đơn vị trực thuộc, từ đâu xâm nhập vào trận địa, ý định điều quân của đơn vị này trong thời gian sắp tới... Người tù binh tiếp tục được giải giao đến các Trung Tâm Tù Binh chiến tranh. Sự tranh đấu, nếu được gọi là như thế, giữa tù binh và cơ quan giam giữ quân đội Việt Nam Cộng Hòa không được cấu thành, cũng không bao giờ thực sự cần thiết. Cơ quan có nhiệm vụ chính thức giam giữ tù binh quân sự là binh chủng Quân Cảnh mà tư thế và nhiệm vụ rất cụ thể và hạn chế: Quản trị, điều hành và lưu giữ tù binh. Không có vấn đề phải khai thác, tuyên truyền chính trị, nên tương quan này không dẫn đến những xung đột nghiêm trọng, những đầy ải ác nghiệt như người Cộng sản luôn luôn tuyên truyền, xuyên tạc. Nhưng chính trong những chốn lưu giữ này, người tù binh Cộng sản phải bắt đầu tham gia vào một cuộc tranh đấu kinh hồn quyết liệt mà kết quả độc nhất là sự chết, do những bạn tù thi hành, hoặc tiếp tục giữ vững lập trường Cộng sản không mệt mỏi, không suy giảm để chấp hành đứng đắn mọi chỉ thị do những người đại diện của họ ra lệnh. Cuộc đấu tranh nguy nan giữa những người cùng chiến tuyến bắt đầu trong nhà tù Việt Nam Cộng Hòa.

Đến đây, cần mở rộng vấn đề qua một phạm vi khác để soi sáng yếu tố những người tù cộng sản ở các trại giam: Những hồi chánh viên. Hồi chánh viên là những người tự nguyện buông súng, rời bỏ hàng ngũ cộng sản trở về phía Việt Nam Cộng Hòa trong tất cả mọi hoàn cảnh, ở khắp nơi trên chiến trường; cũng có thể gọi là hồi

chánh dù trong lúc giao tranh nếu người lính cộng sản có thái độ tích cực sau khi buông súng về cùng các đơn vị quân đội cộng hòa. Sự thật, đã có những người hồi chánh vì "thế kẹt", khi đơn vị anh tan rã, rút đi, hoặc đôi khi vì bị bao vây, tấn công quá dồn dập. Nhưng dù có buông súng trong tình huống tiêu cực đó, nếu anh ta tự nguyện cung cấp tin tức, chỉ điểm nơi chôn dấu vũ khí và xin được hồi chánh thì anh ta vẫn được đưa về các Trung Tâm Chiêu Hồi, chứ không là các trại tù như trên đã nói. Những người hồi chánh tự nguyện hay ở vào thế kẹt như vừa trình bày, chỉ là những người hồi chánh "bình thường", những người hồi chánh trong bình yên. Có một loại hồi chánh viên khác, hồi chánh ngay trong trại tù, mới là những người hồi chánh thượng hạng, những người đã vượt qua biên giới cái chết trong đường cơ kẽ tóc. Như trên đã nói, người tù binh Cộng sản ngay khi nhập trại đã phải chịu một cuộc thẩm vấn gắt gao do đại diện tù nhân cộng sản thực hiện. Anh ta phải khai rõ lý lịch, không phải chỉ một vài chi tiết của tên tuổi, tên cha mẹ, bạn bè, đơn vị, nghề nghiệp, sở thích... Không phải khai một lần, nhưng năm lần bảy lượt bởi một cuộc thẩm vấn tinh vi kinh khiếp: Mục đích của cuộc tra hỏi này là để nhóm đại diện tù binh cộng sản phát giác ra ngay những "ngụy hồi", tức là những hồi chánh viên mà cơ quan giam giữ Việt Nam Cộng Hòa gài vào đám tù binh cộng sản để dò chừng phản ứng, âm mưu của đám tù binh cộng sản. Cuộc tra hỏi cũng nhằm xem thành phần, tinh thần của người tù để sắp xếp anh ta vào những công tác, nhiệm vụ do ban đại diện đề cử. Cuộc tra hỏi dằng dai khít khao này cũng giám định lại tinh thần của người cán binh cộng sản, xem anh ta vì thụ động, tiêu cực nên đầu hàng quân đội Cộng hòa hay anh ta đã hết sức chiến đấu nhưng bởi kiệt lực bắt buộc. Tóm lại, sau giai đoạn thẩm vấn, người tù binh Cộng sản mới được xác định, xếp loại do chính đồng bạn tù quyết định. Nếu anh ta là một hồi chánh viên được gài vào, nếu anh ta là một chiến sĩ có tinh thần sút kém, chiến đấu tiêu cực. Số mệnh anh đã hoàn toàn được định đoạt: Chết. Chỉ có một giải pháp, một giải pháp độc nhất, cuối cùng. Dùng đũa đâm từ tai này qua tai kia, lột da đầu, cắt cổ, bóp cổ. Cực hình sẽ được thực hiện giữa đám tù để dằn mặt, cảnh cáo những người sa sút tinh thần, ngã lòng, muốn bỏ cuộc. Các tù binh Cộng sản được ban đại diện của họ chia vào từng tiểu tổ sinh hoạt, công tác chung với nhau, người này kiểm soát, canh chừng người kia để khi phát hiện một dấu hiệu ngã lòng, ý hướng mệt mỏi, muốn xin hồi chánh, làm việc cho ban giám đốc trại VNCH, thì báo động ngay đến ban đại diện tù trong khu của mình. Kẻ bị nghi ngờ sẽ bị hành hình không

chút nương tay. Trong tình huống kinh khiếp nghặt nghèo này, người tù binh Cộng sản luôn luôn đề cao cảnh giác, phải luôn luôn biểu lộ lòng tin vào lập trường của Đảng, luôn luôn giữ vững ý chí cách mạng thực hiện công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của Bác và Đảng. Họ phải kiên định lập trường, học tập tài liệu từ ngoài chuyển vào để luôn nắm vững tình hình, hướng nỗ lực tranh đấu vào mục tiêu do Đảng chỉ định. Để thực hiện công tác gắt gao này, phía Cộng sản đã không ngần ngại chỉ định những chính trị viên cốt cán, giả hàng ở trận địa rồi tìm đủ mọi phương cách làm sao chuyển được tới trại (mà họ được chỉ thị công tác)... Ví dụ như trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, cán bộ thuộc Trung đoàn Quyết Thắng (Trung đoàn đánh vùng Cây Thị, Gia Định) bị mất tinh thần trầm trọng... Bộ chỉ huy Ba Cục (R) thấy cần phải giữ vững tinh thần đám tù binh thuộc đơn vị này, đã điều động một số chính trị viên giả đầu hàng Quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở một mặt trận nào đó thuộc vùng Bình Dương, Tây Ninh... Nhóm tù binh chính trị viên này sau đó đã được tập trung vào một trại tù như Tam Hiệp (Biên Hòa)... Ví dụ như sau khi móc nối với các đại diện tù và biết được đám tù của Trung đoàn Quyết Thắng đã chuyển đi một nơi nào ở Phú Quốc thì họ sẽ chủ tâm tỏ ra vô kỹ luật, phá hoại, để ban giám đốc trại trừng trị, khiển phạt và cuối cùng bị (được) chuyển đi Phú Quốc. Nơi đây, nếu được chuyển đến một khu không có người của Trung đoàn Quyết Thắng kia thì họ sẽ tiếp tục dùng mọi biện pháp để làm sao cuối cùng chuyển đến tại nơi có “mục tiêu” được chỉ định...

Trong kìm kẹp gắt gao do đề phòng hiểm độc của các chiến hữu mình, người tù binh Cộng sản bị muôn ngàn hiểm nguy thường trực đe dọa... Không tỏ vẻ căm thù nhân viên quân cảnh có nhiệm vụ đưa cơm tới, không giác ngộ về “hiện tình thối nát của chính phủ VNCH”, hoài nghi về thành quả giải phóng 3/4 đất, 4/5 dân ở miền Nam, tiếng thở dài nhỏ trong đêm tối... Tất cả đã là nguyên do gây nên cái chết tức khắc. Một tù binh được ban giám đốc trại gọi lên hỏi chi tiết của nơi sinh. Nếu được trả về trại an lành, anh ta chắc đã nắm được đầu giây của cái chết do chính bạn bè anh thực hiện. Thế nên, một người tù trong hoàn cảnh này mà xin được hồi chánh để trở nên hồi chánh viên thì quả tình là một hồi chánh viên thượng thặng, hữu hạng, một người đã vượt mặt tử thần. Sự kiện này trình bày đủ thực trạng bi thảm về người tù binh Cộng sản. Trong trại giam, ngoài lớp cán binh trẻ cuồng tín của các sư đoàn chính qui Bắc Việt, còn có những tù binh thuộc các lực lượng địa phương miền Nam, những du kích xã,

huyện. Bên cạnh đoàn tù binh sắt máu luôn tin vào tiền đồ cách mạng, nuôi dưỡng căm hờn chế độ, chính phủ Cộng hòa, có những tù nhân bất đắc dĩ, những chiến sĩ cách mạng lỡ thời, vốn chỉ là một nông dân kẹt ở vùng "giải phóng", hoặc ở các vùng xôi đậu bị kéo vào bưng học tập, đi du kích. Thoạt tiên, họ được "động viên" đi dân công, sau tham gia các công tác phá hoại, tiếp theo do được bình nghị là đã "giác ngộ" tham gia công tác tốt, anh ta trở thành du kích xã, du kích huyện, đôn lên thành bộ đội chủ lực tỉnh. Gặp lúc có chiến dịch lớn như Bình Giả (1964) Đồng Xoài (1965)... Các đơn vị chủ lực Miền bị thiếu sót quân số trầm trọng, du kích xã, huyện theo lệnh của Trung Ương Cục được tập trung về khu C (Tây Ninh, Bình Long) để bổ xung vào các Trung đoàn thuộc các Công Trường 5, 7, 9... Tính chất "cách mạng vô sản" nơi người du kích miền Nam này, ngay cả những cán bộ hồi kết (Gốc miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 và trở về Nam trong những năm 1959, 1960 hoặc sau) rất khác xa với đám cán binh trên dưới hai mươi tuổi thuộc các sư đoàn Bắc Việt xâm nhập. Đám sau này tích cực hơn, cuồng tín, mê say một cách mù quáng và khắc nghiệt, hoàn toàn tin vào mệnh lệnh đường lối Đảng, lời Bác dạy. Nếu có một số ngã lòng vì cực khổ trên đường xâm nhập hoặc thấy rõ hiện tình miền Nam, thấy rõ thành quả giải phóng của cách mạng miền Nam, thường hồi chánh ngay trong thời gian đầu... Số còn lại, nếu đã thử sức đủ trên đường đi, hiện tình miền Nam vẫn chưa làm hắn ta "giác ngộ", thì lòng cuồng tín càng tăng thêm cường độ. Thế nên, trong ý hướng cực đoan này, những cán binh có ý định hồi chánh là thành phần cần phải tiêu hủy đầu tiên và tối đa đối với những cốt cán nầy.

Bị vây bọc bởi đám tù cuồng tín trên, một cán binh có ý định hồi chánh ở trại tù tức đã dự cuộc đua với tử thần trong gang tấc sít sao. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước giai đoạn thành lập danh sách cuối cùng để chuyển giao về phía cộng sản tất cả cán binh bị giam giữ theo Hiệp Định Ba Lê, đã phát động một chiến dịch gọi là phong trào Tân Sinh Hoạt trong tất cả mọi trại giam tù binh Cộng sản, mục đích phong trào này trên bề mặt là huấn nghệ, giúp điều kiện để tù binh có việc làm trong những ngày giam giữ, nhưng thực chất là tạo môi trường giáo dục tù binh để họ nhận định đúng hiện trạng miền Nam, tiến đến chọn lựa cuối cùng giữa hai ý hệ Cộng Sản và Tự Do. Phong trào đã thành công lớn lao, hơn 10.000 tù binh hồi chánh trong dịp tết Quý Sửu (72-73) trước khi danh sách trao trả cuối cùng chuyển đến phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng tại Hội Nghị Ba Lê. Số lượng 10.000 người tuy lớn so với gần 30.000 mà Việt Nam Cộng

Sản dự trù trao trả, nhưng thật sự con số kia chắc chắn sẽ gấp đôi nếu tù nhân được hoàn toàn tự do chọn lựa chế độ trước khi trao trả, hoặc họ rõ được thủ tục phát biểu nguyện vọng và quyền phát biểu tại địa điểm trao trả. Trường hợp các tù binh Thạch Phen trao trả Lộc Ninh ngày 14 tháng 2-73 và Hồ Văn Công ở Quảng Trị ngày 17-3-1973 là điển hình về cảnh bi thảm lặng lẽ mà người cán binh Cộng sản gốc miền Nam phải chịu đựng trong cô đơn và nguy biến riêng mình. Thạch Phen, người Việt gốc Miên, anh bị lôi kéo vào Mặt Trận không cưỡng lại được vì cư trú trong vùng bản lề giữa mật khu Cộng sản trên đất Miên với vùng VNCH ở Châu Đốc. Ngày 11-2-1973 anh được đưa đến Lộc Ninh để trao trả. Từ trực thăng bước xuống, anh kinh hoàng nhìn khung cảnh địa điểm trao trả, lớp nhà lá gồi, dãy cờ đỏ, rừng khẩu hiệu khắc nghiệt, đám cán bộ tiếp rước mặt xanh tím, tròng mắt võ vàng đầy thù nghịch dò xét. Những nụ cười vồn vã máy móc của những chiếc mồm xấu xí không làm anh yên tâm, thêm nữa, tiếng hát vang vang tiết điệu Trung Hoa dội lên từ dãy loa phát thanh làm anh bối rối kinh ngạc... Tuy đã cầm súng chiến đấu trong hàng ngũ những người Cộng sản, nhưng hôm nay, anh được đưa đến một nơi quá xa lạ, lớp rừng cao su xanh ngắt ôm kín những khu đồi đất đỏ, đám cán bộ đồng phục xanh với những cặp mắt vàng chạch vì sốt rét, nụ cười vô hồn, không cảm giác kéo lên, đóng xuống từng chập để lộ nguyên hình tính cách tra hỏi cay nghiệt. Thạch Phen chưa từng bao giờ ở cùng những chiến hữu nguy hiểm với cảnh núi rừng thâm u đầy đe dọa này. Tội nghiệp và đơn độc hơn nữa, tù cùng toán toàn là người Bắc, họ hân hoan biểu lộ sự thù hận, niềm tin sắt đá vào thành trì cách mạng bằng nắm chặt tay tung hô khẩu hiệu, câu hát. Thạch Phen hoàn toàn xa lạ trong không khí gớm ghê đầy đe dọa này... Anh lùi dần, lùi dần xuống cuối toán và chạy về phía mấy sĩ quan quân cảnh (có nhiệm vụ tải áp tù từ Phú Quốc đến Lộc Ninh) để xin hồi chánh. Đại úy Lộc, trưởng toán Liên Hợp Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa thông báo sự kiện đến ba thành viên Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt và Mỹ cùng Ủy ban Quốc tế để hợp thức hóa trường hợp hồi chánh của Thạch Phen. Nhưng hai viên sĩ quan của Mặt Trận Bắc Việt không chịu, nại cớ anh Phen đã hồi chánh không đúng thủ tục (Nghĩa là không phát biểu ý kiến của mình khi điểm danh trao trả. Cần nhắc lại một điểm, thời gian này chưa có thủ tục trao trả). Hai anh Hung và Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế được "mớm"ý kiến trên, đồng phát biểu: Không giám sát trường hợp hồi chánh của Thạch Phen vì không đúng thủ tục trao trả!! Cuối cùng, vì để có một cách thức giải quyết mẫu cho những lần trao trả sau, Quân

cảnh Việt Nam Cộng Hòa hộ tống Phen đến lều trao trả để phát biểu ý kiến, nhưng đám tù binh cùng toán của Phen nhào đến cướp Phen và hành hung quân cảnh; không thể làm sao chống cự nổi với đám tù, hơn nữa, nếu giành giật quá độ, đám tù có thể đánh chết Phen... Quân cảnh VNCH buộc lòng phải thả Phen ra. Hai thành viên Hung và Ba Lan được yêu cầu can thiệp và chứng nhận sự kiện xảy ra, một lần nữa lại tuyên bố: Anh Phen chưa được điểm danh, nghĩa là chưa được trao trả, họ không có trách nhiệm gì ngoài việc giám sát cuộc trao trả tại lều trao trả (?!!). Thạch Phen bị kéo đi một lát sau trở lại, với mặt mũi vỡ nát... "Chính quyền địa phương" Mặt Trận Giải Phóng tại Lộc Ninh yêu cầu có cuộc họp với đầy đủ bốn thành viên của Ủy Ban Quốc Tế để anh Phen phát biểu ý kiến trong "hoàn toàn tự do"... Và cuối cùng, thay vì nói muốn được hồi chánh, Phen phát biểu: "Việt Nam Cộng Hòa "gài" anh ta làm hồi chánh viên, nhưng bây giờ "giác ngộ" nên tự ý xin về phía Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam VN!! Hai thành viên Hung và Ba Lan ghi nhận sự kiện trung thực: Anh Phen đã nói lên nguyện vọng của mình trong tự do!!

Trường hợp của Hồ Văn Công thì khả quan hơn. Công thuộc toán thứ nhất để trao trả trong ngày 17-3-1973 tại Quảng Trị. Cũng như Thạch Phen, Công là du kích thuộc xã Phụng Hiệp Cần Thơ, bị quân đội VNCH bắt trong một cuộc tuần tiểu. Với bản chất thẳng thắn, đơn giản của người miền Nam, Công tham gia vào cuộc chiến đấu võ trang trong hàng ngũ cộng sản hoàn toàn do hoàn cảnh ép buộc, một sự góp mặt trung tính vì không thể sống độc lập giữa hai chế độ đối nghịch. Công đến bờ sông Thạch Hãn, nhìn về phía bờ đối diện, ngọn cờ đỏ ngôi sao vàng cùng tất cả im lặng nặng nề của một khối tổ chức chặt chẻ vô nhân tính vang vang khúc hát gợi căm thù. Công chùng bước... Đây là đâu? Phải chăng là bờ Bến Hải? Bến Hải - Cần Thơ khoảng cách ngút ngàn, suốt đời anh bao không bao giờ ý niệm đến... Nước Việt Nam là một, Tổ quốc Việt Nam là một, chúng ta có thể đến bất cứ đâu, tác chiến bất cứ nơi đâu... Viên bí thư xã đã nhiều lần nói như thế; cán bộ đại diện tù nhân cũng đã giải thích, thông báo hơn tháng trước: Chúng ta sẽ được trao trả tại Quảng Trị, ở đấy sẽ "tiếp thu" chúng ta, sau đó tùy nhu cầu thực tế, chúng ta sẽ được phân phối vào các cơ quan khác nhau, có nhiều nhiệm vụ khác nhau. Quảng Trị, một tỉnh Công không bao giờ nghe tên. Đây là Quảng Trị, sông này là sông Bến Hải (!?), trao trả xong họ mang mình thẳng về Bắc luôn!! Công co rúm người khi bước chân lần xuống thuyền để qua sông, Công liếc qua tái, qua phải, hai hàng lính Thủy quân Lục chiến, Nhảy Dù với những bộ đồ rằn ri rất quen

thuộc và ngay cả lá cờ vàng ba sọc đỏ này nữa... Dù anh đã một lần chiến đấu chống lại. Đám lính Cộng hòa với cách thức phát âm, dáng điệu phóng khoáng kia vẫn quen thuộc, thân mật gần gũi với Công hơn là đám tù binh mặt nặng căm hờn đang to nhỏ với nhau, hoan hô đả đảo... Lá cờ Việt Nam Cộng Hòa - Công đã quen thuộc từ bao lâu, kể từ ngày anh lớn lên, đi qua đồn nghĩa quân, đi qua trụ sở hành chánh xã Phụng Hiệp. Công nổi gai khi nghĩ tới cảnh trời nơi đất Bắc xa xôi, nơi anh sẽ đến và không có ngày trở về làng xưa cuối miền Nam... Anh bước chân xuống thuyền, thuyền tròng trành, đám lính Thủy quân Lục chiến đứng trên bờ cười nói vang vang, tiếng cười, giọng nói miền Nam yêu quí... Thuyền nổ máy hướng mũi về phía bờ Bắc nơi có lá cờ đỏ... Công quyết định, anh đứng dậy trên lòng thuyền, một bàn tay nào đó muốn vít cổ anh xuống, Công đưa tay lên gạt mạnh, phóng mình xuống nước... Nước lạnh cóng, Công cố bơi vào bờ, mắt anh mờ ánh nước, tay chân anh giãn ra, anh thả trôi người, chìm xuống... “ Hồi chánh! Hồi chánh... Có người hồi chánh ”. Công loáng thoáng nghe có tiếng người kêu lớn ở trên bờ, nghe tiếng sóng đập mạnh đâu đây trên giòng nước, có cánh tay bế xốc anh lên... Công đưa tay xuống cạp quần nơi có tấm ảnh của vợ con anh ở miền Nam!!

Viên Y sĩ Thủy quân Lục chiến chích cho Công mũi thuốc khỏe... Ảnh vợ con tôi đâu? Ảnh vợ con tôi đâu? Đây đây... Công lần mò bàn tay run rẩy trên mép tấm ảnh quen thuộc...

Tôi đi qua bờ Thạch Hãn, yêu cầu tổ Ủy ban Quốc tế đến chứng kiến và xác nhận trường hợp anh Công, để hai anh Hung và Ba Lan không thể thoái thác từ chối với lý do anh Công chưa đến địa điểm trao trả (Bờ Bắc sông Thạch Hãn)... Tôi đón trước bằng đề nghị: Vì anh Công đang trên đường đến địa điểm và nhảy xuống nước, hiện tại đang bị kích ngất không thể di chuyển qua sông được, sẵn dịp Ủy ban Quốc tế sẽ về bờ Nam đáp trực thăng đi Gio Linh, tôi yêu cầu họ phải xác nhận trường hợp hồi chánh của anh Công. Nhưng vì tôi cũng chỉ một mình, một miệng, hai toán Liên Hiệp Quân Sự phe Cộng sản xử dụng tối đa nhân lực cùng lớp cán bộ địa phương bao vây ngay hai anh Hung và Ba Lan, cả một lực lượng hơn mười người cùng hai tên thông dịch viên, thay nhau thảo luận, hỏi ý kiến liên tiếp, kèm thêm màn chụp hình, mời uống nước. Hai anh Hung và Ba Lan lại biểu đồng tình trì hoãn chiến để không qua sông chứng kiến tường hợp anh Công. Khốn nạn, tôi chỉ kéo được hai anh Gia Nã Đại và Nam Dương về bờ Nam. Trên giòng nước lạnh ngắt, dưới trời mưa bụi tôi đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến cảnh những người trầm

mình để được chết tự do. Cao quý và đau đớn thật, hình như rất ít người nghĩ đến yếu tố thực tế này khi vỗ tay mừng Hiệp Định Ba Lê. Cuối cùng, anh Công vẫn được xếp vào hàng ngũ những người hồi chánh, dù thiếu sự chứng kiến của hai thành viên Ba Lan, Hung Gia Lợi. Trường hợp hồi chánh của anh vẫn được ghi nhận qua phái đoàn Nam Dương, phái đoàn Chủ vị Ủy ban Quốc tế của tháng này. Thạch Phen hay Hồ Văn Công là những trường hợp điển hình vì đã bùng vỡ và thực hiện qua hành động, nhưng còn biết bao nhiêu người nữa, những người không thể hồi chánh theo phong trào Tân Sinh Hoạt, những người không thể tách khỏi tay đám tù đồng bọn khi đi trên đường đến địa điểm trao trả. Bao nhiêu người muốn làm động tác như Hồ Văn Công của ngày 17-3-1973, bao nhiêu người muốn đưa tay lên để phát biểu ý kiến, bao nhiêu người lòng ngập bi thương khi bước chân vào địa điểm trao trả để đợi điểm danh trước khi về với... Nhân Dân!! Nhân Dân... Điển hình với hình ảnh phục phịch của một nữ đồng chí "phục vụ" với giọng nói miền Bắc Việt nghe lạ lùng. Bao nhiêu người tù binh tóc đã ngã màu muối tiêu, bước chân lóng cóng, dẫm lên chiếc thuyền để qua sông, ngập ngừng ném chiếc áo nâu dầy ấm áp theo lệnh của "tù trưởng" để lộ làn da nhăn nhúm mệt nhọc dưới làn mưa dầm dề của tiết xuân, lớp da dù được khích động, đù được bơm căm thù vẫn phải co rúm dưới cơn gió rét miền Trung rờn rợn... Tù Binh... Về đâu? Câu hỏi vang lên nghe nhức nhối và tội nghiệp khôn cùng.

Chẳng phải vì muốn tăng thêm cường độ cảm xúc trong văn chương nên tôi đã khai triển tối đa tình huống qua hai sự kiện cụ thể, nhưng bởi đã nhận ra thực tế không phải chỉ xảy ra ở bờ sông Thạch Hãn, sân bay Lộc Ninh, nơi rừng cao su Minh Thạnh, bên cạnh lớp tù nhân hùng hổ kéo nhau đi trong khi thế hận thù bốc cao đầy ánh mắt, có một số đông, một số rất đông tù binh Cộng sản bước những bước ngắn e ngại, thẫn thờ... Họ cũng như đám tù binh Hồng Quân đã tự sát tập thể bằng cách lao mình từ toa tầu xuống vực sâu trên đường trở về Nga Sô Viết sau khi Đức đầu hàng Đồng Minh 1945; họ cũng như những tù binh của các chiến dịch Atlante, Castor, được Pháp trả về phía bên kia phía Cách Mạng - Phía Việt Cộng. Thân phụ tôi, người chiến sĩ của Sư Đoàn 308, người chiến sĩ của chiến thắng Điện Biên, người từng bỏ tất cả đời sống bình yên cạnh vợ con để hiến dâng trọn đời mình đến cách mạng, cho dân tộc... Từ trại tù 51 ở Hải Phòng trước ngày Pháp trao trả về cho Quân Đội Nhân Dân đã không cầm lòng, phải viết nên lời: "Anh (ba tôi) bây giờ đã mệt mỏi lắm rồi, anh biết đủ thứ, biết bữa củi, nấu cơm, có thể làm tất cả mọi

chuyện, chỉ muốn làm sao đưa em (mẹ tôi) và các con đi xa, đi thật xa, ra khỏi nước Việt Nam này..” Năm 1954, với chiến thắng rực rỡ lớn lao kia, người tù Cộng sản cũng phải nhìn lại đoạn đường mình đã đi qua, đưa mắt hướng về một tương lai ảo tượng để nói lên lời cay đắng, huống gì hôm nay, thời gian của 1973, biên giới của Cộng Sản và Tự Do đã xóa nhòa trong men rượu Mao Đài, được quên đi nơi Công Trường Đỏ khi Nixon cúi mình tưởng niệm anh hùng Sô Viết... Thế nên, người tù binh Cộng sản còn đâu ý chí, còn đâu căm thù đích thực... Và “Chống Mỹ cứu nước” hiện rõ ra một khẩu hiệu không nội dung, không đối tượng khi “bè lũ quân Ngụy ác ôn côn đồ” cũng chỉ là những người lính da vàng âm thầm chịu đựng, khi thành tích cách mạng giải phóng miền Nam thật bày ra lớp thịt da người Việt phủ kín chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng... Giải Phóng, Tự Do, Dân Tộc, Độc Lập, những danh từ chát chúa vĩ đại một cách phi nhân đã thể hiện đủ tính chất, trò xảo trá to lớn mà người tù binh đã đem đời mình hiến dâng nên thành. Trong nhà tù, nơi địa điểm trao trả, người tù binh thấy lại trước mắt cảnh cơm khô, nước lã miệt mài nơi rừng xanh để xây dựng một thiên đường nhạt thếch... Gia đình, làng xưa, nẻo đường về càng ngày càng mất hút. Tù binh Cộng sản, anh đi về đâu khi ngày sắp hết và đời anh cũng đến lúc kiệt cùng.

Còn một điều cần phải nói thêm cho đủ, những người tù dù đã chứng tỏ vững lập trường khi ở giai đoạn giam giữ, cũng phải phát triển căm thù cùng tinh thần chiến đấu ngoan cường ở địa điểm trao trả vì nếu không, sau ly nước trà vồn vã bốc khói, người tù lừng khừng, mệt mỏi, sẽ bị cô lập, tra hỏi, kiểm thảo và hạ tầng công tác ngay hoặc nếu cần thì thủ tiêu... Lớp tù binh được trao trả về theo Hiệp Định Genève 1954 đã chứng tỏ điều này trong những ngày sau 54, những người tù binh của những chiến trường khốc liệt được Pháp trả về đã bị phân tán, đánh tỉa, bỏ rơi và bắt buộc ở vào tình trạng tê liệt cho đến hôm nay, gần hai mươi năm sau ngày trao trả.

Để địch quân bắt giữ là một tội phạm. Người Cộng Sản đã quan niệm như thế. Cả một bộ máy tuyên truyền to lớn của họ không đề cập hoặc khai triển rất ít đối với thành phần những người tù vừa được VNCH trả lại. Trong các báo Quân Đội Nhân Dân, Quân Đội Giải Phóng, tin tức về các cuộc trao trả tù binh Cộng sản được loan báo rất sơ sài, một cột, vài ba giòng. Thiếu vắng hoàn toàn cách đề cao, thổi phồng các “anh hùng” bị giam giữ, bên cạnh những anh hùng sản xuất, anh hùng của đội làm cầu Hàm Rồng..v.v... Số phận những tù binh Cộng sản năm 1973 chắc cũng không khác gì những người hai mươi năm trước. Thực tế sau nầy chứng minh mức độ

chính xác của lời tiên tri tiên kiến. Người viết gặp lại người tù anh đã trả nơi bờ sông Thạch Hãn năm 1973. Thượng úy Trọng - Trọng "già", người cùng chung phòng kỹ luật với Phan Nhật Nam (1983) tại Trại 5 Lam Sơn Thanh Hóa. Trọng đã ở tù từ ngày trao trả mười năm trước vì tội "Để quân Ngụy bắt giữ!!!"

Đó là số phận của tù Cộng sản chân truyền, dù là người kiên quyết ném cái áo tù binh xuống giòng sông, móc từ hậu môn ra mảnh vải dài khoảng ba tấc ngang bằng ba đốt ngón tay trên ghi giòng chữ "Đả đảo Đế quốc Mỹ" và giữ vững trên đầu từ khi bước xuống thuyền, qua sông, ngồi xuống băng điểm danh. Huống gì loại tù binh mắt lạc thần nhìn lên màu cờ đỏ, não nề không trả lời khi được gọi đến, những người tù tóc bạc, thở dài không che dấu, bước những bước hững hờ, lạnh nhạt giữa hai hàng cán bộ phục dịch tay vỗ vang và ứa tràn miệng cười... Những tù binh quê miền Nam, những tù binh vốn du kích, những tù binh đã gần đến tuổi nghỉ ngơi. Về đâu? Đêm nay ngã lưng xuống nơi đâu, quê hương, gia đình đâu? Ảnh ông Hồ Chí Minh và khẩu hiệu "Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do" cũng chỉ nên hình ảnh nhạt nhòa vô nghiã... Người tù Cộng sản lưng trần, đầu cúi xuống, bước đi ngập ngừng. Đi mãi vào một nơi không bao giờ biết. Không hề biết.

Phần những tù binh quân sự đã thê thảm tội nghiệp như thế, huống hồ gì những tù dân sự, những người được gọi là "nhân viên dân sự" của Cộng sản qua định nghĩa của điều 21 (b) Hiệp Định Genève 54: "Nhân viên dân sự là những người đã góp phần vào cuộc đấu tranh vũ trang, chính trị của một bên và bị bên kia giam giữ..." Định nghĩa rộng rãi nhưng vô cùng chặt chẽ đã không làm "lọt" một người nào giữa hai bên miền Nam, tất cả mọi người khi lựa chọn một bên để sống tức là đã lựa chọn một chế độ, hoàn tất một thái độ chính trị và "cuộc góp phần" có thể suy diễn từ thái độ này cũng không sợ nhầm lẫn quá độ. Qua định nghĩa này, tức không còn bóng dáng "thường dân" trong thời chiến, không còn người "dân" thuần túy, độc lập giữa hai thế lực đối kháng Người bị cuốn hút vào không cưỡng chế, phải góp phần tham gia, với một tương quan liên kết về một phe. Không có người làm nghề tự do, không có người buôn bán độc lập mà chỉ có nhân viên dân sự như Nguyễn Văn Tám, bốn mươi ba tuổi từ xã Đông Yên, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá làm "gián điệp" cho Tám Cơ ở thị xã Rạch Giá và bị "Chính phủ Lâm Thời" bắt giữ tại địa điểm U Minh trong ngày 2-3-1971.

- Tám Cơ là ai?
- Dạ ổng ở Rạch Giá...

- Tám Cơ bảo anh làm gì?
- Dạ bảo làm... gián điệp!!
- Làm gián điệp như thế nào? Làm những việc gì?... Nguyễn Văn Tám đứng tròng, đưa mắt nhìn tôi, anh không biết mình đã làm những việc gì có liên quan đến "điệp vụ" nguy nan như từ ngữ đó... Tám Cơ, phải chăng chỉ là một nhân viên tình báo của cuộc Cảnh Sát ở Rạch Giá đã nói với Tám trong một lần nào đó: "Vào trỏng thấy gì là lạ, ra nói lại nghe". "Vào trỏng là những khu U Minh mịt mùng mà Tám hằng ngày ra vào để làm lúa!! Gián điệp Tám đã phạm tội nặng ngàn cân với tình cảnh một người dân khốn khổ! Gián điệp, tội tử hình dù giữa hai quốc gia có tuyên chiến. Tám phạm tội tất nhiên như Tám đã sống trong đời. Phải chăng làm người Việt Nam trong thời đại tàn khốc này đã là một cái tội?!! Trường hợp của bà Lê Thị Tám thì trái ngược lại, bà Tám năm hai mươi tuổi, tóc khô và người nhăn nhúm, thân thể nhỏ bé quắt queo toát ra một vẻ chịu đựng khốc liệt. Bà Tám mở đôi mắt vàng đục, nhướng những lần mí mắt sùm sụp, cất giọng phiền não...
- Tui tên Tám, năm mươi hai tuổi ở làng La Chữ ngoài Huế.
- Bà phải nói đủ nơi sinh, gồm có xã, huyện, tỉnh... Viên Thiếu tá Mặt Trận có nhiệm vụ hỏi ý kiến bà già cũng não nề trước tình trạng mệt mỏi này.
- Hỉ? Chi?!!
- Bà nói cho tôi biết huyện nào?
- Thì tui "noái" rồi đó, tui ngoài La Chữ, Thừa Thiên...
- Bà bị phía Việt Nam Cộng Hòa bắt vì tội gì?
- Răng biết?!
- Bà không biết lý do bị bắt thì tại sao bây giờ lại xin ở lại.
- Theo "bộ đội" thì biết khi mô về lại ngoài nớ, tui xin về nhà thôi, không được thì ở tù lại cũng được!!

Đến đây, tôi lại phải chen vào chứ để cho viên thiếu tá này vặn vẹo một hồi, bà Tám nói lung tung thì... vỡ mặt. Tôi can thiệp nhưng lòng cũng không có niềm hứng khởi đấu tranh... Vì đấu tranh ở đâu khi lôi kéo người đàn bà này về phía quốc gia, với tầng lớp nhân dân mệt mỏi vô tình này! Tôi cắt ngang lời phát biểu và các câu hỏi để đặt câu hỏi dứt khoát:
- Bây giờ bà đi theo bên Chính Phủ Lâm Thời hay là phía Việt Nam Cộng Hòa?
- Tui ở lại.
- Xong, cám ơn bà, bà theo quân cảnh để ra đợi trực thăng về lại Biên Hòa.

Viên Thiếu tá Mặt Trận giở nón lấy khăn lau đầu, có những sợi tóc bạc đẫm mồ hôi. Dù là người Cộng sản chắc y cũng thoáng rã rời. Bà Tám loắt choắt bước theo người quân cảnh, hai bàn chân nhỏ bước thoăn thoắt, nắng rọi sáng trên đám tóc khô rối. Người đàn bà tội nghiệp này làm sao biết mình vừa lựa chọn một chế độ, vừa phân biệt và quyết định giữa hai đối lực chính trị Quốc Gia - Cộng Sản. Bà đã sống tình cờ nơi làng La Chữ, Hương Trà, Thừa Thiên, hàng ngày vào mạn núi phía tây quốc lộ 1 vùng Nam Hòa (Huế) kiếm củi, có người chận lại đưa cho gói giấy, bảo khi trở về thì rải gói giấy này trên quốc lộ. Người lạ cũng gởi bà mua thuốc lá, xà phòng với giá cao. Gánh củi trở thành phương tiện mua bán thứ yếu, cách buôn bán trên trở nên nguồn lợi chính. Bà Tám rốt cuộc bị ủy viên an ninh xã khám phá và giam giữ!!. Bà khai thật tình số thuốc lá đã bán, số lời thâu được. Bà cũng rất thành thật nói rằng, sau này khi biết mấy người kia là "bộ đội" thì có hỏi tin tức về chồng bà đã đi vào phía núi này từ năm 1952, 53... Liên quan giữa bà Tám với "bộ đội" quả rất phù hợp với định nghĩa của điều 21(b) - Điều khoản được hoàn tất từ những đầu óc nhiều kinh nghiệm, nhiều kiến văn. Lẽ tất nhiên không bao giờ nhầm lẫn, sơ sót. Buôn bán tức là có tương quan kinh tế và vong thân chính trị là gì nếu không phát xuất từ cơ sở kinh tế. Cuộc tranh chấp lớn hiện nay giữa Cộng Sản và Tư Bản cũng chỉ là hệ quả của sự chống đối tử chiến giữa hai lực kinh tế đối nghịch, Tư Bản - Vô Sản. Vậy bà Tám đã hiện thực một "tương quan kinh tế" tức là dự phần vào cuộc đấu tranh võ trang chính trị giữa hai bên miền Nam theo điều 7 Nghị Định Thư Tù Binh của Hiệp Định Ba Lê!!! Bà Tám được ghi tên vào danh sách để trao trả về Mặt Trận Giải Phóng tại Lộc Ninh ngày 21-2-74.

Bà Tám đã thê thảm nhưng Phan Anh Hoát lại còn đau đớn tàn khốc hơn. Hoát trên bốn mươi, người thấp bé nhẫn nhục. Hoát là công chức ở Huế, bị bắt sau cuộc chính biến miền Trung 1966, vì Hoát tham gia lực lượng tranh đấu Phật Giáo. Hoát bị đưa vào Sài Gòn và cuộc điều tra đã có kết luận: Hoát phá rối trị an, làm lợi cho Cộng sản, có dạng thức đấu tranh Cộng Sản, nhận chỉ thị từ thành ủy Huế..v.v.. Ngày trao trả 18-2-74 tại Lộc Ninh, Hoát lặng lẽ đi giữa hai hàng cán bộ tiếp đón với nước mắt chảy đầy má. Đám cán bộ Cộng Sản sững sờ trước khuôn mặt đẫm nước mắt và môi mím chặt uất hận. Lần đầu tiên, tại một địa điểm trao trả có hiện tượng phẫn uất đau đớn này. Đi về phía Cộng sản thì phải vỗ tay phấn khởi, phải bộc lộ căm thù trên đầu nắm tay, trong cái nhìn hung hiểm. Về phía Cộng sản cũng phải dựng lên màn kịch được giải phóng toàn thể,

được đời sống tự do tuyệt đối. Nhưng lần đầu tiên của một năm trao trả, người tù Phan Anh Hoát với giọt nước mắt bi phẫn, với lặng lẽ não nề đã từ chối tất cả, đã buông xuôi tất cả, đã hoàn toàn bó tay giữa một thế lưỡng cực phân tranh mà Hoát hoàn toàn thụ động. Hoát cô độc và yếu đuối giữa hai ý hệ. Hoát thả rơi những giọt nước mắt đớn đau. Hoát chỉ là một trường hợp điển hình của đám người cuối đáy tuyệt vọng, những người nghẽn lối và bị xé nát giữa cuộc đấu tranh Quốc - Cộng. Hoát khóc được nhưng một số người đông đảo đã không đủ can đảm để khóc nên giòng nước mắt bi thương đó. Rất nhiều người đã không làm được. Rất nhiều người như thế. Tôi đã biết những người Việt Nam không được khóc giữa các cuộc trao trả.

Những người tù của Gheorghiu quả tình đã bị xé nát bởi guồng máy phi nhân của những chính quyền nhân danh Tự Do và Nhân Loại. Người tù Việt Nam, kẻ chịu nạn ghê gớm giữa hai ý hệ đối cực. Họ không có giai đoạn trước và sau thời hạn tù. Sống ở trên đất nước này đã là một cái tội. Họ bị kết án bởi đời sống đó.

Tù binh và hòa bình

Hòa Bình, tưởng như là giấc mơ

Hôm nay, gần hết tháng thứ năm hòa bình của chiến tranh "Đông Dương đệ nhị". Người Mỹ đã rút đi cùng bộ máy chiến tranh khổng lồ, khối nhân lực nửa triệu người, hàng trăm máy bay chiến đấu, những phi đoàn trực thăng, hệ thống phi trường dã chiến lần lượt đóng cửa. Người Mỹ phủi tay gọn ghẽ: 1960-73, mười ba năm tham dự vào vũng lầy Đông Dương, nước Mỹ quả tình cần phải nghỉ ngơi. Vụ Watergate như một cơn sốt cao độ để người Mỹ trút được khối chất độc tự thân lần cuối. Ngoài giải tỏa chiến tranh, trong dọn sạch nội bộ, người Mỹ uống một liều thuốc nặng "độ" để dứt điểm cơn bịnh. Vệ tinh Skylab hư bộ phận chống nhiệt nhưng được sửa chữa kịp, phòng thí nghiệm không gian đáp tuyệt hảo xuống biển Thái Bình sau hai mươi tám ngày bên ngoài khí quyển quả đất.

Bà Golda Meir đón thủ tướng Tây Đức ở phi trường Tel-Aviv với câu nói lịch sử: "Nhân loại sẽ không còn nếu không có can đảm mở

màn cho những bắt đầu mới..."

Ở Ba Lê, Kissinger mạnh miệng tuyên bố: "Sẽ không trở lại nơi này một lần nào nữa vì lý do Đông Dương.." Xong, tiếng bạc chót đã đặt xuống. Thế giới thở hơi dài trước một viễn ảnh đẹp đẽ đang ráp nối dần.

Nhưng Nam Việt Nam thì quả tình chưa xong một chuyện nhỏ. Ngày 27.1.73 khi dấu chấm cuối cùng vừa dứt trên văn kiện "Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam", thì ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28-1-73 Thủy quân lục chiến cường tập dứt điểm mục tiêu Tango hay Cửa Việt. Pháo 130 của Bắc quân từ Đông Hà, Khe Sanh đổ xuống vùng Như Lệ, Tân Lê làm quân Dù không thể ngóc nổi đầu... Ngày Chủ nhật 28-1-73 toàn thể các lộ đi vào Sài Gòn đều bị đóng "chốt". Chốt ở quốc lộ 15 phía nam Long Thành, chốt trên quốc lộ 1 ở Xuân Lộc, Long Khánh, chốt kẹp đường Tây Ninh, chốt giữ đường đi Đà Lạt. Người Việt Nam đón hòa bình với tiếng chắt lưỡi khi mở tờ báo, lúc chui xuống hầm, bế con chạy trốn pháo. Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái lập Hòa Vình tại Việt Nam: Thật sự đùa cợt tàn nhẫn trên bi thương của dân tộc Việt. Hòa Bình, chiếc bóng ao ước của cả một giống nòi chập chờn ảo tượng. Hôm nay, cuối tháng thứ năm của ngày ngưng bắn, tất cả dạng thức hòa bình vẫn còn rời rạc, trừ hiện tượng người Mỹ đã mất hẳn, để khi đi trên đường trong Tân Sơn Nhất, trong Long Bình, Cam Ranh với canh cánh phản ứng... Hóa ra "Hòa bình" đã đi được một bước cụ thể. Bước trở về của đám lính Mỹ bên kia đại dương Thái Bình. Và cũng chỉ có mỗi hiện tượng đó, tất cả còn nguyên vẹn. Hòa Bình - Việt Nam Người ở đâu?

Có một cảm giác không an toàn, âu lo phảng phất trong không khí. Cắt đất thành lập một quốc gia thứ ba, ngưng bắn thật sự lại chỗ chờ đợi Hội Đồng Hòa Giải và cơ chế chính trị mới. Hay... Đánh trở lại?!! Những câu hỏi nhức nhối theo từng nhịp thở khi nghe tiếng đại bác rì rầm vang vọng trong đêm.

Chuyện gì sẽ xẩy đến? Và câu hỏi hệ luận: Mặt Trận Giải Phóng hiện đang toan tính gì? Lẽ tất nhiên, phần cuối cùng của chiến lược Cộng Sản không thể đơn giản khẳng định với một minh xác cụ thể, nhưng nét chính chiến thuật phải nằm trong toàn bộ chiến lược lớn của Đảng Lao Động Việt Nam mà mục tiêu lớn từ lâu không thay đổi: Nhuộm đỏ toàn thể Đông Dương.

Nhưng dẫu nắm được điểm chính chiến lược của miền Bắc, cũng không thể dễ dàng tìm ngay được giải đáp cho câu hỏi. Đoạn đường dài đó, đảng Lao Động từ lâu đang tâm thực hiện, nhưng nhịp độ, phương thức thực hiện của bước tiến luôn vấp phải muôn ngàn trở

ngại do đối kháng của phía Quốc gia, tình hình quốc tế, nên di chúc Hồ Chủ Tịch được mặc nhiên uyển chuyển thi hành theo các đường vòng nới rộng hay ép chặt tùy hoàn cảnh. Nhưng cái đích của mọi từ trường hành động vẫn không ra khỏi hai cực nam châm, cụ thể là quyết tâm của người đã chết. Từ quan điểm chiến lược này của đối phương, chúng ta cần thiết tìm nên đường đi trong ý nghĩa tự tồn và tự cứu. Viên đạn của địch đã lên nòng, ta phải xét thêm vị trí của nòng súng, thế quì nhắm của địch để từ đó tìm ra đường lối chống đỡ. Lần chống đỡ cuối cùng để vượt qua cái chết hoặc chìm mất... Lặp lại câu hỏi: Mặt Trận Giải Phóng toan tính những gì có thể thay thế bằng một câu hỏi tương tự: Cộng Sản đã mưu tính gì khi lấn chiếm những vùng đất có chung nhiều mẫu số.

Qua những vùng đất bị tạm chiếm, chúng ta có nhiều yếu tố để nhận diện đối phương.

29-3-72, mở đầu cuộc tấn công mùa hè vào miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt xua 13 sư đoàn bộ binh cùng ba trung đoàn chiến xa theo hai hướng tây-đông và bắc-nam, cường tập vào tỉnh Quảng Trị với mục tiêu thứ nhất là thị xã Đông Hà, sau khi giàn đại pháo 130 ly của ba trung đoàn pháo nặng yểm trợ tiếp cận, quét sạch dãy căn cứ hỏa lực chạy từ làng Vei, Hương Hóa, như Caroll, Sarge, C1, C2, A1, A2, từ biên giới Lào Việt đến bờ biển. Mặt trận Đông Hà vỡ vì Sư đoàn 3 Bộ Binh và một Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến không thể nào giữ được một tuyến phòng thủ rộng đến ba mươi cây số không chiều sâu.

Ngày 1-5-72 Quảng Trị mất, người dân dùng tất cả mọi phương tiện để xuôi Nam. Thật lạ, người Việt vốn rất tỉnh, rất thường với biến cố, nhưng khi một làng xóm, một quận lỵ vừa ngửi mùi "bộ đội" gần đến, đã vội vàng di tản. Lữ đoàn 147 Thủy quân Lục chiến giữ nhiệm vụ bao chót, vét hết người dân Quảng Trị cuối cùng và dừng lại tại Mỹ Chánh để lập phòng tuyến cuối. Điểm giữa đường Quảng Trị - Huế.

Ngày 29-6-72, hai sư đoàn chủ lực của miền Nam, Nhảy Dù phía tay trái, Thủy Quân Lục Chiến tay phải, cùng song song tiến về hướng Bắc lấy quốc lộ 1 làm chuẩn và thành phố Quảng Trị làm mục tiêu cuối cùng.

Bắt đầu từ ngày 29-6-72 và chấm dứt vào cuối tháng 7-72, Quảng Trị "nóng" mùi lính Cộng hòa, chỉ trừ một chốt cuối: Cổ thành Đinh Công Tráng, ba tiểu đoàn Thủy quân lục chiến hoàn tất nhiệm vụ đúng 12 giờ trưa ngày 15-9-72. Mặt trận Quảng Trị được phân ranh rõ rệt bởi giòng sông Thạch Hãn.

Tháng ngày qua từ từ, cuộc chiến tạm kết thúc với không người thắng cũng không kẻ bại.

Kết quả, Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình ra đời, tờ Hiệp Định quái dị, mờ mịt và láu cá như một bài thơ tự do mà mọi phe đều có thể giải thích với phần lợi cho mình. Hòa Bình: từ ngữ linh thiêng lần đầu tiên được gọi tới.

Ta kiểm điểm đất đai Cộng sản đã chiếm được ở mặt trận phía bắc: Từ đèo Lao Bảo ra đến Cửa Việt, từ sông Bến Hải vào đến sông Thạch Hãn và đặt lại câu hỏi mà suốt những ngày đầu cuộc đại chiến của năm 1972 đã nhiều lần được nói tới: Cộng sản muốn chiếm Huế hay không? Câu trả lời có thể đặt lên hai vế mà không sợ lầm lẫn. Về mặt chiến thuật, Huế cũng là một mục tiêu nhưng chỉ là một mục tiêu chiến thuật, của Sư đoàn 324B. Bằng tất cả cố gắng, SĐ324B nầy đã cài răng lược với Sư đoàn 1 Bộ Binh VNCH trong dự tính đẩy sư đoàn này ra khỏi các cao độ King, Birmingham, Bastogne, Checkmate ở vùng tây-nam Huế, để từ đây theo trục lộ 547 tiến về Huế (Đường đã một lần được xử dụng trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân). Nhưng Huế chỉ là một mục tiêu chiến thuật lớn chứ không phải là một thành phố mà quan điểm chiến lược Bắc Việt quan niệm đến.

Sự xác định quân sự căn cứ từ các yếu tố, sau khi chiếm được Đông Hà và Quảng Trị, Cộng quân bỗng “khựng” lại ở bờ bắc sông Mỹ Chánh. Sự trì chậm của cuộc tiến quân có lý do là phương tiện tiếp vận không đi theo kịp với bước tiến của bộ binh. Nói rõ hơn, Cộng quân không “chuẩn bị” để đẩy quân sâu về phía nam hơn được, trong khi chuẩn bị là ưu điểm số một mà họ đã nhiều lần thực hiện đủ trong toàn thể các chiến dịch... Mậu Thân, Hạ Lào, cuộc tổng tiến công đầu tháng 4-1972 vào Đông Hà, Lộc Ninh, Darkto là những bằng chứng hiển nhiên về cách chuẩn bị kỹ của đối phương. Thế nên Sư đoàn 324B cùng các trung đoàn thuộc quân khu Trị-Thiên của Cộng sản dù có thay phiên nhau nhồi Sư đoàn 1 Bộ Binh ở vùng núi tây-nam Huế, thành phố này vẫn chưa được quan niệm đúng cỡ như điểm dứt của chiến tranh Việt Nam.

Xác định kéo đến một hệ luận: Mục tiêu lớn của cuộc tổng tấn công không vượt khỏi ranh sông Thạch Hãn, đường ranh giới này có thể tính được từ một khối óc điện tử khi có đủ các dữ kiện vừa trình bày. Khoảng đất 150 cây số vuông ở bắc sông Thạch Hãn là một vùng không có tiềm lực kinh tế và 90% dân chúng đã vượt sông bỏ làng mạc xuôi Nam. Không tài nguyên, không nhân lực, khoảng đất trống với thiên nhiên nghèo nàn đó trên ý niệm của chiến tranh cổ

điển, chiến tranh chiếm đất, bắt dân, cướp tài nguyên không thể là mục tiêu đúng kích thước được. Nhưng lật tờ bản đồ Đông Dương chỉ với một nhận xét đơn sơ nhất của quan điểm chính trị địa lý, thì thấy vùng đất nằm hai bên quốc lộ 9, từ Đông Hà đến Tchépone quả thật là một trung điểm để kiểm soát được cạnh sườn tây và đông của dãy Trường Sơn nằm trên ba quốc gia Việt, Miên, Lào. So sánh quốc lộ 9 nằm trên trục Đông Hà - Tchépone - Savanakhet với trục quốc lộ 12 Thakhet - Đèo Mụ Già; trục lộ 19 Stungteng - Đức Cơ - Pleiku thì nhận thấy ngay được tính chất quan trọng của con lộ kể trên, con đường tương đối ngắn (dài hơn trục bắc và ngắn hơn trục nam) nằm giữa trung tâm của Đông Dương hợp với đường Hồ Chí Minh thành ra một ngã tư nối liền được đông-tây, nam-bắc của bán đảo. Nhận định này cũng chẳng gì mới lạ, Cộng quân chỉ lập lại hoài bão mà tổ tiên ta xưa không thực hiện được: Kiểm soát đường số 9, chế ngự Nam Lào để tiến lên bắc, xuống nam bình định luôn toàn thể bán đảo. Nhận định có thể kiểm chứng khi ta nhìn lại diễn tiến và kết quả của hai mặt trận khác, Darkto và An Lộc.

Từ Attopeu trên đất Lào, đường Hồ Chí Minh có một hệ thống rẽ về phía đông. Gọi là một hệ thống vì gồm những con đường phẳng phiu trơn láng chạy quanh co trên các cao độ chập chùng, không che dấu dưới cánh phi cơ quan sát hay bằng mắt trần từ các trại Ben Hét, căn cứ 5 hay từ các căn cứ hỏa lực dọc sông Pôkơ của Nhảy Dù.

Mặt trận Tam Biên bao lâu nay vẫn giữ nguyên cường độ cới các trận đánh quanh các căn cứ 5, 6, cứ điểm Darksong; Sư đoàn Sao Vàng hay Nông Trường 2 (lực lượng chính của quân vùng khu Cộng sản Kontum, Phú Yên, Bình Định) có nhiệm vụ vừa đánh cầm chừng đồng thời bảo vệ luôn đường dây “giải phóng” nối từ đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa (đường Hồ Chí Minh) về miền bình nguyên Trung phần. Cao điểm mùa hè 72, Cộng quân xử dụng Sư đoàn Thép hay Sư đoàn Điện Biên (320) tấn công cường tập các mục tiêu Delta, Charlie, Võ Định của Nhảy Dù, dãy cứ điểm bị vỡ tung dần... Hậu quả tất nhiên là Darkto bị tràn ngập. Nhưng không như ở Quảng Trị, Kontum vẫn không bị tấn công dứt điểm, Bộ chỉ huy Mặt trận B3 (Tây Nguyên) xử dụng thế liên hoàn, luân phiên cho các trung đoàn trực thuộc của Sư đoàn 320 và Sư đoàn F10 thay phiên nhau tấn công vào Kontum hai đợt trong tháng 5-1972, nhưng đơn vị Cộng sản vào được thành phố chỉ là các thành phần đặc công, không có đại pháo, chỉ một ít chiến xa yểm trợ.

Mặt trận Kontum không vỡ, chỉ bị khựng lại trong một giai đoạn

ngắn. Cộng quân bị chận lại ở phía nam Võ Định, một điểm bất ngờ không có được biên giới thiên nhiên để gọi tên. Thành phố cực bắc của vùng cao nguyên tưởng rằng đã có lúc rơi vào vòng tay địch, rốt cuộc trở nên thành phố yên tĩnh đầu tiên ngay từ đầu tháng 6-1972, khi ông Thiệu đáp trực thăng xuống để gắn sao cấp tướng cho Đại Tá Bá, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Kontum vẫn chưa bị pháo 130 ly, mẫu số trùng hợp với Quảng Trị ở điểm: Tại sao Cộng quân không đưa pháo xuống sâu hơn nữa?

Tại mặt trận An Lộc, quả tình Cộng sản đã rơi vào sai lầm chiến thuật khi không phối hợp được chiến xa và quân bộ chiến ở những lần cường tập hồi đầu tháng 4-1972, lúc mà Tướng Hưng chưa bố trí kịp các đơn vị của Sư đoàn 5BB và các lực lượng tăng phái chưa vào trận. Địch mất đi một dịp may lớn để lấy được An Lộc trong lúc đủ thế thượng phong. Mặt trận An Lộc sở dĩ đã có kết quả như đã xảy ra cũng do yếu tố chính: Địch ngã về phương thức bao vây An Lộc, lập chốt dọc quốc lộ 13 để tiêu diệt lực lượng tăng viện chứ không thực hiện phương thức bao vây cường tập, chiếm giữ An Lộc để rồi tiếp tục uy hiếp Lai Khê, Bình Dương hợp cùng các cánh quân của những mặt trận phụ như Sư đoàn C30B đang ở vùng Gò Dầu Hạ, Trãng Bàng (Hậu Nghĩa), Công Trường 5 đang ở Dầu Tiếng, Trị Tâm, Bình Dương, (CT5 sau khi dứt điểm Lộc Ninh ngày 5-4-1972 chia hai lực lượng đánh vào Phước Bình và Dầu Tiếng) cùng tiến chiếm thủ đô Sài Gòn. Giải thích như vừa kể để chúng ta nhìn rõ lại mục tiêu của Cộng sản, vẫn là các phần đất nằm hai bên quốc lộ 13 và gần biên giới. Nơi thích hợp nhất để họ đặt bộ chỉ huy tiến thẳng về Sài Gòn, sang trái là các tỉnh cao nguyên và nam Trung phần, phía phải là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời nếu Cộng sản muốn đặt một cái gọi là thủ đô cho chính phủ lâm thời trong vùng này, người ta mới có thể hiểu được lý do chọn lựa kể trên.

Nhìn lại ba vùng chiến trận của thời gian qua, căn cứ vào những sự kiện chính trị của địch, diễn tiến, kết quả và hậu quả của hội nghị Ba Lê, ta có thể đúc kết nhận định tổng quát với hai điểm nổi bật:

Thứ nhất, cuộc tổng tấn công mùa hè 72 vào ba vùng của Việt Nam Cộng Hòa với mục tiêu là những thị trấn, những vùng đất biên giới, không thuần túy chỉ là những cuộc tấn công quân sự nhằm biểu dương sức mạnh của chế độ và các mục tiêu sở dĩ được chọn lựa chỉ vì thuận lợi cho việc tiếp vận, tiếp trợ và điều động chiến thuật. Trận đại chiến được thực hiện không với ý niệm giản dị như thế, nó có mục đích to lớn, tổng quát hơn mà chúng ta có thể tìm thấy được do căn cứ trên những sự kiện khác - Đấy là khi ba mặt trận lớn bùng

nổ, các mặt trận phụ ở những vùng đông dân cư, vùng bản lề mở cửa vào thủ đô, những vùng tiếp giáp với bờ biển như Hoài Ân, Bồng Sơn, Bà Rịa, Long An, Chương Thiện, Tây Ninh, Bình Dương, Long Khánh đều bùng nổ với cường độ dồn dập. Những trận đánh này không thể quan niệm như là những cuộc hành quân thuần túy quân sự với âm mưu hỗ trợ cho ba điểm chính.

Thật quá giản dị khi cho rằng quận Đất Đỏ (Phước Tuy), quận Hoài Ân, căn cứ Đệ Đức (Bình Định) là những mục tiêu chính của cuộc tổng tiến công. Lẽ tất nhiên, chúng chỉ là mục tiêu lớn cho một tiểu đoàn, vài đại đội; nhưng cuộc đại tấn công có tính chất chiến lược quan trọng hơn; Bắc Việt muốn gây lại cho Mặt Trận Giải Phóng hệ thống hạ tầng cơ sở ở khắp miền Nam, đặc biệt nhắm vào những vùng đông dân, bản lề, để chuẩn bị lực lượng quần chúng đấu tranh cho những ngày của... Hòa Bình - Những ngày sau 27-1-1973. Một hướng khác, thuần túy quân sự và rõ ràng hơn, là trong trường hợp lực lượng quân sự Cộng sản dứt điểm được các mục tiêu Quảng Trị, Kontum, Pleiku, Lộc Ninh, họ sẽ triển khai thành một tuyến biên giới xong đánh úp toàn bộ miền Nam, từ Quảng Trị đánh sâu xuống Huế chiếm đèo Hải Vân, cánh quân từ Kontum tràn xuống đồng bằng lập vòng đai dọc quốc lộ 19 chia đôi miền Nam bởi trục Kontum - Bình Định, và cánh quân An Lộc sẽ dứt điểm Sài Gòn. Trong chiều hướng này Cộng sản sẽ phá bỏ Hội Nghị Paris, thành lập chính quyền đỏ, thống nhất đất nước, tràn qua phía tây bắt tay với các cơ sở nằm vùng phía đông sông Cửu Long ở đất Miên vẽ lại bản đồ Việt Nam!! Ý hướng này (lẽ tất nhiên) đã không thực hiện được...(1)

Cuối thu 72, cuộc đại chiến lắng xuống, một vài vùng đất của Việt Nam Cộng Hòa bị Cộng quân tạm chiếm được giải tỏa, các thị trấn lớn dần dần dứt pháo. Thế nhưng, những đường giây giao liên quan trọng (Đã bị đứt khúc, vỡ tan sau các cuộc hành quân lớn như Johnson City hồi năm 67, sau Mậu Thân và bị vô hiệu hóa trong giai đoạn 69, 70...) dần dần được nối lại. Từ đường mòn Hồ Chí Minh khoảng ở Attopeu, các cán binh Cộng sản có thể yên lành theo đường 36 vào Ben Hét, đến Darkto để từ đây theo đường 14 lên hướng bắc tiến vào thượng lưu sông Thu Bồn, ngỏ chính đường về đồng bằng Quảng Nam hoặc từ Darkto theo hướng đông vượt sông Dark-Psi cặp theo đường liên tỉnh số 5 vào thung lũng Gia Vực, từ đây ra Quảng Ngãi hay vào Bình Định chỉ còn là kỹ thuật di chuyển.

Cuộc đại tấn công cũng đã nối lại được những đường dây ở bên kia biên giới Kampuchia để về Việt Nam. Các mật khu Ba Thu, Lý Văn Mạnh, Rừng Chàm, Bà Vụ, cuối cùng là những nơi “ém quân”

sát nách thủ đô Sài Gòn và cách trung tâm Sài Gòn với cự ly súng cối 82 ly. Những đường dây nối lại, những vùng "xôi đậu" dày hơn, tốc độ đắp mô, gài mìn tăng trưởng, ấp Mỹ Nhơn, Mỹ Yên cạnh quốc lộ 4 nằm giữa ranh hai quận Bình Chánh (Gia Định), Bến Lức (Long An) biến thành hai ấp hạng C, ban ngày cán bộ xã Việt Nam Cộng Hòa khó khăn vào thu thuế.

Một tình hình tổng quát tương tự như những ngày của năm 1960 với lớp cán bộ hạ tầng cộng sản mới có khả năng và tuổi trẻ hơn, bắt đầu cấy sâu dần nơi nông thôn miền Nam: Những cán bộ chính trị người Bắc. Thế trận chính trị bắt đầu, những ngày đầu năm 1973 kịp đón nhận biến cố: Hội nghị Ba Lê hoàn tất bản thỏa hiệp.

Thứ hai, cuộc đại chiến dù trải qua sáu tháng quân sự dồn dập vì đã có khi người ta nghĩ đến lúc cán bộ đặc công Cộng sản chờ lệnh giờ G (Giờ khởi đầu của lệnh hành quân) là ra mặt tàn sát, khởi đầu bạo động trong các thành phố lớn. Cũng có lúc người ta nghĩ rằng Hà Nội khó đứng vững thêm một ngày một buổi nào nữa, khi 100 pháo đài bay B52 không kể 300 chiến đấu cơ hộ tống cùng đánh bom liên tục trong 12 giờ, từ bình minh đến hoàng hôn trên vùng trời Hà Nội như trong ngày 5-12-1972. Nhưng tất cả khó khăn căng thẳng đều đi qua, bản Hiệp Định ngưng bắn vẫn được hoan hỷ ký kết cùng với những điều khoản được dự trù thực hiện trong khoản thời gian có giới hạn. Các yếu tố cụ thể dần dần được thống kê và hợp thức hóa để sẵn sàng tham dự trò chơi "Hòa Bình".

Các chuyến bay thả tù từ Phú Quốc, Biên Hòa; nhận tù ở Gia Lâm (Hà Nội), Lộc Ninh (Bình Long) được thiết kế và phân công. Hiệp Định đi bước thực hiện đầu tiên: Trao trả và tiếp nhận tù binh. Các địa điểm trao trả đã sẵn sang. Kết quả tích cực nhất của chín tháng đại chiến.

Hai tháng sau ngày hiệp định ký kết, 26.058 tù cộng sản, 5018 tù Việt Nam Cộng Hòa dần dần được trao trả trên sáu địa điểm chính, bờ bắc sông Thạch Hãn, Quảng Trị, Đức Phổ (Quảng Ngãi), Hoài Ân (Bình Định), Lộc Ninh, Minh Thạnh (Bình Long) và Thiện Ngôn (Tây Ninh). Cuộc trao trả tù binh đã vô tình hợp thức hóa "thực thể": Mặt Trận Giải Phóng có được một vùng tạm kiểm soát lốm đốm, xen kẽ lẫn vùng Việt Nam Cộng Hòa. Điều này làm mạnh thêm nhận định: Cuộc đại chiến chỉ là mặt nổi, dứt điểm cho hội đàm; thế nên chiến trận dù đã đạt đến cường độ cao nhất cũng chưa phải là "điểm nổ" để gây nên hệ thống nổ dây chuyền ảnh hưởng đến toàn thế giới. Hội nghị Ba Lê do đó đã không thể tan vỡ để bản hiệp định như là cơn hạ sốt phải đến sau cùng.

Nhưng đến khi phải thi hành hiệp định, phía Cộng sản đã không chấp thuận phương thức ngưng bắn tại chỗ, vạch đường phân ranh tạm thời, ấn định mỗi vùng trú quân tạm thời cho hai lực lượng tham chiến, cấp chỉ huy chiến trường gặp gỡ để cam kết, cụ thể hóa vấn đề ngưng bắn (Điều 2, 3 và 7 của đề nghị VNCH). Phía Cộng sản đã không chấp nhận danh xưng "vùng trú quân tạm thời", họ lý luận đó là các vùng kiểm soát "thực tế" của MTGP, không cần phải xác định ở cấp trung đội, tiểu đội, nơi nào có cán binh Cộng sản, nơi đó phải được xem như vùng "kiểm soát" của họ. Cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau chưa đủ, phải từng cá nhân võ trang của cả hai bên mới hội đủ cho điều kiện thảo luận ngưng bắn.

Những đòi hỏi như trên lẽ tất nhiên không thể chấp nhận được. Nhưng kinh qua sự kiện cùng các diễn tiến của hội nghị Ba Lê trong hạ tuần tháng 5, 7-73 và những ngày trước thông cáo chung 13-6-73, người ta thấy hiển hiện một âm mưu thâm độc của phe bên kia: Cộng sản muốn hợp thức hóa vùng đất kiểm soát để có đủ yếu tố cụ thể cho một "nước" với chính phủ, quân đội và đất đai riêng. Âm mưu đã ló dạng toàn thể vào những ngày đầu tháng 6-73 tại bàn hội nghị Liên Hợp Quân Sự cũng như ở La Celle Saint Cloud.

Đến đây, có thể có thêm một nhận xét. Chánh quyền VNCH và cả MTGP đều có chung một ưu tư về thành phần thứ ba trong Hội Đồng Hòa Giải (Điều 12a của Hiệp Định), một thành phần tuy yếu "lực" hơn hai thành phần kia nhưng là "hy vọng" của toàn bộ hiệp định.

Sự kết luận về "nước" thứ ba như trên có vẻ khó thực hiện khi nhìn tình trạng đóng quân hiện tại của lực lượng võ trang MTGP một tình trạng loang lỗ trải dài trên miền Nam qua các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kontum, Bình Định, Pleiku, Tuy Hòa, Bình Long, Tây Ninh, Chương Thiện, Kiến Phong. v.v... Có nơi Cộng quân chiếm được một quận hoặc một vùng rộng lớn như phần đất bắc Quảng Trị xuyên qua các quận Triệu Phong, phần đất bắc Kontum (quận Tân Cảnh), phần đất bắc Bình Long (quận Lộc Ninh và một phần quận Chơn Thành, An Lộc). Có nơi cộng sản chỉ chiếm được một ấp nhỏ sát vùng kiểm soát như ở Quảng Ngãi (ấp Vạn Lý thuộc quận Đức Phổ). Có nơi Cộng sản không chiếm hẳn được một ấp xã hay thị trấn nào như ở Chương Thiện, Định Tường, nhưng nhiều vùng trong các tỉnh này có rải rác cán bộ chính trị nằm vùng và lực lượng địa phương, du kích khi ẩn khi hiện.

Từ nhận định vừa được cấu thành, nhìn vào kết quả của chiến tranh và diễn tiến của hòa đàm, những buổi họp ù lỳ của ban LHQS hai bên trong suốt thời gian tháng 4, 5-73, bế tắc toàn diện của hội

nghị song phương tại Ba Lê, cuối cùng là bản thông cáo chung của Kissinger và Thọ. Chúng ta có thể đi đến những kết luận như trên mà không sợ sai lầm về ý đồ của đối phương trong suốt quá trình trước và sau 27 tháng 1-1973.

Tuy nhiên, dù sự kiện đã sáng tỏ nhưng kết luận toàn diện và khả thể nhất vẫn là điều chưa khẳng định dứt khoát được vì diễn tiến, mục tiêu đấu tranh quân sự, chính trị của Bộ Chính Trị Đảng Lao Động Việt Nam vẫn là một điều bí mật, nằm trong những khối óc, trên bàn giấy của Duẫn, Đồng, Giáp, Thọ. Nghị quyết của ngày 10-2-73 cũng chưa phải là điều suy tư chính thức của các Ủy Viên Trung Ương Đảng mà có thể là một trong những nội dung "bề mặt", đôi khi không phản chiếu gì đến "điểm chiến lược" mà có thể những ủy viên cũng không đồng nhất hoặc hoàn toàn khẳng định.

Thế nên, những kết luận sau, có thể xem như một lối nhìn giữa một rừng hỏa mù mà toàn đất nước đang chìm sâu:

a) Cuộc đại tấn công là "điểm" chính đối với các sư đoàn chính quy Bắc Việt, dùng hết lực đánh phá chiếm đóng các thành phố, ví dụ như Huế, Kontum, Bình Dương và có thể được là Sàigòn (Như dự định đầu tiên của mặt trận An Lộc). Chiếm các đô thị lớn, lật đổ cơ cấu chính trị hành chánh của VNCH, phá bỏ hội nghị Ba Lê. Nhưng như thực tế đã xảy ra, phía Cộng sản không thực hiện được sự trù tính này. Hội nghị Ba Lê do đó có kết thúc ngày 27-1-1973 với một thỏa hiệp có thể giải thích dưới nhiều quan điểm khác nhau.

b) Không thực hiện được dự tính theo phương cách trên, Cộng sản dựa một chân trên các phần đất đã chiếm được để giải thích bản hiệp định theo ý đồ riêng. Ý đồ này này được nhận rõ khi Cộng sản khước từ đề nghị của VNCH về việc ngưng bắn tại chỗ, cấp chỉ huy chiến trường hai bên gặp nhau, định vùng trú quân tạm thời cho hai bên trong khi chờ đợi thành lập Hội Đồng Hòa Giải, tổ chức tổng tuyển cử. Phái đoàn MTGP luôn luôn nhắc đến điều kiện tiên quyết trên của MTGP; vậy chúng ta cần mở một cánh cửa mới để tìm hiểu thêm một sự kiện khả thể khác, một dự phóng đi xa hơn các điều 9 và 12 của Hiệp Định (Về quyền tự quyết của miền Nam và tinh thần hòa giải giữa các phe). Để hiểu rõ sâu xa và cụ thể hơn, chúng ta xét đến chi tiết của từng vùng tạm chiếm.

Vùng đất tiếp giáp nam Quảng Trị, vùng đồi từ phía nam Khe Sanh, Hương Hóa càng về phía nam càng đi ra gần biển. Bắt đầu từ Văn Xá núi chỉ cách đường số 1 khoảng mươi cây số đường chim bay. Truồi và Cầu Hai, Trường Sơn đi song song với bờ biển và cuối cùng mõm Hải Vân, ranh giới thiên nhiên giữa Thừa Thiên và Quảng

Nam. Trong vùng núi đồi này, cộng quân đã bố trí sư đoàn 325 từ Khe Sanh xuống đến vùng Cổ Bi, Hiền Sĩ (An Lỗ,Thừa Thiên - Huế) và từ đây sư đoàn 324B (đã có mặt từ lâu) nối tiếp hoạt động sâu xuống phía nam hướng A Sao, Thừa Thiên. Trên trăm cây số đường núi song song với quốc lộ 1 từ Quảng Trị đến A Sao có các đường 518, 547, 548, 561 trước kia chỉ là những đường mòn di chuyển bộ binh, nhưng từ sau ngày 27-1-73, khi các mặt trận chấm dứt, Cộng quân dồn nỗ lực khai thông và kiến tạo hệ thống đường mòn trên, nhất là đường giao liên T7 (Đường về A Sao hay căn cứ địa 611) thành những con đường rộng rãi trải đá để xe Molotova có thể di chuyển. Từ A Lưới, cách biên giới Lào Việt chừng mười cây số, đường giây T7 có một đoạn rẽ sang mặt để nối vào lộ 922 trên đất Lào. Đường 922 là một nhánh rẽ của đường 92 hay binh trạm 36 thuộc đường 559 hay cũng là đường mòn Hồ Chí Minh, đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa. Thung lũng A Lưới, A Sao vốn có sẵn ba phi trường; Phi trường A Lưới, Tà Bạt thuộc loại lớn, máy bay C130 có thể xuống được nếu có hướng dẫn, nay nếu hoàn tất thêm hệ thống đường bộ thì vùng núi non này không còn là một vùng bị cách trở với các thị trấn miền biển, lại càng gần gũi hơn với các vùng nội địa Đông Dương. Trên thực tế, vùng này nằm ngang với Đà Nẵng trên một vĩ tuyến, (cách vĩ tuyến 16 khoảng một trăm cây số về hướng bắc) và cũng là trung bình điểm của vùng đất kể từ Đà Nẵng vào đến biên giới Lào, Thái. Phi trường A Lưới, Tà Bạt còn được ghi nhận là phi trường của mọi thời tiết. Từ A Sao, Cộng quân đang dồn mọi nỗ lực để nối tiếp đoạn đường sạn đạo xuôi Nam. Đoạn Khe Sanh, A Sao tuy được thiết lập trên những đỉnh Trường Sơn, vùng Triệu Phong (Quảng Trị), Nam Hòa (Thừa Thiên), nhưng vùng núi non này tương đối dễ dàng với những đỉnh núi cao chỉ trên dưới ngàn thước như ở thượng lưu sông Mỹ Chánh ranh tỉnh Quảng Trị, Thừa thiên. Đoạn đường phía nam A-Sao thì gai góc, khó khăn hơn, ranh Thừa Thiên, Quảng Nam từ Hải Vân trở vào đất Lào là một chuỗi núi trẻ, cao độ trên một ngàn thước chập chùng tiếp nối vào nhau với những sườn dựng thẳng đứng đổ xuống các thung lũng hun hút, mở đầu cho những nhánh thượng lưu của hệ thống sông Buông, sông A Vương, sông Côn... Nhưng Cộng quân đang khai triển tối đa khả năng nỗ lực của cán binh và dân công phần đông là tù binh VNCH để khai rộng con đường 458 hầu nối hết những nút cuối của chặng đường mà tiền nhân xưa đã một lần xử dụng: Con đường nối vùng núi rừng Kontum theo trục Kontum - Quảng Nam - Thừa Thiên - Quảng Trị, nay được hiện đại hóa bằng các địa danh mới: Khe Sanh

- A Lưới - A Sao - Đại Lộc - Darkto, bởi một hệ thống đường giây: 547, 458, bắc quốc lộ 14(Bắc Kontum). Đầu và cuối của hệ thống này được mắc nút vào hai trụ của đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa. Cần mở thêm một ngoặc đơn ở đây để xác nhận thêm ý định của địch, trong những địa điểm mà Cộng sản đưa ra để trao trả tù binh có vị trí cách Hà Tân (Quảng Nam) mười cây số đường chim bay về hướng đông và thung lũng Hà Tân chính là điểm nối của đường 458 với cực bắc của đường 14 chạy từ Kontum lên.

Từ vùng Tà Lơn, Hà Tân của vùng Quảng Nam này, công việc xuôi xuống đồng bằng sông Thu Bồn (Vùng Duyên Hải Quảng Nam) hay theo quốc lộ 14 để vào Nam (Bắc của Kontum) không vấp phải trợ lực của thiên nhiên nào đáng kể. Con đường 14 của đoạn này lại cập theo con sông Cái chạy giữa một thung lũng trống trải, chỉ cần sửa chữa với các phương tiện tối thiểu cũng xử dụng lại dễ dàng.

Chúng ta vừa đi qua một vùng địa thế bao gồm các phần đất thuộc các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Kontum và Bình Định với hệ thống đường giao liên 518, 516, 517, 548 (Vùng Khe Sanh), 458 (Vùng ranh Thừa Thiên - Quảng Nam), đường số 14, liên tỉnh lộ 5 (Nối Kontum À Quảng Ngãi) và đường dây 514 (Nối Quảng Ngãi - Bình Định: Từ thung lũng Gia Vực đến thượng lưu sông An Lão), đường dây này Cộng quân đã xử dụng để chuyển chiến xa từ vùng ba biên giới xuống tham chiếm mặt trận Hoài Ân hồi tháng 5-72. Hệ thống đường đã và đang được tu sửa lại để có một trục lộ giao thông song song với quốc lộ 1 xuyên qua vùng núi non của năm tỉnh cực bắc VNCH. Hồi chánh viên Trần Đức Cường đã nói rõ hơn về đoạn bắc con đường: “Hiện họ (Cộng sản) đang khai dụng theo một đường mới ở dãy Trường Sơn từ Quảng Trị đến Quảng Nam, ba tiểu đoàn dân công được xử dụng để sửa sang lại đường xâm nhập này và phi trường A Lưới. Từ bốn tháng nay, kể từ 27-1-73, chiến xa hạng nặng bắt đầu di chuyển rầm rộ theo con đường này để từ Quảng Trị vào Nam...”

Điều này chứng minh cho nhận định đầu tiên của bài viết: Cộng sản không “tha thiết” lắm với các mục tiêu thành phố. Các thành phố nếu có thể, chỉ là mục tiêu đến sau đối với các sư đoàn chiến thuật. Và chiến trận đã diễn ra dưới một cường độ hợp lý để không đi đến điểm nổ cuối cùng. Cả hai bên đều có lý thắng khi giải thích các thành quả mình đã thu đạt được tại chiến trường (1972). Và hai bên cũng đều có lý thắng khi giải thích kết quả của Hiệp Định Ngưng Bắn 1973.

Từ những sự kiện được móc nối hợp lý như trên, chúng ta có thể

tìm đến kết luận không xa với sự thật và chính xác: Cộng sản không thể và cũng không bao giờ từ bỏ phần đất cặp theo sườn đông Trường Sơn chạy qua năm tỉnh khi họ đã được nối ráp vào nhau thành hình tượng thực tế. Dãy Trường Sơn chỉ là biên giới thiên nhiên chứ không thể là biên giới nhân văn hay chính trị khi khối nhân lực ở đông và tây của dẫy núi cùng trong một lực lượng quân sự mang chung một ý hướng chính trị. Và như vậy con đường giao thông qua vùng Trường Sơn chỉ được quan niệm như lối đi bình thường trong một xứ sở núi non.

Âm mưu thành lập một quốc gia thứ hai ở miền Nam không phải chỉ được bộc lộ trong ý hướng tấn công vào các mục tiêu như đã nói, cũng không phải chỉ hiện rõ ở cách thức củng cố, xây dựng các phần đất tạm chiếm được, mặc dù ở bàn hội nghị họ luôn luôn chối bỏ ý đồ này bằng những luận cứ vô cùng tha thiết: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một... Không có hai nước Bắc và Nam Việt Nam, vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời... Đất nước sẽ thống nhất bằng tổng tuyển cử, hiệp thương, quan hệ hai miền bình thường, thì làm gì có nước thứ ba, thứ tư được!!” Nhưng luận lý vẫn chỉ là một lối nói, một số lời nói được học thuộc để xử dụng trong một giai đoạn nào đó, thế nên những cán bộ có bổn phận ở bàn hội nghị cứ phải nói, phần đằng sau (tức là vùng Cộng sản chiếm được) vẫn phải xây dựng, củng cố cơ sở, đấu tranh trên mọi “diện” để làm sao nổi bật được thực tế “vùng giải phóng”.

Con đường xương sống như vừa trình bày đang được tiến hành và đang được nối dài xuống phía Nam để nối vào đoạn Tây Ninh - Bình Long - Phước Long qua trục Quảng Đức - Pleiku, (Sẽ trở lại vấn đề này ở đoạn cuối bài viết).

Chúng tôi tiếp tục trình bày công việc xây dựng “vùng giải phóng” của Cộng sản... Tại những nơi Cộng sản chiếm được sau tổng tấn công 1972 như Cam Lộ, Gio Linh, Đông Hà, Tân Cảnh (Kontum), Xa Mát, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Đức Cơ (Pleiku) đều được xây dựng thành những trung tâm hành chánh, kinh tế. Họ đặt các Ủy Ban Hành Chánh, các “chính quyền địa phương nhân dân” và xử dụng các danh xưng này thật nghiêm túc... - Tôi, Thiếu tá Trần Cảnh đại diện chính quyền địa phương tỉnh Pleiku - Viên thiếu tá mặt xanh mướt vì sốt rét vừa chui từ hóc rừng Đức Cơ ra đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp (Tây-nam Pleiku ba mươi cây số đường chim bay) đã nói với giọng không chút khôi hài. Không phải chỉ một mình Trần Cảnh, nhưng toàn thể cán bộ, binh lính Cộng sản đều phải thực hiện mô thức “Chính phủ Lâm Thời với vùng kiểm soát cụ thể...” đó. Trong

mục tiêu của việc thành lập "nước" thứ hai cho Chánh phủ lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, Bắc Việt đã đẩy vào Nam hàng chục ngàn dân chúng thuộc các tỉnh bắc Trung Việt vào định cư ở những vùng Tây nguyên, miền đông Nam phần, phần phía Bắc tỉnh Quảng Trị, sinh sống theo phong trào "quê hương mới", phong trào đặt trọng tâm vào khối cán bộ, mà đa số là thanh nữ trẻ, những thanh nữ này có "nhiệm vụ" kết hôn cùng đám binh sĩ trẻ tuổi đã đi vào đây trước, hiện tại đã được biến cải thành người miền Nam (Những người miền Nam quái dị với giọng nói thổ âm miền Bắc). Đến đây, chúng ta có thể xác định mà không sợ sai lầm: Khẩu hiệu "Sinh Bắc Tử Nam" không là một khẩu hiệu "khích động chiến thuật" nhưng là một "chỉ đạo chiến lược" để hoàn tất cuộc xích hóa miền Nam. Và như thế, chiến tranh chỉ là một môi trường, quân đội chỉ là một phương tiện để miền Bắc chuyển khối nhân lực đầu tư vào miền Nam. Vậy, Mặt Trận cách mạng giải phóng miền Nam, Chính phủ Lâm thời CHMNVN sẽ lần lượt đóng hết vai trò "chiến thuật" của nó, trận chiến cuối cùng, trận đấu then chốt vẫn chỉ là chúng ta cùng miền Bắc qua tấm đệm "Mặt Trận". Hình như cả thế giới, một số đông của thế giới không nhìn được âm mưu ghê tởm độc hại này. Nhưng cũng chỉ là một âm mưu rất rõ mặt.

Để tăng thêm cường độ hiện thực cho nước thứ hai kia, người Cộng sản ngoài việc lập các nhà máy kỹ nghệ, điện lực ở các "thị trấn" Xa Mát, Đức Cơ, không quên khai triển hoạt động ngoại giao để có đủ hình thức một tổ chức quốc gia về cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời CHMNVN. Đại sứ Nga, Trung Cộng, Algérie cũng có màn trình Ủy Nhiệm Thư lên Nguyễn Hữu Thọ; Chủ Tịch Thọ họp báo quốc tế... v...v... Cộng Hòa miền Nam Việt Nam đang được ráp nối dần từ mảnh như từng khúc đường trong vùng núi rừng Trường Sơn trùng điệp.

Ngoài ra, còn có thêm một điều đáng chú ý để làm mạnh cho luận cứ trên nếu là Cộng sản muốn phá vỡ bản hiệp định bằng đường lối quân sự thì khoảng thời gian tháng 6-73 vừa qua quả là giai đoạn chín mùi cho chuẩn bị chiến thuật. Nhưng Cộng sản vẫn không mở cuộc đánh phá cấp độ lớn, không phải do lòng yêu chuộng hòa bình cũng không phải bởi tinh thần tôn trọng bản hiệp định mà họ đã ký, nhưng như Nghị Quyết ngày 10-2-73 của Cộng Sản Bắc Việt đã giải thích tình hình và đường lối đấu tranh sắp tới không phải thực hiện bởi nòng súng, điều này cũng phù hợp với nhận xét về cộng sản của J. Honey sau khi viếng thăm Hà Nội: "Cộng sản Bắc Việt vẫn chủ trương xích hóa toàn thể Đông Dương (Tuyên bố hôm 27-3-73); có

điều sách lược đấu tranh được quan niệm theo một đường lối khác."

Vậy theo đường hướng mới nầy, một xứ sở "an toàn" nằm trên ba vùng đất trung tâm của bán đảo Đông Dương, cuộc xâm lăng miền Nam Việt Nam của Bắc Việt chỉ còn một khoảng cách chiến lược tối thiểu để hoàn tất bước chót của ý đồ.

Qua các tin tức từng được phát giác, chúng ta khẳng định được rằng cách thức sửa soạn của Cộng sản ở phía bên kia giòng sông Thạch Hãn, trên miền thung lũng Ba Lòng, nơi phía tây cố đô Huế kéo dài xuống miền Nam dọc theo dẫy Trường Sơn cộng với các tin tức tại miền Lộc Ninh, các vùng đất từ Tây Ninh qua Bình Long sang Phước Long với các mật khu Tam Giác sắt, Dương Minh Châu, Hố Bò, Bời Lời.v.v... Các mưu toan chiếm lĩnh toàn thể vùng núi Thất Sơn tại Châu Đốc, đặc biệt vùng núi Dài, núi Cấm với những hang động thiên nhiên hiểm yếu, những trận đánh dằng dai trong sình lầy miền Chương Thiện để tranh giành những làng xóm hoang vu, những cánh đồng cỏ mọc thay lúa, người ta thấy chiến thuật của Cộng sản vẫn là không bao giờ để đối phương có thì giờ nghỉ ngơi, đồng thời chính lực lượng của họ cũng không được phép nghỉ ngơi. Sự nghỉ ngơi đưa đến suy nghĩ, thắc mắc, so sánh, không có gì lợi ích cho mục tiêu do các lãnh tụ mà đầu óc đã chai cứng qua mấy chục năm vinh nhục vạch ra và nay họ phải thực hiện, Các tin tức trong các vùng Cộng sản tạm chiếm cho biết rằng, ngoài những sự sửa soạn cho đến những quyết định về những ngày sắp tới. Cán bộ Cộng sản luôn luôn học tập xách lược đấu tranh chính trị trong giai đoạn mới, cán binh được học tập đấu tranh võ trang phối hợp chính trị để lung lạc tinh thần dân chúng. Người Cộng sản còn nhấn mạnh một cách đặc biệt sự huấn luyện các thành phần dân chúng còn kẹt lại trong các vùng họ chiếm được. Các tin tức cho biết họ tổ chức đám dân này thành đội ngũ, vừa tuyên truyền vừa dọa nạt, thành từng đội, từng tổ sản xuất, chiến đấu, thu thuế, dân công v.v... Họ đã lưu tâm tới đám thiếu niên, vì tuổi trẻ dễ bị kích động, dễ tin nên dễ lợi dụng. Đây là khối nhân sự có giá trị lâu dài về cả quân sự và chính trị. Rút tỉa kinh nghiệm từ những ngày tháng đại chiến dai dẳng của năm 72 và những năm trước, họ tổ chức lại nhân sự, chuẩn bị lương thực trong tinh thần tự túc tự lực, tái trang bị và tăng cường tối đa khả năng võ khí tối tân gồm cả chiến xa, đại pháo, phòng không, hỏa tiễn chuyển vận từ miền Bắc vào. Hiệp Định Ba Lê chỉ như một cuộc dừng chân tạm nghỉ để người Cộng sản chỉnh đốn lại hàng ngũ và trang cụ. Người ta cũng thấy sách lược của họ vẫn là sách lược cổ điển, giai đoạn sắp tới, người ta sẽ không thấy cuộc xâm lăng của

miền Bắc tại miền Nam Việt Nam nữa, nói một cách khác, ý định của một cuộc xâm lược như vậy sẽ được Cộng sản Bắc Việt né tránh tối đa để người Việt Nam và nhân dân thế giới hiểu rằng, cuộc chiến tranh khủng khiếp sẽ xảy ra trong tương lai chỉ hoàn toàn là của "Nhân dân miền Nam Việt Nam", do cái gọi là "Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân miền Nam Việt Nam" lãnh đạo với đất đai và quân lực riêng, nghĩa là của một quốc gia chống lại một quốc gia". Nói như vậy để chúng ta hiểu thế quốc tế "tế nhị" gây nên bực tức cho chúng ta, do phía Cộng sản tạo dựng thành và thế trận quốc nội từ một lực lượng võ trang không dân không đất ngày nào, tuy không được công nhận nhưng là một thực thể khiến cho công cuộc chiến đấu sinh tồn của chúng ta sẽ càng ngày càng đi vào những khó khăn phức tạp.

Những tin tưởng vào sự kiện Nga Sô, Trung Cộng bắt tay với Mỹ và cắt chiến phí cung cấp cho Bắc Việt để chấm dứt chiến tranh (Nếu thật sự đi chăng nữa) cũng chỉ có giá trị giai đoạn; vì sách lược xâm lăng của Cộng sản luôn luôn biến thái tùy hoàn cảnh. Không thể nào không xảy ra trường hợp Nga Tàu dù đã đồng ý với Mỹ thôi cung cấp chiến cụ cho Bắc Việt mà chiến tranh vẫn đột nhiên tái phát khủng khiếp trong một lúc nào đó. Tóm lại, những chuẩn bị của Cộng sản trong các khu vực họ tạm chiếm trước ngày 27-1-73 hoàn toàn không có ý nghĩa như một củng cố cho các vùng đất nầy về mặt kinh tế chính trị để sống trong hòa bình: ***Không hề là như vậy!!***

Tháng 6-1973

Tù binh và hòa bình

Tống Lệ Chân: giọt nước mắt khô của Hòa Bình Miền Nam

Khi người dân trên toàn thế giới rung chuông, mở rượu, tung giấy ngũ sắc để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, cùng lúc đó tại một hóc hẻm của Việt Nam, trên ngọn đồi cao năm mươi thước giữa ranh giới hai tỉnh Tây Ninh, Bình Long, một cứ điểm quân sự trông xuống hai con suối bắt đầu nổ súng như tia chớp giữa ngày quang.

Trận đánh Tống Lệ Chân bắt đầu nặng độ. Lợi dụng ngưng bắn,

Cộng sản ra mặt tấn công ngày. Không ai trên thế giới biết đến, tất cả muốn xóa đi, bỏ qua tai nạn cục bộ của một Việt Nam rắm rối. Hòa Bình: thứ rượu nhạt mà thế giới hằng lâu không được uống. Tống Lệ Chân: trận chiến cuối mùa và cô đơn nhất của dòng thời gian binh lửa. Tính đến nay, căn cứ bị vây đúng 17 tháng hay 510 ngày. Không ai trong chúng ta nghĩ đến con số nhỏ bé ghê gớm này. Chúng ta cũng là những kẻ có tội.

Stalingrad bị người Đức bao vây 76 ngày, người Mỹ giữ cứ điểm Bataan 66 ngày, quân lực Anh và khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk 241 ngày và ở Việt Nam, "địa đàng" của chiến tranh, nơi binh đao tung hoành không giới hạn, chúng ta cũng đã có những nơi chốn với tên gọi để đời như Điện Biên Phủ bị bao vây tới số lượng 57 ngày. Gần gũi và còn được nhớ là những trận đại chiến khởi đi trong mùa hè 1972, những trận đánh vượt qua hẳn chiến sử thế giới với các địa danh: Kontum, An Lộc, Quảng Trị. Nhưng Delta, Charlie ở Kontum cũng chỉ kéo trong vài ngày, An Lộc 110 ngày và Quảng Trị thực sự đến ngày 25-7-1972 đã được giải tỏa phần lớn. Thế nên, Tống Lệ Chân với 510 ngày bị vây hãm phải được xem là trận đánh dai dẳng nhất lịch sử chiến tranh nhân loại.

Căn cứ nhỏ bé đó từ ngày 10-5-1972 đã bị mờ khuất sau làn khói dậy lên từ An Lộc, Quảng Trị, Kontum - và đến nay - sáu tháng sau ngày hòa bình độc hại, chiếc tiền đồn lại càng có khuynh hướng bị xóa mờ để che dấu và vô hiệu hóa tội ác của những người Cộng sản. Chúng ta phải nhỏ xuống giọt nước mắt để cầu nguyện cho một nhóm người trong 510 ngày đã phấn đấu để chứng tỏ cùng thế giới: Tội ác đã đồng nghĩa cùng người Cộng sản. Tống Lệ Chân, giọt nước mắt tinh tuyền từ sức đối kháng vô bờ của người Việt miền Nam.

Căn cứ được thiết lập trên ngọn đồi cao năm mươi thước, trông xuống hai con suối Takon và Neron, những nhánh nguồn đầu tiên của sông Sài Gòn, dầy đặc khắp miền Tây Ninh, Bình Long, nằm trên đường ranh của hai tỉnh này, cách An Lộc mười lăm cây số về phía đông-bắc và ở phía nam biên giới Việt-Miên khoảng mười ba cây số. Điểm nhọn của chiếc Mõ Vẹt, đại bản doanh của Cục R, Trung Ương Cục Miền Nam chỉa thẳng vào căn cứ.

Tống Lệ Chân trước kia là một trong những trại Dân sự Chiến đấu thuộc Lực lượng Đặc Biệt mà người Mỹ đã thành lập từ năm 1967. Trong lãnh thổ Quân Khu III dọc theo biên giới Việt-Miên từ Tây Ninh qua Phước Long có những trại Bến Sỏi, Thiện Ngôn, Katum, Tống Lệ Chân, Lộc Ninh, Quản Lợi, Bù Gia Mập, chỉ riêng trại

Bến Sỏi nằm trong nội địa Tây Ninh, các trại còn lại làm thành một hàng rào song song với biên giới hệ thống tiền đồn ngăn chặn, báo động lần xâm nhập, điều động của quân đội Cộng sản từ bên kia biên giới, nơi có những địa danh đã một lần vang dội như Lưỡi Câu, Mõ Vẹt. Hệ thống trại còn là nơi phát xuất những cuộc hành quân tuần tiểu phát hiện và tiêu diệt các đơn vị địch trong vùng.

Vùng hoạt động của trại cũng là chiến khu của giặc: Chiến khu C, và cũng như hệ thống đường liên tỉnh mà chính quyền Tổng Thống Diệm đã thành lập từ những năm 1960, 1961, những trại Lực Lượng Đặc Biệt, sản phẩm đắc ý của Tổng Thống Kennedy, người được yêu chuộng nhất của 37 đời tổng thống Mỹ. Nhưng đến bây giờ, năm 1973 tại Việt Nam, lúc người Mỹ đã quay phi cơ về Clark Field, Guam, bỏ lại xứ sở Đông Dương mịt mù tiếng đạn trong âm vọng hòa bình. Các trại kia chỉ còn lại là những chiến trường địa phương bị cô lập với thế giới bên ngoài đành đoạn.

Không phải là chiến tranh nữa, đây chỉ còn là những cơn sốt vỡ da cho “Hòa Bình” nguy hiểm. Tống Lệ Chân, cơn sốt cuối cùng và dai dẵng. Dưới chân đồi căn cứ về phía bắc còn có đường 246 nối Tây Ninh và Bình Long, xuyên qua lớp rừng xanh lá, đây là con lộ huyết mạch để Mặt Trận nối liền hai vùng sinh tử, khu C và khu D. Tống Lệ Chân cũng là yết hầu chặn ngang đường dây Bắc-Nam nối bản doanh cục R và vùng Dầu Tiếng, để từ đây xâm nhập xuống Bình Dương - Gia Định. Với vị trí chiến thuật quan trọng như thế, Tống Lệ Chân không còn là mục tiêu quân sự thông thường, căn cứ nhỏ bé này có một tầm quan trọng khẩn thiết. Kiểm soát được bốn hướng Tây-Đông, Bắc-Nam của toàn hệ thống giao liên quan trọng trong lòng căn cứ địa đối phương. Từ ngày thành lập, Tống Lệ Chân chưa hề có một ngày thanh bình.

Tên địa phương là Tonlé Chombé, vị chỉ huy trưởng đầu tiên, Thiếu Tá Đặng Hưng Long, gọi trại thành Tống Lê Chân, binh sĩ nói thành Tống Lệ... Những người ngoài binh chủng lực lượng đặc biệt phần đông gọi theo danh từ hàm súc này. Tống Lệ Chân - tên tiền định cho số kiếp nghiệt ngã. Năm 1970, trong chương trình cải tuyển binh chủng, binh sĩ trại phần đông là dân sự chiến đấu thuộc sắc dân Stiêng tình nguyện ở lại cùng căn cứ để biến cải thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng. Tháng 4-72 song song với các cuộc cường tập vào Lộc Ninh, An Lộc, Cộng quân đã có ý định “ủi láng” hết dãy căn cứ biên phòng trên để rộng đường điều quân, cùng chuyển vận quân nhu, quân cụ. Tình hình khẩn trương của thời gian ấy đã khiến bộ chỉ huy Biệt Động Quân Quân Khu III quyết định rút

hết lực lượng thuộc bốn căn cứ: Thiện Ngôn, Katum, Tống Lệ Chân và Bù Gia Mập. Nhưng người chỉ huy của Tống Lệ Chân đã có câu trả lời sau khi nhận được lệnh:
- Xin ở lại để chiến đấu bảo vệ căn cứ. Di tản tiếc quá, Biệt Động Quân mà di tản yếu quá...
-Tình hình có giữ nổi không?
-Tất cả binh sĩ đều xin ở lại bằng mọi giá để bảo vệ uy tín binh chủng!

Định mệnh đã điểm giờ phút đó, lực lượng nhỏ bé của Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng trở nên những anh hùng lặng lẽ của trận đánh cuối cùng làm sáng tỏ sức chiến đấu bền bĩ của người cho Hòa bình. Hòa Bình Việt Nam, giấc mơ tội nghiệp của một dân tộc được tưới thêm máu nóng của những người lính vô danh Tiểu Đoàn 92 trong một hóc của núi rừng miền đông Nam bộ. Thế giới giữ được cân bằng trên hòa bình vất vả này. Toàn thể nhân loại có biết thế không?
Giữ một vị thế trọng yếu trong hệ thống giao liên giữa căn cứ địa của địch, bảo vệ được cạnh sườn phía tây cho An Lộc, Tống Lệ Chân trên bản đồ hành quân của Ban Tham Mưu Cục R đã được xác định là một mục tiêu cần phải "dứt điểm". Ngày 10-5-72 Cộng quân dồn lực lượng đánh trận biển người vào căn cứ có chiến xa yểm trợ sau khi đặc công đã xâm nhập được vào vòng đai phòng thủ. Nhưng căn cứ vẫn đứng vững được như lời nguyền, người chỉ huy của trại mang tên Lê Văn Ngôn với số tuổi khiêm nhượng, 25 tuổi, đã giữ được lời thề. Ngôn thuộc khóa 21 Đà Lạt ra trường năm 1966, bây giờ - tháng 9-73, Ngôn mang cấp bậc Trung Tá. Một thời gian kỷ lục nhưng không ai tị hiềm. Không thể tị hiềm được vì hình như quân sử thế giới không có một đơn vị nào bị vây trong thời gian 510 ngày vẫn còn đơn độc chiến đấu. Ngôn và Tiểu Đoàn 92 của anh là một biệt lệ, hiện thực ý niệm cao cả về trách nhiệm và giá trị mà người lính muôn đời hiện thực. Những người lính khắp nơi của thế giới đã nhiều lần chứng tỏ tầm vóc vĩ đại của mình trên đảo Saipan, nơi buồng lái của những chiếc máy bay Zéro, trong những phi vụ trên vùng trời Âu Châu được đan kín bởi một lưới lửa đạn phòng không suốt đệ nhị thế chiến. Ở Việt Nam, trận Mậu Thân 1968, Hạ Lào 1971 và suốt năm 1972, nhiều đơn vị, nhiều người lính đã chứng tỏ phẩm chất vĩ đại cao cả của mình. Trên tất cả mọi cao điểm đó, Tống Lệ Chân rực rỡ với ánh sáng của riêng mình. Ngày 8-6-72, An Lộc được chính thức giải tỏa sau khi Tiểu Đoàn 6 Dù "bắt tay" được với Tiểu Đoàn 8

Dù, lực lượng cực nam của cửa ngỏ vào An Lộc, Cộng sản thu quân về phía tây để bồi dưỡng và chuẩn bị đánh lớn. Dãy căn cứ bạn đã di tản, Tống Lệ Chân còn lại mỗi mình, Công Trường 9 Việt Cộng dùng lực lượng cơ hữu thay phiên nhau nhồi Tống Lệ Chân trong suốt một năm dài. Ngày 27-1-73 Hiệp Định Ba Lê được ký kết để tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Ngày 25-1-73 cũng là ngày N (1) của cuộc tấn công cường tập vào Tống Lệ Chân, Cộng quân muốn "ủi láng" căn cứ để hoàn toàn kiểm soát vòng đai biên giới từ Tây Ninh qua Lộc Ninh, cuộc tấn công không thành và bây giờ - tháng 9-1973 - tám tháng sau ngày "ngưng bắn", theo thống kê chính xác của người lính ngồi dưới hầm trốn pháo, theo bài tính cộng của viên sĩ quan hành quân tiểu đoàn: Căn cứ bị pháo kích 233 lần, 20 lần bị tấn công biển người, 7 lần đánh đặc công và chiếc đồn trơ trọi trên đỉnh cao 50 thước đó đã nhận 14.500 trái đạn đủ loại nổ liên tục trong tám tháng hay 220 ngày được gọi là "Hòa Bình" trên đất nước Việt Nam!!

Cuộc bao vây đã diễn ra trong 510 ngày dài, binh sĩ bị thương và chết lên đến gần con số 100, phần lớn bị thương không di tản được. Bất chấp luật lệ quốc tế, bất chấp cả lòng nhân đạo giữa những sinh vật gọi là người, và rất trái ngược với "tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc" mà từ tên lính gác ở bờ bắc sông Thạch Hãn đến gã Thượng tá tóc bạc ngồi ở bàn hội nghị luôn luôn mồm nói lên với vẻ trang nghiêm cẩn mật. Máy bay trực thăng tải thương là mục tiêu thực tập cho các đơn vị phòng không Cộng sản dựng dầy đặc quanh căn cứ. Ngày 10-8-73 phi vụ tản thương chót không thực hiện được, chiếc UH.1 của Phi Đoàn 233 bị đốn ngã, phi hành đoàn phải ở lại căn cứ và những người này chỉ có thể trở ra khi những người bạn cùng phi đoàn đã thực hiện được một chuyến bay không giống bất cứ một phi vụ trực thăng nào của cuộc chiến mười năm. Phi vụ bắt đầu lúc mười hai giờ đêm từ phi trường Biên Hòa và mục tiêu là Tống Lệ Chân. Phi vụ này còn có nhiệm vụ mang số tiền thưởng của quân dân Vùng III tặng Tiểu Đoàn 92 và cặp lon Trung Tá cho Ngôn. Phi tuần trưởng của chuyến bay này là Thiếu Tá Bảo bạn cùng khóa với Ngôn. Nhưng tình trạng bi tráng này đã nẩy nở ra một khía cạnh khác, trong sổ bảy mươi lăm người bị thương, con số xin ở lại lên đến bốn mươi. Đến một lúc nào đó, trong một hoàn cảnh thích hợp, sự can trường trở nên như một tính chất tổng quát và chung của cộng đồng. Bệnh sốt rét và phù thủng đã khống chế toàn trại nguyên do bởi thiếu dinh dưỡng và cuộc sống chật chội quá lâu dưới hầm đất. Trong tháng 7-73 các cuộc tiếp tế thả dù tưởng chừng như không thể thực hiện được. Chiếc móc nối kiện hàng và bộ phận phối

hợp trên máy bay không còn nữa. Cuộc họp của các giới chức cao cấp nhất về tiếp vận và không trợ đã diễn ra dồn dập để giải quyết vấn đề "cái móc", mà một bộ phận chính là đoạn dây cable dài chừng một tấc. Đoạn dây cable này có nhiệm vụ giữ palette (tấm sắt làm đế của kiện hàng thả dù) với hệ thống phối hợp; khi máy bay đến địa điểm thả dù, bộ phận cắt sẽ được bấm nút để chặt xuống đoạn dây này, palette mang kiện hàng sẽ lăn ra cửa máy bay trên hệ thống bánh xe. Từ trước đến nay, các cơ quan thả dù không quân chẳng ai để ý đến đoạn dây ngắn ngủi này vì quá thừa thải. Khi Tống Lệ Chân bị vây liên tục, đồ tiếp liệu, tiếp tế phải thả dù, nên đến một lúc người ta khám phá đoạn giây cần thiết này bị thiếu!! Muốn gởi mua ở Mỹ phải gởi đúng nơi sản xuất nó qua một hệ thống đặt hàng phức tạp, trước một thời gian dài, đoạn dây cũng phải được gọi bằng ám số lê thê, hãng chế tạo mới cung cấp đúng. Phe ta, vốn truyền thống "gì cũng được" nên đến lúc cần mới bật ngữa, không làm sao cấp thời giải quyết được. Nhưng cái khó không bó cái khôn, dây lớn đúng cỡ không có thì biến chế bằng hai sợi dây nhỏ kết vào nhau... Và kết quả, dù thả mười cái hết sáu cái rơi ra ngoài căn cứ!! Khoảng trống giữa hai sợi dây nhỏ kết lại đã làm thời gian cắt đoạn giây dài hơn vài giây. Vài giây của tốc độ hơn hai trăm dặm giờ khi phi cơ thả dù đã làm cho chiếc dù bay ra khỏi chiếc đồn nhỏ bé. Bi thảm hơn, có những ngày bị Cộng quân pháo kích và tấn công liên tục, toàn căn cứ phải nhịn đói hoặc bắt gián ở các hầm cầu để nướng ăn thay cơm!! Nhưng dù thiếu thức ăn và sống dưới hầm lâu trong 510 ngày, cùng một lúc sức chiến đấu lại tăng trưởng theo chiều cao, theo cường độ tấn công và pháo kích của giặc. Tống Lệ Chân bắt chúng ta suy nghĩ khi biết được Gilles, viên tướng nhảy dù lừng danh của Quân Đoàn viễn chinh Pháp đã nói cùng Cogny và Navarre: " Hãy móc tôi ra khỏi đấy (Điện Biên Phủ), tôi vừa sống sáu tháng ở "ổ chuột" Na Sản... Tôi quá sợ những điểm bưng bít như thế này!! " - sáu tháng ở cứ điểm Na Sản trong vị thế của một người chỉ huy cùng với phương tiện vật chất thừa thải cũng đủ làm cho ông tướng gốc người Corse phải kinh khiếp - thế nhưng trên ngọn đồi năm mươi thước, dưới hầm sâu lạnh tanh, viên trung tá trẻ nhất Quân Lực Miền Nam, Lê Văn Ngôn đã sống đến ngày thứ 510 cùng tiểu đoàn Biệt động với quân số thiếu hụt và thực phẩm phải dè sẻn từng túi cơm sấy. Đau đớn hơn tất cả, Ngôn chiến đấu trong hòa bình giả tạo và gian dối mà đối phương cùng thế giới đang nhân danh mỗi giờ, mỗi phút. Những giờ phút Tiểu Đoàn 92 ẩn mình dưới giao thông hào đợi cơn pháo qua, giờ phút của 510 ngày thiếu ánh mặt trời.

Vậy vấn đề được đặt ra cùng sự kiện như đã trình bày: Chúng ta phải làm gì cho số người nhỏ bé cao cả trên cao điểm năm mươi này? Ngăn chặn, phát hiện địch, giữ căn cứ để làm bàn đạp tung quân tuần tiểu, tấn công và truy kích địch, những mục tiêu đầu tiên mà ý niệm hành quân đã đặt để cho căn cứ không còn nữa. Chúng ta chỉ còn lại một biểu tượng bi tráng, chỉ có một chiến trường phi lý để những người anh hùng âm thầm ngã xuống trong lặng lẽ, làm sáng tỏ cách tàn ác, khiếp nhược của một hòa bình độc hại. Chúng ta sẽ là gì nếu bỏ qua hay thụ động buông thả để duy trì tình trạng phi lý độc địa này. Phiên họp đặc biệt cấp Trưởng Đoàn ngày 17-3-73 do Việt Nam yêu cầu và Hoa Kỳ chủ vị, chính thức đặt Tống Lệ Chân lên bàn hội nghị. Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa, Tướng Dư Quốc Đống đề nghị ba biện pháp cấp bách:

-Cử ngay một Tổ LHQS/4B Trung Ương đi Tống Lệ Chân để điều tra vi phạm, sau khi có thỏa thuận tại hội nghị.

-Nếu hai phe Cộng sản không thỏa thuận đề nghị, Hoa Kỳ trên tư cách chủ vị gửi văn thư yêu cầu UBQT cử người đi điều tra.

- Yêu cầu phía Mặt Trận Giải Phóng ra lệnh ngay cho các đơn vị của mình chung quanh Tống Lệ Chân phải ở nguyên vị trí không được bắn lên phi cơ của UBQT khi đến điều tra.

Nhưng lọc lừa là tính chất cơ bản, phía MTGP biết chắc phiên họp đặc biệt này sẽ thảo luận một vấn đề nghiêm trọng mà họ chưa có chỉ thị để giải quyết; dù Trần Văn Trà mang quân hàm Trung tướng chăng nữa ông ta cũng không bao giờ quyết định được một vấn đề gì, dù vấn đề đó chỉ thuộc về nguyên tắc, thủ tục nếu chưa có chỉ thị trước, nên Trà đã vắng mặt để cho viên Đại Tá Đặng Văn Thu đại diện họp thay. Trước ba đề nghị xác đáng của một vấn đề cụ thể, Thu không ngập ngừng, bối rối né tránh với tố cáo: Việt Nam Cộng Hòa đã vi phạm ngưng bắn tại Đức Phổ, Sa Huỳnh, (Quảng Ngãi), Đức Cơ (Pleiku)... Và kết luận ung dung: Chính VNCH vi phạm tại các địa điểm trên! Không một lời nói, không một từ ngữ nhắc đến sự kiện, địa danh Tống Lệ Chân. Trưởng phái đoàn Bắc Việt gật gù tán đồng, lập lại lời phát biểu của MTGP với thứ tự từ ngữ địa danh được nói khác đi một chút. Bài học đã được học từ nhà, các cậu học trò Cộng sản lập lại không sai một chữ bất chấp nội dung rõ rệt của ba đề nghị - Ý kiến - Yếu tố không bao giờ có trong đầu của cá nhân người Cộng sản khi chưa “hội ý”!!

Thấy hai phái đoàn Cộng sản không đá động gì đến ba đề nghị vừa trình bày. Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa lập lại đề nghị lần thứ hai: Nếu Ban Liên Hiệp Quân Sự Bốn Bên Trung Ương chưa thống

nhất ý kiến thì yêu cầu Hoa Kỳ gởi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế để Ủy Ban này đi điều tra. Mặt Trận Giải Phóng cùng Bắc Việt lại hát lên một nội dung: "Không đồng ý việc gởi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế vì tình hình chưa rõ rệt, chưa có an ninh không tiện lợi cho Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra..." Phiên họp ngưng ở kết luận này. "Tinh thần nhất trí" của văn bản Hiệp Định. Tính chất không bao giờ có ở bàn hội nghị.!!

Cho chắc ăn hơn nữa, phía Cộng sản mớm lời cho hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi, khi tiếp nhận văn thư của Hoa Kỳ yêu cầu đi điều tra Tống Lệ Chân: "UBQT không đồng ý đi điều ra ở một nơi khi nơi đó chưa được an ninh!" Muốn chắc hơn, hai phái đoàn quốc tế Cộng sản này lại đưa thêm điều kiện: Sẽ chịu đi nếu phái đoàn MTGP cử sĩ quan liên lạc tháp tùng cùng trực thăng. Lẽ tất nhiên điều kiện không được thực hiện, vì MTGP chắc chắn không bao giờ đồng ý cử sĩ quan liên lạc tháp tùng.

Một tuần trôi qua, kể từ phiên họp 17-3-1973, tất cả nỗ lực về Tống Lệ Chân đều bị chắn lối bởi hai ngón đòn "Tình hình Tống Lệ Chân chưa rõ rệt. Phái đoàn MTGP chờ chỉ thị của thượng cấp" và đòn "Vì MTGP không cử sĩ quan liên lạc đi cùng nên Ủy Hội Quốc Tế không thể đến điều tra..." Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt, Ba Lan, Hung Gia Lợi nương vào nhau nhồi quả bóng vô liêm sĩ, né tránh hẳn vấn đề.

Ngày 23-3-1973, chỉ còn bốn ngày nữa là hết thời hạn sáu mươi ngày làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự bốn bên, Hoa Kỳ thúc dục phái đoàn Gia Nã Đại (Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Tế) trực tiếp thu xếp với MTGP để sớm điều ra sự kiện Tống Lệ Chân, MTGP trốn không nổi, đành đưa Đại Tá Võ Đông Giang, Phó Trưởng đoàn ra gặp Đại Tá Lomis (Gia Nã Đại), thỏa thuận cử sĩ quan liên lạc của Mặt Trận theo Ủy Ban Quốc Tế đến Tống Lệ Chân vào ngày 24-3-1973. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ là trò đánh tráo, theo thỏa thuận của Giang, sĩ quan Mặt trận sẽ từ Tân Sơn Nhất đi Tống Lệ Chân tiếp xúc với lực lượng Cộng sản ở đây, xong trở về Biên Hòa (Biên Hòa là khu V Liên Hợp Quân Sự, tức là vùng III của VNCH) để đón Ủy Ban Quốc Tế vào Tống Lệ Chân. Gã sĩ quan liên lạc của Mặt Trận nhận chỉ thị trước, nên thay vì từ Tống Lệ Chân, y trở về hẳn Tân Sơn Nhất, Ủy Ban Quốc Tế đợi ở Biên Hòa suốt ngày 24-3-1973. Cuộc điều tra Tống Lệ Chân của Ủy Ban Quốc Tế không bao giờ có thể thực hiện được: Không bao giờ.

Về phía Liên Hợp Quân Sự, sau một tuần cố gắng liên tục kể từ phiên họp 17-3-1973, Việt Nam Cộng Hòa buộc Mặt Trận Giải Phóng

phải cử sĩ quan liên lạc đến Tống Lệ Chân để thực hiện tản thương. Nhưng ngày 23-3-1973, thay vì xuống Tống Lệ Chân như đã dự liệu, viên sĩ quan Mặt Trận xuống Sóc Con Trăn cách Tống Lệ Chân mười cây số về hướng Tây, viên sĩ quan này lấy cớ phải liên lạc với "địa phương" y trước, sau một hồi tìm kiếm trong rừng, y trở lại trực thăng lấy cớ vì bom Mỹ và VNCH đã đánh đứt đường dây, y không tìm ra ai!! Chiếc trực thăng trở về Sài Gòn, không một thương binh được di chuyển. Phái đoàn VHCH vẫn kiên trì yêu cầu MTGP phải thuận để Việt Nam Cộng Hòa tản thương ở Tống Lệ Chân, Mặt Trận Giải Phóng hết cớ từ chối, ngày 24-3-1973, hai mươi thương binh đầu tiên và cũng là cuối cùng được di tản. MTGP "hòa hợp, hòa giải, dân tộc" với giá máu này một lần độc nhất. Tống Lệ Chân đóng của vĩnh viễn với nỗi bi hùng của nó.

Cấp Trưởng Phái Đoàn, cấp Trưởng Tiểu Ban liên tiếp họp để dọn sạch vấn đề Tống Lệ Chân. Nhưng sự thật là một việc và cách nhìn của người Cộng sản lại là một việc khác, nên sự kiện quân đội Cộng sản bao vây, cường tập tấn công vào vị trí của ta biến thành "... Một cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn lấn chiếm Tống Lệ Chân, nơi nằm sâu từ lâu trong vùng giải phóng của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời!!" Kèm thêm luận cứ, lực lượng Mặt Trận Giải Phóng pháo vào trại là rất tự kiềm chế vì phải cảnh cáo đơn vị trong đồn muốn "nống lấn" ra ngoài khu vực của Chính Phủ Lâm Thời (Một đơn vị chỉ hơn hai trăm người có thể nào tấn công vào vòng vây của một sư đoàn?!!) Về việc gọi loa đầu hàng, Mặt Trận Giải Phóng giải thích: Đó là giảng "Đạo lý Hiệp Định" cho binh sĩ trong đồn biết: Đạo lý về Hòa Hợp, Hòa giải Dân Tộc!! Ý nghĩ đích thực của ngôn từ đã biến mất trên lưỡi của người Cộng sản. Nhưng điều vô lý thô bỉ đã được dựng đứng, đài phát thanh Việt Cộng ào ào tố cáo, Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa gởi kháng thơ tố giác, các thành viên Hung Gia Lợi, Ba Lan nghiêm chỉnh nghiên cứu kháng thơ. Và biết đâu trên thế giới có một số đông người tin vào kháng thơ gian dối đó. Không hiểu Đức Giáo Hoàng khi đọc bản tin của tờ báo Tòa Thánh đề cập đến bản kháng thư đó Ngài có biết đến những con mắt nổ lửa dưới hầm sâu Tống Lệ Chân đang mong ngày mau đến. Đau đớn hơn hết khi tại Sài Gòn, nơi chỉ cách Tống Lệ Chân trăm cây số đường chim bay, có những người đã không biết hoặc không muốn biết những người lính Việt Nam đang ở trong chiếc đồn bị vây vào ngày thứ 510. Và nhiều kẻ lại nhìn vấn đề ngược lại: Như đám Ngọc Lan, Chân Tín, thứ chính khách đối lập Hồng Sơn Đông, Hồ Ngọc Nhuận, Hồ Hữu Tường, Trương Gia Kỳ Sanh... (Những Nghị sĩ, Dân biểu được

MTGP nhắc nhở nhiều lần ở bàn hội nghị khi muốn tố cáo chính quyền VNCH) Những người này là gì trong khi đồng lõa với tội ác ngập máu này? Tính đến ngày của phiên họp đầu tiên đề cập đến Tống Lệ Chân, hai mươi ngày sau ngày Hòa Bình 28-1-1973, căn cứ có thêm bốn chết và hai mươi hai bị thương. Những người này chết cho ai? Phải chăng để bảo vệ miền Nam, trong đó có những người vừa kể trên, những kẻ nhân danh Hòa Bình...

Quả tình chúng ta ở trong một trạng thái hòa bình sau hơn hai mươi năm nghe súng nổ và lửa cháy. Chúng ta đã nghe quen tiếng nổ đại bác, hỏa tiển, chúng ta cũng dần quen với độ cao của ngọn lửa Mậu Thân, hơi nóng từ An Lộc, Quảng Trị, nên hình như khi hưởng được sự yên ổn đau đớn của những ngày hôm nay, chúng ta đã quá vội vã muốn xóa tan vết tích chiến tranh, muốn quên đi những hình ảnh tàn khốc của tháng kia, năm trước. Và từ, với hạnh phúc tội nghiệp nầy, giữa lòng cơn lốc túng đói, chúng ta đã không có khả năng để nhớ đến, để nghĩ đến hình ảnh một căn cứ: một căn cứ lẻ loi cố gắng để khỏi bị hủy diệt, thể hiện ý muốn "sống trong tự do và hòa bình", nỗi mơ ước của toàn dân tộc... Mơ ước đó có ta dự phần. Vậy, chúng ta phải làm gì được cho Tống Lệ Chân?

Tôi viết lên tiếng kêu bi hùng về Tống Lệ Chân vào tháng 6-1973, thời gian quân đội Cộng sản đang chuẩn bị trận dứt điểm vào căn cứ trong dịp mùa mưa sắp tới của năm 1973. Suốt năm 73, chiếc đồn nhỏ bé này đã đứng vững được trước hàng chục lần tấn công và bị pháo hơn vạn quả đạn, viên chỉ huy căn cứ, Trung Tá Lê Văn Ngôn, hình như định mệnh đã gắn chặt tên anh cùng chiếc đồn bé nhỏ đó, lời nói quyết chí của ngày tử thủ đầu tiên đã được giữ trọn như tên anh đã định trước: Ngôn Một lòng sắc son giữ mãi một lời nói. Trong nguy nan của mỗi giờ sát cùng cái chết, người anh hùng lặng lẽ với số tuổi quá nhỏ so với chiến trường kia quả đã hiện thực hình ảnh linh diệu kết tinh bởi sức chịu đựng vô bờ của dân tộc. Ngòi bút viết ra cũng hổ thẹn trước nỗi can trường này. Những phiên họp của tháng 3, tháng 4, 74 tại Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên Trung Ương, phía Việt Nam Cộng Hòa lại lớn tiếng báo động Công Trường 9 nhất định rút ưu khuyết điểm của năm qua, tập dượt trên sa bàn cùng trung đoàn 271 quyết ủi láng trại... Trung Đoàn 271 sẽ được yểm trợ trực tiếp bởi một trung đoàn pháo, một trung đoàn phòng không và một lữ đoàn chiến xa, không kể thành phần trừ bị và chận viện. Một năm trời thử lửa, một, hai tháng thực tập trên sa bàn và trên địa thế tương tự quân cộng sản dùng địa đạo chiến, công kiên chiến khởi đi từ 5-4-1974 đến 01:00 giờ ngày 11-1-1974 đoạt được đồn!! Ngôn

làm gì được với quân số 259 người với năm mươi người bị thương từ trước, hai chục người bị thương ở đợt tấn công sau cùng?!! Tiểu Đoàn 92 đã chiến đấu hơn tất cả mọi đơn vị bộ chiến của lịch sử chiến tranh con người, Ngôn hơn hẳn những người anh hùng của chiến trận nhân loại, Alamo, Saipan, Wake, hàng trăm ngàn chiến binh thế giới đã dựng nên gương sáng can trường về bổn phận cao cả của người lính, Ngôn và Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân dựng chắc tấm bia lớn nhất, rực rỡ nhất. Cao quý hơn tất cả, Ngôn và 259 Biệt Động Quân của Tống Lệ Chân là những chiến sĩ chiến đấu cho hòa bình: Hòa Bình của quê hương Việt Nam. Chúng ta trong thành phố bình yên có nghĩ gì khi hay tin Tống Lệ chân đã bị đoạt mất, Tiểu Đoàn 92 mở đường máu rời căn cứ. Chỉ còn giọt nước mắt. Phải, chỉ còn một dòng nước mắt ngập bi hùng.

Tháng 11-1974

Tù binh và hòa bình

Một người tù vừa được thả
Một tiền đồn bị tràn ngập.

Cuối cùng, bà Ngô Bá Thành đã được thả, tuy tình trạng chỉ là tại ngoại hầu tra, nhưng từ vị thế của một người sắp sửa để trao trả cho Mặt Trận Giải Phóng trong hạ tuần tháng 7-73 đến tình trạng hiện tại, quả tình đã có một thay đổi rất lớn. Sự thay đổi có nhiều nguyên do, gây nên từ nhiều sức ép; cũng như hành động rùm beng tô vẽ của nhiều đoàn thể, cá nhân chung quanh người đàn bà này làm người viết phải suy nghĩ... Bà Thành! Bà là ai? Sau lưng bà là tôn giáo cực tả, cộng sản hay người Mỹ?!! Ý nghĩ dấy lên đau đớn. Bao nhiêu năm tháng tù tội của một đời rốt cuộc cũng chỉ là con bài mặt của những dự mưu thâm hiểm hay sao? Và mục tiêu của phong trào Đòi Quyền Sống, trong đó vắng bóng dáng tội nghiệp và niềm ao ước nhỏ nhoi của người lính cùng tập thể gia đình họ, những người có thẩm quyền nhất để được đòi quyền sống yên lành. Bà Thành, người đàn bà trí thức với năm mươi bảy tháng tù trong cô quạnh cùng lời tuyên bố kiêu hãnh “Tôi là thành phần thứ ba...” Thành phần thứ ba,

thành phần bề mặt tối cần thiết để hoàn thành bước chót của Hiệp Định Ba Lê. Và ước mơ của dân tộc có được gói đủ trong những dòng chữ rất nhiều nghĩa của tấm Hiệp Định quái gở này chăng? Trại Tống Lệ Chân với 293 người lính Biệt động quân, đám thân nhân gia đình binh sĩ chạy nhốn nháo giữa rừng già trong tiếng nổ dồn dập của bộc phá. Tiểu đoàn K2 đặc công quyết làm đầu cầu để lực lượng sư đoàn 320 chính qui Bắc Việt dứt điểm trại. Không ai nói đến 293 người lính này, không ai nghĩ đến hình ảnh người đàn bà vợ một binh nhất tay bế con nương theo chồng dưới lằn đạn của những người Cách Mạng Việt Nam: Cuộc cách mạng kết tập bởi giai cấp công-nông gồm nhân dân giác ngộ. Người lính, người vợ, đứa trẻ nhỏ, chắc hẳn đã là những trở ngại của bước tiến cách mạng vô sản Việt Nam đó. Những người này có quyền đòi quyền sống không? Bà Thành có kể thêm họ vào mục tiêu tranh đấu...?

Phong trào Đòi Quyền Sống của bà Thành có ý niệm nào về những người đau khổ này? Và một tờ báo mang nhản hiệu đối lập đấu tranh cho “nhân dân yêu nước” có chăng hình tượng chiếc trại bốc cháy giữa rừng xanh, rộ tiếng reo hò đẫm máu của lực lượng quân đội Hà Nội?! Trong hỗn loạn với những hình ảnh chập chờn nhức nhối này - Bà Thành được trả tự do.

Không ai phủ nhận giá trị cá nhân người đàn bà nổi tiếng với bốn mươi mốt tuổi, tiến sĩ Công pháp quốc tế, năm mươi bảy tháng tù tội liên tục trong bảy năm... Không thể là những tiêu chuẩn bình thường mà mọi người đều có thể thực hiện. Văn bằng đó đã có nhiều người khác đạt được, nhưng quả tình rất hiếm hoi nơi đất nước ta, ở vùng Đông Nam Á, cũng có thể nói toàn cõi Á - Phi, ngay trên khắp thế giới. Tiến sĩ Công pháp quốc tế, một bằng cấp bảo đảm nhiều khả năng và giá trị; năm mươi bảy tháng tù trong hiu quạnh cùng lúc niềm tin, ý tất thắng vượt qua nghịch cảnh trong trạng huống khó khăn để hoàn tất bước chót hoài bão lại là một tiêu chuẩn khác rất khó đạt. Dù đã có nhiều người ở tù lâu hơn, đã có nhiều cảnh tù cực khổ đau đớn hơn, nhưng một người đàn bà từ chối an lành để đem đời xuống đường phố, vào lao tù, đối diện bức tường lạnh trong thời gian đằng đẵng năm mươi bảy tháng quả tình không thể là sự kiện bình thường... Chắc chắn phải được thôi thúc từ một dự tính cao cả mang vóc dáng to lớn theo kích thước của quê hương. Phải thán phục, người đàn bà đã từ chối sự bình yên thụ động, dấn thân vào nơi bão lửa chấp nhận những thiệt thòi đau đớn cụ thể.

Nhưng những kính phục trên khía cạnh cá nhân không thể ngăn nổi hoài nghi cùng câu hỏi: Bà Thành đã thực hiện cuộc đấu tranh

với mục đích gì? Không thể nghĩ một cách giản dị, đây là cuộc đấu tranh đơn độc của người đàn bà trí thức vùng dậy chống đối một chế độ nhiều sơ hở. Không thể nghĩ nông cạn và giản lược toàn bộ một cuộc đấu tranh rất có hệ thống và đa diện vào một mục tiêu đơn độc như thế.

Vậy, nhìn lại những năm trước với những hành động của phong trào: Đấu tranh yểm trợ phong trào Thương Phế binh, đòi hủy bỏ chính sách quân sự học đường, tham dự vào cuộc tranh chấp của hai phe nhà chùa về một bất động sản... Những mục tiêu hạn hẹp, đoản kỳ, hụt hơi không thể nào là mục tiêu chiến thuật của phong trào mang vóc dáng to lớn với tiêu đề hàm súc: Đòi Quyền Sống?!! Ngoài ra phong trào đã bỏ qua, đã với không tới biết bao nhiêu mục tiêu rất đáng được để giành ưu tiên quyền được sống: Người lính chiến đấu cùng hệ thống gia đình lầm than của họ...

Những mục tiêu lúng túng, ngắn hạn, thụ động và vô ích càng ngày tỏ rõ thực chất của phong trào. Một đoàn thể hỗn tạp với bề mặt sôi nổi hiếu động, thiếu quan niệm chiến lược chỉ đạo để rút cuộc hiện nguyên hình là một bộ phận xách động vô tổ chức, cố thực hiện cho bằng được một vài mục tiêu bề mặt. Hình trạng của phong trào trong những năm 69, 70 làm ta nghĩ đến mũi giáo tiền phong thay mặt hợp pháp cho Cộng sản ở đường phố Sài Gòn. Tôi e ngại khi nghĩ như trên vì sợ rằng đã hạ thấp phẩm giá người cầm đầu phong trào, một phụ nữ hằng chứng tỏ khả năng dẻo dai, sung sức với căn bản trí thức vững chãi, một người có đủ lực ngăn chặn mình không lầm lẫn khi thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sàigòn, những "mục tiêu tập dượt" chỉ đáng dành riêng cho đám sinh viên đàn em. Hơn nữa, nếu quan niệm bà Thành là một cán bộ trung cấp nội thành của Mặt Trận thì quả tình không nghiêm chỉnh. Sự trùng hợp về tính chất của mục tiêu phong trào và ý đồ của Mặt Trận chỉ có thể là một chuyện ngẫu nhiên có dự tính!!

Vậy, mục tiêu to lớn trong kích thước Dân Tộc không có, cán bộ trung cấp của Mặt Trận không phải... Thì Bà Thành là ai?!! Cần mở một dấu ngoặc ở đây, nếu Bà thành là "cán bộ gộc" thì Mặt Trận không đời nào chịu hao tổn lực lượng bằng cách dàn ra trống trải đám cán bộ cỡ "quốc tế" như bà ta ra đường phố với sư, cha, sinh viên con nít... Nhưng nếu tất cả không phải là hai vế trên, thì Bà Thành chỉ còn lại là một chiếc "phông" để hiển hiện lên đó toàn bộ bản chất và chủ đích của người Mỹ. Phải, chỉ có thể là như vậy.

Ý nghĩa trên đã được thành hình với toàn thể tính chất não nề, cay

đắng. Một cá nhân xuất sắc, một căn bản trí thức vững chãi, chuỗi ngày dài tranh đấu với năm mươi bảy tháng tù câm nín với một tiêu đề to lớn rốt cuộc chỉ là lá bài tẩy cho lực lượng lót đường hình thành bản Hiệp Định tái lập Hòa Bình Việt Nam. Bản Hiệp Định phản ảnh rất dễ bị xuyên tạc, rất nguy hiểm, ngụy trang sâu sau ước vọng của toàn dân tộc nhưng đã được nhận định: "Đó là một thắng lợi to lớn, chứng tỏ chính nghĩa nhất định thắng"... Nhận định của Bà Thành, nhận định này có những từ ngữ của người Cộng sản, nhận định cũng bao gồm sự diễn giải Điều 1 Hiệp Định theo quan điểm của Hà Nội, của Mặt Trận. "Chính nghĩa nhất định thắng". Thành ngữ đãi lọc đã được phổ quát do Hồ Chủ tịch. Nhưng điểm quan trọng không phải ở vài từ ngữ mang hơi hướng Cộng sản này; cũng không phải lời chào đặc sệt mùi vị vô sản "gởi lời chào đồng bào cả nước" của bà Thành làm chúng ta chú ý. Chúng ta nói đến vẻ kiêu hãnh của lời tuyên bố "Tôi là thành phần thứ ba...". Thành phần thứ ba, quả tình tất cả sinh hoạt chính trị trong và ngoài nước đang chủ tâm, đang hướng toàn bộ khả năng định giá vào những người rải rác khắp nơi trên Âu, Á... Bảo Đại, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Chánh Thi, Nghị Sĩ Mẫu, Đại Tướng Minh... Những khuôn mặt cũ kỹ đã bị thời cuộc bào nhẵn nay được nhuộm lại màu sắc để chuẩn bị cho thế đấu tranh mới. Thế đấu tranh dứt điểm tình trạng Việt Nam theo sách lược của người Mỹ hay là của Kissinger - ông Ngoại Trưởng thượng hảo hạng của Hiệp Chủng Quốc. Trong đám người được tô vẽ có hệ thống tội nghiệp yếu kém kia có bà Thành với sự góp mặt kiêu hãnh thảm thương " Tôi là thành phần thứ ba!!". Thành phần không có chân trong cộng đồng dân tộc, thành phần sinh sau đẻ muộn từ một cõi ngoài Việt Nam, sản phẩm tối cần thiết cho tác phẩm Kissinger.

Nhìn bản Hiệp Định dưới nhãn quan tàn nhẫn đích thực kia, thấy toàn thể rã rời ốm yếu của thành phần thứ ba ấy, xét được nỗi vô ích của năm mươi bảy tháng tù, mảnh bằng tiến sĩ Công pháp, sự quảng cáo lố bịch ồn ào các tờ báo Sài Gòn chung quanh bà Thành, tự nhiên lòng sôi niềm công phẫn. Đã quá nhiều người nhân danh Tổ Quốc và Nhân Dân, đã quá nhiều người hân hoan bạo ngược trên bầu rượu máu Việt Nam, trại Tống Lệ Chân với 293 người lính cùng đám thân nhân góp phần đời sống vào bữa tiệc đau đớn này. Thành phần thứ ba - Người dự tiệc mới mẻ! Hãy giới hạn nỗi hân hoan tàn nhẫn của các người.

Thật nguy hiểm khi nhận định: Sự kiện Lệ Chân là một thử thách cho nền hòa bình của Hiệp Định (Hòa Bình của Hiệp Định không là Hòa Bình của Việt Nam). Phải bỏ qua sự kiện, xem như là tai nạn

cục bộ, địa phương để xúc tiến và hoàn tất việc kết tập thành phần thứ ba, đi bước chót của Hiệp Định. Hoặc phải đặt vấn đề máu để lương tâm và phẩm tính con người chuộng công lý, chuộng liêm sỉ chọn lựa. Chúng ta đang bị vây bởi vòng đai lửa hiểm độc, mọi lối thoát đều bị kiểm soát và phê phán khắc nghiệt cùng lúc tiếng reo hò man rợ của kẻ thù bốn phía dấy lên. Hình ảnh, bài báo phỏng vấn bà Thành cùng một lần câu chuyện chiếc đồn bốc cháy được nêu lên trên trang nhất các tờ báo hằng ngày chính là bằng cớ về một chọn lựa giữa lương tâm và luân lý; nước mắt đau đớn phẫn nộ hay một đồng lõa tồi tệ thụ động buông xuôi theo hoàn cảnh vượt khỏi tầm tay.

Tháng 11-1973

Tù binh và hòa bình

Đấu

Những phiên họp của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên được thành hình khẩn cấp, vội vã. Phía Cộng sản dù được chuẩn bị và ở vào hoàn cảnh hoạt động thuần nhất, với những chuyên viên hội nghị từ Paris về vốn quen thuộc với sinh hoạt thương nghị, biết phát biểu những lời nói dài lê thê gồm nhiều tỉnh từ mềm mỏng nối kết đúng "tinh thần và lời văn của Hiệp Định"... Nhưng sự lúng túng đôi khi vẫn không thể tránh được vì những người này phần lớn không nắm vững tình hình miền Nam. Các sĩ quan của hai phái đoàn Cộng sản đến Sài Gòn để giải quyết vấn đề miền Nam trên nguyên tắc, nhưng đa số là người Bắc hoặc người hoạt động ở vùng Trung Bộ, ở các quân khu miền Trung, như mặt trận B3 (Chiến trường Tam Biên), B2 (chiến trường Trị-Thiên), vùng Nam-Tín-Ngãi... Nên họ không thể nắm vững được các yếu tố địa giới, đặc dị của miền Nam dù học tập, hội ý là công việc thường xuyên liên tục của các phái đoàn Cộng sản. Họp xong, trở về trại Davis hội thảo, phê bình, rút ưu khuyết điểm, bổ sung ý kiến để tiếp tục lại ở phiên họp tới. Về phần phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa, bước đầu hội nghị quả đã là một khởi sự rối rắm, các sĩ quan trưởng ban, ba vị tướng trưởng phái đoàn như Tướng Dzu - Trưởng đoàn VNCH trong Ban Liên Hợp 4B, (Tháng đầu tiên,

2-73) Tướng Hiệp - Phó Trưởng đoàn... Phần lớn là những tư lệnh, chỉ huy trưởng các đơn vị tác chiến hoặc các ngành chuyên môn không liên quan hoặc kinh nghiệm về thương thảo với đối phương tại bàn hội nghị; các vị này cũng không hề có được một chuẩn bị tối thiểu để đảm nhận công tác (Điển hình là trường hợp Tướng Đống - Tư Lệnh Sư Đoàn Dù, một ông tướng chuyên việc đánh giặc). Thế nên, trong những ngày của tháng hai, tháng ba 1973 các phiên họp đã diễn theo một chiều hướng kỳ lạ, các sĩ quan nghị hội chỉ nói những điều mình nắm vững, đã được chuẩn bị, không cần phải trả lời những câu hỏi, những vấn đề đặt ra bởi đối phương. Điển hình như vòng đối thoại sau đây của phiên họp ngày 12-2-73, Tiểu Ban Tù Binh:

Đại Tá Đắt (VNCH):

- Chúng tôi thông báo đến quí vị số lượng tù binh mà phía VNCH dự trù trao trả ngày mai, 13-2-73... Ngày mai, chúng tôi sẽ đưa hai trăm tù từ Biên Hòa đến trao trả ở địa điểm bắc sông Thạch Hãn, hai trăm tù này sẽ được không vận từ Biên Hòa đến Phú Bài, xong từ Phú Bài sẽ đi ra Quảng Trị bằng xe GMC... Ngày mai, chúng tôi cũng sẽ trả tại Lộc Ninh cho quí vị sáu trăm nhân viên quân sự. Sáu trăm người này sẽ được không tải từ Biên Hòa đến Lộc Ninh...

Đại Tá Russell (Hoa Kỳ):

- Chúng tôi phản đối phái đoàn Chính Phủ Lâm Thời đã không trả tù binh Hoa Kỳ ở Lộc Ninh đúng 8 giờ 30 ngày hôm nay như đã hứa. Phái đoàn Hoa Kỳ sẽ gởi kháng thư tố cáo đến Trưởng đoàn CPLT và Trưởng đoàn của Ủy Ban Quốc Tế... Yêu cầu phái đoàn MTGP cho biết ý kiến về vấn đề này.

Đại Tá Lê Trực (MTGP):

-Về vấn đề danh sách tù binh quân sự, chúng tôi chỉ giao cho VNCH trước khi trao trả và tại địa điểm trao trả... Chúng tôi cũng nói trước là chỉ trả tù binh cho VNCH tại hai địa điểm Pleiku và Lộc Ninh. Về danh sách tù dân sự VNCH, phái đoàn chúng tôi chỉ có một danh sách 140 chứ không có danh sách hàng ngàn người như phái đoàn VNCH yêu cầu. Nghĩ rằng vấn đề thiện chí tức là trao danh sách, có bao nhiêu trao bấy nhiêu chớ không phải đợi đến con số tương xứng mới trao đổi. (Đại ý Trực muốn yêu cầu phía VCH trao danh sách 5081 Nhân viên dân sự Cộng sản cho họ vì đã có sẵn, chứ không phải đợi lúc họ bổ sung danh sách 140 này lên đến một con số khả thể chấp thuận nào đó thì VNCH mới trao danh sách 5081...)

Trung Tá Trần Tấn (Bắc Việt):

- Việc 100 Nhân viên Dân sự của Chính phủ Lâm Thời ở Biên Hòa

không chịu lên máy bay đi Phú Bài sáng hôm nay (12-2-1973) có một khía cạnh chính trị: Những tù binh thuần túy là của Chính Phủ Lâm Thời chứ không phải của chúng tôi, vì Hiệp Định Ba Lê đã có thỏa thuận về vấn đề quân đội các bên ở miền Nam (Đại diện Bắc Việt muốn nói đến Điều 2 của NĐT về tù binh: Tại miền Nam Việt Nam chỉ có tù binh của hai bên miền Nam mà thôi). Chúng tôi cũng tiếc rằng sáng hôm nay không có đại diện Việt Nam Cộng Hòa đi Hà Nội để chứng kiến cuộc trao trả đầu tiên tù binh Hoa Kỳ tại Gia Lâm...

Bốn lần phát biểu của bốn phái đoàn đã đặt lên bốn vấn đề, bốn sự kiện hoàn toàn khác hẳn nhau nhưng các sĩ quan đại diện vẫn nghiêm trọng nhắc lại khi đến lượt mình phát biểu. Mỗi phái đoàn vốn dĩ lại có một tính chất rất khác biệt. Phái đoàn Mỹ, do bản chất cụ thể, do tư thế giản dị của một công tác thuần túy quân sự, hơn nữa nhiệm vụ của người Mỹ do hiệp định đặt ra cũng vô cùng đơn giản: Nhận tù, gỡ mìn bẫy ở miền Bắc và rút quân. Đại diện phía Hoa Kỳ là những người quân nhân đánh giá công việc với một nhãn quan rất dung dị và đúng luận lý nên vấn dề đặt ra dứt khoát rành rẽ. Phái đoàn MTGP như trên đã nói, phần lớn là cán bộ Bắc hoặc Trung, thiếu hẳn thông hiểu sâu xa về tình hình miền Nam. lại không có quyền để trả lời bất cứ vấn đề gì dù chỉ là một đề nghị về kỹ thuật và thủ tục, họ chỉ được phát biểu những ý kiến đã được ban tham mưu hoạch định trước qua một số từ ngữ được phân tích chọn lựa không sơ hở để đối phương có thể lợi dụng, khai thác. Thế nên, khi vào đến hoàn cảnh không thể tránh né được các vấn đề do VNCH và Hoa Kỳ nêu ra thì họ đón nhận ý kiến, đề nghị của đối phương bằng cách "ghi nhận để nghiên cứu" và câu trả lời sẽ không bao giờ có. Trong chiều hướng khắc khe chặt chẽ này, đại diện Bắc Việt cũng không có quyền rộng rãi hơn để phát biểu hoàn toàn ý kiến của mình về bất cứ vấn đề gì, vì vị thế của Bắc Việt trong bàn hội nghị cũng như Hoa Kỳ chỉ bao gồm vài nhiệm vụ đơn giản và cụ thể nên thường thường những đại diện Bắc Việt chỉ việc lập lại ý kiến của đại diện MTGP với thay đổi chút về từ ngữ, thứ tự vấn đề để nâng đỡ, che chở đàn em.

Phái đoàn VNCH trái lại, ở vào một thế lưỡng đầu thọ địch, kèm bên cạnh người bạn vô tình quá thực tế đôi khi đến tàn nhẫn. Chúng ta lại có nhiều công việc phải làm, nhiều vấn đề phải giải quyết, cũng như nhiều yêu cầu cần phải được thanh thỏa nhưng vấp phải thái độ cứng rắn của đối phương, cách thúc đẩy gần như ép buộc của đồng minh, và sự hạn chế bởi thời lượng do hiệp định đề ra, kèm thêm nỗi rối rắm vì công việc đa đoan, thiếu chuẩn bị nên hội nghị đôi lúc đã đi vào những thảo luận đối nghịch quái dị như trên, thảo luận cũng tràn

theo những chiều hướng vô lý mà nguyên do cũng không ra ngoài các điểm vừa nêu rõ. Trở lại câu chuyện MTGP qua lời phát biểu, chỉ trả cho VNCH những quân nhân tại địa điểm Lộc Ninh và Pleiku, đã chứng tỏ họ không nắm vững cách phối trí và chế độ giam giữ của các trại giam cộng sản... Ở chiến trường Tam Biên tù binh VNCH được phân phối theo ba nơi, một số được để lại tại chỗ sau này trao trả tại Võ Định (Kontum), Đức Nghiệp (Pleiku), số khác chuyển ra Bắc sau này trao trả tại bắc sông Thạch Hãn, hoặc chuyển xuống vùng Quân Khu V cũ tức Mặt trận B5, gồm Nam Ngãi - Bình Phú của Tướng Chu Huy Mân để sau này trao trả tại Quảng Ngãi, Bình Định... Nhưng sở dĩ Lê Trực (Đại diện MTGP) chỉ nói đến hai địa điểm đó vì Đức Nghiệp (Đức Cơ - Pleiku) là một vị trí mẫu mà Cộng Sản Bắc Việt dự định xây dựng một thủ đô, hay một trung tâm kỹ nghệ cho chính phủ, Lộc Ninh thì đương nhiên coi như phía Nam. Sau này phía Cộng sản phân tán tù binh ra khắp mười một địa điểm từ Quảng Trị đến Cà Mâu trong âm mưu nhờ các cuộc trao trả chứng nhận luôn với Ủy Ban Quốc Tế là họ có đất miền Nam. Điều nầy cũng có thể giải thích rằng: Khoảng thời gian tháng 2-1973 Lê Trực chưa biết được âm mưu này hay vì Trực mới từ Pháp về không nắm vững tình hình nên phát biểu ý kiến như trên. Vì thiếu thông hiểu tình thế đôi khi đại diện MTGP còn đưa ra những đề nghị như: Nhận nhân viên quân sự của họ tại sân bay Hớn Quản tức là sân bay An Lộc. (Trong phần kiểm soát của VNCH!!) Cũng có thể giải thích cho ý kiến này là MTGP muốn lợi dụng lúc đi nhận tù binh trong vùng VNCH để ấn định một tiền lệ về hành lang di chuyển, tuyến giáp hai vùng của hai bên, một vấn đề rất gay go mà Tiểu Ban Quân Sự suốt hơn một năm thảo luận đã không có một tiến bộ. Cũng trong tình thế nghị hội quái gở này, đôi khi những đề nghị vô lý như “Xử dụng sân bay Ái Tử để trao trả”. (Lúc địa điểm bắc sông Thạch Hãn chưa được đề cập) đã được bốn bên đưa ra thảo luận nghiêm trọng để rút được quyết định chung: Thám sát phi trường Ái Tử để xem C130 đáp được không?!! Tất cả đại diện của bốn phái đoàn đã không biết (Hoặc làm như không biết) căn cứ Ái Tử đã bị hư hại rất nặng trong tháng 4-1972, lúc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ binh rút về thị xã Quảng Trị, phi đạo của phi trường này bị bóc hẳn lớp PSP (sắt lót phi đạo) bởi đạn trọng pháo và bom cỡ lớn. Thế nhưng cuộc thám sát cũng đã thành hình nghiêm chỉnh và tích cực vào ngày 11-2-1973.

Nhưng dù loạt choạc, xộc xệch, các phiên họp liên miên của thời gian hai tháng đầu tiên cũng hoàn tất và đạt được một tiến triển - Tù quân sự của mỗi bên (Theo danh sách phổ biến tại Ba Lê) được trao

trả hết. Các phiên họp này tuy có những sơ hở trầm trọng trên thủ tục và cách điều hành nhưng quả tình đã hiện thực được một phần hiệp định.

Sau ngày 27 tháng 3 năm 1973, Ban Liên Hợp 4B rút lại còn 2B, Tướng Phạm Quốc Thuần về thay Tướng Dư Quốc Đống. Tướng Thuần nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, sư đoàn cứng nhất của vùng III chiến thuật, cũng là sư đoàn chịu mặt trận nặng nề liên tục nhất của chiến tranh Đông Dương; chiến khu C, D, mật khu Hố Bò, Bời Lời, khu Tam Giác Sắt, Bộ Chỉ Huy Ba Cục hay R, bản doanh bộ chỉ huy tối cao Mặt Trận đều đóng trên vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5. Tướng Thuần trong khoảng thời gian dài lãnh nhiệm vụ ở vùng đất khẩn trương trọng yếu này, nơi đã có những trận chiến "quy ước" đầu tiên của thập niên 60 lúc du kích quân Cộng sản chuyển qua thế tấn công. Tuy là tướng lãnh của chiến trường, nhưng ông Thuần được mọi người nhìn nhận như là một người thích hợp với bàn hội nghị, với khả năng sắc bén, ý thức chính trị cao Tướng Thuần nhập trận vào lúc tình hình nghị hội chuyển hướng, mọi người chờ đợi những thay đổi quan trọng. Nhưng nghị hội không tiến triển theo chiều hướng hòa bình mà hiệp định vạch ra, Tướng Trần Văn Trà nhân cơ hội đi Hà Nội cùng phái đoàn Bắc Việt đã ở lại luôn tại đây, sau đó không hiểu về mật khu miền Nam hay đi Pháp để phối hợp cùng đám cán bộ mặt trận tại Ba Lê. Lý do Tướng Trà rời khỏi chức vụ không được soi rõ, những giả thuyết được đặt ra để giải thích như, vì Tướng Trà có thái độ mềm mỏng, cởi mở không đúng với chủ trương nhất quyết xử dụng lực lượng quân sự để tiếp tục xâm lăng miền Nam của Hà Nội... Nhưng tất cả cũng chỉ là giả thuyết, phải đến lúc hội nghị đi vào giai đoạn thảo luận gay gắt đối nghịch nhau đến cùng cực, sự ra đi bất thường của Tướng Trà mới có thể giải thích đứng đắn được - Tướng Trà sinh năm 1918 tại Quảng Nam, tham gia vào phong trào Việt Minh từ những ngày đầu tiên, Quảng Nam cũng như Nghệ, Tĩnh và gần gũi như Quảng Ngãi là đất của đấu tranh liên tục và quyết liệt, địa bàn xung đột của những đảng phái đối nghịch và cao độ hận thù. Những người Cộng sản thuần thành tích cực nhất đã phát xuất từ những nơi chốn này, nhưng đấy cũng là những nơi rèn luyện, un đúc lên những cán bộ Quốc Gia nhiệt thành mạnh mẽ nhất. Tướng Trà là một trong những người Cộng sản đầu tiên của xứ Quảng, nơi đã phát động phong trào chống sưu thuế, chống mộ phu của chính quyền thuộc địa; ông cũng là người cầm dầu lực lượng võ trang thực hiện những vụ tàn sát thảm khốc ở Thăng Bình, Đại Lộc trong thời gian trước và sau 1945.

Từ 1945, trước khi tập kết ra Bắc theo Hiệp Định Genève, Tướng Trà được chuyển vào Nam xây dựng "sự nghiệp" cách mạng trên đầu mũi súng, chức vụ lớn nhất trong giai đoạn này là Tư Lệnh Trung Đoàn Quyết Thắng - Đồng Nai. Ra Bắc, Trà được phong quân hàm Thiếu Tướng, nhận chức Tư Lệnh Sư Đoàn 330, một trong hai sư đoàn chủ lực của miền Nam tập kết, sư đoàn kia là Sư Đoàn 338 do Đồng Văn Cống người Bến Tre làm tư lệnh. Năm 1960 Trà hồi kết với bí danh Trần Nam Trung trở về chiến khu Đ, giữ chức vụ tư lệnh quân khu miền đông Nam bộ, kiêm Quân Ủy Miền (Ủy viên chính trị quân đội Cộng sản miền Nam). Tháng 6-1969, chính phủ Mặt Trận được thành lập để đáp ứng với tình hình chính trị, Tướng Trà được đề cử làm Bộ Trưởng Quốc Phòng. Với một quá trình hoạt động tích cực liên tục, cùng với những chức vụ quân sự chính trị quan trọng như thế, ông không thể để sử dụng trong giai đoạn hội nghị thụ động vì với khả năng và quyền hạn sẵn có Tướng Trà chắc sẽ có những quyết định vượt xa chủ trương gây bế tắc của phe Cộng sản. (Lẽ tất nhiên, cán bộ Cộng sản, dù cán bộ cao cấp cũng không bao giờ được phát biểu những ý kiến của riêng mình, ý kiến khi nói ra là của tập thể với những từ ngữ được chọn lọc kỹ càng). Nhưng, vì với quân hàm cũng như tư thế chính trị - quân sự quan trọng, Tướng Trà đã có những ý kiến rộng rãi (phát xuất từ một quyền hành thực tế) như khi trả lời về vấn đề các tù binh VNCH còn bị giam giữ tại Bắc Việt, Tướng Trà đã có ý kiến:

- Sẽ làm hết sức mình để giúp đỡ VNCH, được tới đâu thông báo tới đó.

Đây là ý kiến rộng rãi nhất, tích cực, khích lệ nhất mà phái đoàn Mặt Trận đã phát biểu chính thức. Thời gian sau khi nhắc lại vấn đề này, Hoàng Anh Tuấn (người thay Tướng Trà) hoặc Võ Đông Giang (Phó Trưởng Đoàn MTGP) chỉ trả lời lẫn tránh:

- Những người bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền Nam như Lào hoặc Kampuchia thuộc về quyền quản lý của lực lượng Pathet Lào và Khmer Đỏ yêu nước, còn theo lời quý vị: Nếu có sự kiện Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt) có quản lý những người của VNCH thì chúng tôi cũng không biết đến vì chẳng bao giờ được thông báo sự kiện này!!

Giữa hai câu trả lời, lời của Tướng Trà quả tình phản ảnh được thái độ cởi mở, hợp lý nhất. Thái độ này hoàn toàn biến mất sau ngày 27-3-1973. Vậy Tướng Trà và quyền hạn của ông không thể đóng vai trò một búp bê gỗ được, nhiệm vụ này được trao tiếp cho Thiếu Tướng Hoàng Anh Tuấn. Để có thể hiểu rõ sự biến thể và tính

chất của nghị hội, cần nói rõ hơn về con người của Tuấn và Giang (Phó đoàn MTGP từ đầu lúc còn Tướng Trà và sau khi Tuấn tay thế Trà). Tuấn tên thật là Hồ Xuân Anh, người Huế khoảng thời gian trước, sau 1945 Tuấn làm tiểu đoàn trưởng ở phân khu Trị-Thiên, bị Pháp bắt xong sau này được đem trả lại cho Việt Minh, tập kết ra Bắc xong hồi kết khoảng năm 1960 được phong quân hàm đại tá và tham dự hội nghị với bí danh Hoàng Anh Tuấn với quân hàm "ngụy" Thiếu Tướng. Giọng nói của Tuấn là một thứ giọng Huế chân truyền, cổ điển, đầy âm thanh của những người vùng quê Thừa Thiên mạn Hương Điền, Vĩnh Lộc. Tướng Tuấn có những cách gằn giọng thoạt đầu tưởng mạnh mẽ, uy lực nhưng nghe quen, nghe rõ thì phát hiện được những tức giận thô thiển, của một tâm tình chất phác không thủ đoạn, không hiểm độc. Những từ ngữ như "chân thật, độc lập, nhân dân" khi Tướng Tuấn gằn giọng biến thành "chưng thực, đục lập, nhưng dưng..." đã mất hẳn ý nghĩa nguyên thủy cao quý, bộc lộ ra cách thụ động còm cõi của những chữ nghĩa "chết" được ghép vào nhau để một người học thuộc bài lập lại. Tướng Tuấn rất ít sáng kiến để nói lên những ý kiến với từ ngữ, cách thức xếp đặt thứ tự của riêng mình. Chỉ với một nội dung không đầy trang giấy của phiên họp ngày 10-5-73 lúc phản đối việc " Việt Nam Cộng Hòa hạn chế các quyền ưu đãi miễn trừ cho phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng yêu cầu VNCH phục hồi các quyền ưu đãi miễn trừ này để ban Liên Hợp Quân Sự 2B có thể hoạt động bình thường hữu hiệu được. Vì phái đoàn MTGP khi không có các quyền trên thì hoàn toàn bị tê liệt, không thể cùng VNCH tiến hành, thực hiện công việc của BLHQS...". Chỉ một nội dung ngắn ngủi như trên cùng với những từ ngữ quen thuộc, Tướng Tuấn cũng không nói theo cách riêng của mình, mà phải đọc từ một tờ giấy soạn sẵn. Không phải vì khả năng ăn nói kém nhưng Tướng Tuấn hình như không thích, không dám nói theo ý kiến riêng của mình. Tuấn hiện thực đứng đắn vai trò một Trưởng phái đoàn, thụ động trong giai đoạn hội nghị tắt nghẽn. Bên cạnh Tuấn, Võ Đông Giang thì có thái độ trái lại, Giang mang quân hàm đại tá nhưng là phát ngôn viên của phái đoàn kiêm chức vụ phó trưởng đoàn ngay từ ngày đầu tiên, tức là ủy viên chính trị của đoàn, Giang người gốc Quảng Ngãi, từ trước vốn nằm trong bộ tham mưu của Trà, đặc trách về sinh viên, học sinh, báo chí... Với phương vị hoạt động rộng rãi như thế Giang có đủ phong độ để vào bàn nghị hội với những thủ đoạn thần sầu nhất. Trái hẳn với Tuấn, Giang thường nói ra ngoài chủ điểm của vấn đề, bằng những lý luận móc nối, bổ túc cùng nhau với một giọng nói hòa hoãn, nhặt khoan rất sành sõi. Ưu

điểm nổi bật nhất của Giang là không gây khích động cho người nghe nhưng lôi kéo người nghe vào câu chuyện, tạo điều kiện, tạo hoàn cảnh để đối phương phải theo lời phát biểu của mình, dù là lời đả kích, tấn công. Ví dụ khi VNCH tấn công sự im lặng của MTGP ở giai đoạn Trung Cộng tấn công quần đảo Hoàng Sa, thì Tuấn trả lời theo một lập luận quen thuộc với giọng nói gay gắt:

- Quân Đội cách mạng từ nhân dân đứng lên, vì nhân dân, vì tổ quốc mà chiến đấu, không thể đặt vấn đề quân đội cách mạng a tòng cùng quân xâm lược, quân cướp nước như quân đội VNCH đã theo chân quân đội thực dân Pháp trước kia và quân Hoa Kỳ sau này...

Trái lại Giang dùng một thế tránh đòn đặc biệt với một thái độ mềm mỏng, tính toán kỹ lưỡng. Giang mĩm cười trả lời:

- Về cái vụ Hoàng Sa, thì tôi xin kể ra đây một câu chuyện mà hôm qua nhân cuộc họp báo, một ký giả ngoại quốc đã hỏi rằng: "Ông nghĩ thế nào khi VNCH cố tình thổi phồng vụ Hoàng Sa thành một chuyện lớn..." Cái từ ngữ "cố thổi phồng" này là của ký giả ngoại quốc đó chứ không phải của tôi, nên nhân buổi họp hôm nay tôi xin kể lại nguyên văn để quí vị nghe và nghiên cứu... - Giang nói thủng thẳng, nhẹ nhàng né tránh đợt tấn công theo kiểu của Tuấn như ở trên, cách thức sẽ đem lại thất bại.

Tướng Trà đi, để lại hội nghị cho hai nhân vật trên (Có một đại tá khác, Đại Tá Sĩ là phó đoàn MTGP, nhưng nhân vật này phụ thuộc nên tôi không kể vào). Nhưng dù bản chất và khả năng của họ có trái ngược cùng nhau, chủ điểm kéo dài hội nghị, ép thảo luận theo những phạm vi nhất định vẫn được thực thi tối đa nghiêm chỉnh.

Từ những phiên họp đầu tiên của hai bên (27-3-73) cho đến khi rời khỏi chức vụ, Tướng Thuần chỉ đến họp những phiên quan trọng như phiên họp sau thông cáo chung 13-6-73 của Kissinger và Thọ, phiên họp để giải tỏa bế tắc về trao trả 23-7-73, v.v.... Phần lớn ông đã để Tướng Hiệp và Đại Tá Đóa bao sân. Sở dĩ Tướng Thuần không dự các phiên họp vì cấp bậc ông quá cách xa quân hàm của các ủy viên MT, cũng như vì biết rõ ý đồ làm trì trệ hội nghị qua vai trò những người đại diện thiếu quyền quyết định và giải quyết các vấn đề. Sự bế tắc vì quan điểm đối nghịch làm tất cả các buổi thảo luận trong giai đoạn này không đạt được một kết quả nhỏ nhoi nào, dù là một đồng ý về nguyên tắc và thủ tục.

Những vấn đề căn bản như ngưng bắn, khai triển các ban liên hợp cấp khu vực, tổ ở các địa phương, (Bảy khu vực chính là Quảng Trị, Đà Nẵng, Pleiku, Nha Trang, Phan Thiết, Biên Hòa, Cần Thơ từ các cơ sở khu vực này chia thêm nhiều tổ nhỏ, ví dụ như khu vực

Biên Hòa có những tổ ở An Lộc, Vũng Tàu, v.v... Tổng cộng khắp miền Nam tất cả là ba mươi tổ). Vấn đề cửa khẩu, thay thế vũ khí, ưu đãi miễn trừ qua hàng chục phiên họp cấp trưởng đoàn cũng như cấp tiểu ban đều không đạt đến một thỏa thuận nhỏ bé nào. Điển hình như vấn đề ngưng bắn, phía VNCH đưa ra một đề nghị gồm bảy điểm như sau:

- Bốn phe ký kết hiệp định ra cấp tốc lời kêu gọi chung về ngưng bắn.
- Trong vòng 48 giờ sau khi lời kêu gọi chung được phổ biến các phe đều phải ngưng bắn, ở nguyên vị trí tạm thời.
- Vạch một lằn ranh kiểm soát của mỗi bên từ cấp trung đội trở lên, ở giữa các vùng đối diện có một vùng trắng hai bên không được vào để tránh xung đột.
- Lui về vị trí cũ trước ngày 28 tháng 1 năm 1973.
- Khai triển gấp các cấp trung ương, khu vực, tổ (để kiểm soát ngưng bắn) trên toàn lãnh thổ dựa theo các điều đã được Nghị Định Thư quy định.
- Áp dụng thủ tục điều tra vi phạm cho hai bên đang thảo luận có sự phối hợp giữa Ủy Ban Quốc Tế kiểm soát và giám sát.
- Sau khi thực hiện các điều khoản trên, thảo luận về cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau.

Phía MTGP đưa ra đề nghị gồm bốn điểm chính:

- Hai bên miền Nam Việt Nam cùng đưa ra lời kêu gọi chung, cùng chung một nội dung về ngưng bắn, xử dụng tất cả phương tiện sẵn có và hữu hiệu nhất để thông báo đến các lực lượng võ trang, bán võ trang, chính qui, địa phương của mỗi bên...
- Ngay sau khi lời kêu gọi chung được phổ biến, hai bên chấm dứt hẳn tiếng súng, chấm dứt mọi xử dụng hỏa lực phi pháo vòng cầu, ở nguyên tại vị trí.
- Tháo gỡ tất cả mọi chướng ngại vật, mìn bẫy, trên đường, trên sông để dân chúng hai miền tự do đi lại, tự do cư trú, tự do kinh doanh, v.v.... Cấp cơ sở hai bên ở chiến trường gặp nhau trong tinh thần hòa giải và hòa hợp để đi đến chỗ chấm dứt hẳn tiến súng, ấn định vùng kiểm soát của mỗi bên.
- Khai triển các cấp trung ương, khu vực tổ tùy theo tình hình mỗi địa phương, theo phương thức hai trong, năm ngoài, v.v. (Hai trong vùng VNCH, năm ở vùng giáp ranh).

Mới thoạt nhìn thì đề nghị bảy điểm bên này hay bốn điểm bên kia cùng có chung một nội dung như kêu gọi ngưng bắn, đình chỉ xung đột, cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau, khai triển các khu vực,

tổ để giám sát và kiểm soát ngưng bắn. Thật ra, đề nghị trên tuy có chung một vài từ ngữ chính yếu, cũng nhằm đạt tới "mục đích ngưng bắn" nhưng quả tình là những đề nghị của hai quan điểm hoàn toàn đối nghịch. Nhìn ngay đề nghị đầu tiên về lời kêu gọi chung; Phía VNCH quan niệm phải bốn phe ký kết hiệp định cùng phổ biến lời kêu gọi mới có hiệu quả và phản ảnh đúng thực tế quân Bắc Việt đã và đang tham chiến tại miền Nam. Lời kêu gọi chung cũng chỉ được phía VNCH quan niệm như là một bước đầu để tiến tới ngưng bắn chứ không cấu tạo nên ngưng bắn được mà phải đợi lúc khai triển đủ các cơ quan LHQS và UBQT đến các khu vực, tổ để giám sát, kiểm soát ngưng bắn tại mỗi địa phương, lúc ấy ngưng bắn mới có cơ thành hình được. Phía MTGP lại có quan niệm khác hẳn. Theo họ, lời kêu gọi chung chỉ cần do hai bên miền Nam phổ biến kịp thời đến tất cả mọi lực lượng vũ trang, bán vũ trang thì hình trạng ngưng bắn ắt được thực thi toàn diện.

Chỉ mới hai đề nghị cùng chung một thứ tự, một nội dung, nhưng ý hướng của hai bên đã xây dựng trên những cơ sở khác biệt, những quan niệm nghịch chiều toàn diện. Kế đến đề nghị "cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau (của VNCH)" và đề nghị cấp cơ sở ở chiến trường gặp nhau (của MTGP)" thì sự dị biệt đã đến điểm cao không thể nào hòa giải. Đề nghị của phía VNCH được giải thích rõ ràng và chính xác rằng: "Cấp chỉ huy chiến trường phải là cấp sư đoàn vì chỉ có giới chức ở cấp đó mới có đủ quyền hạn, khả năng, phương tiện để "ra lệnh" cho cấp dưới triệt để tuân lệnh ngưng bắn. Vị Tư lệnh sư đoàn mới có chức năng trách nhiệm về lãnh thổ, phối hợp với các Tỉnh trưởng về phân định vùng trú quân cho mỗi bên. Phía MTGP có quan niệm khác hẳn: "Đề nghị hai bên chiến trường gặp nhau ở cấp "cơ sở". Nghĩa là trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, tổ trưởng, và cuối cùng là mỗi chiến sĩ!!" Đoạn đối thoại sau đây của Tướng Hiệp (VNCH) và Tướng tuấn (MTGP) là một "sen" điển hình của hai quan niệm đối nghịch...

Tướng Hiệp:

- Chúng tôi quan niệm rằng cấp sư đoàn trưởng là cấp chỉ huy có đủ thẩm quyền để điều động tại chiến trường cũng như để phối hợp với các binh chủng khác như pháo binh, không quân, tiếp vận. Do đó, chỉ có cấp đó mới có đủ thẩm quyền gặp gỡ cấp bậc tương đương phe bên kia để thực hiện việc ngưng bắn. Theo lập luận của quí vị, thì các cuộc gặp gỡ hai bên chiến trường có thể thực hiện theo cấp sư đoàn cùng cấp cơ sở, vậy yêu cầu quí vị giải thích "cấp cơ sở" là cấp nào?

Tướng Tuấn:
- Cơ sở đó là cấp sư trưởng (sư đoàn trưởng), trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng, trung đội trưởng...
Tướng Hiệp:
- Như vậy dưới trung đội là không còn cơ sở nữa? Chúng tôi muốn hiểu "cơ sở" của quý vị có dừng lại ở cấp trung đội không và dưới nó là tiểu đội trưởng, tổ trưởng không còn là cơ sở nữa; nói một cách cụ thể hơn, cấp trung đội trưởng là cấp cơ sở cuối cùng có quyền ra lệnh và ở dưới phải nghiêm chỉnh thi hành không được đánh phá... Chúng tôi hiểu nghĩa "cơ sở" của quí vị như thế, quí vị có đồng ý không?
Tướng tuấn:
- Cái chữ "cơ sở" có thể hiểu rộng thêm tí nữa, chúng tôi mới tạm ngừng ngang trung đội mà thôi, chứ cơ sở cũng có thế đi tới tiểu đội trưởng, tổ trưởng.
Tướng Hiệp:
- Như vậy tổ trưởng đã hết cấp cơ sở chưa?
Tướng Tuấn:
- Chưa, cái "cơ sở" mà chúng tôi muốn nói đến phải hiểu là "cấp chiến sĩ", vì mỗi chiến sĩ đều nhận một mệnh lệnh, một nhiệm vụ!!
Tướng Hiệp:
- Như vậy đã hoàn toàn hết nghĩa cơ sở chưa?
Tướng Tuấn:
- Như phần mà chúng tôi vừa trình bày, đó là ở phạm vi quân sự, còn về phần chính trị, các cấp cơ sở gặp nhau sẽ là tỉnh trưởng, phía quí vị gặp tỉnh đội trưởng của chúng tôi, quận trưởng gặp huyện đội trưởng và cứ như vậy đi dần xuống đến cấp xã trưởng, ấp trưởng...
Đoạn đối thoại ngắn trên đây đã thực hiện đủ tính chất đối kháng của hai đề nghị dù cùng mang chung một từ ngữ, cùng hướng đến một mục tiêu trên bề mặt, cách xếp đặt trước sau trong thứ tự của các đề nghị này cũng phản ảnh rõ thêm về tính đối nghịch của hai dự kiến.
Phía VNCH hình dung ra một cuộc gặp gỡ giữa hai bên trên cấp sư đoàn theo một diễn tiến gọi là kế hoạch ba bước.
Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ấn định vùng thí điểm, chọn ngày giờ để BLHQS các cấp hai bên ra lệnh cho các đơn vị (trong vùng trách nhiệm được chỉ định) ngưng hẳn tiếng súng, ở nguyên vị trí.
Ban LHQS/TƯ gởi tức khắc một tổ LHQS đến địa điểm được lựa chọn, các thành viên sẽ là sĩ quan cấp đại tá có nhiệm vụ làm trung gian cho vị Tư lệnh sư đoàn gặp nhau lần đầu và chứng kiến cuộc

gặp gỡ đó.
Hai vị Tư lệnh sư đoàn của hai bên sẽ bàn bạc vào các buổi kế tiếp về chi tiết và các biện pháp thi hành ngưng bắn và gìn giữ lâu dài việc ngưng bắn trong vùng lãnh thổ trách nhiệm của mình...
Kế hoạch này chỉ được hình thành khi các tổ, các khu vực đã được phối trí đủ, UBQT cũng đã khai triển đủ bốn thành viên ở các địa điểm ấn định theo nghị định thư. Cuộc gặp gỡ chỉ được thực hiện ở cấp sư đoàn vì chỉ có vị Tư lệnh sư đoàn mới có đủ quyền hạn và khả năng thực thi, phối hợp cuộc ngưng bắn.
Phía MTGP thì lại hình dung cuộc gặp gỡ theo một diễn trình khác:
- Sau khi phổ biến lời kêu gọi chung, hai bên miền Nam đình chỉ tất cả các vụ nổ súng, ở nguyên vị trí, phá bỏ hệ thống phòng thủ mìn bẫy, cấp cơ sở hai bên gặp nhau từ cấp nhỏ đi lần lên cấp lớn để thực hiện ngưng bắn toàn diện, lâu dài.

Tuy cùng mang chung một số từ ngữ như ngưng bắn, đình chỉ xung đột, hai bên gặp nhau trong tinh thần hòa giải, hòa hợp, v.v... Nhưng qua phân tách sơ khởi, ta đã nhận được toàn bộ đối nghịch của hai đề nghị, thế nên phía VNCH đã có những vấn nạn sau đây về đề nghị của MTGP:
- Cấp cơ sở tức là binh nhì của VNCH gặp một du kích địa phương của MTGP, hai người này gặp nhau để làm gì, họ giải quyết được gì và thực hiện ngưng bắn theo phương thức nào?
- Một cuộc gặp gỡ hỗn loạn tràn khắp nơi, không có phương thức gặp gỡ với những người không được chỉ định trách nhiệm tiếp xúc, và quan trọng hơn hết khi không có các Tổ Liên Hợp Quân Sự, các Tổ Ủy Ban Quốc Tế chứng kiến, giám sát, thì ai sẽ là "trọng tài" cho cuộc gặp gỡ đó. Thế nên, VNCH mới đề nghị khai triển gấp với các Tổ, Khu vực/Liên Hợp Quân Sự (Điểm thứ 7 của đề nghị).

Phía MTGP lại có lập luận để giải thích vấn nạn nầy:
- Cấp cơ sở, mỗi chiến sĩ, mỗi cán bộ đều lãnh một nhiệm vụ, một trách nhiệm, họ là người đối mặt với nhau trên chiến trường nay phải để cho gặp nhau trước, tìm hiểu, thăm hỏi, nói với nhau nghe về "đạo lý" của hiệp định để thực hiện và củng cố ngưng bắn một cách cụ thể, xong được cơ sở này thì tiến dần lên cấp trên.
- Phái đoàn Mặt Trận cũng quan niệm VNCH phải áp dụng đủ mười một điều ưu đãi miễn trừ (Quyền tự do đi lại, hội họp, họp báo, treo cờ, v.v...) thì các thành viên MTGP mới có điều kiện để hoạt động.

MTGP cũng luôn thể xác định: Chỉ khai triển các tổ theo phương thức "hai trong, năm ngoài" nghĩa là khai triển hai địa điểm khu vực ở trong vùng VNCH, năm địa điểm ở vùng giáp ranh.

Luận lý và lý luận đối nghịch, cả hai bên thật sự khi đưa ra đề nghị đã không có một hy vọng nào được bên kia đáp ứng. Làm sao MTGP có thể chấp thuận một cuộc gặp gỡ ở cấp sư đoàn khi toàn bộ các sư đoàn cộng sản Bắc Việt đều trấn đóng ở vùng biên giới, ba sư đoàn chủ lực của MTGP (Sư Đoàn CT 5, 7, 9) cũng chỉ bám được một số đất đai thuộc ba tỉnh Tây Ninh, Phước Long, Bình Long dọc theo vùng biên giới. Gặp gỡ ở cấp sư đoàn CSBV là vô hiệu hóa đám cán bộ du kích địa phương, những "cơ sở chính trị" đã cấy vào nông thôn Việt Nam Cộng Hòa nhân cơ hội lực lượng võ trang tổng tấn công Việt Nam Cộng Hòa trong mùa hè 1972. Cuộc gặp gỡ nếu có các Tổ Liên Hợp Quân Sự (Khai triển trong vùng VNCH theo như Nghị Định Thư) đến chứng kiến và giám sát thì làm sao người cộng sản làm nổi bật được cái " ranh giới giữa hai vùng ". Chủ điểm chính của tất cả mọi dự tính của phái đoàn Mặt Trận.

Trái lại, VNCH cũng không thể chấp thuận được đề nghị toàn bộ các cấp cơ sở gặp nhau khi chưa hoàn tất được hệ thống các Tổ, Khu vực LHQS. Vì gặp gỡ trên cấp cơ sở nghĩa là đâu đâu cũng tràn ngập du kích địa phương, cán bộ binh sĩ Cộng sản. Hơn ai hết, các sĩ quan ủy viên trong phái đoàn VNCH phải toàn phần bác bỏ cách thức gặp gỡ tràn ngập này vì họ biết binh sĩ Cộng sản đã được chuẩn bị và huấn luyện rất kỹ, thuần thục các công tác đấu tranh chính trị, xách động quần chúng, binh sĩ Cộng sản có thể tiến tới những vụ cướp chính quyền một vài cơ sở xã, thôn, quận lỵ xa xôi, nhân cơ hội lúc binh sĩ VNCH cả tin vào tinh thần "hòa giải, hòa hợp.."... Tràn ngập, xách động, cướp chính quyền, những diễn tiến tất nhiên trong vận động khuynh đảo của người Cộng sản.

Phía VNCH lẽ tất nhiên phải duy trì những điểm đề nghị của mình, vì khai triển trước các khu vực, tổ, tức là dựng được một hàng rào kiểm soát, giám sát được các cuộc tiếp xúc, điều tra vi phạm.

Mặt Trận Giải Phóng cũng thế; họ phải duy trì yêu cầu VNCH phải áp dụng đủ các quyền "Ưu đãi, miễn trừ để các đoàn đại biểu MTGP sẽ trương cờ trên xe đi từ vùng của MTGP sang đến vùng của VNCH và làm việc tại những vùng tiếp giáp...Nếu hình thành được tình huống này tức là hiện thực trước Ủy Ban Quốc tế, trước nhân dân, trước thế giới thực tế có hai vùng kiểm soát do hai quân đội, hai chính phủ điều khiển ". Quan điểm chiến lược mà MTGP nhất quyết phải thực hiện cho được, bằng tất cả mưu toan, chuẩn bị, lợi dụng mọi tình huống. Từ viên tướng ngồi bàn hội nghị đến gã lính gác cổng ở Lộc Ninh, mà toàn lời nói, luận lý, nỗ lực chỉ cố để làm sáng tỏ thực tế này. Thực tế hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính phủ ở miền

Nam Việt Nam. Những vận động đưa Fidel Castro vào thăm viếng Chủ Tịch Nguyễn Hữu Thọ của Chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, những hình thức trình Ủy Nhiệm Thư ở cấp bậc đại sứ (Algérie, Đông Âu) cũng mục đích hiện thực thêm chứng cớ thực tế của " Chính Phủ " Mặt Trận Giải Phóng.
Lẽ tất nhiên, VNCH phải bác khước thực tế này, trên bàn hội nghị cấp trưởng đoàn hay các tiểu ban, các sĩ quan nghị hội VNCH đều xử dụng luận lý: Một chính phủ phải có những thực tế như đất đai, dân chúng, được quốc tế thừa nhận và hệ thống tiền tệ riêng. Mảnh đất đai rãi rác ở những núi đồi xa xôi của cái gọi là " Chính Phủ Lâm Thời CHMNVN " chỉ gồm một ít dân chúng với tỷ lệ 3% nhân dân miền Nam, xử dụng đồng bạc Việt Nam Cộng Hòa, chỉ được một vài nước ở khối không liên kết công nhận thì làm sao có thể gọi là một chính phủ của một Quốc Gia được. Hơn nữa, từ trang đầu đến trang cuối của Hiệp Định Ba Lê, văn kiện pháp lý quốc tế cũng chỉ gọi Mặt Trận Giải Phóng là một lực lượng đối nghịch cứ không hề công nhận đây là một chính phủ ngang hàng được... Có một từ ngữ nào của hiệp định nói về chính phủ này không? Bằng lập luận dựa trên thực tế, trên văn bản hiệp định, văn kiện pháp lý độc nhất của thế giới xác định vai trò của MTGP, các sĩ quan chuyên viên nghị hội VNCH xử dụng tất cả mọi khía cạnh ưu thế để vạch rõ "thực tế" chính phủ này...
Quan điểm căn bản đối nghịch dẫn dắt tất cả mọi tranh luận đến bế tắc. Từ ngày đầu tiên của giai đoạn hai bên 28-3-1973 qua 13-6-1973 lúc Thông Cáo Chung của Kissinger và Thọ cố kiếm một sức đẩy hai bên miền Nam thi hành hiệp định. Ngày 15-10, Bộ Tư Lệnh tối cao các lực lượng võ trang của MTGP ra mệnh lệnh đánh trả với phương án chỉ đạo:
- " Đánh có miếng đừng gây tiếng..." Mệnh lệnh ngày 15-10-1973 hiện thực cụ thể Nghị Quyết 12R của Trung ương Cục miền Nam, ngụy danh Nghị Quyết 21 của Trung Ương Đảng miền Bắc. Cuối tháng 10-1973 Tướng Hiệp chính thức thay thế Tướng Thuần, nghị hội đi qua một giai đoạn khác: Giai đoạn... Đấu võ mồm!
Sau mệnh lệnh "đánh trả" này 15-10-1973 của Trung Ương Cục miền Nam, tình hình chiến sự trở nên nghiêm trọng cực độ, 20-10-1973 một trung đoàn thuộc sư đoàn 320 cường tập tấn công bức rút trại Lệ Minh, một căn cứ của Biệt động quân ở tây-nam Pleiku. Ngày 4-11-1973 mặt trận Quảng Đức bùng nổ kéo dài trong vòng nửa tháng với quân số tham chiến cấp sư đoàn. Đây là những trận đánh có kích thước lớn nhất kể từ ngày 28-1-1973 hiện thực đúng chủ trương "

đánh có miếng nhưng không gây tiếng ” của mệnh lệnh 15-10-1973. Trong tháng 12-1973 nghị quyết 12-R, ngụy danh chỉ thị của trung ương Đảng, đúc kết toàn thể sách lược chỉ đạo tất cả mọi phạm vi hoạt động trong phương án: “ Cuộc tấn công toàn diện ở miền Nam Việt Nam phải được thực hiện đồng loạt và tràn ngập, liên kết ba mũi, chủ động cả ba mặt, trên khắp ba vùng. Ba mũi là mũi tấn công quân sự, tấn công chính trị, tấn công binh vận; trên ba mặt chính là diện quân sự, diện chính trị, diện ngoại giao; tràn ngập đến khắp ba vùng: Vùng của MTGP, vùng tranh chấp (vùng xôi đậu), vùng VNCH. Đề án được phổ biến rộng rãi đến tận một binh sĩ, mỗi cán bộ để cán binh Cộng sản ra sức học tập, giải thích và hiện thực tối đa ”.
Song song với tình hình chiến trường cùng các hoạt động vi phạm bộc phát nghiêm trọng như thế tại bàn hội nghị, MTGP áp dụng một sách lược tấn công mới, cách thức tấn công mà Đại tá Đóa, Phụ Tá Nghị Hội Trưởng Đoàn VNCH gọi là chính sách “ nhai giây thun, phun nước miếng ”... Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang đồng loạt mở màn chiến dịch đả kích phê phán chính sách của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa trên hai chủ đề ngưng bắn, thảo luận về trao trả. Tài liệu chính mà cấp trưởng phái đoàn MTGP thường xử dụng là bản tin chiến sự của đài phát thanh giải phóng với nội dung là thổi phồng, xuyên tạc các hoạt động của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ vùng I tới vùng IV... Bắt đầu MTGP tố cáo:
- Hoạt động nống lấn, cày ủi của quí vị có mục đích gom dân vào các “khu tập trung” để cướp thóc lúa, tiền của nhân dân; các lực lượng thuộc Sư Đoàn 3 Bộ Binh đã đồng loạt thực hiện ở các xã tây, tây-nam Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn (Vùng đất cực tây và tây-nam của hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín). Xong đến tố cáo Sư Đoàn 2 Bộ Binh hành quân hủy diệt, dội bom đánh phá vùng giải phóng ở tây Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Quảng Ngãi. Đặc biệt ở vùng này Hoàng Anh Tuấn cũng như Võ Đông Giang đều nêu rõ từng danh hiệu các tiểu đoàn bộ binh, địa phương quân, các chi đoàn thiết giáp, chiến xa hành quân, ở những xã thôn, ấp nào. Ví dụ: Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 4 Sư Đoàn 2 bộ binh cùng Tiểu Đoàn 102 Bảo An (Địa Phương quân) có chi đoàn xe bọc thép 1/4 yểm trợ hành quân cày ủi vùng hai xã Phổ Thông, Phổ Đức thuộc huyện Đức Phổ... Sở dĩ trưởng phái đoàn MTGP thường hay chú ý đến vùng đất này cùng các chi tiết rõ ràng vì họ biết Tướng Hiệp vốn là Sư Đoàn Trưởng Sư Đoàn 2 Bộ binh, nguyên Tư Lệnh Thiết giáp, trấn đóng vùng Quảng Ngãi, Quảng Tín trong thời gian dài; Tướng Hiệp cũng từng là Tư Lệnh Biệt Khu Quảng Đà (Quảng Nam, Đà Nẵng) nên rất thông thuộc

từng địa danh, từng đơn vị của vùng này. Trong một phiên họp, Tướng Tuấn quen thói đọc bản văn vi phạm của quân lực VNCH có nhắc tới một xã thuộc quận Hòa Vang (Quảng Nam) sát nách thị xã Đà Nẵng cho rằng VNCH đã xử dụng một lực lượng bộ binh quan trọng cùng phi pháo tấn công, hủy diệt xã này để lùa dân vào "khu tập trung"... Lập tức, Tướng Hiệp phản pháo:

- Toàn thể quận Hòa Vang thuộc tỉnh Quảng Nam nằm sát với thành phố Đà Nẵng, tương tợ như vùng Gò Vấp, Tân Bình với Sài Gòn, từ trước tới nay không hề có một xã thôn nào bị Mặt Trận Giải Phóng kiểm soát được... Hoạt động cộng sản ở vùng này là vài anh du kích đi treo cờ, rải truyền đơn, đặt mìn, ném lựu đạn chớ không thể một đơn vị Cộng sản nào có một hoạt động quân sự khả dĩ để VNCH phải huy động những cuộc hành quân cấp tiểu đoàn... Hơn nữa dân chúng vùng Hòa Vang đa số là đảng viên Đại Việt, một đảng phái quốc gia kỳ cựu đã có những xung đột quyết tử với phe Cộng sản từ mấy mươi năm qua. Vậy, nếu muốn xuyên tạc và tố cáo, trưởng đoàn MTGP nên chọn một địa điểm khác hợp lý hơn với lời tố cáo.

Sau lần "hớ" nêu trên, phái đoàn Cộng sản dời các nơi "vi phạm" thuộc ba tỉnh Nam-Tín-Ngãi vào sâu trong vùng cận sơn cho chắc ăn!

Sau vùng đồng bằng Nam-Tín-Ngãi, MTGP chuyển vi phạm VNCH lên vùng Tây Nguyên; nơi nào họ có hoạt động quân sự, tập trung quân để cường tập, tấn công các căn cứ VNCH và phía bên này điều động lực lượng đến để giải tỏa, thì MTGP lại gọi đó là một hoạt động vi phạm lệnh ngưng bắn! Cấp trưởng phái đoàn MT thường có một phê phán rất hồ đồ ở vùng này:

- Phía quí vị đã tập trung hàng ba, bốn liên đoàn Biệt động quân, hai, ba trung đoàn bộ binh có xe bọc thép, phi cơ, đại pháo yểm trợ để tấn công, hủy diệt các vùng giải phóng "lâu đời" của chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam! Vùng giải phóng "lâu đời" tức là các căn cứ Lệ Minh, Plei Morong vừa bị họ bức rút chiếm cứ và Việt Nam Cộng Hòa tập trung quân phản công chiếm lại. Vi phạm chuyển về phía nam vùng Quảng Đức chung quanh căn cứ Đức Lập, Darksong. Đến vùng III, áp dụng chiến thuật xuyên tạc như cũ, nhưng để tránh khỏi nhàm chán MTGP úp mở tuyên bố: Lực lượng võ trang cách mạng cương quyết đánh trả để giữ vững vùng cách mạng ở đông bắc Trãng Bàng (Hậu Nghĩa) hoặc củng cố vùng cách mạng đánh bật các chốt phía bắc đường 13 mà lính quí vị trấn đóng trái phép. Lập luận này để che tội lấn chiếm ở những xã đông bắc Trãng Bàng, bắc An Lộc nơi mà cán binh CS vừa lập xong được các

chốt sau khi lấn chiếm. Tố cáo chuyển dần xuống vùng IV, qua Long An, Định Tường và kết thúc ở vùng Thất Sơn, Châu Đốc. Xen kẽ trong những tố cáo về vi phạm quân sự, Trưởng Đoàn Mặt Trận Giải Phóng thường chen vào những tố cáo khác như tham nhũng, hiếp dâm, cướp bóc. Áp dụng đúng nguyên tắc vu khống. Một sự vu khống muốn được nghe và tin thì kèm thêm một, hai yếu tố thực tế cụ thể nào đó xong tán rộng ra và nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Điều vu khống kia sẽ đạt đến một cường độ khả thể thấm thấu và óc não của kẻ bị tuyên truyền. Thế nên, khi tố cáo về một đơn vị VNCH ở một vùng với hoạt động rõ ràng có chỉ danh chi tiết, phía MTGP kèm theo đó vài tội vu cáo, như đại đội 2 của tiểu đoàn trên ăn cướp năm mươi con gà của ông Lê Văn Sáu ở ấp 1, xã Phổ Phong, quận... Sau một thời gian, phía CS thấy các tố cáo về ăn cắp, ăn cướp không được ăn khách; họ tăng tội ác lên độ ăn cướp kèm theo giết người và hiếp dâm...

Chủ trương tố cáo trên sở dĩ có, vì phía VNCH trong khi tố cáo lại đối phương thường kết án hành động khủng bố, ám sát, giật mìn của đám cán bộ hạ tầng MT (Theo đúng đề án ba mũi, ba mặt, ba vùng...) bằng dẫn chứng là bản báo cáo các hoạt động khủng bố trong ngày, được Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia đúc kết từ các Đô, Tỉnh, Thị trong toàn quốc lúc 7 giờ sáng mỗi ngày. Bản báo cáo đầy đủ các chi tiết như tên, họ, số lượng người bị bắt cóc tại ấp, xã, quận, tỉnh liên hệ. Những khủng bố quan trọng có hệ thống thường nhằm vào một khu vực, một thành phần đối tượng nào đó sẽ được phía VNCH nghiên cứu và lưu ý để xử dụng làm bằng cớ tố cáo ý định, dự mưu của phía cộng sản... Ví dụ như ở vùng Cai Lậy quả đạn cối 82 ly ngày 9-3-74 gây sát hại làm thương vong hàng gần trăm trẻ em, làm toàn thể nhân dân trong và ngoài nước sững sờ vì một tội ác vượt quá ý niệm, nhưng đối với những ủy viên nghị hội, những người có nhiệm vụ theo dõi, đo lường những vi phạm, khủng bố của Cộng sản thì tội ác trên chỉ là một diễn tiến "hợp lý", một tiến bộ "cụ thể" mà người Cộng sản chắc chắn sẽ thực hiện. Vì quả đạn 82 ly ngày 9-3 vào Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy là "hậu quả" của những "công tác" có hệ thống. Sau đây là một báo cáo điển hình kể từ ngày có thông cáo chung 13-6-73 giữa hai người được giải Nobel Hòa Bình, tại khu vực Cai Lậy. Ngày 20-7-1973 để kỷ niệm ngày ký kết Hiệp Định Genève, phe cộng sản bắn 20 trái 82 ly vào khu đông dân cư phía đông -nam chợ Cai Lậy làm năm đồng bào bị thương vong. Ngày 24-3-73 pháo kích một quả 103 vào xóm Búng, nam quận Cai Lậy "giải phóng" một linh hồn một em bé cùng bốn

đồng bào lớn tuổi khác. Ngày 17-3-1973 đặt mìn phá chiếc cầu tại ba cây số bắc quận lỵ làm cầu hư 70%; ngày 18-9-1973 bắn hai quả B40 vào một chiếc xe be làm hai đồng bào "lao động" lấy củi tử thương tại chỗ. Ngày 8-10-1973 pháo hai hỏa tiễn vào sát hàng rào quận tiêu diệt được một đồng bào, làm bị thương ba người khác. Ngày 18-11-1973 du kích Cộng sản tác xạ ba quả 60 ly vào xã Nhị Quí giải phóng cho sáu đồng bào. Ngày 5-2-1974 pháo năm quả 61 ly vào xã Mỹ Thạnh; ngày 6-2-1974 bắn xe lam trên liên tỉnh lộ 29 nối Cai Lậy (Định Tường) với Kiến Tường diệt gọn ba đồng bào; ngày 9-2-1974 bắn một B40 vào nhà một thường dân ở xã Mỹ Thạnh Trung làm ba em bé của "hàng ngũ Ngụy" bị thương. Ngày 27-2-1974 ném bê-ta vào nhà một thường dân làm hai người bị thương; ngày 4-3-1974 bắn một quả M79 vào đám nông dân ở 7 cây số đông-nam Cai Lậy làm bị thương hai người; ngày 9-3-1974 pháo kích một quả 60 ly vào địa điểm đông dân ba cây số bắc Cai Lậy làm năm thường dân bị thương.... Cùng ngày nầy, "thành công vượt bực" là quả đạn 82 ly rơi vào trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy, song song với thành quả lẫy lừng này là một quả 82 ly khác rớt vào xóm Búng với kết quả "khiêm nhường", chỉ một đồng bào bị thương.

Các vi phạm được ghi nhận, lưu ý, đúc kết dần dần kế tập nên hiện thực tội ác của người Cộng sản. Phía VNCH đã dùng những chứng tích cụ thể này để xây nên luận cứ buộc tội. MTGP lẽ tất nhiên không thể chối bỏ rằng không có các tội vi phạm đó, nên họ lại bày ra một chiến pháp tố cáo khác để đánh lạc hướng, hóa giải lời buộc tội của VNCH... Ví dụ khi phía VNCH tố cáo MTGP vi phạm một vụ khủng bố bắt cóc một trưởng ấp thì họ sẽ dựng lên một vụ giết người quy mô có dự mưu, với mục đích cướp của hiếp dâm... Thường thường "tội ác" của quân đội VNCH phạm bao giờ cũng lớn hơn, nặng nề, nghiêm trọng hơn các vi phạm của du kích Cộng sản!! Nhưng có lẽ vì không liên lạc với các đơn vị địa phương, chẳng có báo cáo chính xác về các hành động phạm pháp của binh sĩ quân lực VNCH trong các cuộc hành quân ở khắp nơi (nếu có)... Phái đoàn MTGP dựng đứng bằng cách ghép các tội ác (tưởng tượng) trên vào với những đơn vị quân đội đang tham dự các cuộc hành quân mà MTGP ghi nhận được (Yếu tố sau này thì trưởng phái đoàn MTGP có tài liệu rất kỹ càng, không những các cuộc hành quân lớn mà ngay các cuộc điều động cấp tiểu đoàn, đại đội ở các địa phương cũng được cán bộ cộng sản ở nơi đó báo cáo về phái đoàn MT). Nhưng trưởng đoàn CS thường lại tỏ ra vụng về trong việc dựng tội ác; vì để tăng cường độ, gây khích động, họ thường "phịa" ra những tội rùng rợn, ghê tởm

như binh sĩ VNCH hiếp dâm tập thể hai bà già sáu mươi tuổi xong bỏ vào bao bố đem ném vào lửa hoặc nồi nước sôi!! Tội ác tưởng chừng chỉ có trong các chuyện cổ tích, chuyện hoang đường về một địa ngục... Tướng Tuấn và Đại Tá Giang của MTGP lại thường hay có những cú "móc" xỏ lá (Khi Tướng Hiệp hướng dẫn đoàn nghị hội) với lập luận sau đây:

- Bản chất của chúng tôi là những người cách mạng(!), hy sinh gian khổ để chiến đấu dành độc lập, tự do cho tổ quốc và nhân dân, trái lại đi ngược lòng dân, giết dân là bản chất của quân đội quí vị. Chúng tôi không phải đến đây để phê phán cái bản chất đó nhưng vì quí vị đã nêu ra nên chúng tôi phải vạch rõ những hành động cướp bóc, hãm hiếp người xong vứt vào lửa để làm trò cười với nhau!! Cách đây ba mươi năm, những tên xâm lược Pháp đã làm gì đối với nhân dân Việt Nam, bây giờ lại được sĩ quan, binh sĩ quí vị tiếp nối...!! Người ta không lạ gì điều này vì quí vị là sản phẩm của quân đội xâm lược Pháp, là lính đánh thuê cho chính sách thực dân mới của Hoa Kỳ!!...

Trưởng đoàn MTGP trong những tố cáo về "tội ác" của quân đội VNCH luôn luôn "ngoéo" cái "móc" xỏ lá này, vì ông Hiệp vốn có tác phong rất "Tây" với râu quai nón, mũi cao, mắt sâu, thoạt nhìn cứ tưởng đó là một "ông Tây" nói tiếng Việt! Nhưng thật sự không phải thế, người là một ông Việt Nam trăm phần trăm với võ nghiệp rất ngất ngư, phong phú mà lý do chính cũng vì dáng dấp ông Tây này đã làm anh em ông Diệm không tin dùng để kẹt ở lon đại úy trên mười năm cấp bậc thực thụ!!! Các anh tướng tá Cộng sản cũng vì tưởng lầm như trên nên lâu lâu cứ đem ông thực dân Tây ra "chọc quê" Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa. Tướng Hiệp không để ý đến điều xỏ xiên này, nhưng Đại Tá Đóa thì không bỏ qua cái tội "bô lô, ba la" cùng những xỏ lá trên, vì ông Đóa là một ông Bắc Kỳ thuộc loại người trời sinh để nói: Để lập ngôn. Nói nhiều, nói độc, nói dài hơn bất cứ đối thủ ăn nói nào. Ông thách đố:

- Nếu quí vị cứ phê phán thì chúng tôi sẽ đáp lễ, quí vị nói dài, chúng tôi sẽ nói dài hơn, nếu cần quí vị hãy đem ghế bố đến đây để nằm nghỉ đợi chúng tôi phát biểu!!

Đối với những tội ác như hiếp dâm bà già, ném người vào lửa, Đại Tá Đóa đã có đòn phản công như sau:

- Chúng tôi lấy làm lạ tại sao quí vị cứ đem chuyện hiếp dâm ra để nói tại bàn hội nghị, những câu chuyện dơ bẩn, hạ đẳng mà chúng tôi thiết tưởng những người có giáo dục bình thường, những người có một chút luân lý tối thiểu sẽ phải hổ thẹn khi đọc lên, khi nhắc đến...

Nhưng ở đây quí vị lại nhắc tới một cách say sưa, mê mãi, phải chăng quí vị bị ẩn ức, bị dồn nén, quí vị muốn hiện thực một tội ác lý tưởng, một hành động ám ảnh nhưng vì không thể làm, không có điều kiện làm nên đã chuyển giao qua cho người khác mà tâm lý học gọi là “transfert de cupabilité...” Và tại sao, và đến nỗi gì binh sĩ, sĩ quan chúng tôi phải làm hành động bỉ ổi dơ dáy đó, chúng tôi có gia đình ở bên cạnh, binh sĩ sau giai đoạn hành quân trở về hậu cứ, ở đó có trại gia binh, hoàn cảnh ép buộc nào để binh sĩ chúng tôi phải phạm đến tội lỗi trên?? Vậy có hiếp dâm hay không là ở phía quí vị, chính quí vị mới có hành động thô bạo dơ bẩn trên bằng những từ ngữ ngụy trang như “ ủng hộ chiến sĩ, tham gia cách mạng, ghi ơn bộ đội...”. Như phía quí vị đã ép buộc các thanh nữ, thiếu phụ vùng Tam Quan, Hoài Ân (Bình Định) hiến thân, gần gũi với cán binh lúc Cộng sản Bắc Việt tạm kiểm soát những vùng trên trong cuộc tổng công kích 1972, hành vi cưỡng ép này được quí vị ngụy danh thành một động tác “ ghi ơn bộ đội!! ” Và hơn ai hết, chính các quí vị ở đây mới là những người đã có hành động đó... (Đại Tá Võ Đông Giang đã từng hiếp dâm một nữ cán bộ lúc y nghỉ dưỡng bệnh sốt rét tại một bệnh xá. (Hồi ký Đường Đi Không Đến - Xuân Vũ). Và đám cán bộ cao cấp của tập đoàn Cộng sản mới là những kẻ không ít thì nhiều có liên quan đến các tội phạm, những bất toàn về tình dục. Tướng Võ Nguyên Giáp cưới con của Đặng Thái Mai, người vợ mà trước kia Giáp bế trên tay và gọi bằng cháu; Lê Duẩn nhờ áp lực Đảng để cưới người vợ trẻ, cô Thoa, một hoa khôi nổi tiếng miền Tây trong thời kháng chiến 1945; Nguyễn Khánh Toàn, đồng chí, đồng hành cùng Hồ Chí Minh đã được Đảng hợp tác cuộc hôn nhân thứ ba lúc Toàn bảy mươi tuổi cùng với một thiếu nữ mười bảy tuổi!!) Đấy, những sự kiện trên mới phản ảnh đúng chính sách, chỉ đạo của Đảng Cộng Sản cùng với ý thức đạo đức mới mẻ, mà trong đó chủ trương “cấy giống” được ngụy danh để thay thế những cuộc hiếp dâm tập thể!! Bầy ra những tội hiếp dâm tập thể xong, phanh thây người chết ra, hoặc hiếp dâm bà già, ném con nít, ông già vào nước sôi (Vùng quê Việt Nam, trong một cuộc hành quân kiếm đâu ra cái chảo lớn đủ để “luộc” được người, hơn nữa trong một cuộc đi càn (ngôn ngữ Cộng sản) lấy đâu ra thì giờ nước, củi đủ nấu một chảo lớn để “luộc” người thật nhiêu khê rắc rối theo như tố cáo của phái đoàn CS!!) Được ba, bốn lần không thấy khích động được đối phương, lại chỉ gây thêm trò cười vì các “tội ác” quá sách vở, quá Quốc văn giáo khoa thư... Và chắc sau khi hội ý kiểm thảo, phái đoàn MTGP cũng nhận thấy rằng tội ác khó “chấp hành” được, có vẻ là bối cảnh của chuyện Phạm

Công - Cúc Hoa, Mục Liên - Thanh Đề nên đồng ý dẹp bỏ. Phía CS xoay theo một phương thức tấn công khác, nhưng " chủ đề hiếp dâm, giết người " vẫn triệt dể khai thác. Lại hiếp dâm, phải chăng cấp trưởng phái đoàn MT nhận được chỉ thị từ Lộc Ninh, phải khai thác cái " te " này trong một thời hạn nào đó, hoặc thấy chủ đề còn hấp dẫn, đầy tính chất sáng tạo?!! MTGP bèn khai thác các phóng sự về hiếp dâm, cướp của của báo chí Sài Gòn, lẽ tất nhiên, phe viết báo Sài gòn (Ngoại trừ cái tòa soạn báo Điện Tín, nơi mùi Cộng sản bốc lên không che dấu, có đăng thơ của Vẹm với những câu như "Ai về đất Quảng, Nhớ ngày Thái Phiên, Ai qua Châu Mộc, Hãy ghé Điện Biên..." Báo ngày 4-2-1974) không thể nghĩ đến lúc MTGP lấy bài viết của mình để đả kích lại chúng tôi với những lập luận như sau:

- Báo chí Sài Gòn, dù bị chính quyền quí vị dọa nạt bưng bít cũng không thể im lặng trước những tội ác mà binh sĩ quí vị " được lệnh " thực hiện trên đầu trên cổ người dân!!

Tội ác được lệnh thi hành theo lời MTGP là tội hiếp dâm hai thôn nữ ở Long Khánh mà một anh nghĩa quân đã phạm sau khi bị thần rượu ám. Những phóng sự của các thông tín viên địa phương thường lại hay thổi phồng hoặc tạo thêm gay cấn sự kiện, (Nghề của chàng, lâu lâu viết một bài, chàng viết cho sướng - Tất nhiên) được các ủy viên tham mưu của phái đoàn CS nghiên cứu, mổ xẻ thêm thắt để biến thành những trường hợp điển hình cho chiến dịch tội ác mà chính phủ VNCH chủ trương cho binh sĩ và cán bộ ở các địa phương thi hành!! Sau hiếp dâm, giết người, MTGP "chấp hành" tối đa các bài báo tố cáo tham nhũng, hối mại quyền thế, họ cũng móc nối các sự kiện này lại chung quanh chiếc trục " chủ trương của VNCH " để chứng minh rằng những hành vi phạm pháp trên phát xuất từ một xã hội, một chính sách bất nhân, mục nát mà phía VNCH cố tình duy trì, khai thác tính chất này trong âm mưu làm tay sai cho chính sách " thực dân mới " của Hoa Kỳ, nghĩa là chủ trương mở rộng vùng kiểm soát, xóa tan thục tế hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng giải phóng!! Tóm lại, là không thi hành đúng tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê, không chủ trương " Hòa Bình, Hòa Giải Dân Tộc!! ". Với một xị rượu đế say sưa, hành động của một anh nghĩa quân làm bậy trong đêm tối dần dà nối kết với tham nhũng của một anh ủy viên hành chánh xã bê bối để cùng nhau phá hoại hiệp định, phá hoại thành quả hòa bình do hiệp định mang lại, hòa bình phe Cộng sản đã kiên cường tranh thủ sau khi đánh bại được nửa triệu quân Mỹ và các nước đánh thuê Nam Triều Tiên, Xiêm La, v.v... Người Cộng sản đã kết hợp những sự kiện này tài giỏi như bà tiên trong chuyện cổ

tích.
Chiến dịch “đọc báo” của MTGP bị Đại Tá Đóa phản công:
- Quí vị đến đây để thương thảo hay để đọc báo? Thương thảo nghĩa là thương lượng, thảo luận các vấn đề do hiệp định quy định, để thực hiện ngưng bắn, thực hiện hòa bình... Chứ đâu phải đem một đống báo ra rồi đọc vanh vách từng bài một?! Báo ấy xuất bản ở Sài Gòn của chúng tôi, chúng tôi đã mua, đã đọc, đã biết, đâu cần quí vị đem tới đây đọc lại, nhưng quí vị còn đọc thiếu, đọc sai, đọc láo!! Sao quí vị không đọc các bài tường thuật vụ Trung Cộng xâm lăng quần đảo Hoàng Sa, sao quí vị không đọc phóng sự du kích quí vị ném lựu đạn tại Ba Xuyên, sao quí vị không đọc bản tin đài BBC nói về vụ thảm sát học sinh ở Cai Lậy?!! Các tội ác này mới là chủ trương sai trái, là âm mưu phá vỡ hiệp định, giết hại nhân dân. Quí vị lại còn xuyên tạc một cách thô bỉ khi thêm vào trong bài báo tố cáo vụ hiếp dâm ở Long Khánh những tình tiết, những sự kiện gây cấn ly kỳ làm như quí vị có mặt ở đó; bài báo chúng tôi cũng có đọc mà không thấy nói đến ác chi tiết như quí vị vừa nêu? Vậy là sao? Là quí vị “ phịa ”, quí vị viết ra cho mình đọc, và đọc để chưởi rủa, la lối kéo dài, đánh lạc hướng nghị hội...
Tướng Hiệp thì phản công theo một chiều hướng khác:
- Chúng tôi lấy làm buồn cười do những dẫn chứng mà quí vị vừa trình bày, tất cả những hành vi xấu mà báo chí VNCH nêu ra chỉ là hành vi riêng rẽ của một vài cá nhân phạm phải, chính phủ chúng tôi xét xử trừng phạt họ theo luật pháp. Những hành vi xấu này sở dĩ được trình bày cũng vì báo chí miền Nam có đủ quyền tự do trong công việc loan tin về những thực tế xã hội, nhân sinh, chứ không phải như thế giới Cộng sản chỉ đầy đặc một loại “ thánh ” không hề có nhược điểm trong một “ thiên đàng ” đỏ máu! Và báo chí Cộng sản thì có được gì, viết được gì, hay tất cả những điều trình bày chỉ là lệnh và theo chỉ thị của Đảng. Quí vị cũng rất thâm độc khi bắt đầu tố cáo thì xử dụng các bài báo có dẫn chứng, nêu rõ lên từng tên người phạm tội, tên các báo chí đăng tải, tiếp theo sau là tố cáo tiểu đoàn này, trung đoàn nọ giết hàng chục người trong những làng xã không nêu danh, trong những quận lỵ không hề được xác định!! Ý đồ thâm độc lộ liễu này chúng tôi đã biết rõ, quí vị đừng hòng lấp liếm, lợi dụng. Sự tàn sát lương dân đích thực, ghê tởm nhất mà dư luận ở Huế hiện đang xôn xao là cuộc tàn sát cả một gia đình gồm chủ nhà, người cha, người mẹ, người con dâu, những đứa trẻ, giết luôn cả người giúp việc cùng con của người giúp việc, giết cả con mèo, con chó, thậm chí con cá vàng trong chậu cũng bị ném ra sân!! Cuộc

tàn sát được thực hiện thật tối đa để gọi là - thành quả tiêu diệt một đơn vị phản động!! ”
Tình hình chiến sự mỗi ngày một căng thẳng, sau Lệ Minh, Đức Lập, Chí Linh, đến Đức Huệ, Tống Lệ Chân, Kontum, Hậu Nghĩa, Định Tường, bộ đội mặt trận nổ súng nhiều hơn, nống lấn (chữ của MTGP) nhiều hơn thì ở bàn hội nghị, trưởng đoàn CS lại đọc báo nhiều hơn và cuộc thảo luận về ngưng bắn chỉ là một tố cáo dằng dặc về giết người, cướp của, hối lộ tham nhũng. Phía MT có một lập luận rất logique trong các tố cáo này:
- Những việc làm xấu xa sai trái này phản ảnh tính chất bế tắc, nô lệ của chính sách Việt Nam Cộng Hòa. Sở dĩ có tình rạng bế tắc hư hại này là vì Mỹ muốn vậy, Mỹ muốn VNCH phải lệ thuộc vào Mỹ; Mỹ muốn VNCH lệ thuộc vào Mỹ để Mỹ sai khiến làm công cụ cho chính sách thực dân kiểu mới..
Bám quanh cái trụ “ thực dân kiểu mới ” này, phái đoàn MTGP quay hướng tất cả mọi tố cáo, tất cả mọi xuyên tạc về mục tiêu cuối cùng: Việt Nam Cộng Hòa phải công nhận thực tế hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính quyền, thực tế của Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam.
Năm 1973 chấm dứt, sắp đến Tết Giáp Dần, cũng là thời hạn một năm hiệp định được ký kết, phía Việt Nam Cộng Hòa tạo điều kiện để khai thông nghị hội qua cửa ngõ tù binh, một vấn đề mà cả hai bên từ trước tới nay đạt được một vài tiến triển. Và mong cuộc trao trả sớm hình thành để tù dân sự của hai bên đoàn tụ với gia đình trong dịp Tết. Tuy cùng đồng ý với ý niệm nhân đạo này nhưng đến khi thảo luận vào chi tiết của vấn đề thì hai bên lại có hai quan điểm đối nghịch. Phía VNCH muốn khai thông toàn thể vấn đề tù binh một cách tổng quát, nghĩa là giải quyết tình trạng của tù binh quân sự VNCH bị bắt ở các mặt trận ngoại biên như Kampuchia, Lào, người bị bắt trước năm 1972... (95% tù quân sự VNCH được thả là những quân nhân bị bắt trong năm 1972, năm cộng sản Bắc Việt tổng công kích tại Nam Việt Nam). Phía MTGP lại quan niệm khác: Vấn đề tù binh chỉ là phần sót lại của kế hoạch trao trả được hai bên thiết lập từ ngày 23-7-73, nghĩa là VNCH trả phần còn lại của 5081 nhân viên dân sự được công bố. MTGP trả số còn lại của danh sách 637 nhân viên dân sự VNCH và 410 nhân viên quân sự ở Đức Nghiệp. Kế hoạch tháng 7-73 này còn có nhiều lợi điểm cho họ, khi nhận được số còn lại của tổng số 5081 (Nhân số cần thiết để bổ sung và quân bình hóa lực lượng hạ tầng bị Cộng sản miền Bắc khuynh loát, tràn ngập). Nếu cuộc trao trả được tiến hành, những vùng đất ở địa điểm

trao trả được gián tiếp công nhận thuộc quyền kiểm soát của họ. Những địa điểm trao trả tù quân sự trước kia như bắc sông Thạch Hãn, Lộc Ninh, Quảng Ngãi, nay được tăng cường thêm ở Đại Lộc (Quảng Nam), Kỳ Quế (Quảng Tín), Võ Định (Kontum), Đức Nghiệp (Pleiku); địa điểm ở vùng cận sơn tỉnh Khánh Hòa; ở bắc Xuyên Mộc (Phước Tuy), U Minh (Kiên Giang), Năm Căn (An Xuyên). MTGP có thâm ý phân tán số tù binh nhỏ nhoi 442 người còn lại (của tổng số loan báo 637, đã trả tại bắc Thạch Hãn 195 người vào tháng 5-1973) đến mười một địa điểm dọc khắp miền Nam để chứng tỏ sự hiện diện và quyền kiểm soát của họ trên nhiều vùng đất. Sự cố gắng này dễ nhận được khi họ thiết lập hai địa điểm ở hai tỉnh sát cạnh nhau như Võ Định (Kontum) và Đức Nghiệp (Pleiku); địa điểm Võ Định chỉ vỏn vẹn có tám người. Cuối cùng cuộc trao trả vẫn không thực hiện được, Tết Giáp Dần đi qua.

Sau Tết, vào đầu tháng 1-1974, vấn đề trao trả lại được khơi lại thêm một lần nữa, dư luận trong và ngoài nước hân hoan đón nhận diễn tiến tốt đẹp của cuộc trao trả, người ta hy vọng rằng cuộc trao trả sẽ gây nên những hệ quả đáng khích lệ khác như thành lập Hội Đồng Hòa giải, ngưng bắn và phân ranh vùng, tổng tuyển cử. Nhiều ước tính và đồn đãi về việc hữu hiệu hóa và hiện thực việc thảo luận ở Hội Nghị Paris vào những công tác khẩn thiết đang được toàn khối nhân dân miền Nam mong ước. Nhưng tất cả cũng chỉ là những hy vọng. Cuộc trao trả đã kết thúc trong thảm hại.

Trong số 410 quân nhân VNCH được dự định trao trả ở Đức Nghiệp, MT đã thiếu đến ba mươi mốt người. Phía Cộng sản giải thích có mười lăm người chết vì những bệnh (!) trước kia và mười sáu người đã lợi dụng sự tử tế của lính canh để bỏ trốn?! Ở những địa điểm trao trả khác phía CS đều có những thiếu hụt như ở Quảng Ngãi trả bảy mươi trên bảy mươi mốt, ở Khánh Hòa trả năm thay vì sáu người được loan báo,Võ Định (Kontum) thiếu hai người trong danh sách tám người... Tỷ lệ thiếu hụt tính chung 12% của mười một địa điểm. Nhưng trầm trọng hơn hết thảy, cán binh Cộng sản đóng tại các chốt dọc đường 13 từ Chơn Thành đến Lộc Ninh (đường bay được xử dụng thường xuyên để liên lạc giữa Sài Gòn và Lộc Ninh để trao trả tù qua nhiều đợt) được lệnh tác xạ vào trực thăng Việt Nam Cộng Hòa từ Lộc Ninh trở về. Cán binh Cộng sản bắn lần thứ nhất (riêng đợt trao trả này, từ 8-2 đến 7-3) vào ngày 26-2-74, lần thứ hai vào ngày 7-3-74 cũng là ngày VNCH đơn phương phóng thích 76 tù binh quân sự cộng sản. Lần tác xạ này đã gây tử thương cho một nhân viên phi hành đoàn trực thăng Chinook CH47. Và mặc dù phía

VNCH vẫn kiên trì duy trì kế hoạch, binh sĩ CS vẫn bắn lại lần thứ hai trong ngày, vào lúc 15giờ 50. Họ vẫn bắn vì lệnh đã ban bố!! Để giải thích cho hành động phi lý bạo ngược này, Tướng Tuấn lại tố ngược rằng chính VNCH đã vi phạm đường bay, thủ tục bay; giải thích tuy ngang ngược nhưng phía CS vẫn không dám thú nhận đã bắn lên máy bay đi trao trả mà chứng cớ hiển nhiên là vết đạn còn ghi trên thân máy bay và xác thân còn nóng của viên Trung sĩ phi hành. Dưới đây là lời chạy tội của Tuấn:

- Trở lại câu chuyện mà quí vị đã dựng đứng lên trong kháng thư gởi ngày 8-7-74, quí vị đã bịa đặt lên một chuyện máy bay Chinook bị bắn trên đường trao trả về... Vì tưởng rằng những điều dựng đứng chung quanh sự việc này khỏa lấp được những vi phạm sai trái từ trước đến nay, chúng tôi đã nhiều lần lên án việc quí vị lợi dụng đường bay, lợi dụng việc trao trả, lợi dụng ký hiệu của Ban Liên Hợp Quân Sự để xử dụng máy bay trong các công tác trinh sát, ném bom, bắn phá vùng kiểm soát của chính phủ cách mạng. Như trong cuộc trao trả vừa qua, bất chấp nhiều lần nhắc nhở của chúng tôi, quí vị đã cho một số máy bay theo sát hành lang của máy bay Ủy Ban Quốc Tế để ném bom vào phía tây đường 13 trong ngày 14-2-74. Ngày 19-2-74 trong một chuyến bay đi Lộc Ninh, quí vị đã có những hành động do thám, khiêu khích trên các chốt của chúng tôi đóng trên đường, sĩ quan liên lạc của chúng tôi trên chuyến bay đã chứng kiến sự kiện và nêu lời cảnh cáo. Ngày 22-2-74 trong cuộc trao trả tại Võ Định, quí vị cũng lợi dụng để cho máy bay trinh sát đánh phá phía tây đường 14, ngày 28-2-74 trong lúc máy bay của Ủy Ban Quốc Tế đi giám sát cuộc trao trả ở Lộc Ninh, quí vị xử dụng những máy bay chiến đấu bay kèm theo để khiêu khích lực lượng dưới đất của chúng tôi, sự kiện được Đại Sứ Iran chứng kiến.

Cuối cùng, Tuấn kết luận:

- Giả dụ nếu có việc máy bay bị bắn hạ, thậm chí không phải để bắn cảnh cáo mà bắn hạ thật thì cũng là một hành động chính đáng vì phía quí vị đã triển khai các hoạt động vũ trang đen tối, quí vị cũng không được phép than thở vì mình đã sai trái.

Nửa nhận, nửa không, Tuấn xử dụng một ngón đòn điển hình của Cộng sản: Không bao giờ xác định một tội ác mà phải ngụy danh dưới những danh từ rất hòa bình, rất hòa giải. Suốt một năm 1973 hàng ngàn phi vụ trực thăng đã được thực hiện dọc đường 13, hình ảnh những binh sĩ Cộng sản đứng dưới đất đưa tay vẫy chào khi máy bay bay qua các chốt của họ là hình ảnh thực tế và quen thuộc đối với các phi hành đoàn trực thăng, các nhân viên trong ban Liên

Hợp Quân Sự 2 bên và Ủy Ban Quốc Tế. Rõ ràng hơn hết, đợt trao trả kể từ ngày 8-2-1974, các phi cơ trực thăng vẫn xử dụng đường bay với cao độ trên dưới năm mươi thước dọc trên đường 13. Vậy lệnh tác xạ cho binh sĩ MT trong những ngày 26-2 và 7-3 là những lệnh mới, những lệnh độc lập, đơn phương gây bạo động.
Tướng Tuấn lại càng vô lý hơn khi tố cáo L-19 vi phạm " vùng trời Đức Nghiệp Pleiku..." Trong cuộc trao trả tại Đức Nghiệp ngày 5-3-1974, tên thiếu tá mặt trận lập lại lời tố cáo này với cá nhân tôi... Chẳng e dè tôi đáp lễ:

- Thế nào là không phận, thế nào là vùng trời? Quí vị trả lời cho chúng tôi biết khoảng cách từ mặt đất trở lên bao nhiêu thì được kể là không phận của một nước? Của một quốc gia?... Quí vị có tính luôn thượng tầng khí quyển không? Quí vị là quốc gia hay sao mà có một không phận riêng? Và vùng trời Đức Nghiệp phải chăng là một đường thẳng góc từ khí quyển thẳng góc với mặt đất tại địa điểm trao trả này, một điểm vô hình đúng với tọa độ ZA4 Và ai xác nhận vùng Đức Nghiệp này là của quí vị? Nghị Định Thư về ngưng bắn có ấn định cấm Việt Nam Cộng Hòa thực hiện những phi vụ huấn luyện, kỹ thuật hay không?... Quí vị nói cho sướng miệng, được bảo sao là nói vậy...Hỏi khắp các cơ quan hàng không thế giới có ai xác định được không phận của một xã hay không?!

Ở địa điểm trao trả tôi chưởi theo kiểu ào ạt như thế, trong buổi sáng 10-3, Đại Tá Đóa lại có một bản văn với nội dung là từng hàng chữ phẫn nộ sắt đá. Bằng một giọng nói uyển chuyển, khắng khít đan từng chữ, chém từng câu, đánh bạt đối phương vào một nỗi ngẫn ngơ choáng váng:

- Trước khi vào chương trình nghị sự, chúng tôi dành ít phút để đề cập đến một sự việc quan trọng vừa xảy ra: Hôm kia (7-3-1974) lúc 12 giờ 20, trong chuyến trao trả thứ nhất, chiếc trực thăng Chinook không võ trang của chúng tôi sau khi đã đưa đến Lộc Ninh 40 nhân viên quân sự của quí vị để trả cho quí vị, trên đường về đã bị lực lượng dưới đất của quí vị bắn lên gây tử thương cho một nhân viên của phi hành đoàn, máy bay bị bắn thủng với dấu vết, tang chứng tồn tại.
- Trước sự quá lộ liễu trắng trợn của hành động thô bạo trên, chúng tôi sẽ làm một công việc vô ích nếu nhấn mạnh lại tính chất nhân đạo mà phi hành đoàn đang thực hiện: Trao trả về cho đối phương những tù binh quân sự bị bắt trên chiến trường. Chúng tôi cũng sẽ tốn công vô ích khi phân tích cho quí vị biết tính chất chuyên môn riêng biệt của phi xuất Chinook để bác bỏ vấn nạn ngụy tạo mà quí vị sẽ dựng

đứng lên: phi hành đoàn đã bay khiêu khích, trinh sát trên các chốt.
- Cũng sẽ vô cùng vô ích, sẽ vô cùng uổng phí để trình bày cùng quí vị những điều hợp lý vì trí não của quí vị không đủ sức chứa những giải thích, vì trí não của quí vị đặc cứng một khối đá căm thù dậy men máu. Chúng tôi chỉ có thể xác định được như thế! Vì những kẻ cầm súng ở dưới đất, chắc chắn không phải vô cớ, không phải vì ngẫu hứng, cũng không phải vì bị khiêu khích nên đã có hành động tàn bạo trên. Kẻ đó phải được chỉ thị từ trước, phải được phối trí để chỉ bắn máy bay từ Lộc Ninh trở về, không bắn máy bay từ Biên Hòa bay đi. Tất cả vụ vi phạm từ trước đến nay chỉ được thực hiện với các máy bay trên đường từ Lộc Ninh về.
- Chúng tôi nhấn mạnh lại điểm này. Hơn thế nữa, quí vị còn biết rõ hơn ai hết, quí vị đã thành công trong công việc làm biến dạng một lớp binh sĩ trẻ tuổi, từ những khối não trong trắng chất phát trở thành những khối óc trống rỗng thiếu trí phán xét, năng lực suy tư để chỉ có thể hành xử theo động tác có điều kiện như một con vật trong thí nghiệm của Pavlov - Binh sĩ của quí vị cũng mất hẳn năng lực phẫn nộ khi chưa được bấm nút! Vậy, phải hiểu rằng động tác của một kẻ nào đó ở dưới đất khi nâng khẩu súng hướng vào trực thăng như vừa kể là một động tác không thuộc về hắn, nhưng đã được hướng dẫn từ một chính sách, từ một đường lối. Chính sách và đường lối máu, đỏ như lá cờ hắn dựng lên trong những " chiến thắng " đẫm mùi thây người, những " chiến thắng " Mậu Thân Huế, Darksong; " chiến thắng " trên chín cây số thịt, da đồng loại của Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng trị!! Chúng tôi quan niệm như thế và chắc rằng đã nghĩ, đã suy diễn đúng từ những tội ác quá hiện thực của quí vị. Quí vị đừng từ chối chính sách đỏ máu đó, vì đó là chính sách cơ bản, là " diện " chiến lược bao phủ lên tất cả mọi đường lối, hành động của quí vị. Chính sách đỏ rực mầu máu đó cũng chính là mầu cờ mà quí vị ngước cao mặt để chào kính mỗi ngày với sự nhủ thầm: Hãy cố gắng để tô thắm thêm ánh đỏ dị kỳ, man rợ... Chính sách đó cũng đầy ắp trong khúc hát mà quí vị đã lập đi lập lại hàng chục ngàn lần trong đời, khúc hát tràn ứ những hình tượng quái đản, kinh khiếp: "Thề phanh thây uống máu quân thù... Đường vinh quang xây xác quân thù...". Quân thù nào trong những ngày tháng này, trên miền Nam này, trong lòng chiếc máy bay đi thực hiện công tác trao trả? Phải chăng quí vị thiếu đối tượng khích động, thiếu thứ thức ăn để dựng tiệc vinh quang nên quí vị đã bắn lên các phương tiện của hòa bình, bắn vào những người đi thực hiện những đạng thức cụ thể cho hòa bình.

- Phải chăng quí vị muốn kiếm một chút thây người kiếm một chút máu đỏ để tô lá cờ thêm thắm, để câu hát được hiện thực đầy đủ như từ ngữ réo gọi?!!
- Chính sách của quí vị, mầu cờ của quí vị, khúc hát của quí vị đang cố tâm đẩy mạnh thực hiện, biến quí vị trở thành những hình tượng siêu đẳng: Hình tượng của những kẻ sát nhân thấp kém, sa đọa nhất của lương tri con người.
- Chúng tôi chấm dứt nơi đây để quí vị trở về suy nghĩ lại, suy nghĩ trên hai chiều hướng, thứ nhất để giải thích tính chất vô lý phi nhân của sự việc, chiều hướng thứ hai để thú nhận sự man rợ quái đản của một chính sách xây dựng trên thây người và máu nóng. Trong đầu tuần tới, chúng tôi yêu cầu quí vị hãy xử dụng phương tiện chuyên chở của chúng tôi để liên lạc với Lộc Ninh và cho chúng tôi biết đơn vị nào, cá nhân nào đã nhúng tay vào việc sát nhân đó và hình phạt nào đã giành cho họ.

Cuộc trao trả đã kết thúc bằng máu đỏ và thây người làm hụt hẫng mất hết cả hy vọng tiến đến những giải tỏa đáng khích lệ để làm nền móng cho hòa bình. Hòa Bình, giấc mộng thê thảm của cả khối dân tộc chìm đắm miệt mài hủy hoại trong hung tai. Cuộc trao trả với kết thúc đau đớn chưa làm tan dư âm của nguồn dư luận vì thấy con đường đến hòa bình bị nghẽn lối, thì đến ngày 9 tháng 3 năm 1974, cán binh Cộng sản trong chiến dịch khủng bố và gây áp lực lên quận Cai Lậy làm đầu cầu cho các cuộc xâm nhập vào tỉnh Định Tường cũng như những trận đánh vào tháng 5 năm 1974 sau này đã bắn một quả đạn 82 ly vào trường tiểu học cộng đồng Cai Lậy gây thương vong cho bốn mươi ba em bé và làm bị thương bảy mươi ba em khác. Tội ác vang động như tia sét nổ bùng trong một ngày quang đãng, như đợt sóng thần vọt lên từ đáy đại dương trong nháy mắt cuốn trôi đi cả thành phố... 43 xác chết trẻ thơ cùng 70 thân thể nhỏ bé co quắp lăn lộn vương vãi trên biển máu đã khiến cho cả thế giới nhân loại ngơ ngẩn: Tội ác vượt quá ý niệm. Tội ác xảy ra ngày 9 tháng 3, mãi đến phiên họp trưởng đoàn ngày 15 tháng 3 phía MTGP mới phát biểu một hai ý kiến liên quan đến. Phải nói chân thật rằng, phái đoàn Cộng sản cũng không thể nghĩ đến một thành quả kinh khiếp như thế đã được cán binh họ thực hiện. Lẽ tất nhiên từ ngày 15-10-1973 khi mệnh lệnh đánh trả được ban bố và vùng Cai Lậy, Định Tường được xem như thí điểm để mở rộng vùng giải phóng ở Quân Khu IV Việt Nam Cộng Hòa (Một quân khu vẫn từ lâu tỷ lệ an ninh rất cao), thì vùng này đã bị 27 lần pháo kích kể đến gày 7-3-1974 mà mục tiêu là Chi Khu Cai Lậy, các đồn bót dọc theo quốc

lộ 4, liên tỉnh 29. Nhưng vì kỹ thuật tác xạ của du kích Cộng sản vốn quá kém cỏi, các dàn phóng 10 ly, 122 ly phần nhiều là tạm thời làm bằng tre, bắn xong bỏ trốn nên các quả đạn 60, 82 ly, các hỏa tiễn 107, 122 ly hầu hết rớt ra ngoài khu đông dân cư. Tỷ dụ như xóm Búng, nam Cai Lậy bị đến hai lần pháo kích (lần thứ nhất vào ngày 24-7-73 và lần hai cùng ngày 9-3-74). Tuy nhiên, thành quả giết người của hai mươi bảy lần pháo kích, khủng bố chỉ đạt được một kết quả khiêm nhường, cao nhất là kết quả ngày 18-11-73, một quả sáu mươi ly rơi vào xã Nhị Quí làm chết sáu người dân... Thế nên, bốn mươi ba xác chết cùng bảy mươi thân thể nhỏ bé bị thương của ngày 9-3-74 cũng làm luôn phía Cộng sản choáng váng. Phái đoàn MTGP im lặng cho đến ngày 15-3-74 mới phát biểu một tố cáo lật lọng:

- Sau khi các chiến dịch vu khống: " Cộng sản chuẩn bị tấn công mùa khô, Cộng sản giật mìn xe đò, bắn vào dân chúng " đã bị phá sản, không giật gân để khích động dư luận nên bây giờ quí vị (VNCH) lại "dựng đứng" lên cái gọi là " Cộng sản pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy ". Vì hiện nay mười bảy tiểu đoàn thuộc các trung đoàn 10 và 11 đang hành quân lấn chiếm khu vực đông bắc lộ 4 (Bắc Cai Lậy), các căn cứ hành quân dã chiến đang tiếp tục điều động những lực lượng cơ hữu để đánh phá hủy diệt xóm làng, pháo kích bừa bãi vào nơi dân chúng. (Luận cứ này không có được một chút hợp lý vì các trung đoàn 10 và 11 thuộc sư đoàn 7 bộ binh đã trấn giữ vùng này hơn mười năm qua, quả đạn rơi vào trường tiểu học Cai Lậy thuộc loại cối 82 ly của Trung Cộng, bộ binh Việt Nam Cộng Hòa chỉ có các loại cối 60, 81; quân đội Cộng sản dùng các loại cối lớn hơn một ly đường kính - 61, 82 - Trung Cộng - mục đích để có thể xử dụng luôn cả đạn 60, 81 ly. Luận cứ này sẽ vô nghĩa đối với những người có đôi chút kiến thức về phối trí các lực lượng quân sự, cách xử dụng hỏa lực của đôi bên.

Tướng Tuấn tiếp:

- Vụ pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy chỉ là một vu cáo để khỏa lấp các vi phạm do quí vị gây nên mà thôi, chúng tôi sẽ điều tra một cách kỹ lưỡng rộng rãi để tìm ra nguyên do đích thực của sự kiện. Quân đội cách mạng không phải mới sinh hôm qua, hôm nay, nhưng đã có hơn ba mươi năm qua, từ dân mà dấy lên, do dân mà chiến đấu nên phía quí vị đừng hòng " dựng đứng " lên tội ác này, tội ác nọ để tố cáo, xuyên tạc được!!

Đầu phiên họp, tướngTuấn đưa ra lập luận trên để chạy tội, cuối phiên họp, Tuấn có thêm một vài yếu tố khác nên đẩy lời chối tội đi

xa hơn bằng cách quy trách nhiệm cho phía VNCH là kẻ chủ mưu của vụ Cai Lậy (?!!) Lời tố cáo ngang ngược lúc này có ý nghĩa khác lời chạy trốn trên, vì ở trên họ cho là Việt Nam Cộng Hòa dựng đứng tức là chuyện không có, chuyện ngụy tạo, không thật... Đến đây, thì Tuấn lại gián tiếp nhìn nhận có vụ thảm sát ở Cai Lậy, nhưng do chính phủ phía VCH chủ trương thực hiện(!!). Tướng tuấn cao giọng:
- Đừng tưởng rằng bằng những giọt nước mắt cá sấu qua sự việc gây thương vong cho " các cháu " (sic) ở Cai Lậy là chứng minh được chủ trương nhân đạo của phía quí vị, là thương trẻ con, vì dân, vì nước... Quí vị đừng tưởng như thế, chỉ là một tưởng tượng " quạ hóa thành công ". Nếu quả thật phía quí vị đau xót sôi sục thì tại sao không triệu tập phiên họp ngay từ ngày 10, 11 mà mãi đến hôm nay, 15-3 mới đưa ra chính thức ở bàn hội nghị. Quí vị đừng tưởng dùng xương máu trẻ em để cố lật ngược đổi trắng thay đen, nhưng bản chất của hai quân đội đã làm cho ai cũng thấy ngay được ai là thủ phạm của tội ác?! Bản chất của lực lượng cách mạng vũ trang giải phóng là chỗ nô lệ mà ra, từ chỗ áp bức đứng lên cầm súng đánh hết đế quốc này đến đế quốc khác... Chúng tôi là những người đứng lên đi đầu trong cuộc đồng khởi để chiến đấu cho độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Khi bảo chúng tôi pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy thì tại sao khi một nhà báo ngoại quốc dù có giấy phếp của Trung Tướng Tổng Cục Chiến Tranh Chính trị của quí vị vẫn không được vào quay phim chụp ảnh ở phạm trường? Phải chăng vì quí vị sợ nhà báo này khám phá ra những dấu vết chứng tích cuộc thảm sát là do phía quí vị đề ra. Lệnh cấm này do Tướng Nghi, Tướng chúa vùng IV đề ra!!
Khốn nạn thật, một tội ác sừng sững cao ngất uất hận như thế mà phía Cộng sản đã xóa sạch không ngượng tay, không run giọng, họ đã không những chỉ xóa sạch tội ác, còn chuyển tội ác đến người khác một cách điệu nghệ trong tỉnh táo ngang ngược đến phi nhân!! Hành động quái đản ngược ngạo này sở dĩ được hiện thực là do bản chất uyển chuyển, tính thích nghi vào tất cả mọi hoàn cảnh của người Cộng sản, nhưng cũng góp phần bởi bản tính thụ động đến độ đáng phẫn nộ của phía chúng ta?! Lệnh cấm vào phạm trường do Tướng Nghi hay do Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường, chúng tôi không rõ được, nhưng quả tình lệnh này đã tạo một lối thoát bằng vàng, đã bắt một chiếc cầu cho kẻ sát nhân chạy trốn. Lệnh cấm quái dị phi lý nầy đã như một tấm màn che kín vũng máu oan khiên của thân xác trẻ nhỏ. Người đứng ngoài, dư luận trong và ngoài nước trong giây phút xúc động đầu tiên, lòng chùng xuống ở trạng thái dễ bị khích

động lôi cuốn nhất, nên bỏ qua rất dễ dàng sự trốn chạy ngang ngược lếu láo của kẻ sát nhân lại được một màn hỏa mù do phía chúng ta ném ra. Phải chăng Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường muốn " che " luôn tội ác của địch để chứng tỏ địa phương an ninh, địa phương ta kiểm soát được 100% dân cư, đất đai, trong viễn tượng bắt thêm một sao kỳ thăng thưởng 1-4-74 sắp tới, cũng như muốn lấy lại một chút điểm với " Mặt Trời " (1) sau vụ bê bối hàng lậu phát xuất từ Định Tường bị bắt ở Long An?! Nhưng dù bởi lý do nào đi chăng nữa lệnh cấm thông tín viên ngoại quốc và trong nước vào phạm trường buổi chiều ngày 9-3 cũng như sáng ngày 10 đã tạo một đường thoát thân cho kẻ địch ở tình thế sinh tử!!

Sau này, anh tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường còn làm thêm một màn rất huê dạng nữa; tổ chức một cuộc biểu tình phản đối Ủy Ban Quốc Tế khi cơ quan này xuống điều tra vụ thảm sát!! Và vì không kiểm soát nổi các em học sinh, nên có một, hai em đã vô ý thức ném đá vào phái đoàn điều tra. Tên sĩ quan liên lạc của MTGP lấy cớ địa phương không bảo đảm an ninh xúi dục anh Ba Lan, Hung Gia Lợi chấm dứt cuộc điều tra. Đau khổ hơn hết thảy, thành viên Nam Dương kẻ chống Cộng tích cực nhất của ủy ban cũng là một nạn nhân của vụ ném đá?! Sự kiện làm ngã ngửa cả Ban Liên Hợp chúng tôi; yêu cầu được Ủy Ban Quốc Tế đi điều tra với đủ bốn thành viên là một " thành công " đặc biệt, thế mà khi cuộc điều ra đang tiến hành với những kết quả rất có lợi cho Việt Nam Cộng Hòa thì xảy ra vụ ném đá?! Anh Tỉnh trưởng này muốn gì? Tất cả mọi người đều lắc đầu ngao ngán, phải chăng Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường là một tay nằm vùng có nhiệm vụ vẽ đường cho giặc chạy? Phải chăng anh ta thiếu những lý trí tối thiểu để làm một người trưởng thành hay anh ta mắc bệnh " đần "?!! Tôi không nói quá lời, vì vụ ném đá đã khiến cho phái đoàn MTGP ở bàn hội nghị xoa tay hoan hỉ, họ mạnh dạn, hân hoan tố cáo:

- Quí vị đến bây giờ thì đã biết ai gây tội ác ở trường tiểu học Cai Lậy chưa? Nếu là chúng tôi sao ở đó lại tổ chức biểu tình ngăn cản, ném đá vào Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra, phải chăng họ " sợ " Ủy Ban tìm ra vết tích thủ phạm...

Căm hận quá, tôi ngồi ở phòng quan sát viên ghi lời Tuấn phát biểu, tay run rẩy không viết được thành dòng, căn phòng lạnh phút chốc như hầm kín, tưởng như ai đang siết chặt hơi thở, có ai đang đốt lên trong tôi ngọn lửa phẫn nộ đến nổ bùng!! Có lẽ đây là lý do để giải thích tại sao phe ta mạnh, lính ta can trường, chính nghĩa ta rực rỡ, nhân dân đã quá ê chề với Cộng sản thế mà ta vẫn phải thua cuộc

với Cộng ?! Tại sao ta chưa thắng ? Phải, chỉ vì còn những người như tên Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường cùng cộng đồng của hắn ta!! Nhưng, dù được phe ta tiếp tay, dù bản chất lưu manh tráo trở, lời chối tội của Trưởng đoàn MT cũng không gây được một tác động nhỏ nhoi nào ở bàn hội nghị vì tội ác quá lớn, tội ác đã vượt lên trên mọi bạo ngược, lột trần tất cả bản chất hung tàn bạo động của một chủ trương xây dựng lý thuyết trên thây người và máu nóng. Thân xác của các em học sinh như một khối sáng bão bùng rọi chiếu đến mọi hóc hẻm của địa ngục dựng nên bởi người cộng sản. Không những Tuấn, Giang mà chắc cả Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng cũng phải bó tay bất động trước tội ác thảm sát kinh khủng này... Để đối lại với lời chạy tội của Tướng Tuấn, Tướng Hiệp trong gần ba mươi phút tuyên đọc một văn bản hàm xúc kiểm điểm tất cả mọi tội ác của phía Cộng sản trong tuần lễ qua, từ những việc giết người ngang ngược như bắn lên máy bay đi trao trả, đến việc giết người không duyên cớ như ở chùa Tam Sóc (Ba Xuyên), và đỉnh cao của kỹ thuật giết người là trăm thân xác của đám trẻ nhỏ trường Cai Lậy. Tướng Hiệp phủ lên bàn hội nghị một không khí u uẩn khiến đối phương dù bản chất ngoan cường cứng cỏi cũng phải lặng người chịu đựng...

Tướng Hiệp nói:

- Trước khi đi vào đề mục ngưng bắn, vì Thiếu Tướng Tuấn đã dành một vài phút để nói lên những sự việc ngoài lề, chúng tôi nhận thấy không cần phải trả lời, nhưng vì quí vị đã nhắc đến sự kiện máy bay Chinook của chúng tôi bị bắn hạ trên đường trao trả trở về mà hậu quả đã làm cho một nhân viên phi hành đoàn tử thương... Chúng tôi suy diễn từ trình bày của quí vị theo hai chiều hướng: Chiều hướng thứ nhất là: Phải chăng quí vị đã thú nhận sự vi phạm của mình nên đặt vấn đề tại bàn hội nghị để hai bên thảo luận những biện pháp ngăn ngừa những sự kiện đáng tiếc tương tự xảy ra trong tương lai. Hoặc quí vị nêu sự kiện để tố cáo ngược lại hầu tìm cách chạy tội.

- Qua kinh nghiệm đã có của gần hai năm nghị hội, chúng tôi có thể khẳng định rằng quí vị không có, hoặc nếu có cũng không có quyền để sửa sai, thú nhận vì tầng lớp chỉ đạo của quí vị không cho phép. Thế nên, chúng tôi quan niệm rằng những lời của quí vị vừa trình bày chỉ là một luận cứ chạy tội không hơn không kém, và như thế chúng tôi không hề có ảnh hưởng, tác động bởi những chối bỏ hèn hạ này. Chúng tôi trả lại tất cả mọi luận cứ hèn mạt trên lại cho phía quí vị. Muộn mất rồi, toàn dân đã biết rõ, thế giới đã biết rõ, nhân dân đang lên án, thế giới cũng đã vô cùng xúc động và nguyền rủa quí vị trong

những ngày qua. Quí vị đừng bày điều lấp liếm ở đây làm gì cho vô ích.

- Quí vị tự dành quyền phản đối, bày tỏ thái độ dùm cho Cộng sản Bắc Việt, bày trò tố ngược chúng tôi trong thảm cảnh Cai Lậy. Bởi vậy, chúng tôi không lẽ bỏ qua mà không đáp lễ, dù phải đáp lễ với những kẻ hèn không dám nhận lỗi, phải đáp lễ với những đại diện của phường lang thú, uống máu trẻ thơ vô tội. Chúng tôi muốn dạy cho loài dã thú biết rằng loài người có thể uốn nắn được loài thú dữ, ít nhất là uốn nắn nó để đem đi múa rối làm hề, diễn xiếc cho thiên hạ mua vui. Trong ý hướng muốn làm theo các nhà dạy thú dữ đó, tôi sẽ từ từ đưa ra một cách từ tốn các sự việc, việc nhỏ rồi việc lớn. Thiếu Tướng đừng hung hãn: Hung hãn sẽ bị trừng phạt bằng mọi biện pháp do chính nhân dân miền Nam áp dụng. Để bắt đầu, kiểm điểm lại một vài sự kiện đặc thù của tình hình chung như sau: Đối với nhân dân miền Nam, tuần lễ vừa qua là những ngày ngập tràn máu và nước mắt. Nhưng đối với những tên Cộng sản đầu sỏ điên rồ đang ngồi tại Hà Nội hay tại mật khu miền Nam thì trái lại đó là những ngày khoái chí hả dạ. Ai cũng đã biết, Cộng sản Bắc Việt đã dùng mọi thủ đoạn gian manh để đánh lừa thế giới tưởng rằng miền Nam Việt Nam này còn có một chính phủ của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng song song với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Cộng sản Bắc Việt đã thậm thụt vận động hòng dắt díu cái tổ chức gọi là MTGP này vào bàn hội nghị quốc tế về Luật Nhân Đạo tại Genève. Nhưng rút cuộc, dù Cộng sản Bắc Việt có eo sèo dọa dẫm, các quốc gia trên thế giới đã dứt khoát gạt đại diện của quí vị ra ngoài phòng hội. Bị tổ chức nhân đạo của loài người gạt ra ngoài nên quí vị trả thù " nhân đạo " bằng việc bắn máy bay đi làm công tác nhân đạo, dù là làm việc nhân đạo cho chính mình. Rồi cũng trong ngày này, hành động ác độc trả thù lòng nhân đạo khác nữa cũng được quí vị thực hiện thêm một lần nữa. Đó là việc quân du kích phía quí vị nhẫn tâm tung lựu đạn vào Chùa Tam Sóc ở xã Thuận Hòa (Ba Xuyên), bắn xối xả vào đám dân thiểu số người Thượng đang đi làm rẫy tại Phú bổn, ám sát một nhân sĩ tại Mỹ Hòa (Bình Định)... Chỉ một ngày 7-3-74 đó thôi đã có năm hành động nhằm trực tiếp vào những thường dân vô tội mà lòng nhân đạo của loài người bảo vệ. Tại Chùa Tam Sóc (Ba Xuyên) cảnh tượng đã diễn ra vô cùng ghê rợn, chốn tôn nghiêm giảng truyền lòng nhân ái đã biến thành chốn sát sinh khủng khiếp với mười một tín đồ mộ đạo bị chết không toàn thây và ba mươi tín đồ khác bị thương tích trầm trọng. Họ là những tín đồ tin tưởng vào giá trị của lòng từ bi nhân ái và đã bị bọn người khát máu là Cộng

sản phi nhân giết hại. Chưa hết, sự tàn ác phi nhân còn được Cộng sản Bắc Việt và quí vị đẩy cao đến tột đỉnh như sự điên loạn. Đó là việc xử dụng vũ khí tân tiến để sát hại đồng loạt các trẻ thơ, sự kiện đã xảy ra như tin tức truyền thông trong mấy ngày nay. Chẳng hạn một cơ quan thông tấn ngoại quốc, đài BBC Luân Đôn đã kể lại lúc 22 giờ 15 phút ngày 9-3-1974 như sau: " Tại Nam Việt Nam hai mươi ba trẻ em từ năm tới mười một tuổi đã bị tử thương và khoảng bốn mươi em khác bị thương khi một đạn bích kích pháo của Cộng sản rơi vào một ngôi trường tại Cai Lậy cách Sài Gòn sáu mươi lăm cây số về hướng tây-nam. Nhưng tin cuối cùng cho hay, con số tử thương có lẽ lên tới bốn mươi, có thêm một giáo chức và một người lớn khác bị thương. Đạn bích kích pháo nổ tung trong khi các em nhỏ xếp hàng vào lớp học... Các viên chức quân đội xác nhận mảnh đạn cho thấy đó là loại đạn do Trung Cộng chế tạo và do Bắc Việt nhận để xử dụng trong hiện tại cũng như ở quá khứ ". Bản tin chúng tôi trích đọc là tiếng nói khách quan của các hảng thông tấn ngoại quốc và chỉ là tin tức sơ khởi, nhưng tính cách trung trực khách quan cũng giúp quí vị hiểu rằng, hành động tàn ác của quân đội Cộng sản Bắc Việt xâm lược đã gây ra đang được nhân dân miền Nam và toàn thế giới đã ghi nhận để phỉ nhổ. Cộng sản Bắc Việt khác với những vụ pháo kích vi phạm ngưng bắn trước đây thường chỉ xảy ra vào đêm tối, lần này đã chọn ban ngày, đúng lúc các em học sinh trường tiểu học cộng đồng Cai Lậy đang có mặt trên sân trường để hành động. Với một sĩ số trên 4.600 học sinh, lúc 14 giờ 15 phút là thời gian đổi lớp học, các em một số đã mãn giờ bắt đầu ra về, lớp khác đang chơi đùa trên sân chờ giờ vào lớp, thì chỉ cần một quả 82 ly thôi đã có hiệu quả biến tiếng cười reo thơ dại phút chốc trở thành những tiếng rú khóc thê lương, những cái chết đột ngột. Những trẻ thơ đang hò reo, đùa giỡn bỗng nhiên từ từ quỵ xuống nằm sóng sượt trên vũng máu, thịt xương nát bấy không kịp nhắm mắt trước khi trút hơi thở cuối cùng, bỏ cuộc sống. Thật là một sự tính toán kỳ diệu trong nghệ thuật giết người của những kẻ đang ngồi ở Hà Nội, ở Lộc Ninh, ở Đông Hà và cũng chính là quí vị, những người đang đối diện với chúng tôi tại bàn hội nghị này. Quí vị hãy gục mặt xuống trước khung cảnh thê lương đó nếu còn có chút lương tri, một chút lương tri nhỏ trước tội ác không thể dung tha của những người mà quí vị đang đại diện. Nhưng thôi, hãy để cho những kẻ đang say máu trẻ thơ reo vui trên đau khổ của lương dân.

- Phần quí vị, những người ngồi đây một cách yên lành, nếu có được đôi mắt, đôi tai khá tự do để thấy và nghe tất cả sự thật, hãy

gác ra ngoài những tính toán bỉ ổi của thủ đoạn, chủ trương, chính sách, để hãy cùng chúng tôi nhìn đến bốn mươi ba em bé đang đi vào lòng đất, nhìn đến hàng chục em bé khác đang quằn quại rên xiết đau thương trên giường bệnh trước sự chứng kiến đứt ruột của cha mẹ, anh chị chúng. Để chia sớt những khổ đau của gia đình lâm nạn này, để thương xót cho những tâm hồn thơ dại, mới hôm nào còn tung tăng đùa giỡn trên sân trường hôm nay đã trở thành người thiên cổ, chúng ta hãy ngưng lại đây năm, ba giây trong yên lặng để tưởng niệm các oan hồn trong trắng đó... (Tướng Hiệp tạm ngừng lời phát biểu để toàn thể phòng hội tưởng niệm những oan hồn học sinh bé nhỏ đã chết do đạn pháo kích của Mặt Trận Giải Phóng... Sự im lặng chỉ mới được hai mươi lăm giây thì Trưởng Đoàn MTGP phá ngang bằng câu hỏi: " Chuẩn Tướng đã dứt lời chưa...? ". Chuẩn Tướng Hiệp yêu cầu Tướng Tuấn phải tôn trọng giây phút tưởng niệm thiêng liêng, bi thảm này...)

Chuẩn Tướng Hiệp tiếp:

- Những trẻ thơ đó, hàng trăm mái đầu xanh đó là con em của chúng ta, những người Việt Nam, chúng không có tội tình gì để gánh một hình phạt bằng những mảnh đạn ghim vào mình kết liễu sự sống ngắn ngủi!... Vậy phải chăng căn nhà ấm cúng bên cạnh ba má anh chị các em sinh sống, hay ngôi trường xinh xắn và khoáng đạt mà ngày ngày chúng lui tới học tập là những vùng " kiểm soát " của quí vị mà chúng lấn chiếm? Trí khôn thơ ngây, nụ cười tươi tắn của chúng phải chăng là " phản ảnh những âm mưu thâm hiểm " đáng cho quí vị phải tiêu diệt? Phải chăng tiếng ê a đánh vần của trẻ thơ là những tiếng nói đụng chạm đến uy danh của người cầm đầu phía Mặt Trận Giải Phóng, những bài học các em đọc lên ở trường học phải chăng quí vị cho đó là những lời nguyền rủa " trái với tinh thần hiệp định " mà quí vị là người đã phải ngồi vào ký kết, nên quí vị quay lại trả thù vì cho rằng chính các em nhỏ đang đọc bài đó đã " vi phạm tinh thần và lời văn hiệp định ". Nhân dân miền Nam đã không quan niệm như thế. Đó là quan niệm của những người điên cuồng mất trí. Bởi không quan niệm như thế, nên nhân dân miền Nam cũng như khắp nơi trên thế giới đang lần lượt bày tỏ thái độ lên án hành động giết hại trẻ thơ vô tội này. Quí vị sẽ nghĩ thế nào nếu như bất chợt có người đưa hung tin con cái do quí vị đẻ ra chết một cách bất ngờ lúc đang đi học. Quí vị có chút xúc động nào không nếu chứng kiến cảnh hàng chục trẻ thơ nằm sóng xoài la liệt, có đứa không toàn thây, chết thảm trên vũng máu tại sân trường sau những giây phút cười đùa với bạn bè vừa dứt. Hãy hồi tâm để cho lòng mình lắng xuống, nghĩ đến

tình trạng khổ đau của hàng trăm gia đình có con em chết vì đạn pháo kích của người quí vị tại trường tiểu học Cai Lậy. Hãy lắng nghe tiếng nguyền rủa, phỉ nhổ và oán hận của nhân dân Cai Lậy trong ngày 9-3-74 vừa qua. Hãy từ bỏ những ngôn ngữ rỗng tuếch huênh hoang về thiện chí ngưng bắn, trong khi tiếp tục bào chữa khỏa lấp tội lỗi tầy trời của những tên Cộng sản khát máu dân lành để cố tình đồng lõa với tội ác.

Phải nói rõ thêm một chi tiết, những lời tuyên cáo này do Cao Xuân Hiệp - Đại Úy - viết theo chỉ thị, ý kiến của Tướng Hiệp. Chúng tôi gọi hai người là Hiệp lớn và Hiệp nhỏ. Hiệp " nhỏ " nhỏ người, tướng gầy ốm, tất cả năng lực và sức mạnh của Hiệp toát lên trên đôi mắt đen thẩm và sáng loáng, Hiệp người dân Nghệ An quê hương vùng Hồ Chí Minh, có thân nhân là những tay kiệt liệt. Với một " cơ sở " gia đình, quê hương như thế, ngày đi Hà Nội, Hiệp " vờn " cán bộ Cộng sản tại thủ đô miền Bắc dễ dàng như trò chơi, những huyền thoại về Hồ Chí Minh, những thêu dệt, bịa đặt chung quanh căn nhà tranh, nơi họ Hồ khai sinh được Hiệp bào láng từng chi tiết, từng sự kiện. Hiệp kể chuyện Nghệ An, chiếc nôi cách mạng Việt Nam, Hiệp trình bày diễn tiến, lý do và hậu quả Sô-Viết Nghệ An 1930, Hiệp cũng nhắc lại cuộc " Kháng chiến chống Tây ". Hiệp đi quá đủ nên biết quá nhiều, quá thừa, giữa lòng thủ đô miền Bắc, Hiệp với thân hình bé nhỏ đã có vóc dáng vĩ đại của một hiệp sĩ mang thân vào chốn hận thù để đốt lên ngọn lửa và niềm tin về tự do. Với một cơ sở vững chắc như thế, cộng với một thiện chí làm việc khốc liệt, Hiệp đã viết bản văn trên với ba mươi trang giấy lớn trong một đêm để sáng mai Tướng Hiệp đưa ra bàn hội nghị. Bản văn chấm dứt, phiên họp chấm dứt, đồng thời cũng chấm dứt tất cả huyền thoại dân tộc, dân chủ, của người Cộng sản, cũng tan vỡ luôn hy vọng hòa giải, hòa hợp với những kẻ giết người.

Vụ pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy như giọt nước làm tràn ly, tình hình trở nên ngột ngạt, căng thẳng và bế tắc trầm trọng. Liên tiếp các phiên họp ngày 8, 12 tháng 3 bị bỏ dỡ; phiên họp ngày 15-3, Trưởng Đoàn VNCH đọc tuyên cáo bản văn trên, không thảo luận vào đề mục của chương trình nghị sự là ngưng bắn. Gần cuối tháng Ba, vào ngày 22, phái đoàn MTGP tại La Celle Saint Cloud đưa ra một đề nghị sáu điểm có nội dung như sau:

1 - Chấm dứt tiếng súng, thực hiện ngưng bắn. Hai bên Bộ Tư Lệnh tối cao ở miền Nam cùng ra lời kêu gọi chung một nội dung, kêu gọi các cấp chính quyền, các đơn vị, lực lượng võ trang cảnh sát dưới quyền triệt để tôn trọng ngưng bắn.

2 - Trao trả hết số Nhân Viên Quân sự và Dân sự gồm 200.000 của phía MTGP và của lực lượng thứ ba, 15.000 NVQS/CS bị bắt trước 28-1-73.

3 - Bảo đảm các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

4 - Nhanh chóng thành lập Hội Đồng Quốc Gia hòa hợp, hòa giải dân tộc, thừa nhận thực tế hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị, chậm nhất là ba tháng sau lời kêu gọi chung.

5 - Tiến hành tổng tuyển cử trong tự do, dân chủ, chậm nhất là một năm sau khi hội đồng thành lập, thông qua tổng tuyển cử nhân dân bầu ra quốc hội, quốc hội lập ra hiến pháp, tiến tới thành lập chính phủ miền Nam Việt Nam.

6 - Giải quyết vấn đề các lực lượng võ trang, hai bên giảm quân số thích đáng, phục viên số quân này. Tiến tới việc thành lập một quân đội thống nhất.

Sáu điểm đề nghị này cũng như các điểm đề nghị trước chỉ là một cái bẫy giăng ra với phần chủ động phía người đề nghị. Phía đề nghị đã trình bày các vấn đề theo những từ ngữ và thứ tự thực hiện theo chủ đích: Quy trách hết trách nhiệm, phần sai trái về cho đối phương. Ví dụ như đề nghị 1, phái đoàn Mặt Trận trình bày đề nghị với nội dung: " Kêu gọi các lực lượng võ trang, cảnh sát dưới quyền..." Câu văn này nếu được thi hành thì chỉ nhằm vào phía VNCH, vì chỉ chúng ta mới có lực lượng cảnh sát, cũng như cố ý đặt ra ngoài kiểm soát của hai bên miền Nam (Nếu thực hiện theo đề nghị) hệ thống Đảng ủy rất tinh vi, hữu hiệu của phía Cộng sản. Các đề nghị sau cũng có nội dung chứa những ý tưởng tương tự, nhất là ở đề nghị 4 và 5 về việc thành lập hội đồng hòa giải và tổng tuyển cử. Phía MTGP quy trách hoàn toàn cho VNCH về những bế tắc của tình hình hiện tại: Chỉ vì VNCH không chấp nhận thực tế hai chính phủ, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị, cũng như hạn chế sự thực hiện các cơ cấu quan yếu (Thành lập hội đồng, tổng tuyển cử...) để trì hoãn việc thực hiện hiệp định theo phương thức MTGP đề ra. Tại Ban Liên Hợp Quân Sự, đúng tác phong của những quân nhân, bằng một " cú " phản công dứt điểm. Đại Tá Đóa phê điểm đề nghị này thẳng thừng không thương tiếc:

- Trước khi vạch rõ tính chất man trá sáu điểm đề nghị của quí vị, chúng tôi cần nói trước rằng, những đề nghị này chỉ là một món hàng giả mạo, vì là một món hàng giả nên quí vị cố sức bán rao, quảng cáo; rồi đến khi không được đối phương chấp nhận lại lấy đó là cớ để tấn công phê phán. Hành động này tương tự như hình ảnh một

mụ bán hàng đi bán một món hàng giả. Mụ ta thoạt tiên đi cùng khắp để rao hàng với những lời lẽ xảo trá: “ Quí ông, quí bà hãy mua hàng tôi vì hàng tôi tốt, hàng tôi mới, hàng tôi đáp ứng với nhu cầu của quí ông, quí bà..”. Nhưng đến khi không thấy ai chú ý đến lời rao của mình (Do đã biết tính chất gian manh trí trá củ mụ là chuyên bán hàng giả) thì mụ ta chột dạ, bỏ quăng gánh xuống xong, chống đòn gánh xuống đường lồng lộn tru tréo: “ Tại sao các ông, các bà không mua hàng tôi, hàng tôi tốt như thế này đẹp như thế kia mà các ông các bà bảo là xấu, là giả!!! ”... Phản ứng của quí vị khi bị chúng tôi vạch trần tính chất gian trá của đề nghị sáu điểm cũng lố bịch tương tự như mụ bán hàng giả kia..

Sáu điểm đề nghị này sau một vài ngày gây xôn xao đã bị tiếng súng của những trận đánh ở đông-bắc Kontum, Đức Huệ (Hậu Nghĩa), căn cứ Chí Linh (Trên quốc lộ 14 đông bắc Chơn Thành, Bình Long)... lấn át. Thoạt tiên, dư luận khắp nơi, những dư luận tốt đẹp và hy vọng, dư luận tội nghiệp mong ước hòa bình và sợ hãi chiến tranh nghĩ rằng những trận đánh trên chỉ là cơn sốt vỡ da báo hiệu cho hòa bình, dù là hòa bình què quặt, cuối mùa. Và hình như khắp cùng thế giới chẳng ai muốn có chiến tranh, không ai muốn nghe đến sự chết bởi đã cạn đáy tuyệt vọng. Cũng là thái độ bi thiết của những người khốn khổ luôn mong ước hòa bình. Hòa bình đến bằng máu, thây người và nước mắt. Trong tình trạng thê thảm của những ngày súng đạn ngang trái này, những người Việt càng không muốn vuột mất giấc mơ hòa bình, giấc mơ đau đớn kết tinh bởi thống khổ vô bờ nên mọi người phải nhìn các trận đánh như dấu hiệu của hòa bình. Lưỡi dao tàn nhẫn cấp thiết cắt đứt phần thân thể bị ung thư. Nhưng tất cả vẫn chỉ là giấc mơ, tiếng súng Kontum, Đức Huệ, Chí Linh chưa dứt thì được “ bồi dưỡng ” thêm hơi khói của Tống Lệ Chân -Tống Lệ Chân - điểm nổ cao nhất của chiến tranh “ hậu hòa bình ”. Căn cứ bị vây từ mùa hè 1972 lúc An Lộc bắt đầu đỏ lửa đến nay vừa đúng hai năm. Hai năm bị vây hãm, tưởng như không có trong chiến sử hiện đại, thời đại của chiến tranh chớp nhoáng, chiến tranh kỹ thuật, chiến tranh khoa học và không gian. Một căn cứ chiều dài không quá trăm thước đứng vững trong hai năm hay hơn bảy trăm ngày bị vây khổn trong một tình thế cực kỳ quái dị, tình trạng của “ chiến tranh trong hòa bình ”. Bỏ đi thời gian từ tháng 4-72 đến 28-1-73, ngày hiệp định ký kết, suốt năm 73, Tống Lệ Chân như một quả bóng thăm dò của Hòa bình, như một nhiệt kế đo độ chiến tranh của tình trạng “ hòa hợp hòa giải ”. Tống Lệ Chân nút thoát hơi, ống thở, mạch máu chính của thành quả rất mong manh yếu ớt do hiệp

định mang tới. Ngày 14-4-74 căn cứ Tống Lệ Chân bị tràn ngập... Quả bóng an toàn của hiệp định vỡ bùng, giấc mơ hòa bình phai nhòa như ảo giác!!
Hội nghị không còn là nơi thảo luận các điều khoản của hiệp định, không còn là nơi hai bên nói về hòa bình, hòa giải, hòa hợp. Chỉ còn lại không khí hận thù, những đối thoại căng thẳng và công phạt thù nghịch. Những phiên họp cấp trưởng phái đoàn của thời gian tháng 4-74 không còn việc phải thảo luận theo một chương trình nghị sự nữa, mặc dù rằng trong thời gian qua hai bên cũng chỉ dùng bàn hội nghị để đả kích nhau, nhưng cũng chỉ đả kích trong khuôn khổ của đề tài thảo luận (Với hai đề tài chủ yếu là ngưng bắn và trao trả), để từ đây đánh rộng ra chủ trương của mỗi bên. Nhưng đến giai đoạn này (4-74), sự thỏa thuận về một chương trình nghị sự cũng không thể đạt được, bàn hội nghị biến thành một đấu trường căng thẳng để hai bên tranh đấu cho lẽ tất thắng của phe phái mình. Những phiên họp kéo dài quá thời lượng ấn định để cấp trưởng đoàn “so cựa” nhau tối đa, sau đây là một “trận” điển hình:
Đại Tá Giang, phía MTGP nói:
- Tất cả những điều đổi trắng thay đen của quí vị không thay đổi được thực chất, âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại hòa bình, phá hoại hiệp định của phía quí vị. Trắng trợn hơn nữa, Hoa Kỳ đưa thêm máy bay F-5E vào Nam Việt Nam và quí vị cố gắng bình thường hóa hành động nghiêm trọng này bằng cách bày trò đưa ra những lời giải thích, trong khi một số nhân vật Hoa Kỳ của Tòa Bạch Ốc và “ Lầu 5 Góc ” tuyên bố láo lếu, dọa dẫm sẽ can thiệp ồ ạt ở Nam Việt Nam nếu chúng tôi dám có hành động tấn công. Mỗi lần Mỹ đẩy mạnh chiến tranh tăng cường dính líu, “ lầu 5 góc ” tuông ra những lời lẽ hăm dọa, phía quí vị lại tham gia vào bản hòa tấu, vu cáo chúng tôi đẩy mạnh tội ác. Trước đây, Hoa Kỳ và quí vị tuyên bố: Cộng sản Bắc Việt mở rộng tấn công trước hoặc sau Tết, xây dựng phi trường, v.v... Sau đó là chiến dịch ném bom dã man vào vùng chúng tôi kiểm soát kể cả vùng đông dân! Khi sự việc không xảy ra, quí vị nói rằng: Cộng sản không dám tấn công! Và quí vị lại “ bịa đặt ” tiếp chuyện chúng tôi tấn công vào các tiền đồn đông-bắc Kontum, chuyện Cai Lậy, chuyện ấp Cây Dừa gì đó. Tất cả đều nằm trong âm mưu có hệ thống, không làm ai ngạc nhiên, vì âm mưu phát động chiến ranh của quí vị là theo lệnh của Hoa Kỳ.
Đại Tá Đóa, VNCH phản pháo:
- Tôi ngỏ lời khen ngợi Đại Tá Giang đã có giọng nói tốt, có một cách diễn tả lời nói với chiếc đầu gật gù rất nhiều nghệ thuật, Đại Tá

Giang đã trợn mắt khi dùng lời tấn công, thò đầu ra, thụt cổ vào, nghiêng người qua trái, nghiêng người qua phải một cách rất điệu nghệ. Tôi cũng khen Cộng sản Bắc Việt đã đào tạo được một cán bộ diễn xuất rất cừ khôi trong các lời phát biểu, khi tấn công, khi dọa dẫm, khi nói xấu chính phủ đối phương... Nhưng tất cả luận điệu, điệu bộ này chỉ có công hiệu nếu Đại Tá Giang đang ở một lớp huấn luyện những người bị bắt đi học tập, đặc biệt nếu đang hướng dẫn các thiếu nhi, còn ở đây, yêu cầu Đại Tá Giang đừng khiêu khích, vì sẽ không đi đến đâu. Sau đây, chúng tôi trả lời từng điểm một mà Đại Tá Giang vừa nêu ra. Quí vị tố cáo chúng tôi tiếp nhận máy bay F-5E vậy thì quí vị phải trả lời câu hỏi: Từ khi ký hiệp định đến nay, quí vị và cộng sản Bắc Việt đã đem bao nhiêu hỏa tiễn SAM, bao nhiêu đại bác hỏa tiễn, pháo 130 ly, 85 ly, vết tích ghi nhận sau lần pháo kích căn cứ Lai Khê của Việt Nam Cộng Hòa vào miền Nam Việt Nam. Quí vị có can đảm xác nhận sự kiện và số lượng này không? Về luận cứ chạy tội bằng cách tố cáo Hoa Kỳ còn tiếp tục dính líu, tiếp tục cổ võ chiến tranh... Đây là một điểm thật đặc biệt. Đặc biệt là vì từ sau Tết, hơn một tháng rưỡi qua, hôm nay quí vị mới lập lại tố cáo " Hoa Kỳ xâm lăng". Một tháng rưỡi qua, quí vị hoàn toàn im lặng, đặc biệt không nhắc đến từ ngữ " đế quốc xâm lăng " nữa. Hơn ai hết quí vị biết rõ, Đại Tá Giang chắc cũng biết rõ: Phía quí vị " há miệng mắc quai "... Quí vị phải nhớ " cái quai " còn đó, " cái quai " sẽ siết chặt vào cổ quí vị. Đó là quai Hoàng Sa! Nếu Đại Tá Giang nhớ, thì sau Tết, phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa đã đề nghị: " Cả hai bên cùng ra thông cáo chống mọi đế quốc nào có tham vọng đất đai của Việt Nam và quí vị đã chạy trốn. Chạy trốn vì sợ: Sợ cái " quai Hoàng Sa " siết chặt vào cổ. Thế nhưng hôm nay đảo Hoàng Sa còn đó, quân xâm lăng còn đó, những bài của báo Sự Thật, báo Nga Sô ở Mạc Tư Khoa kết tội liên tiếp Trung Cộng chiếm đảo Hoàng Sa còn đó, và quí vị hoàn toàn im tiếng!! Quí vị phải biết, người Mỹ muốn vào lãnh thổ Việt Nam phải có chiếu khán, nhưng quân Trung Cộng thì thập thò ra vô ở những vùng bắc Quảng Trị chẳng cần chiếu khán. Phải chăng sự kiện Trung Cộng xâm lăng Hoàng Sa cũng là một cách thức nhập nội không cần chiếu khán theo lời mời của Mặt Trận Giải Phóng? Vì tình hữu nghị Trung-Việt đẹp đẽ này, chúng tôi hiểu lời Mao Trạch Đông cảm ơn Nguyễn Hữu Thọ " vì cuộc chiến đấu lâu dài của Mặt Trận Giải Phóng " là lời cám ơn đã để cho Trung Cộng có cơ hội xâm lăng miền Nam Việt Nam!! Đang ở trong thế kẹt nói cũng chết, không nói cũng chết vậy quí vị đừng nên nhắc lại từ ngữ " đế quốc " nếu có thì chỉ nên nói đến đế quốc Tàu đỏ mà thôi, đế quốc hàng bao thế kỷ

đã gây tang tóc cho toàn dân Việt Nam. Quí vị hãy đọc lại lịch sử để tìm xem trong mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, có thế kỷ nào dân tộc Việt Nam không bị tấn công bởi giặc Tàu? Quí vị tấn công thái độ chúng tôi khi cầu viện kinh tế Hoa Kỳ nhưng sự thật chính phía quí vị, kẻ cầm đầu của quí vị tức Cộng sản Bắc Việt mới là kẻ " thèm đô-la Mỹ " nhất! Quí vị bảo chúng tôi bị bế tắc phá sản kinh tế, nhưng nền kinh tế Cộng sản Bắc Việt mới thật sự bi thảm nhất, thấp kém nhất vùng Đông Nam Á... Tại sao thế? Vì Cộng sản Bắc Việt cần tài lực, vật lực để nuôi dưỡng bộ máy chiến tranh tại miền Nam, để lực lượng võ trang của quí vị cũng như đám quân xâm lược Cộng sản Bắc Việt có cái ăn để tiếp tục đánh phá miền Nam... Cộng sản Bắc Việt kiệt quệ kinh tế đến nỗi phải buôn đến xác chết. Trong dịp chuyển giao 23 hài cốt lính Mỹ, Cộng sản Bắc Việt đã không quên nhắc nhở, nài nỉ Hoa Kỳ: Tôi giao xác chết cho ông, ông nhớ cho chúng tôi tiền!!

Đại Tá Giang hứng chưởng của Đại Tá Đóa gật gù chiếc đầu tìm ý nghĩ từng chữ, từng câu, ghi ghi chép chép vào cuốn sổ tay, đợi Đại Tá Đóa nhường lời, Giang phóng tiếp cú hóa giải:

- Đại Tá nhắc lại vụ Hoàng Sa thì chúng tôi cũng có ý kiến, cho đây là một trò đánh lạc hướng về nguy cơ đặc biệt nghiêm trọng: Đó là sự can thiệp của Hoa Kỳ vào tình hình miền Nam Việt Nam đe dọa Hiệp Định Ba Lê mà bốn bên đã ký kết. Quí vị làm ồn ào nhưng hãy liếc mắt qua báo chí Sài Gòn thì thấy sự cô lập của quí vị về việc này! Nhiều nhà báo hỏi tôi: " Các vị có biết họ làm ồn ào vụ Hoàng Sa để làm gì không ?" Sau khi tôi trả lời, họ đáp: " Tưởng đâu quí vị không thấy ". Bây giờ tôi giải thích tại sao Chủ Tịch Mao Trạch Đông cám ơn Chủ Tịch Nguyễn Hữu Thọ? Đại Tá biết quá rõ nhưng vì tìm đường xuyên tạc nên tôi cần phải vạch rõ: " Toàn thế giới cám ơn nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của chúng tôi, vì nếu không có chúng tôi hy sinh đánh bại Mỹ thì Ông Ngô Đình Diệm đã biến Nam Việt Nam thành một căn cứ hoàn chỉnh lý tưởng của đế quốc Mỹ để tấn công miền Bắc. Ông Ngô Đình Diệm đã hô hào " Lấp sông Bến Hải, Bắc tiến " để phá hoại Hiệp Định Genève 1954, đặt toàn bộ Việt Nam dưới ách của chủ nghĩa thực dân mới của Hoa Kỳ. Nếu điều đó đã thực hiện được, điều gì sẽ xảy ra đối với nền hòa bình Đông Nam Á? Vậy không những Trung Quốc mà cả Liên Xô cũng cám ơn chúng tôi." Chúng tôi giải thích tiếp cho quí vị: " Tại sao có việc Hoa Kỳ thua sút Liên Xô về võ khí chiến lược (!) khiến cho Hoa Kỳ từ thời Johnson phải cố sức đẩy lên... Vì nếu không có chúng tôi buộc Hoa Kỳ phải chi tiêu hàng chục tỷ mỹ kim thì làm gì có việc Hoa Kỳ phải

đổi ngân sách từ vũ khí chiến lược sang vũ khí thông thường để tiến hành chiến tranh ở Việt Nam? Nếu Hoa Kỳ dành được ưu thế này (võ khí chiến lược) điều gì sẽ xảy ra cho toàn thế giới? Ai lại không biết Hoa Kỳ qua bao nhiêu Tổng thống vẫn giữ chính sách căn bản là chuẩn bị thế chiến thứ 3 (!) Nếu họ đạt được ưu thế về vũ khí chiến lược, cái gì sẽ xảy ra đối với Liên Xô? Cái gì sẽ xảy ra đối với thế giới? Chúng tôi không chỉ nói tới thế giới Xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đề cập luôn tới thế giới Tư bản và thế giới thứ ba cám ơn chúng tôi. Tại sao thế giới thứ ba cám ơn Mặt Trận Giải Phóng? Vì ngay khi Hoa Kỳ còn tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở Nam Việt Nam, họ đã tuyên bố không úp mở rằng: Họ dùng Nam Việt Nam làm thí điểm cho chiến lược chiến tranh đặc biệt của họ, mà họ cho rằng loại chiến tranh " nửa vời " này sẽ không dẫn tới thế chiến thứ 3 để làm kinh nghiệm dập tắt các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Tôi không nghĩ rằng Đại Tá không biết những điều đó nhưng chỉ vì Đại Tá cố tình xuyên tạc sự thật nên tôi cần phải nói đến. Vì thì giờ không cho phép, tôi nghĩ cũng không cần phải nhắc lại lời của từng người đại diện chân chính của các nước cám ơn chúng tôi. Khi Hoa Kỳ ồ ạt đưa quân vào Nam Việt Nam, những người này đã nghĩ rằng: Không có gì đọ nổi (Điều này bản thân tôi đã thấy có dịp đi thăm các nước trên thế giới). Nhưng sau đó người ta thấy, khi cuộc chiến tranh cục bộ ở Việt Nam đã lên tới đỉnh cao (Vì Hoa Kỳ đã huy động gần hết lực lượng tổng trừ bị) và bị đánh bại, chính quyền Nixon phải chuyển qua chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, thì các lực lượng bạn của Mặt Trận Giải Phóng đã nói rằng: À, té ra Hoa Kỳ không phải là lực lượng không thể bị đánh bại!... Một dân tộc người không đông, đất không rộng nhưng không phải ai muốn làm gì thì làm nếu dân tộc đó có ý chí kiên trì đấu tranh! Kết luận có tính cách thời đại này không phải của tôi, mà của toàn thế giới. Nếu có thể tôi sẽ nêu từng danh người nói. Thậm chí đến Hoa Kỳ, một dân tộc quen thói rất bàng quang cũng thấy được rằng: Họ phải chịu ơn nhân dân Việt Nam, họ phải chịu ơn chúng tôi vì nhờ chúng tôi họ thấy được chính phủ của họ, gọi là một chính phủ dân chủ đã che dấu họ rất xấu xa! Vậy, Chủ tịch Mao Trạch Đông cám ơn Chủ Tịch Nguyễn Hữu Thọ có gì là khó hiểu...

Những phiên họp căng cứng như khẩu súng đã lên đạn, không khí ngột ngạt chỉ chực vỡ tung, tình hình chiến trường càng ngày càng tàn tệ, quân đội Cộng sản ra mặt tấn công đều khắp bốn vùng chiến thuật. Những tiền đồn vùng cận sơn Quảng Nam, Quảng Ngãi, Chi Khu Dakpeck, pháo đài cực bắc của tỉnh Kontum, mục tiêu của mặt

trận B3 từ mười năm qua, nơi lá cờ Vàng luôn luôn được bảo tồn để chứng minh một chính phủ, thực tế lâu dài ở miền Nam, phi trường Pleiku bị pháo kích lần thứ hai, ở vùng III những chốt cứng dọc đường 13 bắt đầu chuyển động... Sau khi bứng được căn cứ Chí Linh (đông-bắc Chơn Thành) quân Cộng sản chuẩn bị hai hướng tấn công để kẹp đầu các căn cứ: Chơn Thành, Lai Khê, Bến Cát của VNCH. Chiến trận nổ bùng như một sự kiện tất nhiên, chứng minh bế tắc toàn diện cách thức giải quyết hòa bình do bản hiệp định đưa lại, một văn bản " tào lao " được thực hiện do áp lực, do thâm ý của các cường lực hơn là nhằm tới ý hướng chính: Thực hiện một nền hòa bình thực sự cho miền Nam Việt Nam. VNCH phản công trên chiến trường đúng theo thành ngữ của Tổng Thống Thiệu... " Phải đánh trước, phải du côn hơn thằng du côn, phải không cho cộng sản ở yên "; đồng thời cũng đổi chiến pháp tại bàn hội nghị; không bàn cãi lang thang ở những đề tài rộng rãi nữa, mà chỉ thảo luận trên những đề tài cụ thể như: Khôi phục lại chức năng của UBQT. Nghĩa là hai bên cùng viết một lá thư cùng chung một nội dung mời UBQT đi điều tra vi phạm tại một địa điểm xác định.
Phái đoàn MTGP cũng xác định: Chỉ thảo luận về sự phục hồi các quyền ưu đãi miễn trừ cho họ, và chỉ khi nào VNCH thỏa thuận thực hiện đủ các quyền này thì họ mới thảo luận vấn đề khác. Quyền ưu đãi miễn trừ đã có 11 điều được BLHQS 4 Bên thỏa thuận trên nguyên tắc để các phái đoàn cộng sản có điều kiện hoạt động trong thời gian từ 28-1-73 đến 28-3-73. Sau ngày 28-3-73 qua giai đoạn hai bên, phía VNCH nại cớ: Vì tình hình thay đổi, mười một điểm này phải sửa đổi lại cho phù hợp thực tế. Phái đoàn MT đòi tiếp tục duy trì. Đồng thời phải thêm vào những quyền rộng rãi hơn tương đương như một phái đoàn ngoại giao. Trong suốt thời gian hai bên chưa thỏa thuận chính thức, VNCH tạm thời chấp thuận một số quyền ưu đãi cho phái đoàn MTGP như họp báo, liên lạc Lộc Ninh... v.v.... Sau ngày 7-3-74, máy bay Chinook bị bắn; 9-3-74 pháo kích trường tiểu học Cai Lậy và các vi phạm như tấn công căn cứ Biệt Động Quân Đức Huệ (Hậu Nghĩa), Chí Linh (Chơn Thành); 4-4-74 đông-bắc Kontum... Phái đoàn VNCH hạn chế tối đa các quyền ưu đãi này.
Hai mục tiêu thảo luận hiện đối nghịch tột độ, không thể hòa giải đưa hội nghị đến chỗ tan vỡ toàn diện. Vì cả hai bên không thể đồng ý về một đề tài cần thảo luận huống gì là thỏa thuận cùng nhau về một vài đề nghị trong một đề tài. Nghị hội không còn đúng theo danh xưng nhưng chỉ còn là nơi rình rập, tố khổ nhau qua chữ nghĩa và tiếng nói. Phiên họp ngày 30-4-74 đã diễn tiến theo dạng thức sau:

Việt Nam Cộng Hòa:
- Lưu ý quí vị nên thảo luận thẳng vào vấn đề, nếu không đồng ý về vấn đề mời Ủy Ban Quốc Tế như chúng tôi đưa ra trong chương trình nghị sự thì có thể đề nghị một vấn đề nào xét thấy ưu tiên để thương thảo...
Mặt Trận Giải Phóng:
- Ghi nhận lần thứ nhất, phía quí vị cắt lời...
Việt Nam Cộng Hòa:
- Ghi nhận lần thứ nhất, quí vị đã chạy trốn để không thảo luận vấn đề ngưng bắn - Một vấn đề bức thiết hiện nay.
Mặt Trận Giải Phóng:
- Lần thứ hai, quí vị đã cắt lời...
Việt Nam Cộng Hòa:
- Lần thứ hai, quí vị không chịu thảo luận về chương trình nghị sự.
Mặt Trận Giải Phóng:
- Lần thứ ba, quí vị cắt lời...
Việt Nam Cộng Hòa:
- Lần thứ ba, quí vị chạy trốn không thảo luận vấn đề ngưng bắn.
Mặt Trận Giải Phóng:
- Yêu cầu quí vị không được lợi dụng sự bình tĩnh của chúng tôi để muốn phát biểu thế nào tùy ý.
Việt Nam Cộng Hòa:
- Chưa chắc! Quí vị không bình tĩnh đâu. Tay áo Đại Tá Giang đã xăng lên đó là triệu chứng sắp tấn công chứ không phải bình tĩnh...
Mặt Trận Giải Phóng:
- Lần thứ mấy quí vị cắt lời rồi?
Việt Nam Cộng Hòa:
- Lần thứ tư, nếu cần lần thứ mười, thứ một trăm, một ngàn... Chúng tôi kiên trì kêu gọi quí vị trở vào chương trình nghị sự để thảo luận vấn đề cụ thể là ngưng bắn.
Mặt Trận Giải Phóng:
- Ghi nhận quí vị cướp lời lần thứ sáu... Cần nói rõ, quí vị không được lợi dụng sự tôn trọng nghị hội của chúng tôi để muốn phát biểu thế nào cũng được. Khi đến lượt chúng tôi phát biểu quí vị lại cướp lời. Chúng tôi không cho phép làm như vậy.
Việt Nam Cộng Hòa:
- Lưu ý quí vị, đây là cảnh cáo chứ không phải cướp lời...
Mặt Trận Giải Phóng:
- Một lần nữa yêu cầu quí vị chấm dứt phá hoại bằng cướp lời và cắt lời đối phương...

Việt Nam Cộng Hòa:
- Yêu cầu đưa vấn đề cụ thể nhất để thảo luận, không nên phê phán khi máu chiến sĩ hai bên đang đổ trên chiến trường vì mức độ vi phạm đang gia tăng trầm trọng. Chúng tôi quan niệm không thảo luận thực chất của vấn đề là chạy trốn.
Mặt Trận Giải Phóng:
- Quí vị đã cắt lời lần thứ mười...
Việt Nam Cộng Hòa:
- Quí vị nhầm mới lần thứ tám!
Mặt Trận Giải Phóng:
- Cũng được, nghĩa là bớt đi hai lần...
Việt Nam Cộng Hòa:
- Cũng có nghĩa là cảnh cáo lần thứ tám!
Mặt Trận Giải Phóng:
- Có nghĩa là quí vị làm việc cảnh cáo xong rồi?
Việt Nam Cộng Hòa:
- Tự hiểu, khỏi cần hỏi.
Mặt Trận Giải Phóng:
- Hỏi cho chắc...!
Việt Nam Cộng Hòa:
- Cứ quan sát thì biết, cần gì hỏi!
Mặt Trận Giải Phóng:
- Lần thứ mười ba quí vị cắt lời, chúng tôi buộc lòng phải tuyên bố phiên họp hôm nay không thể tiếp tục được...
Việt Nam Cộng Hòa:
- Đó là quyền của quí vị...
Những phiên họp tan vỡ nửa chừng, cuối cùng phái đoàn MTGP công khai tuyên bố: Hoãn tất cả các phiên họp cấp trưởng đoàn cũng như tiểu ban kể từ 10-5-1974. Hai ngày sau, Phái Đoàn MTGP ở La Celle Saint Cloud tiến xa hơn một bước lớn nữa, tuyên bố: Hủy bỏ vô hạn định hội nghị cấp cao này và sẵn sàng trở về Việt Nam...
Ngày 20-5-1974 mặt trận Bến Cát - Bình Dương nổ lớn, từ vùng Hố Bò, Bời Lời, quân Cộng sản ào vào An Điền vượt sông Thị Tính chiếm Bến Cát, cô lập Lai Khê xuôi theo đường 13 đánh xuống Bình Dương... Về phía đông, mặt trận Phú giáo (ranh Bình Dương, Bình Long) cũng phát nổ, hai mũi dùi tây-bắc, đông-bắc đều nhắm xuống Bình Dương, Biên Hòa, để từ đây tiến vào Gia Định, tức thủ đô Sài Gòn... Suốt mười năm chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, chiến xa Cộng sản đã đến gần Sài Gòn nhất, cách ba mươi cây số đường chim bay. Ba mươi cây số, bước chót của hành trình giải phóng miền

Nam, mũi súng phe Cộng sản đã sẵn sàng bắn những quả đạn cuối mùa, viên đạn xé ngang trời hòa bình bi thiết của dân tộc... Hòa Bình, xem như là một giấc mơ. Tưởng như là một giấc mơ.

Cuối cùng, có một trường học trẻ con ở Vĩnh Long, gọi là Song Phú bị Cộng sản pháo kích chết mười bảy và bảy mươi trẻ nhỏ bị thương vào ngày 4-5-74. Không ai có can đảm để đọc rõ tin tức về vụ thảm sát. Tôi chấm dứt bút ký này, không còn đủ sức để viết thêm một chữ.

Tháng 5-1974

Tù binh và hòa bình

Nhật ký trong chiến tranh
Của Hòa Bình....

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 trên thế giới, ngày ký kết Hiệp Định tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Những người dân văn minh, những người mang áo quần đẹp trong những căn nhà sang trọng, nơi đường phố ở những thủ đô thị tân tiến cùng nhau hân hoan nâng rượu, tung giấy ngũ sắc, hoa giấy lên bầu trời trong xanh vàng rực ánh nắng hay trắng mênh mông mưa tuyết để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, nơi xa họ nửa vòng thế giới, cách biệt bởi Thái Bình Dương, hai giải đại lục Âu - Á ngút ngàn. Nơi bây giờ là đêm tối dằng dặc với những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và dưới trần thế, trên đất đen, có những bước chân thì thầm độc địa, những mũi súng lạnh và âm vang của tiếng nổ trái phá vừa dứt. Nơi xa xôi, trong đáy cốc rực rỡ của Paris, Rome, Washington, NewYork người ta hân hoan trao cho nhau những nồng nhiệt của hòa bình, siết chặt tay nhau với nụ cười rạng rỡ của văn minh, thế giới tiến bộ nhân loại. Hòa Bình, báo hiệu sự thắng lớn của ánh sáng xua tan bóng tối, hòa giải chiến tranh, của ý hướng xây dựng trên phá vỡ tiêu hủy. Ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28-1-1972 có những tiếng động tức tưởi hơi thở bị dứt khúc, tiếng thét kinh hoàng của kẻ sắp chết bị một lưỡi dao sáng loáng ngập xuống

thân thể nồng ấm sức sống!!

Bình minh ngày 28-1-93, cũng như mọi sáng sớm khác của đất nước cùng khổ điêu linh này, người Việt Nam bóp chặt hai bàn tay vào nhau xôn xao xúc động tự hỏi: Phải chăng là buổi sáng hòa bình? Ở Sàigòn, các toán Nhân Dân Tự Vệ đi đập cửa từng nhà hối thúc treo cờ, radio đầy ứ âm thanh loại nhạc giữa hai tuyên ngôn như những ngày biến động 1965, 1966... Không một ai của miền Nam xác định được có một hiện trạng hòa bình trong buổi sáng cảm giác có một họng súng đang nhắm vào.

Mặt trận Cửa Việt, Đông Hà bùng nổ, phe Cộng sản đóng chốt trên quốc lộ 1 bắc quận Trảng Bàng, bắc Xuân Lộc (Long Khánh), đường 15 nối dài Sài Gòn - Phước Tuy - Vũng Tàu bị đứt bởi hai chốt nhỏ ở bắc, nam Long Thành. Trên đoạn đường dài dọc theo duyên hải từ đèo Bình Đê đến đèo Nhông - đèo Cả, nổ bùng những tận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn giữa đám quân Cộng sản từ mật khu ào lên quốc lộ với đám lính Cộng hòa giữ an ninh đoạn đường. Trong vùng cận sơn Quảng Trị, Thừa Thiên vùng động Ông Đô, núi Tang Téo, núi Trường Phước, đám binh sĩ Bắc quân từ từ nhô mình lên khỏi chốt ngoắt tay đám lính Nhảy dù, sư đoàn 1 bộ binh... Họ đã đối đầu cùng nhau qua ba trăm ngày chiến trận kể từ ngày 29-4-1972. Hai giờ chiều, một bóng dáng mặc quần áo kaki Nam Định, đội nón ông sao, chân đi giầy vải rời khỏi hầm bước qua sáu mươi thước đất núi đến bắt tay thiếu úy Thắng thuộc đại đội 94 Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù. Ly nước trà nóng, thuốc Ruby quân tiếp vụ đổi lại cùng Điện Biên.

- Ừ, Chúng mình hòa giải, hòa hợp dân tộc theo tinh thần và lời văn của hiệp định...- Ha.., ha.. “ông” đi qua một mình không sợ à? - Tụi tui không đánh “ông” đâu, mình bồ mà!!... Nửa giờ sau có mười hai người lính mặc áo rằn ri đi qua chốt “bạn” thăm giao hữu. Một giờ qua, họ không trở về. Không có tiếng súng, chỉ có âm động của lưỡi lê đi qua da thịt. Giờ thứ tám của Hòa Bình Việt Nam. Không có một ai trong chúng ta xác định được hòa bình đã có. Vâng, hòa bình chỉ tới với một văn kiện, trên bàn giấy yên lành ở thủ đô Ba Lê. Hòa Bình chỉ có trong đáy cốc.

Tội nghiệp như cô bé lọ lem đột nhiên gặp được bà tiên hạnh phúc, toàn khối dân miền Nam ngửa bàn tay bất hạnh để nhìn hạt ngọc hòa bình, kết tinh nỗi mơ ước thiên thu của một dân tộc khốn khó. Không ai tin được vào phép lạ hoang đường này, không ai tin được giấc mơ có thật với ánh sáng của ngày, giữa lòng đau đớn trùng điệp. Người dân miền Nam nhìn ánh ngọc lấp lánh, bậm môi

đến nức máu để tự thức tỉnh, để tự nhủ: Đây chỉ là ảo giác, ảo ảnh, đây chỉ là giấc mơ... Nhưng nếu không có những giấc mơ hạnh phúc, không tin vào giấc mơ thì còn gì. Chúng ta chỉ có những giấc mơ mang tính chất hy vọng.

Tôi đi giữa những con đường bình yên Sài Gòn trong buổi sáng dịu dàng của ngày hòa bình, lòng vang dội những chấn động xao xuyến bồn chồn...

Những phiên họp đầu tiên của Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên được thành hình trong những căn phòng rì rầm tiếng máy lạnh, các bên trao đổi với nhau những đối thoại mềm dẻo, hòa hoãn và... ít nội dung nhất. Tham dự vào cuộc đấu tranh cùng đối phương với tất cả say mê và thành thật trong lòng, nhưng dù với tâm tình trong sáng của số tuổi trẻ vị tha đôn hậu, cuối cùng tôi cũng phải nhận ra: Ngoài những nụ cười thật rộng, những bắt tay sẵn sàng, những câu nói hòa hợp và hòa giải... Người Cộng sản không có được điều gì hơn nữa. Họ không thể có điều gì hơn nữa để cho Hòa Bình. Dù người đó là Trung Tá Tuấn Anh (Bắc Việt), nữ Thiếu tá Ngọc Dung (MTGP), những người có nụ cười thẳng thắn và hiền hòa, những người bộc lộ sự chân thành trong mọi động tác, mọi lời nói (Dù là lời nói theo chỉ thị, bởi những chỉ thị...) Và họ chỉ có thế. Chỉ là những con người đôn hậu thụ động của một chủ trương cứng rắn! Nên dù rất thành thật, ân cần, khi qua sông Thạch Hãn, đến phi trường Lộc Ninh để cùng người Cộng sản làm việc, giải quyết sự kiện đau đớn nhất của chiến tranh, sự kiện người tù. Tôi cũng phải luôn luôn tự nhủ: Phải coi chừng, phải đề phòng, phải sửa soạn tấn công, phải quan tâm phòng ngự!! Trong không khí váng vất nhẹ nhàng của rừng cao su Lộc Ninh, tay nâng ly trà nóng lòng phải trang bị một vũ khí để sẵn sàng nhả đạn. Người Cộng sản đã tập cho tôi quen với nghi kỵ và lừa dối. Hòa Bình đã dạy cho tôi biết rằng đây chỉ là bộ mặt khác của chiến tranh - Mặt sau của Hòa Bình.

Tập rất mau công việc phải làm và quen rất nhanh với môi tường chung sống để một phía rất thành thật, kính nể cùng đối phương vì đó là những người lớn tuổi, khắc khổ và đã chịu nhiều khổ nạn. Một mặt khác tôi sẵn sàng tấn công không thương tiếc, hạ đòn độc địa không nương tay vì đây cũng là những đối phương cực kỳ hiểm độc. Ví dụ như trên chiếc máy bay đến Pleiku, tôi châm lửa thật ân cần, nhắc nhở chu đáo với Thiếu Tá Sĩ rằng:

- Trời Pleiku rất lạnh, ông ta nên mặc áo len vào vì tuổi già, sức yếu. Tôi nói rất thành thật vì nhìn thấy những sợi tóc bạc trắng rơi lòa xòa xuống một vầng trán nhăn nheo. Nhưng khi đến địa điểm trao trả

Đức Nghiệp thì không còn những cử chỉ và lời nói “hòa hợp” tốt đẹp đó nữa, để hét vang giữa núi rừng, tay chỉ vào lá cờ ông sao, gằn từng tiếng:

- Ở địa điểm Thạch Hãn không có lá cờ này, ở Lộc Ninh, Minh Thạnh, Quảng Ngãi; cũng không có nó trong phòng làm việc của những nhân viên thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương... Vậy tại sao ở đây có, phải chăng quí vị nằm ngoài cái hệ thống “chính phủ” của quí vị, phải chăng quí vị ở đây là quân đội ngoại nhập, là quân xâm lăng... Nếu quí vị duy trì lá cờ này thì ngay tại phòng làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ở Sài Gòn chúng tôi sẽ dựng lá cờ Việt Nam Cộng Hòa... Quí vị bảo chúng tôi xâm phạm “không phận Đức Nghiệp” phải chăng quí vị nói giỡn, ai chứng nhận Đức Nghiệp này là của quí vị?!! Quí vị đã nói những điều vô lý mà người có một chút kiến thức quân sự và pháp lý tối thiểu không thể nào nghe vào được. Quí vị bảo chúng tôi vi phạm không phận địa điểm trao trả này, địa điểm trao trả được xác định bởi một tọa độ sáu số, tức là một điểm vô hình trên thực tế, từ điểm này có một đường thẳng tưởng tượng chạy thẳng góc với mặt đất lên khí quyển vào ngoại tầng không gian. Đó là không phận của địa điểm trao trả này chăng? Phải chăng quí vị kiểm soát không phận quái đản và vô lý đó? Và khi nói chúng tôi cho phi cơ đi qua “điểm không phận” của quí vị, thì quí vị lấy gì làm bằng cớ. hay quí vị nghe tiếng phi cơ bay qua địa điểm trao trả (Theo như lời của trưởng đoàn quí vị nói tại bàn hội nghị Sài Gòn)... Lạ thật, Hiệp Định Ba Lê có qui định cả “vi phạm” phát sinh bởi tiếng động nữa sao?!!

Tôi “vờn” đám sĩ quan tóc bạc của Cộng sản, toàn là dân trên dưới năm mươi tuổi, mặt xanh màu lá và tóc trắng vì ngã nước không xót thương. Hai thái độ có thể xen kẽ, lồng vào nhau nhịp nhàng khắng khít. Trong lòng hòa bình cùng người Cộng sản, tôi chỉ học được những thủ đoạn độc địa không ngần ngại đó.

Những phiên họp bốn bên, những phiên họp hai bên, hàng chục lần trao trả, mười một địa điểm từ Thạch Hãn đến Cà Mau, từ anh “ chiến sĩ ” mặt nặng như chì gác cổng ở Lộc Ninh đến anh Trung tá Chỉ Huy Trưởng vùng Gio Linh, Trung tá mang kính lão và tóc bạc trắng nói dối ngon lành: “ Tôi người quê ở Gio Linh “sơ tán” vào núi để chống Mỹ cứu nước nay trở về tiếp quản Quảng Trị ”. Trung tá nói tiếng Nam Định, Thái Bình không trật một âm. Tiên sư, vậy mà cũng là cán bộ cấp tá của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa!! Cái trò dối trá thô thiển đã được hệ thống hóa bởi Cục Chính Trị, cấp Đảng ủy phổ biến, học tập và kiểm soát từ tên lính mười sáu tuổi mặt búng ra

nước cháo đến gã Trung tá sắp sửa đóng cửa quan tài đều ào ào một lời: Quảng Trị sơ tán!! Trò dối trá hạ đẳng này chắc đã được những bộ óc cỡ " thiên tài " Võ Nguyên Giáp, Lê Duẫn, Đồng nghiên cứu và chỉ đạo... Thế mà sao Cộng Sản thắng thế hở trời?!! Tôi " hòa hợp, hòa giải " với những người như thế, nghe Hoàng Anh Tuấn ngậm ngùi nhắc lại:

- Các cháu học sinh ở Cai Lậy bị thảm sát, chúng tôi sẽ điều tra rộng rãi để tìm ra ai là thủ phạm. Để tháng sau chứng kiến vụ Song Phú, vụ Biên Hòa..!! Và ông giáo sư đại học Nguyễn Văn Trung đặt vấn đề nghiêm túc: "Vấn đề có thể nhìn một cách đích thực như sau: Người Việt theo cộng sản và người Việt không theo cộng sản... Nghĩa là về căn bản chỉ khác nhau về ý thức quốc gia..." . Ông nhà văn Sơn Nam khẳng định trong một cuộc phỏng vấn: " Tôi nghĩ rằng hai miền Nam, Bắc có thể hòa hợp với nhau bởi con đường văn hóa..." Ông chính khách Hồ Ngọc Nhuận: " Hòa giải là con đường cuối cùng của dân tộc...". Đồng ý, tôi hoàn toàn đồng ý với các ông khoa bảng, tên tuổi trên với quá trình tranh đấu, chính trị, văn hóa này. Nhưng nhìn quanh trong suốt một năm, khi nghe Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang ở bàn hội nghị, nghe Trung tá Phụng ở Gio Linh, Thiếu Tá Giang ở bắc Thạch Hãn, Trung tá Năm Tích ở Lộc Ninh, Thiếu tá Dũng ở Rạch Giá. Tôi cam kết một điểm:

- Không thể hòa giải với mấy cán bộ này, tôi cũng không thể hòa giải với hai gã lính gác ở thuyền bắc Thạch Hãn vì khi tôi hỏi: " Anh học ở Hà Nội hay ở đâu? ". Thì nó đã sững cồ nói vung bọt mép: " Tôi không phải là người Hà Nội, anh đừng xuyên tạc hiệp định, phá hoại tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc, tôi là người Quảng Trị sơ tán "... Lại sơ tán, tôi chửi ra tiếng: " Tiên sư mày 17, 18 tuổi Bắc Kỳ trăm phần trăm thì Quảng Trị cái quái gì được!!! ". Vậy hòa giải hòa hợp với ai? Hòa giải, hòa hợp là hòa với một người nào đó, một lớp người nào đó. Đặt vấn đề cụ thể như ông Cha ở nhà thờ Tân Định hôm mở đầu cho buổi thuyết trình về Canh Tân và Hòa Giải: " Ta phải cúi xuống cùng kẻ thù để chuyển yêu thương đến cùng kẻ thù... Hãy có can đảm yêu kẻ thù như yêu chúng ta vậy!!! ". Amen, Chúa có phán như thế vì Chúa hy vọng Tình Thương Chúa sẽ được hóa giải được kẻ thù, chứ nếu Chúa biết chắc kẻ thù đó đang thủ sẵn lưỡi dao để đợi lúc Chúa cúi xuống thì chắc phải có tinh thần và thái độ khác. Tôi không chống Cộng quá độ, tôi cũng không chống Cộng để được trả lương và hưu bổng; vị thế người lính chỉ là một phương tiện giúp biết rõ người Cộng sản, tôi cũng sắp giã từ vị thế này để trở thành một cá nhân hoàn toàn tự do không bị ép buộc bất cứ từ một

hướng nào, nên câu hỏi luôn đặt ra là: Hòa giải là cần thiết, nhưng hòa giải với ai và như thế nào? Nếu đối tượng để ta hòa cùng là lực lượng đối nghịch, luôn luôn sẵn sàng tiêu hủy ta thì làm sao hòa được? Ông thầy Chùa hôm buổi thảo luận tại nhà thờ Tân Định có ví von: " Hòa là hòa nước với nước, chứ không hòa với dầu? ". Ông thầy tu này nói chưa đủ, phải nói lại rằng: " Làm sao hòa máu cùng a-xít được!!"

Phiên họp hôm 15 tháng 3-74 cấp trưởng đoàn sau khi Tướng Hiệp đọc tuyên bố tố cáo lực lượng vũ trang Cộng sản pháo kích vào trường Tiểu Học Cai Lậy, Tướng Tuấn (MTGP) phản đối lời buộc tội với một luận điệu yếu ớt; tôi ngồi nghe, tán thêm cùng những người ngồi chung quanh: " Thằng cha này phản pháo yếu vì chưa biết được các yếu tố chạy tội, hơn nữa tai nạn quá lớn cũng làm nó phát hoảng... Thằng du kích nào dưới Cai Lậy chắc chuyến này bị "khiền" nặng...". Quả tình chúng tôi đã " chạy tội " cho người cộng sản rất nhiều qua ý kiến trên. Chúng tôi nghĩ, cuộc thảm sát chỉ là do rủi ro vì quả đạn cối nhắm vào Chi Khu Cai Lậy, nơi đặt bộ chỉ huy hành quân tại khu vực này; cũng có thể kỹ thuật tác xạ quá kém, nên du kích vùng đó đã "lỡ" bắn vào trường Cai Lậy. Nghĩ như thế cũng là để giải thích cho tội ác quá phi lý, quá man dại của người cộng sản. Làm sao có thể bắn vào trẻ em, sự nghiệp giải phóng nào xây dựng trên thân xác trẻ thơ, những con người chưa có ý niệm về chữ nghĩa, về hận thù?!! Chúng tôi không tin tội ác phi lý quá độ này do từ một chủ trương hoạch định và hoàn tất bởi những sinh vật gọi là người. Nhưng quả tình chúng tôi đã lầm, lầm rất lớn vì người Cộng sản lại dựng thêm " chiến tích " ở Song Phú vào ngày 10-4-74 và Biên Hòa ngày 3-6-74... Đến đây thì không còn gì để che dấu được nữa. Người Cộng sản quả thật có một chủ trương giết người. Tôi khẳng định chắc quyết như vậy. Họ giết trẻ con, giết thường dân vì đây là trẻ con " ngụy "; họ giết người vì muốn dựng vinh quang trên nỗi sợ hãi, dựng thành quả trên xác người và máu nóng. Cách mạng phải có kích thích tố thù hận. Cách mạng vô sản Việt Nam đã có những men gây máu kia. Thực dân Pháp, Phát-xít Nhật, địa chủ, cường hào, ác bá, thực dân phong kiến, Mỹ - Diệm, Thiệu-Kỳ, Mỹ và chính sách thực dân mới. Nay, năm 1974, quả tình tất cả chất men trên đã không còn, đã hết, người Cộng sản phải có kích thích tố mới, phải có hận thù mới, xác người mới. Vậy phải tạo nên những đối tượng chém giết khác như " Ngụy quân, ngụy quyền, bè lũ ngoan cố, phản động không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định ". Đó chính là chúng ta, là đứa trẻ ở Cai Lậy, là người dân Tam Hiệp, Biên Hòa... Vậy thưa

các ông cấp tiến, ông khuynh tả, các ông đối lập, các ông vô tình đang cổ võ cho lũ giết người, cho trò giết người, các ông đã khuyến khích tội ác qua những danh từ được cố tình sơn phết thành linh động, đẹp đẽ và hòa bình. Hòa Bình, đây lại là một danh từ lạm phát, người Cộng sản đã có vũ điệu Hòa Bình, đoàn quân giết người là đoàn quân Hòa Bình. Hiệp Định chia đôi đất nước là Hiệp Định Hòa Bình và bây giờ là những ngày tháng 73, 74 họ lại xử dụng danh từ phá sản đó trong một cường độ to lớn và tích cực hơn để thực hiện " Hòa hợp, hòa giải theo tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê...". Quái dị thật, những chữ nghĩa thô thiển như kia vẫn còn hiệu lực để che đậy những tội ác ngập đầu?! Tối 21 tháng 5-1935 trước khi xua 300.000 quân vào Rhéanie, Hitler đọc một diễn văn để làm yên lòng Anh, Pháp, trấn an Hội Quốc Liên với câu kết luận là: " Nước Đức cần Hòa Bình và mong mỏi Hòa Bình...". Đẩy quân đi như một tia chớp, chiếm được xong mục tiêu Hitler trở lại với " Hòa Bình "; mỗi lần đọc diễn văn xong có chuông giáo đường khua ầm ĩ, cùng câu kết: " Hòa Bình đầy tình thương của Chúa... Amen " hoặc: " Xin Chúa hãy ban tự do để khiến tạo Hòa Bình cho nước Đức, cho Âu Châu..." Hai chữ hòa bình được xử dụng như bảng hiệu của một cuộc tấn công, thành quả của một lần tàn sát. Kỳ lạ thật, giữa những chữ nghĩa và hành động đã có những tan vỡ, chống đối và hủy diệt nhau trận cùng như thế, nhưng sao vẫn có rất nhiều người, rất đông người ở trên những vùng đất văn minh, trong lòng những xã hội văn minh tin vào chữ nghĩa quái dị kinh khiếp này. Cả Âu Châu đều tin cậy vào câu nói: " Tôi dâng hiến hòa bình, tôi không phát động chiến tranh chống Pháp và Anh Quốc " của Hitler sau khi tràn qua Ba Lan bắt tay với Nga (Lại một lực lượng hòa bình, nữa!!...) tại Brest Litovsk. Cũng tương tự như đối với Hitler; rập một khuôn mẫu của Staline, cả thế giới hôm nay lại a tòng kẻ giết người nên đã hân hoan hãnh diện trao giải Nobel Hòa Bình cho Lê Đức Thọ. Và đau đớn hơn hết thảy, mỉa mai hơn hết thảy là cùng ngày 3-6-74, ngày của hai trăm trái hỏa tiễn rơi vào Biên Hòa " giải phóng " cho trẻ em và những người vô tội bằng phương thức dã man ghê rợn tàn tệ nhất mà con người với giác quan, tâm lý của một sinh vật có lương tri không thể nào nhìn đến, không thể nào chịu đựng được. Cùng ngày thê thảm khốn nạn này, chính phủ Nga Sô nhân danh " Hòa Bình " trao cho Nguyễn Thị Bình Huân Chương Lenine Hòa Bình!!! Lại Hòa Bình, phải chăng tiếng nói của con người hôm nay đã biến đổi, đã tan vỡ tính chất, phải chăng đây là thời đại của lừa đảo, ngược ngạo, để con người thường nhân danh những tỉnh từ, danh từ cao quý để thực hiện

những tội ác đê hèn khốn nạn. Hòa Bình, người Cộng sản đã xử dụng như một dấu hiệu của sự chết.

Hai năm, tưởng chừng như qua một đoạn đường địa ngục dài, tôi tự hỏi: Tại sao chúng ta vẫn không có một ngày bình yên để sống, một ngày không có tiếng súng, một ngày không mưu toan, một ngày không nằm trong hệ thống thời gian của một chủ trương, một sách lược, bạo lực. Một ngày bình yên cho quê hương nhiệm mầu, xứng đáng cho dân tộc vĩ đại, một giòng giống da vàng căng cứng trên khổ nạn. Tôi cũng tự hỏi: Tại sao sau một cuộc chiến triền miên với giá máu hằng trăm ngàn người lính ngã gục, những người lính đã chiến đấu cho một mục đích cao quí: Chiến đấu cho Tự Do - Nhưng chưa bao giờ được xiển dương thành hệ thống để cảm phục như anh hùng, kẻ tử đạo, kẻ vị quốc vong thân. Mà trái lại người lính và khối gia đình của họ trong những ngày của hòa bình lại là những kẻ bị đánh vỡ trước tiên, bị bóc trần từng sớ thịt, bị cạn dần từng giọt máu. Trung tá K, Chiến Đoàn Trưởng Dù ngày nào mười năm trước, nay hàng ngày lột lon, cất nón, đạp chiếc xe trong đựng vắt cơm đến nơi làm việc. Trung Tá H, sếp cũ của tôi nay chỉ còn lại một hình ảnh tồi tàn của một ông già thèm từng điếu thuốc lá đen. Và còn gì nữa... Còn quá nhiều, nhiều như đống xương vô định của những người lính đã chết, như lớp máu đỏ của hàng trăm ngàn người đã chảy xuống mạch đất miền Nam. Cảnh quả phụ cùng bốn con tự vẫn tại mồ chồng, người lính vừa chết cho hòa bình tại Nghĩa Trang Quân Đội. Còn người mẹ thuốc chết hai con trước khi tự sát vì lương lính từ trần không đủ tiền đong gạo. Quá nhiều, đám vợ con lính ở trại tỵ nạn dẫn nhau đi trên đám đất cháy nắng vùng Quảng Ngãi để tìm củ xương rồng. Những người lính này chết cho ai? Phải chăng họ chết để nuôi dưỡng một thiểu số khốn nạn như tỉnh trưởng Định Tường, tỉnh trưởng Long An, những kẻ chuyển trăm triệu hàng lậu, những kẻ dấu trăm triệu phân bón, kẻ ký quota gỗ vài trăm triệu... Tại sao? Câu hỏi muốn bật máu trong tim, muốn nổ tung con người, muốn vỡ tan từng tế bào... Tại sao? Tại sao? Thượng Đế không giải thích, Phật Tổ không giải quyết và Chúa cũng buông xuôi.

Cuối cùng, chiến tranh vẫn còn nguyên như đời sống lầm than; chiến tranh như cơn mộng dài không hết của đêm đen muôn đời; chiến tranh là cảnh sống thường trực,là thực thể miên man, là thực tại không rời. Đất nước ta với chiến tranh là một trạng thái bão hòa liên kết không tách rời được. Tôi lại đi đưa những người quen đến nghĩa địa... Nhìn chiếc quan tài phủ Quốc kỳ của Đại Tá Nguyễn Thế Nhã, tiểu đoàn trưởng cũ của tôi, người từng có hai mươi năm chiến

trường khốc liệt nhất, cuối cùng chết vì một trái đạn pháo kích trên căn cứ La Sơn, Huế. Anh linh người chết tức tưởi không thể giải thích được nỗi đa đoan của hậu quả do một thứ hòa bình dậy non mang lại, người chết chắc không thể an lòng khi biết mình chết trong hòa bình, do hoà bình, sau quảng đời dài đã kinh qua DMZ, Mậu Thân ở Huế, Tây Ninh, Hạ Lào... Người chết với mối hận khó nguôi ngoai. Tôi tin chắc như thế. Cuối cùng, hòa bình cái bóng dáng mơ ước lừa bịp đê tiện và tiếng gọi của lũ giết người dùng như một dấu hiệu truyền thông trước một cuộc tàn sát nhân danh nó.
Chiến trận lại xẩy ra ở An Điền, bên kia sông Thị Tính, lại cảnh người chạy loạn gồng gánh mang vác tất tả trên quốc lộ 13, lại cảnh đứa bé bốn, năm tuổi co quắp vì cơn đau mảnh đạn ghim đầy, lại cảnh bà già đưa đôi mắt lạc thần nhìn lượng nắng cuối cùng đang lịm dần ngoài cửa đời sống... Tôi không thể đọc hết mẫu tin chiến sự, tôi không có can đảm nhìn đoạn phim thời sự về đám người chạy loạn, tôi kinh sợ đến độ phiền muộn. Tôi ê chề đến cuối đáy điêu linh. An Điền, sông Thị Tính của mười năm trước, tháng 12-64 tôi là gã thiếu úy trẻ tuổi cổ quấn khăn đỏ, mình mặc áo saut ngụy trang hào hùng dẫn quân đi đầu tiểu đoàn kể từ khi vượt qua chiếc cầu xi măng cũ kỹ để tiến sâu vào đám rừng chồi xanh ngắt. Mười năm, đêm ở khu đồn điền ông Thịnh, quả lựu đạn lóe sáng, bóng tên Việt Cộng loáng thoáng trong ánh lửa, chiếc trực thăng tải thương lập lòe ngọn đèn đỏ và hàng lửa đạn súng cối pháo kích đứt đoạn. Mười năm, cái bối cảnh khốn nạn đó vẫn còn, vẫn tồn tại, còn và phát triển đến cực độ, phát triển đến tối đa khủng khiếp. Ngày xưa, chỉ cần Tiểu đoàn Dù của tôi cùng Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến đủ sức “xấn” từ cầu Thị Tính vào An Điền lên đồn điền Alimot, Bussy, vòng qua trái đến đồn điền ông Thịnh để từ đây ra quốc lộ 13. Vũ khí lúc ấy là carbine M2, cối 81, nay quân phải cấp sư đoàn, mỗi hướng tấn công là một trung đoàn có một thiết đoàn yểm trợ và giàn đại pháo dập nát không gian. Lúc xưa đám du kích ở vùng đồn điền pháo bằng súng cối, đột kích bằng lựu đạn, nay bóng dáng nhỏ bé “ khiêm nhường ” đó đã không còn, để chỉ thấy nườm nượp đậm hơn rừng xanh từng trung đoàn chính quy Bắc Việt được “ tùng thiết ” với hàng T54 bề thế. Mười năm, một cái xã nhỏ bé tội nghiệp ở quận Bến Cát cũng như hàng trăm ngàn thôn xóm khác của quê hương chỉ được mỗi vinh hạnh - Làm chiến trường tận lực cho hai bên - Nỗi vinh hạnh hiển thảm sầu như oan nghiệp không giải.
Chiến tranh, chiến nạn, chiến binh, nạn nhân chiến cuộc, chiến trường, chiến địa, chiến tích, chiến cụ... Sao ngôn ngữ nước ta quá

nhiều từ ngữ để gọi lên binh đao mà chỉ có vỏn vẹn một chữ Hòa Bình, một chữ đơn độc mỏng manh thụ động giữa rừng gươm giáo ngút ngàn. Khốn khổ hơn nữa, Hòa Bình cũng đã bị ngụy danh bị đánh vỡ, bị khuynh đảo và biến dạng toàn thể yếu tính. Hòa Bình, phải chăng không còn nữa cho con người. Không còn nữa cho chúng ta. Sắp đến ngày ký Thông Cáo Chung 13-6-1973 - ngày Quốc Hận 20-7-54.

Tù binh và hòa bình

Trên Chiến Địa
Trong Sài Gòn

Những buổi chiều từ Lộc Ninh trở về, tôi bay qua đồi Gió, qua đồi 69, những ngọn đồi ở đông-nam An Lộc. Cũng những buổi chiều tháng 5 và tháng 6 như thế nầy của hai năm tước, 1972, nơi đây những người bạn tiểu đoàn 6, tiểu đoàn 3 pháo binh, Lữ đoàn I Nhảy Dù đào vội chiếc hố, khoét xâu rãnh giao thông hào dưới cơn mưa đại pháo của Bắc quân. Cũng những buổi chiều muộn khi ngày sắp hết, ánh mặt trời hồng đỏ đã bị mờ dần bởi hơi sương lam bốc lên từ dãy rừng cao su ngút ngàn xanh ngắt. Nơi đây, trên dãy cao độ chập chùng trống trải này những Phạm Tường Tuấn, Phạm Kim Bằng, Lộc "lì", Vinh "con" của Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù bậm môi đến bật máu, nhô chiếc nón sắt lên khỏi giao thông hào chờ đợi bóng đen của những T54 đang lố nhố, rì rầm dưới chân đồi sắp sửa tấn công. Hôm nay, trên chiến địa điêu tàn đó chỉ còn vương vãi vài chiếc nón sắt, túi đeo lưng và những mảnh xương trắng xám rơi rớt trên lớp đất đỏ màu máu. Dãy đồi nằm lặng dưới bóng chiều trông oan khiên như nấm mồ vĩ đại. Tôi bay qua chiến trường của hai năm trước, bay qua bầu Đồng Cỏ thấy xác chiếc Chinook bị rớt ngày 4-6-72; bay qua Chơn Thành thấy lại chiếc trực thăng chở Chuẩn Tướng Đức bị cháy nát chỉ còn trơ chong chóng nằm sát bờ lộ. Những phi công trực thăng nghĩ gì khi từ trên không nhìn xuống những thân tàu cháy xám, đống tro tàn của bộ máy, họ có tưởng đến những chiến hữu đã vỡ tan cùng cát bụi, những phi công lâm nạn của mùa chiến trận 72 trên đường bay dọc con lộ tử thần nầy. Đi qua chiến địa quá khứ không phải chỉ bùi ngùi vì chứng kiến dấu tích của binh lửa tang thương, nhưng để biết rằng chiến tranh chưa hề chấm dứt, hòa bình chưa

bao giờ có thực, chỉ có chiến trận đổi vùng, chiến trường ngụy trang dấu mặt. Bay qua đồi Gió, suối Tầu Ô, Tân Khai, Chơn Thành, qua các chốt của bộ đội, qua các căn cứ hỏa lực của ta, qua thôn xóm vây bủa bởi giao thông hào còn mùi đất mới để biết rõ một cách đau đớn và chua xót rằng, chiến trận không bao giờ ngừng nghỉ trên quê hương tàn khốc này. Không có một giây phút bình yên nào trên xứ sở tên gọi Việt Nam.

Tháng 5, tháng 6-74 đi qua, Phái đoàn Mặt Trận bỏ họp vô hạn định, chiến trận bùng nổ không che dấu, phi trường Nha Trang, Đà Nẵng, lần đầu tiên sau ngày Hiệp Định bị pháo kích. Phe Cộng sản vứt bỏ chiếc mặt nạ "hòa bình" không ngần ngại. Đã đến lúc họ không còn cần dấu mặt sau cái vỏ hòa bình; họ cần phải chạy đua với thời gian, chạy đua với sự sáp vô ngày càng khít khao giữa Nga, Hoa quanh cái trục "Đế Quốc Mỹ". Cộng sản Bắc Việt phải tự cứu trước khi bị hai cái gọng kìm này nghiền nát. Tháng 6 đi qua để bước vào tháng 7 với ngày 20-7, ngày Cộng sản xem như thắng lợi vinh quang, ngày rực rỡ sau chiến công Điện Biên, ngày đuổi hẳn thực dân Pháp thanh toán 100 năm nô lệ. Nhưng ngày 20 tháng 7 cũng là ngày di cư, ngày uất hận ngàn đời không nguôi ngoai, ngày chia ly tan tác của khối dân miền Bắc đi về Nam để được sống tự do - 20-7-1954 - đến nay đã hai mươi năm, khoảng thời gian ngút ngàn tưởng chừng như giấc mơ, cuộc ra đi ngày nào nghĩ rằng sẽ trở lại trong thời hạn tối thiểu, ai ngờ trở thành một dứt khoát quyết liệt, một chọn lựa nghiêm trọng đành đoạn giữa tự do và kìm kẹp, giữa đời sống thênh thang và lạnh lùng trong một hệ thống kiểm soát ngặt nghèo. Hai mươi năm qua như ngọn lửa lớn đãi lọc tinh tuyền sự chọn lựa ban đầu đó, chẳng ai trong khối người ra đi phải hối hận vì tất cả đã chọn đúng. Tôi biết chắc như vậy. Nhưng tháng 7-74 trên báo chí đối lập khuynh tả, trong những cuộc hội thảo của lực lượng đối lập tiến bộ yêu nước, của đám trí thức Sài Gòn nhan nhản xuất hiện một loại luận cứ: "Chỉ vì Hiệp Định Genève 1954 không được thi hành nên mới xảy ra chiến tranh trong hai mươi năm qua và vì "mâu thuẫn" vẫn còn nên Hiệp Định Ba Lê 28-1-73 không được thực hiện, Hòa Bình cho Việt Nam vì thế chưa có. Cuối cùng, chỉ còn con đường hòa giải và hòa hợp dân tộc, con đường độc nhất để hoàn thành hòa bình...". Loại luận cứ này được coi như đỉnh chót của ý thức tiến bộ của đám trí thức đối lập ở miền Nam. Song, tôi muốn hỏi những người này những câu hỏi cụ thể: Tại sao không dừng lại xác định: Vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành (Như đã dùng với Hiệp Định Genève) mà chỉ lấy cớ miền Nam còn "mâu thuẫn"? Mâu thuẫn gì? Ai

mâu thuẫn với ai? Tại sao các anh không dám nói thẳng: Cũng chính bởi vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành nên hòa bình chưa có và chính phe Cộng sản là phe phá hoại nhiều nhất thâm độc nhất, có hệ thống nhất. Hai mươi năm chiến tranh, hai năm "hòa bình" khốn nạn chưa làm cho đám người này thấy đủ, biết được một sự thật. Sự thật rất đơn giản. Làm thế nào hòa giải được người Cộng sản. Người Cộng sản mang quốc tịch Việt Nam!!!

Trận cầu quốc tế giữa hai đội Đông - Tây Đức, phe cộng sản, phe không cộng sản, gặp nhau, bắt tay nhau, tranh tài trong tinh thần hòa hợp, thân ái của môi trường thể thao. Nhưng làm sao có được cái cảnh này cùng Cộng sản Việt Nam? Vì anh ta sẽ gọi cầu thủ của ta là "cầu thủ Ngụy", của phe tư bản rẩy chết, tay sai của chính sách thực dân mới Hoa Kỳ. Phe Cộng sản sẽ không bao giờ thỏa thuận để cho hòa giải, gặp gỡ những cầu thủ " giải phóng dân tộc, của cách mạng vô sản, của giai cấp công nông " với đám cầu thủ của " Ngụy quyền ", cầu thủ áp bức nhân dân, cầu thủ ác ôn Mỹ Ngụy. Tôi không nói quá nhưng chỉ xác định lại sự thật qua những kinh nghiệm quá não nề cùng người Cộng sản Việt Nam.

Đến đây, những dòng cuối cùng của tập bút ký, tự nhiên trong lòng bỗng rực sáng một niềm tin thanh thản. Quả tình tôi đã có một thái độ quyết liệt thật đúng đắn với người Cộng sản. Tôi xác định thái độ này chính thức, công khai mà không hề e sợ những dè bĩu, chụp mũ: Muốn được thưởng công bởi chính quyền. Còn lâu, chính quyền, chính phủ chỉ là những lực lượng nhất thời, tôi không chống Cộng để cho một cơ cấu chính trị, một cơ quan quyền lực. Tôi chống Cộng vì ghê sợ cái hướng đi hà khắc kìm kẹp vô nhân tính của chế độ đó. Giản dị và chính xác như thế. Ngày 20-7, đọc lại một bài viết ngắn của anh Doãn Quốc Sỹ nói về ngày uất hận thiên thu này, anh Sỹ nhắc lại trong "Một vài ký ức hình nổi của giai đoạn 20-7-54 - 20-7-72 (Báo Đời số 140): Hình ảnh đồng bào khắp nơi vượt mọi gian lao để tới Hải Phòng được phổ biến sâu rộng tại bất cứ nơi đâu còn gọi là đất Quốc gia, những hình ảnh đặt biệt sỉ nhục một cách thậm tệ cho ông Hồ đăng tải trên các tạp chí lớn ở Âu Châu: Đó là hình ảnh hàng ngàn người xuất hiện trên bãi bể Bùi Chu, hình ảnh họ kéo lê chiếc bè lao nhào vào lớp sóng bạc đầu, hình ảnh họ chen chúc trên chiếc bè mỏng manh, đàn bà đứng bế con, ống chân ngâm dưới nước quên mỏi, phần trên rét run, đàn ông khom lưng cố chèo ra khơi cho kịp những chuyến tàu đương thân ái đợi họ để rồi xã hết tốc lực ra khơi xa hơn nữa để chuyển họ sang những tàu vận tải lớn hơn...".

Và hình ảnh bi thiết, rực rỡ nhất của cuộc di cư thần thánh đã tụ

lại trên điểm cao hoạt cảnh dưới đây:

- Xe lửa từ Hà Nội xuống đến Hải Dương ngừng lại ở ga Phú Thái, nơi đó cán bộ Cộng sản khám dân chúng, tha hồ dân chúng văng tục, chửi rũa, đám cán bộ vẫn cười tươi ngọt ngào như không. Có bà gần như khỏa thân từ trong phòng khám bước ra, có bà còn ra ngồi xuống tiểu tiện rồi mới đứng dậy, bận quần áo đầy đủ, có bà xoay đủ một vòng, nghều nghện hai bầu vú nuôi con rồi mới bận áo... Ôi! Những người đàn bà Việt Nam cực kỳ thông minh và biết trọng nhân phẩm đó! Tất nhiên đám cán bộ Cộng sản nam nữ vẫn luôn luôn giữ nụ cười nhã nhặn bình tĩnh. Trên cái nền khỏa thân của các bà, nụ cười đó quả đã bị bóc trần đến chất lõi máy móc vô nhân của nó. Hàng bao tấn giấy tờ của người trí thức Quốc gia viết để chống đối Cộng sản không nặng bằng một đồng cân so với cái cử chỉ vừa khôi hài vừa thâm trầm chua chát của hình ảnh cố ý kéo dài cuộc khỏa thân của các bà...".

Anh Sỹ đã cất cho tôi được gánh nặng ngàn cân vì gần hai năm nay đi đâu tôi cũng thấy người Cộng sản... cười. Những nụ cười tươi, rộng, rất vồn vã, rất nồng nghiệt, tràn ứ đầy khắp trên các báo Quân Đội Nhân Dân, Quân Đội Giải Phóng, trên tạp chí " Đường Đến Vinh Quang của Nam Việt Nam...". Đâu đâu cũng thấy người Cộng sản cười, Võ Nguyên Giáp cười, Lê Duẫn cười, Phạm Văn Đồng cười, Song Hào cười, Văn Tiến Dũng cười, Phạm Văn Bạch cười, Nguyễn Hữu Thọ cười, chiến sĩ " tên lửa " cười, đội làm cầu cười, người nữ chiến sĩ miền Nam cười, những " Người Con Tây Nguyên " cười... Tất cả đều mở rộng miệng đến tối đa kích thước, hàm răng tràn ra khỏi những ghè môi nhăn nhúm, choáng chật cả khuôn mặt bị căng cứng, bị gấp nếp vì nụ cười quá khổ... Rồi tôi lại phải " tiếp thu " thêm những nụ cười trên thực tế của Thiếu tá Trần Tín ở Hà Nội, của Thượng tá Năm Tích ở Lộc Ninh, của Nguyễn An Giang ở bắc sông Thạch Hãn... Những nụ cười như trong báo chí đó được lập lại đúng cỡ, đúng điệu, tràn ngập khắp nơi khi người Cộng sản tiếp xúc cùng người lạ. Một lần, hai lần,... Lần thứ một trăm, lần thứ một ngàn, nụ cười tràn ứ đó gây nên một cảm giác kỳ lạ trong tôi. Cảm giác nửa nhờm tởm, nửa bị đe dọa. Nụ cười vỡ như lửa lóe ra khi trái lựu đạn nổ, nụ cười ghê ghê, vô nhân, vô nghĩa như con vượn, con dã nhân khi được kích thích, vì được luyện tập. Tôi không nói quá lời, tôi không " hạ " đối phương nhưng quả tình nụ cười đó suốt hai năm gây cho tôi câu hỏi: Có phải chăng người Cộng sản có một " chủ trương cười "? Người Cộng sản đã cười theo chỉ thị, theo công tác, theo tiêu chuẩn? Nếu không thì tại sao, đâu đâu, ai ai cũng có một cách cười,

một vẻ cười chung giống nhau như thế? Sông Hào, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, những cá tính khác biệt, những con người khác nhau về khả năng,tính chất, môi trường trong một bức hình ở khóa hội thảo đều cùng có chung một nụ cười hả hê, thống khoái rạng rỡ. Cho đây những nụ cười thật vì các ông ấy là tướng, là cán bộ cao cấp được điểm Bác và Đảng... Nhưng rồi, sao đám nhân công nhà máy dệt, đội làm cầu, cán bộ mậu dịch... Những người gầy còm, mắt trắng, những kẻ tóc bạc mệt nhọc dầy như cỏ rối, trên nét nhăn, những người nầy có gì để phải cười giống như Giáp, như Đồng?!!! Vậy chỉ có thể hiểu, và chắc chắn như thế: Người Cộng sản đã được huấn luyện, kiểm soát và thi đua cười theo một tiêu chuẩn nào đó về nụ cười. Họ phải tập cười theo một mô thức được hoạch định bởi Đảng và nhà Nước. Vậy, trước nụ cười đó còn gì xứng đáng và sít sao hơn là những thân thể tinh khôi, cao quí phẩm hạnh của con người trần truồng toàn diện. Phải, chỉ có cái thân thể nồng nhiệt tự do, thân thể ấm áp sức sống nhân bản của con người cao quý mới gọi là ngọn triều lớn cuốn bay đi lớp nụ cười vô nhân khô héo của người Cộng sản... Hiểu như thế. Và phải hiểu như thế.

Tôi nhớ buổi chiều ngày 18-2-1973 tại bờ bắc sông Thạch Hãn, giữa bóng tối mờ mịt, khi tự xé chiếc áo phơi lồng ngực trần để chỉ cho đám sĩ quan quốc tế cùng đám cán bộ Cộng sản biết so sánh thế nào là " sự thật " về người tù Cộng sản bị " tra tấn " tại trại giam ở Phú Quốc. Với sự thật của chính thân thể tôi. Nhưng tôi đã làm chưa đủ, thật ra tôi phải làm như những người đàn bà cao quý nọ.

Trong những tháng 8, 9, 10 năm 1974 tại Sài Gòn có phong trào chống tham nhũng tố đích danh Tổng Thống Thiệu bằng cáo trạng sáu điểm; phong trào đòi Tự Do, Dân Chủ, đòi hỏi hủy bỏ sắc luật 16-69 và 007, những sắc luật kìm kẹp báo chí một cách chặt chẽ hà khắc. Cuộc tranh đấu lên đến cao điểm: Đòi hỏi chính phủ Thiệu phải thực thị Hiệp Định Ba Lê, thành lập Hội Đồng Hòa Giải gồm có ba thành phần và chấm dứt ngay tiếng súng để cùng người Cộng sản hòa hợp và hòa giải trong tinh thần dân tộc.... Phong trào tập trung được toàn thể những linh mục Công giáo cấp tiến cánh tả như Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ, Trương Bá Cần, Chân Tín... Những người của nhóm Đối Diện trước đây. Phía Phật giáo cũng nhập cuộc trên một địa bàn khác với sự đồng ý của giáo hội Ấn Quang tích cực yểm trợ cho Lực Lượng Hòa Giải, Chủ tịch là Vũ Văn Mẫu.

Bỏ đi sự có mặt của những người như các dân biểu đối lập ngụy danh, những chính khách cấp tiến tiền chế, những lãnh tụ tôn giáo tả

khuynh có điều kiện, những đào kép cũ của những tuồng tích héo úa, trong đó do thúc đẩy quyền lợi, với khí thế ma đầu, những hào hùng cải lương... Những dòng viết sau đây tôi chỉ muốn nói đến cuộc nhập trận tích cực của các vị linh mục. Trong tập thể linh mục nhập cuộc cùng những phe khối của họ có thể chia ra làm hai thành phần rõ rệt. Thứ nhất, là nhóm linh mục cấp tiến khuynh tả như Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Trương Bá Cần cùng những người viết Đối Diện, Trình Bày như Nguyễn Văn Trung, Thế Nguyên, Lý Chánh Trung... Và thành phần thứ hai gồm những linh mục trước đây đã có một quá trình chống cộng như Nguyễn Viết Khai, ông Cha rửa lễ cho Tổng Thống Diệm, người lập trường "Ngô Đình Khôi" tại Phan Thiết, thủ lãnh chống Cộng của Khu Tư sau 1945, Đặc Sứ lưu động của Tổng Thống Diệm liên lạc các trại định cư của những người Nghệ Tĩnh Bình, cũng là tiền đồn chống Cộng của giai đoạn 54... Và Cha Thanh cũng là lý thuyết gia của Phong Trào Nhân Vị ở Vĩnh Long trước đây, một linh mục thuộc Dòng Chúa Cứu Thế nổi tiếng về hùng biện và tinh thần chống Cộng sản của người dân gốc Quảng Trị.

Mục đích của phong trào thoạt tiên rất chính đáng, vì đó cũng là cơ hội cuối cùng để miền Nam kiện toàn lực lượng đối lập trong thế tranh đấu đối với Cộng sản lẫn phe Quốc gia, hình thành một lực lượng hòa giải trong giai đoạn sắp tới khi Hiệp Định Ba Lê được thi hành theo từng chi tiết nhỏ. Thái độ và tinh thần chung của Cha Trần Hữu Thanh, chủ tịch phong trào là thái độ tích cực đấu tranh với tinh thần cấp tiến, thiết tha đến tương lai của miền Nam, một tương lai rất gần phải chung sống cùng người Cộng sản. Phải nhìn nhận rằng Cha Thanh đã dựng lên một phong trào rất đứng đắn và cấp thiết, miền Nam sở dĩ tồi tệ quá mức như hiện nay với nạn lạm phút đứng nhì của thế giới (sau Chí Lợi) chính là do tác dụng phá hoại tích cực của tham nhũng. Tham nhũng không chỉ có trong một vài động tác đầu cơ, hối lộ của giới chức chỉ huy hành chánh cao cấp, nhưng tham nhũng là một đặc thù của sinh hoạt miền Nam, tham nhũng bao trùm lên tất cả mọi dịch vụ giữa nhà cầm quyền và dân chúng, giữa những cán bộ hành chánh, quân sự với đám thừa hành, giữa giới chức lãnh đạo và toàn thể mọi đối tượng tiếp xúc. Thật là bỉ ổi và ghê tởm khi bên cạnh cảnh đe dọa của cuộc chiến (chưa hề dứt) với đám dân chúng lầm than tan tác, có những sự kiện tham nhũng bỉ ổi tàn nhẫn như vụ buôn lậu có xe còi hụ dẫn đầu bị bắt ở Long An, những dịch vụ buôn gạo, xăng cho Cộng sản được điều động bởi những tỉnh trưởng, sư đoàn trưởng với giao kèo, chia chác đến lạnh người. Khi một chức trưởng ty cảnh sát quận 5 ở Chợ Lớn được"mua" với

giá trên một trăm triệu thì “tính tham nhũng” của chế độ đó đã đi đến mức siêu đẳng tồi tệ. Cha Thanh đã dựng lên một phong trào sinh tử vì không thể nào sống với người Cộng sản (sẽ nói rõ lại tính chất của những người nầy sau) khi còn tập đoàn lãnh đạo ung thối khiếp đảm như thế, cộng thêm cơ cấu dân cử gồm đa số dân biểu tay ngang, khí phách và khả năng tại nghị trường chỉ là thái độ quỵ lụy khiếp sợ người cầm quyền hành pháp. Phong trào đã lên thật mạnh và đáp ứng được nỗi mơ ước đau đớn của toàn khối dân chúng đang lăn xuống cuối dốc đói khổ.

Nhưng phong trào đã không phải chỉ ngừng ở phạm vi chống tham nhũng thuần túy như danh xưng, cũng trái ngược luôn với lời của linh mục Thanh nói ở Xóm Mới hôm 6 tháng 10... “ Chúng tôi không đòi lật đổ Tổng Thống Thiệu, ông Thiệu muốn ngồi thêm năm, mười năm nữa cũng được, nhưng cần nhất là ông Thiệu phải quyết liệt bỏ tham nhũng vì ba, bốn tháng nữa là Việt Cộng vào đây ở với chúng ta, mà với tình trạng tham nhũng thối nát thế này thì chúng ta “lúa rồi”... Lời nói của Cha Thanh, hướng đi của phong trào, mục tiêu của phong trào lần lần có những xa cách, nếu không nói là trái ngược nhau. Mà sau hơn một tháng bùng nổ, phong trào đã đi đến điểm cao “ vận động trưng cầu dân ý về việc bất tín nhiệm Thổng Thống Thiệu hay không...”. Mục tiêu chót đã không dấu diếm. Để chuẩn bị thế hòa giải sống chung với người Cộng sản. Tôi dừng lại ở đây để trở lại vấn đề ban đầu: Có thể hòa giải hay không cùng người Cộng sản Việt Nam.

Phải, không thể nghi ngờ thiện chí và lòng tha thiết muốn hướng dẫn dân chúng vào một phong trào sinh tử để chuẩn bị thế nhân dân tranh đấu với đối phương, một kẻ quỷ quyệt tinh vi, vô cùng thâm độc trong việc khuynh đảo, gây hỗn loạn, cướp chính quyền. Nhưng hướng tấn công chính của phong trào (Tổng Thống Thiệu) cùng mục tiêu tối hậu (Hòa giải cùng người Cộng sản) đã gây trong tôi những công phá mạnh mẽ bởi mối phát hiện nghi ngờ: Phong trào hay nhóm linh mục lãnh đạo hay cụ thể hơn là cha Thanh chỉ là những lực lượng dọn đường để sống chung cùng người Cộng sản. Tiến trình được điều động bởi một áp lực tinh vi ghê gớm. Sức công phá gây đến nỗi não nề khi theo dõi các cuộc biểu tình (to lớn và quan trọng nhất), như cuộc biểu tình ngày 10-10-74 tại Sài Gòn. Nhìn thấy tận mắt một lớp đào kép cũ diễn trò vui trên đau đớn và hy vọng cuối cùng của nhân dân. Phong trào phải chăng đã xử dụng nhân dân như là một con ngựa chiến để đi đến đấu trường. Cảm giác não nề cũng không phải vì thấy phong trào chuẩn bị cho “ thế đứng

chung với người Cộng sản ". Người lãnh đạo quần chúng hơn ai hết có trách nhiệm hướng dẫn, báo động, chuẩn bị cho nhân dân những tình huống mới; huống gì những tình huống khắt khe bắt buộc sẽ phải xẩy đến. Nhưng là cảm giác gây nên bởi tinh thần gọi là cấp tiến " Có thể sống chung được cùng người Cộng sản " của những người đã có kinh nghiệm máu với cộng sản. Tôi khai triển tiếp vấn đề này.

Trong cuộc viếng thăm Á Châu của Đức Giáo Hoàng Paul VI; lần viếng thăm Á Châu đầu tiên của một vị Giáo Hoàng Hội Thánh Công Giáo La Mã. Hội Thánh có một quá trình chống cộng tích cực, hữu hiệu nhất. Đức Thánh Cha đã không ghé thăm Đài Loan và Việt Nam nơi có tập thể giáo dân đông đảo với một hoàn cảnh bi thiết, nơi đất nước bị tàn phá khốc liệt bởi chiến tranh. Một xung đột hệ quả từ những tư tưởng chính trị đối nghịch Tây phương, trong đó Giáo Hội La Mã mặc nhiên có ảnh hưởng lớn. Ngài không vào hai nơi này để chứng tỏ tinh thần mới của Giáo Hội, khai phóng từ đời cố Giáo Hoàng Gioan XXIII, sau Công Đồng Vaticano II, Công Đồng mở màn cho kỷ nguyên tiến bộ canh tân và hòa giải. Người Cộng sản là một trong những đối tượng lớn của cuộc hòa giải vĩ đại này. Vì " chỉ sau hơn năm mươi năm, chế độ Cộng sản đã chi phối và tác động lên trên 1500 triệu của toàn cầu, trong khi đó Giáo Hội Công Giáo sau gần 2000 năm truyền đạo cũng chỉ mới có 613 triệu tín đồ" (Báo Đối Diện). Thế nên vấn đề hòa giải với người Cộng sản không chỉ trong phạm vi Thần học, Triết học mà còn là một hướng chính trị chiến lược lớn của Giáo Hội. Dưới ảnh hưởng bởi ý hướng mới nầy nhóm linh mục trẻ cấp tiến, xuất phát từ các đại học Âu Tây muốn đẩy mạnh cường độ hiện thực hơn với môi trường " chiến tranh Việt Nam "; trong đó kẻ thù gớm ghiếc nhất không phải là Cộng sản mà là Thực Dân, Đế quốc Mỹ cùng chính quyền tay sai, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, một lực lượng phản động, một ngụy quyền làm cục đá chận đường, vật ngăn cản không để những người cấp tiến khuynh tả có cơ hội " đối diện, hòa giải " cùng người anh em Cộng sản trong tinh thần dân tộc!! Thái độ này không lạ, đó là ý hướng được khai triển từ lâu với J.P. Sartre, Bertrand Russell những người " lậm " nặng bởi mặc cảm trí thức bất lực, bất lực để tham dự cùng đời sống, bất lực để giải thích đời sống. Mặc cảm nhỏ bé, có tội trước Cộng Sản, vô dụng đối với Tư Bản. Những sản phẩm chính cống của hệ thống triết học Tây Phương. Mà họ chính là những người mang vác cồng kềnh mệt mỏi trên vai cùng với tất cả nỗi vô ích canh cánh đè nặng tinh thần. Thế nên, tôi không nói nhiều đến nhóm linh mục trên trong bài viết này vì hiểu rằng đây là thái độ độc

nhất của họ. Họ không thể thỏa hiệp được với khối siêu quyền lực đã chi phối, nuôi dưỡng và xây dựng lên họ, vì kiến thức, mặc cảm và vị thế cao quý đầy đặc quyền mà họ thụ hưởng được cũng là hệ quả của một xã hội tư bản thoái hoá. Trở lại với nhóm linh mục hữu khuynh, những người có số tuổi trên dưới năm mươi, có những kinh nghiệm cụ thể sống chết với người Cộng sản. Bỗng nhiên trong một sớm một chiều. Họ xoay một vòng lớn và: " Xét về vấn đề Tổ Quốc thì chúng ta phải thực tâm mà thú nhận rằng phía Bắc Việt họ đã chiến đấu vì Tổ Quốc mà chúng ta chiến đấu vì đô-la, vì địa vị...". Linh mục Khai - Đối Diện 21- nên tóm lại:

-Thứ nhất: Đừng quá sợ sệt, trốn chạy và thù ghét Cộng sản như lâu nay.

-Thứ hai: Người Công giáo phải là một chiến sĩ Hòa Bình, nhưng luôn " đề cao cảnh giác..."

- Thứ ba: Phải biết đối thoại (với người Cộng sản) trên căn bản tự do, công lý, chân lý.

- Thứ tư: Phải xây dựng một Đức Tin sáng suốt để có đủ điều kiện sống chung với Cộng sản (nếu cần) và thu phục được họ.

- Thứ năm: Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối Giáo Hội để có thể " không còn cần thắng cộng sản bằng B52 của Mỹ..."

Những điều của linh mục Khai viết trong tháng 2-71 bây giờ đang được phong trào quảng diễn lại ở Xóm Mới, Chí Hòa, Hốc Môn và hiện thực hơn bằng cách yêu cầu Tổng Thống Thiệu từ chức để phong trào đẩy mạnh thế nhân dân vào cuộc chiến đấu tranh với người Cộng sản trong tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Những điều của cha Khai nói gây trong lòng tôi nhiều xao động và nẩy sinh ra nhiều câu hỏi. Hỏi để trước tiên giải thích cho hành động của chính mình và sau đến tìm hiểu công việc, tinh thần của người khác. Những vấn đề cụ thể với những câu hỏi như sau đây:

- Chúng ta có thể hòa giải cùng người Cộng sản Việt Nam không? Tôi trả lời dứt khoát: Không được. Để giải thích khẳng định nầy, tôi lần lượt đi qua từng yếu tố. Trước tiên, chúng tôi những người trẻ, trên dưới ba mươi tuổi không hề có một mặc cảm, một não trạng (chữ của cha Khai) nặng nề đối với người Cộng sản: Nghĩa là chúng tôi không có thiên kiến sợ, chạy trốn, thù hận, đánh đuổi, tiêu diệt đến cùng người Cộng sản. Cộng sản đối với chúng tôi trên lý thuyết là một hệ thống tư tưởng có tính " thực dụng " để giải thích và điều động xã hội theo ý niệm công bằng và hợp lý. Chúng tôi không " hữu thần " quá độ đến nỗi sợ hãi Cộng sản khống chế tiêu hủy Thượng Đế hay tôn giáo của mình. Chúng tôi không đến đỗi " nỗi loạn, vô

chính phủ ” nên sợ hãi chống đối với một cơ cấu quyền lực chính trị tổ chức chặt chẽ với những định chế khắc khe. Trên phương diện tư tưởng chúng tôi có quan niệm Cộng sản trước hay sau cũng chỉ là hệ thống tư tưởng với khuynh hướng tiến bộ xã hội có thể áp dụng cho một vài nơi, một vài hoàn cảnh xã hội nào đó để hình thành một tình trạng bình đẳng tương đối, chỉ là những tương đối so với những bất công trầm trọng của chế độ chính trị trước đó..” Riêng tại quê hương Việt Nam, nơi đã có một tinh thần tổng hợp tuyệt vời Nho - Phật - Lão thấm sâu vào mạch sống dân tộc, tạo nên một sức mạnh dẻo dai, bền bĩ đối kháng với mọi công phá, từ ngoài như ngoại xâm, từ trong như tầng lớp lãnh đạo suy đồi, để luôn tồn tại vững chắc thầm lặng. Thực dân Pháp đến và cũng đi sau 100 năm, thực dân mới kiểu Mỹ đến và cũng ra đi và chắc chắn cũng sẽ bị tiêu vong ảnh hưởng. Tóm lại chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi một thần quyền hay một thế quyền nên chống lại người Cộng sản. Trên bình diện tư tưởng, chúng tôi chỉ vì không chịu được tư tưởng độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của người Cộng sản. Với cơ cấu làng, xã của dân tộc Việt, với tinh thần tổng hợp Tam Giáo, với cốt tủy “ Nhân chủ và Dân chủ ” của người Việt, chúng tôi không thể chấp nhận chiếc mũ Cộng sản độc tôn phát sinh từ trời Tây. Cũng chỉ là một sản phẩm của Âu Tây tư bản.

Chúng tôi cũng không chống Cộng vì “ khủng Cộng ” (chữ của Cha Khai), vì sợ hãi, tê liệt trươc người Cộng sản. Mười năm chiến tranh (63-73) nặng nhất của hai ý hệ, chúng tôi là tầng lớp gánh chịu đau đớn nhất và cụ thể nhất. Chúng tôi cũng không như Cha Khai, Cha Quỳnh, Cha Nguyễn Lạc Hóa phải nhờ Tây giết Cộng (Lẽ tất nhên chúng tôi xài súng của Mỹ cũng như người Cộng sản dùng súng AK) mà đã chiến đấu bằng chính đời sống mình, còng lưng xuống mang một chiếc ba-lô, tay cắp súng, tay cầm thêm thùng đạn bấm đôi chân trên rừng núi bạt ngàn của miền Nam để đánh Cộng sản. Trong mười năm dài và chắc sẽ còn tiếp tục nếu Cộng sản nhất định đi bước chót của “ Di chúc Hồ Chủ Tịch...”

Cũng thật là xấu hổ và vô liêm sỉ khi bảo rằng chúng tôi chiến đấu vì quyền lợi. Quyền lợi nào ở đồng lương chỉ sống đủ nửa tháng, dăm bộ quần áo lính chỉ để mặc đủ trong chuỗi ngày dài của thời gian mười năm chiến trận. Chúng tôi cũng chưa hề được đãi ngộ (tinh thần và vật chất) như ngang với đám chiến sĩ, cán bộ của đối phương, huống gì bảo rằng chúng tôi có những “ quyền lợi ” để có thể trở thành đối tượng của phong trào chống tham nhũng. Đành rằng trong nhà binh (và cũng là một môi trường chính) tham nhũng

hoành hành và tác hại gớm ghiếc. Nhưng thiểu số thụ hưởng đó quá nhỏ bé so với tập thể bao la những người chỉ mơ ước được một giấc ngủ ngắn và bữa cơm không pha mùi thuốc súng cùng máu nóng... Và quả tình thật đốn mạt và hèn hạ khi gọi chúng tôi là: " Những kẻ hiếu chiến trong cuộc chiến tranh này. Những tên diều hâu thực thụ. Thứ nhiên liệu tinh hảo và rẻ mạt ném vào lò đúc kim cương. Những kẻ đánh thuê, và khi đã là lính đánh thuê bao giờ cũng được trả một giá cao vì ý thức rõ bản chất của điều họ muốn và điều họ làm..." - Nguyễn Tử Lộc báo Đối Diện số 20 -. Ai thuê và với giá nào? Phải chăng là người Mỹ với giá tiền lương một sĩ quan cấp úy chưa đủ tiền mua gạo cho gia đình?! Đừng nói như trên vì nói thế là vô ân, là kẻ ngụy trí thức, là kẻ bạo dâm liêm sỉ. Hắn ta chỉ có thể viết như thế vì đang ở trong một thành phố của miền Nam. Miền đất bảo vệ bởi chính máu của chúng tôi.

Đã giải thích rõ các yếu tố về mình, coi như đã soi sáng một phần câu hỏi: Có thể hòa giải với người Cộng sản Việt Nam được không? Chúng tôi cần khẳng định lại, vì ngay ở xưng danh, trong khi chúng tôi gọi họ là những người Cộng sản Việt Nam, những người Việt theo chủ nghĩa Cộng sản; trái lại họ gọi chúng tôi là " Ngụy quân ". Họ dành riêng do mình quyền và bổn phận phải làm " Cách mạng, dân tộc, giải phóng miền Nam...". Chỉ có họ mới là người Việt Nam yêu nước; người Hà Nội, Thanh Hóa, ở các xã giải phóng mới là nhân dân yêu nước, tiến bộ, yêu hòa bình còn nhân dân ở An Lộc, Quảng Trị, ở Tân Mai (Biên Hòa), ở Cai Lậy, Song Phú là nhân dân " Ngụy " không được quyền sống mà cần phải giết bỏ và tiêu hủy.

Không thể hòa giải cùng người Cộng sản Việt Nam cũng bởi vì họ là người Cộng sản Việt Nam mà không là Cộng sản Đức, Ý, Nhật, Pháp. Cho dù là Cộng sản Nga. Tổng Bí Thư Đảng như Khrouschev, Brezhnev cũng chỉ là những giới chức hành chánh cao cấp hành nghề chỉ huy tương tự như thủ tướng W. Brand, Tổng Thống Kennedy; Cộng sản ở Nga chỉ là một chính sách, một đường lối để canh tân và hiện đại hóa một nước với lãnh thổ quá mênh mông, sắc dân đa tạp. Và có là Trung Hoa Đỏ đi nữa Mao Trạch Đông vẫn là tổng hợp của Tần Thủy Hoàng, Khổng Tử và một chút của Staline. Nhưng Cộng sản Việt Nam là một tổng hợp tuyệt hảo của niềm tin cách mạng vô sản, của giải phóng dân tộc, là khối kim cương của tất thắng, là toàn hảo tận thiện, mỹ không kẽ nứt. Năm 1930 ở Hoa Lục Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch vẫn chỉ là hai người Trung Quốc yêu nước có đường lối cải cách xã hội, chỉ huy quốc gia khác nhau, nhưng " hòa giải " trong một thế Quốc - Cộng chặt chẽ. Năm

1930 chủ tịch Staline trong chiến tuyến chống phát-xít vẫn luôn muốn bắt tay với người bạn Mỹ tốt đẹp. Thế nhưng năm 1930 ở Việt Nam đã có Sô Viết Nghệ-Tỉnh, Sô Viết Quảng Ngãi, Cộng sản không chỉ đánh Tây cứu nước nhưng còn chặt đầu công giáo ở Trà Kiệu, Thăng Bình (Tam Kỳ, Quảng Tín bây giờ, Quảng Nam lúc đó), nửa đêm đốt đuốc diệt Đại Việt ở Quảng Ngãi, phục kích Phục Quốc Quân Việt Nam ở Tàu về, v.v... Cộng sản Việt Nam đã tạo dựng truyền thống tin truyền cho chủ nghĩa từ thuở phôi thai, từ ngày nhập cuộc. Một thủ đô văn hóa dài lâu như Hà Nội đã bị đánh vỡ hẳn yếu tính thanh nhã cao quý của một chốn xưa đầm thắm, hóa thân thành một thành phố lạnh lùng quái dị, bị vô tính hóa đến độ tàn nhẫn phi nhân, tràn ngập đầy đường phố, trong trụ sở, nơi nhà giam một đám cán bộ nghiêm nghị, cẩn mật với tiếng nói âm thanh vùng Nghệ Tĩnh. Tôi không thấy, không nghe được hình ảnh, tiếng lời trong sáng dịu dàng của những người Hà Nội như trong ý niệm, trong trí tưởng. Ở Hà Nội tôi chỉ gặp được một số cán bộ gốc Nghệ Tĩnh Bình nếu không cũng là Bình Trị Thiên hay Nam Tín Ngãi. Và ở địa điểm trao trả Bạc Liêu, Rạch Giá trong ruộng đồng trái tim miền Nam những người kháng chiến Nam bộ hào hùng đánh Tây thuở trước cũng hoàn toàn vắng bóng. Cụ thể hơn hết, hai năm ở bàn hội nghị, Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang, Bùi Thiệp, Trần Văn Vầy cũng chỉ là những người Cộng sản khu V (Nam-Ngãi-Bình-Phú: Liên khu V của cộng sản từ thời 1945). Phải chăng đây là những người từ đầu của Mặt Trận ở những năm 59, 60 khi mới thành lập hay là đào kép chính xuất hiện diễn màn cuối khi những người như Năm Quốc Đảng, Hai Chủ Tịch xe ngựa, Tư Thắng những người Cộng sản kháng chiến miền Nam đã lót đường dưới bom đạn của chiến tranh hoặc vào quên lãng. Vậy hòa giải sao được với những người Cộng sản nay khi trí não họ chỉ có một ý niệm, khi ngôn ngữ chỉ có một lý luận, khi hành động đã là một động tác phản xạ có điều kiện. Họ có muốn ta hòa giải cùng họ không? Chắc chắn là không. Vậy ta hòa giải với ai và như thế nào?? Tôi xin trao lại phần trả lời cho những người hòa giải. Nói thêm một điều: Nếu người Cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật đoản kỳ nào đó, chắc chắn rằng họ cũng không ngồi chung chiếu với " lãnh tụ " Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu chứ đừng nói đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam.

Qua phần câu hỏi thứ hai, tôi muốn trình bày một tâm trạng não nề khi thấy các linh mục hữu khuynh đổi thái độ... " Phải đánh thằng quỉ lớn trước, đánh thằng quỉ nhỏ sau ", lời Cha Thanh. Thằng quỉ

lớn là tham nhũng, là chính phủ của Tổng Thống Thiệu, là người Mỹ với chính sách thực dân kiểu mới. Tùy theo mỗi cách đặt vấn đề trên mục đích của mỗi phe nhóm và thằng quỉ nhỏ là Cộng sản. Một thằng " quỉ nhỏ " sẵn sàng đối thoại, có thể đối thoại và nên đối thoại! Tại sao như vậy được? Ông Thiệu và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa hiện tại đâu có phải một sớm một chiều bỗng dưng mà có. Chiến tranh hiện tại cũng không phải vì " không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định Ba Lê " cũng không phải vì " Người Mỹ vẫn còn dính líu vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chính sách Thực Dân Mới " mà có. Ông Thiệu, ông Khiêm, tình trạng tham nhũng bất công thối nát, chiến tranh hôm nay chỉ là hệ quả tất nhiên của các giai đoạn 45-54, 54-63, 63-73. Là hệ quả của các lực lượng Quốc gia không chịu tập trung và hoạch định hoạt động theo đúng hướng đi chung của lịch sử, dân tộc và thế giới; cũng như sau khi các lực lượng tôn giáo nhất quyết tựa vào phe cầm quyền để củng cố và phát triển giáo quyền (che dấu mặc cảm đã cộng tác với những người khống chế dân tộc). Đó cũng là hệ quả của lần " sẩy tay " trầm trọng nhất khi miền Nam đánh mất cơ hội tốt đẹp, một hoàn cảnh thuận tiện (54-63) kiện toàn miền Nam, để có đủ khả năng và lực lượng cân bằng, hiệp thương cùng miền Bắc. Để rồi sau đó lại mất luôn khí thế cùng thời gian sau năm 1963 trong những sa đọa giành giật, cấu xé và phân hóa thô thiển vì quyền lợi cá nhân, rơi vào hố thảm bại cả một phong trào nhân dân năm 1966. Và tình hình hiện tại với ông Thiệu chỉ là ngọn cuối của một cơn cuồng phong thổi tàn khốc qua quê hương khốn khổ. Có ai ngăn chặn một luồng gió ở cuối đường để đề phòng một cơn bão? Có ai chặt đi một ngọn cây để hủy diệt những hư thối từ gốc rễ?! Cha Thanh, Cha Hoàng Quỳnh, Cha Nguyễn Viết Khai chắc không thể bảo rằng đã vắng mặt ở các giai đoạn kể trên. Các Cha đã đứng vào đâu trong đoạn thời gian đằng đẵng hiểm nghèo đó? Đã làm gì và làm được gì? Phải chăng các Cha đã tựa vào thế của Tổng Thống Diệm, đã dựa vào thế của Chủ Tịch Hành Pháp Nguyễn Cao Kỳ và gần đây, chắc cũng hơn một lần các Cha thỏa hiệp với ông Thiệu. Và các Cha đã làm gì được cho nhân dân qua những thỏa hiệp quyền lực đó? Năm 1974, phải chăng các thế lực đó không còn là nơi nương tựa chắc chắn nên các Cha phá bỏ. Thủ đoạn chính trị cho phép làm mọi chuyện nhưng nỗi khốn cùng của nhân dân không cho phép bất kỳ ai đem hy vọng cuối cùng của họ vào một cuộc trả giá.

Giả sử rằng trong giai đoạn sau 1954, các ông Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu dùng khả năng và ý thức trọng trách của mình (như bây

giờ đang khai triển) đối với Quốc gia và nhân dân, đặt vấn đề thẳng thắng cùng ông Diệm để cố Tổng Thống Diệm hữu hiệu hóa guồng máy chính quyền, quân đội, kiện toàn cơ cấu lãnh đạo Quốc gia, chấp nhận đối thoại với Cộng sản. Giả sử, Cha Thanh, Cha Khai gần gũi, thường xuyên với Đức Cha Thục, Tổng Thống Diệm, dùng uy tín và thành tâm của mình để ngăn chận những sai lầm chủ quan của ông Diệm và nhất là dùng " Đức tin vào Chúa để sẵn sàng đối thoại với người anh em không tín ngưỡng..." và " Để không những yêu mến thân nhân và hãy ghét thù địch mà phải mến yêu thù địch và khẩn cầu cho những người bắt bớ anh em... (MT 5, 53, 45). Giả sử rằng các ông Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín đừng di cư vô Nam tiếp tục ở cùng người cộng sản Hà Nội để sau khi đi Pháp học (Do sự điều động của Giáo Hội, của học bổng chính phủ Pháp thì phải chăng cũng là một " nhánh " của tư bản...), trở về Bắc đòi hỏi " Canh Tân và Hòa Giải ", và nhận định ngay từ giai đoạn đó (giai đọan sau 54): " Từ một thế kỷ nay Giáo hội đã thông qua chế độ tư bản... Ít phù hợp với luân lý các Tiên Tri và Tin Mừng..." - Báo Đối Diện

Nhưng, tất cả chỉ là giả thuyết vì mọi người đã ùa vào miền Nam để " Tìm Tự Do ", đã dựng nên một mặt trận chống Cộng khốc liệt và dứt khoát, đã đẩy nhân dân vào trong hai thế đối nghịch sống chết và đẩy đưa đất nước dần vào cuộc chiến tan vỡ. Cuối cùng, đoạn cuối này chúng tôi gánh hết, không quyền ta thán, không ý kiến, không phẫn nộ trong mười năm dài. Mười năm ê chề của màn kịch " chống Cộng " nửa vời, mười năm đau đớn của hệ luận " tìm Tự Do " nơi miền Nam. Chiến tranh toàn diện là " cái đuôi " của " cách mạng 63 ", của vận động hòa bình 64-66, mà tất cả đã trôi đi như một thứ bèo tan tác trong đại dương cuồng nộ bi thảm. Tất cả cũng chỉ là giả thuyết và đôi khi cũng là những phản đề thô bạo đáng kinh ngạc, vì đã có những tố cáo trong quá khứ: " Đến nỗi Linh Mục Trần Hữu Thanh còn dùng cả thần học lý luận "(?) để biện minh loanh quanh cho việc tra tấn (của Chính Phủ VNCH) trên các báo Công Giáo như Sacredo,Thẳng Tiến, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp - Lý Chánh Trung - Đối Diện số 19.. Như vậy có nghĩa lý gì? Các người đã bày nên canh bạc máu, tham dự chán chê xong đứng dậy phủi tay. Ông Thiệu đâu có xa lạ với các vị trong cuộc chơi tàn bạo đau đớn đó. Bây giờ phải chăng các người bày trò chơi mới với một số đào kép khán giả mỏi mòn.

Cuối cùng, chỉ là chúng tôi, những người chống Cộng cuối cùng và cay đắng, chống Cộng vì không thể là Cộng sản, vì đã ở một phía

đối địch với Cộng sản lập nên từ những đám tiền bối cực đoan bất lực, một đám đàn anh xoay rất lẹ và nhạy cảm đến độ phi nhân. Hai mươi năm của cuộc đấu tranh chống Cộng đến đây phải tạm dừng sao? Tôi lật đống ảnh của ngày xưa... Trên bãi bể Trà Lý, đoàn người tan vỡ xao xác, mắt lạc thần và môi tái xanh vì giá rét đứng ngâm mình trong nước đón tàu đi Nam. Trên đại dương mênh mông của vùng biển Bắc phần, chiếc mảng nhỏ gồm những thân cây tre ghép lại, nhóm dân áo đen rách gồm cả đàn bà và con trẻ ra sức chèo trong đêm về hướng đông, hướng mặt trời đợi ngày tới gặp được đoàn tàu đi Nam. Đi về Nam. Tìm Tự Do. Tất cả là thực tế hiển hiện đầy nhiệm mầu cao quý. Tôi đã đi đúng đường cùng lớp người rực rỡ cao cả của ngày xưa đó. Tôi đã đi đúng đường và viết những giòng chữ xứng đáng để ca ngợi Tự Do.

Miền Nam Việt Nam, Tháng 10-1974

Tù binh và hòa bình

Những lời kết
NHỮNG TÙ BINH TOÀN THỂ BỎ QUÊN
MỘT HÒA BÌNH THẬM TỆ DỐI GẠT
CUỐN SÁCH CẦN PHẢI VIẾT LẠI

Phan Nhật Nam tên thật Phan Ngọc Khuê, sinh ngày 9 tháng 9, năm 1943, chánh quán Thôn Nại Cữu, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị. Do một lý do (thật chưa biết rõ), cha mẹ đổi nên Phan Nhật Nam với ngày sinh mới, 28 tháng 12, 1942, làng Phú Cát, Huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Vốn lính tác chiến Nhảy dù (Ám số chuyên môn 240.7 - Chỉ huy một đơn vị bộ binh), kể từ ngày mãn khóa Trường Võ Bị Đà Lạt, 23 tháng 11, 1963; qua các tiểu đoàn 7, 9, 2; Lữ Đoàn II Nhẩy Dù. Thế nên, mãi đến mùa xuân 1968 cũng không hề chuẩn bị, sắp sẵn cho việc viết văn. Dấu hiệu tài năng thiên phú lại là điều không khả thể, cho dù với tỷ lệ nhỏ nhất. Trong chức vụ sĩ quan hành quân Lữ đoàn với lệnh hành quân, máy truyền tin, điều động phối hợp, theo dõi bốn tiểu đoàn bộ chiến Nhẩy dù, hai tiểu đoàn pháo cơ hữu, một tiểu đoàn pháo diện địa, hai liên đội Địa

Phương Quân, một Giang Đoàn Xung Phong tăng cường... Công việc đúng nghĩa 24/24 giờ của một ngày. Một tháng đúng ba mươi ngày bắt đầu kể từ ngày vào vùng hành quân. Không một chút ngơi nghỉ, bởi một điều giản dị - Lực lượng Cộng sản không hề có dấu hiệu chấm dứt Tổng Công Kích kể từ đêm giao thừa Tết Mậu Thân. Sẵn giấy bút, đêm khuya không hết; và người bạn thời niên thiếu (Đã là nhà văn Nguyên Vũ) đang luôn ngồi bên cạnh làm sĩ quan liên lạc pháo binh thúc dục... Định Mạng của một Nghiệp Vận kỳ lạ mở ra - Người Lính Cầm Bút cùng lần với Vũ Khí. Và viết đã trở nên một nhu cầu. Viết mở ra một thế sống mới, một cứu viện sinh tử - Không có không được. Bởi cơn đau với dấu ấn binh lửa không phải chỉ cảnh nhà cháy, súng nổ, đạn bom rơi vãi... Điều kinh khiếp vô phương cứu nạn của chiến tranh lần hiện rõ - Thật lần tận diệt Con Người. Người Việt Nam hoàn toàn bị coi khinh, đầy ải ngay chính trên Quê Hương mình. Và Chiến Tranh không hề có dấu hiệu, khả năng chấm dứt. Cũng như tính tất yếu (được Lựa Chọn) của Tự Do - Người Việt chỉ có quyền đứng về phía của Chiến Tranh.

Từ trong tình cảnh khốn cùng khắc nghiệt kia: Dấu Binh Lửa - Dọc Đường Số I - Mùa Hè Đỏ Lửa, phải viết nên cho buổi Sống Thật và Chết Oan Khiên. Không phải của một cá nhân đơn lẻ mà toàn Dân Tộc Nghiệp Hận... Kẻ Bắc - Người Nam; trong binh ngũ, với dân lạc loài... Tất cả cùng chung mang dấu lửa, càng ngày càng đậm sắc, xuyên sâu. Và dẫu rằng đằng sau cái chết, vẫn sừng sững nỗi oán hờn thiên thu của dòng sống oan nghiệt thật đã hình thành từ rất lâu. Tận đáy vực không phương thế trốn thoát ấy, tiểu thuyết của: Dựa Lưng Nỗi Chết - Ải Trần Gian, cũng chung một cảnh sắc bi thiết - Đất nước thật nơi tan vỡ với Sự Chết Thường Hằng.

Ngày 27 tháng 1, 1973, Hiệp Định Tái Lập Hòa bình tại Việt Nam được ký kết. Bởi cơn đau không sút giảm, cuộc chiến chỉ thoáng đổi thay cường độ, không phải để kết thúc. Người viết đã nên quả quyết - Hòa Bình là trạng thái không Thật - và bản văn Hiệp Định chỉ hoàn tất chuyện dối lừa.

Tính Thiện và Tâm Thành đưa Người Lính Viết Văn bước cao hơn, vượt quá mưu toan biển lận của chính trị - TÙ BINH VÀ HÒA BÌNH vì

thế PHẢI ĐƯỢC VIẾT.

Ngày 28 tháng 1, toàn thế giới tung dây ngũ sắc, rót rượu uống mừng Hòa Bình. Ở Việt Nam, người viết với tâm cảnh bi thương trên quê hương khổ nạn đã cất lời cảnh cáo: " Kẻ lảnh giải thưởng Nobel huân công Hòa Bình kia là một lũ bợm bãi sát nhân...". Thế giới, loài người, kể cả ở Sài Gòn... Nào mấy được ai nghe!!
Có ai nghe tiếng kêu trầm thống của người tù mặt trận Hạ Lào nơi thung lũng Việt Hồng, xã Việt Cường, huyện Trấn Yên, tỉnh Hoàng Liên Sơn... Những Đại Tá Nguyễn Văn Thọ - Lữ Đoàn Trưởng; Trung Tá Trần Văn Châu, Thiếu Tá Đức, các Đại Úy Châu, Thương, Trụ của Lữ Đoàn III Dù; Thiếu Tá Trần Ngọc Huế của Sư Đoàn I Bộ Binh và hằng trăm người của những toán Biệt Kích mang bí danh: Bear, Cat, Lance, Red Dragon, Remus.. Những Biệt Kích Quân bị bắt từ những năm đầu của thập niên 60, Nguyễn Huy Luyện, Hà Sơn, Nguyễn Công Thành... ở " Cổng Trời " Quyết Tiến, Hà Giang - biên giới Việt-Trung, chịu đựng suốt hai, ba mươi năm (60, 70, 80...) cách đối xử tàn nhẫn đã vượt hẳn kỷ lục và kỹ thuật giết người của Đầm Đùn - Lý Bá Sơ, thuở Cộng sản còn trong giai đoạn " chuẩn bị cho tổng tấn công sau 1950 ". Danh sách trao trả do phía Cộng sản chuyển đến phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại Ba Lê không có tên những người tù kể trên. Phía Cộng sản nhận đủ 26.508 người không một sai sót. Trại giam tù quân sự Phú Quốc hoàn toàn giải thể và ba tiểu đoàn Quân cảnh (coi giữ tù) biến cải thành bộ binh, đưa trở về đất liền.
Lê Đức Thọ, Nguyễn Thị Bình ở Ba Lê; Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa, Võ Đông Giang ở Tân Sơn Nhất; Xuân Thủy, Nguyễn Duy Trinh ở Hà Nội đều đồng loạt trịnh trọng tuyên bố "Nếu có quân nhân phía Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở mặt trận đường 9 Nam Lào thì (có thể) họ bị quân đội Pathet Lào bắt giữ?!...". Ở Hà Nội đồng thời cho phổ biến phim Người Khách Không Mời với nhân vật chính, Thiếu Tá Huế, sĩ quan cùng khóa, cùng đại đội với Phan Nhật Nam ở trường Đà Lạt. Huế bị bắt ngay tại LZ, bãi đáp mục tiêu Tchépone, Hạ Lào đầu năm 1971.
Năm 1976, Người Lính Viết Văn Bị Tù gặp đủ chiến hữu của mình ở thung lũng Hoàng Liên Sơn. Ngày 21 tháng 2, 1979 vào phòng kiên giam số 2, trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa, Phan Nhật Nam nghe từ buồng số 4 có tiếng hát "Bảo vệ làng thôn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa..." giọng khàn đục mệt mõi - Anh Nguyễn Công Thành bị kiên

giam từ 1964 - Năm anh bị bắt.
Cuối cùng, ba mươi năm sau, những Biệt Kích Quân còn lại, khoảng bảy mươi người của tổng số hơn bốn trăm bị Cộng sản Bắt Việt giam giữ kể từ những toán đầu tiên: Atlas, Bart, Bear, Bell, Becassine, Bull... Tellus, Swan (Lưu ý bạn đọc, danh hiệu đã quá hai mươi bốn chữ cái) của giai đoạn 1961 -1962 đến những người cuối cùng được ghi nhận, Mai Văn Tuấn bị bắt năm 1969, chết ngày 2 tháng Tám, 1970 tại Trại Phong Quang, Yên Bái, trở về Nam... Khi thiết lập hồ sơ H.O. những người lính trở về từ cõi chết này KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN LÀ QUÂN NHÂN THUỘC QUÂN LỰC VNCH. Cơ quan tuyển mộ, huấn luyện điều động họ - TOÁN NGHIÊN CỨU VÀ QUAN SÁT/BỘ TƯ LỆNH YỂM TRỢ QUÂN SỰ (Military Assistance Command Studies and Observation Group - Viết tắt MACSOG hoặc SOG) từ đầu năm 1960 - 61; sau này thuộc Bộ Quốc Phòng, nhận quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương (Kể từ biến cố 1963 tại Việt Nam mà các bộ phận kia trước đây có dính líu chặt chẽ với tổ chức, nhân sự của Đệ Nhất Cộng Hòa) - Đổi qua Kế Hoạch mang bí danh Alpha 34, mà chính Bộ Trưởng McNamara cũng không hề trình đến Tổng Thống Mỹ - sự kiện không hề được ai biết. Không một ai muốn nhắc lại. Lính Biệt Kích Việt Nam Cộng Hòa không được kể đến trong tiêu chuẩn, chính sách di dân của chính phủ Mỹ qua chương trình ODP. Một người Mỹ, Sedgwick “ Wick ” Tourison, trước 1975 là nhân viên tình báo Lục Quân Hoa Kỳ, sau này phụ trách công tác Nghiên Cứu thuộc Ủy Ban Tù Binh và Người Mất Tích/Phòng Tình Báo Bộ Quốc Phòng Mỹ (1983-1988) lật khối hồ sơ bi thảm về những người bị cả bạn lẫn thù đẩy vào bóng tối lãng quên và sự chết. Chiến hữu cao thượng này không kìm được phẫn nộ. Anh gióng lên lời báo nguy: Secret Army Secret War - được thành hình. Thế nên, Người Viết Văn không thể im lặng. Người Lính không thể bỏ cuộc chiến đấu cùng đồng đội; lời tố cáo tội ác xảo quyệt cần phải được nhắc lại. Hơn hai mươi năm sau, Tù Binh và Hòa Bình vẫn còn nguyên giá trị về một lời báo động - Tù Biệt Kích VNCH vẫn thăm thẳm vũng tối đọa đày nơi vùng đất có cái gọi là Hà Nội - Niềm Tin Yêu và Hy Vọng - Thủ Đô của Phẩm Giá Con Người ”. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt hôm hay lập lại tình cảnh của Đại Úy Biệt Kích Nguyễn Huy Luyện ba mươi năm trước, ở trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa; cũng là nơi Phan Nhật Nam đã đến từ ngày 17 tháng 4, 1986. Lúc ở đấy không còn một ai là tù người Nam. Vâng, phải đến ba mươi năm để cốt giết một người. Những người tù miền Nam kia không được làm người biết đau đớn; họ là bọn “ ngụy quân, ngụy

quyền có nợ máu với nhân dân ” nên con người vẫn tiếp tục bị đồ hình ở Quyết Tiến, Hà Giang; Phố Lu, Yên Bái; ở hệ thống trại Thanh Cẩm, Thanh Phong, Lam Sơn (Thanh Hóa). Hoặc khắp cùng Vĩnh Phú, Hà Tây, Nghệ Tĩnh... Bao nhiêu đất bấy nhiêu trại tù. Không mấy người nghe đến. Loài người khó ai nhận ra điều đau đớn đơn giản trên; kể cả các vị lãnh đạo tôn giáo, cầm đầu các Quốc gia, người tranh đấu cho nhân quyền, hòa bình thế giới. Chỉ mới kể một nửa nước, vùng phía Bắc Việt Nam.

CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI VIẾT LẠI.

Sự kiện về người tù dù sao vốn dĩ cũng là vấn đề với bản chất khép kín, che dấu, như thân phận tội nghiệp của họ. Thế nhưng, lại có những điều tồi tệ khác xẩy ra dưới ánh sáng như những biểu hiện công khai và hợp lý - Cũng được xem như hình thái của xã hội văn minh và tiến bộ: Sinh hoạt chính trị và những con người đặc thù của nó - Những người luôn luôn kêu gọi, nại đến, trưng ra những danh xưng cao thượng Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ với những đối tượng mục tiêu có giá trị tuyệt đối - Tổ Quốc, Dân Tộc. Tiến trình mang tính “ Chính Danh, Chính Nghĩa ” này qua Hiệp Định dối trá ngang ngược kia cũng bị lộ hẳn toàn thể xấu xa sa đọa với những người gọi là: Chủ tịch, Tổng thống, Trưởng đoàn đại biểu, những ủy viên trung ương, hằng loạt đủ các thứ loại chính khách, chính trị gia... Kể cả những kẻ gọi chung danh nghĩa “ đấu tranh cách mạng ”... Tất cả đã bày ra trước mắt nhân dân và lịch sử nguyên hình đám múa rối vô duyên và cực kỳ xuẩn động. Những kẻ dụng bạc giả để mưu định buôn bán sinh mạng Quốc gia, đánh lừa hy vọng của toàn khối miền Nam. Cuối cùng, Dân Tộc Việt đồng bị xiên ngược trên giàn lửa bởi chính những người đồng chủng được ngụy danh nên thành “ Người cộng sản Việt Nam ”. Chung bàn tiệc máu kia còn xuất hiện vô số những người rất mực hân hoan và kiêu hãnh; họ lạc quan và chủ quan một cách bất bình thường rất đỗi kinh ngạc - Những kẻ được gọi là thành phần tiến bộ, ưu tú của miền Nam.
... Ngày 24 tháng 7, 1973, tại địa điểm trao trả Lộc Ninh, những người tuổi trẻ như Võ Như Lanh, Trịnh Đình Ban, Cao Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ... Ngồi dưới gốc cây cao su vỗ tay hát lời ca hàm xúc... “ Nếu là chim tôi sẽ là một loài câu trắng. Nếu là hoa... Sẽ là một đóa hướng dương. Là người, sẽ chết trên quê hương tôi!! ” Suốt hai thập niên 70, 80, những người tuổi trẻ đấu tranh cho Hòa Hình, Tự Do, Hạnh Phúc, Công Bằng, Huynh Đệ kia... Những người

đã cùng vỗ tay hòa nhịp với Trịnh Công Sơn hát “... Từ Bắc vô Nam tay lại nắm tay..” Nối vòng tay lớn mừng “ bộ đội cách mạng giải phóng Sài Gòn ”; những người tay mang băng đỏ như Cung Tích Biền, Nguyễn Hữu Đống (Chủ Tịch sinh viên Đại Học Kiến Trúc), Kim Cương đi lùng Ngụy, bắt “ văn nghệ sĩ Sài gòn phản động ” trong buổi sáng ngày 30 tháng 4, năm 1975... Tất cả những người nầy đều được chứng kiến, hoặc tự thân dự phần vào cuộc “ vượt chết ” bi tráng kỳ vĩ của Dân Tộc Việt - Hai triệu người xé thân trên đường vượt biên với giá máu sáu trăm ngàn người chết. Người Việt ra đi từ mũi Cà Mau đến biên giới sáu tỉnh phía Bắc... Hai đứa bé tuổi vừa quá lên mười vượt biển với chiếc thuyền thúng, hướng về Hồng Kông. Bà ngoại ôm cháu chết nghẹt trong chiếc ghe bị công an bắn chìm nơi cầu Rạch Chiếc ngay trên Xa Lộ Biên Hòa.
Không tiếng lời nào của tuổi trẻ, của văn nghệ sĩ ở Sài Gòn, ở Việt Nam nói về Một của tổng số Sáu Trăm Ngàn lần chết đau thương này. Trịnh Công Sơn thêm một lần nổi tiếng là người tài hoa lãng mạng với bài hát “ Huyền Thoại Mẹ ” có lời dạo đầu... “ Mẹ ngồi dưới hầm sâu nghe từng đêm đạn nổ...” Anh ta cũng có Người Mẹ hóa điên vỗ tay hoan hô Hòa Bình chiều đi qua Bãi Dâu, nơi chôn sống người ở Huế sau Tết Mậu thân, 1968, khi người Cộng sản rút quân đi.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN SỐNG.
NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN CHẾT.
NGƯỜI CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI MẸ.
CÓ NHIỀU MẸ LÀ MẸ NUÔI-ĐÓ LÀ CON HOANG.

Năm 1990, ông dân biểu một thời nổi tiếng đối lập chống độc tài Nguyễn Văn Thiệu: Lý Quý Chung, Bộ Trưởng Thông Tin cuối cùng của chế độ Cộng hòa miền Nam, khi trả lời với báo chí thiên tả Pháp, đã nói lên niềm hân hoan của người trí thức dưới chế độ xã hội chủ nghĩa “...Hôm nay có điều kiện để viết hơn bao giờ hết!! ” Người này nói thật - Anh ta là người viết chuyện đá banh khéo nhất, cũng là chủ tiệm ăn đông khách nhất của Sài Gòn. Có một điều người nầy quên kể ra, Anh ta là thành phần thứ ba - Đã một lần thuộc lực lượng tranh đấu cho Hòa Bình và Hòa Giải Dân Tộc. Danh xưng đưa đến sự nghiệp vinh quang của hiện tại. Thành Phần Thứ Ba, đứa con hoang đẻ vội mà người Cộng sản đã đạp xuống dưới đế dép lốp xe hơi một cách thậm tệ khinh miệt ngay trong buổi sáng ngày 30 tháng 4, 1975. Cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng. Cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời Cộng

Hòa Miền Nam Việt Nam cùng với Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Lâm Văn Tết, Trần Văn Trà, Nguyễn Hộ, Nguyễn Thị Bình, Dương Huỳnh Hoa... Tất cả đã cùng chung hố rác vô dụng và tầm phào, đừng nói gì cỡ Nguyễn Long, Tôn Thất Dương Kỵ, Huỳnh Văn Trọng, Phạm Thị Thanh Vân (Vợ Ngô Bá Thành). Riêng những kẻ ăn ké đồ thừa " cách mạng chống Mỹ cứu nước " - loại Ngọc Lan, Chân Tín, Lý Chánh Trung... Đám ruồi nhặng vây vo quanh tờ Đối Diện; báo Tia Sáng của nhóm Ngô Công Đức... Được một năm ân huệ. Sau 1976, hai tờ báo nhận lệnh đóng cửa; những kẻ gọi là " trí thức cấp tiến yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội...", thứ chuyên viên xuống đường " đòi quyền sống và cải thiện chế độ lao tù " ở đường phố Sài Gòn suốt thời gian của 1973, 1974 được nhận chức đại biểu nhân dân hữu danh vô thực. Để rồi tất cả đồng bị ném đi như một loại cặn bã tồi tệ phải loại trừ khẩn cấp - Nếu cần thiết cho vào trại cải tạo không ngại ngùng - Điều đơn giản tàn nhẫn này không lạ - Hãy xem gương Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường... Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm có thiếu mặt ai trong chín năm kháng chiến chống Pháp?! Chống Mỹ cứu nước, chống tham nhũng Nguyễn Văn Thiệu kiểu các linh mục cấp tiến dòng Chúa Cứu Thế có là bao công trận mà đòi chuyện đền bù. Dòng Chúa Cứu Thế ở bãi biển Nha Trang biến thành phòng ngủ và chỗ giải trí - Trừng Phạt của Thiên Chúa hiện thực nơi năm tháng đang phải sống. Ngay hôm nay.
Cũng năm 1990 nầy, Huỳnh Tấn Mẫm bị hạ tầng công tác vì vợ đi buôn lậu, móc nối tham nhũng, hối lộ. Chức vụ có được cũng chẳng cao sang ghê gớm gì. Ngang với một chức Trưởng ty.

CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI ĐỌC LẠI.

"... Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sẽ lần lượt đóng hết vai trò đoản kỳ của nó. Và trận đấu cuối cùng vẫn là giữa chúng ta với những sư đoàn chính quy Cộng sản Bắc Việt qua tấm đệm Ba Mầu - Lá Cờ Mặt Trận Giải Phóng - Thứ phế phẩm sẽ nhanh chóng bị vất bỏ khi trận chiến tàn cuộc ". Hai mươi hai năm trước người viết đã có lời cụ thể chính xác như thế và cũng khẩn thiết khẳng định: Chúng ta có thể Hòa Giải cùng người Cộng sản Việt Nam được không? Tôi trả lời dứt khoát - Không được!! Chúng tôi chống Cộng bởi không thể là Cộng sản; không thể chịu được tư tưởng " độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của họ ". Và nếu người Cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật ngắn hạn nào đó, chắn chắn họ cũng không ngồi chung chiếu với "

lãnh tụ ” Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu chứ đừng nói đến đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam -Trang 411-417, ấn bản 1974, Hiện Đại, Sài Gòn -
Ngày viết những lời trên, Người Lính Viết Văn vừa đúng ba mươi tuổi.
Hôm nay, nơi đất Mỹ, Phan Nhật Nam bị cáo buộc “ Hô hào hòa hợp hòa giải với Cộng sản ” bởi những người không một ngày chiến trận; không một lần tù tội và chưa hề tiếp xúc với một cán bộ Cộng sản nào, cho là thứ Cộng sản hạng bét sau ngày 30 Tháng 4, 1975.

Mùa Hè Uất Hận nơi Đất Mỹ
Tháng 5 - 1995

Tù binh và hòa bình

KHI VIẾT LẠI TÙ BINH - HÒA BÌNH VÀ NGHE HÁT CHIẾN CA MÙA HÈ 72

Có tiếng nói khẽ thầm người nghe được
Giòng lệ sâu nín nuốt giữa đêm khuya
Âm kêu thét rền núi sông gào ngất
Hòa Bình đâu...
Không hề đến bao giờ!!

1945.

Mẹ gánh con chạy loạn dõi trăng non
Buổi tháng Tám ửa bầm màu máu cặn
Giải trầm cát phá Tam Giang mờ sóng (1)
Bé khóc chìm thiêm thiếp sợ cơn đau

1955.

Bãi Trà Lý đồng chiêm loang loáng nước (2)
Thủy triều chậm dồn lên ngầu lớp lớp
Lực Thánh Thần, nâng vai nặng thân con

Chớm bình minh suốt hoàng hôn sẫm bóng
Sức cùng kiệt - Cầu vỡ tim Danh Chúa
Gió tháng chạp thịt da sâu nức cứa
Dòng mồ hôi sống lạnh động đêm đông
Trời và Người chung nghiệt cảnh trầm luân

1965.

Đứa bé lớn lên cùng thống khổ
Phận người nung sôi vũng lửa
Bao nhiêu năm sống trong đời
Bấy dịp qua kỳ sinh - tử
Tôi đứng đây,
Thật không... Ở nơi đây??
Giữa đường phố Sài Gòn đục cay lựu đạn
Cơn lăng nhục lấm lầy dơ tròng mắt
Chập chùng ném đá nhẫn tâm
Chiến trận ngày qua...
Máu dính gây tanh nón sắt
Quá tuần chưa bữa ăn no

1975.

Người bắt đầu chết khi qua sông Ba (3)
Người hấp hối lúc tới Tuy Hòa (4)
Chết chùm lườn tàu nơi chợ Hàn, cầu Đá (5)
Chết dặm trường mỗi cây số vỡ miền Nam
Những người chết chưa kịp biết Hòa Bình
Hiệp Định cợt đùa ngữ ngôn đàng điếm
Người Việt chết trần truồng không tẩm liệm
Toàn cầu khiếp nhược ngậm thinh

1985.

Mười hai năm sau lần ngưng bắn
Miền Nam lậm nhục lưu đày
Dài thập niên hậu khổ chiến chinh
Đất Việt ấm no, hạnh phúc, công bình khẩu hiệu
Dân Tộc cùng đành phá thân phơi bão biển
Bé mười ba, hai mươi bận, cướp xé toang hảm hiếp

Mẹ lịm ngất, cha đâm nhầy vứt xuống biển
Bể Đông đồng dậy oan khiên
Bồng bềnh xô lớp sóng đẫm thây người,
Mắt chống ngược ngước về trời,
Máu bầm đóng khô khóe miệng...
Tiền nhân Nghiệp Ác vọng rền!!

1995.

Năm mươi năm...
Thật không năm mươi năm??
Hồn cháy bỏng vết hằn tù nhân biệt xứ
Ngày đang hết chiều mờ bên quê cũ
Loáng đỏ nhừ đất lạ tiếp chân mây
Ta ở đây...
Lơ đãng những riêng tây
Nhịp thở nghẹn
Gợn hơi men Thống Khổ
Chuỗi Oan Hận xuyên sâu tầng lịch sử
Người thiếp đau từng tấc dạ Quê Hương
Hòa Bình - Việt Nam
Mất hút cuối con đường...

Phan Nhật Nam
9 tháng 9, 1995,
Sinh nhật 53 tuổi,
Không còn chỗ, nơi xứ người.

Nguồn: Blog QueNgoai
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 20/03/2009 1:14:39 SA

Phan Nhật Nam

Bắt Đầu... Từ Một Đêm Trăng

Với Quê xa, Đà Nẵng
Với Trường xưa, Phan Châu Trinh
VÀ MỖI NGƯỜI BẠN LUÔN HIỆN MỚI.

Bạn tôi, nếu mới gặp lần đầu, ta có thể nghĩ đấy là gã tay chơi, kẻ sống theo lề lối, sinh hoạt sôi nổi bề mặt. Cũng có thể đúng như thế, một phần do bạn vốn môn đồ Thiếu Lâm, vô địch điền kinh học sinh, khuôn mặt sắc nét tươi vui, đều đặn. Bạn cũng có thể trở nên một tay hào hoa ăn chơi không âu lo với cung cách quen thuộc của dân học trường Tây, gia đình tài sản lớn. Nhưng, đời bạn đã không theo con đường dễ dàng thuận lợi đó. Bạn chọn ngã chông chênh, nguy biến hơn, cũng là lối đi rực rỡ huyền hoặc của tất cả nhân sinh - Đường của người-yêu- người với phương tiện đặc thù để diễn đạt tình yêu ấy - Nghệ Thuật. Và bạn đã chọn hướng nghệ thuật hàng đầu - Âm Nhạc - Với thanh sắc kỳ ảo của riêng.
Bạn tôi, là một cô gái tội nghiệp trong số những thiếu nữ hẩm hiu bất hạnh. Bạn không có nét quyến rũ, lộng lẫy dù đang lúc thanh xuân

khởi sắc. Bạn chỉ là một vóc dáng nhỏ bé linh hoạt, tóc nâu nhạt và đôi mắt luôn sáng ánh ngạc nhiên, loáng lạ lẫm của tâm hồn đơn giản trung hậu trước những điều dữ dội, đe dọa từ cuộc sống. Bạn mất cha từ tấm bé nên gia đình đã là một điều phiền muộn u uẩn, và lớp học, nơi bạn hằng ngày nôn nao đi về, đôi khi cũng gây nên đớn đau...Tân không có quần áo mới! Tân mặc quần... cháo lòng!". Gã bạn nhỏ cùng lớp chỉ do nghịch ngợm vô tình nói lên câu ác độc... Bạn bật khóc, lòng ghi sâu mối rúng động gớm ghê. Nỗi xót xa khi trái tim bị xúc phạm. Trong đơn độc tủi hổ của tuổi lớn lên, Bạn như con chim nhỏ giữa đám lá sũng nước. Bạn cảm thấy bị đe dọa, và cần được che chở.

... Hai bạn tôi yêu nhau từ một đêm trăng.

Gã thanh niên quả tình chỉ để ý đến người thiếu nữ như một phản ứng bù trừ. Anh học trường Pháp từ bậc tiểu học nên quen giao tiếp phóng khoáng, văn minh. Từ căn gác của gia đình, ngôi nhà lầu mặt tiền con đường lớn nhất thành phố, hằng ngày anh nhìn thấy cô bé từ xóm nhà nghèo đi ra. Xóm nhỏ phần lớn là nhà tranh quây quần quanh khu đường cát lỡ. Những lối đi cát xám, nhỏ vừa đủ hai xe đạp tránh nhau, chạy vướng vít dưới tàng cây sầu đông, vào mùa Hè thoáng hương thơm ngan ngát theo gió từ vịnh biển tản lan. Cô bé (Khi khởi đầu câu chuyện, chỉ là cô bé gái vừa qua tuổi dậy thì) đã đi từ hẻm cát ra đến gốc cây đa, tiếp tục theo một con lộ khác lớn hơn, cũng là đường đất cát mà bộ hành chỉ xử dụng hai lối nhỏ hai bên, khoảng giữa tâm đường, cát gồ lên gò, đống. Đi hết đoạn đường cát, cô mới rẽ vào phố chính trải nhựa.

Một ngày, không nhớ rõ là bao giờ, người thanh niên thấy ra cô bé... Sao "nó" có nét mặt chịu đựng tội nghiệp đến thế?! Vẻ lặng lẽ cam

phận này rất dễ nhận vì cô vốn có nét sắc sáng loáng tinh anh với sống mũi cao thẳng, da trắng và ánh mắt loáng xanh linh động. Anh theo dõi bước chân của cô bé như thế từ lúc nào không rõ. Chỉ biết, Hè vừa qua, cô gái đã là một thiếu nữ toàn hảo, nói lời tiếp xúc đầu tiên: "Thưa anh, em đã đậu trung học, đậu kỳ vừa rồi. Đậu bình thứ". Giọng nói trong trẻo, tự tin, chững chạc.

Hai bạn tôi tiếp xúc quen nhau sau ba năm nhìn thấy vào ngày Hè 1958. Mùa sống động nồng nhiệt của tuổi trẻ và đất trời. Họ thường hẹn gặp nhau nơi vịnh biển trong rừng dương liễu. Họ chọn khu rừng gần hồ nước, hướng về làng Thanh Bồ, nơi lau lách, đồng cỏ ngút ngàn, tiếp giáp rừng dương, bờ biển để thiên nhiên còn nguyên độ hoang sơ thuần nhã thích đáng, hòa hợp với tình yêu trong sáng, thắm thiết của họ. Ở đấy không bóng người, chỉ tiếng gió vi vu xao động qua tàng cây và hàng lau nghiêng ngã. Chuyến tàu hỏa chở hàng từ ga chợ Hàn trở về gióng âm thanh xa vắng, thả lên trời vệt khói đen mỏng manh chỉ làm tăng thêm độ u tịch của cảnh sắc. Đoàn xe đôi khi bị mất hút đâu đó sau ngàn lau... Ở đây yên tĩnh quá anh há.. Người con trai cười nhẹ. Anh chỉ có nụ cười trẻ trung chân thật này, biết nói thế nào bằng tiếng Việt?! Quả thật âm thanh, ngôn ngữ có một khoảng trống không vận dụng được. Chưa vận dụng được. Anh bất lực để nói lên lời cụ thể. Anh cần một cách thức, điều kiện diễn đạt khác, đầy đủ, chính xác, và thắm thiết hơn.

Một mùa Hè, một năm đi qua, nay lại đến mùa Hè thứ hai từ lúc thương mến. Ngày Hè năm 1959, cô gái đột nhiên vắng mặt. Gọi là "đột nhiên" vì do phản ứng của mối liên hệ đang bình thường, đang thắm thiết, bỗng nhiên bị cắt đứt. Người thiếu nữ phải theo đoàn học sinh cùng trường đi cắm trại vào dịp cuối năm. Cô vắng mặt từ sáng

sớm, đến chiều người thanh niên động tâm. Chiều, khoảng thời gian sau khi tan buổi học, từ lúc nắng sáng chuyển bóng đêm... Không hẳn thế, thật sự chỉ là ngày hôm qua, chiều trước của buổi chiều ghê gớm này. Anh đạp xe ra vịnh biển, đếân nơi vùng lau lách quen thuộc, để chân trần di động trên bãi cỏ, gò cát... Anh đi đến chỗ mép hồ, ngồi xuống, nhặt quả thông, khối cỏ tròn, tua tủa những cọng sắc như lông nhím, thảû khối cỏ quay lông lốc theo triền dốc cát... Đầu ngọn cỏ nhọn sắc đâm vào tay, hơi mát đầm đầm dưới chân, tiếng rì rào của gió khua lá, mặt nước hồ hắt khối nắng vàng khô úa. Hình như tất cả cảnh sắc đang sụp xuống tàn tạ, hấp hối.. Khối đất trời đang đổi thay. Đang chết. Chịu không nổi, anh trở lại thành phố. Phải đi tìm... Phải đi tìm...

- Ông biết học trò trường Phan Châu Trinh đi cắm trại ở đâu không ?

Người bạn anh, vốn huynh trưởng một đoàn Hướng Đạo tuy biết rõ tất cả địa điểm cắm trại của vùng núi đồi, thôn dã quanh thị xã, không trả lời liền. Anh ta nhìn vào nét mặt thê lương ủ dột của bạn... Ông làm sao thế Không có gì, tôâi muốn biết họ đi cắm trại ở đâu. Cần lắm. Cuối cùng, cả hai đến chân đồi Mỹ Thị lúc ngày hết và trăng đã lên.

Giải đồi dương liễu loang loáng, hiện ra mới mẻ theo từng khoảng khắc dưới trăng với sợi thân lá óng màu sáng bạc xôn xao chuyển động, xô đẩy đùa trăng đi như liếp sóng.. Ta có cảm giác như những lượn sóng bạc đẩu đâu từ ngoài trùng dương xa xôi sau khi chạm đến bờ đã tràn qua giải cát, theo trăng lên đồi, tiếp ngọn cây, xô liếp sóng lá cồn lên không gian xanh sáng... Nhưng sóng lá thông còn phải đi hết lộ trình bất tận, chuyển xuống chân đồi, phía làng nhỏ và giòng sông, khua mặt nước làm trôi những giải đường trăng thiêm

thiếp tan vào bờ lau, in hình khối núi Non Nước chìm chìm im lặng... Trên sóng nước, giữa giòng trăng, từ con đò len lỏi trong lau sậy bạn tôi đưa ống sáo lên môi. Anh dùng nguồn thanh âm của tre trúc thay tiếng lời, những nội dung mà ngôn ngữ bình thường hạn hẹp không nói được. Từ trên đồi cao, mấy trăm học sinh ngồi dậy. Họ đồng im lặng nghe giữa hơi gió cuốn lá, sóng trăng miên man thanh âm chuyển động kỳ ảo - Giọng tiêu trúc ca ngợi, tỏ tình. Người thiếu nữ bật khóc. Bóng lá thông khi gió thổi lệnh làm lộ rõ ngấn nước mắt trên má long lanh.

Và, Nguyễn Đình Nghĩa cùng Trịnh Diệu Tân đã nuôi dưỡng, vượt sống, hiện thực tình yêu hằng suốt hơn ba mươi năm, từ đêm Hè không hề mất độ sáng, và âm thanh tiếng sáo vĩnh cửu màu trăng. Cần gì phải cậy đến điển tích, sự việc người xưa, chuyện thần thoại... Những Trương Lương, Trương Chi, Orphée để diễn đạt, biểu hiện sức mạnh kỳ diệu của tình yêu, âm nhạc. Đêm trăng mùa Hè 1959 nơi đồi Mỹ Thị đã không chỉ của riêng Nguyễn Đình Nghĩa và Trịnh Diệu Tân, mà đã là cảnh sắc, thanh âm, giòng rung động, sức sống của tất cả lớp tuổi trẻ ngày ấy. Tuổi trẻ chỉ có một lần trong đời, mà ba mươi, bốn mươi năm sau ở chốn cuối trời, nơi xứ lạ hoặc còn trong vùng đất nước tang thương... Những người thầy tóc bạc Nguyễn Đăng Ngọc, Bùi Tấn, Trần Tấn, những người anh, người chị, Trần Đại Tăng, Trần Đình Hoàn, Đặng Thị Liệu, Trần Thị Kim Đính... Những học trò, Vũ Ngự Chiêu, Nguyễn Bá Trạc, Hà Nguyên Thạch, Bùi Ngọc Tô, Lê Chí Thảo, Tôn Thất Tuấn & Hải, Võ Thị Thương, Lê Thạch Trúc, Lê Như Hảo, Nguyễn Liên Hương, Huỳnh Thị Phú, Võ Hồng Diệp.. Và rất nhiều người. Tất cả đồng một lần xanh ngắt sống lại, một lần linh động phơi phới, khi nhắc lại trường xưa, bạn cũ... Vô

vàn tiếng sáo đêm Hè Mỹ Thị sáng giòng trăng.

Và quả thật, một mình tôi sẽ không đủ sức đi hết đoạn đường khó nhọc từ mấy mươi năm qua nếu không được sức nâng thường trực bền bỉ, cụ thể từ bằng hữu. Tôi không thể nào sống qua những ngày trẻ tuổi trầm luân thiếu đói nơi căn gác gỗ đường Tô Hiến Thành, Huế nếu không có Trạc, có Nghĩa, có Dinh...Tôi cũng không thể nào qua khỏi mười bốn năm lính điêu linh nếu không có những Mễ, Lạc, Lô, Tâm... Đám bạn lính chia với tôi từng ngày, từng giờ bão lửa. Và cuối cùng, từng phút giây đương cự nơi ngục tối. Tôi biết sống cùng Ai, nếu không với những Người Bạn. Mỗi người bạn hiện hữu rõ từng chi tiết, nét mặt, tiếng lời. Sự thiết thân mầu nhiệm này có thật. Nên từ bóng tối, cảnh chết, tôi đã phục sinh...

Trăng giãi vàng rơi liếp sóng loang
Lau lách im lặng dưới đêm ngàn
Ngũ Hành năm cụm nằm thiêm thiếp
Thuyền chở tiêu sầu qua quá canh
.....
Con đâu? Bạn đâu? Trời xưa đâu?
Đêm đã qua lâu, bóng tối sâu ...
Còn chút hơi tàn hong nhịp thở
Nhớ Người ghìm tiếng thét chìm đau...

Nguyễn Đình Nghĩa không chỉ vận động giòng âm hưởng từ ống trúc để bày tỏ tình yêu. Anh hiện thực, hữu hiệu hóa khối năng lực thanh âm kia thành phẩm lượng vật chất để nuôi dưỡng, duy trì, khai triển tình yêu kia trong đời sống. Anh cùng Người Yêu kết hợp từ tiếng sáo đêm trăng, bỏ Đà Nẵng vào Sài Gòn những ngày đầu thập niên 60. Cả hai vào Sài Gòn với tay trắng. Tay trắng nghĩa đen lẫn nghĩa

bóng- Chỉ với cây sáo trúc và tình yêu. Nhưng chuyện thần tiên và chuyện cổ tích của Nghĩa -Tân được hiện thực hóa ở Sài Gòn với đại nạn chiến tranh, trong căn nhà bốn thước bề ngang, hai mươi thước dọc nơi hẻm nhỏ đường Phan Văn Trị, Nancy. Nguyễn Đình Nghĩa dựng nên thế giới thanh âm tre, trúc ầm vang giòng xe luôn náo động của hai con đường lớn nhất Sài Gòn-Chợ Lớn, Trần Hưng Đạo và Cộng Hòa, hòa nhịp với tiếng gõ xe mì, xe hủ tiếu âm động của dãy thùng hứng nước từ đầu hẻm và lẽ tất nhiên, chuỗi rầm rì liên tục mệt nhọc của nhà máy đèn Chợ Quán. Trong hẻm lao động tồi tàn náo loạn đó, Nguyễn Đình Nghĩa đã hoàn thành "tác phẩm" lớn của đời mình - Nuôi dưỡng vợ, và ba con từng ngày bằng tiếng sáo. Diệu Tân thành người khoa bảng và các con khôn lớn trưởng thành. Chuyện thần thoại có kết thúc rất cổ điển và trung hậu: Nguyễn Đình Nghĩa là cây sáo số một của Việt Nam, của miền Nam ..."Có một thằng cha bên Tàu, và một cha nữa bên Tây, hai cha này thổi hay hơn moi !!" Nghĩa đã nói với tôi như thế hơn hai mươi năm trước. Tôi nhìn quanh căn nhà lổng chổng đồ đạc tồi tàn, chiếc xe đạp treo trên tường, tấm bảng đen đầy bụi phấn, đống áo quần dơ, sô nước, và Diệu Tân lấm lem khói bếp..."Ông nên "nhường" cho hai cha ấy đi, sống thế này mà "thổi" được như ông là Thánh". Ít khi nào lời nói đùa mang độ thật đến như thế. Nguyễn Đình Nghĩa lúc ấy, "cây sáo số một" của Việt Nam, gã Orphée tân thời chỉ một chiếc quần xà lỏn trên mình. Nóng từ mái tôn hắt xuống như đang trong lò bánh mì... Hỏi ai có thể "thổi" hay hơn bạn được?! Chỉ cho tên một người khác đi, trước đây hoặc bây giờ.

30 tháng 4, 1975 sập xuống, cùng một lần với Miền Nam, Nghĩa và gia đình bị đuổi ra khỏi căn nhà hẻm Phan Văn Trị... "Sáo với tiêu, rõ

nỡm, cái đống tre này chỉ đun được nồi cơm là phèo!" Gã cán bộ chỉ vào đống ống trúc đang chờ đục lỗ nói với giọng khinh miệt rẻ rúng. Nghĩa và Diệu Tân trở lại miền Trung sau hai mươi lăm năm. Khác với lần di chuyển vào Nam ngày trước, chuyến đi với can đảm tuổi trẻ, và lãng mạn tình yêu. Hôm nay, hai người có khối nặng của ba con, và nỗi thấm nhục bị miệt thị. Hành vi cao thượng của người Nghệ Sĩ bị đánh giá thành hoạt động hèn mọn phục vụ chính trị suy đồi: "Chỉ có bọn Ngụy mới trả tiền để anh thổi sáo cho chúng. Cách mạng chúng tôi không cần. Nhân dân ta chỉ cần đánh Mỹ, thắng Mỹ, và thi đua lao động." Nghĩa và gia đình không về lại Đà Nẵng, anh đưa vợ và ba con đi xa hơn... Nơi hẻo lánh, vùng núi miền Trung. Và chuyện thần thoại được thực hiện lần thứ hai. Cái khó không bó được cái khôn, với điều kiện chúng ta phải khôn. Sự cùng khổ đôi khi không là tai họa nếu chúng ta có sức vượt qua cùng khổ. Ở miền núi, tiếp xúc với những người sắc tộc Bahnar, H mong, Rhadé... Nghĩa dần khám phá ra khối lượng nhạc khí độc đáo, kỳ ảo của họ, với cây đàn T rưng, nhạc khí gõ sơ khởi vỏn vẹn năm ống tre, đầu mắc vào cột, một người ngồi giữ giây, một người gõ. Người Bahnar (vùng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi chạy qua Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuộc xuống Bình Long, Nam bộ) chỉ vận dụng được một cung năm ngũ âm đơn giản để dùng trong việc liên lạc, mời gọi họp bạn hoặc các buổi tế lễ như hạ trâu, cưới xin, mở cửa mả. Năm 1978, có mặt trong buổi liên hoan âm nhạc đồng bào sắc tộc Việt Nam tại Nha Trang, Nghĩa nẩy ra ý nghĩ khi nghe đàn T rưng cải tiến (từ một nhạc công người Nam đem ra Bắc năm 1954). Đàn T rưng cải tiến thành cung Mi trưởng, có đầy đủ một hợp âm bát độ giúp Nghĩa có so sánh: "Nếu chỉ với một ống sáo nhỏ bé anh đã tạo nên hằng hà âm giai, âm sắc

biến hóa kỳ ảo, thì huống gì đây những năm ống tre, cũng từ tre, trúc mà ra thôi". Anh gọt không phải hằng chục, hằng trăm, hàng ngàn, mà hằng chục ngàn ống tre... Chọn lọc, nấu luộc, phơi nắng, cất giữ để có những ống tre tối ưu - Để buồng hơi (chambre à air) tạo nên âm thanh tuyệt đối thuần túy - Một cung cộng hưởng tối đa. Căn nhà của anh trở nên một rừng tre nhân tạo tua tủa những ống tre. Từng ngày với từng ống tre được gọt theo từng 1/5, 1/10 milimetre một... Năm 1981, Nghĩa hoàn tất chiếc đàn T rưng đồ sộ gồm 27 ống có khả năng tiết tấu bốn bát độ. Ngoài ra, anh phải cậy đến một sáng kiến khác của người Nhật Watanabé, nhạc sĩ này đã tìm ra một "gam vô tình" cũng có thể gọi là "gam mềm" sau khi gắn vào thêm hai ống. Chiếc đàn 29 ống hoàn chỉnh. Bộ trưởng Văn Hóa (Cộng Sản) Lưu Hữu Phước không thể nào vùi lấp sáng kiến và tài năng của Nghĩa, cũng một phần, đây là điều đáng hãnh diện của người Miền Nam sau khi Hà Nội sáng chế nên cây gõ hai đầu; cây gõ nguyên thủy chỉ một đầu.

Nguyễn Đình Nghĩa được chính phủ Cộng Sản - Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chấp nhận - Phải chấp nhận - Người nghệ sĩ Miền Nam này là một tài năng đích thực. Tài sản lớn của tất cả Việt Nam. Thái độ này là một biểu hiện điển hình của thú nhận: Sau mấy mươi năm chỉ huy miền Bắc, những người lãnh đạo cộng sản đã thành hình được một khối lượng lớn (rất lớn) văn hóa phẩm gồm những bài hát chỉ được hát một lần ở đài phát thanh; những ấn bản toàn tập chỉ được mua bởi cơ quan chính phủ; những tranh, tượng dùng để trang trí ở các phòng họp, hội trường nhà nước. Họ cũng dần hiểu rõ, "mặc cảm" cần được tiêu trừ (Như một cấp lãnh đạo miền Bắc đã nói cùng cố học giả Nguyễn Hiến Lê:

"Miền Nam nên từ bỏ "mặc cảm tự ti" vì lạc hậu, phản động (do thua trận), và miền Bắc cần từ bỏ "mặc cảm tự tôn (do đã thắng trận")- thật sự là "mặc cảm" của đám tổng, lý sau khi ăn bạc, và cơn say bữa rượu thịt chó của chính họ. Quả tình tôi rất thấm hiểu "cơn trả thù của người nghệ sĩ" khi nhìn thấy hàng hàng cán bộ lãnh đạo, viên chức nhà nước, những văn nghệ sĩ "cấp cao" cộng sản nối đuôi nhau vào xem và tranh mua những họa phẩm của "bọn họa sĩ Ngụy": Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em, Đằng Giao, Phạm Cung, Nguyễn Hải Chí (Chóe). Tranh của cụ Nguyễn Gia Trí đã là một "Tài sản Quốc gia". Tranh và những họa sĩ đã bị khinh miệt vất bỏ từ buổi sáng ngày 30 tháng 4, 1975.

Nguyễn Đình Nghĩa đã là một ""trả thù" xứng đáng nhất. Nhân tiện đây, tôi có ý nghĩ, đồng bào hải ngoại chớ nên gay gắt cùng với những văn, nghệ sĩ hiện còn ở Việt Nam nếu như họ có phần "cộng tác" cùng chế độ, chính quyền cộng sản ở đấy. Tại sao ta không chia phần "hãnh diện" vì người Việt Nam (Người ở miền Bắc, Hà Nội lại là đa số) chỉ tìm đọc Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Duy Cần, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Thụy Long, Lệ Hằng, Nguyễn Thị Hoàng... và đến cả Bà Tùng Long, cụ Hồ Biểu Chánh. Họ hát "Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc" của Phạm Duy, bài "Hát Cho Một Người Vừa Nằm Xuống" của Trịnh Công Sơn, và "Người Ở Lại Charlie" của Nhật Trường từ phòng giam Trại 5 Lam Sơn, Trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, Trại Hà Nam Ninh. Người miền Nam có hề "thua" đâu. Thấy như thế. Nghĩ như thế.

Nhưng chuyện thần kỳ của Nguyễn Đình Nghĩa không dừng lại ở đấy, ở Việt Nam. Anh đến Canada năm 1984; tháng Giêng 1987 nhân dịp Tết Việt Nam, anh xuất hiện ở phòng hòa tấu Đại học

Toronto và liên tục trình diễn qua các cơ sở văn hóa, giáo dục vùng Đông-Bắc nước Mỹ. Anh không đứng trên sân khấu một mình. Sau lưng, và hai bên anh bây giờ đã có toàn thể khối lực hỗ trợ... Những Đoan Trang, Nam Phương, Nguyễn Đình Nghị, và tiếp theo, Nguyễn Đình Hòa và Chiến. Đây không còn là những đứa bé trèo lên vai, bám lên cổ anh ở hai mươi năm trước, mà đã là người thiếu nữ Việt Nam làm sống động âm thanh khắc khoải gờn gợn của Độc Huyền (Nam Phương); người dựng lại khối âm thanh rực rỡ của Thập Lục (Đoan Trang), và những cây guitar điện kỳ ảo, sống động, giàn trống hào hùng với Nghị, Hòa, Chiến... Tất cả đã hòa nhịp cùng chiếc đàn T rưng đồ sộ 29 ống của Nghĩa hiện thực nên điều - Âm nhạc với nhạc khí cổ truyền Dân Tộc Việt Nam là một thế giới kỳ diệu do từ nội dung sâu lắng, phong cách, kỹ thuật trình diễn điêu luyện tế vi. Buổi trình diễn ngày 2/6/1994, tại Thính Đường Carnegie Hall, Đại học Kỹ Thuật New York là một xác chứng về câu chuyện có vẻ không thực của một gia đình tên gọi Nguyễn Đình Nghĩa. Vì sau gần trăm năm thành lập, phòng hòa âm ấy chỉ dành riêng để các bậc thầy trình diễn về các bậc thầy, những Beethoven, Mozart, Wagner... Nhưng nguồn sống động làm phấn khởi, thúc dục tôi viết nên bài này không phải là giải thưởng của Thống Đốc Tiểu bang Maryland về "Nghệ Sĩ Độc Tấu Xuất Sắc" năm 1994 mà Nghĩa vừa nhận được hôm 12tháng Sáu tại Baltimore. Có một điều gì cao quý và sâu xa hơn. Đấy là dự định mà tôi tin chắc Nghĩa sẽ thực hiện được - Làm sống lại Beethoven, Tchaikovsky, Debussy... Bằng lửa. Với lửa. Nghĩa là Nghĩa sẽ tái cấu trúc, hoàn chỉnh lại cây "Đàn Lửa" của người Vân Kiều (vùng núi Bạch Mã, Cầu Hai, Thừa Thiên), một loại đàn đã bị thất truyền và không người có khả năng khôi phục. Lửa sẽ được đốt

lên (tất nhiên từ một hệ thống lò ga thay vì lửa trại, lửa rừng), chuyền hơi nóng qua những ống tre lớn, do Nghĩa đã nắm được cấu trúc từng tế bào tre, trúc. Và những hợp tấu khúc lớn của các bậc thầy sẽ được dựng nên, bừng dậy như ánh lửa chập chùng hằng cháy sáng từ ngày khai sinh sự sống trần gian.

Nhưng cuối cùng, cũng không hẳn như thế. Chẳng phải vì tài hoa đặc dị của bạn mà tôi viết nên lời. Tôi cảm động vì một điều đơn giản. Về một điều rất đơn giản, tầm thường, nhưng thấm thía, cảm động, xót xa.

...Ngày xưa, buổi rất lâu của hơn bốn mươi năm trước, những ngày của thời gian trước 1954. Tôi lúc ấy là đứa trẻ nhà nghèo thường hay nhặt những hạt, hột không tên, vô vị nào đó để lót lòng vào buổi, giờ xa bữa ăn vốn quá thiếu thốn. Hạt cây quăn vị ngọt nhầy nhầy mủ trắng, hạt trái mâm xôi xám trắng trong trong. Và trong những lúc lẫn quẩn nơi bụi hoang, bãi cỏ để tìm kiếm loại "lương thực" tội nghiệp kia, giữa tiếng lá kiền kiền khô cuốn trong cỏ tranh, trên mặt đường đất đá lồi lõm vùng ngoại ô Đà Nẵng... Giữa tịch mịch của thanh âm nắng, gió, lá, cỏ kia tôi nghe vọng tiếng chim... Tít ... tít ..tít ... tịt ...t..tịt ..tịt... Chim kêu tắt tắt, chậm chậm và lịm dần. Tôi không biết tên chim nhưng cò ý nghĩ... Chim chắc cũng đang chịu phần tội nghiệp hẩm hiu. Cũng chưa thấy dáng chim lần nào. Năm 1993, nơi vườn Lái Thiêu, giữa khoảng xanh dầy của tàng măng cụt, tôi trải chiếc chiếu ngủ dật dờ trên đám lá, nắng cuối năm vàng khô lạnh lạnh. Chẳng khá hơn tình cảnh của đứa bé bốn mươi năm trước, và nghe lại tiếng chim...Tít ...tít ..tịt ..tịt ..tịt... Chim gì kêu buồn quá ông ơi!! Chịu không nổi. Tôi phải nói lên cùng Út Năng, ông bạn già chủ vườn tôi ở,

- Thì chim "mồ côi" mà cha...

- Mồ côi? Ai mồ côi ?!!

- Ông không nghe ra à... père...mère...frère... tout est perdue ... Mất hết trơn như vậy làm sao mà không kêu..

- Ờ... há, vậy là con chim giống tôi. Hèn gì hồi nhỏ tôi đã nằm lặng ra mà nghe.

Và tôi đã nghĩ có mấy ai trong đời phải mất hết trơn đến tội như thế. Và có ai trong đời hằng phải nhớ đến một tiếng chim. Nhưng không, trong những bài nhạc do Nghĩa soạn cho sáo, đàn có nhiều bài về chim, bài Phụng Vũ, bài Chim Loan, và bài Chim Boong Klé...

- Boong Klé là chim gì? Tôi hỏi bạn.

... Chim "mồ côi" đó mà... Ở Đà Nẵng, thuở nhỏ toa có nghe lần nào không?

Vâng, Nghĩa và Tân ạ, tôi đã nghe tiếng chim ấy, và tôi cũng đã đôi lần kêu với nó. Thật ra rất nhiều lần. Vẫn đang kêu cùng chim.

Quê hương tôi có loài chim mồ côi
Mẹ chết, mất cha, anh em phiêu tán
Lắng âm tiếng hiểu dần nên nguồn cội
Chim và Người cùng thấm khổ ĐAU thôi.

Tháng lúa chín, mùa "Chim Mồ Côi".

Cũng tháng đầy tuổi, 9-9-55.

Xóm Tân Tuyền,

Thành Hựu Tống,

Bang Tiến Xa

Phan Nhật Nam

Đi Về Phía Mặt Trời

Dẫn nhập

Do vận động của Đỗ Thông Minh, Người Bạn Đông Kinh từ hai thập niên qua của giới báo chí truyền thông, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của cộng đồng người Việt hải ngoại, tiếp theo lần tìm gặp, tiếp xúc chạy vòng từ đông-tây, dọc theo trục nam-bắc nước Mỹ qua trung gian của Dương Phục (Đài Phát Thanh Sài Gòn- Houston, Texas), và Huỳnh Lương Thiện (Báo Mõ, San Francisco, CA).. Cuối cùng, người bạn kiếm ra anh nơi hẻm hóc, chốn giá lạnh, nóc nhà nước Mỹ để giao nhiệm vụ - Đi về phía Đông, đến nói cùng người Nhật và thế giới Ký Ức về Chiến Tranh Việt Nam - Công việc mà tự thân anh đã tình nguyện gánh vác dài theo hơn bốn mươi năm của đời người, từ đầu thập niên 60, lúc chọn nghiệp lính vào năm thanh xuân 17 tuổi.
Người Lính-Viết Văn không có một nhiệm vụ nào khác- Phải nói, viết cho đến tận cùng - Bởi Nỗi Đau nầy luôn là Nỗi Đau chung.
Cách đây hai mươi năm, ngày 7 tháng 9, 1981, nơi Trại Lam Sơn, Thanh Hóa bắc Việt Nam, bắt đầu lần kiên giam đợt thứ hai, anh bước vào căn hầm kín cửa dài hai thước, rộng một thước, cao ba thước, sau bốn lớp cửa gỗ bọc tôn thiếc, ngăn cách khu kiên giam

với khu giam giữ tù nhân; nhưng nếu tính với xã hội bên ngoài, miền đất phương Nam xa xôi, thế giới của những quốc gia văn minh, dân chủ - Khu kiên giam nầy, nơi giam tù cấm cố, hoặc tử tội chờ ngày đem đi bắn, cách biệt đủ 10 cánh cửa - bằng số cửa địa ngục Dante mô tả trong The Infernọ Người Lính-viết văn nhìn lên ô cửa thông hơi rộng hơn gang tay chắn lưới sắt, tự hỏi: "Con người có thể đối xử với nhau như thế nầy hay không? Người có thể bị kết tội từ những chữ viết mà quả thật không hề là một đe dọa, xúc phạm đối với bất cứ ai?!" Trong nỗi bi phẫn khốn cùng ấy, quả thật anh thấy được chết dễ dàng hơn phải sống - Tuy nhiên anh không hề tuyệt vọng.

Anh không tuyệt vọng bởi vững tin: Sẽ có một ngày (nếu như không phải bức tử), anh được quyền nói lên tình cảnh bi thảm nầy. Bởi, tình cảnh đau thương mà anh phải hứng chịu, chứng kiến, sống cùng, đã và đang trải qua không của riêng cá nhân anh; cũng không phải chỉ là hậu quả thua trận của một quân đội; và cũng không là tác động có giới hạn đối với những công dân của chế độ cộng hòa phần đất phía Nam nước Việt. Không phải như thế - Nỗi Đau không từ một ai, xuyên suốt theo cùng Lịch Sử, rung động tự thâm sâu vận mệnh Dân Tộc Việt.

Người Lính-Viết Văn không có một nhiệm vụ nào khác- Phải nói, viết cho đến tận cùng - Bởi Nỗi Đau nầy luôn là Nỗi Đau chung.

Qua hai vòng thế giới, xuyên suốt khắp đại lục Bắc Mỹ từ ngày anh ra khỏi nước (5 tháng 11, 1993), hơn bốn mươi lần anh đi đến nơi những cộng đồng Người Việt, ngày 14 tháng Giêng, 2002, Lễ Thành Nhân cổ truyền của Nhật, nơi diễn đàn vinh hạnh, trước hiện diện của những Người Bạn trung thực, thêm một lần, ước vọng sâu xa dài hơn phần tư thế kỷ nay đã trở thành hiện thực. Anh cám ơn Bằng

Hữu Thế Giới và Đất Nước Nhật Bản - Nơi đi lên của Mặt Trời, biểu hiện bất diệt Con Người - Sự Sống. Và anh bắt đầu bản tường trình dài dường như không hề chấm dứt về những con người của một quê hương khắc nghiệt bi thảm, nhưng không thiếu phần siêu việt kỳ diệu - Người và Khổ Nạn Việt Nam.

Chiến tranh nhìn từ nhiều phía

Buổi sinh hoạt được tổ chức tại Trường Đại Học Ngoại Ngữ, Học Viện Ngoại Giao Tokyo vào Ngày Lễ Thành Nhân (14 tháng 1 Dương Lịch) của truyền thống Nhật. Ngày lễ đánh dấu buổi con người từ tuổi thiếu niên nên trưởng thành, khởi đầu giai đoạn mới - giai đoạn quyết định- từ đấy người tự lập, chủ động cuộc sống riêng mình. Buổi sinh hoạt không vô cớ chọn ngày, tháng, thời điểm ý nghĩa sâu xa nầy - ý hẳn ban tổ chức muốn truyền đạt một thông điệp - Từ đây, chúng ta nhìn lại cuộc chiến không chỉ tác động riêng đối với người và xã hội Việt Nam, nhưng liên hệ đến nhiều sắc dân, quân đội của những chế độ chính trị khác nhau - những nước đã từng tham dự cuộc chiến mà hậu quả đến hôm nay vẫn còn sâu xa ảnh hưởng. Hội chứng Việt Nam hiện tại vẫn hằn sâu lên tâm lý giới cầm quyền, điều hành nước Mỹ, cũng như hệ lụy Đệ Nhị Thế Chiến, phần đau thương của nước Nhật gây nên tự quân đội Nhật (đối với các nước vùng Đông -Nam Á, Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam), hoặc nhân dân Nhật hứng chịu hôm nay vẫn hằng (được và phải) nhắc lại. Nhắc lại để tránh những lỗi lầm của quá khứ, nhắm đến tương lai - Thiên niên kỷ Thứ Ba của nhân loại mà Châu Á-Thái Bình Dương sẽ là diễn trường quyết định với vai trò quan trọng hàng đầu của Nhật Bản. Nước Nhật hẳn đang chuẩn bị cho tương lai hiện thực nầy. Thế nên, buổi sinh hoạt chắc đã hình thành không do những lý do tùy tiện, ngẫu nhiên.

Sau phần giới thiệu của ban tổ chức gồm có các Giáo Sư Susumu Fugita, Minoru Iwasaki, và Imai Akio của học viện, các thuyết trình viên lần lượt trình bày nội dung chủ đề mà ban tổ chức đã thông báo, chỉ định từ tháng 11 năm 2001. Người thuyết trình xử dụng ngôn ngữ của quốc gia mình, thông dịch sang Nhật ngữ do những giáo sư, sinh viên đang giảng dạy, hoặc theo học các học trình tiến sĩ chuyên khoa ngôn ngữ của quốc gia đó.

Theo chương trình dự định, Bảo Ninh, tác giả Nỗi Buồn Chiến Tranh (đã được dịch sang Nhật ngữ), và Thân Phận Tình Yêu (những cuốn sách nói về mất mát, đau thương của tuổi trẻ miền Bắc Việt Nam trong chiến tranh) phát biểu trước. Nhưng vào tuần lễ đầu tiên của tháng 1, 2002, tác giả nầy thông báo không tham dự buổi hội thảo được vì lý do "trở ngại giấy tờ hành chánh", nên anh gởi một bản văn đến ban tổ chức hội thảo. Văn bản nầy được dịch ngay sang tiếng Nhật, và được phổ biến vào giờ khai mạc. Sự kiện Bảo Ninh vắng mặt sẽ được đề cập lại trong phần hậu từ của bản tường trình nầy. Người thay thế Bảo Ninh, Nguyễn Minh Tuấn, nguyên biên tập viên, chuyên bình luận kinh tế của Báo Đại Đoàn Kết, Hà Nội, hiện là giảng viên tiếng Việt của trường từ năm 2000, di dân qua Nhật theo diện gia cảnh (do kết hôn cùng cô Keikhông Watanabé, biên tập viên Báo Yomiuri, nhật báo lớn nhất của Nhật) bắt đầu buổi hội thảo. Nguyễn Minh Tuấn khởi đầu phần trình bày với tư thế: "..Năm 1975, tôi mới mười-lăm tuổi, nên dẫu đã khai thêm hai tuổi để đang ký vào quân đội thì cũng chỉ đi lính được một ngày, và miền Nam đã được "giải phóng".. Tất cả ký ức về chiến tranh của tôi là những ngày sơ tán tại miền Bắc Việt Nam để tránh bom Mỹ.. Những hoàn cảnh cực khổ và dễ sợ." Tuấn có những nhận xét trong phần kết luận: "Hiện tại ở Việt

Nam, hầu hết mọi người hình như không ai muốn nói về chiến tranh. Hằng năm, vào những ngày lễ lớn như "giải phóng miền Nam 30 tháng Tư", ngày Quốc Khánh 2 Tháng 9, chỉ những tờ báo nhà nước (Báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Công An..) mới nhắc lại những chiến thắng quân sự. Còn phần đông dân chúng chỉ chú trọng vào đời sống, lo toan sinh kế vật chất. Và đời sống xã hội, thị trường tài chính, kinh tế thì bị nạn tham nhũng hoành hoành, hiện tượng áp bức tràn khắp.. với thành phần nạn nhân đầu tiên chính là những người đã dựng nên những chiến thắng kể trên." Nguyễn Minh Tuấn cũng không "ngạc nhiên" về sự kiện Bảo Ninh vắng mặt. Qua kinh nghiệm làm báo ở Việt Nam, anh đã quá quen với những lý do "trở ngại giấy tờ hành chánh" nầy, bởi chính bản thân anh cũng đã là nạn nhân của những lý do tương tự đôi ba phen. Phần phát biểu của Nguyễn Minh Tuấn được chuyển sang Nhật Ngữ bởi Giáo Sư Odaka Tai, Giảng Viên Khoa Quan Hệ Quốc Tế, Đại Học Daitobunka.

Tiếp đến phần trình bày của Người Lính-viết văn. Trái với người bạn đến từ miền Bắc Việt Nam kia, anh đã chứng kiến, chịu đựng chiến tranh từ thuở thơ ấu, khi chưa đến tuổi lên mười trong những vùng gọi là chiến khu (địa phương thuộc quyền kiểm soát của lực lượng Việt Minh trong giai đoạn chiến tranh 1945-1954) suốt một đời dài cho tới hôm nay, sắp đến tuổi 60. Anh chịu đựng với chính thân xác mình, nghe bằng tai, thấy tận mắt, hít thở thấm đẫm hơi người chết, đầm đìa khắc khoải tiếng kêu thương tâm của vạn, triệu cảnh đời khốn cùng, đau đớn oan khốc diễn ra qua từng ngày, từng giờ trên suốt giải quê hương - không chỉ giới hạn nơi những xóm làng, đồng ruộng, thị trấn miền Nam, nhưng đến tận đầu nguồn biên giới, vùng núi non cực bắc đối diện lãnh thổ Trung Quốc, hoặc nước Lào ở phía

Tây. Tình cảnh anh không phải là trường hợp đơn lẻ, cá biệt, nhưng là cảnh huống điển hình của toàn dân tộc khổ nạn. Anh chỉ là một con người sống tận cùng với khổ nạn Việt Nam. Anh không nói quá lời mà sợ rằng không đủ tiếng lời để nói. Và không chỉ trong ba mươi phút ấn định, nhưng nếu có thể với ba mươi giờ vẫn chưa đủ để kể hết toàn cảnh xót xa khắc nghiệt kéo dài hơn nửa thế kỷ, từ ngày Mặt Trận Việt Minh (do đảng cộng sản Việt Nam ẩn danh lãnh đạo) khởi đầu cuộc chiến, 19 tháng 12, 1946, đến khi mặc áo lính, 1960-61, cho đến ngày tàn cuộc 30 tháng tư, 1975, tiếp lần vào trại tập trung sau đó, chuyển ra giam cấm cố ở miền Bắc, 1976, và cho đến tận hôm nay - Dấu vết, ký ức chiến tranh vẫn còn nguyên độ sắc. Anh sống đủ đời với của cuộc chiến và hứng trọn hệ quả của nó dẫu hôm nay tạm lìa bỏ quê hương.

Nầy đây, hãy anh kể lại: "Chỉ trong vòng bốn mươi tám giờ kể từ khi bắt đầu cuộc hành quân trực thăng vận của ngày 20 tháng 8, 1964, từ phi trường Bến Tranh xuống một ngôi làng Quận Bình Đại, tỉnh Kiến Hòa.. Đi sau hai người khinh binh, tôi bước e dè, nhọc mệt, do tiểu đoàn đã đụng nặng từ lúc xuống trực thăng, thêm việc nhặt những xác chết của đơn vị bạn, người tôi lao đao trong cảnh trận địa nguy khốn, mùi hôi tanh từ máu người lẫn hơi bùn xông lên ngây ngây ngật ngật. Đến ngày thứ hai thì nỗi thảm hại trong lòng càng thêm độ sắc, bởi đám tàn binh cộng sản bị thiệt hại của ngày hôm trước nay không đường thoát thân, phải chui vào đụn rơm, ao bèo lẫn trốn. Tôi kéo ra một gã du kích.. Chỉ là một thiếu niên mặt mày ngơ ngẫn do quá sợ hãi, mồm ngậm búng cơm. Tôi nhìn kỹ vào mắt hắn ta, tự hỏi: Đây là kẻ thù của mình sao? Đây là "chiến sĩ giải phóng", đầu mối tai họa, kiệt cùng khổ nạn Việt Nam? Thêm một

ngày nơi trận địa, cảnh tượng bi thảm càng thêm nặng nề, vây bọc, siết cứng lại.. Tôi đi vào khu vực Nhà Thờ Công Giáo xã Bình Đại, ngôi nhà thờ đẹp đẽ đã trở nên đống gạch đổ nát giữa hàng rừng dừa ngã nghiêng trốc gốc bốc khói xanh. Khi cúi xuống nhặt bàn tay gãy của tượng thiên thần, tôi khám phá ra năm xác chết. Đấy là gia đình người giữ nhà thờ, hai vợ chồng, ba đứa con. Năm người chết từ đâu ngày hôm trước. Chết không biết do đạn của bên nào? Những xác chết còn "tươi" do sức nổ gây hơi ép, nét mặt in dấu, vẻ kinh hoàng, chết ở vị thế ngồi dưới bàn thờ Chúa. Năm xác người được kéo ra nằm trên sân đá lạnh, nắng dọi xuống gây gây im lặng vàng khộ Nhìn lên hàng rào, chiếc áo tím của cô con gái đầu lòng bay dật dờ như nỗi oan khuất không nói ra.

Tiếp ngày hôm sau, quân đi vào một khu vườn với căn nhà đang cháy nghi ngút khói, những cột gỗ cháy đỏ xiêu lệch, nền gạch vỡ loang lỗ những dấu đạn pháo.. Có người đàn bà chưa đến tuổi ba mươi, nét mặt đôn hậu, trong sáng của người phụ nữ miền Nam chưa phải chịu đời khó khăn, vất vả. Chị ngồi ngơ ngẩn trên thềm ngôi nhà đang cháy dỡ. Tôi đi đến... Không biết đang có đánh nhau hay sao mà chị lại ngồi đây? Im lặng, chị ta đứng dậy, đưa chiếc giỏ mây vào mặt tôi. Động tác nhanh gọn như người tập thể dục. Tôi mở gói giấy cột chặt bởi những vòng cao su... Sợi giây chuyền vàng, đôi bông tai, hai chiếc nhẫn và cái kiềng. "Vàng, chắc hơn một lượng, con mẹ nầy sợ quá hoá điên rồi. Lấy đi thiếu úy, không ai thấy, em cũng không nói cho ai biết đâu.. Ê, đi đị." Người lính mang máy truyền tin thầm thì bên vai tôi. Anh hươi mũi súng đuổi chị đàn bà. Người nầy bước đi với nét mặt không cảm giác.

- Không được, vàng của người ta, mình đâu có quyền lấy. Nầy, chị

trở lui đi, tôi trả lại đây". Tôi nói với theo. Người đàn bà quay lại, cũng với bước chân vô hồn không cảm giác. Nhưng khi đưa tay đón lấy chiếc giỏ, nét mặt chị ta bỗng nhiên nhăn nhúm lại như đang phải chịu cơn đau quá độ: Chị buông thỏng hai tay, chiếc giỏ rơi xuống đất.. Từ từ người đàn bà đưa tay lên hàng nút áo.. những ngón tay xoắn giữ chặt, toàn thân run bần bật.

- Trời đất ơi!! Tôi kêu lên tiếng nhỏ. Người đàn bà có thể đã không hiểu lời tôi do từ cách phát âm giọng người miền Trung pha âm Bắc, nhưng chắc rằng, bởi đã sống trong vùng du kích cộng sản kiểm soát, chịu sự tuyên truyền dai dẵng dài lâu, nên chị đã nhìn tôi như "một gã lính hung bạo với áo quần rằn ri, chuyên hiếp dâm, giết người, cướp giật - như lời "tuyên truyền giáo dục" thường trực tác động sâu xa của cán bộ chính trị cộng sản. Động tác trả vàng lại cho người đàn bà cũng không phải là thái độ, hành vi đạo đức lớn, đấy chỉ là việc làm nhỏ bé, bình thường của một người "có giáo dục tại Miền Nam"- Biết trọng người và yêu thương đồng loại. Sự hiểu lầm cay đắng của người đàn bà đồng thời chỉ cho tôi hiểu ra rằng: Tính ác độc tàn nhẫn của chiến tranh, không chỉ làm cho người trở nên "hai kẻ xa lạ", nhưng là đầu mối, tai họa thống khổ đối với nhau.

Tôi dẫn người đàn bà ra bến sông qua Mỹ Thọ Chị đi tới với bước chân vô định.. Lai! Lai! Má đây con ơi!! Một người nào dưới sông kêu thất thanh, chị quay lại. Aùnh mắt trống không. Vẫn bước chân vô hồn, chị đi về chỗ thuyền đậu chen chúc.. Má! Má, nhà mình cháy rồi, cháy hết rồi. Chị vẫn còn trong cơn mê của sợ hãi. Chị vẫn chưa phục hồi trí nhớ để nhận ra rằng: "Mình đã được gìn giữ, bảo vệ bởi gã lính trẻ tuổi mà chị vừa hiểu nhầm rằng y đòi lấy của, muốn hiếp dâm". Tôi nói với những người lính đang đứng nhìn theo người đàn

bà: "Nhìn gì mấy cha, đi lẹ lẹ còn qua phà, về Sài Gòn cho kịp." Về Sàigòn lại đứng đường, gác chợ cứ như thằng ăn mày, sung sướng gì mà ham về sớm thiếu úy ơi!!

Đơn vị xuống phà qua Mỹ Tho để tiếp lên xe về Sàigòn, nhận nhiệm vụ chống biểu tình, giữ an ninh thủ độ. Hai gã thiếu niên đi đầu đoàn người căng biểu ngữ màu vàng: "Cương quyết bảo vệ Đạo Pháp". Hai gã khác mang một tấm khác có giòng chữ nguệch ngoạt, "Hoan hô quân đội".. Đám đông la ó, những viên đá ném tới.. Những viên đá rơi trên nón sắt, thân áo giáp, lời chưởi bới ào ào nghiệt ngã:"..đ..má chúng mầy ăn tiền mỹ-ngụy bao nhiêu hỡ... Ai trả lương cho chúng mầy giết thầy, hại đạo!!" Những người lính chúng tôi chưa kịp rửa đôi giày lấm bùn của chiến trận ngày hôm qua, vết cháy ở áo Hạ Sĩ Ty, máu khô còn đóng trên mặt Binh Nhất Thái, và chính tôi - mùi người chết còn nguyên nơi miệng, lưỡi.. Tất cả chỉ vừa qua của bốn-mươi tám bốn giờ từ một vùng đất gọi là Bình Đại, Tỉnh Kiến Hòa. Bình Đại- Sài Gòn chỉ khoảng trăm cây số đường chim bay."

"Câu chuyện kể tiếp tục với cảnh tượng những đứa trẻ sống sót trong ngôi làng Xã Chánh Khoan, vùng Quận Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Làng trù phú, vườn củ đậu xanh ngắt, lúa chín vàng, chĩu nặng bông trái nhưng không bóng người, nhà nhà cửa đóng kín, mùi tử khí âm âm.. Những đứa bé được tìm thấy từ căn nhà cha mẹ đã chết vì dịch hạch. Bé kiệt sức vì đói, rét do trời đang ở cuối mùa Đông 1966.

Câu chuyện tiếp tục với hoạt cảnh xót xa im lặng nơi vùng đất lửa hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, biên giới cực bắc của miền Nam đối diện với miền Bắc qua vùng "Phi Quân Sự". Mùa Đông năm 1967, hai giờ sáng từ Cửa Việt, đơn vị anh, Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù đưa quân lên hướng Bắc sát sông Bến Hải. Trời sáng dần để thấy lẫn sau giải đụn

cát, gò đất có những "ngôi nhà" nhỏ. Không biết đáng để gọi là "nhà" hay chăng, vì thật sự chỉ là những hầm hố, trên đó người dân úp lên một mui thuyền và cả gia đình, những con người ngồi bó gối sát vào nhau. Khi nhận ra những người lính đang làm việc lục soát, những con người ngồi trong những căn nhà kia cử động.. Họ bò ra. Vâng, những "con người gọi là người Việt Nam" kia bò ra bằng hai bàn tay và đầu gối, như một loại dã nhân tiền sử chưa đứng thẳng được cột sống. Bao đời nay, người đàn bà ở hai tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên, bất kể giai cấp xã hội nào, theo phong tục kín đáo luôn có thói quen luôn mặc áo dài, dù áo dài cũ kỷ, rách vá, hoặc đang làm việc nặng nhọc, lầm than. Những chiếc áo dài rách tay, độn vai bởi hàng chục miếng vá, khác màu, khác vải. Nhưng chiếc áo dài của người đàn bà làng Diêm Hà Thượng ở vùng giới tuyến không còn chức năng của mục đích, ý niệm ban đầu - Để bảo vệ phẩm tính cao quý, thể hiện phong cách kín đáo của người nữ. Tất cả những danh, tỉnh từ huênh hoang, tô vẻ mà những kẻ lãnh đạo chiến tranh của cả hai bên hằng nại đến để chiếm đoạt "lý chính nghĩa" đã trở nên vô dụng, mất ý nghĩa đích thực, vì vạt áo dài kia không được kéo dài hơn, không đủ lành lặn để thay thế chiếc quần che phần hạ thể trong động tác bò lết."

Nhưng chiến tranh bên cạnh chuỗi cảnh tượng thê thiết dằng dặt kể trên vẫn có những hoạt cảnh bi tráng mà mỗi người lính, người dân miền Nam hằng hiện thực qua từng ngày giờ bão táp với cách thế chịu đựng vô vàn kỳ lạ tưởng chừng như không thật. Chúng ta hãy chứng kiến những phận người sống-chết qua lửa đạn.. "Ngày 25 tháng 6, 1972, Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I quyết định khai diễn chiến dịch tái chiếm Quảng Trị. Khi đổ

quân xuống bãi cát nam Quận Hải Lăng, trên trục tiến quân hướng khu Nhà Thờ La Vang, mục tiêu cực tây, vị trí giữ cạnh sườn trông về hướng Trường Sơn, những người lính thấy những luồng hơi ong óng trên mặt cát kia sao. Trời sáng dần, quân tiến sâu vào vùng hơi bốc lên kia thì họ khám phá rạ. Luồng khí bốc lên ấy là tàn hơi của một loại lửa đặc biệt. Lửa được cấu tạo không chỉ do vật chất bị đốt cháy như gỗ, sắt, thép của các loại súng đạn, xe cộ, vật dụng chiến tranh; lửa còn được tăng cường nung nấu bởi áo quần, quang gánh, giày dép... Và cuối cùng, lửa được bền bỉ gìn giữ bởi một chất liệu bất ngờ, phí phạm và thực sự không cần thiết - Những tế bào hữu cơ của thân thể người bị xé rách, vùi dập, thiêu đốt cháy âm ỉ làm chảy sênh sếch mặt nhựa đường. Loại lửa thuần túy "nhân tạo" nầy đã tồn tại từ bao ngày qua - từ ngày 29 tháng Tư, 1972, thời điểm những sư đoàn Miền Bắc tấn công, cưỡng chiếm thị xã Quảng Trị, phục kích đoàn người di tản, chạy loạn qua vùng đất 9 cây số từ La Vang xuống Cầu Câu Nhi Phường, nam Quảng Trị. Con người nghe tiếng nổ cấp kỳ và thân người tung xé bay bay lên với lửa.. Họ "biết rõ" như thế và chỉ biết giương tròng mắt ngó trân..

Lửa! Lửa! Lửa!
Lửa dậy từ Hải Lăng
Giăng giăng triền cát trắng
Lửa phần phật nung rền
Đỏ cọng cỏ đồi sim.
Bao xác người cháy đen
Dọc dài Đường số I
Xác mẹ chồng xác con
Chập chờn màu lửa nghẹn

Dòng "Đá Chảy Mồ Hôi"
Sôi sục hơi tử khí
Đồi"Thánh Mẹ Sầu Bi"
Nhầy nhầy thây kinh dị.
Thây thê thảm quắp co
Đặc quánh vũng máu đo?
Đất sềnh sệch thịt người
Lặng nở trời nắng to...

Những cái chết kia không chỉ một lần, vì cảnh tượng thương tâm kia không chỉ riêng cho ngày 29 tháng 4, mà được lập đi lập lại suốt gần hai tháng qua với đạn, bom cực độ của cả hai bên, bên nầy lẫn bên kia sông Bến Hải để tạo nên một địa ngục lặng im dưới trời sáng nắng, trên bãi cát lây lất màu máu cặn. Nhưng loại lửa nhân tạo kia lại không đủ độ nóng cần thiết để thiêu cháy toàn diện, nên những xác người dù qua bao ngày chết lâu dài vẫn còn nguyên vẹn nét kinh hoàng của lần bức tử, dẫu chỉ là khối xương sọ nằm trơ bên hố bom kho cạn nước, sênh sếch váng lớp thịt xương, dạng thây người chưa hoàn toàn tiêu hủy.

... Kẹt trong xích xe tăng
Xác thân ai rây máu
Trời ơi đau Hải Lăng
Hồn cào sôi bi phẫn.

Nhưng từ sâu khổ nạn với cảnh chết tận cùng kia, bỗng sáng chói điều kỳ diệu như tia chớp của giữa đêm đen giông bão. Khi những người lính vượt tuyến xuất phát, đội pháo vượt qua vũng lửa Hải Lăng, Giáp Hậu, La Vang thì trên đồng cháy xuất hiện những bóng người thấp thoáng xiêu lệch.. Họ chạy ngã nghiêng, chập choạng

như những bóng ma nhập tràng vừa dựng dậy từ đám xác chết. Và như được hồi sinh bởi một năng lực mầu nhiệm, đám "ma người" đồng thất thanh kêu lớn... Lính tới! Lính tới! Lính cộng hoà tới! Và chắc rằng chính tiếng kêu trong đáy thẫm chết chóc của những người dân nầy là tin cậy trao gởi cổ vũ mãnh liệt nhất để những người lính dựng nên kỳ tích của trận chiến Mùa Hè 1972 ở mặt trận Quảng Trị trong ngày 14 Tháng 9- Khi những chiến binh của các Tiểu Đoàn 1 và 6 TQLC đồng khép chặt, diệt gọn ổ kháng cự cuối cùng nơi Cổ Thành Đinh Công Tráng, dựng NGỌN CỜ VÀNG lúc đúng Ngọ- Giờ mặt trời lên thiên đỉnh chiếu ánh sáng rực rỡ uy nghi xuống Ba Vạch Đỏ thắm tươi thêm sắc máu của những người hằng chết cho một điều không bao giờ nói nên lời: Con người luôn sẵn chết vì TỰ DO - Những người LÍNH vô danh, những người DÂN không ai biết đến - Dân và Lính Miền Nam. Của Quốc Gia tên gọi VIỆT NAM CỘNG HÒA."

Câu chuyện vốn còn rất dài, nhưng bởi thời lượng không đủ, anh chấm dứt phần trình bày với kết luận: "Thượng đế ban cho con người sự sống, và kế hoạch hóa tình cảnh, thời điểm từ giả cuộc đời trần thế- Nhưng con người trong chuỗi sinh tồn kia đã hiện thực điều bi thiết vĩ đại của mình - Người quyết định lần chết cho chính bản thân. Người trao gởi lại sau cái chết xác thân một trị giá vinh diệu. Người Việt Nam đã hiện thực điều cao cả kia một cách tự nhiên trong suốt đêm đen bất hạnh dài theo thế kỷ, giữa vũng lửa chiến tranh mà toàn dân tộc đang gánh chịu một cách khắc kỷ- Xem như một sự cùng đành. Chúng tôi không nói điều tán tụng với chữ nghĩa phù phiếm, không nội dung- Chúng tôi xác tín với giá máu của mỗi người anh em đã, đang hằng hằng lâu dài gánh chịu... Không chỉ là những

người lính nơi trận địa, mà là hằng loạt tướng lãnh giữ chức tư lệnh đại đơn vị, hoặc sĩ quan cấp tá cao cấp: Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Nguyễn Khoa Nam, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Nguyễn Hữu Thông, Trung Tá Cảnh Sát Nguyễn Văn Long... Người không chỉ chết một mình, mà với toàn gia đình cùng một lần quyết tử- Chị Nguyễn Thị Thàng, vợ một nghĩa quân chết với chồng và đàn con nơi chiếc đồn cô quạnh ở vùng IV; Thiếu Tá Vĩnh, bào huynh của gia đình niên trưởng Hà Thượng Nhân (Trung Tá Phạm Xuân Ninh, Chủ Nhiệm Báo Tiền Tuyến) chết cùng với cả nhà gồm ba thế hệ: ông, cha, cháu; những người lính Thủy Quân Lục Chiến đồng tự sát nơi Bãi Mỹ Khê, Đà Nẵng cuối tháng 3, 1975; Trung đội Nhảy Dù của Huỳnh Văn Thái cùng nỗ chung một lần lựu đạn sáng 30 tháng Tự Ánh chớp thanh quang của anh hồn bao người trung liệt kia hẳn đã rung mờ nhật, nguyệt hiện thực lần Núi Sông cùng khóc với Con Người. Và Người cùng một lần sống mãi với Quê Hương."(*)

Phần trình bày của anh đã được Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích, Giám Đốc Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do (RFA), Washington DC chuyển sang Anh Ngữ, bản dịch quay ronéo để sẵn nơi cửa phòng hội, cùng với văn bản tiếng Việt, được tóm lược qua Nhật Ngữ. Giáo Sư Nhật Văn, Lê Văn Cừ, bạn cùng lớp Trần Viết Đại Hưng (San José, CA) cựu học sinh Hàm Nghi, Huế, người đã thấm hiểu, và chịu cơn đau của sự kiện lực lượng cộng sản tàn sát người Huế trong dịp Tết Mậu Thân 1968; lần chạy loạn oan khốc của ngày 29 tháng 4, 1972 nơi 9 cây số "Đại Lộ Kinh Hoàng", phiên dịch cho anh theo kỹ thuật phiên dịch nghị trường qua phối hợp với anh từ đêm đầu tiên đến Nhật. Người Lính-viết văn cũng chuẩn bị sẵn ấn bản tiếng Anh "The Stories

Must Be Told", cuốn sách được huynh đệ, bằng hữu khắp nơi giúp hoàn thành trong một thời gian kỹ lục trước ngày đi.

Tiếp theo, Cô Ku Sujeong, Hàn Quốc (tên Mỹ Suzane; tên Việt, Trâm), sinh viên học trình tiến sĩ sử học trình bày chủ điểm, "Những đơn vị Đại Hàn có mặt trong chiến tranh Việt Nam" (Các Sư Đoàn Bộ Binh, Thủy Quân Lục Chiến, Thanh Long, Bạch Mã, Bạch Hổ chịu trách nhiệm vùng duyên hải Miền Trung từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận, 1965-1973). Cô Sujeong được một sinh viên người Đại Hàn hiện theo học tại học viện giúp phiên dịch.

Chu Kiên, người Trung Hoa trình bày "Chiến tranh Việt Nam đối với Mao Trạch Đông". Với những chứng liệu lịch sử cận đại còn rất mới, diễn giả người Hoa nầy minh xác ảnh hưởng lý thuyết, lẫn kinh nghiệm thực tiễn của Mao Trạch động đối với những quyết định chiến lược, cũng như chiến thuật của giới lãnh đạo miền Bắc, đặc biệt đối với Hồ Chí Minh. Diễn giả nầy trình bày trực tiếp bằng Nhật Ngữ.

Và cuối cùng, Ado Makoto, thủ lãnh của phong trào phản chiến Nhật trong suốt nhiều thập niên qua những vận động đòi quân đội Mỹ rút khỏi Okinawa, phản đối Hiệp Ước An Ninh Nhật-Mỹ, trình bày quan điểm "Nhật Bản và Phong Trào chống Chiến Tranh" do ông và các nhóm bạn đồng quan điểm lãnh đạo, vận động, thực hiện.

Sau lần trình bày của Ông Ado Makoto, buổi hội thảo chuyển qua phần thứ hai: Đối thoại giữa cử tọa và các diễn giả, hoặc phần bổ túc giữa những người thuyết trình. Khoảng bốn trăm người tham dự, phần đông thuộc lớp sinh viên trẻ tuổi (đang theo học các phân khoa chính trị, lịch sử của trường) hoặc những người lớn tuổi có lòng quan tâm đến thời cuộc, sinh hoạt chính trị. Đáng kể nhất là các ký giả,

phóng viên Hara, Tabata, Oshima phụ trách trang tiếng Nhật của tờ Mê-Kông do Hồ Thông Minh chủ biên. Các anh Hà Ngọc Giao, Lê Văn Xe, Trần Kiến Võ, chị Hà Anh Võ, và những thanh niên, thiếu nữ người Việt đến Nhật từ lúc tuổi ấu, thiếu, ở những nơi rất xa Tokyo (di chuyển ở Nhật luôn là một vấn đề khó khăn vì khoảng cách quá xa, dân số quá lớn. Tokyo là một trong những thành phố đông dân nhất của thế giới với 12 triệu người) đã đến tham dự buổi nói chuyện. Tuy nhân số ít nhưng các anh, chị, các cháu trẻ tuổi đã theo dõi với tất cả tấm lòng của những người Việt hằng thấm đau cảnh khổ. Các anh Lê Văn Xê, Trần Kiến Võ thuộc các khoá 19, 25 Trường Võ Bị Đà Lạt, anh Hà Ngọc Giao là sĩ quan Hải Quân QLVNCH.

(*) Bản tường trình đầy đủ "Nỗi Đau Đầy Hơn Trí Nhớ" đã được chuyển sang Anh ngữ trong "The Stories Must Be Told".

Sự Thật ở đâu?

(Nếu lần phát biểu được ban tổ chức điều hành theo thứ tự kể trên, sang đến phần đối thoại thì thực hiện theo chiều ngược lại. Và Bản Tường Trình chỉ ghi lại những đối thoại của hai diễn giả người Việt, và những nội dung có liên hệ trực tiếp đến người và việc từ, của Việt Nam.)

Ông Ado với tinh thần phản chiến cực đoan, đã nhận định: "Chiến cuộc Việt Nam là biểu hiện nhất quán của chính sách "thực dân kiểu mới" được Mỹ hóa (Americanized, Ado lập lại nhiều lần) với những phương tiện quân sự khổng lồ, sức mạnh siêu đẳng của nền kinh tế, tài chánh của chủ nghĩa tư bản." Do quan niệm một chiều nầy được diễn đạt bằng tư thế trấn áp cơ hữu của diễn giả qua cách phát âm Nhật ngữ mạnh mẽ, với dẫn chứng sự kiện quân lực Mỹ đã từng

tham chiến ở Đại Hàn, trấn đóng tại Nhật trước khi có mặt ở Việt Nam, nên từ phía cử tọa đã có thắc mắc với cô Sujeong (Đại Hàn): "Phải chăng lần tham dự của quân đội Đại Hàn có nguyên do từ sự đe dọa của Bắc Hàn?" Có thể do cô đã không chuẩn bị cho câu hỏi thắc mắc nầy (vì chỉ đặt trọng tâm vào hoạt động quân sự của lực lượng Đại Hàn tại Nam Việt Nam), nên Người Lính-viết văn đã xin phép được phép trả lời hộ, anh nói: "Chúng tôi đã quả đã dự tri cho câu hỏi nầy nên đem sẵn theo đây một dĩa CD có 30 hình ảnh về chiến tranh không phải chỉ riêng với hoàn cảnh VN mà còn của nhiều vùng đất, và những sắc dân khác. Một của 30 bức ảnh nầy là cảnh tượng người Bắc Hàn vượt sông Naktong chạy về phía nam vĩ tuyến 38 trong chiến tranh 1950-1953 (cũng được trích đăng trong phụ bản của The Stories Must Be Told). Hình ảnh nầy đủ để chứng minh sự kiện đe dọa của lực lượng quân sự, chính sách hà khắc chính trị của phe cộng sản không chỉ xảy ra với chiến tranh Việt Nam (mà chỉ do nguyên cớ là tham dự của người Mỹ như ôngAdo vừa kể ra)- Nhưng đe dọa mang tính danh cộng sản đã có và hằng tác động lên toàn cầu, nên đã xẩy ra cảnh tượng như vừa kể trên trong nam 1950ở Đại Hàn; sự kiện người lính Đông Đức đào thoát qua bức tường Bá Linh năm 1960; và hiện tượng vạn, triệu người Việt chấp nhận cái chết để thoát khỏi tay người cộng sản ở Việt Nam.. Di cư, vượt tuyến khỏi miền Bắc sau tháng 10 năm 1954; chạy loạn Mậu Thân 1968; chạy tỵ nạn năm 1972; di tản tháng Ba, Tư năm 1975, và cuối cùng đồng loạt (cả hai miền Bắc, Nam) vượt biên suốt hơn một thập niên sau 30 tháng Tư, 1975. Tóm lại, không những chỉ có đe dọa của Bắc hàn đối với Đại Hàn, của Đông Đức đối với Tây Đức, của Bắc đối với Nam Việt Nam- Nhưng đe dọa cộng sản là thực tiễn của tình hình chính

trị-quân sự toàn cầu trong suốt nửa thế kỷ vừa quạ Tóm lại, chiến tranh Việt Nam là chiến tranh hai miền Bắc-Nam, giữa chế độ cộng sản Miền Bắc và chế độ cộng hòa, dân chủ Miền Nam - Chiến tranh nầy khởi đi rất lâu trước khi chính phủ Mỹ đổ quân vào đến Việt Nam (mùa Hè 1965 tại bãi Đà Nẵng)- Ít nhất cũng chính thức từ 19 tháng 12, 1960, ngày thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam theo nghị quyết của Đại Hội 3 Trung Ương Đảng Lao Động (cộng sản), ngày 10 tháng 6, 1960 tại Hà Nội. Và chiến tranh ấy vẫn kéo dài sau khi quân nhân Mỹ hoàn toàn rút khỏi Miền Nam (27 tháng 3, 1975), ngoại trừ một văn phòng tùy viên quân lực (DAO) theo điều khoản của Hiệp Định Paris. Có một cán binh bộ đội nào đã giao tranh với đơn vị chiến đấu Mỹ trong khoản thời gian trước, sau thời đoạn 1965-1973 ngắn ngủi của cuộc chiến tưởng chừng bất tận đau thương kia?

Một người khác (mà anh đoán chừng phải là người am hiểu rõ tình hình, văn hóa Việt do chữ viết (Việt ngữ) rất đều và đẹp) đặt cho anh câu hỏi: 1/ Phải chăng ở Miền nam có chánh sách cưỡng ép người vào lính? 2/Đời sống vật chất của cấp sĩ quan rất thoải mái bởi có mức lương cao. 3/Chính sách giam giữ của chính quyền miền Nam đối với tù binh bộ đội cộng sản? Anh có trả lời như sau: "Trong một nước có chiến tranh thường trực, lẽ tất nhiên phải có chính sách tổng động viên nhân, vật lực cho cuộc chiến. Tuy nhiên như trường hợp anh, tự nguyện vào lính năm 17 tuổi đã chứng tỏ, miền Nam không thiếu những thanh niên tình nguyện vào quân ngũ, (không những chỉ tình nguyện vào Trường Võ Bị mà còn phải thi tuyển gắt gao). Hơn thế nữa, đơn vị anh, binh chủng nhẩy dù chỉ nhận người tình nguyện - từ cấp binh sĩ đến hàng tướng lãnh- và được gia nhập vào binh

chủng nầy là một vinh dự lớn, mà người sĩ quan khi tốt nghiệp trường võ bị phải đậu thứ hạng cao, hoặc thủ khoa khóa học mới có quyền ưu tiên chọn lựa. Tuy nhiên, hoàn toàn không phải phải vì đồng lương mà người thanh niên vào lính- bởi đây là một nghề nghiệp có mức sống thấp nhất của xã hội miền nam- Số tiền lương của cấp sĩ quan chỉ ngang chừng 10 Đô-la Mỹ, chứ đừng nói binh sĩ, hạ sĩ quan. Anh dẫn chứng với lời tự sự cá nhân anh trong mục tiểu sử tác giả của cuốn "Những Chuyện Cần Được Kể Lại: Chưa hề có một tài sản nào lớn hơn 10 đô-la Mỹ, tài sản lớn nhất có được là số tiền Bộ Xã Hội Mỹ cấp phát vào ngày nhập cư đất Mỹ năm 1993". Anh cũng không quên kể lại câu nói của người đàn anh thương mến, Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC: "Tao mấy năm làm tiểu đoàn trưởng chưa hề cầm số tiền lớn hơn 100.000 đồng (thời giá năm 1970, khoảng 60 đô-la Mỹ)" Chương "Người Lính Không Hề Chết"- NCCDKL (sđd)". Về câu hỏi thứ ba, tương tự như vấn nạn đối với cô Sujoeng về vấn đề "Mối đe dọa từ Bắc Hàn", lần nầy anh cũng chuẩn bị đủ đối với tình thế (dự liệu) qua chương "Tù Binh, Anh đi về đâu?" của cuốn sách viết từ 1974, "Tù Binh và Hòa Bình". Trong chương nầy anh đã viết nên lời: "Ở trại giam Phú Quốc do quân cảnh VNCH quản trị, người tù cộng sản được bảo vệ bởi những quy luật trại giam theo Công Ước Quốc Tế Genève về tù binh (cố vấn Mỹ của đơn vị quân cảnh lại là người giám sát nghiêm chỉnh việc thi hành nầy). Và trái lại, mối đe dọa nguy khốn đến từ những "đồng chí" của họ - Những cán bộ chính trị của tập thể tù binh cộng sản. Và khi ra khỏi nhà tù, trả về phía cộng sản, họ tiếp tục bị đày ải bởi nhà cầm quyền Miền Bắc bởi tội danh "đã để phía ngụy quân bắt cầm tù". Anh đã không dự tri điều hoang tưởng-

Năm 1976, khi chuyển ra giam giữ ở đất Bắc, anh gặp lại đủ những người mà anh đã trao trả về phía cộng sản trong những tháng đầu năm 1973 tại địa điểm trao trả bên kia sông Thạch Hãn (Quảng Trị)". Nhưng Nguyễn Minh Tuấn đã không tin về câu trả lời trên, anh cho rằng, sự hà khắc, độc ác của chế độ giam giữ của VNCH là một điều không thể chối cải được, vì sự kiện nầy đã bị chính các nhân vật "hòa bình" ở Miền Nam tố cáo. Vì thời giờ không cho phép, hơn nữa vần đề đã đẩy qua vùng chính trị mà nếu muốn đề cập thì phải dẫn chứng với nhiều người, việc khác (thành phần thứ ba, các phong trào hòa bình ở Miền Nam, những nhân vật phản chiến "ngụy danh" mà sau 1975 đã hoàn toàn lộ mặt.. Những Lý Chánh Trung, Nguyễn Thị Thanh Vân (vợ Ngô Bá Thành), Huỳnh Tấn Nẫm..) Và anh cũng đã dự tri chính xác về những con người nầy cùng cái gọi là "cuộc cách mạng gọi là giải phóng miền Nam" qua khẳng định đã viết thành lời từ 30 năm trước: "Rồi đây trận chiến cuối cùng sẽ là giữa chúng tôi với những sư đoàn chính quy cộng sản Bắc Việt.. Lá cờ ba mầu của mặt trận giải phóng (Miền Nam), cùng những kẻ múa rối ở Miền Nam sẽ bị vất đi như một thứ phế phẩm!! (TB& HB, Trang 411-417, ấn bản 1974, Hiện Đại Sàigòn)". Anh cũng không trả lời câu hỏi có tính cách "chiến thuật nầy" là cốt dùng thì giờ còn lại để trả lời về câu hỏi mấu chốt: "Ông nghĩ thế nào về sự kiện Hà Nội bị Mỹ dội bom". Câu hỏi nầy do một thính giả nêu ra nhưng Nguyễn Minh Tuấn chuyển "gánh nặng" qua cho anh. Không chút bối rối và ngạc nhiên, anh trả lời: "Trước tiên tôi cực lực phản đối việc Mỹ ném bom Hà Nội, vì một lẽ rất giản dị: Không ai cam tâm muốn đất nước mình bị tàn phá. Mà cũng không hẳn như thế, tất cả những con người có lương tri, lương năng không ai hoan nghênh những vụ tàn phá, tấn công bằng bom

đạn. Nhưng nói đi thì cũng phải nói lại, trong dĩa CD sẵn mang theo hôm nay (nhưng rất tiếc vì lý do kỹ thuật, CD nầy đã không phóng chiếu được. Anh đưa CD lên thêm một lần) có hình ảnh phố Khâm Thiên, khu dân cư Hà Nội bị dội bom trong chiến dịch dội bom 12 ngày (Tháng 12, 1972) của chính quyền Mỹ. Nhưng nếu đã kết án vụ việc phi cơ Mỹ ném bom ở Khâm Thiên thì cũng phải kết án những vụ pháo kích của lực lượng cộng sản vào những thành phố, khu dân cư ở Miền Nam. Trong dĩa CD nầy cũng như trong những cuốn sách tôi trình bày trước quý vị hôm nay (có những ảnh do chính bản thân hoặc các phóng viên chiến trường bạn hữu tôi chụp trong trận chiến mùa Hè 1972), những ảnh nầy trình bày đủ cảnh tượng thường dân bị tàn sát trên 9 cây số "Đại Lộ Kinh Hoàng" nam Quảng Trị, ngày 29 tháng 4, 1972; thị xã An Lộc bị san thành bình địa, dân chạy loạn về Chơn Thành, Bình Dương bị tàn sát bởi cuộc pháo kích tập trung đêm 12 tháng 4, 1972. Trường Tiểu Học Cai Lậy, Định Tường (vùng đồng bằng Cửu Long) ngày 9 tháng 3, 1974 gây thương vong 43 trẻ nhỏ, bị thương 70 em khác.. Những vụ giết người không cần thiết và cực độ vô nghĩa nầy phải một lần bị lên án cùng lần với việc phố Khâm Thiên Hà Nội bị dội bom. Và trở lại vấn đề dội bom thì thật ra mà nói- ba phần tư số bom Mỹ với chất độc khai quang là dội xuống Miền Nam- Thế nên, nhân dân Miền Nam mới là người có đủ toàn quyền trước hết để nói lên vấn nạn đau xót nầy. Phải, chính chúng tôi - Người Miền Nam mới là nạn nhân đầu tiên và hứng chịu phần nặng nề nhất của cuộc chiến. Hai trăm ngàn dân, lính trong lần di tản Tây Nguyên khởi từ 15 tháng Ba, 1975 kết thúc ngày 28 cùng tháng, chỉ còn khoảng 60.000 con người đếm được tại trại tiếp cư đèo Rù Rì, Nha Trang, không có một đơn vị quân đội nào còn được khả

năng chiến đấu khi về đến vùng đồng bằng. Biết bao nhiêu người đã chết trong chiến tranh? Chỉ biết sau 1975, trong hai triệu người Nam, Bắc vượt biên ra khỏi nước đã có 600.000 ngàn người bỏ mạng trên biển đông, nơi rừng già biên giới Việt- Miên-Thái (thống kê của Ủy Ban Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc). Biết bao nhiêu người Việt Nam đã chết trong chiến tranh? Biết bao người Việt Nam đã chết sau thống nhất, trong hòa bình? Anh hỏi mình, hỏi cử tọa, hỏi người bạn Nguyễn Minh Tuấn đến từ miền Bắc, hỏi người phản chiến Ado Makotọ. Người nào đã chiến thắng, kẻ nào đã thua trận? Phải chăng chỉ Dân Tộc Việt Nam chịu nguồn uất hận dằng dặt khôn nguôi!!

Còn có những câu hỏi về việc Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn tên đặc công ở Chợ Lớn (1968); thái độ đối với kẻ khủng bố hiện tại? Nhưng anh có thể nói gì thêm và nói gì hơn nữa (dẫu cũng đã tiên liệu cho những vấn đề nầy) ngoài mối đau thương quá đỗi lớn lao còn rất mới sau 26 năm gọi là hòa bình ở Việt Nam.

Hậu từ

Tương tự như những lần ở sông Thạch Hãn, Quảng Trị sau những cuộc trao trả tù binh đầu năm 1973, mỗi buổi chiều trở về bờ sông phía nam, phần đất kiểm soát của Thủy Quân Lục Chiến VNCH, qua thành phố đổ nát, hoang tàn, hậu quả của lần tàn phá cực độ trong suốt năm 1972.. Anh có cảm giác ngậm ngùi, khắc khoải: Rồi đây sẽ chẳng đi đến đâu, tất cả chỉ là vô ích, những nỗ lực của bản thân, bằng hữu, chiến hữu trong cuộc chiến nhiều thiên lệch, không cân sức, bị xuyên tạc, ngộ nhận, mạ lỵ từ nhiều phía- Cuộc chiến đấu tự tồn của dân và lính Miền Nam từ lâu nào đã mấy ai hay, cho dù bậc đại trí, đạo hạnh như Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Giáo Hoàng Vatican.. ?! Nay cũng thế, dẫu anh đã nói đến tận cùng, đã chuẩn bị

thật chu đáo, đã diễn dịch vô vàn từ sự thật, nhưng làm sao đẩy được khối đả tảng "chiến tranh Việt Nam được Mỹ hóa trong tất cả mọi tình thế, mọi điều kiện" ra khỏi quan niệm cố định của những người phản chiến Nhật như Ado Makotỏ Và dẫu cho anh thật lòng tin tưởng về tính trong sáng, trung trực của thế hệ người trẻ tuổi (điển hình qua số đông của phòng hội), mà thái độ nghiêm túc, cẩn mật của họ trong suốt buổi hội thảo đã làm anh cảm khích- nhưng phần đông những người nầy đều nhận quá trình huấn luyện, sưu khảo từ học trình đại học Việt Nam hiện tại - mà lý thuyết xã hội chủ nghĩa vẫn là quan điểm chủ đạo của tất cả mọi công trình văn hóa, văn nghệ, giáo dục, kể cả kinh tế. Từ "thực tế- thực tế gọi là xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam" nầy anh rơi vào một tình trạng não nề với câu hỏi nhói đau: "Nước Nhật chỉ sau mười lăm năm (1945-1960), từ hoang tàn đổ nát do hai trái bom nguyên tử; danh dự, kiêu hãnh dân tộc, quân đội bị xúc phạm (Nhật Hoàng Hirohito tuyên cáo đầu hàng, Mỹ thiết lập tòa án Tokyo xử tội phạm chiến tranh); cảnh cùng khổ, sa đọa xã hội hiện ra cùng khắp (đến nổi cảnh sát phải dùng đến biện pháp truy quét mới dọn sạch được cảnh sống lầm than của dân bụi đời ở khu nhà ga Ueno, Tokyo những năm sau 1945)- Nhưng chỉ đến thập niên 60 Nhật đã là một cường quốc kinh tế, và hiện nay là đối thủ không khoan nhượng của Mỹ trong tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, tài chánh, sản xuất. Phép mầu nầy đến bao giờ xuất hiện ở Việt Nam - Đất nước đang ở đầu thiên niên kỷ thứ ba với chiến lược kinh tế "nhất quyết tiến lên xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở nông nghiệp và công nghiệp nhẹ". Hình thái phát triển xã hội (và chỉ thực hiện được) do dịch vụ tiêu thụ và tệ nạn bàn giấy thông qua thủ tục hối lộ. Hơn một phần tư thế kỷ kể từ ngày thống nhất đất nước số phận người

dân vẫn bị chi phối và quyết định bởi Bộ Hình Luật An Ninh Tổ Quốc-biến thái của nghị quyết An Ninh Tổ Quốc từ đại hội III năm 1960 của trung ương đảng chuẩn bị lần xâm chiếm Miền Nam bằng vũ lực - Công An Bộ Nội Vụ toàn quyền bắt và kết án người bằng biện pháp tập trung cải tạo!! Linh Mục Nguyễn Văn Lý (bạn đồng hành chung chiếc cùm với người viết trong lần chuyển trại 8 tháng 1, 1988 từ Thanh Cẩm, Thanh Hóa ra trại Ba Sao, Hà Nam Ninh) nay đang chịu thêm một án tù thứ ba trong đời cũng chỉ vì lý do "vi phạm an ninh tổ quốc".

Trong bữa cơm từ giả tại nhà Nguyễn Minh Tuấn, anh có kể cho chúng tôi nghe về nỗ lực của báo giới Vệt Nam hiện tại.. Báo Đại Đoàn Kết của anh đã có công đầu trong vụ án xét xử ông Nguyễn An Trung, một Việt kiều mang tiền về nước để phát triển ngành giao thông, nhưng bị kết án tù vì tội khai gian thuế, chịu án tù, tịch thu tài sản và phạt vạ 1 triệu đô-la Mỹ; hoặc báo đã làm sáng tỏ vụ công an bắn chết một thanh niên trên cầu Chương Dương Hà Nội, cướp tiền của người nầy, xong vu oan nạn nhân là kẻ cướp giật. Cha nạn nhân đưa đơn thưa kiện khắp nơi các cấp nhưng đều bị chìm lấp vì hồ sơ (giả tạo) của công an đã hoàn tất. Nỗi oan uổng của người chết chỉ được sáng tỏ khi báo Đại Đoàn Kết (qua đều tra của Nguyễn Minh Tuấn) đưa nội vụ ra ánh sáng. Hoặc vụ một chị đàn bà sắc tộc Tày bị vu oan đã thiếu nợ 200.000 đồng (khoản chừng 15 Mỹ Kim), bị kết án 18 tháng tù trong tình trạng ung thu bướu đang giai đoạn nguy kịch!! Tuấn kết luận: "Báo chí phải biết tránh né, muốn viết phải nhắm vào, đánh tỉa từng cá nhân- nhưng đừng bao giờ đụng đến chính sách và trung ương đảng!" Anh biết người bạn nói điều thật lòng, và can đảm thực hiện nghĩa vụ báo chí - Nhưng anh nghĩ thầm: "Nếu là một

nước có kỹ cương người dân có bao giờ lâm cảnh nguy biến đến như thế? Và anh biết có hỏi người bạn chăng nữa thì mối xót xa nầy vẫn giữ nguyên độ sắc nên anh đành im lặng. Và anh chợt hiểu ra: Tại sao Bảo Ninh không được tham dự buổi hội thảo - Hẳn những người cầm quyền ở Việt Nam e ngại về tiếng nói của một người viết văn trung trực.

Từ nhà Tuấn, anh cùng Đỗ T. Minh và Ng. Thủy đi bộ ra đường đón taxi, ngang qua cơ sở chính của Hãng Sony, nhìn lên, chỉ là một tấm bảng đơn giản ghi tên hiệu của cơ quan nắm giữ quyền lực, khả năng kinh tế - kỹ thuật toàn cầu. Anh hỏi thầm thêm một lần.. Biết đến bao giờ ở Việt Nam. Về đến Mỹ, tin tức đầu tiên anh đọc được: "Những người cầm quyền ở Hà Nội đang chuẩn bị thông qua đạo luật về biên giới và lãnh hải ký với Bắc Kinh trong những năm 1999 và 2000- Theo đó Việt Nam chỉ còn 53, 23% vùng biển chủ quyền và Trung Quốc chiếm 46, 77%. Và công an thành phố Sàigòn tìm cách phá đám tang Hòa Thượng Thích Đức Nhuận.

Anh chờ đợi gì nơi những người cầm quyền Hà Nội, hôm nay đang lập lại lần đê nhục của Mạc Đăng Dung ở thế kỷ 16, nhưng với lý do thậm tệ đốn hèn hơn - chỉ để củng cố vị thế chính trị của cá nhân và tổ chức của họ.

Hóa ra, những kẻ có tội luôn ở tình trạng sợ hãi. Họ sợ Anh Linh Con Người dẫu đã chết và quỳ lạy loại xác ma hủy hoại hư thối.

Phan Nhật Nam

17 tháng 1, 2002.

Để nhớ ngày ký kết "Hiệp Định Tái Lập Hòa Bình ở Việt Nam" hai-mươi chín năm trước tại Paris.

Hết

Phan Nhật Nam

Dựa lưng nỗi chết

Nhật ký tháng Mười

Tháng Mười, tháng của chuyển động hoài hoài giữa hai điểm ngất ngây đớn đau và hạnh phúc. Tháng của những lạnh tanh bất chợt cứng ngắc và nồng nhiệt tràn đầy thác đổ. Tháng của đỉnh cao và vực sâu. Tháng tiếng động núi lở và im lặng đáy biển. Năm tháng căng thẳng giữa hai điểm không cùng.

Làm sao để sống? Giữa những buồn phiền tanh tưởi độc địa, người muốn tan đi theo cơn gió rã rời, trôi vào lượn sóng nhạt thếch vô tri… Bỗng nhiên xôn xao những ý tình rực rỡ, bỗng choáng váng giữa niềm tin chói sáng, như mặt trời khởi đầu những ngày hè ở cực Bắc… Sống thật khó. Khó những ngày lặng lẽ rơi xuống, sáng trưa chiều trôi đi như lá khô, lặng lẽ đốt thêm điếu thuốc, xòe bàn tay, tay nhiều chỉ, tay nát bấy. Chiến tranh sắp chấm dứt và bàn tay chiến đấu cũng đã mỏi mệt. Xếp hai bàn tay, mở hai ngón, kẹp lấy điếu thuốc, thở ra lớp khói tàn tạ. Nhưng tháng Mười không hoàn toàn như thế. Tháng Mười, đêm thức giấc mở đôi mắt chợt xoay người để thấy một tình yêu thần bí hiện rõ từng đường nét khối lượng. Một tình yêu có thật cho người. Nhưng tháng Mười trong lòng hạnh phúc vẫn

có những đớn đau câm lặng không ngừng nghỉ – phút rình rập của định mệnh độc ác…

Gần cái chết và hạnh phúc, thấy rõ thêm niềm phấn đấu để sống.

Dựa lưng nỗi chết

Chương 1

Thuấn lái xe dọc theo con phố. Chiều thứ Bảy, người đông kín. Chiều thứ Bảy, thật lâu Thuấn không biết đến loại thời gian này. Thứ Bảy, Chủ nhật, thứ Hai, những ngày tháng phân biệt đó trôi đi không gợi lên sự chú ý. Sự nghỉ ngơi chỉ có được lúc đêm khuya, khi đại đội đã trả súng vào kho, lính đi ra cổng doanh trại để nghỉ phép sau cuộc hành quân… Nghỉ ngơi – Thuấn thật sự không có. Chỉ có những giờ ngồi trước ly rượu bên con sông, nhìn xuống khoảng sông đào chen chúc thuyền đậu. Những con đò xứ Huế, nặng nề, bề thế, chắc chắn cùng thú vui đẫm ướt dục tình được mở ra thoả thuê trong đêm. Thuấn, người lạ ở xa đến, người Bắc, quê hương xa khuất ở cuối trí nhớ, quê hương trên bát bún thang, chiếc ảnh hồ Hoàn Kiếm, cây cầu gỗ chênh vênh trên mặt nước lung linh vòng cây phượng. Quê hương được nhớ lại ở trang sách bất chợt trong đó nhắc đến dáng dấp của lão Tàu bán lạc rang, mụ Béo bán bánh tôm ở bờ hồ… Những hình ảnh thoáng qua như ngọn lửa đầu que diêm yếu ớt. Thuấn không nhớ nổi. Quê hương, một chốn không còn. Thuấn từ Sài Gòn đến đây theo chiến dịch, nửa đất nước đi qua, đi và đến từ hai tỉnh đối đầu của quê hương bị cắt. Thuấn đã khởi hành và đến hai cực điểm của một đau đớn vô hình.

Huế, thành phố không giống một nơi nào đã đi qua. Pha trộn giữa e thẹn câm nín và xôn xao đột khởi cơn lặng lẽ, bỗng chốc thành giông bão, thành phố của dịu dàng như cảnh giấc mơ và tồi tàn luộm thuộm của đời ẩn ức. Thành phố của lãng mạn và bi phẫn. Thuấn ở Huế được ba tháng, thời gian của những cuộc hành quân ngắn hạn. Từ Huế đi về hướng Bắc, qua chiếc phà, con nước xanh rêu không sông, bên kia bờ sông luỹ tre mờ mịt sương giăng, sáng mùa đông

im lìm không mặt trời, con gà nhỏ lông sũng nước cố rít lên tiếng gáy, tiếng gáy của loài gà tre nghe the thé phiền muộn. Quân qua sông, đổ bộ lên bến, cợn đất sét màu vàng ứa ra từ phiến đá khi chân người lính giẫmlên tản theo dòng nước. Lính đi băng qua những khu rừng trống ẩm ướt, chuối, thanh trà, ổi chen chúc đứng khép vào nhau trong im lặng nặng trĩu. Một trái bom vừa nổ, mảnh gang trắng ghim vào thân cây chuối ứa mủ, đống bẹ chuối tươi non nằm hỗn độn trên lớp đất bu nhiều tung tóe, đất dính từng tảng nhỏ trên phiến đá bầm dập như những hạt máu khô đọng trên cánh tay gãy. Mảnh gang của quả bom theo đà bay phá vỡ khoảng tường vôi để lộ phiến gạch tươi, màu đỏ thớ thịt sau nhát dao chưa kịp ứa máu. Ba tháng hay chính xác hơn bảy mươi ngày, Thuấn đi qua những căn nhà kỳ quái, nhà không vách, không cột, không nền. Nhà là căn hầm sát xuống đất, sâu hun hút lạnh lùng, tối thăm thẳm. Nắp hầm được đắp cao bằng đất cứng, chắc chắn như nấm mồ, trên mặt mồ vĩ đại đó người dân úp cái mái bằng lá gồi hay tranh và người ta chui từ hầm lên nhà, bò từ nhà xuống hầm, không ai có thể ngồi thẳng lưng trong loại nhà hoang tàn kỳ lạ này. Người dân ngồi cong lưng đầu kẹp giữa hai gối, người dân ngồi im lìm, trẻ con cũng không khóc, đứa trẻ đã mất thói quen được khóc, khóc vì đói, vì lạnh hay ẩm ướt nước tiểu. Đứa trẻ đã quen với bóng tối, quen im lìm nặng trĩu. Tiếng động chỉ có ở những cánh quạt trực thăng chém gió lượn vòng trên cây cau, hay tiếng nổ của quả đạn súng trọng pháo. Tiếng nổ và sự im lặng trì trợm đã làm tê giác quan đứa trẻ. Không còn tiếng khóc trẻ thơ trong xóm làng Thuấn đi qua.

Thuấn đã đi qua một lần, hai lần, những lần sau không đếm được. Đi qua để thấy người dân vùng Thừa Thiên đâu đâu cũng chừng đó thế ngồi, cũng chừng đó lối hò, cũng những âm thanh rít lên khó nhọc, hiu hắt phiền phiền xô đẩy nhau trả lời khi người lính hỏi đến… "Da, dạ…" những tiếng dạ liên hồi mở đầu chen trong câu chuyện, nghe nhức nhối như vết thương nung mủ bị bóp vỡ giữa hai lưỡi dao kẹp chặt. Thế nhưng người dân vẫn tiếp tục sống. Thuấn cũng tiếp tục sống, tiếp tục sống để sau mỗi cuộc hành quân cùng với một lũ bạn chen chúc lên chiếc xe đi về thành phố như hôm nay…

"Đi đâu bây giờ?"

"Đi đâu?" Thuấn quay đầu sang nhìn Minh, kẻ vừa hỏi, giọng Huế phẳng lì như phiến lá mít. Thuấn ngừng xe, xoay hẳn người ra đằng

sau "Đi đâu?" Sáu đôi mắt nhìn nhau không nói.

"Hay đi uống cà phê?" Đề nghị rụt rè không thành hình khối. Lạc nói nhỏ.

"Cà phê?" Minh hỏi cao giọng.

"Tao đã uống sáng nay hai lần cà phê rồi, nhưng thôi, cà phê phát nữa cũng được. Thuấn xoay người trở lại, quanh xe về quán cà phê giữa thành phố.

"Đến chỗ Lạc Sơn ngồi nhìn thiên hạ, chiều hôm nay thứ Bảy". Không có tiếng ai trả lời câu nói của Minh.

Ba người ngồi quanh chiếc bàn, ba bàn tay khuấy tròn những chiếc muỗng quanh vành ly gây tiếng động dễ chịu trong không khí cứng đặc.

"Tụi mình đi hành quân được ba tháng rồi".

"78 ngày".

"Sao mày nhớ kỹ vậy?"

"Nên tao thích ngồi ở đây, nhìn những người gánh củi đi qua, xúc động lúc nhỏ tự nhiên trở về như sống lại thời gian trước".

"Mày vớ vẩn thấy mẹ". Lạc vòng tay bó lấy đầu gối ngồi ưỡn người trên nệm xe. "Minh, mày leo lên ngồi với tao, ở đây đâu còn Quân Cảnh, ngồi đằng sau xe xóc, chết cái mông".

"Tao nói cho có chuyện". Thuấn hững hờ trả lời.

Xe ngừng ở nơi đóng quân. Đối nối tiếp nhau thành vòng tròn, lều của lính nằm rải rác trông như những khối đá xanh mềm nhão nhún nhảy theo cơn gió, từ đó những người lính lạ lùng đi ra. Người lính thời xưa được biểu tượng qua hình ảnh một người đội nón dấu, mang cây giáo; người lính cận đại có chiếc nón sắt cùng khẩu súng… Nhưng những người lính này khác hẳn, họ đội chiếc nón nhựa, chiếc nón loang lổ ngô nghê. Nón sắt có vẻ đẹp hung bạo

riêng, nay ở nơi đóng quân, lớp nón sắt được hạ xuống để vo gạo, rửa rau. Hai chiếc nón sắt hai tay lỏng chỏng những cây cải xanh, nón nhựa che kín mặt, áo bỏ ngoài, quần lót, loại quần lót nhà binh Mỹ có xẻ một đường rãnh ở giữa, trong đó… Việt Nam di động theo bước chân người lính. Hai đôi chân đen đủi ốm yếu thảm bại trôi xuống từ hai ống quần úa bẩn; quần màu trắng để lâu vàng ố một cách tục tĩu… Những người lính mang đôi giày không vớ, giây không buộc, súng mang vai nặng nề đi xuống sườn đồi: Giờ làm cơm. Những người lính Nhảy dù, thiên thần nón đỏ trở thành sinh vật lạ lùng của một thời tiền sử một thời tiền sử xám.

"Giờ này về lều chờ cơm tao chịu không nổi, lên nơi lăng Khải Định chơi". Thuấn đề nghị.

"Lên đó cũng được, nhưng phải có thứ gì uống". Lạc nói.

"Bắt buộc, tụi mày góp tiền vào đây… mỗi thằng hai trăm". Thuấn xòe tay, mấy ngón tay chuyển động trước mặt Lạc và Minh.

Chiếc xe chạy lồng lên đường dốc, bụi tung đỏ chạch trong ráng nắng chiều. Lăng gồm ba khối vuông vắn chồng lên nhau xám đặc lặng lẽ, hai hàng voi ngựa, văn võ quan chống gươm đứng im lặng nhìn nhau trong bóng nắng cuối cùng của ngày. Ba người bước lên những bậc thang xám, bóng đổ dài.

"Ngồi ở đây hay vào trong kia?" Lạc hỏi bâng quơ.

"Lên trên kia, nơi có bức tượng ông Khải Định, chỗ ấy cao hơn có thể nhìn thấy con sông".

Bia được uống trong im lặng, khối lượng nước màu vàng sóng sánh những tia nắng đỏ hiu hắt. "Lạnh". Có tiếng xuýt xoa nhỏ. "Gần Tết rồi không lạnh sao được, có thằng nào cho tao mượn hộp quẹt". Thuấn nói lãng đãng mắt không rời chiếc thuyền vừa hiện trên khói sông. Tiếng hò bất chợt vút lên đầu ngọn sóng. Sóng nhỏ li ti trôi dạt xua đuổi hai bờ lau..

"Này Minh, sao người Huế mày hò buồn đến như thế?"

"Buồn ở đâu, người Huế nào cũng hò như vậy, giã gạo, chèo thuyền,

ru con, khi nào họ chẳng hò được, ông mới nghe lần đầu nên thấy lạ thế thôi".

"Không phải vậy, toàn thể không khí điệu hò đều chất chứa u uất, như mày thấy đấy, anh chàng chèo thuyền dưới kia đang làm một công việc lao lực, thay vì nó hò để tăng thêm sức mạnh, đằng này nó hò như thở không nổi, chỉ một tiếng "à ơi" kéo dài qua bốn nhịp, trôi hết một quãng sông. Tao không nghĩ nó hò như người ở vùng biển kéo lưới, nhưng đây là thói quen thở than, nhu cầu muốn được bày tỏ nỗi u uẩn ngàn đời của khối linh hồn tan nát dưới biến cố hằng hằng điêu linh".

"Thôi, luận như thế đủ rồi, thắc mắc thì xuống gọi nó lên mà hỏi".

Như không để ý đến lời Minh, dựa người vào bức tượng, sau một hớp bia, Thuấn tiếp: "Tiếng hò buồn thật, tao nhớ cách đây hai buổi trưa, đang nằm trên võng thiu thiu ngủ nghe bà già ở gần nơi đóng quân hò ru thằng cháu, người tao cứ mềm đi. Chắc thằng cháu dưới sức tê ma quái của câu hò khóc không nổi, nó nằm im hết cựa quậy. Buổi trưa nắng hanh vàng, trời yên không gió, có con gà tre ở đâu lâu lâu cất tiếng gáy. Cảnh vật nhỏ bé nhưng buồn thảm lạ lùng, không khí đọng cứng lại… Tao cứ nghĩ về tiếng hò từ hôm ấy".

"Hôm nào mày về nhà tao, nằm vào nôi, mẹ tao hò cho mày một lúc, chắc mày chạy đến mười năm không trở lại".

Được hơi men trợ lực, Minh nhảy xuống ngựa tiếp tục:

"Chúng mày đâu biết cái nhỏ nhặt của người Huế, như bà già tao, bà để ý soi mói từng lỗi nhỏ, không phải để cho tao hay cho bà nhưng vì người khác. Hôm tao hỏng tú tài, bà buồn phiền ra mặt, buồn vì con bé bên cạnh nhà tao đỗ bình thứ. Con xem đấy, nó là con gái mà lại đỗ cao. Cứ như thế bà làm tao phát điên luôn. Tao học như mê trong mấy tháng hè, thuộc bài không những chỉ nhớ đến nội dung nhưng thuộc lòng, nhớ như in từng trang sách, nơi nào có dấu mực lem, nét chữ ở chữ "khí métal" in đậm như thế nào. Mấy trang sách toán lý hoá đè hẳn lên mặt, trong đầu tưởng như không có não nhưng gồm những tờ giấy xếp ngay ngắn; não của những hàng chữ in xếp thứ tự, não của Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Văn Phú, não của giấy ba Tàu, chữ in từ Sài Gòn và Chợ Lớn trên đó chặn hòn đá khắc hình

bà già".

"Và kỳ thi đó mày đậu ưu?" Lạc nhìn hai con mắt to đen của Minh, hỏi nửa thành thực nữa giễu cợt.

"Không, hỏng mới đau. Đến ngày thi tao đổ ốm thật lạ lùng, không nóng không lạnh, không một lý do chính yếu gì cả, đột nhiên tao ăn không được, ngủ không được, những ngày trước tao có thể ngủ ngồi ngủ đứng, ngủ trong hai phút nhưng mê man, tưởng như vừa qua cả đêm dài. Tao đổ ốm lạ lùng, bao nhiêu ý chí phục thù tự nhiên tan biến, chán nản buông xuôi, muốn bóc hẳn phần đầu để ném đi, muốn rửa sạch hết trí não, không còn đạo hàm, quỹ tích, lượng giác, chỉ còn một khoảng trống như ruột của quả chuông trong đó cứ kêu hoài những tiếng vang. Năm sau tao thi ban văn chương, đậu bình và đi lính luôn".

"Sao vào trường mày học giỏi thế?" Thuấn hỏi, chai bia không rời môi.

"Đó chỉ là để vuốt ve tự ái, tao đem cái vốn liếng toán lý hoá ra dùng lại như thằng cha đánh kiếm hết thời, sau thời gian đẵng đẵng rèn được cây gươm vô ích, không lẽ đem đi bửa củi nên đêm khuya mang gươm ra múa an ủi mình. Buồn cười là có kẻ đã khen nó múa hay, cũng như tao được mang tiếng là người giỏi toán nhất của trường Võ Bị. Khỉ thật, hình như suốt đời tao phải cố gắng làm những việc mà lòng không muốn".

"Ngay cả khi ra trường đi đơn vị tác chiến?"

"Có thể, mày xem đấy, lúc lựa binh chủng tao đã có chỗ Quân cảnh nhưng đổi lấy Nhảy dù… Có thể vì muốn hơn tên Trung uý Công binh đến chơi với con nhỏ cạnh nhà. Buồn cười thật, Nhảy dù, quần áo hoa, chiếc mũ đỏ, nhưng rồi tao thấy thích hợp và hãnh diện với bộ đồ này lắm".

"Sẽ kéo dài được bao lâu?"

"Không biết".

Lạc ngửa người trên sàn đá, cong hai đầu gối lại. Hai chiếc gối gầy

gò móp vào ở phía bên trong. Gối lỏng, ba mươi sáu tuổi, mười tám năm lính, Trung uý nhiệm chức, thâm niên cấp bậc được tám tháng, mười hai ngày quyền đại đội 3 tiểu đoàn 19 Nhảy dù. Nhảy dù, cái áo saut có chiếc đai đằng sau, khi nhảy kéo tới đằng trước che hạ bộ. Dù 17 nhảy đau đến ngất ngư, ba ngày sau còn vết thâm trên lưng. Mười tám năm lính, bao nhiêu cà men cơm đã khuấy vào đó, chiếc thìa có lỗ thủng ở cán; lỗ thủng buộc vào nút áo, áo tác chiến hoa Nhảy dù Pháp có túi dài hai mươi phân hỗn độn thìa, bao thuốc lá Gaulois, chai rượu Rhum hình con gấu… Lieutenant tối ngày, oui suốt ngày, hai gót giày chạm vào nhau cứng nhắc, le petit caporal, caporal Vũ Văn Lạc. Trung uý nhiệm chức Vũ Văn Lạc cong hai chiếc gối lên, hai điểm tựa hoan lạc. Dọc theo chiều dài của nước Việt Nam đã tựa lên bao nhiêu chiếc chiếu, bao nhiêu tấm nệm, đã tựa trên đất, tì vào gốc cây. Hai đầu gối công dụng và mệt nhọc… Lạy xếp, xếp tha cho con. Ngày đổ bộ ở Phát Diệm, hàm răng đen rít lên than vãn, Sergent chef Vũ Văn Lạc với khẩu sten trên vai đong đưa nhắc nhở một sức mạnh, sức mạnh có trọng lượng chiều dài, sức mạnh được đếm bằng số đạn ở trong băng, khoá an toàn đã mở. Hai bàn tay kẹp lấy một thân sườn cứng ngắc… Hà hà, ngon lành, xếp thương. Người đàn bà nhà quê ngồi bẹp xuống, lưng quần bị xé rách một miếng nhưng chiếc quần chưa kịp rơi, cái hoa lạc thú mới nhú một túm lông đen kích thích. Sergent chef Vũ Văn Lạc nuốt nước bọt, viên đạn bắn lên trời. Bạo lực ho một tiếng doạ nạt. Người đàn bà nín lặng, cái hoa tam giác đen tươi lốm đốm. Sergent Lạc cười thích chí: "Tốt, thẳng hai chân ra, giang rộng chút nữa, tốt, ném khẩu súng sang bên cạnh, hai đầu gối quỳ xuống trên nền cỏ…" Bây giờ chiếc gối vô ích, mệt mỏi. Chiến tranh này không còn Phát Diệm, Thất Khê, Cao Bằng, không còn B.M.C. đổ gái xuống ở Isabelle dưới tiếng nổ của sơn pháo 75 ly không giựt, 82 ly Trung Cộng. Không còn cảnh chạy theo giao thông hào, đưa tay kéo cái đàn ông ra, dính một chút đất ở đầu, teo lại nhăn nhó… "ĐM quá sợ teo lại sao mày? Allez, sờ mấy cái coi mày". Năm ngón tay xanh xao lạnh buốt loang lổ những ngón màu hồng đưa ra nắm lấy phần thịt gân đen đúa hâm hấp… "Merde, foutu không ra cái gì sất, không xong rồi, nó ra hết bố rồi…" Vũ Văn Lạc thót bụng lại, phần sự sống chảy ra nhão nhoẹt. "Merde, merde không được gì hết, et alors?" Vũ Văn Lạc thọc bàn tay vào phần dưới chiếc bụng, nơi thịt da thâm đen. "ĐM như miếng giẻ rách". Thôi xong, cái đàn ông mềm oặt được đặt vào lại. Chạy ra khỏi căn hầm, tên Tabor nhào vô như ánh chớp. "Tout fini, mon sergent? Oui, ĐM vào đi còn ấm ớ…" Chiến tranh này chỉ còn những chiếc

chiếu bình yên, những tấm đệm bẩn thỉu nhưng từ tốn. Tiếng động của chân giường khoái lạc vang dội tạo nên một xúc cảm trợ lực cho phần cơ thể thấm đẫm mồ hôi, hai chiếc gối lách cách trăn trở. Trung uý nhiệm chức Vũ Văn Lạc quỳ giữa một cái bụng nhăn nheo sau bốn lần sinh nở… Sau cái liếc xéo và câu nói rít giữa hai hàm răng : "Chán cái l… già này rồi hả?" Không. Vũ Văn Lạc cúi xuống hùng hục một cách miễn cưỡng … Bà Vũ Văn Lạc hay cô bán hàng xén ở Chợ Dầu kẹp hai đầu gối lại, nhắm đôi mắt. Mình, mình ơi… Chiều hôm nay một chiều cuối năm, hai đầu gối của Trung uý Vũ Văn Lạc lại nhô lên một cách vô tích sự giữa bầu trời xám đặc.

"Nếu tôi được chỗ Quân cảnh là tôi đi gấp. Gắng làm đại đội trưởng thêm năm nữa, bắt cái Đại uý là tôi dọt. Có Đại uý chắc ăn ra ngoài không sợ ai ăn hiếp. Mụ vợ tôi than lúc này không đủ tiền chợ. Các ông thật là dại, từ trong trường có những chỗ thật tốt không đi, đi làm thứ gì Nhảy dù này, chỉ có được tiếng hão. Rồi các ông sẽ có gia đình, vợ con một đống, cả năm chỉ ở nhà không hơn một tháng, lúc ấy mới thấy cái tiếng kia vô ích".

"Nhưng tụi này là sĩ quan nhà nghề, không lẽ đi lính để làm công chức nhà binh sao? Có nhiều nghề dẫn đến sự thành công, nhà binh có cái thành công đồng hạng của nó. Đi Nhảy dù như kiếm một cái ghế tốt trong rạp hát đồng hạng, thế thôi…" Minh cãi.

"À, ông muốn lên lon nhanh, thuở xưa tôi cũng vậy nhưng lúc ấy nhà binh nó có cái giá của nó. Chiều thứ Bảy, tôi lúc ấy chỉ là Trung sĩ nhưng đã hách ra gì, áo quần kaki thẳng nếp, vớ trắng cao tới đầu gối, mũ đỏ, chiếc ga lông có hình mỏ neo, ông đội bước ra phố, đi Godart chẳng kém ai. ĐM bây giờ anh nhóc con 18 tuổi, chỉ sau 8 tháng quân trường xong cũng thành ông quan, sĩ quan hồi này xuống giá rồi, các ông đã đi kiếm công danh muộn".

"À, như thế ông Lạc bảo mày với tao yếu giá rồi, Trung uý Nguyễn Khoa Minh cựu á khoa của khoá 18 trường Võ bị Quốc gia đã đấu vật với một cái bóng công danh muộn. Mày nghe chưa hở Minh, lính già nó nói thiêng lắm, 18 năm lính mòn gần năm mươi đôi giày, từ giày Tây qua giày Mỹ, cái gót chân "Bắc kỳ già" kia đã hiển thánh, đã được hun đúc bởi hai nền văn minh, đã thành tinh rồi huống gì đầu não. Lính già này nói đúng, và tao đang nuốt một thức ăn thừa". Thuấn vỗ vào gối để tăng cường độ khoái trá.

"Tôi cũng như các ông chứ khác gì, hơn nữa tôi không còn trẻ để đổi nghề. Bả thuốc phiện nhà binh đã ngấm vào máu, bỏ không được nữa".

"Thôi uống đi, nói quanh co hoài".

Uống, hình như người lính nào cũng biết uống rượu. Không những biết mà thích thú. Rượu, thứ thuốc tê ngắn ngủi có phân lượng, hình khối, có thể nuốt vào người, để nảy nở những phản ứng sôi nổi hạn chế. Chỉ mất ít tiền, mua được niềm choáng váng nhân tạo, cử chỉ bồng bềnh. Rẻ quá, không uống cũng uổng đi. Lý Bạch say rượu mà chết, lính thì không có được cái quên lãng tiêu sái đó, nhưng cũng chẳng cần. Uống để có được phút giây đưa cánh tay, nghiêng chất lỏng vàng rực óng ánh như khối mặt trời chảy nước. Đổ từ chai vào ly, từ ly chảy vào miệng… Uống, động tác si mê tội nghiệp, cách hành lễ tưởng chừng tha thiết nhưng cuối đáy thấp thoáng chút bệ rạc lang thang.

"Minh, lái xe xuống mua thêm mấy chai nữa. Còn tiền không?" Những bàn tay lùa vội trong túi, nắm giấy bạc nhàu nát được kéo ra, năm trăm, bảy trăm. Vừa rồi, mua thêm nửa két uống cho đã.

Minh lái xe xuống phía xa, nơi luỹ tre xanh có nhà cửa, sương lam bốc khói mịt mù.

"Này Lạc".

"Gì?"

"Thuở xưa tao có đóng một vở kịch vui, kịch có ba vai chính, ba anh ngốc: trong buổi hội họp, một anh được cử đi mua rượu, hai anh ở nhà giả vờ chết, anh chàng đi mua rượu nửa đường uống trộm hoá say… Khi về, tưởng hai anh kia chết thật, nó làm nhiều điều thật buồn cười".

"Ông muốn nói điều gì, nói rõ mẹ nó ra, đầu óc tôi đặc cứng chẳng hiểu được". Lạc lè nhè trong miệng.

"Năm xưa diễn kịch tôi nghĩ một đời sống thật như thế không có,

nhưng bây giờ mình diễn lại cảnh ba thằng như trong vở kịch. Tôi buồn cười tự hỏi: không biết mình có phải là thằng ngu không".

"Ngu biết ngay, ngu không có thể nghĩ vớ vẩn, ngu có vẻ ù lì chắc chắn như cục gỗ mít, trông thì biết liền". Lạc cao giọng xác định.

Hơi men giúp câu chuyện dễ dàng. Chuyện vô nghĩa níu kéo nhau theo nhịp độ liên tưởng, lãng đãng mù mờ như lớp men dậy lên theo lượng rượu căng phồng trong bao tử.

Lạc bày trò chơi: Lấy vỏ chai đặt lên đầu tượng ngựa đá, người bắn trật phải uống một hơi hết chai bia. Những viên đạn bay xuống đồi rít tiếng lạnh hơn hơi sương… Minh nâng súng lên. Đầu con ngựa nháng lửa. À, con ngựa tóe lửa. Bắt con ngựa ô… "Ngựa ô tôi bắt, tôi bắt cái con ngựa". Minh lẩm bẩm hát, mắt nheo lại nhắm theo nòng súng, đỉnh đầu ruồi chao động, bàn tay run, bóng ngựa chập chờn. Ngựa phi đường xa thật mau.

"Bắn đi mày, nhắm lâu quá vậy". Thuấn hét lớn.

"Cột con ngựa lại cho tao!"

"Con trai say rồi, bắn đi con ơi".

Đoành, hai viên đạn bay vút. Mày bắn trật rồi, uống thêm một chai nữa.

"Sao tao cứ bắn trật hoài, hay ông vua không bằng lòng vì tụi mình phá quấy".

"Này Minh, ông Khải Định hình như bị chứng phong nên chết sớm?"

"Phong gì, ông ta bị bệnh phong tình, mày không thấy Bảo Đại bị yếu mắt hay sao".

"Làm vua mà đi chơi bời sao?"

"Làm sao biết được, nhưng nhìn cái tượng thì ông ta chỉ khoảng thước rưỡi, người như thế chắc chơi không nổi. Dám "luý" thủ dâm hay làm nhiều màn kinh khiếp lắm. Đoành. Lạc bắn viên đạn thật

chính xác, chai bia vỡ tan. A, ngựa vua Khải Định được uống bia lính Nhảy dù. Lạc đặt một vỏ chai khác lên đầu ngựa. Đến lượt thằng Thuấn bắn. Thuấn đưa nòng súng lên. "Tao thấy con ngựa khóc".

"Xạo, nước bia chảy xuống mắt nó đấy. Tao đố mày bắn trúng mắt con ngựa". Lạc thách.

"Thôi, để cho nó yên thân, suốt đời đã mang ông vua đi chơi bời, đến khi chết đứng nhìn núi trọc, đủ buồn cho thân ngựa đá rồi…" Viên đạn đi trượt thấp xuống trúng vào một nơi nào đó của tượng đá. Thuấn bắn thêm hai viên nữa, trật. "Ê, đừng gian, mày phải uống liên tiếp hai chai". Thuấn nắm hai cổ chai ngồi vắt vẻo lên yên một tượng voi… "Cỡi voi ra trận miệng uống bia, chúng mày thấy tao thế nào?… Hà hà mấy anh tướng xưa sướng thấy mẹ, cứ ngồi yên trên ngựa hoặc voi rồi tà tà ra trận. Tụi mình bây giờ vẫn lội bộ. Như lính có khác gì. Nếu thuở xưa như tao là cử nhân võ đấy, nhị khoa cử nhân võ. Chúa ơi, tao không hiểu tao học thế nào đến hai khoá mới xong chương trình của trường Đà Lạt, cứ mỗi lần đi vào sân bắn ngang qua tấm bảng có mũi tên chỉ lối vào xa trường, nơi có mấy cây thông con, tao cứ tưởng như có lời chế nhạo. Minh, mày nhớ tấm bảng đó không?"

"Nhớ quái gì tấm bảng ấy".

Những phát nổ liên tiếp chung quanh mắt con ngựa, lớp vôi vỡ tung tóe.

"Hay, lính già bắn hay thật". Thuấn và Minh cùng khen ngợi. Lạc không nói, bóp cò hết 6 viên đạn. Viên đạn chót bay đến chém vỡ chai bia.
Có tiếng gọi ở máy truyền tin trên xe Jeep - Lạc đi đến – "Lệnh gọi tụi mình về họp". Lạc la lớn gọi Minh và Thuấn. Thuấn đưa súng lên trời bắn hết những viên đạn còn lại… "Tiên sư, làm tướng tá không được, cao bồi Mỹ không xong, thôi ta về làm lính". Bóng hai người đi về phía xe, nòng súng chùi xuống đất.

Dựa lưng nỗi chết

Chương 2

Mười lăm chiếc trực thăng chia làm ba đợt hạ xuống trên nghĩa địa cát trắng. Đại đội của Minh xuống hết, những người lính chạy nặng nề trên cát lún hướng về phía bắc, đối diện với ngôi làng nằm khuất trong hàng dương liễu ở nơi xa. Đến cuối hàng rào nghĩa địa, Minh cho đại đội nằm xuống bố trí theo vòng đai hàng rào. Người chết cũng có hàng rào, tượng trưng bằng những cây cột gỗ, ba hàng kẽm gai hờ hững lệch lạc. Hàng rào nay chỉ còn dấu vết, chiếc cột đã đổ kéo theo đoạn kẽm gai nằm sâu dưới cát.

Đơn vị xuống hết, đại đội Minh được lệnh dẫn đầu, lấy bờ biển làm chuẩn tiến về phía ngôi làng. Trời mùa đông miền Trung lạnh cóng, mây xuống thấp, xám ngắt. Gió thổi từng cơn như gom hơi lạnh để quạt vào mặt người. Minh kéo cao cổ áo, định hướng đi, nói qua máy truyền tin với Trung đội trưởng dẫn đầu: "Hướng 6000, hơi ép trái một chút, có gì thì dựa lưng vào biển đánh vào phía trái mục tiêu. Nhận rõ. Tốt, ông đi đi". Sản phẩm đẹp đẽ của thời đại chinh chiến – Sĩ quan hiện dịch trẻ tuổi – Bắt đầu xua quân chạy như bay qua bãi cát trắng trơ trọi. Chạy trên nghĩa địa, trên người chết, để tạo nên số người chết mới. Đoạt dăm khẩu súng Trung Cộng, để cắn vào một chút bánh vinh quang. Trung đội 1, 2, 3 cùng nhào vào một lượt. Thằng 4 (trung đội 4) cho ông già 60 nhổ vào bìa làng liên tiếp, rải đều đều, ngừng khi có lệnh. Các Trung đội trưởng nhận đủ. Minh hô lớn qua máy: "Xung phong. Xung phong… Xung phong…" Trên nền cát bóng người lính lụp xụp chạy, ba lô nặng đè lưng xuống, nón sắt cột không chặt úp xuống mặt, cọng rau cải lủng lẳng sau lưng, mũi súng hướng về trước. Trung sĩ vợ năm con, nhà ở trại gia binh trên tôn chung quanh vách ván mỏng. Mình nhớ mua hàng quân tiếp vụ gởi về cho tôi. Lá thư vừa nhận được: "Hụi một ngàn mà người ta bỏ đến 412 đồng vì tháng sắp Tết". Những lo âu có hình khối như sợi dây nón sắt đập liên tiếp vào gò má theo bước chạy, mặc, cứ chạy về đằng trước, lính Nhảy dù chỉ có tiến chứ không có lùi… "Xung phong". Chuẩn uý Trung đội trưởng dang hai tay rộng ngoắt từ sau ra trước: "Vào. Nhào…" Cục hột xoài dưới háng căng nhức đau đớn. Vô lậu bất thành nhơn mà Chuẩn uý! Chuẩn uý trẻ tuổi chịu chơi đi hành quân ở Huế không ngủ đò không được. Chuẩn uý 19 tuổi, đậu tú tài 1 khoá hai năm 1966. Đậu với tám điểm vớt. ĐM, thế thì làm sao đậu được tú tài hai. Xe Solex cọc cạch, chiếc đầu máy gật gù… Lính Nhảy dù đóng ở Sài Gòn, đi nhờ xe Jeep của Đại đội trưởng,

chỉ tiếc nhà ở trong xóm xe bốn bánh không vào được. Chiếc Solex đã được bán lấy bốn ngàn lấy tiền nhậu… Nhậu, phải tập làm quen với hung bạo cằn cỗi này. Phải tập nói: Một giọt rượu là một giọt máu. Phải tập gật gù: Cắt cổ không bằng đổ rượu. Tuổi trẻ chịu chơi với con dao commando mua lại ở đám lính cũ, cột ở dưới chân. Hột xoài căng mủ trong háng. Thật đủ, nòng súng hướng về đằng trước. Xung phong. Trung uý Nguyễn Khoa Minh, Đại đội trưởng trẻ nhất của Tiểu đoàn 19 Nhảy dù rút súng colt cầm tay: "Thằng nào chạy lui tao bắn gãy giò. ĐM… vào". Chỉ vì thiếu chút chiều cao không thôi đỗ thủ khoa. Cây toán học của trường Võ bị, người giỏi toán nhất của các khoá bắt đầu từ ngày trường cải tên. Tay vô địch bóng bàn học sinh miền Trung. Con học làm sao mà thua con Lan con mợ Ấm ở dưới Gia Hội thì mạ buồn lắm. Khổ quá, Nguyễn Khoa Minh học bài suốt đêm, học ngậm sâm, uống thuốc bắc, học đến nỗi biết cách giải bài toán số 154 cuốn Le Bosset như thế nào! Nhưng, Nguyễn Khoa Minh đã hỏng một lần đã bị tình phụ, đi theo người yêu tốt nghiệp Đại học Sư phạm, người biết thắt cà vạt double, người biết nhảy cha cha cha, người dạy người tình của Minh những bước đầu tiên điệu mambo trong nhà bếp. Nguyễn Khoa Minh chỉ có đôi bata trắng, đứng lên nhận chiếc cờ hình tam giác trên có thêu hàng chữ: Vô địch bóng bàn học sinh niên khoá 1957 – 1958. Ông hiệu trưởng thấp bé có bằng MG đầu tiên ở miền Trung xưng "ta" với học trò. "Ta dạy các ngươi là một điều dại dột vì làm thầy thằng dại là ngu xuẩn!… Ta đánh tennis, service cú nào đáng cú đó, chỉ một cú rervert làm cercle ngất ngư…" Ông hiệu trưởng trao cái cờ, bắt tay hờ hững, chút giá lạnh khinh khi. Phải học giỏi. Nhưng Nguyễn Khoa Minh bị hỏng vì bệnh trong ngày thi, mất chân thủ khoa vì thiếu thước. Nguyễn Khoa Minh chỉ có cái cờ tam giác bằng vải sa tanh thêu chữ vàng lành lạnh trong bàn tay. "Vào… vào", đoành, viên đạn bắn bổng lên trời thật hào hùng. Minh mê man như khi vụt trái banh trong tiếng cổ võ hoan hô của hàng ngàn học sinh trường Quốc học. Anh Minh, người giỏi toán nhất ở Huế đó! Nguyễn Khoa Minh, niềm hãnh diện cao một thước sáu mươi mốt của lớp đệ nhất B1 trường trung học do cụ Ngô Đình Khả lập ra, người được đọc diễn văn trước Tổng thống Ngô Đình Diệm lúc mười giờ sáng ngày mùng Năm Tết năm 1960, và cũng chính Nguyễn Khoa Minh trong ngày 23 tháng 11 năm 1963 quỳ trên bãi cỏ xanh nắm tay đưa cao, thề trung thành với tổ quốc trước mặt lãnh tụ mới. Người đã ra lệnh bắn vỡ đầu Tổng thống Ngô Đình Diệm trước đó hai mươi hai ngày. Nguyễn Khoa Minh cảm động từng lời diễn văn, run run khi được Tổng thống bắt tay khen ngợi: "Con

gắng học giỏi để làm rạng danh xứ sở". Người được Tổng thống bắt tay, trong đảo chánh lật đổ độc tài đã cầm đầu đại đội sinh viên sĩ quan chiếm đóng đài phát thanh Đà Lạt… "Vào, vào", thêm một viên đạn được bắn lên, tiếng pháo đuổi ma quỷ nặng trĩu trong lòng người. Những người lính cùng bắn về trước mặt, cong chiếc lưng đẩy mạnh đôi chân tiến vào làng. Trong làng, những bóng áo đen và nâu bắt đầu ngửng cao khỏi giao thông hào. Nòng súng thượng liên Trung Cộng, tiểu liên Tiệp Khắc, súng báng đỏ của Nga, những cây súng ngoại quốc bắt đầu nhắm chiếc vòng đen sâu hun hút vào đám lính mang giày Nhật nón sắt Mỹ, M16. Những ngón tay Việt Nam chờ đợi trái tim Việt Nam đến gần hơn chút nữa. Chờ nhau hân hoan âm ỉ, chờ thản nhiên lạnh cứng. Những ngón tay Việt Nam bắt đầu cong, hàm răng vàng úa xấu xí nghiến chặt lại, thớ thịt bạc nhược trên mặt căng cứng giựt giựt.

Thịt sốt rét, thịt thương hàn, thịt được nuôi dưỡng bằng cơm rang nước ruốc, thịt trắng xanh vì ở lâu dưới hầm, áp sát vào đất, đè lên báng súng … Những ngón chân bấm sâu vào đất để viên đạn đi cho ngọt, những ngón chân thay vì gần nhau, bắt đầu tách rời, ngập cứng vào đất. Đôi mắt sát cứng vào lỗ chiếu môn, sát vào nữa để nhìn một lần cuối bóng dáng Việt Nam đang đi dần vào cái chết. Mở mắt cho rõ để nhìn thấy nhau một lần cuối cùng… Đôi mắt trong giao thông hào bắt gặp một hình ảnh: Hạ sĩ Nguyễn Thế Hùng, 21 tuổi. Hạ sĩ Hùng đeo một thánh giá bằng vải đen, thấm đẫm mồ hôi của ba năm lính. Hạ sĩ Hùng đọc kinh mỗi tối trước khi đi ngủ, đọc kinh trong hố phòng thủ, bên chuồng bò Bồng Sơn, đọc kinh trong địa đạo Khe Sanh, dưới hàng dừa An Phú Đông. Chúa Jêsu chuộc tội cứu thế. Cầu cho chúng tôi. Chúa Jêsu chuộc tội cứu thế. Cầu cho chúng tôi. Lạy Đức Mẹ Maria trọn đời đồng trinh. Cầu cho chúng tôi… Hạ sĩ Hùng bây giờ có đôi con mắt láo liên, mắt mở lớn. Chiếc nón sắt lại úp xuống mặt, Hùng dùng tay trái nâng lên, bìa làng màu đen kia rồi, im lìm lặng lẽ, hình như có đám chim bay lên ở phía cây bàng. Việt Cộng? Không có đủ thì giờ để nghĩ, không có tiếng động nào trong đầu não. Chỉ nghe bước chân chính mình vang trên cát, nón sắt nhảy lùng bùng trên đầu và một đôi mắt đen mở hết cỡ. "Người Việt Nam "nền" có con mắt thiệt đẹp Thượng sĩ hi!" Hạ sĩ Hùng đã nói với Thượng sĩ đại đội như thế. "Đẹp làm sao? "Hén" đen thùi lùi như hột nhãn trong khi thằng Mỹ xanh như mắt mèo…" Con mắt người Việt Nam đẹp thật. Mắt Hạ sĩ Hùng đẹp, mắt của buổi sáng đứng ở bờ Quảng Bình nhìn mặt trời lên từng đường ánh sáng, mắt nhìn biển

sáng như lân tinh dưới ánh trăng, mắt nhìn nến ở nhà thờ, mắt nhìn rừng xanh từ ngày di cư vào Long Khánh. Mắt Hạ sĩ Hùng đen thăm thẳm, vô tội ngọt ngào. Trong giao thông hào đôi mắt Việt Nam trên báng súng AK Tiệp Khắc căng lên lần chót vì nhắm quá lâu, những sợi gân ửng đỏ, mắt ứ đầy nước, chỉ đợi cái chớp sẽ chảy xuống ngón tay Việt Nam cong lại trên chiếc cò súng cong vòng tiện lợi cho động tác khép vào. Những viên đạn vàng rực từ băng đạn cong bắn ra từng ba nhịp một chính xác. Mắt Việt Nam ở giao thông hào khép lại nghỉ ngơi, quả tim thở hơi dài dễ chịu sau lần chờ đợi cứng ngắc. Ngoài đồng cát mắt của Hạ sĩ Hùng, mắt Việt Nam đẹp đẽ chợt thấy lóe lên ánh lửa, xong lửa tắt ngúm còn lại tảng tối mênh mông như mặt biển khi trăng lặn vào mây đen. Quả tim Việt Nam vừa ngừng đập.

Minh ngừng thở trong khoảnh khắc. Đạn đi đầy trong bầu trời, những tiếng rít xé gió kinh khiếp sát vào cạnh mang tai. Nhưng chỉ một khoảnh khắc, Minh tiếp tục vẫy mạnh người lao về đằng trước. Bìa làng, luỹ tre kín mít đầy hết tầm mắt. Minh đưa ống liên hợp vào miệng: "Xung phong". Tiếng hét vượt ra khỏi sức chuyền của máy truyền tin vang rộng trên bề mặt cát. Có sợi dây nào giữ chân Minh lại, gã binh nhất mang máy truyền tin ngã nhào xuống, viên đạn xuyên qua lớp da thịt trần trụi tiếp tục phá chiếc máy một lỗ lớn. Hai thứ kim khí chạm nhau không thành tiếng động vì được lót lớp thịt người. Gã mang máy ngã co quắp trên cát, sợi dây cao su từ chiếc máy đến ống liên hợp trên tay Minh căng thẳng. Minh bị kéo giựt trở lại, gã mang máy làm những động tác cuối cùng, hai tay co để trút bỏ sợi dây mang chiếc máy, người lính muốn bỏ gánh nặng trước khi chết. Chiếc lưng ưỡn cong, hai bàn tay duỗi khép chặt sau lưng, chân chống trên mặt đất, cong người hơn chút nữa, chiếc đai máy rời khỏi vai trôi xuống, hai chân chống cao hơn chút nữa… Một loạt đạn khác bay đến, những lỗ đạn tốt tươi tênh hênh trên thân áo nguỵ trang. Minh nghe được tiếng động của viên đạn đi qua thân thể người lính. Minh ném chiếc ống liên hợp xuống đất, trước mắt chỉ còn luỹ tre xanh nháng lửa.

"Đổi tần số nội bộ". Minh hét thật to với gã mang máy truyền tin thứ hai (máy liên lạc giữa đại đội và tiểu đoàn). Bằng bất cứ giá nào các ông cũng phải vào tất cả, tôi ở trong này với thằng Hai rồi (Trung đội 2).

Có tiếng thét của Trung đội trưởng Trung đội 1 và 3 ở máy: "Nhưng tôi bị kẹt quá vào không được… Tôi bị hai khẩu Thượng liên nó kềm nát bấy".

"Được, tôi sẽ cho hai thằng phá nó".

Trung đội 2 chiếm được một đoạn giao thông hào, tiếp tục đánh ép qua trái nơi có tiếng Thượng liên nổ liên tục. Việt Cộng bỏ giao thông hào chạy ép về phải, phía toàn bộ chủ lực của Tiểu đoàn Nhảy dù đang đánh vào.

Năm gã áo đen rải dài theo chiếc hầm, hai AK, hai B40 và một Thượng liên. Toán đao phủ lý tưởng với vũ khí đầy đủ của trò chơi kỳ lạ. Gã bắn Thượng liên ném cái mũ có ngôi sao vàng qua bên cạnh, hai chiếc chân ngập sâu trong bùn, gã không cần rút ra, đầu cúi gầm xuống trên báng súng, hai bàn tay di động thoăn thoắt, bàn tay trái nâng băng đạn, bàn tay phải bóp cò. Gã đã từng làm việc này thật quen thuộc từ một quận lỵ ở Quảng Bình. Đồng chí Lê Hoạt thợ may bảy tuổi đảng tính đến nay, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, người anh hùng lao động của hợp tác xã cắt may Sao Vàng, đã sản xuất bằng tay mười tám chiếc áo trong vòng hai mươi tiếng đồng hồ… Đồng chí Lê Hoạt đã ngồi trên sập gỗ, đầu ở giữa hai đầu gối, lưng còng xuống ngồi bất động để hai cánh tay thoăn thoắt di động trên xấp vải tấm dệt từ Nam Định, tay trái Hoạt đè xuống cho thẳng tấm vải, tay phải ấn chiếc kéo, xong hai bàn tay thoăn thoắt luồn cây kim vào thân vải khô cứng. Lê Hoạt người anh hùng lao động trong dịp lễ thi đua sản xuất mừng sinh nhật bác Hồ của mùa hè năm một ngàn chín trăm sáu mươi rất muốn yên phận với niềm hãnh diện rạo rực, lần say độc nhất của ba mươi sáu năm làm người khi được Ban quản trị Hợp tác xã cắt may gọi đến vào buổi sáng 19 tháng 5 năm 1967 để nhận tờ giấy khen trên có hình Hồ chủ tịch với hàm râu dài, nhưng Hoạt bị kéo ra khỏi niềm vui bình yên, bị kéo ra khỏi chiếc sập gỗ, bị dúi vào tay khẩu súng AK thay vì chiếc kéo. Lê Hoạt phải luồn đạn vào trong những chiếc băng hình cong thay vì luồn chỉ vào kim. Lê Hoạt phải tập chống xe bọc sắt, được học tập những điều xa lạ và hung bạo. Bắn máy bay lên thẳng của Mỹ, tập đặt plastic, làm nổ cầu… Lê Hoạt phải nhồi vào óc, phải tin những điều kỳ quái: Máy bay lên thẳng của Mỹ chỉ có mỗi bộ máy, không có khung, chỉ cần bắn một viên đạn cũng đủ rơi. Hoặc phải học và tin như thế, mặc dù chiếc máy may Singer Hoạt mua sau ngày đình chiến được sơn lại bằng

tay vẫn được Hợp tác xã mua lại và cạo sửa để nguỵ tạo dưới một nhãn hiệu khác: Máy *Tiến Hoá* do nhà sản xuất Thăng Long làm nên. Hoạt biết sự nguỵ tạo nhưng phải tin giặc Mỹ Nguỵ hết sức kiệt lực không làm nổi chiếc máy bay lên thẳng toàn vẹn. Hoạt cũng biết rằng máy bay Mỹ đã làm lở một phần đèo Mụ Già, núi đã biến hình dưới cơn tàn phá của bom Mỹ. Nhưng giặc Mỹ Nguỵ sắp thua, Hoạt bắt buộc phải tin như thế và giã từ tiếng hoan hô của Hợp tác xã cắt may, tấm giấy khen được bọc trong túi ni lông đeo trước ngực, vượt sông Bến Hải vào Nam trong tháng Mười một giữa đêm khuya lạnh cóng.

Lê Hoạt được biết mình đang ở trên phần đất quận Phong Điền giáp ranh Quảng Trị, Thừa Thiên. Hoạt không thấy hai thành phố và quận lỵ mặc dù trước khi xâm nhập đã được đồng chí Uỷ viên chính trị Trung đoàn cổ động: "Các đồng chí là những người hạnh phúc nhất trong tập thể quân đội nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các đồng chí sẽ là những người lính đầu tiên của Bác và Đảng bước chân đến thành phố Quảng Trị nơi quân miền Nam đã hoàn toàn làm chủ sau khi đánh đuổi hết quân đội Mỹ Nguỵ về phía Nam đèo Hải Vân". Hoạt đã nghe như thế nên lấy làm lạ tại sao phải vượt sông Bến Hải trong đêm, tiếp theo màn chạy bộ đến đứt đôi người từ cửa Tùng vào đến cửa Việt, chạy trong đêm người này nắm vào lưng người kia đi như ma đuổi, nín thở, cấm nói, cấm đốt lửa và khi năm giờ sáng đến một con sông tất cả phải đào hố nguỵ trang nằm bẹp dí trong suốt một ngày. Nằm một ngày để nghe trên dòng sôngg từ khi trời sáng cho đến buổi chiều vàng, vang động tiếng tàu chạy, đồng thời có những tiếng nói xa lạ, không phải tiếng Việt, vang lên ầm ĩ cùng tiếng cười huyên náo loáng thoáng. Chen lẫn trong cơn bão cười xôn xao nóng nảy đó, những tiếng thét rờn rợn đẫm ướt kích thích, tiếng của con mái khoái trá khi được chạm vào chỗ kín. Hoạt nằm nghe những tiếng cười mất dạy đó trong những giờ đầu tiên ở miền Nam. Tiểu đoàn I Trung đoàn E 812 quân đội Nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được tiếng cười nô nức nhầy nhụa tình dục của đám con gái miền Nam cùng giống đực Mỹ quốc chào đón trong bước đầu giải phóng. Đêm xuống, Tiểu đoàn Quyết Thắng sau một ngày nghe tiếng động tình ái, tiếp tục bước đường giải phóng về hướng Nam. Cuộc di tản kéo dài đến làng Phú Trung quận Phong Điền, Lê Hoạt không thấy được gì thêm của miền Nam ngoài tiếng động kích thích thú vị trên mặt sông Ô Lâu ngày hôm trước…

Đóng tại làng Phú Trung được một tháng, Lê Hoạt và đồng đội chỉ có mỗi hai việc: tu sửa hầm hố và thực tập tấn công trên sa bàn một thành phố vuông vắn như ô cờ. Thành phố nào và ở đó có gì để phải tấn công vào? Quảng Trị và Thừa Thiên không nghe nói đến nữa. Cuộc giải phóng thành phố trên sa bàn chưa tới thì hôm nay, Tiểu đoàn 1 chạm với Tiểu đoàn 19 Nhảy dù Nguỵ. Đã lâu nay, Lê Hoạt nôn nóng vô cùng vì những người dân của làng Phú Trung lần lượt đi về phía Tây, hướng quốc lộ, làng chỉ còn lại vài người già và ít phụ nữ cằn cỗi cùng lũ trẻ èo uột lây lất. Những hình ảnh đoàn văn công miền Nam có những thiếu nữ đội mũ rộng vành màu xanh ca vọng cổ đàn tây ban cầm sao không thấy, Lê Hoạt chỉ cảm thấy chung quanh thứ không khí nặng nề như những hôm trời oi bức báo cơn bão lũ chuồn chuồn bay trong ráng vàng bệnh hoạn chói đỏ góc trời. Bộ chỉ huy tiểu đoàn ra lệnh gài mìn chung quanh làng để ngăn cấm dân chúng bỏ đi, nhưng ban ngày khi đơn vị rút xuống hầm trú ẩn, Lê Hoạt thỉnh thoảng nghe tiếng mìn nổ. Một người dân làng nào đó trốn ra khỏi làng và đạp phải. Tối hôm đó có đám táng. Người chết được kéo về, bó chiếc chiếu, chôn vội trong đêm. "Các đồng chí noi gương đó, ai muốn sống thì phải ở lại đây với quân đội nhân dân". Ông mếu máo: "Đồng chí ơi là đồng chí ơi, có muốn băm vằm gì tui thì làm, xong rồi xin các đồng chí kéo nhau đi chỗ khác đánh nhau, dân chúng cực lắm rồi đồng chí cán bộ ơi…". Nhưng quân đội nhân dân vẫn ở lại nên sáng nay trận đánh diễn ra. Ngay khi chiếc phản lực vừa trên cao rít xuống, Lê Hoạt đã nhảy xuống hầm, hầm đào sâu dưới rễ một lùm tre kiên cố, lớp đất dầy thước rưỡi, đám rễ tre chắc chắn nhưng Lê Hoạt vẫn có cảm giác thân thể như vừa bị ép giữa một khối vô hình và tường đất lạnh cóng. Dưới hai thước đất và rễ cây Hoạt nghe được chấn động kinh khiếp thoạt tiên văng vẳng từ thinh không phút chốc biến đổi thành cơn giông bão sắc nhọn xuyên hẳn qua màng tai. Máy bay đi để lại đám cháy, lẫn trong tiếng nổ lép bép của thân cây tươi, cỏ lá cháy sém, có âm thanh khắc khoải tuyệt vọng của lũ vật lồng lộn trong chuồng bị lửa vây. Lê Hoạt còn nghe được tiếng khóc đứt khúc từ những cổ họng già nua. Sau trận giông bão nhân tạo, Hoạt tưởng mình như đã chết xuống địa ngục, vì thoảng đâu đây từ trên mặt đất la đà mùi nồng tổng hợp của thịt xương, cây cỏ sau khi đã bị đốt vàng cháy biến thành lớp tro tàn ươn ướt mùi chết chóc. Nửa giờ sau trận bom, qua lỗ hổng dưới lùm tre, Hoạt thấy từ ngoài đồng trống thấp thoáng những bóng đen. Bóng đen di động chậm chạp ở nơi xa và khi tiến gần như lũ ma ám, họ la lớn và bắt đầu chạy vào. Tim của Lê Hoạt đập hay bước chân người

lính Nguỵ, Hoạt hoa mắt vì trước mắt không phải một hình ảnh Mỹ quốc tàn bạo và đáng ghét như lời tuyên truyền, trước mắt Lê Hoạt chỉ có những người Việt Nam, có thể gầy hơn Hoạt, vác nặng hơn Hoạt, nhịp chạy làm ba lô trên lưng họ xê dịch qua lại, hai ống chân mỏng manh tìm kiếm vất vả như chân con bò chạy vòng tròn quanh chiếc cột sau nhát búa giữa đỉnh đầu… Tiếng súng nổ bên phải, khẩu B40 bên trái bắn liên tiếp hai quả… Người lính khựng lại, hắn ngã xuống, ba lô nằm nhú lên trên nền cát, ba lô có con vịt, con vật thò đầu ra khỏi lỗ thủng kêu ngu ngơ trăn trối. Cái mỏ đen của con vật hiện rõ trên nền trời, con vật xoay đầu bên trái, bên phải nhưng thân hình bị cột cứng trong lòng ba lô, cuối cùng cố gắng, một cái cánh được nhú lên. Chiếc cánh cụt ngủn tha thiết quẫy mạnh trên bầu trời đỏ lửa. Hoạt bấm cò khẩu Thượng liên, đạn ghim vào cát ướt, đạn ghim vào ba lô, ghim vào thân thể người lính đã chết, ghim vào con vật nhỏ bé đang giẫy giụa cố rút chiếc cánh còn lại. Hai cánh vịt làm sao chịu đựng được sức công phá đỏ au nhức buốt của hàng chục viên đạn. Người lính và con vật chết thật xứng đáng, chẳng nên ngậm ngùi. Lê Hoạt bấm cò liên tiếp vào những bóng người xuất hiện qua lỗ hổng căn hầm. Tiếng nổ và hơi thuốc súng đốt cháy trí não, Hoạt không nhìn thấy mặt những người bị nhắm vào, Hoạt bắn vào những bóng đen trên nền cát.

"Đấy, cây Thượng liên ở dưới gốc tre, mày bò lại tìm miệng hầm, ném lựu đạn xuống không cần bắt sống. Trung đội bị kẹt chỉ vì thằng con c… này". Gã khinh binh theo lời Minh bò lại chỗ bụi tre. Đúng thật, ông Trung uý nói thật đúng. Gã khinh binh nhủ thầm. Trước mắt nó một đường hầm sâu xuống đen thẳm. Gã rút chốt lựu đạn, thả trái phá tiếp tục lăn cọc cạch trong bóng tối và một tiếng nổ bùng rung chuyển mặt đất…

Lê Hoạt úp mặt vào lỗ hổng nhìn ra xa, biển ở sau vùng cát trắng, biển xám đặc bọt trắng. Chưa bao giờ Hoạt nhìn biển lâu như thế, không phải không có dịp, nhưng trong trí óc khản đặc của anh thợ may, biển chỉ là lớp nước xanh xôn xao mặn chát không ích lợi. Sáng hôm nay Lê Hoạt phải ngồi đối diện với biển, chợt khám phá ra vẻ quen thuộc đã bao nhiêu lâu gần kề. Hoạt thấy mình như sống lại trong khung cảnh bình yên của quê nhà. Hoạt nghe tiếng sóng rì rào, nghe gió lọt qua rặng phi lao gây âm thanh dịu dàng, âm thanh của ngày mới lớn. Thời gian đã qua thật lâu tưởng như không bao giờ nhớ lại được… Nhưng sáng nay trong phút giây căng thẳng, đầy

tiếng động, những người chết nằm trên cồn cát, những người bị thương trăn trở, lượng máu đỏ thấm sâu qua cát từ những vết thương do viên đạn của Hoạt gây nên, Hoạt nhìn thấy biển, cùng với cái cảm giác lạ lùng khi chợt khám phá thêm khả năng giết người của mình, Hoạt sợ hãi thảng thốt khả năng ma quái cay độc này. Hình ảnh vinh quang khi bước chân vào thành phố Huế nhạt nhoà như lỗ kim nhỏ chợt mờ mịt sau cái chớp mắt đầy mệt mỏi.

Lính Nguỵ đã bò ra xa tầm đạn. Họ đánh vào phía trái hay phải, Hoạt không biết, người liên lạc chưa nhận được lệnh mới. Những biến chuyển về trận đánh ngoài căn hầm, Hoạt không theo dõi được, trước mặt chỉ có lớp sóng biển thay đổi hoài hoài, bọt trắng ùn ùn kéo ra xa…

Trong im lặng, Hoạt nghe tiếng động sau lưng. "Cái gì đấy?" Không trả lời. Tiếng động khô khan của vật tròn lăn trên nền đất. Trí não Hoạt bỗng giãn ra. Ngọn đèn được kéo bấc lên hết cỡ. Trong sáng suốt đau nhói Hoạt nghĩ đến hai chữ "lựu đạn". Cùng lúc với ý nghĩ, tiếng nổ bùng lên. Luồng ánh sáng chớp lòe, Hoạt thấy được tám đôi mắt khiếp đảm của bốn tổ viên, tám đôi mắt bốc lửa khi tiếng thét chưa kịp mở. Ánh chớp tắt, Hoạt ngã xuống, hai bàn tay vừa kịp ôm lấy ngực nơi có tấm giấy khen của Hợp tác xã may cắt Sao Vàng in hình Hồ chủ tịch.

Xác Lê Hoạt cùng bốn tổ viên được kéo lên khỏi hầm. Sau tiếng nổ chói chang, Hoạt biết mình ngã xuống và ngất đi, nhưng khi bị kéo ngược ra khỏi hầm, Hoạt tỉnh hẳn, tỉnh táo để biết mình bị thương nặng, máu từ thân thể chảy ra, không phải từng giọt mà từng dòng, từng khối, Hoạt cảm thấy rõ rệt có bàn tay bóp lấy hơi thở và cơn tức dâng cao, cao từng bậc có chiều dài, chiều sâu đè Hoạt lún lần xuống. Hoạt biết mình nằm trên cỏ ướt, mặt trời chiếu sáng lên mặt, chung quanh người nói lao xao, những giọng nói Việt Nam, Bắc, Trung, có giọng nói thanh hơn giọng Quảng, chắc là người Sài Gòn. Tất cả người ở miền Nam đều được gọi là Sài Gòn, người của miền đất phì nhiêu, nơi cá đầy đồng, chỉ cần mang chiếc rổ xuống ngồi ở bờ ao cũng đủ thức ăn cho một ngày. Những người Sài Gòn sung sướng là đây. Hoạt muốn mở mắt ra nhìn nhưng nắng chói quá, chỉ còn chút sức lực đủ để lắng tai nghe. "Lục túi mấy thằng cha này coi". Có bàn tay luồn vào ngực áo, hình như Hoạt bị thương ở đấy vì khi bàn tay chạm phải, Hoạt cảm thấy trong thớ thịt những mảnh kim

loại nóng hổi, sắc nhọn xao động.

Minh nhìn vào xác người thợ may, gã đàn ông chỉ còn hơi thở tàn tạ, mảnh lựu đạn xuyên lỗ chỗ trên thân thể, phần áo ở lưng rách nát máu sẫm đỏ bê bết đất cát, chiếc quần cộc mở tênh hênh bày ra cái vật người đen đúa nhão nhoẹt. Gã nhà quê này là kẻ thù của mình? Gã đàn ông đang thiêm thiếp trong cơn hấp hối, khuôn mặt nặng nề khờ khạo, tóc đen khô cứng chổng ngược rối tung bày ra một vầng trán ngắn hai nếp sâu hằn xuống vụng về. Bác thợ may Lê Hoạt ba mươi tám tuổi, người Quảng Bình này là nguyên nhân chính đã bẻ gãy mũi dùi thế công của Nguyễn Khoa Minh? Minh nhớ đến người làm vườn ở nhà, cũng cỡ người và khuôn mặt này, loại người chỉ biết mài con dao thật sắc để chọc tiết heo dễ dàng trong buổi chiều hai mươi chín Tết, những người gọi mẹ Minh bằng bà Phán và gọi Minh bằng cậu, khả năng chỉ có thể phân biệt cây gạo hay cây mù u, hay tinh xảo hơn biết thêu đôi bướm bay trước hai chữ "Hạnh phúc" trên mặt gối bằng những sợi màu sắc xanh đỏ ngây ngô. Mặt gối này sẽ được bán trong một phiên chợ thôn quê đổi lấy tiền mua cặp kính nhựa màu nâu… Những loại người này là kẻ thù của Minh? Những người như bác thợ may này là vật cản lối trên con đường công danh, đã làm Minh lạnh cóng tay trong nửa giờ trước đây?

"Trung uý. Gã mang máy truyền tin đến gần Minh. Ở trên Tiểu đoàn bảo mình báo cáo tổn thất, em nghe Đại đội 3 lấy được súng cối mà chỉ có hai chết… Trung đội mình bị nặng quá, ông Chuẩn uý bị nặng chắc không sống nổi…"

"Tao biết, mất năm con với một Trung đội trưởng, không khá chút nào hết. Minh cầm máy liên lạc với Tiểu đoàn trưởng: "Thiên sơn đây Minh mạng[()]".

"Minh mạng đợi tôi một chút, tôi đang nói chuyện với thằng Ba (Đại đội 3)". Minh nghe qua máy giọng nói hân hoan của Tiểu đoàn trưởng: "Lạc long() đấy hả, tốt, toa số dách, toa đánh như vậy tụi nó chỉ mang cụ Hồ về Bắc thôi. Ông Đại bàng lát nữa sẽ xuống ở chỗ toa". Lạc trả lời lại với giọng cười mở đầu. Tiếng nói của Trung uý Vũ Văn Lạc, Đại đội trưởng Đại đội 3 Tiểu đoàn 19 Nhảy dù nghe hân hoan phấn khởi khác với giọng nói khề khà mệt nhọc của một Vũ Văn Lạc ba mươi sáu tuổi, vợ năm con. Lạc hay gọi dễ dàng quen thuộc hơn, Cai Lạc cựu Commando hổ xám của những năm 50, vừa nhận được thơ của vợ nhắc nhở chuyện xin đổi qua ngành không tác chiến, thơ cũng nhắc nhở đến việc mua hàng quân tiếp vụ nhiều hơn cổ phần sẵn có… Nhưng tất cả đã thuộc về quá khứ, bây giờ chỉ có giọng nói chững chạc của Trung uý Vũ Văn Lạc trong máy: "Trình Đích thân…" Minh nhủ thầm: "Lính già ăn nói có kiểu cách riêng của nó, ở ngay

chốn đánh nhau tơi bời nó vẫn không quên thưa gởi".

"Trình đích thân() tôi đã có làm Trung đội trưởng cho ông Đại bàng trong suốt năm 1960". Minh cười thầm vì chữ "suốt". Giọng Lạc tiếp tục vững chắc hân hoan: "Trình Đích thân, nói tên tôi với ông ấy thì ông biết ngay". Lính già tự tin đúng chỗ và đúng lúc, chẳng ai chê trách được. Minh gật gù đầu nhận xét từng câu đối thoại của Lạc với Tiểu đoàn trưởng. Tiểu đoàn trưởng oang oang trả lời: "Ô kê, moa sẽ nói tên toa cho ông ấy hay trước. Đồng thời nói trước toa mừng, gì moa cũng kiếm cho toa cái thực thụ, đồng ý?"

"Vâng, cám ơn Đích thân trước, kính Đích thân, dứt".

Cuộc nói chuyện chấm dứt. Minh nghe trong đầu vẫn còn vang động âm thanh sáng khoái chắc nịch của Lạc.

"Minh mạng đây Thiên sơn". Tiểu đoàn trưởng xoay qua nói chuyện với Minh.

"Dạ, tôi nghe".

- Toa coi lại thằng 1 (Trung đội 1) của toa đi, nó bết quá… Toa xui rồi. Sao chẳng lựa thằng khác, lại cho thằng Ánh vào ngay chính diện".

"Vâng, tôi nghe rõ". Minh bỏ máy xuống, Minh chẳng rõ được điều gì. Chính diện, diện nào chính yếu sau luỹ tre xanh dày đặc lúc súng chưa nổ, làm sao Minh biết Chuẩn uý Ánh sáng nay nổi hạch hột xoài nên không thể điều động nhanh nhẹn Trung đội được. Làm sao Minh biết được tên chỉ huy tổ Thượng liên chỉ là một gã thợ may ba mươi tám tuổi có bằng khen thưởng vì đã sử dụng kéo nhanh, sử dụng kim tốt đã đạt được ưu điểm sản xuất do Hợp tác xã cắt may Sao Vàng đề xướng, gã thợ may ngu ngốc ngớ ngẩn không biết rút lui khi Tiểu đoàn đã bị đánh tan nát ở cánh phải. Chắc chắn đây là trận đầu tiên và cũng là cuối cùng của bác thợ may Lê Hoạt ở một chốn xa xăm với quê hương Quảng Bình không bao giờ trở lại. "Trung uý, thằng Việt Cộng cứ hấp hối hoài chắc nó đau lắm, em thấy mặt nó nhăn tréo". "Ừ, một viên để nó đi cho ngon, đỡ đau đớn". "Dạ". Súng nổ. Bác thợ may Lê Hoạt giẫy người lên lần chót. "Trung uý, ông Chuẩn uý Ánh chết khi lên trực thăng". Minh nhìn khẩu Thượng liên bị gãy báng bên cạnh thây gã thợ may, khẩu súng đã đưa đến cái chết của hai người. Một gã trẻ tuổi Chuẩn uý mắc bệnh hột xoài và gã thợ may ba mươi tám tuổi.

Thuấn đi hết khu vực phòng thủ của Đại đội, trở về chỗ đóng quân của ban chỉ huy. "Có gì ăn tối nay không Thiên?" "Có gà và chai rượu. Gà bắt được, dân chúng chạy đâu hết trơn, rượu ông Trung sĩ tiền trạm gởi theo chuyến tải thương hồi chiều vào". "Gà của dân mày ơi, ăn sao vô". "Không có, gà chạy hoang, mình không bắt đứa khác cũng bắt, đụng mà Đại uý, tụi Việt Cộng đóng đây cũng cỡ một Tiểu đoàn". "Mày lúc này giỏi rồi, biết ước đoán địch tình và bắt gà nhanh như chớp, mày là lính cũ rồi Thiên hử?" "Dạ". Lính cũ, một thứ vũ khí đã dậy men máu, vũ khí im lìm sắc nước, dễ sử dụng. Lính cũ, như khẩu súng đã được điều chỉnh, thoa dầu vào đủ các trục hay ressort, sẵn sàng bắn ra viên đạn đến mục tiêu không sai trật. Binh nhất

Thiên của hai năm trước thì khác, hai năm trước chỉ biết khóc trong buổi tối vì nhớ nhà, khóc vì thấy đồng bạn chết thê thảm đột ngột, khóc khi thấy người dân bị lùa lên trực thăng khi về quận xét lại thành phần. Thành phần của người dân trong thời chiến được định nghĩa: Thành phần giết được người hay bị người giết. Nhưng Hồ Thiên của sau hai năm lính thì đã khác, biết ước tính tình hình đơn vị địch, biết lý luận: "Làng có Việt cộng, dân bỏ đi, có quyền hưởng thụ những vật còn lại". Sau hai năm để biết rằng: "Nếu không ăn thịt gà, chốc nữa biết đâu trở nên con ma thèm khát, bó tấm poncho bằng hai đoạn băng trắng". Thiên, lính cũ, tức là người lính đã biết mình sắp sửa để chết và bao tử làm việc nhiều hơn quả tim hay trí não. Người lính cũ nào cũng thế.

"Mày qua mời Trung uý Minh qua đây".

"Dạ".

Bữa rượu diễn ra dưới ánh đèn mù mịt trong căn nhà lạnh tanh, bàn thờ Phật yên lặng. Có lẽ Phật đang trầm tư về cảnh khổ hiện thực đầy dẫy tính cách vô lý đang diễn ra. Có định mệnh kỳ quái nào để kết hợp một anh sĩ quan hai mươi lăm tuổi, anh thợ may ba mươi tám, gã phi công Mỹ trên trời cao, ông chủ nhà bảy mươi hai tuổi chưa hề thấy cục nước đá. Định mệnh nào đã kết hợp những con người xa lại kỳ quái đó với trái bom sản xuất ở Philadelphia, đôi giầy được phát ở Fort Benning ấn trên cầu thả bom trong giây phút ngắn ngủi bọt bèo lúc ban chiều để tạo thành một loại khổ không căn nguyên, vô luân hồi. Khổ không khởi đầu, không chu kỳ chấm dứt. Phật trầm tư vì hai nghìn rưởi năm cách biệt và Ấn Độ quá xa lạ, Phật cũng đâu tiên đoán được quả bom sẽ xuất hiện như dấu tích văn minh khốn nạn cho con người, Phật cũng nên ngạc nhiên vì ông lão chủ căn nhà, căn nhà cháy hết một nửa ở mé bên trái, ngồi ở phía phải nhìn lên thấy bầu trời xanh đen lấm chấm những ngôi sao, tay nâng ly rượu của Thuấn.

"Cha, cái rượu chi hắn ngon lạ ngon lùng, cả đời "ôn" chưa khi mô uống được "en" ơi, buồn chi mà buồn, trái bom hắn như ông thiên lôi rớt xuống cái rầm, "ôn" với hai thằng cháu đang lớ quớ chưa xuống hầm mà khôn can chi hết. Thôi lạy Phật mớ bái, khôn can chi cả là mờn() rồi".

Phật phải ngạc nhiên vì được cảm tạ, phải ngạc nhiên vì giọng ông lão tỉnh táo đến ngang ngược. Đức vô uý lạc quan nào trong thân thể gầy gò chỉ còn một lớp da nhăn khô bao lấy bộ xương chỏng chơ. Thuấn cũng ngạc nhiên. "Ông già uống với cháu thêm ly nữa".

"Đa tạ, đa tạ, ôn Đại uý mời thì tôi xin phép, chà hôm nào hai thằng cháu lớn tui cũng cho tui "hén" đi lính, đi lính đóng lon to như ôn Đại uý thì mấy hồi chẳng xây lại được cái nhà. Thôi, của đi thay người, cám ơn Trời Phật!"

Ông lão ngửa cổ uống một hơi hết ly rượu. Hai đứa cháu đứng nhìn ông nội đang uống cạn niềm hân hoan cay đắng vì sống sót, nhìn Thuấn, tương lai ao ước của một tấm lòng hắt hiu đang được đốt cháy gượng gạo bởi thứ rượu ngoại quốc, rượu cùng xuất xứ với trái bom rớt xuống ban chiều. Phật ngạc nhiên vì tai hoạ và hạnh phúc cùng một nhãn hiệu. Chiến tranh giúp một ông già tầm thường phút chốc nhận chân

được hết căn bản sắc không suốt một đời suy nghĩ của đầu óc ngoại hạng, chiến tranh đang biến người Việt Nam thành loại Phật tội nghiệp hân hoan trong Niết Bàn giới hạn qua hơi men mùi lúa mì.

"Ông già tay tổ, uống nữa đi ông ơi, uống đi để mừng được sống sót sau quả bom như ông thiên… thiên lôi". Thuấn rót thêm rượu cho ông lão.

"Uống cha, sao không uống, ôn chưa muốn chết thì chết răng đặng, ba bốn trận giặc trước tê chưa chết, lúc ni chết thì Trời Phật đi khỏi hết sao, rót nữa cho tui… Rót nữa cho tui, à uống đi ông Trung uý, răng mà ngồi rầu rĩ rứa, ông Đại uý nói ông Trung uý uống nữa đi, cha có chi mà buồn, coi tui đây, nhà cửa cháy một nửa cũng vui như ai".

Thuấn đưa mắt nhìn Minh đang ngồi im lặng trước ly rượu: "Uống đi em, không lẽ bị sếp chê rồi em bỏ rượu sao!" Minh không trả lời, cầm lấy ly.

"Mở miệng một chút đi em, rượu vào lời ra cớ sao em lại… Cớ sao, cớ sao em buồn, em ơi!" Thuấn gõ đũa vào thành chén, tiếng kêu boong boong sắc lạnh.

Minh nhếch miệng cười:

"Cố vui không được, cứ thấy tức ngang người, lại thêm một thằng Trung đội trưởng chết nữa, tao xui rồi, ông Tá nói đúng".

"Ở đây không có ông Tá ông Tướng nào hết, cứ nghĩ hồi sáng này ăn một viên đạn thì giờ này ra sao? Sống được đã khá rồi con ơi, đừng lo thành công hay thất bại rồi đâm ra hụt cẳng".

"Tao đâu nghĩ thế", Minh muốn giải thích nhưng hình như tiếng nói không đủ, làm sao Thuấn biết được cảm giác xao động âm ỉ khi Minh nghe lời đối thoại hân hoan giữa Lạc và Tiểu đoàn trưởng, cảm giác tròng trành thiếu hụt khi nghe câu từ chối: "Minh mạng đợi đó, để tôi nói chuyện với Lạc long". Chút khinh khi nhẹ nhàng như khói bếp bốc lên trong trời mù. Minh đứng dậy, bước ra nhìn lên trời. Trời trong, sao lấp lánh, trăng thượng tuần nhợt nhạt, tiếng sóng rì rầm ở xa xa. Minh ngửi thấy mùi lạ, mùi của lá tre ẩm mốc dưới bờ ao, thứ hơi hám âm ỉ nhưng nồng nàn chát đắng như từ một thân thể đẫm ướt dục tình. Minh linh cảm thấy giữa mùi vị lạ lùng đó với mình có một khăng khít xưa cũ được cất giấu bao lâu nay chợt thấy giữa mùi vị lạ lùng đó với mình có một khăng khít xưa cũ được cất giấu bao lâu nay chợt thấy như khi nhìn tấm ảnh đã mất hết vẻ quen thuộc của thời thơ ấu. Trong nhà vang tiếng cười sảng khoái của Thuấn và ông già, chợt Minh khó chịu như đang soi gương trong phòng vắng thấy được cái mụn đỏ nổi trên mặt. Ở một nơi nào đó chắc Lạc với Tiểu đoàn trưởng cũng đang có những tiếng cười vui như thế này. Minh châm điếu thuốc bước vào. Cuộc rượu đã đi đến chỗ đậm đà, Thuấn ôm lấy cổ ông già.

"Ôn ơi là ôn ơi, ôn uống nữa đi ôn, ôn chịu chơi, ôn tay tổ, uống, uống…" Thuấn kê ly rượu vào miệng ông lão, tay kia đỡ lấy chiếc cổ nhăn nheo:

"Cha răng lại không uống, nam vô tửu như kỳ vô phong, một giọt rượu là một giọt máu, đổ ra thì uổng biết mấy… Thả tay, ôn uống từ từ, uống để mà quên chứ en ơi!" Hai đứa bé ngồi dựa cột nhìn ông nội uống rượu với người lính. Hai đứa bé nhìn với ước muốn trở thành ông Đại uý Nhảy dù từ Sài Gòn đến đây, làng Phùng Trung, quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, đến với dấu tích văn minh có đủ trên người, này điếu thuốc lá Mỹ, này hộp quẹt gaz, chai rượu cũng có một cái nhãn in hình một ông Mỹ đang đi…

Ông lão bắt đầu say, giọt nước mắt muộn màng long lanh trên viền mi sẫm đỏ mệt nhọc chảy xuống đôi má nhăn nheo.

"Này ôn Đại uý ơi, nhà cháy rồi làm sao sửa được hè?"

Thuấn ngừng uống, đặt ly rượu xuống, thò tay vào túi móc bao thuốc, điếu thuốc được đốt lên khó khăn… "Hết cái hỏi rồi sao ông già?"

"Biết, biết hỏi chi đây, cơ nghiệp cả đời tui mới có được cái nhà, cày ruộng từ lúc tui còn chút xíu, chao ơi tui chắt bóp dành dụm cả gần bốn mươi năm mới làm được, cái bộ rui mè ni mua được hồi đảo chánh Nhật, bộ cửa lá sách mua từ ngoài Huế lúc ôn vua Bảo Đại về nước… Ôn Đại uý ơi, làm răng mà sắm lại được "en" ơi?"

Giọt nước mắt không cưỡng nổi, chảy xuống, giọt nước mắt già cay đắng tưởng như chừng đã khô héo biết bao nhiêu năm nay tuôn tràn từ đôi mắt đỏ ửng. Lớp tro nóng âm ỉ khói leo lét một vài tia lửa nhỏ khi gió thổi qua. Hai đứa bé thấy ông lão khóc, chúng nhào tới, những tiếng khóc mạnh khoẻ thoả thuê vang theo tiếng nấc nghẹn tức tưởi của ông già. Ông lão giơ tay lên lau mắt… "Ôn Đại uý ơi…" Chiếc ly bị đụng lăn xuống, tiếng động khô nhọn lăn lóc nghe đau đau như lưỡi dao từ từ rút ra khỏi thớ thịt. Thuấn liếc qua Minh, điếu thuốc lóe sáng ở đầu môi, Minh cúi gầm trên ly rượu, ánh trăng theo phần vỡ của mái nhà rọi xuống lóng lánh trong lòng ly. Minh ngửa cổ dốc trọn cả một trời mù tịt vào người. Tiếng khóc của ba ông cháu khó nhọc rối tung vào nhau. Thuấn lóng cóng tìm lấy cổ chai rượu… "Ông ơi, thôi gắng thêm một ly nữa rồi đi ngủ".

"Nhà ơi là cửa ơi, ôn bà cha mẹ Trời Phật ơi. Thôi cám ơn ôn Đại uý". Trong cơn say đau đớn, ông già vẫn không quên gã trẻ tuổi ngồi trước mặt là một ông quan thật lớn. Ông quan lớn nhất trong ý niệm và lần đầu tiên ông lão được uống rượu cùng.
"Gắng uống ông già". Thuấn đưa tay ra trong bóng tối. Tay Thuấn chạm phải tay ông lão, một bàn tay lạnh buốt. Bàn tay của người già, bàn tay chết nhưng quả tim vẫn còn đau đớn chất đầy. Quả tim, vật mệt mỏi tội nghiệp nhất của người.

Dựa lưng nỗi chết

Chương 3

Đại đức Trí Không đưa tay vẫy giã từ, người người lính trên xe vẫy tay lại. "Đi nghe thầy, hết hành quân chúng tôi về đây lại…" "A Di Đà Phật". Đại đức Trí Không chấp tay trước ngực, mồm lẩm bẩm tụng câu kinh ngắn. Người cửa Phật rưng rưng trong lòng, niềm xúc động thâm trầm. "A Di Đà Phật, cứu khổ cứu nạn đại từ đại bi Quan Thế Âm Bồ Tát". Đại đức thầm kêu gọi sự độ trì của Bồ Tát cho đoàn người gươm đao bắt đầu khuất sau lưng đồi, bụi đỏ tung mù trong rừng dương xanh ngắt, tiếng động của đoàn xe mất hút, cõi phàm trần còn lại trên rác rưởi ngổn ngang góc sân chùa, chút bụi đỏ bám trên phiến lá. Đám lính đi, trả lại sự yên tĩnh cho nhà chùa. Đại đức nghe được tiếng gió luồn qua khe lá dương liễu, và bóng núi lung linh sau ánh nắng hanh vàng của ngày đông chí. Trời rét hanh nồng nồng như dư âm ồn ào của đoàn người để lại. Đại đức Trí Không cầm cái chổi, nhìn qua khu sân rộng mênh mông một lần, hơi cúi mặt xuống đất, chiếc lưng vẫn giữ nguyên chiều thẳng cây chổi tre xiết mạnh trên nền đất nghe êm ả nhẹ nhàng. Bụi mỏng bay lên, bóng người tu hành bềnh bồng như pha sương.

Chùa Từ Tôn nằm dựa lưng sườn núi, khoảng sân rộng mênh mông viền một vòng đai xanh ngắt bởi thông và dương liễu, chìm khuất trong tịch mịch của vòm cây, bực đá tam cấp màu trắng vạch một đường ngăn đôi giữa khoảng sân màu vàng đất núi cùng với khối kiến trúc u trầm nâu sẫm. Đại đức Trí Không ngồi trên bực tam cấp nhìn ra khoảng sân phủ lớp bụi mỏng mờ nhạt, dấu chổi vạch lên mặt đất từng đường xoắn ốc đều đều. Mấy người lính chắc giờ này đã tới phi trường. Mai người ta đi bằng trực thăng vào nơi đánh nhau, tội nghiệp trong đám người tươi trẻ ồn ào kia, thế nào ngày mai cũng có người chết. Thượng toạ trụ trì đã bao nhiêu lần nhắc nhở: "Người tu hành tốt nhất luôn phải giữ cái tâm cho tĩnh, cái tâm cũng giống như cái trục bánh xe, bánh xe là đời ảo giác hư không bên ngoài, tâm người tu chứng phải bỏ vọng ý, trước sau như nhất, phải tĩnh mịch tuyệt đối như cái trục…" Thấy đã nhắc nhở hằng bao lần như thế để giúp Đại đức gạt bỏ những giờ phút khó khăn như bây giờ. Lòng của người đi tu trẻ nổi lên những phong ba âm thầm, không phải đau xót, êm ả để từ đó hướng lòng vào nơi giải thoát, nhưng là những đớn đau có so sánh, đối nghịch đầy tiếng động của

nỗi phản kháng bị nén lại. Tội nghiệp, thế nào ngày mai cũng có người chết. Những người lính Nhảy dù dễ thương nói tiếng Bắc, tiếng Nam, một số ít nói tiếng Huế. Có người lính già thật tội từ nước da đen nắng, đen vì nắng đã luồn qua da đốt cháy phần thịt, nhiễm sâu vào máu, chắc hẳn lượng máu trong người cũng bốc khói, cũng pha sương, lấm bùn. Ông thầy ơi, tôi đi 20 năm lính rồi đó. Hai mươi năm lính! Người tu hành thấy nhói lên trong lòng cơn xúc động. Đâu cần phải có cái nhìn của người đi tu mới biết được nỗi khổ của đời sống. Hai mươi năm đeo hoài một gánh nặng cồng kềnh trên lưng, gánh nặng có mùi thức ăn của nước mắm, củ cải héo úa, áo quần thấm bùn ẩm ướt, hai mươi năm ngả mình bất kỳ nơi nào có đủ chỗ cho một chiếc lưng, cành cây, bờ cỏ, gộp đá. Tội biết mấy hở trời. Chiếc lưng gầy gò, nhô lên hai xương vai, lớp da mỏng mốc đen u ám… "Tôi ngủ đâu cũng được, thầy cho tôi mượn ít rơm lót nằm, hôm nào đi tôi trả lại thầy…" A Di Đà Phật, chùa không nhiều nhưng ai nỡ từ chối cho người lính chút rơm để ngả xuống cái lưng lầm than mang từ một tỉnh ở ngoài Bắc xa xôi, tấm lưng đã dựng đứng theo chiều dài của đất nước này trong hai mươi năm. Ở chánh điện có tấm hình chiếc cầu địa ngục dưới chân cầu lúc nhúc một đám nhân loại đang kêu van, đất nước này giống như chiếc cầu đó, có điểm khác là chân cầu gồm những chiếc lưng trần không lời rên rỉ… Hai mươi năm, thời gian hút hình khối, mò mẫm được trên tay nỗi khổ triền miên mà, Phật đã một lần suy nghiệm qua những cửa thành lầm than.

Các ngươi là Phật sẽ thành. Nghiệm được về sự khổ là thành Phật! Người lính hai mươi năm đau đớn kia đã xoá tan sự chứng nghiệm, họ đồng hoá sự khổ cùng đời sống một cách tích cực, chấp nhận không phản đối, họ mang nỗi khổ trên lưng không than van, như kẻ gù bẩm sinh giữa một thế giới đồng loại gù… Họ là gì ở trong thái độ can đảm cao ngất đó?

Có tiếng chuông bắt đầu buổi tụng kinh chiều, giọng hai chú tiểu buồn nản khê nồng từ chánh điện theo khe hở vang vọng ra khoảng sân. Đi tu là diệt hết thất tình, ra ngoài sự buồn vui… Nhưng ngồi trong buổi chiều ráng nắng đỏ, trước cổng chùa thung lũng im lặng bốc sương lam, rừng cây xanh vật vờ sương trắng như linh hồn xa xứ nương theo giờ phút giao thừa của âm dương phân khắc cố kết thành hình khối đi về trần thế, sau lưng vang tiếng chuông thê thiết, tiếng trống ngậm ngùi xen lẫn với độ cao đau đớn của chiếc khánh,

nghe khánh reo trong buổi chiều sẫm bóng núi mới biết được lòng không bao giờ có được bình yên. Khánh báo hiệu niềm hoan lạc. Khánh là vui sướng hân hoan… Nhưng trong bóng chiều thẫm, âm thanh từ chiếc khánh đá vang động như lời than của núi ngàn năm kết tụ. Lời than lạnh buốt níu kéo lăn lóc trong hư không như lưỡi dao gõ xuống một đỉnh đầu ngơ ngác… Nhịp nhàng trong thế giới âm thanh nhức buốt, giọng hai đứa trẻ ngúc ngắc giẫy giụa theo câu kinh tiếng Phạn thăm thẳm bí ẩn và thống thiết. Trong tiếng tụng kinh của thầy trụ trì, người ta nghe được âm thanh lắng đọng của tâm hồn tĩnh mịch, hồn hết băn khoăn, xoá tan phiền muộn, âm thanh của người đã đi hết quãng đời xao xuyến, tiếng tụng kinh êm đềm như hơi thở nhẹ của người chết hân hoan đón đợi chuyến đi dài. Nhưng giọng của Đại đức thì khác, đây là những âm thanh chưa tròn, những tiếng nói còn mang nỗi ao ước, niềm xúc động, đây là những âm thanh của những người trên con đường vừa khởi cuộc với rất nhiều ham mê nhưng đồng thời thấy trước mặt một chuỗi buồn phiền. Tiếng Đại đức đau đớn như lòng yêu đời bị chặt đứt trong giây phút ngất cao thiết tha. Đại đức Trí Không muốn dứt ra khỏi điều phiền muộn, nhưng tiếng chuông mang nỗi buồn người tu hành tản mát đi xa. Cái buồn đã có đời sống riêng của nó, y lực của Đạo giáo không kìm nỗi cánh tay phóng lãng. Tiếng chuông chấm dứt, đến giờ ăn cơm chiều, nhà sư đi về phía bếp, bóng lênh khênh đổ dài giống như hình ông tiên qua biển. Đại đức cũng đi qua một bể buồn phiền.

Mâm cơm dọn trên bộ ngựa gỗ, thớ gỗ đen sỉn có mùi mốc. Hơn sáu mươi năm rồi đó, từ lúc có chùa này, từ lúc tui bằng thằng tiểu Tâm. Thầy trụ trì đã nói như vậy. Bây giờ thầy đã già, bảy mươi chín tuổi, da nhăn lốm đốm chấm đồi mồi, thầy ăn mỗi ngày một lần, hai mươi năm không tắm. Hình như cơ thể đó đã hết hoạt động, chỉ còn một chút trí não thoi thóp sau vầng trán cao lừng lững đè xuống đôi mắt nhắm kín triền miên… Thầy trụ trì không còn biết đến đời sống, nhưng tấm ván của bộ ngựa gỗ vẫn phải chứng kiến đời sống, phải mang hai mâm cơm trong ngày, phải đỡ chỗ ngồi của hai chú tiểu Tâm, Tú, Đại đức Trí Không phải nghe những câu chuyện: "Thầy ơi, lính Nhảy dù họ cho tiểu Tú hộp thịt".

"Không phải, hộp kẹo nha, không phải hộp thịt, họ có cho tui hộp thịt nữa nhưng tui không lấy".

"Ừ, đừng lấy của người ta, họ cũng cực lắm". Đại đức Trí Không nói

hững hờ.

Hai chú tiểu cãi nhau vang căn phòng: "Cái xe to là xe GMC, cái xe nhỏ là xe "rép", mi không biết chi hết, hôm tui đi xuống Nam Giao họ có cho đi nhờ, xe hắn chạy mau chi lạ… chạy mau như bay rứa đó".

"Thầy ơi, tiểu Tâm hay tới chỗ ông Trung sĩ người Bắc để nghe ra-đi-ô, hắn hay nghe mấy bài hát có yêu yêu chi đó".

"Bậy hí. Đi tu ai lại nghe hát có yêu". Đại đức Trí Không bật cười nhỏ. "Ê, răng thầy cười".

"Thầy cười vì tụi mi bá láp… nhỏ mà rắc rối".

Thầy cũng có nghe những bài hát đó, những bài hát trong đêm, lúc nửa đêm về sáng. Những bài hát nói về nỗi điêu linh của đất nước, một cái chết tình cờ phi lý, chết như mơ, chết không có lời, dù đã chấp thuận một chút thoả hiệp tạm bợ. Nhưng Đại đức nhớ rõ nhất là những bài ca do một giọng hát cao vút xao xuyến nói về tình yêu và nỗi yên nghỉ cho con người … "Suối mơ bên rừng thu vắng… Đàn ai đùa trong tiếng lá vàng tươi…" Trong yên tĩnh trầm mặc, phảng phất không khí lãng đãng của tình yêu. Nỗi yên ổn căn bản để người trở về yên nghỉ cuối đời chông chênh. Người tu đang ở trong vùng không khí yên tĩnh, nhưng trong lòng vẫn linh cảm nỗi ngắn hạn của phút giây trầm mặc này, thấy rõ những hạt nổ bứt rứt âm thầm đang chồng chất lên cao. Chỉ là bình yên trước cơn địa chấn… Có tiếng động nổi lên dưới tấm ngựa…

"Hư, nằm im không bị đánh…" Tiếng động giảm đi.

"Con Hư bị mấy người lính cho ăn đồ mặn, nên lúc này nó xấu lắm".

"Thật không?"

"Dạ thưa thầy, con la hắn không chịu nghe, hắn cứ theo mấy người lính nấu ăn cho ông Thiếu tá, nơi chỗ đó có nhiều đồ ăn nhất…"

"Hư, Hư". Đại đức Trí Không búng hai tay vào nhau. Con lợn từ dưới hầm chui ra, phe phẩy hai tai tiến gần bàn chân Đại đức.

"Mi hư nghe không, tao cho tiểu Tâm kéo ra sau vườn ngủ bây giờ, không cho mi ngủ trong nhà nữa…" Con vật hình như hiểu được tiếng người, nằm phục xuống xếp hai tai vào đầu… Con vật cũng có lòng ham muốn dù đã gần mười năm nghe tiếng chuông và không ngửi hơi mặn, nhưng trong lòng, qua lớp tế bào tinh vi, nơi bắt đầu những hạt nhân phân tử vẫn có xôn xao những thèm thuồng. Con vật mà, làm sao thoát nổi tánh di truyền siêu vi, di truyền cột trụ để tồn tại… Người tu hành chợt thấy lòng chùng xuống. Trong đêm khuya, giữa miền đồi núi, nước sông Hương trăn trở chuyển động nơi xa…

"Tôi có thể lên ở trên chùa trong mấy ngày Tết được không thầy?"

"Anh lên lúc nào cũng được, nhưng chùa bây giờ đang có lính đóng sợ anh không vừa ý".

"Lính đóng trong chùa?"

"Lính Nhảy dù ở Sài Gòn ra, trước đóng dưới Nam Giao, vừa dời lên chùa từ tháng trước, họ ở mấy ngọn đồi chung quanh, trong chùa chỉ có bộ phận chỉ huy khoảng mấy trăm người".

"Chắc chùa ồn lắm?"

"Không đâu, mấy người lính truyền tin với ông Thiếu tá chỉ huy nằm trước mái hiên nhà trai, còn tất cả ở chung quanh, với lại họ rất kỷ luật".

"Nhưng dù sao lính tráng cũng ồn ào. Tôi không thích đám đông, đoàn thể, sống gần người lạ tôi thấy khó chịu thế nào. Thầy thấy đó, chỉ đến đây ghi cour, chứng chỉ Văn minh đâu có bao nhiêu người, thế mà vừa bước vào phòng tôi đã khó chịu".

"Anh có vẻ khó tánh". Nhà sư nhìn Bằng qua ý phê bình kín đáo.

Bằng không nói, rút thuốc lá xòe diêm hít hơi khói dài. „À, mời thầy, tôi quên". Bằng chìa bao thuốc đến Đại đức Trí Không.

"Dạ, cám ơn, trời lạnh quá, tôi cũng nên hút một điếu cho ấm".

Cả hai người im lặng đứng tì vào cửa sổ nhìn xuống đường. Mưa

phùn loang ướt mặt nhựa sông Hương mờ hơi sương, người trên cầu Tràng Tiền co ro bước vội vã…

"Trời mưa này thầy đi từ trên chùa xuống đây chắc cực lắm".

"Không bao nhiêu, chỉ phiền ống quần bị ướt, tội nghiệp mấy người lính, thấy họ đi hành quân về ướt như dội nước, lại phải ngủ ngoài núi gió thổi lạnh như dao cắt…"

"Thầy có vẻ chú ý đến mấy người lính?"

"Không phải, thì họ ở chung với tôi cả tháng nay đâm ra quen biết nên nói đến". Người tu hành nói bằng giọng lơ đãng vì thấy trong câu hỏi và ánh mắt Bằng có điều không vừa ý. Đại đức Trí Không đoán biết. Nhưng vì tối hôm qua khi đám lính vừa đi hành quân về, gió thổi kéo qua đồi, rừng thông nghe rờn rờn thê thiết, gió thổi mạnh đến nỗi Đại đức không nghe được tiếng máy xe nổ trước cổng chùa, mãi đến khi có bước chân người và tiếng gõ cửa. Ông Trung sĩ thường vụ Tiểu đoàn chức tước nghe thật rườm rà hiện ra trong vùng ánh sáng vàng đỏ.

"Thầy".

"Dạ, bác Trung sĩ…"

"Toán lính Nhảy dù có ông Chuẩn uý vừa chết mới ra trường được hai mươi ngày".

Bằng im lặng hút thêm hơi thuốc. "Lạnh quá, vào phòng thôi".

"Dạ". Đại đức cúi đầu đi theo sau Bằng. Hai người trẻ tuổi cách nhau không đầy mười tuổi nhưng sao họ xa lạ với nhau thế? Đại đức Trí Không nhớ đến khuôn mặt tròn, đầu tóc hơi ngắn của Chuẩn uý Ánh và chiếc gáy phủ đầy tóc của Bằng, trước mặt Sài Gòn – Huế, chỉ ngàn cây số. Hai người đó không chút lãng quên; họ chỉ có chung một tên gọi người Việt Nam. Mẹ Việt Nam, các sinh viên ở đây thường nhắc nhở cái danh từ hàm xúc nhiều ngây ngất đó trong các buổi sinh hoạt. Chuẩn uý Ánh, Trung sĩ Tròn có biết đến Mẹ Việt Nam không? Đứa con nào chính gốc để hưởng phần gia tài tang thương, nếu có?

Khi ngồi nghe bài giảng, Đại đức Trí Không đột nhiên nghĩ đến hình ảnh: chiếc thúng bao la hỗn độn một vài cái trống đồng Đông Sơn, cục đá mài hình lưỡi dao, bộ kinh Thuỷ xám, chiếc khánh, đầu tóc bù xù của Bằng trên có chặn lại bởi một thây người chết – Chuẩn uý Ánh. Bà mẹ Việt Nam đặt chiếc thúng đó đi lang thang trên quãng đường vắng ngắt, gió thổi cát bụi bay mù.

Bằng đi ra cửa trước khi bài giảng chấm dứt muốn tránh cảnh phải bắt tay, hỏi han những người cùng lớp, và rõ hơn là Đại đức Trí Không. Suốt giờ vừa qua Bằng thấy lảng vảng trong đầu câu chuyện của viên Chuẩn uý trẻ tuổi mới chết, trong giọng nói bình thản từ tốn của người tu hành, Bằng thấy nỗi bi phẫn nén xuống. Bằng không thích được giãi bày với mối tình cảm ác liệt đó. Bằng muốn ở ngoài… Vì chàng có một thế giới tối tăm níu kéo đang đợi ở bên kia hai chiếc cầu.

Bằng đi qua cầu Trường Tiền, trời mưa, nước sông đục gợn sóng nhỏ xôn xao, vẻ xôn xao của con lươn giẫy giụa trước khi chết. Bằng đã đi qua chiếc cầu này bao nhiêu lần? Bằng chín tuổi, chín tuổi mù mịt câm nín của thành phố Huế sau thời chiến tranh, đèn đường không có, nhịp cầu gãy, đường Trần Hưng Đạo vắng hoe, bà già còng lưng mang túi bột mì bán giò chả đi từ phía Thượng tứ xuống. "Giò chả… không…" Tiếng rao kéo dài lê thê dật dờ những âm thanh ngúc ngắc nghẹt cứng. Bằng đã đi qua cầu trong những năm mười ba, mười bốn tuổi, đầu đội nón cối trắng, chân mang dép ba ta cao su, cúi khuôn mặt hồng hào trẻ thơ trên lan can của cây cầu nhìn đàn cá đuối lội trong rêu, những thân rêu xanh ngắt chuyển động nhịp nhàng ve vẩy. Bằng tưởng như ngửi được mùi rêu bí ẩn bốc lên từ mỗi hạt nước, nước trong vắt chảy từ nguồn về. Nguồn, một nhánh nhỏ khuất xa chảy từ trong "rú", từ phía lăng Gia Long, qua Bảng Lảng, Giả Viên đổ về đây… Bằng thấy trong dòng nướcc vẻ êm đềm man dại của một nơi sơn lâm thẫm bóng. Chốn xa tít, mà tuổi mười ba đã mong ước sẽ được một lần ngược con sông đi đến. Bằng sẽ đi bằng chiếc thuyền con chỉ vừa một người ngồi, bơi hai tay chèo nhỏ, chuyển động phe phẩy nhịp nhàng như hai vi cá. Bằng sẽ đến nguồn, đến "rú", úp mặt xuống một khe nước trong, nghe được trong đó chuyển động ầm ì của rừng cây hay tiếng hú của loài voi dưới bóng trăng dẫy dụa xanh ngắt. Nhưng Bằng chẳng bao giờ đi được chuyến đi mong ước đó, rặng núi xanh đầu con sông xa khuất như

một nơi không cùng. Bằng chẳng đến được đầu con sông, để hằng ngày, hằng ngày của một năm ba mươi tuổi đi trên dòng nướcc cuối con sông, nước đã nóng, đục và dơ vì chảy qua thành phố, chảy qua căn cứ Mỹ ở Bạch Hổ, Kim Long, Văn Thánh. Văn Thánh mất vẻ trong vắt mát mẻ của ghè đã thẫm rêu u tịch như tiếng chuông Linh Mụ lúc thu không bay là đà trên sóng nhỏ. Chỉ còn lại bây giờ, Bằng ba mươi tuổi và dòng sôngg đục ngầu đất đỏ của núi vùng Bảng Lảng bị phá vỡ cuốn trôi theo, Bằng đi trên phần nước phủ mưa bay lạnh kín.

Bằng đi qua cầu Gia Hội, cầu ngắn, chỉ cần bước một trăm bước, xuống chiếc dốc, đi vào con đường hẻm ngang hai mươi thước và đến nhà. Đường đi về một địa ngục lặng lẽ. Mở cửa buồng, bước vào đặt chồng sách lên bàn, ngồi xuống, đôi vớ ẩm ướt có lỗ thủng, nước theo kẽ hở của đế giày thấm vào. Đôi giày cũ, vớ cũ màu đen có chạy một đường chỉ đỏ, màu đỏ máu? Đỏ của chiến thắng và bạo lực? Bằng nhìn chiếc giường nhỏ có gọng đồng, giường của ông nội hồi xưa làm lý trưởng, dấu hiệu sung túc còn lại. Ông nội hồi xưa chiều chiều mặc áo lụa, đầu cắm cánh hoa bưởi, tóc bạc trắng, da hồng, ông nội quyền thế nhất làng Phú Cát, nhà được tính không phải từng gian nhưng tính theo từng dãy. Dãy 12 gian, dãy 10 gian… Ông nội có một khoảng sông riêng, "bến ông Giáp" để phơi lụa, trồng đậu phộng, bắp, đến mùa, bắp và đậu phụng chất đầy mấy gian nhà lớn. Bây giờ những gian nhà xưa không còn, chỉ còn mỗi căn nhà nhỏ này, căn buồng riêng và chiếc giường gọng đồng vàng xỉn. Bằng nhìn xuống chiếc nệm bọc một lớp vải hoa đỏ rẻ tiền, màu đỏ lâu năm trở nên nhợt nhạt lốm đốm. Trên chiếc giường này, quá khứ vinh quang có mùi ẩm mốc, vẽ với lớp đồng đỏ úa, đỏ chua chát cơ cực. Trên di tích tổ tiên ngang một thước hai, dài hai thước, trên tấm nệm cũ gần hai mươi năm, lớp rơm bên trong đã mất hết bềnh bồng, ép sát lại co rút thành một độ dầy chỉ bằng ba chiếc chiếu, tấm nệm không êm, nằm lên có cảm giác cứng ngắc, chiếc nệm ông nội đã nằm, ông lý trưởng quyền thế đã nằm, bố đã nằm, cậu Ấm con ông Lý hàm lục bộ, nghiện ngập nhăn nhó, cay độc với chính mỗi sợi tóc bạc bị rụng xuống. Chiếc nệm được mẹ sửa lại bằng mười ngón tay già nua chịu đựng bọc thêm lớp vải đỏ – Thêm một chút dũng mãnh, thêm niềm mới lạ để Bằng nằm lên với tình yêu, người con gái tên Quỳnh Như, đậu tú tài một, học sư phạm cấp tốc. Quỳnh Như nghiêng vành nón, Quỳnh Như, lá thư dài gần mười trang giấy pelure được xếp theo chiều dọc với mở đầu: "Thư gởi về anh, mối tình đầu

của Như". Thư hứa hẹn, thư hờn dỗi, trách móc nũng nịu, thư ghen tuông với một phản bội vô hình… "Như đâu phải người đầu tiên của anh, Như là kẻ đến sau". Như, kẻ tình phụ tưởng tượng, Như đau đớn nhẹ nhàng, Như bi đát ngay khi tình mới nở, nỗi đau không bờ, quả tim trống vắng… "Như biết nói gì đây? Hỡi mối tình khốn khổ và bi đát của tôi!". Như đau đớn qua một chút của Mai Thảo. Như mượn một ít chán chường của Nhã Ca. Đúng là của Nhã Ca, vì Nhã Ca người Huế, Nhã Ca học trường Đồng Khánh. Nhã Ca, biểu tượng của con gái Huế sâu sắc chút bùng nổ phũ phàng trên câu văn, một hơi chán chường ở dấu phết… Như lăn lóc, vật vã, chảy máu mắt, bậm chặt môi nén tiếng đau đớn suốt mười trang giấy mông mênh. Giấy có hạn và đau đớn của Như không bờ. Nhưng nỗi đau đớn bi thảm không bờ đó, tình yêu nặng bốn mươi lăm ký, tình yêu tóc dài Đồng Khánh, tình yêu của Tôn Nữ Quỳnh Như thê thiết đã được đặt lên chiếc giường này, đã bị đè xuống, cuống quít, mê đắm và sôi nổi. Trên chiếc giường này đã có Quỳnh Như, không phải đang che nửa mặt hoa, không phải đang cắn răng vào tóc, không giọt nước mắt đớn đau cho nỗi bi thảm của cuộc tình, nhưng một Quỳnh Như vội vã, hai chiếc chân dài vùng vẫy giẫy giụa xong rồi khép thật sít sao, có những ngón tay lùa cứng vào tóc, có những hổn hển vồ vập ngất ngư trong tiếng thở… "Anh! Anh! Đừng bỏ em…" Và sau đó Quỳnh Như mặt úp gối, người co rút thì thào nức nở … "Chết cha rồi anh ơi, lỡ có mang thì làm răng? Lỡ có mang thì làm răng?" Trong khi Bằng quơ chân tìm cái quần, lột ngược lại để bề mặt ra ngoài… "Cái quần lót của em đâu?" Mò mẫm, lúng túng, nó xoắn tít, co quắp ở sàn nhà… "Anh xoay mặt đi nơi khác, trời ơi mắc cỡ quá, lỡ có mang thì làm răng!" Bằng đứng dậy tìm điếu thuốc lẻ ở hộc bàn. Sagan nổi tiếng có lý thật, Sagan đã tạo được những động tác thời thượng nhỏ nhặt cần thiết và đúng lúc. Bằng đốt điếu thuốc Ruby, lắng tai nghe tiếng động của nhà ngoài… Bà già về thì vỡ nợ. Và bây giờ sau khi Quỳnh Như nhiều lần nằm xuống trên di tích của ông Lý trưởng họ Thân, không còn tiếng khóc tức tưởi cùng lời thì thầm "lỡ có mang thì làm răng…" Bây giờ chỉ có hối thúc cấp bách, đay nghiến nóng nảy nhão nhoẹt… "Anh phải cưới Như mới được, phải cưới gấp, Quỳnh Như bị "rứa" là một tháng rồi. Quỳnh Như bị rứa là một tháng rồi, nhưng cũng không thiếu dồn dập nồng nhiệt như trong lần gặp nhau cuối cách đây hai tuần… Anh nhớ lo gấp vụ đó nghe". Quỳnh Như ngậm chiếc áo dài ở miệng che xuống phần hạ thể sau khi nói, chiếc quần được rũ mấy cái trước khi mặt vào.

Bằng nhìn lên bức ảnh trước mặt, hình người đàn bà khoả thân cắt từ một tạp chí. Người đàn bà cằm nhọn, mắt xanh, cổ dài, khuôn mặt bình thản tội nghiệp, cất giấu niềm đau đớn qua dáng ngồi im lìm, người đàn bà ám ảnh của thứ tài hoa mệnh bạc. Bằng có tài hoa không? Chỉ biết Bằng có một khuôn mặt xương và cái nhìn u uẩn kiểu Moggiliani, u uẩn, hay một chút mù mờ vì ba mươi năm trải dài trên chiếu chăn của vinh quang tàn tạ. Bằng cũng một đôi lần cầm cây cọ, nhưng sơn dầu quá đắt, ừ thôi thì vẽ than chì, với một đường nét cố tình bạc nhược đơn sơ, dựng nên phiền não ở những chân dung u ám, Bằng tìm cách xích dần một chút đến thiên tài… "Bằng ơi, em thấy bị ám ảnh bởi bức tranh đàn bà buồn thảm của anh!" Quỳnh Như đã có một lần kêu lên tiếng kêu lo sợ đó. Mắt Quỳnh Như mở lớn, tóc rẽ hai bên kêu đưa một vừng trán cố cau lại những nét tang thương! "Thế sao em?" Bằng thấy mình đột nhiên gần Modi hơn chút nữa. Bằng xòe hai tay nâng lấy khuôn mặt của người tình, động tác kiểu cách tổng quát ở đâu đó đã có… Nhưng thôi, hãy thổi cơn giông bão thu nhỏ đã có… Nhưng thôi, hãy thổi cơn giông bão thu nhỏ đầy ầm ầm trong linh hồn để nhìn vào đôi mắt Quỳnh Như. Nàng khép mắt lại, những rèm mi cánh bướm chập chờn… Bằng muốn thở hắt ra để xoá tan vở kịch. Nhưng không thể được, Bằng không có can đảm. Ngoài cuộc khiêu vũ hoá trang ngượng cứng kia. Bằng còn được gì? Thêm một khối nhỏ phiền muộn nào đè xuống đỉnh đầu Bằng cúi xuống khuôn mặt Quỳnh Như đang nặng nề chờ đợi nụ hôn. Thôi, vở kịch đời gắng đóng cho hết, Bằng nhé, nhớ lo vụ đám cưới, em về…

"Bằng ơi, ra ăn cơm". Tiếng bà mẹ gọi từ căn phòng gần bếp. Bằng xỏ chân vào đôi guốc gỗ bước ra. Tiếng guốc gỗ gõ xuống nền gạch nghe bực dọc. Người Huế vẫn còn duy trì thói quen ngồi ăn trên phản, ngồi xếp bằng chung quanh mâm bằng đồng, sau bao năm đánh bóng hoá nên vàng xanh mỏng dính, chữ thọ nổi ở giữa đã bị mòn nhẵn. Lối ăn cơm như níu kéo muốn giữ không khí của thứ dĩ vãng đã phai màu. "Gần Tết rồi con có dạy thêm giờ nào ở trường không?" "Dạ không". Bằng trả lời từ tốn với bà mẹ. Huế là nơi của học thức, người ta chú trọng đến bằng cấp nhiều hơn số tiền, chiếc xe có được. Nhưng gần đến Tết người ta cũng quên chuyện học hành, để bày một vườn bông nhỏ trước cửa chợ Đông Ba, gần Tết để những gã học sinh có cơ hội mang bộ veston đầu đời. Huế sắp Tết với loại mưa bắt đầu nhẹ hạt để các cô con gái có thể mặc chiếc manteau mua từ Sài Gòn trong dịp hè… Người Huế chờ đợi cái Tết

để thay đổi không khí đã sũng ướt qua một mùa mưa ủ dột nên chẳng có loại hy sinh nào tha thiết với chương sử ký nhà Tiền Lê, nhà Tiền Lê thật quá xa với mái tóc bắt đầu để dài xuống gáy, đôi giày mũi vuông lấy kiểu từ tạp chí Sears, Playboy, tạp chí có hình tổng thống Whashington qua sông Delawrue trong y phục hippie. Cả hai lịch sử đều được đồng lòng bỏ qua… Thầy giáo Thân Trọng Bằng cũng được quên đi trong tiết trời lạnh cóng, màn mưa nhẹ hạt, Tết gần đến.

"Không mẹ, trường đã cho học trò đến trường chỉ bàn chuyện liên hoan".

"Rứa khi mô lãnh lương Tết?"

"Con lãnh trước một nửa rồi, chẳng còn lại được bao nhiêu, đâu chỉ khoảng bốn ngàn…"

"Răng lại ít rứa, dạy đến ho lao mà tháng Tết chỉ được chừng nớ thì làm răng chi dụng cho đủ… Công lao ăn học". Bằng cúi xuống chén cơm bỏ đôi đũa, chỉ hai chén cơm nhỏ nhưng Bằng thấy quá đủ. Công lao ăn học mở đầu bài luận thuyết về giá trị bù lại sau hai mươi năm cúi đầu trên sách. Từ những ngày ngây thơ, lớp học thơm mùi mực và phấn bảng, mực tím ngấm qua thớ gỗ áp khuôn mặt trẻ thơ trên mặt bàn hít được vị cay nồng của mùi mực bốc lên qua thớ gỗ, tưởng đến chất nước lỏng sóng sánh thẫm dần theo độ tan của viên mực. Những ngày chờ đợi vào vấn đáp sau lần thi viết được xướng lên, sân trường chen chúc đầu xanh, áo trắng, tên được xướng lên bay vang xa loang trên mặt sông, bên kia bờ sông Hương bức trường thành dội lại. Hai mươi năm ăn học để lại âm thanh mờ mịt của tiền nhân vọng qua núi đồi Hồng Lĩnh. Và những ngày hôm nay, Thân Trọng Bằng ba mươi tuổi, mỗi tuần hai mươi giờ đứng trước bảng đen làm sống lại nét hào hùng của nhà Trần, cho Hưng Đạo Vương đánh giặc trên tấm bảng đen cao thước rưỡi dài bốn thước. Hưng Đạo Vương sống lại ốm yếu khó khăn, trận Vạn Kiếp của tiền nhân dưới viên phấn trắng được vẽ bằng hai mũi tên cong ngược, trong đám học trò có tiếng động thì thào … "ĐM sử địa ăn thua mẹ gì". Thầy giáo Thân Trọng Bằng thương thân và tổ tiên đến nhức nhối.

Bằng qua cây cầu, lên đường Trần Hưng Đạo, nhưng khi bước chân

vào quán cà phê, Bằng đổi ý. Quán đông người, ẩm ướt, mùi cà phê thơm, nhưng cảnh ngồi ở chiếc ghế cao lênh khênh, nhìn mặt cô bán hàng mặt lấm tấm rỗ hoa Bằng thấy nản. Chàng bước thẳng về hướng cửa Thượng Tứ, phía nhà của Quỳnh Như. Qua cổng thành, Bằng khum tay lên mồm hú một tiếng nhỏ. Tiếng hú chạm vào vòm đá vang lại yếu ớt lạnh lùng. Ngày xưa mình hú thật lớn chẳng sợ ai. Bằng thấy thấp thoáng trong màn mưa một chú nhỏ mười tuổi há mồm hét thật lớn để nghe vòm đá vọng lại âm thanh chính mình. Tường đá hôm nay vẫn giữ nguyên độ cứng, chỉ có mình trở nên già, hét to không được. Qua khỏi cổng thành Bằng thấy dễ chịu. Quỳnh Như cùng mẹ và chú em đang bàn cãi sôi nổi:

"Như rứa là vô lý, người ta hoãn quân dịch cả trăm cả ngàn, tại răng con không được, ngày mai mẹ lên thấu trên tỉnh cho mà xem…"

"Nhưng mẹ phải để con đi trình diện, đi lính cứ phải chết liền đâu".

"Sao lại không chết, mẹ đọc báo thấy ngày nào người ta cũng có phân ưu. Toàn là thứ chết trẻ cả, mẹ nuôi con hai mươi mấy năm đâu phải để thành ông Chuẩn uý rồi chết bờ chết bụi đâu trong Nam ngoài Bắc". Tiếng nói của bà mẹ sũng ướt nước mắt. Qua lớp nước mắt đầm đìa, bà tưởng thấy người con trai của bà nằm chết ngơ ngác ở một góc rừng sâu.

Bằng bước vào, bà mẹ quay sang vội vã:

"Đấy anh Bằng thấy đó, nhà chỉ có một mẹ một con, rứa mà người ta đòi gọi thằng Tuấn. Tôi không giàu sang nứt ngói đổ vách chi nhưng cũng dư nuôi nó ăn học đến nơi đến chốn, người ta con đàn con đống lỡ mất một đứa không sao, tui chỉ có mình nó… Rồi hắn còn cản tui, hắn định đi trình diện. Nói thật cho biết, tui làm thẳng tay, pháp luật chi chi cũng kệ".

"Nhưng mẹ để con đi trình diện xem họ quyết định sao".

"Quyết định chi nữa, người ta sẽ túm đầu con nhét vô Thủ Đức, khi đó chỉ còn kêu ông trời, tao đi, tao lên tỉnh tao kêu".

"Mẹ đi đâu, trời mưa, sắp hết giờ làm việc, mẹ kêu với ai… Nhưng trình diện hay không cũng phải sau Tết mới đi, mẹ làm như con sắp

chết đến nơi, cả ngàn người nhập ngũ một lần chớ đâu phải một mình con".

"Mày khác người ta, con người ta đông người ta không kể, tao đứt ruột đẻ ra mày, trầy vi tróc vảy nuôi mày, cả đời mày chưa xa tao một ngày, tao không cho mi đi mô hết, không trình diện không nhập ngũ, mi ở nhà có chi tao chịu…"

Người con trai ra đứng ở ngưỡng cửa, móc túi lấy bao thuốc, bao thuốc Winston nhưng điếu thuốc khác hiệu Capstan hay Cotab. Gã con trai làm ra vẻ bình tĩnh, chán nản, mệt mỏi, hít từng hơi thuốc miễn cưỡng.

"Đó, mi lại bày đặt hút thuốc, hút vào cho ho lao".

Gã con trai không nói, bước vào nhà trong.

"Anh Bằng thấy đó, thằng Tuấn nó đâu có nghe tôi, con với cái cứ cãi lời, cứ đi nhập ngũ rồi chết nhăn răng ra… Cậu có bị gọi không?"

"Dạ, không, cháu được hoãn vì lý do nghề nghiệp".

"Phải đấy, cái thứ lính tráng đi làm chi cho cực thân".

Bằng chợt nhớ lại câu chuyện của Đại đức Trí Không: Anh Chuẩn uý chết sau ngày mãn khoá hai mươi ngày.

"Dạ, bác nói thật phải, con thấy cái chết thật phi lý, chẳng giúp được một ai".

"Chứ răng nữa, bỗng nhiên đi mang cây súng bắn người ta, bị người ta bắn lại chết, thiệt vô lý".

"Dạ, vô lý kỳ cục lắm, hơn nữa chiến tranh cũng sắp hết, thêm một em Tuấn vào tình hình cũng vậy thôi".

"Đó anh nói thế mới phải, nó chỉ quý đối với cha mẹ thôi, còn như chính phủ thì biết thương ai. Nó không hiểu ý tôi cứ nhất định trả lời, trứng mà đòi khôn hơn chi sao được…"

"Dạ". Bằng dạ khó khăn từng tiếng một. Bằng cũng là kẻ khôn ngoan, khôn ngoan chạy một giấy hoãn dịch để ngày ngày đứng trước lớp học, kể lại đoạn sử đầy chấn động của tiếng sóng Bạch Đằng trên phiến não phẳng phiu trơn trợt của năm mươi khuôn mặt trai gái. Sau cái nhìn không cảm giác của năm mươi khuôn mặt học trò này, bằng cảm được cái phán xét cay nghiệt… "Thầy mới lãnh lương hôm nay". Câu hỏi nham nhở đầy âm thanh khô cứng làm Bằng choáng váng. Người học trò đã hỏi Bằng trong cái nhìn lạnh tanh.

Quỳnh Như mặc áo dài màu tím ngoài khoác áo len trắng trông thật dịu hiền. Con gái Huế có hai màu tổng quát, màu trắng khi trời nắng và màu tím lúc trời ủ dột. Hình như người học trò phái nữ nào cũng một lần yêu thích hai màu đó, vì chẳng có người con gái nào mà không muốn mang những dấu hiệu ước lệ về con gái xứ Huế. Nữ sinh Đồng Khánh tóc thề, thích ăn vặt, bánh bèo Tây Thượng, Ngự Bình, suối Trà Am, bánh xe đạp lăn tròn hướng về phía chùa Thuyền Tôn phủ bóng tre xanh. Sinh hoạt đó làm thành cá tính người con gái xứ Huế. Quỳnh Như, một người Huế từ tên tuổi đến dòng họ, nàng lại càng đóng góp tích cực hơn trong định nghĩa chân dung người con gái xứ Huế. Với chiếc áo tím, Quỳnh Như đẹp đẽ âm thầm như con đò buông chèo nằm dưới bóng dâm của rặng cây. Con đò có nỗi xôn xao cuốn hút của nó. Quỳnh Như cũng thế, nỗi cuốn hút riêng nàng biết được. Tay nắm tay, nàng đi với Bằng về phố chính, hướng phòng triển lãm của một hoạ sĩ vừa tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế, và sau đó chắc sẽ về nhà Bằng, nơi có chiếc giường xôn xao của một đại tộc đầy vinh quang. Nỗi mê đắm nàng đã biết qua, đang đợi nàng ở đấy. Nỗi mê đắm cùng lạc thú nàng đã nắm được khi hai hàm răng nghiến chặt trên tấm nệm hoa đỏ dài hai thước. Lạc thú ở sợi tóc rối, mái tóc thề xứ Huế rối rắm cuống quít mịt mờ và cái nhìn mất sắc. Quỳnh Như hai mươi ba tuổi, đã có lễ hỏi, cuối năm thi ra trường Sư phạm, nàng có đủ điều kiện để cho cuốn theo cơn lốc nóng hổi cảm giác trong mịt mù ẩm ướt của xứ Huế. Nhưng cảm giác nóng hổi đó phải được xếp lại, nàng đang đi vào phòng triển lãm phải giữ đúng cung cách của người học trò mang áo tím, để tóc thề, nữ sinh Đồng Khánh phải làm thế trước khi nẩy chiếc mông đầy sức nặng êm đềm của gã thanh niên.

Người hoạ sĩ dù mới ra trường nhưng anh cũng chứng tỏ sự trưởng thành qua các giai đoạn do anh phân định. Giai đoạn của nét vẽ chân phương với màu sắc bềnh bồng trên các tĩnh vật, cảnh núi đồi hay

các người mẫu bình thường nhưng thể hiện được tính chất vũ bão của đời sống, người ta dễ nhận thấy vóc dáng đôi guốc của Vangogh, những trái cây của Cézane, mặc dù những bức hoạ ở đây đã được hoạ sĩ chú thích bằng những đề tài Việt Nam cổ kính, cổ kính hơn những tranh mộc bản hái dừa. Người ta cũng nhận thấy có một cố gắng muốn hiểu đủ, muốn tổng hợp vượt ra khỏi kích thước của trường vẽ, trong cố gắng này rất dễ nhận được đôi cánh thiên thần của bức tranh Đêm Giao Thừa đậm đà phảng phất chiếc cánh của Chagall. Tuy vậy anh hoạ sĩ cũng thành công, không phải ở nét dao phóng đãng mang niềm kiêu hãnh của người làm nghệ thuật, nhưng ở bộ áo quần lệch lạc một cách cố ý, chiếc áo len cao cổ màu đỏ sậm có đường đen vạch ngang, lấm chấm những vết sơn, dấu tích của thời khắc mê mải theo kiếm tìm nghệ thuật. Nhưng quan trọng và đầy đủ đọng trên bộ râu quai nón màu vàng và chiếc píp chạm trổ hình đầu người. Người ta thấy vóc dáng của những đại hoạ sĩ cỡ Vangogh, Buffet ở đâu đây.

"Anh quen với Ngu Cương (biệt hiệu lạ lùng của người hoạ sĩ)". Bằng nói nhỏ vào tai Quỳnh Như.

"Thế hả?" Giọng nói khép nép thảng thốt như vừa khám phá được điều quý giá bí ẩn. Quỳnh Như nép vào sau Bằng, bàn tay khép tà áo lại. Người con gái Huế phải e thẹn, nhất là trước những kẻ phóng đãng nghệ sĩ. Bằng bắt tay Ngu Cương. "A, Lý (tên thật của người hoạ sĩ) tranh mày khá lắm, các "matière" thật vững và linh động".

Đúng là ngôn ngữ sành sỏi của người am hiểu nghệ thuật. Quỳnh Như nép vào lưng Bằng chặt chẽ và kính phục hơn. Đứng sau lưng của một người chồng tương lai thấu triệt hội hoạ là một hành động chứa nhiều tính chất nghệ thuật…

"Thế hả? Cám ơn toa. Toa thích cái nào nhất?" Người nghệ sĩ nói thật nhỏ, ống píp vẫn ngậm chặt giữa hai kẻ răng. Tay người nghệ sĩ đưa lên vuốt hàm râu, cử chỉ khoan thai phảng phất chút đam mê cô đơn!

"Moa thích bức khoả thân số 2, nó mang vẻ bất hạnh âm thầm của thân phận đàn bà, các "gam" xám của toa làm moa nhớ đến Modi!"

Người nghệ sĩ gật đầu, xòe diêm châm ống píp đã tắt lửa. "Xin lỗi

moa phải tiếp ông Giám đốc". Người nghệ sĩ dùng cây quẹt chỉ về cửa, một người đàn ông mặc đồ lớn vừa đi vào. Hoạ sĩ đưa tay úp lên che miệng píp bập bập hơi khói, gật đầu chào Quỳnh Như trước khi bước đi. Tôn Nữ Quỳnh Như ríu rít đáp lại, tiếc thầm sao người hoạ sĩ không ngỏ lời mời nàng làm người mẫu. Quỳnh Như là khuôn mặt đàn bà ám ảnh suốt linh hồn anh. Bằng đã nói thế, người hôn phu có cảm quan nghệ thuật sắc bén đã nói thế, tại sao người nghệ sĩ không chú ý đến nàng? Đôi mắt người nghệ sĩ có vẻ lạ riêng? Quỳnh Như nghĩ đôi mắt đục mà đồng thau của người nghệ sĩ, hình như có một vẻ ngơ ngác hụt hơi!

Hai người rời phòng triển lãm, họ bước đi im lặng. Bằng nghĩ đến câu chuyện nhà sư Trí Không, nửa tháng lương Tết sắp lãnh, tiền đám cưới Quỳnh Như, bức tranh người đàn bà cởi truồng nằm sấp trên nệm. Quỳnh Như nghĩ đến chiếc giường trong căn phòng đầy bóng tối và nỗi mê đắm làm nóng vành tai, chảy giọt mồ hôi ở sợi tóc mai… Bằng ơi. Quỳnh Như liếc qua người hôn phu, sau khuôn mặt bình yên này có ngọn lửa sẽ đốt nàng đi chốc nữa trên giường có tấm nệm đỏ. Trời cuối năm ẩm ướt như cơn mê đắm của Tôn Nữ Quỳnh Như…

Dựa lưng nỗi chết

Chương 4

Chiều cuối năm phủ sương mờ, nắng hanh vàng đỏ, rét ngọt có hình khối đọng li ti trên đá, châm chích nỗi bồn chồn vô hình nghi ngút bay lên cao. Thuấn châm điếu thuốc thở ra vòng khói khó khăn, nhịp tim nặng nề váng vất. Bàn rượu im lìm thiếu vắng không khí ồn ào khi cơn men bốc lên dưới lớp áo lính. Chiều cuối năm thoi thóp như chút nắng cố váng lên sau lớp sương dày đặc. Uống nữa chứ anh em, ngồi nhìn nhau hoài như thế này sao? Thuấn nắm cổ chai rượu lên rót một chút vào chiếc ly, cợn nước đá màu vàng loãng trên lượng rượu phôi pha. Có những bàn tay hờ hững đun ly vào giữa bàn. Lạc dùng mũi giày di chiếc ly đi ngúc ngắc, hai tay vẫn gối sau gáy, người ngửa trên thành ghế…

"Trời rét thế này làm tôi nhớ hồi nhỏ".

"Nhỏ của ông ra làm sao?" Thuấn hỏi sau hớp rượu, chất cay làm hai lông mày nhíu lại, tia nắng chiếu thẳng lên mắt, đôi mắt loáng nước như sắp khóc.

"Thì cũng vậy thôi, tôi ở nhà quê, chiều cuối năm mới được dẫn đi chợ huyện mua áo mới, mẹ tôi bảo mua thế để được rẻ hơn, áo vải chúc bâu cứng ngắc, dép da trâu bó vào chân như vòng sắt, các ông ở thành phố không biết được mùi vị Tết thôn quê, nói ra các ông cũng không hiểu được".

"Sao không, Tết tôi về quê ngoại nên cũng biết được không khí váng vất thần bí của ngày Tết nhà quê, mỗi lần đi qua cây nêu tôi không dám nhìn thẳng, cứ tưởng như có con ma từ trên ngọn đang theo dõi". Được đà, Thuấn ngồi thẳng dậy tiếp tục câu chuyện.

"Quê ngoại ông ở đâu?" Lạc hỏi.

"Quảng Yên, phải đi tàu từ Hải Phòng về, mỗi lần bước xuống tàu người tôi cứ choáng váng vì mùi ẩm mốc của gạo, tàu đi theo sông ban đêm, bềnh bồng chóng mặt, chẳng biết đường lối ra làm sao. Sáng mai lại phải một phen lội bộ qua cánh đồng nứt nẻ, cây bàng trụi lá và làng ngoại mỗi năm hình như càng nhỏ lại. Mười tuổi, tôi về lần chót. Nhớ được như thế là giỏi rồi".

"Tôi thì suốt đời ở nhà quê, lên đến chợ huyện là xa nhất, hôm có ông cậu ở Nam Định về tôi cứ xoay quanh để nhìn, nghĩ người thành phố khác kẻ nông dân. Chỉ có mỗi điếu thuốc lá vấn sẵn cũng đủ làm tôi kinh ngạc".

"Ở quê tôi, dưới Mỹ Tho, đến gần Tết thì sòng bạc mở tùm lum. Thiếu uý Nghĩa, Trung đội trưởng của Thuấn góp vào câu chuyện".

"Miền Nam không có không khí ray rứt của những ngày gần Tết như thế này, trời nóng bỏ mẹ". Thuấn quay qua Nghĩa lấy điếu thuốc, câu nói được ngắt nửa chừng để châm lửa.

"Có chứ Đại uý, buổi sáng cũng lạnh lạnh và sương mù, mỗi khi đi bắc qua Kiến Hoà, bờ bên kia không thấy…"

"Sương thì có nhưng lạnh thì không, mát là khá lắm rồi, lạnh phải nói Đà Lạt. Nói chuyện Đà Lạt tôi nhớ lúc ở trong trường, buổi sáng mồng Một, thắng bộ đàng hoàng, tám giờ trời mù cách năm thước không thấy mặt, còn sớm xe đò chưa chạy, tôi đi bộ từ trường ra phố sáu cây số đường đồi. Các ông biết đấy, thành phố Đà Lạt vốn dậy muộn, lại buổi sáng mồng Một, ngoài đường không một ai, tôi đi như con ma chết đói. Rồi đến phố chính đứng ở bờ hồ Xuân Hương thấy tủi thân muốn nhảy xuống hồ chết luôn".

"Lúc ấy ông cũng ấm ớ nhỉ, nhưng ra phố làm gì sớm thế…"

"Đâu biết, đổi gác xong lúc sáu giờ. Ngủ tiếp không được, tôi lại vừa mới lớn, trời mù như thúc giục, ngày Tết đắm đuối nhức nhối, vừa được lên năm thứ hai có phần tự do hơn, dù chẳng có gì ngoài phố để đi đến… Đó như là buồn rồi ta đi lang thang".

"Đại uý không kéo ông Minh đi cùng?"

"Lúc đó ông Minh là khoá đàn em. Nghĩ lại cảnh một mình đứng trên bờ hồ buổi sáng mồng Một Tết thấy mình quả thật điên".

"Rồi sau đó ông làm gì?" Lạc khề khà tra hỏi.

"Tôi lên đập cửa một khách sạn tìm con đĩ quen. Mày nhớ khách sạn Thanh… gì đó Minh, nơi gần nhà thờ Tin Lành".

"Thanh Tùng, chỗ đó dơ bỏ mẹ".

"Biết là dơ nhưng chỉ nơi đó mới mở cửa, tôi đã nói cả thành phố vắng hoe. Tông cửa bước vào thằng cha gác chưng hửng. Nó lẩm bẩm mới tám giờ ngày mồng Một đã đi chơi. Đánh tân niên mà ông nội. Tôi vừa nói vừa chạy vào phòng con đĩ, cởi áo quần chui vào nệm một lúc lâu mới hoàn hồn. Các ông biết con đĩ nó làm sao không?"

"Không". Bốn cái mồm cùng đáp một lúc.

"Các ông không tưởng tượng nổi, thấy tôi chạy vào, mặt mày tái xanh vì lạnh, em ngồi dậy pha trà, lấy mứt ra đãi, mở thêm chai rượu".

"Xong rồi đánh tân niên?" Lạc hỏi với giọng nôn nóng.

"Đếch phải, em ôm tôi khóc mùi mẫn".

"Khóc?" Mấy cái mồm cùng há một lần vì kinh ngạc.

"Chứ sao, em tủi thân, đầu xuân không nhà, không gia đình, nằm queo một mình trong chiếc phòng lạnh cóng hoạ là thánh mới chịu nổi. Đĩ cũng là người chớ mấy ông, cái lá của em nó nhão, nhưng em cũng còn một chút người. Lại còn trái tim nữa, người khác chó cái chỗ ấy. Các ông bây giờ bắt phải sống một mình trong khoảng thời gian đó trong căn phòng trọ tối om có chịu nổi không, huống gì nó là con gái đàn bà. Mấy phút đứng trước khi đứng trên bờ hồ bốc khói tôi đã có ý muốn bay xuống cho chết luôn. Người ta tự tử không phải vì buồn chán quá đáng gì, nhưng vì không chịu nổi một khoảnh khắc nào đó thôi. Buổi sáng đó tôi thấy giữa sống và chết không có bao nhiêu khoảng cách".

"Kể tiếp chuyện con đĩ, đừng luận về sống chết nữa quan ba". Minh im lặng từ lâu bây giờ mới lên tiếng.

"A, con bé tên Thảo Ly".

"Con mập mập bồ ông Ái chứ gì".

"Ừ, sao ông biết, lúc ấy ông là khoá đàn em thấy tụi tôi là lủi như chồn, làm sao biết vụ ông Ái?"

"Thì ông Ái chung đại đội tôi, lúc đi chơi bời về các ông kể oang oang trong phòng tắm ai chẳng nghe, ông Ái cứ xem như làm được thành tích lớn. C… Được đĩ mê cũng láo".

"Chứ sao mầy, với cái mác sinh viên sĩ quan, tụi mày chỉ tán tỉnh được mấy em nữ sinh vớ vẩn loại hoa pensée tím, alfa đỏ ấm ớ, làm cho một con đĩ dạn dày mê đâu phải dễ".

"Không phải dễ hay khó, nhưng tôi thấy kỳ cục".

"Kỳ cục mẹ gì, để tôi kể tiếp, em khóc một hồi với tôi xong mới tâm

sự, em chẳng phải Thảo Ly, Ly Ly gì hết. Em tên là Nguyễn Thị Lý, khởi nghiệp bán chè đậu dưới Sóc Trăng, Sa Đéc, em bị thằng bồ thợ may xâu kim xong nó de, nhưng em cũng chẳng buồn gì, thế là đi giang hồ luôn. Nhưng em cũng lãng mạn ra phết, đầu tiên em lấy hiệu là Thảo Ly, nghe cũng long lanh phải không các ông. Phiêu bạt giang hồ khắp bốn vùng chiến thuật, nằm ngửa dọc hết nửa nước Việt Nam, từng hành nghề thấu Đà Nẵng, Nha Trang, sự nghiệp giang hồ cái lá của em như thế cũng nặng ký!"

"Em xui rồi, vác đồ nghề ra Đà Nẵng làm sao sống được. Đà Nẵng là nơi địa linh nhơn kiệt, đĩ ở đó hung hãn hơn ở Sài Gòn". Anh Trung uý mặt mụn của Đại đội chỉ huy nhận xét một câu.

"Đúng thế, nên em mới lên Đà Lạt, em tâm sự với tôi là em yêu ông Ái thật tình nhưng là một tình yêu vô vọng. Buổi sáng hôm nay tôi gặp tôi em cảm động và thương tôi vô cùng!"

"Xong rồi, và em đãi ông buổi điểm tâm đầu năm".

"Đâu có phàm tục thế ông". Thuấn cười với Lạc. "Nói ra các ông bảo xạo, nhưng thật sự lúc đó tôi cũng cảm động lắm!"

Cả bàn rượu cười ngả nghiêng, những cái tay đập rầm rầm trên mặt bàn gỗ tạp. Uống, cho tôi chút nữa. Uống để nghe chuyện tình của quan ba. Trời đất ơi, ông Thuấn ơi, hết còn ai nên ông yêu em Thảo Ly đã có hai năm nằm ngửa. Thuấn nốc thêm hớp rượu mặt đỏ bừng, hai tai nóng nảy run rẩy, Thuấn thấy lại căn phòng sơn màu lục tanh tanh, khung cửa sổ vàng bẩn, trời mù sương lạnh cóng bên ngoài của buổi sáng mùng Một Tết Đà Lạt. Thuấn đi đứng khó khăn, tiếng khóc nấc, khuôn mặt đầm đìa nước mắt, phấn son loang lổ đã mất đi, cô gái đi đến chiếc lavabo cúi xuống lau sạch mặt. Không còn những nét căng cứng gây gổ của một gái điếm biết mình còn xuân sắc, không còn vẻ nặng nề đẫm ướt dục tình chai đá của một gái chơi sau hai năm lăn lóc trên trăm phòng trên ngàn chiếc giường dưới sức nặng của ngàn kẻ đàn ông để hứng lấy những phút giây dục vọng nhơ nhớp ẩm ướt. Chỉ còn trước mặt Thuấn một tiếng khóc. Tiếng khóc thật của trái tim mười chín tuổi, trái tim ngây thơ với chút nhiệt tình thoi thóp rơi rớt lại sau đoạn đời gió bão, sau hai năm

nằm tênh hênh phơi bày phần cơ thể u ám thâm thẫm tội lỗi trước hàng ngàn con mắt bốc men ham muốn. Thuấn mới hai mươi tuổi, mười lăm phút trước khi đứng trên bờ hồ trong sương vắng, điếu thuốc ở môi và toàn thân lạnh cóng. Thuấn đã thấy được trên những ngón tay băng giá một cảm giác gai rét nhức nhối hơn của sự chết. Thuấn đã cảm thấy hình khối của cô đơn lạc lõng. Người lạc ở rừng sâu hay sa mạc nhưng vẫn phấn đấu để sống nếu nghĩ đến một chờ đợi âu lo nào đó đang hướng đến. Ở đây Thuấn bị bao vây bởi khoảng sương đặc cứng và niềm trống vắng bao la trong trí não. Cô đơn không còn là trạng thái cảm thấy nhưng là hoàn cảnh triền miên trong đó con người lơ lửng đau đớn và tuyệt vọng. Mới mười lăm phút trước Thuấn đã sống giây phút ngất ngư tuyệt vọng đó nên giọt nước mắt trên khuôn mặt ngây ngô héo úa này làm Thuấn xúc động. Khóc đi em, khóc hộ cho anh một phần nữa, khóc như đặc ân khốn nạn cuộc đời để dành lại cho em. Thuấn bước tới xòe hai tay đỡ lấy khuôn mặt ủ dột. Tội cho em. Chút thành thật trong hơi men ngây ngất mở rộng hai bàn tay. Thuấn ôm lấy hình hài phiền nhiễu u ám nhưng cũng tội nghiệp vô cùng. "Uống nữa nghe anh". "Ừ". Hơi rượu Rhum nội hoá làm Thuấn dật dờ. "Em uống nữa chứ!" "Dạ". Lượng rượu được chuyển theo nụ hôn sôi nóng giữa hai đôi môi lạnh lùng. "Dạ, em sẽ ở với anh cho đến khi anh vào trường". Cánh cửa đóng lại, trên chiếc giường vải sa tanh trơn trợt loang lổ những dấu vết của các trận tình bẩn thỉu, phần không khí lạnh buốt bên ngoài, hai năm chuyển động trên vòng xoay ngấu nghiến nặng nề, tất cả được đẩy ra khỏi khung cửa. Đóng thật chặt ổ khoá, sáng mùng Một Tết, Thuấn hai mươi tuổi và người tình thảm thương ngắn hạn ôm ấp siết chặt trăn trở đắm đuối cùng nhau trong ngây ngất của men rượu đắng và dục vọng đau cứng tội nghiệp. "Uống không?" "Uống". "Thương không?" "Thương". "Lấy nhau nhé?" "Ừ". "Hôn cái nữa đi…" "Ha ha, lăn xuống, em nặng quá, mấy…"

"Sao ngồi thừ vậy ông, nhớ người yêu dĩ vãng hả? Kể tiếp đi, chuyện em Thảo Ly Nguyễn Thị Lý".

"Xong rồi, chuyện chỉ có thế".

"Đâu được, ông chưa kể có làm ăn hay không".

"Chuyện đó thường quá, có chứ, không, hoạ tôi là thánh".

"Giết nhau cũng như thường".

"Không, em chủ động, em "xay cà phê" tưng bừng".

"Đấy, ít ra là thế, rồi ông có trả tiền không?"

"Không".

"Em biếu không làm quà văn nghệ?"

"Không phải, thằng cha chủ khách sạn vì dị đoan muốn giữ sạch sẽ trong ngày mùng Một để lấy hên nên cấm các em tiếp khách, tôi nằm đến trưa không đi lão cho người đến mách với toán tuần tiễu nhà trường".

"Ông bị bắt?"

"Sức mấy, nghe tiếng xe Jeep của Quân cảnh dưới đường tôi dọt gấp, khách sạn dựa lưng vào đồi, tôi băng ngã sau chạy thoát, áo quần ôm ở tay, buổi trưa trời Đà Lạt vẫn còn lạnh, nằm buổi sáng trong phòng ấm nên khi chạy ra ngoài người muốn gãy luôn, hơn nữa bị em xay kỹ quá, bố tôi cũng không chịu nổi. Tôi chạy một mạch đến Công chánh hay Điền địa gì đấy, đứng lại mặc quần áo nhìn vào cửa sổ thấy thiên hạ tụ tập cười nói bỗng thương tiếc em bé hết sức.

"Như vậy số ông hên rồi, đầu năm được gái yêu suốt năm ông phát mả ái tình".

"Đâu có đẹp như bạn nghĩ, vì khi chạy hoảng quá bỏ cái mũ ở phòng em bé, tụi Quân cảnh lấy được đem về trình Thiếu tá Liên đoàn trưởng".

"Kết quả ra sao?" Nhiều giọng nôn nóng hỏi tới tấp.

Thuấn cười khẩy. Kết quả sơ khởi: tối đó ba lô súng đạn hai lớp đi trình diện dã chiến. Tối mùng Một Tết trời Đà Lạt lạnh 11 độ, tôi bị phạt đến độ mồ hôi tuôn ướt đẫm chiếc áo sũng nước. Tiên sư thằng sinh viên khoá đàn anh nó xem như tôi ngủ với đĩ làm lây bịnh lậu cho cả họ nhà nó, nó quát tháo đay nghiến sau mỗi hình phạt làm tôi nghĩ như vừa đem bán hết cả súng đạn cho Việt cộng. Các ông biết

nó mắng tôi làm sao không. Anh là loại sinh viên sĩ quan vô tư cách, anh làm nhục đoàn thể, anh bôi xấu lên danh dự nhà trường và quân đội!

"C… làm như quân đội là chủng viện giáo hoàng không bằng". Lạc bĩu môi xì một câu chát chúa.

"Ấy thế mới nhảm, cái mặt nó tôi còn lạ gì, Chủ nhật nào cũng chui rúc ở mấy cái nhà chứa, được cái tiện vì là khoá đàn anh nên có quyền mặc thường phục, nó làm như mặc đồ lính không có quyền ngửi hơi đàn bà".

"Ông có phản kháng gì không?"

"Phản kháng gì, nó là sinh viên trực Liên đoàn tức là quyền Liên đoàn trưởng. Hơn nữa lỗi mình rành rành ra đó, phản kháng sao được. Tôi nhớ tên nó, cái gì Trân đó, ĐM… mặt chuột kẹp đi giựt giựt như con gà bị dịch… Minh, mày biết thằng chó Trân đó không?"

"Phan Thanh Trân, hình như đến giờ này nó vẫn còn làm huấn luyện viên trong trường kể từ ngày mãn khoá".

"Đúng rồi, hôm nó về duyệt binh Quốc khánh tao đã muốn đánh bỏ mẹ, cỡ ấy tao ho một cái cũng đái trong quần, nhưng hôm đó có ông Quyền ở Tiểu đoàn 11 nên tao không dám".

"Sao vậy Đại uý?" Trung uý Nghĩa mở đôi mắt ra hỏi.

"Ông Quyền là thủ khoa khoá ấy, ra trường đi Nhảy dù, chính vì vậy tụi tôi mới bắt chước… Đấy, người có bản lĩnh thực chẳng bao giờ làm dáng, chỉ có tụi cắc ké, can đảm bằng đầu tàn thuốc mới hay hậm hẹ… Tối ấy, tôi bị phạt đến nỗi tưởng như núi đè lên người, thở không nổi. Từ đó tôi mặc cảm với những thằng mặt chuột kẹp, nước da tái thẩm, dân thủ dâm thường thường độc ác kinh khiếp, tụi nó có máu bạo ngược trong người, không hiểu có sung sướng gì khi phạt người khác đến ngất ngư".

"Tối ông Thuấn bị phạt cả bốn doanh trại đều náo động". Minh tiếp theo. "Tụi tôi lúc đó còn là khoá em út. Trường có ba khoá, khi nào khoá ông Thuấn bị phạt, chúng tôi không được quyền nhìn nhưng tối

đó mọi người dồn ra các cửa sổ trông xuống khu sân cỏ để nhìn xem cảnh ông Thuấn bị phạt. Bốn dãy doanh trại gần hai trăm căn phòng chen chúc đầu người im lặng nhìn ông Thuấn bò từ cổng trường vào đến nhà ăn. Hôm đó sao không ngất thật là hay, tụi tôi phục ông hết mình".

"Ngất đâu được, tự nhiên tôi cắn răng tự hứa mình phải tỉnh táo để làm hết hình phạt, nó chỉ cốt làm mình xỉu, ngất là đúng ý nó… Các ông biết, từ cổng trường tôi đến nhà ăn dài gần một cây số, giữa bãi cỏ, hai bên lối đi trải nhựa. Lượt bò ra nó bắt tôi bò trên cỏ, trời lạnh, mưa phùn, cỏ ướt nhẹp sâm sấp bùn, tôi như dính trong đống keo. Lâu lâu thằng Trân lấy chân đè lên chiếc ba lô nếu tôi ngỏng người khỏi mặt đất! ĐM… tôi chưa thấy cảnh nào tàn nhẫn hơn trong suốt hai mươi mấy năm ở đời. Chưa hết, khi trở lại nó bắt tôi bò trên đường nhựa, các ông thấy, áo quần lúc ấy đã bị ướt dính chặt vào người bò len đường nhựa vụn đá nhỏ dính vào, bào lên da đau như bị đinh châm".

"Sao nó đối xử với ông tàn tệ như thế, hơn Tây lúc trước đối với tù binh!" Lạc nhíu hai lông mày, người lính già nhìn sĩ quan trẻ tuổi đè cơn giận xuống để kể lại câu chuyện với giọng bình thản.

"Tôi biết nó ức, chỉ đợi tôi tỏ ý khuất phục, yếu đuối là sẽ tha. Nó muốn hơn tôi, nhưng bất cần, nghe lệnh phạt tôi dửng dưng làm ngay không chút e dè, hai cánh tay và đầu gối, phần da bụng nóng rát rươm rướm máu đỏ. Máu, mồ hôi, nước mưa thấm trên chiếc áo lót có màu hồng… Về phòng nhìn chiếc áo đột nhiên tất cả giận dữ lắng mất, trước đó khi đang bị phạt tôi muốn đứng lên bắn nó một viên… Nhưng nhìn máu mình thấm trên chiếc áo, tự nhiên cảm thấy có chút hân hoan kiêu hãnh. Đúng là chứng bạo ngược tinh thần thấy rõ mình trong đau đớn, ĐM… khoá thằng Minh có đứa lén qua phòng nhìn thân thể tôi và chiếc áo phát khóc, thằng Lô và thằng Mễ xúi tôi đánh thằng Trân đó nhưng tôi không đánh".

"Ông Đại uý Lộ và Thiếu tá Mễ ở Tiểu đoàn 5?"

"Ừ, hai ông ấy đó, tôi nghĩ mình thi hành lệnh phạt để chứng tỏ không ngán sự đau đớn chứ tôi sợ chó gì thằng Trân đó dù khi bò dưới chân nó".

"Giá của một buổi sáng với em điếm nặng thật". Lạc gật gật cái đầu phê bình.

"Ừ, làm như máu tôi chảy ra rửa sạch hết vi trùng đi từ em bé lên uy tín đoàn thể sinh viên sĩ quan, nhưng chưa hết, sau đó tôi còn ra hội đồng kỷ luật, ở lại một năm xuống học với khoá ông Minh".

"Đau thật!"

"Cũng chẳng đau gì, tôi ở lại, một năm ở nhà tà tà, trốn học đọc sách, cuối năm cũng thành ông Thiếu uý như ai. Đời có cái hên, nếu ra trường khoá trước thì tôi cũng đi Biệt kích. Tôi khoái loại lính này vì vấn đề trách nhiệm với thuộc cấp nhẹ hơn, làm Đại đội trưởng ngại cảnh đụng trận về, vợ con lính tử trận đến khóc ở văn phòng, nghe tiếng khóc đó tôi chịu không nổi".

"Làm chỉ huy phải chấp nhận chuyện ấy, không thoát được. Nghe thân nhân lính khóc cứ tưởng như họ đòi nợ mình". Lạc xác nhận.

Minh cãi lại:

"Mấy ông nghĩ quá đáng, đụng trận thì phải mất mát, tôi chỉ thấy khó chịu khi mình mất vô ích như bị mìn bị chông v.v. Nếu thắng lớn thì huề".

"Mày học cái điều này ở đâu vậy?" Thuấn không che giấu sự bất bình, đôi mắt sau hơi rượu long lanh nỗi tức giận không giấu.

"Ở đâu? Lần đầu thì thấy khó chịu, sau hơi quen, tôi không phải cứng rắn gì đến nỗi không xúc động khi lính mình chết, nhưng nhỡ mình chết thì sao, cũng thế thôi. Vì thế đánh cốt thắng, thắng sẽ làm nhẹ đi chuyện mất mát…"

"ĐM… cãi với mày làm gì, con trai còn Trung uý, con trai cần thắng để lên Đại uý. Đại uý thắng để bắt Tiểu đoàn phó… Thôi, tao chối loại vinh quang này".

"Anh bảo tôi giản dị vậy được sao?"

"Bỏ chữ "anh" đi, đừng quan trọng hoá lời tao, nếu mày nghĩ lời tao

không đúng thì thôi, tao chỉ nói thật ý nghĩ, sai thì bỏ có chó gì phải lên giọng kinh thế. Mày thấy lính già này", Thuấn đưa điếu thuốc chỉ Lạc. "Ông ta cũng tha thiết với cái lon lắm chứ, mười tám năm lính có khá gì được đâu, thế nhưng ông Lạc cũng đồng ý với tao cơ mà".

"Ông Lạc đồng ý với anh theo ý khác, ông ta chỉ cần thủ kỹ, giờ này Trung uý hay Trung tướng đối với ông ấy cũng thế thôi".

"Thế sao được em". Lạc ghìm giọng xuống phủ lên đó hơi rượu và nỗi chắc chắn của kinh nghiệm. "Trung tướng khác xa Trung uý, tao ở lính lâu lại càng hiểu rõ giá trị của cấp bậc hơn ai hết. Thuở xưa đóng cái lon cai lên vai sếp thấy mình như trở thành một người mới mẻ, quyền thế. Tao ở lính lâu năm mới hiểu được nỗi ao ước của anh Trung sĩ để thành Thượng sĩ, Chuẩn uý lên Thiếu uý. Giữa những cấp bậc đó có những nấc thang rõ ràng. Chuẩn uý không được vào câu lạc bộ sĩ quan, nhưng Thiếu uý thì khác. Câu lạc bộ sĩ quan đời Tây làm tao thèm thuồng, đi qua đi lại hoài, chỉ tưởng tượng được ngồi vào trong cái ghế da đỏ có thằng bồi sénégallai mang đến một ly pernord tao cũng ngây ngất lạnh dọc xương sống. Tao là Thượng sĩ nổi tiếng, tụi sĩ quan Tây mới ra trường cố xin cho được tao về làm Trung đội phó, nhưng vẫn thấy quá xa cách với một anh sĩ quan mặt mũi non choẹt hiên ngang đi vào câu lạc bộ đá vào cánh cửa bật… Chỉ có cái đá vào cánh cửa đó cũng gây trong tao sự kính nể thực sự nên khi đứng nghiêm trình diện Trung đội cho nó, À vos ordrês mon Lieutenant tao nói thật thành kính, trong khi nếu bỏ cái lon, tao có thể xách tai bợp nó năm ba cái như không… Đấy mày thấy, tao đã nếm rõ cái vụ lon lá hơn ai hết, lên sĩ quan được vào chơi ở bordel dành cho sĩ quan. Mày tưởng tượng tụi nó đang đô hộ Việt Nam, nhưng mình lại nằm sấp trên mình đàn bà nhà nó chi bằng leo lên cái tháp Effeil đái xuống! Egalité ở đâu không thấy chứ tao cảm thấy mấy cặp mắt xanh lè kia dựng lên ngất ngư là khoái chí rồi. Tụi mày thấy Mẽo dẫn điếm Việt Nam đi chơi thì khó chịu, huống gì nếu một em da trắng tóc dài con nhà quý phái, con cựu bộ trưởng, chủ tịch, giám đốc cặp kè với một anh đen như botte de saut thì chúng mày điên tiết là cái chắc. Đằng này cũng vậy, trước mặt mấy anh Jean, Henri, mày đè lên một em đầm da trắng tóc vàng, em tóc vàng như Brigitte Bardot, em tóc vàng cựa quậy ưỡn ẹo oh! oh!… cheri! ha! ha! Anh Việt Nam răng hô mũi tẹt da vàng xì nhún nảy vò cái lá cờ quan tài cũng không còn đau hơn nữa… ĐM… cứ xảy ra đánh nhau ở bordel là vậy. Mấy thằng lính Việt Nam mất dạy nhất

định thọi đầm, dù có hôi nách, tàn nhang rụng lông gì cũng được, trái pome thối vẫn lạ hơn trái ổi, beef steak cứng như đá vẫn làm dân Annam khoái hơn thịt bò lúc lắc … ĐM… đi thì em nào cũng chỉ mười em trở lên, thế nên cứ đứa nào cho nó pourboir nhiều là ok. Tiên sư mất năm chục được cởi quần bà đầm Antoinette trước mặt lính Tây còn muốn gì nữa".

"Thôi ông ơi! Đang luận về công danh ông xoay qua mục ăn chọi là thế nào". Minh ngắt lời.

"Thì như tôi đã nói, chính những cảnh ăn chọi hào hứng như thế mới làm tôi hăng hái đánh giặc giựt giải, đời Tây đeo cấp bậc trên dưới mười năm là chuyện thường, thế mà tôi chỉ trong ba năm từ cai lên đến Thượng sĩ là vô địch, tiếc là lúc Tây về nước mới mon men đến Thượng sĩ nhất. Le plus jêun adjudant de l'armée. ĐM… thằng Thiếu tá Bgiard đã nói với tôi như thế".

"Bgiard là thằng nào?"

"Là Tiểu đoàn trưởng Tème BPC, tức là Tiểu đoàn 6 Thuộc địa, thứ này hách hơn Tiểu đoàn Nhảy dù Việt Nam… Tôi thèm thuồng đến nhức tim, tìm đủ cách để bắt thêm huy chương để đủ điểm lên cấp bậc, hơn ai hết tôi biết điều đó. Đến hôm nay cũng thế, tôi phải lên Đại uý, tôi cần điều đó hơn ông, lên Đại uý chuyển ngành làm sĩ quan tiếp liệu Sư đoàn nhàn hơn, có chút tài lợi. Đại đội trưởng tác chiến ăn cái gì đây, palm tôi có 6 cái, lục quân huân chương có rồi… Tôi muốn gì nữa, không lẽ làm Lữ đoàn trưởng? Đấy, tôi biết tôi phải làm những gì cần thiết. Tôi cần lên Đại uý hơn ông, nhưng tôi cân nhắc so sánh, tôi không tapi ẩu, sức mấy để đại đội bị mẻ vô ích, cái gì tôi cũng làm được nhưng liều thì không. Liều, việc đầu tiên là giết mình trước, mình mà chết thì còn gì để nói nữa".

"Đúng! Đúng!" Thuấn hét lên, lính già mở miệng như cóc cắn, nó nói là bằng beefsteak, mù tạt, xì dầu, nước mắm, huy chương đồng, huy chương vàng của mười tám năm un đúc nên, em cãi lại thế nào được. Minh con ơi! Mày mới hai mươi bốn tuổi hai tháng, mày có thông minh tài giỏi thế nào cũng không bằng thằng mười tám năm lính, kinh nghiệm là cái sờ bằng tay, ngửi bằng mũi, kinh nghiệm có chiều cao, chiều dài, và kinh nghiệm nhà binh là nhất, nó như cái nón sắt trên đầu, nó đè đầu mày xuống, nó bóp máu mày lại, nó làm gãy

cổ cứng người nhưng không có thì chết, chết nghe con trai… Hà hà, luận tiếp nữa đi Lạc già năm cùng tháng tận, giờ phút thiêng liêng ông bà tổ tiên về đâu đây, nói đi cai Lạc, lời ông tôi chịu hết cỡ, truyền lại kinh nghiệm xương máu cho đàn em. Thuấn đưa ly rượu lên môi, mọi người bắt chước, những cái ly để xuống mặt bàn gồm những thùng lựu đạn xếp vào nhau, sau những tiếng lạch cạch im lặng đè xuống như bóng núi đè xuống phần chân trời.

"Thế ông đi lính để làm gì?" Minh hỏi qua phía Thuấn.

"Tôi à, cái mục tiêu của tôi lạ lắm, đôi khi tôi cũng chẳng biết trong lòng muốn điều gì, tôi đặt những mục tiêu và bắt buộc phải đạt cho kỳ được, tạo ra khó khăn để bắt tự thân gánh chịu… Trước kia tôi không rõ, nhưng sau này càng ngày như thấy mình trong suốt. Tôi có cảm giác thấy được ruột gan phèo phổi của chính thân mình. Có những câu nói bình thường nhưng tôi biết xuất phát từ đâu và định hướng vào mục tiêu che giấu kín đáo nào đó, thấy được thế và đồng thời cũng hết thú vị vì không đánh lừa được mình nữa…"

"Ông nói nghe rắc rối bỏ mẹ". Lạc gật gật đầu.

"Tôi không chối, tôi tự mình gây nên chuyện rắc rối và chui đầu vào đó. Hình như trong khốn đốn nghiệt ngã tôi tìm được thú vị… ĐM… ĐM… nói theo kiểu chữ nghĩa đúng là bạo dâm tinh thần".

"Ví dụ?"

"Nhiều lắm, uống cái đã rồi luận tiếp. Này nhé, thuở bé tôi là thằng học dốt, tôi học dốt kinh khủng, chẳng hiểu sao lời giảng tai này chạy sang tai kia, trí óc trơn như thỏi xà phòng chẳng đọng được chút cát bụi mơ hồ nào trên đó. Và nếu hiểu rằng sự học dốt là thiếu thông minh hay không chuyên cần thì thật khoẻ, đằng này, tôi không chịu mình là loại người tầm thường, thiếu cố gắng. Tôi tự cho mình là phi thường, cỡ người có trí thông minh sắc bén, rõ hơn là thiên tài… Thiên tài, tôi chẳng bất tài chỗ nào, nhưng lòng cứ tưởng như thế, thế là tôi đặt ra những mục tiêu, những điều lệ, những tiêu chuẩn để chứng tỏ sự thông minh ngoại khổ của mình. Tôi sửa soạn mài nhọn giác quan để rình rập từng cử chỉ sơ hở của bạn đồng lớp, trẻ con nào chẳng ngờ nghệch ngây thơ thiên bẩm, khi linh hồn chưa phải phấn đấu, thế nên tôi dồn hết năng lực để nói những câu khôi hài

lạnh tái người, câu móc họng làm đắng cổ kẻ đối thoại. Tôi che giấu sự kém cỏi học dốt của mình bằng lớp sơn khôi hài phóng khoáng. Lâu ngày thành thói quen, tôi nhạy cảm đến mức bệnh hoạn. Năm mười ba tuổi học đến bài khoa học về khí ammoniac, tôi lấy liền danh từ đó để biến thành một tĩnh từ, chỉ sự xấu xa nhơ nhớp cùng cực. Bằng hết cả khôn ngoan, tôi phổ biến và tập cho lũ bạn chấp thuận ý nghĩ của mới của danh từ. Một cô bạn phải bỏ học vì không chịu nổi sự trêu chọc khi tôi chọn cô ta làm đối tượng đầu tiên cho "tĩnh từ" đó. Khổ một điểm, tụi bạn học cùng lớp đều đồng ý gọi tôi là "thiên tài khôi hài", chúng nó gọi thật lòng và nồng nhiệt, và vì thế, bao nhiêu suy nghĩ chỉ hướng về sự tìm tòi những chữ mới, những danh hiệu nực cười, tôi rình rập đám đông để kiếm nét khôi hài của họ… Sự mệt nhọc ấy kéo dài cho đến ngày khôn lớn".

"Ông kể cái gì rõ nhất và gần đây hơn để thiên hạ hiểu rõ, chứ chuyện đời xưa lâu quá đâu ai biết…"

"Chuyện thì phải có đầu đuôi, phải kể lúc nhỏ rồi qua tuổi lớn mới có mạch lạc. Để tôi kể tiếp, như vụ bà cụ tôi, phải nói tình mẹ con giữa tôi và bà già vượt khỏi mức tầm thường. Ông cụ tôi ở lại ngoài Hải Phòng, gia đình tôi vì lần lữa mãi nên vào Nam bằng chuyến tàu chót. Tàu lớn ngoài khơi phải đi mảng ra đón mới được, tỷ như cảnh trong hình cái tem di cư. Tàu chúng tôi đến Đà Nẵng, ở trại định cư bằng lều nhà binh trên cát mỗi ngày được 6 đồng và ổ bánh mì. Thiếu thốn, cực khổ, đói và rét, trời dịp đó gần Tết, mưa và gió thổi qua cánh đồng vắng, trại đóng sát bờ biển, chúng tôi ngủ trên đất, gió thổi xông hơi nước mặn chát ở trên da. Nhưng trong hoàn cảnh ấy, bà cụ làm việc đầu tiên là xin cho tôi vào học trường công thị xã… Các ông thấy đấy, bà cụ già nghèo khổ xin được cho con mình vào học trước khi nhà trường xét đến lớp con của công chức và quân nhân di cư. Tưởng cảnh một bà già áo sũng nước mưa, bụng đói cố vịn từng cây phượng băng qua khu trường học mông mênh để đến văn phòng hiệu trưởng năn nỉ ông này nhận con mình vào học, mẹ tôi gục ngay cổng trường khi nộp đơn xong. Bà ngất đi vì đói và rét. Tôi biết tình thương cao quý đó và tự nhủ rằng phải sống như bà cụ mong ước. Nhưng các ông thấy, tôi làm ra vẻ lạnh nhạt, hằn học với cụ, tôi không chịu học, tôi đi học một cách miễn cưỡng, bỏ bê sách vở, tôi cố nhớ lại trận đòn năm mười tuổi, một buổi chiều giáp Tết, tôi lấy bộ áo quần mới mặc vào, đến trước mặt cụ khoe: "Mẹ xem con mặc quần áo mới có đẹp không?". Lúc ấy tôi nhớ rõ ràng

từng chi tiết, hơi thở, tia nhìn… Bà cụ quay sang gắt: "Sao lại mặc bây giờ, mồng Một lấy gì mặc?"… Giọng bà hơi khó chịu vì đang tiếp chuyện người hàng xóm. Chỉ có thế, nhưng tôi nhớ như in vào mỗi phân tử óc, rồi tôi cứ đeo quanh câu nói bất chợt đó, đi tạo nên thù hận, cau có, nói trái lời và không chịu học. Tôi chống đối với mẹ tôi bằng tất cả khó khăn đau đớn trong lòng vì tôi thương mẹ biết bao nhiêu. Nguy biến hơn, càng ngày tôi càng cứ nghĩ thái độ nguỵ trang đó là thật, cho đến ngày mẹ tôi chết, tôi mới biết mình đã đóng một vai trò nghiệt ngã quá sức.

"Thế bây giờ đã xong chưa?"

"Chưa, chắc sẽ có màn kịch mới khác, các ông không biết tôi là đại diễn viên sao? Thuở nhỏ các anh giáo sư và tụi bạn nhất định gọi tôi là "thiên tài" kịch nghệ. Tôi nhớ có ông giáo sư tên Hào trong buổi liên hoan toàn thể học sinh miền Trung đã giới thiệu tôi: "Đây là một thiên tài dành riêng cho sân khấu, niềm hãnh diện của trường chúng tôi, anh Trần Nguyên Thuấn"… ĐM, cứ như thế là tôi tuột đi dài dài… Cái vụ đi lính này cũng vậy, đúng chỉ làm khổ thân. Rót thêm ly rượu nữa, có rượu tôi mới luận tiếp được".

"Hết rồi, còn một chút khi kể chuyện Tây say, ông Lạc bắt chước Tây, uống sec mấy cái còn gì đâu". Minh chậm rãi đứng dậy, cho áo vào quần vuốt vuốt mấy cái.

"Đi đâu?" Thuấn nhìn vào chiếc ly, xoay xoay mấy vòng trên tay.

"Về Huế, sếp cho tôi nghỉ hai ngày kể từ 6 giờ chiều nay cho đến chiều mồng Một. Từ ngày ra trường đến giờ tôi mới được về nhà".

"Có nhà để về là khá rồi, hôm nay bao nhiêu?"

"28, năm nay 29 rồi đến mồng Một".

"Tháng ngày gì kỳ vậy…" Thuấn đánh cái ly vào răng. Chẳng ai nói với ai. Mấy Trung uý và Chuẩn uý đứng dậy… "Thôi chào Đại uý. Chào Trung uý".

"À, mấy ông về coi trung đội". Thuấn vẫn ngồi trên ghế, đưa tay chào mỗi người, lòng bàn tay xòe phía trước, bàn tay để dọc theo thái

dương… Kiểu chào này là của Thiếu tá Bảo đây, khoá 14 Đà Lạt giờ này mới bắt được Tiểu đoàn phó… nhà binh khó thật. Thuấn ngồi nghĩ lang bang.

Lạc đứng dậy tiếp: "Tôi cũng về Huế luôn".

"Ông Bắc kỳ về Huế làm gì nữa đây?"

"Bà vợ đem hai đứa con ra đây ăn Tết. Tiên sư, mười tám năm lính chỉ ăn Tết ở nhà có ba lần, còn ngoài ra toàn đón xuân trong rừng, đầu đường xó chợ không thôi…"

"Có gia đình làm gì cho khổ?"

"Người không có gia đình thì có gì? Ông chỉ nói dóc, dăm ba năm nữa khi mót lấy vợ dám nhặt cả điếm về làm vợ không chừng".

"Sức mấy, tôi trẻ tuổi đẹp trai mà ông…"

"Tôi đi với ông cho vui" "Ừ". Lạc và Minh đi xuống con đường dưới chân đồi…"

"Thuấn". Minh gọi vọng lên.

"Gì?"

"Chiều mai xuống nhà, tôi dẫn đi ăn cơm, có cái tiệc của bà chị họ".

"Ừ". Bóng hai người khuất sau rặng tre. Thuấn nhìn vào những chiếc ly lăn lóc trên mặt thùng lựu đạn.

"Thiên?"

"Dạ, gì Đại uý?"

"Lục túi áo tao, xuống dưới kia mua tao mấy chai bia".

"Dưới làng không có bia".

"Có, phải có, không bia thì mua rượu đế, rượu nếp cẩm gì cũng

được, mua cái gì tao đổ vào mồm say được thì thôi… Nghe chưa?"

Binh nhất Thiên cười lầm lì quay đi không nói.

"Tiên sư! Thuấn lẩm bẩm chửi thề. Trời lạnh cóng. Nắng vàng ánh lên rộn rã.

*

"Thầy uống với tôi ly rượu?" Thuấn đẩy chiếc ly về phía người tu hành.

"Cám ơn, dạ không uống được, tôi ngồi chơi với Đại uý được rồi… Những ông kia đâu hết rồi ạ?"

"Đi rồi, tụi nó bạc lắm, hết rượu là biến, vừa rồi có chai Black and White. Bây giờ tôi uống rượu nếp cẩm, uống đi ông thầy…"

"Dạ thôi, tôi uống không được".

"Thầy uống không được hay thầy không được uống?"

"Cả hai". Người tu cười, nụ cười hiền trên gương mặt đôn hậu đỏ hồng ánh nắng.

"Không uống rượu được thì thầy uống chút bia vậy, buổi chiều cuối năm như thế này buồn quá, thầy ngồi chơi với tôi cho vui".

"Dạ, Đại uý cứ để cho tôi tự nhiên".

Thuấn đưa chiếc ly nhỏ lên miệng. Ực. Thuấn rót thêm ly nữa. Người đi tu đưa mắt nhìn tỏ vẻ lạ lùng.

"Rượu nếp, tôi hoà thêm bột dâu Mỹ vào nên có màu tím, ngọt vô cùng, như nước đường vậy, thầy uống thử cho biết".

"Thôi, tôi uống bia vậy". Đại đức Trí Không lanh lẹ nắm lấy ly bia. Hơi men làm lớp da người tu hành hồng hào hơn, ánh mắt loáng lên tia nhìn vui thích mới mẻ.

"Bia ngon hả thầy? Tiếc rằng thầy không ăn mặn được, không thôi tôi lấy cái ché mời thầy. Bia ăn với ché ngon không tả nổi…"

"Được, Đại uý cứ để tôi. Đại đức nâng ly bia lên lần thứ hai".

"Đừng gọi Đại uý nữa thầy ơi, nghe kinh bỏ mẹ. Ấy, tôi lại ăn nói nhảm nữa, anh, à thầy tha lỗi, tôi có cái tật hay nói nhảm, nhà Phật gọi thế là… là gì tôi quên mất, là nghiệt khẩu phải không thầy?"

Người tu tủm tỉm cười: Nghiệt khẩu là nói những điều ác. Đại uý nói toàn chuyện vui thì đâu có gì.

"Sao ông biết tôi nói chuyện vui? Ấy tôi lại quên gọi thầy".

"Không sao, thầy chỉ là một tiếng gọi, cốt cái tâm của Đại uý là đủ. Giọng người Huế đều đều chậm rãi, không thoáng nhỏ ngúc ngắc".

"Không, tôi thích gọi tiếng thầy lắm, nhưng chưa có thói quen, trở lại chuyện nói đùa, thầy không biết chứ tôi nổi tiếng bốn vùng chiến thuật vì cái mồm. Người xưa người ta lập công, lập đức và lập danh, tôi thì lập ngôn, ngôn rồi nó cũng thành danh, danh này quý lắm, danh ba xạo, danh say rượu, danh núi lở trời xoay…"

Người tu hành vòng hai tay vào áo cà sa ngồi nghe vui thích. Từ bi và phiền não gặp nhau, gặp gỡ để thấy rõ nguồn hạnh phúc cùng nỗi muộn phiền của mỗi bên. Biết để thấy không thể hoà hợp giúp ích gì cho nhau, hai bên nhìn nhau như phần đời xa cách không đạt đến.

"Tôi vốn tánh ba hoa, nên khi thấy người trầm tĩnh tôi mến lắm. Bắt tôi ngồi một mình giữa chốn tĩnh mịch này khoảng hai ngày chắc tôi điên mất, sống phải cho tôi nói chuyện, chuyện gì cũng được, chuyện trời trăng mưa gió, chuyện đá cá lăn dưa, từ hội hoạ cho đến nghệ thuật chơi bời, tôi luận một mạch không vấp váp. Ấy tôi lại nói với thầy những điều xấu".

"Không hề gì, tôi cũng đã lớn và không đến nỗi kinh điển quá để không thể nghe một tiếng tục tằn. Ở chỗ tôi học, các anh sinh viên thường trêu tôi bằng cách gợi những chuyện ái tình hoặc tiểu thuyết không đứng đắn. Nhưng tôi nghĩ không can hệ gì cả".

"Hà hà… tôi đâu biết, tôi chỉ tưởng ông kẹt cứng đời dưới cái chuông rồi. Xin lỗi thầy, tôi lấy ví dụ để nói về sự kìm kẹp của đạo giáo, sự kiềm chế tự nguyện. Có cái dòng tu trên Đà Lạt, tôi theo ông linh mục dạy triết vào thăm, cứ mỗi ông một cái buồng, ngồi úp mặt vào tường đọc kinh, chỉ thấy thôi tôi cũng đủ sợ đến khiếp. Có người trẻ cỡ tôi với thầy…"

"Phật giáo cũng có các thầy Thượng toạ ngồi thiền cả ngày, thầy trụ trì chùa này tám mươi mốt tuổi, ngồi thiền như vậy gần năm mươi năm, đến một lúc nào đó xác thịt không còn là vấn đề".

"Tôi biết, như những tỉ dụ bố thí của tiền thân đức Phật, nhưng cái xác mình đây tự nhiên đem ép thành một hình khối vô tri thấy… kinh bỏ mẹ". Thuấn ngần ngừ trước chữ "bỏ mẹ" một chút, giọng nói tiếp tục tự nhiên. Nhà tu hành mỉm cười ý nhị không nói.

"Mỗi cảnh đời có một quyến rũ riêng, đời lính tráng cũng hay, khổ cực thể xác làm sáng tỏ linh hồn. Đấy cũng là một lối tu".

"Tôi chẳng thấy hay ở đâu hết, nó ép buộc mình trong ti tiện tầm thường, tập con người sống khuôn thước chật chội của bản năng, tôi chỉ thấy càng ngày càng tệ hơn trong cảnh lính tráng này. Nói luôn với thầy cho nó hả, bên đạo Công giáo có xưng tội, thuở nhỏ tôi học trường dòng có điều gì cứ xưng tội là xong. Chúa gánh hết trách nhiệm phần hồn mình, ông ấy tạo nên đàn ông, đàn bà, con rắn nên ông ta chịu trách nhiệm cứu vớt, thế là phải. Đạo Phật rắc rối và mệt quá, phải tự mình thắp đuốc lên mà đi, sợ rằng không có đuốc mới khốn nạn!" Thuấn cười sung sướng vì tìm ra được câu ví với nhau đúng. "Tôi nói thế này có phật ý không?"

"Không. Đại uý nó đúng lắm, tôi rất thích". Giọng nói bình thản, phẳng lì như gợn âm thanh của tiếng chuông tản mát vào hốc núi. Thuấn thấy bị đe doạ và coi thường.

"Thầy đừng gọi tôi là Đại uý nữa. Ông tiếp tục gọi như thế tôi xưng "con" cho ông choáng váng luôn". Người tu hành cười im lặng, đưa ly bia lên một lần thật lâu.

"Vừa rồi thầy bảo đời lính cũng hay, bây giờ người ta bắt thầy đi lính, thầy có đi không?"

"Có. Câu trả lời không ngần ngại. Cởi chiếc áo này tôi vẫn là người tu đạo, tôi thấy không có sự khác biệt nào dù tôi thay chiếc áo nâu này bằng áo sơ mi rằn ri như của Đại uý. Nếu cần trong hoàn cảnh khó khăn để sống, tôi cũng có thể làm điều luật giới ngăn cấm như ăn mặn…"

"Thầy giết người được không?"

"Không. A Di Đà Phật, chữ đó kinh khiếp quá, tôi muốn nói đến những điều phạm cấm kỵ bình thường thôi. Giới sát là giới nặng nhất, nhất là phạm với đồng loại". Người tu hành nhìn xuống hai bàn tay run run như thể đang có một lớp máu vô hình.

"Như thế chúng tôi thuộc hạng giết người nhà nghề, đáng kinh tởm lắm sao?"

"Không phải vậy. Khi đặt vấn đề như thế là lương tâm xao xuyến, là đang khởi đầu một vận động tinh thần hướng về từ bi. Chúng ta không nên khắc nghiệt với chính mình. Cuộc đời mở đầu bằng nỗi triền miên".

Có tiếng chuông thu không, hai tiểu bắt đầu tụng kinh chiều, tiếng ê a trầm bổng từ chùa vang ra thênh thang khắc khoải. Im lặng, nỗi im lặng mệt ỏi của con người sau cuộc đua.

Thuấn mời nhà sư điếu thuốc: "Thầy hút thuốc được?" "Dạ có, ở lớp các anh vẫn mời tôi hút luôn". Điếu thuốc đưa đến. Đại đức Trí Không đón lấy thành thạo nhẹ nhàng. Điếu thuốc hay dấu vết trần tục, bao nhiêu người đã có hậu ý khi mỗi nhà sư khởi đầu thói quen nhỏ bé này. Họ muốn gây một vết ố mờ nhạt trên tấm vải mênh mông. Đại đức biết điều đó nhưng thường chấp nhận tự nhiên và giản dị. Một phần nhập thế ở trong hơi thuốc xanh xám. Bao nhiêu lần nhà sư đã chơi trò trốn bắt vui thú giấu mặt này?

"Thầy có vẻ hiểu rõ đời sống trần tục?…"

Nhà sư cười đưa điếu thuốc trước mặt: "Qua cái này?" Câu hỏi sau khi thở một vòng khói thật kiểu cách. "Có nhiều người đã rủ tôi sinh hoạt các phong trào sinh viên chống chiến tranh và người Mỹ, như

trong vụ đòi thành lập Hiến pháp và Quốc hội năm ngoái".

"Thầy có theo không?"

"Không, tôi không thích bạo động, bất kỳ hướng nào đến, tôi không có tinh thần cực đoan dù cho Tổ quốc hay Đạo giáo, tôi chỉ là đang trên đường tu đạo và đi học, chưa phải lúc chọn cho mình một quyết định khác ngoài đời sống này. Đại đức thở thêm vòng khói. Chợt nhớ lại trên đầu có ba lỗ thủng quỳ hương, ba lỗ thủng cháy sâu vào thịt chứng tỏ một bước đường chế ngự thể xác đã đi qua, mùi thịt cháy bốc khói, than cháy đỏ luồn theo mỗi tế bào máu, nhà tu có cảm giác từng đoạn thịt da, xương gân bị nung đỏ chảy xuống một đường rực rỡ tóe lửa… Thế nhưng ngồi vẫn im lặng, hai bàn tay nhẹ nhàng khép chặt vào nhau, đôi mắt nhắm xuống bình thản. Nhà sư qua chặng đường khổ ải bằng nghị lực có cố gắng nặng nhọc…

"Đã đến giờ thu trai chiều, xin phép Đại uý".

Thuấn lảo đảo đứng dậy, định đưa tay bắt hay chào kiểu nhà binh. Tất cả thái độ đều không hợp. Thuấn lúng túng chào…" Vâng, thầy vào". Nhà tu hành khép hai tay dọc theo thân áo rộng bước từng bước ngắn lên đồi hướng về chùa. Thuấn ngồi xuống nhìn mông mênh. Vừa rồi quên nói với ông thầy chùa về vụ thèm gái. Đi lính, nhét vào trong núi khoảng một tháng người muốn điên lên vì ham muốn. Kỳ thật, càng cực khổ, nguy hiểm càng thèm đàn bà, cứ như khoảng da thịt bí ẩn đó có khả năng chôn hết khốn cùng vào chiều sâu hun hút của nó. Thì "cái ấy" chính là nơi mở đầu sự sống, nên khi nguy cơ, lúc gần chết người ta ao ước rờ rẫm chui sâu vào trong đó! Lại bắt chước ý nghĩ của Henri Miller rồi? Thằng cha loạn tình Tây phương đâu so sánh với mình được. Nó già cằn cỗi, hết lực, nhão nhẹt nhưng trong lòng ngùn ngụt dâm đãng bệnh hoạn, không thoả mãn nổi nó mới nổi loạn, vùng vẫy la hét, lập thuyết trên cái phần thịt đen u thẫm sống động đó… Nó là thằng liệt dương tinh thần nên diễn cơn bạo dâm bằng ngôn ngữ và văn chương. Thằng cha già dịch, thứ tuổi già suy sụp của Âu châu hư hỏng. Mình khác, mình là lính sống gần cái chết nên yêu đời sống, thấy đạn nổ thì nhớ cái l… kỳ cục thật, trông thằng lính chết đầu tiên là mình nhìn vào con c… Chán thật, cái vật bỉ ổi quý giá của kẻ chết co quắp lạnh lùng đến tội nghiệp. Thây ma yên có vẻ bình thản của nó, riêng cái cột chống đời đó nằm như tức tối giẫy giụa… Hừ, mình cũng bệnh tật gì trong

đầu đây? Không phải đâu, thằng chết thắt cổ trong giây phút cuối cùng nó chảy ra dầm dề, mấy thằng lính gỡ mìn khi hành sự có thằng són ra ướt đẫm, sinh tâm lý, bộ não bị xúc động nên chảy ra? Nhưng tại sao mình không nghĩ: Nó gần chết nên trút sự sống ra với đời, thứ tinh lực sống trong đó có những siêu tế bào mang nỗ lực sinh tồn, nỗ lực đó giúp cho nó vọt ra đời tìm cách sống? Ấy mình nghĩ thế có thể đúng lắm! Phật cũng phân biệt trong con người có những vô lậu chủng tử kia mà, hai nghìn rưỡi năm Phật đã nghĩ các tế bào siêu vi đó có khả năng di truyền và năng lực tồn tại qua luân hồi. Cứ nhìn thằng lính chết mình lại nghĩ đến phút nó ái ân với vợ, cái chết làm rõ giá trị khi được sống và lúc nào nó sống đầy đủ nồng nàn nhất, thì đúng là lúc nó di động miệt mài, rên rỉ, mê mải trên bụng con vợ. Lại có bà vợ nồng nhiệt đè thằng chồng xuống là sự thường! Hay thật, giây phút ngắn ngủi đó chính là phút thiên thu. Khi trút đi lượng chất lỏng mang sự sống là đạt tới một giá trị siêu hình thật chứ chẳng chơi…!!

Trời xuống tím thẫm, lạnh. Thuấn choàng tay ôm lấy ngực, người cúi thấp xuống, luồn một tay vào quần. Cứng quá thế này? Chắc vì rượu, hai tháng hơn chưa dùng đến nó, lên đến óc rồi… Khó chịu thật.

"Thiên?"

"Dạ, Đại uý…"

Thuấn không nói, liếc nhìn thằng lính thân tín, mặt nó đẫm trong bóng tối không rõ.

"Gì Đại uý?"

"Mày có thèm đàn bà không?" Câu hỏi trống rỗng. Thuấn nghe tiếng cười gừ gừ từ cổ thằng Thiên.

"Mày cho tao say sao? Uống không? Uống thứ rượu nếp cẩm Việt Nam pha với bột nho Mỹ. Uống đi, mày nuốt cả hai nền văn minh siêu đẳng đó. Một thứ kỹ thuật siêu đẳng, một thứ đau khổ siêu đẳng. Tao là loại sĩ quan siêu đẳng mà là thằng lạc đà siêu đẳng, mày với tao là hai thầy trò".

"Siêu đẳng!" Thằng Thiên hân hoan vui thú phụ hoạ.

"C… Khốn nạn. Mày với tao là hai thầy trò khốn nạn. Hôm nay là hai mươi tám Tết rồi đó Thiên…" Giọng Thuấn trở nên mơ màng, nghẹn nghẹn. Thằng Thiên không nghe được hơi rượu nữa, nó nghe thấy tiếng khóc được nén xuống của "ông thầy". Trời tối, chẳng ai thấy mặt ai, gió núi thổi se sắt rờn rợn như lưỡi dao mỏng lướt qua vành tai. Sương mù đã phủ kín. Thiên nghe tiếng nói tức tưởi trong sương mù đó: "Mày với tao là hai thầy trò khốn nạn, mày nghe chưa Thiên? Chiều hôm nay là hai mươi tám Tết phải không Thiên? Tao nhớ bài hát "Chiều ơi nắng vàng phai màu rồi, chạnh nhớ quê hương bên trời xa…". Mẹ tao chết nên tao cũng không biết sinh tại chỗ nào, mày biết quê tao không Thiên? Nhưng tao cũng nhớ quê lắm, tao nhớ làng nhỏ tên gì, phải đi qua một khoảng đồng trống nứt nẻ mới đến luỹ tre, cổng làng. Quê ngoại cũng là quê hương được phải không Thiên? Quê mày ở Huế này hở Thiên? Ở chỗ nào mày chỉ tao xem…"

"Đằng kia". Giọng nói ướt nhòe sũng nước mắt.

"Ơ hay, sao mày khóc? Tao không khóc thì thôi, sao lại mày? Ở đây có thấy làng mày không?"

"Dạ có, ban ngày có, ban đêm không thấy".

"Ở đâu vậy? Quê gì kỳ cục, ban đêm nó biến đi đâu?"
"Buổi tối, không thấy chỗ đó được, nó ở sát bờ biển". Thiên ngửi thấy trong dòngg nước mắt mặn đắng có pha mùi đại dương của ấu thơ. Trong bóng đêm giọng của ông thầy nó vẫn vang lên phiền muộn…
"Mày với tao là hai thầy trò khốn nạn!"

Dựa lưng nỗi chết

Chương 5

Lạc bế đứa con nhỏ trên tay, đứa lớn theo sau, người vợ đi bên cạnh mang gói thức ăn và trái cây.

"Mình đi mua thêm ít hồng khô nữa".

"Ở đâu?" Đứa bé trên tay nặng trĩu, vùng vằng đòi xuống đất. Lạc hỏi, cau mặt đặt con xuống đất: "Đấy, mày muốn đi thì cho đi!"

Bà vợ rít giữa hai hàm răng: "Bế nó lên đi, người đông thế này làm sao nó đi nổi, chỉ mỗi việc bế con anh cũng làm như khổ cực lắm".

Lạc không nói, xốc lại con trên tay, anh lóng cóng móc gói thuốc với bàn tay trái. "Coi chừng hút thuốc trúng tàn vào con". Lạc thở hơi khói chịu đựng không nói.

"Anh biết hàng bán hồng ở đâu không?"

"Làm sao anh biết được". Lạc muốn phì cười vì câu hỏi của vợ.

"Anh chẳng biết gì cả hay sao? Anh hành quân ở đây suốt năm không biết chợ bán hàng gì, ở đâu?!!"

"Không biết nên làm sao bảo cho em". Lạc tính nhẩm, từ mùng Tám Tết năm trước đến hôm nay hai mươi chín ta, biết bao nhiêu ngày? Nhiều quá, một năm rồi đấy, một năm hành quân từ Gio Linh qua Cùa, Khe Sanh, dọc theo con đường số 1 về Mỹ Chánh, Phong Điền, Phú Thứ… Quê ngoài Bắc cũng không hiểu rõ bằng cái vùng đất cát của hai miền Thừa Thiên, Quảng Trị này, vùng núi Đông thông băng qua Cổ Bi, Hiền Sĩ, trực thăng vận vào đến lần thứ tư, khoảng hè có về Sài Gòn được mười bốn ngày rồi lại mò ra đây… Uống nước sông Bồ, sông Thiệu Hoá, sông Hương đến độ mòn lưỡi, đôi giày botte de saut hôm Tết kia mới toanh nay đã vẹt đế thấy được miếng sắt lót ở trong, một năm biết bao nhiêu lần ăn thứ bún đỏ chạch cay xé cổ. Lạc quen với đất này bằng cách biết rõ từng nhà chứa điếm, ổ của con mụ mặt mụn ở cửa Cập nhà trước có bàn thờ, tượng Phật, tượng Quan Công, bát tiên, ông táo chen lẫn nhau, hàng rào chè Tàu uốn khúc thành hình con công con phượng, kín cổng cao tường, nếu không có người dẫn đến chẳng làm sao biết được đây là chỗ chơi bời. Lạc chỉ biết nơi chốn hạ tiện, những điều vô bổ, những người truỵ lạc thảm thương, trong bóng tối, nơi điêu tàn… Lạc di chuyển qua những ngày hè nắng gắt khô khan, qua những ngày mưa dầm ủ dột triền miên. Mưa thối đất thối dai, mưa thảm sầu thê thiết, mưa không dứt hạt, không thấy cảnh, không thấy người.

Lạc qua những núi cao lẩn vào sương mù, những dòng sôngg phơi đáy, nghe những tiếng nói lạ lùng đầy danh từ đặc dị. Lạc mỉm cười…

"Anh cười cái gì thế?"

"Không. Đúng là anh chẳng biết cái gì cần thiết cả, anh chỉ biết, những chuyện vô ích thôi".

"Vớ vẩn!" Người vợ nguýt Lạc một cái.

Đúng là vớ vẩn, Lạc thấy vợ nói có lý. Lạc chỉ biết nhiều điều tai hại lạ lùng rất dễ dàng lung lay trí não con người như những trái lựu đạn gài chi chít vùng Lại Hà, Đại Lược, những trái mìn chống chiến xa nằm dưới mặt cát phẳng lì, mưa làm biến hết dấu vết tay người chỉ còn lại mặt phẳng mênh mông trơn láng, chấm phá vài cụm lá cây dại, rễ không đủ sâu nên thân chỉ nhoi lên khỏi mặt đất khoảng nửa thước. Đúng là vùng đất chết, hèn gì Tây gọi là "dãy phố buồn thiu". Nhưng có nơi nào vui trên đất nước này? Sài Gòn? Cũng chỉ là nụ cười gượng gạo trên khuôn mặt thiểu não mất máu của quê hương đang giẫy giụa trong cơn hấp hối. Lạc còn biết thêm nhiều tiếng, nhiều vật, nhiều cảnh lạ… Trầm – trên khoảng cát mênh mông những nơi trũng xuống, nước đọng làm thành. Nhưng không thể gọi là hồ hay ao được, hồ hay ao có vẻ đơn sơ êm đềm, hồ hay ao có hơi người, có sức sống. Những vũng nước đọng mà người Huế gọi là Trầm có vẻ ma quái, lạnh ngắt, không bóng chim, không vết thú, nước cạn khoảng một thước nằm dài dằng dặc trên cây số, rộng trên dưới hai mươi thước, nước đọng giữa cát nên không tăm cá, chẳng có chiều sâu, không chiều rộng để nổi lên gợn sóng, thân cây rên không có đất bùn để bám… Trầm, như u uất lặng lẽ nghèo đói cơ hàn đọng từng vũng, từng vệt trên đất đai của xứ sở tội nghiệp buồn phiền. Trầm, tên gọi nghe thật buồn. Người Huế quả thật nhạy cảm để đặt tên cho nỗi buồn giấu kín. Rừng lựu đạn nằm chen trong luỹ tre, hai bắp chân nhăn nheo của mụ điếm già, vũng nước lặng lẽ giữa hai cồn cát ngột ngạt, trái ớt trong tô bún bò vàng đỏ… Mọi thứ hỗn độn trong óc Lạc, thứ óc não mệt nhoài của mười tám năm lính, vợ bốn con. Còn chỗ nào cho Lạc nhét vào đó căn hàng hồng khô để nói cùng vợ. Một năm Lạc ở Thừa Thiên chỉ đủ biết được nỗi chết cùng sự buồn rầu.

Lạc cùng vợ và con bước ra khỏi khu chợ, băng qua đường.

"Ấy hai ông đi đâu đó?" Lạc đặt đứa con xuống đất. Đứa con làm bận bịu ông Trung uý Vũ Văn Lạc khi gặp Minh và Thuấn. Vì gặp hai người, Lạc mới nhớ mình là một Đại đội trưởng Nhảy dù: Đứa con phải đặt xuống để người cha lấy lại vóc dáng.

"Hai ông đi đâu? Có gì hay không, tôi đi theo với!"

"Chị ạ! Chị và hai cháu vừa ra?" Minh và Thuấn hình như không chú ý đến Lạc. Tụi trẻ hay chứng tỏ có khả năng lễ phép và thuần thục. Lạc thấy trống rỗng, cơn vùng lên ngắn hạn xẹp xuống, nhưng Lạc không ngã lòng, gã lính già cố gắng thêm một lần nữa:

"À bà xã moa vừa mới ra. Hai ông đi đâu, tôi có thể đi theo?…"

"Thôi mà ông, cả năm ở với chúng tôi rồi, có hai ngày phép bà chị ra, ông lại định đi đâu bây giờ. Vừa phải thôi, chúng tôi cũng chẳng có chuyện gì".

Lạc cười hì hì. Như vậy coi như đủ, câu đi câu lại cũng vừa chấm dứt vở kịch nổi loạn, trả thù sự cáu kỉnh của vợ. Lạc quay sang nhìn vợ, trong ánh mắt mệt mỏi của người đàn bà có vẻ trách móc. Lạc vội vàng:

"Ấy nói thế chứ đi theo các ông để bà ấy xé tôi ra làm hai à… Hì hì…" Đứa con chạy xoắn vào chân Lạc.

"Chào các chú đi con, thằng này cũng tên Minh".

"Tốt gì cái tên tôi, lại đi lính Nhảy dù chứ khá được chút nào. Tiểu đoàn mình đổi chỗ rồi".

"Sao ông biết? Ông cũng đi phép từ chiều hôm qua với tôi cơ mà".

Thuấn nói:

"Tôi vừa nói cho nó biết, mình dời ra cây số 17. Dọn từ sáng hôm nay, chiều qua lúc các ông vừa đi, tôi nhận lệnh. Tôi thì say, hai ông đi phép, quan Tư rên quá cỡ. Tôi cũng chẳng biết ông ta nói gì. Sáng

nay khi xe đến cây số 17, tôi không biết đóng ở đâu, cho xe ngừng ở chỗ toà nhà Hội đồng xã, bị ông ấy phang cho mấy câu… Hi, tôi đâu có nghe trong buổi họp ông ấy đã ấn định tôi phải vào ở trong doanh trại của Trung đoàn 2 bộ binh. Say quá cỡ chẳng biết trời trăng gì nữa…"

"Chiều hôm qua uống có bao nhiêu. Thường Đại đội phó của tôi có họp đấy chớ?"

"Có, nó cũng lính già mà ông, còn hy vọng "đảo chánh" ông để nắm Đại đội chứ, sức mấy Đại đội phó bê bối nổi, láng cháng cho xuống lại Trung đội trưởng là ăn mày. Tối hôm qua tôi say là vì sau khi các ông đi, tôi uống thêm nữa, uống toàn rượu nếp cẩm… Hì hì, rượu nếp cẩm pha với bột dâu màu tím của Mỹ ngọt như đường phèn, tôi uống đâu khoảng ba bốn xị gì đó, có thêm cả ông thầy chùa uống nữa… Giờ này vẫn còn choáng váng". Thuấn lúc lắc đầu.

"Vui há!"

"Vui gì đâu, ngồi một mình buồn quá tôi mới mời ông ta đến. Ông ta đi tu đâu nhậu được tôi lại không được nói chuyện tếu thì nhậu có vui gì. Uống là phải nói, nói để rượu bay đi. Uống rượu bắt tôi im lặng chi bằng đổ lửa vào người. Ông thầy chùa cũng chịu chơi, uống hết một chai bia lớn.

"Chai bia lớn có ra gì, cả két hoạ may".

"Thế là nhất rồi ông ơi, tôi có ý muốn làm cho ông ta say, nhưng mặt ông ấy nghiêm trang và hiền quá làm tôi không nỡ, cứ tưởng tượng ông thầy chùa say là vui rồi, tôi khoái ông Lỗ Trí Thâm nhất trong Thuỷ Hử".

"Các ông thật quá, ai lại phá cả nhà sư". Vợ Lạc khẽ nói, giọng thoáng chút trách móc.

"Đâu có chị, ông này trẻ lắm, khoảng tuổi tôi, sư đợt sóng mới, đẹp trai học giỏi… Ông ta cũng có vẻ thích tụi tôi. Chị tưởng ông sư già chứ gì… Đâu phải, ông ta với thằng Minh còn nói chuyện trai gái nữa…"

"Xạo mày, hôm đó tao nói về chuyện Freud cũng chỉ cốt để xem ông ta có tránh né chuyện tình dục hay không…" À, anh Lạc ở đâu?

"Tôi thuê khách sạn ở đàng kia". Lạc chỉ tay dọc theo con phố. "Phòng số 14 lầu trên".

"Xong, tối giao thừa sẽ mang rượu đến uống với anh, ở đây tôi cũng chẳng còn bạn bè, họ hàng toàn người già, về nhà chỉ để đọc truyện kiếm hiệp. Thôi tụi tôi đi".

"Các ông đi đâu?"

"Qua bên Gia Hội, tôi có bà chị cô cậu mở cái tiệc nhỏ hôm nay. Thằng cha anh rể đó làm tiệc, bà chị mời tụi tôi. Ông đi không được đâu, bà chị giết bây giờ, hơn nữa tiệc người Huế nhiều ớt lắm, ông ăn không được".

"Sao không?" Lạc cười, đưa tay bắt tay Minh và Thuấn. "Tối giao thừa đến nhà chơi, nhớ có gì mang theo…"

"Chào chị. Chú đi nghe hai cháu…"

"Vâng, các anh đi. Anh Minh nhớ đến chơi với nhà tôi. Ra đây chúng tôi không quen ai".

"Vâng, kính chị!" Minh đưa tay nựng cằm đứa nhỏ trên tay Lạc. "Chú đem kẹo tới cho mày nữa nghe Minh". Thằng bé ngúc ngắc cái đầu.

Bằng đứng dậy… Đáng lẽ buổi họp mặt hôm nay phải có trước đây một tháng, nhưng hôm đó vì lý do… kỹ thuật. Có những tiếng cười nhỏ làm ra vẻ thông cảm với chủ nhân. Bằng tiếp tục… Nhưng muộn còn hơn không, một cái cớ rất cần thiết để giới thiệu với các bạn sự… Bằng tìm một chữ chính xác và ẩn ngụ những ý nghĩa. Thôi cứ gọi là "sự đám hỏi" cho xong chuyện. Minh thêm câu nói nhát gừng. Có những tiếng người nửa đồng ý nửa gượng gạo. Vâng, để giới thiệu sự lễ hỏi của tôi và Quỳnh Như. Quỳnh Như cúi đầu e thẹn, tưởng đến giờ phút nóng hổi trên chiếc giường trải tấm nệm đỏ… Bằng ơi! Em bị rứa là một tháng, ra Tết mình đám cưới nghe không? Chắc không? Không chắc lắm nhưng tháng ni em chưa có. Chưa có đâu đã chắc gì, để anh hỏi thằng bạn học y khoa xem. Quỳnh Như

ngẩng mặt lên, nàng bỗng có cảm giác như vẫn còn là một tình nhân chưa biết thú vui xác thịt ngất ngư đó. Nàng thấy thẹn, thẹn thật sự như cô gái mới lớn bị đám đông trêu ghẹo. Hôm nay Quỳnh Như mặc áo đỏ sậm ngả qua nâu, tóc nàng dài, nước da trắng, đôi mắt to và đen chỉ hơi buồn vì chiếc mũi không được thẳng, hơi cong vào ở chỗ gần hai mí mắt, nhưng không hề gì, nàng đánh phấn đậm ở hai khóe mắt gây cảm giác chiếc mũi được nâng cao. Nhưng toàn thể của nàng rất quyến rũ, đẹp, nói thật đúng và tổng quát. Và đôi môi nữa, Quỳnh Như biết mình có đôi môi rất đẹp, rất lẳng lơ, lẳng lơ giấu kín, chỉ lộ ra khi sắp sửa cho nụ hôn. Một đôi môi đủ tạo thành cảm giác cuống quít vội vã khi chạm phải. Có những tiếng vỗ tay và lời tán tụng. Quỳnh Như như được kéo đứng lên. Qua làn mi xanh nàng liếc một vòng bàn ăn, khoảng mười đến mười hai người, phần đông mặc veston, hoặc áo len, những cái áo len đan sợi lớn theo kiểu mới nặng nề phóng khoáng, những khuôn mặt tuổi trẻ xứ Huế đẹp đẽ, mơ mộng và chút suy tư. Suy tư ở những sợi tóc dài lười biếng vuốt sang bên phải rơi lãng mạn một vòng tròn trước vầng trán, vầng trán bao giờ cũng nhăn lại để vạch rõ những nét phong trần. Có hai khuôn mặt không có những sợi tóc mệt mỏi lãng mạn lười biếng đó, hai khuôn mặt không nghiêm cứng khó khăn không có vẻ suy tư đau đớn, trên đó những vết nhăn tự nhiên của đêm không ngủ, chiếc má hóp vào của những ngày thiếu ăn và trong mắt những sợi gân máu như muốn nứt nẻ, vỡ tan. Đất đỏ, lá thông, bùn non và thuốc súng hiển hiện trong đám tóc đen xám cứng ngắc bị đè bẹp nằm im lặng như dấu vết của một chiếc nón sắt vô hình thường trực. Hai khuôn mặt của Minh, em Quỳnh Như và một anh trẻ tuổi người Bắc, được giới thiệu tên Thuấn. Thuấn ngồi co rút lại dưới ảnh hưởng của cơn lạnh, nhưng thật ra vì không khí người Huế bao quanh.

"Ê, Thuấn. Mày biết tin con Diễm Mi chưa?" "Sao?" "Con đó có bồ rồi, hình như thằng đó học bên Luật, tao thấy tụi nó đưa nhau lên Ngự Bình". "Có phải thằng cao cao hay mặc quần jean velour không?" "Không, đó là thằng Quyền làm bên toà Hành chánh, thằng ni hình như ở Sài Gòn vừa theo gia đình ra đây, nó có chiếc vespa mang số EH ở Sài Gòn". Sài Gòn, thành phố có bar dancing, có những chốn ăn chơi để làm mốc cho sự trưởng thành hay sành sỏi, có những ca sĩ được nhìn tận mặt, hỏi chuyện như bạn thân, có những nhà văn để ngồi cùng tán gẫu mày tao như thâm giao… Gã đi xe EH chắc đã có lần gọi Lệ Thu bằng em, uống cà phê với Nguyễn

Thuỵ Long. Gã có một thế giới Sài Gòn huy hoàng riêng rẽ. Những người trẻ tuổi xứ Huế không có Sài Gòn đó, họ chỉ có những tờ tuần san Ý Thức, Máu Việt … Họ chỉ có những danh từ "người anh em, máu Việt Nam, niềm đau nhược tiểu mới, vòng tay tuổi trẻ da vàng…". Họ chỉ có ly cà phê đen thấy trong đó vòng tó cong rơi trên trán, chỉ có Rimbaurd, Quách Thoại mới trong chiến tranh nhọc nhằn. Những điều người trẻ tuổi ở Huế có không hơn được gã con trai đến từ Sài Gòn đi xe Vespa mang số EH… Nhưng giữa họ và gã trai trẻ đó có liên hệ dính dáng, một Diễm My nào đó để so sánh và tìm hiểu cùng nhau. "Tao biết mặt thằng đó rồi, nó có vẻ điếm lắm, thằng Vĩnh học Luật có đến nhà nó chơi, nó mặc quần may ở Chua… Chua, nơi may đắt nhất Sài Gòn, cỡ bộ trưởng … Thằng này con ông biện lý". Thuấn ngồi im lặng, cũng đến từ Sài Gòn nhưng giữa Thuấn và những người trẻ tuổi chung quanh không có chung trận tuyến. "Anh nghĩ thế nào là người Cộng sản?" Thuấn đốt điếu thuốc, cười. Làm sao trả lời được. Những vận động xã hội, ý thức quốc gia cấp tiến trong nhịp biện chứng cách mạng, sự nổi dậy của thế giới thứ ba… Những điều làm sáng tỏ khả năng và giới hạn của phong trào cộng sản? Cộng sản? Thuấn thấy một tên lính mặc quần cộc, chân mang dép Bình Trị Thiên nằm tênh hênh đầu gối trên bờ ruộng, hai mái tóc ở thái dương hớt cao để lộ vết sẹo tròn ngây ngô. Cộng sản ở ruột tượng gạo bị rách tung tóe những hạt gạo đỏ nằm lẫn lộn trong máu và nước bùn. Cộng sản ở bức hình căn cước, hình một gã thanh niên răng hô áo chemise chật cứng bẻ cổ đằng sau có hàng chữ "nhớ mẹ, xa quê, nhiều công tác". Thuấn muốn dựng gã lính Bắc Việt đó dậy, đặt trước mặt những người trẻ tuổi xứ Huế này để cho gã nghe được vận động xã hội, sự nổi dậy của thế giới không liên kết… "Đại uý nghĩ sao sự hiện diện của ngoại quốc, nói rõ hơn: người Mỹ?" Người trẻ tuổi xứ Huế cười cởi mở, cố gắng để trình bày một vấn đề quá nhiều tế nhị và phức tạp. Thuấn cười, bật nắp hộp quẹt tanh tách. Người Mỹ, những mưu toan thống trị văn hoá, chiến tranh lạnh, sự xâm nhập và huỷ hoại của lầm lẫn tư bản Wall street, sự bế tắc lắng chìm trong chiến tranh nhân dân… Những đề tài vuông vắn, sáng sủa linh động như miếng thạch trong suốt được bày ra hàng loạt trước mắt Thuấn. Thuấn gật gật đầu lắng tai nghe. Người Mỹ, những mưu mô thâm độc của CIA, quyết định gian xảo biến lận của Toà Đại sứ. Người Mỹ với thuốc khai quang tàn hại, không khí nhiễm độc chết chóc nhân tạo được rải lên cây, trên lá, chất độc ngấm vào đất, đóng chung quanh bông lúa làm cho quắp khô héo hết sinh lực của tổ quốc. Chúng ta phải tố cáo trước dư luận thế giới âm mưu

thâm độc làm kiệt lực tiềm năng dân tộc! Một người trẻ tuổi sau khi nhai xong miếng nem, nuốt xuống vội vã, khó khăn. "Ăn một miếng ngon khi quê hương đang lầm than cũng là một cái tội, nên phải nuốt thật nhanh thứ vật chất tội lỗi đó, nuốt xuống kín đáo và ép buộc, xong để đấm bàn tay vào không khí. Phải tố cáo, phải tố cáo để đánh thức lương tâm con người". Gã trẻ tuổi nhấn mạnh từng chữ, chữ có góc nhọn và sắc sảo. "Tố cáo theo ngả nào?" Một giọng nói khúc chiết đặt lại vấn đề. Người trẻ tuổi khác đặt đôi đũa xuống, cau vầng trán, nhíu mày hỏi bạn. Những đôi mắt mở to, khắc khoải chờ đợi. Những đôi mắt thiết tha nồng nàn của tuổi trẻ quá suy tư về dân tộc. Yên lặng nhức nhối bao trùm. Bằng lên tiếng: "Phải tạo một phong trào rộng lớn ở quốc nội trong giới sinh viên học sinh với môi trường tôn giáo…" Nhà chùa, Bằng thấy Đại đức Trí Không, khối trí não từ bi như một bàn đạp vừa vặn cho dự định. "Phải, qua lầm lẫn của nhà chùa, hội thanh niên Phật tử chúng ta có được yếu tính bất bạo động để làm lý tưởng cho phong trào. Đúng, ông Bằng nói đúng và mình phải hướng dẫn phong trào qua những mục tiêu cụ thể để tiến tới mục tiêu cuối cùng: người Mỹ phải rút khỏi đất nước này. Người Mỹ, sự hiện diện của văn minh Tây phương bế tắc sa đoạ". Gã trẻ tuổi đưa tay lên trời đau đớn, anh ta nén tiếng thở dài bi phẫn. Phải tiến đến những mục tiêu như anh nói, đúng thế. Người Mỹ và áp lực vật chất làm huỷ hoại tinh thần Đông phương, tinh thần Đông phương ở điếu thuốc Ruby vàng khói chống với điếu Lucky đang ở trên môi Thuấn, hiện diện Tây phương sa đoạ. Một chút khinh bỉ chán chường kín đáo trong ánh mắt. "Đại uý có đồng ý như vậy không? Xin lỗi cho tôi gọi anh để được thân mật, tụi mình còn trẻ mà". Bằng ép Thuấn phải mở miệng: "Vâng, gọi thế dễ chịu hơn. Vâng, tôi đồng ý. Vâng, tôi cũng nghĩ như vậy". Thuấn ăn thêm một miếng chả tôm trên có lớp gạch vàng rực. Thuấn đưa tay hái lấy trái ớt xanh căng cứng, bắt chước Minh cắn một miếng. "Ăn ớt sáng mắt và đỡ buồn nôn, dẹp bớt mùi tanh của thức ăn". Minh đã nói thế. Người Mỹ, sự hiện diện sa đoạ phải được kèm với trái ớt Huế để nuốt vào. Nhưng Thuấn không ăn ớt được, Thuấn nhổ miếng ớt xanh ra, nhổ luôn thức ăn tanh tưởi, nhổ ra, há rộng cho trôi hết, cạo yết hầu, cạo lưỡi cho trôi hết. Ọc! Ọc! Thuấn nôn không ngờ được…

Buổi sáng hôm nay ở cầu An Hoà, Thuấn ngồi ở quán ăn bên đường. Người Huế nói xôn xao xung quanh, Thuấn kêu bát bún bò, sợi bún trắng nổi dật dờ khối nước màu đỏ bốc khói trông thật ngon lành. Thuấn cúi đầu xuống bát thức ăn, nghe trong bụng cơn xôn xao

vì đói. Thuấn hít mùi thơm trước khi ăn, ngày bắt đầu thật dễ chịu, không hành quân, được ăn sáng với thức ăn nóng, sắp Tết và đầu óc trống trải lạnh lùng.

Xong bát bún. Thuấn hút điếu thuốc nhìn lơ đãng ra đường. Rũ áo phong sương trên gác trọ, lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang. Thuấn đang nhìn thiên hạ chờ Tết đến. Thuấn vắng một gác trọ, chỉ có chiếc võng nylon treo giữa hai hàng cột của ngôi đình, nhìn xuống con sông, xanh ngắt, Thuấn thấy lòng xôn xao. Những đứa bé nép vào chân mẹ đợi chuyến xe đò về thành phố trông ấm áp rung động. Nắng hanh vàng và gió lạnh. Thuấn nhớ quê nhà, hàng cây me xanh ngắt rơi từng phiến lá li ti trên mặt đá của cái hồ đựng nước mưa, mặt đá sạch bóng lạnh tanh. Thuấn lăn lộn trên mê mải im lìm đó. Những ngày thơ ấu nhẹ hẫng như thứ gió đầu xuân phe phẩy những chòm lá me xanh biếc. Gần Tết, Thuấn nhớ ngày vào Nam, tàu cập bến Đà Nẵng trong mưa bấc, trại định cư trên bãi hoang cát trắng, cây xương rồng giãy giụa theo cơn gió và Thuấn gối đầu trên chiếc valy mây, nghe pháo nổ bên kia sông, nơi thành phố. Thuấn nghe giao thừa đến bằng tiếng sóng hung hãn đập mê mải vào bờ cát trong đêm khuya. Thuấn gọi chai bia, thật khó khăn để qua buổi sáng trống trải lạnh tanh này. Đốt thêm điếu thuốc nữa, nỗi xôn xao xoay cuộn ở trong lòng. Có đoàn công voa từ Huế đi Quảng Trị ngang qua mặt, đoàn xe đi từ Đà Nẵng chở lính Thuỷ quân lục chiến Mỹ tăng viện mặt trận Gio Linh, Khe Sanh. Lính Mỹ mang áo giáp, đội nón sắt bao vải nguỵ trang viết những chữ "F.T.A. – Godammed Charlie, Vietnam 1967… Đa Năng holly jump…". Lính Thuỷ quân lục chiến Mỹ, bóng hình của vinh quang Okinawa, Saipan, Wake ngồi im lìm trên thành xe, mũi súng chìa sang hai bên đường để chống phục kích. Họ lo lắng vì ngoài kia là Khe Sanh và Gio Linh, các căn cứ A1, A2… nằm trên chiến tuyến Mac Namara, chiến tranh ở đấy rất nặng nề. Quá nặng, vinh quang Okinawa phải khó khăn mới xua đuổi được, nên người Mỹ không quên mang theo lá cờ, lá cờ đã được bay nhiều lần trong chiến thắng. Lá cờ lóng lánh sao, Thuỷ quân lục chiến Mỹ đã dựng lên nhiều lần, họ phải giữ truyền thống dựng cờ trên chiến thắng. "Chắc Đại uý đã đi hành quân với người Mỹ nhiều hẳn biết những hành động bạo ngược của họ". "Vâng", Thuấn đưa điếu thuốc lên môi. "Nhưng họ khéo tuyên truyền dưới hình thức một cường quốc văn minh để giúp đỡ. Đại uý có nghĩ thế không?" "Vâng", Thuấn ngồi trong buổi sáng, bát bún đã ăn xong, lớp nước váng mỡ còn sót lại nhờn nhợt tanh tanh. Cho tôi ly cà phê đen. Ly

cà phê đem ra, Thuấn úp bàn tay lên, lòng bàn tay hun nóng, toàn thân lạnh, trí não lạnh nhưng vô cùng rực rỡ…

Mười mấy lần ăn Tết một mình, ai đem thứ thời gian cay đắng này đến làm gì. Ngày cuối năm như ngọn lửa khắc nghiệt nóng bỏng đốt chảy quả tim lạnh tanh của người lính. Gió thổi, gió ông bà, Thuấn nghe đâu đó một lần lúc ấu thơ. Trong gió có hồn ma hiện về dương thế tìm quê nhà. Tết, ma còn có nhà để về, mình lai đi lang thang hơn ma hoang. Ngoài đường đoàn xe chưa dứt. Những người quanh gánh đứng ở bến xe làm khán giả bất đắc dĩ nhìn văn minh Hợp chủng quốc đi qua bằng con mắt buồn xám. Lũ trẻ con ngây thơ đưa bàn tay lên! Ê! Ê! Một vài lính Mỹ ngồi trên xe uể oải ngoắt tay lại, lũ trẻ hăng hái hơn, tiếng la được dâng lên hạ xuống đều đặn mỗi khi chiếc xe đến và đi qua. Tiếng la biến thành loạt hoan hô nhịp nhàng khi từ trên xe có những gói kẹo hoặc cam liệng xuống. Và những người lớn, những đàn bà đen cứng âu lo bắt đầu đặt quang gánh xuống. Họ chờ đợi với tiếng "ê" khan đặc phiền phiền. Người Việt Nam được người Mỹ ban hy vọng bằng những trái cam thừa bù lại người Việt Nam trả ơn bằng cách cho người Mỹ niềm bình an đi về cái chết. Niềm bình yên trên đường đi Khe Sanh, Gio Linh. Người Mỹ đã được hoan hô khi vào Paris, đã được hoan hô khi vào Naples, khi vào Manilles, họ đã được hoan hô bởi hàng vạn hàng triệu người đứng hai bên đường, mang cờ Mỹ và mồm hét lớn "Hello, welcome Yankee", họ được đi dưới bong bóng bay nhiều màu, họ được nhảy chân chim trong giày ngũ sắc, uống bourbon, bia hộp dưới những con mắt hân hoan, những chiếc mồm mở ra để nói những câu "Longlive American friendship, welcome GL…". Người Mỹ đã hưởng thật nhiều vinh quang, vinh quang được điều động xếp đặt để trả ơn cho kết quả của hàng ngàn người chết ở Bastonge, ở quần đảo San Hô, mũi Utah, hay một hẻm xó xỉnh nào đó trên bờ biển Normandie. Nhưng chưa bao giờ người Mỹ được hoan hô trong vinh quang thê thảm và tội nghiệp như buổi sáng nay bởi đám dân chúng nghèo nàn như một loại múa rối tàn tạ, loang lổ hai màu đen trắng quang gánh cồng kềnh đứng trong nắng phủ sương mờ. Mỗi chiếc xe đi qua, đám đàn bà trẻ con đưa tay lên ê! ê! Tiếng ê đứt khúc giãy giụa trong âm thanh mệt nhọc của động cơ xe lên dốc. Lính Mỹ cười ngây ngô, giương đôi mắt xanh nhìn đám dân vàng bệch. Trong đấu trường La Mã trước kia đã có cơn lũ hoan hô để thúc giục kẻ giác đấu, ở Tây Ban Nha cũng có tiếng reo hò thú vật, nặng cứng bạo ngược và dâm dục hối hả khuyến khích cơn say sóng giữa tay đấu bò cùng con thú,.

Hai nơi ấy con người có lạc thú nhìn máu chảy. Buổi sáng gần Tết của một ngày xuân lạnh nhóm lính Mỹ và người Việt Nam bất đắc dĩ phải vào trong một đấu trường hiu hắt vang dội yếu ớt những tiếng ê khô rối. Thuấn ngồi nghe tiếng ê thảm não đó đặt từng tảng phiền hà dày cứng lên mạch máu. Đoàn xe tiếp tục đi qua, có chiếc xe thật lớn, loại tracteur routier kềnh càng chở các kiện hàng to lớn, sáu lính Mỹ ngồi vắt vẻo trên đống thùng giấy im lìm, nón sắt úp sát mí mắt, xe qua cầu, đám dân chúng bắt đầu đưa hai tay lên trời. "Ê! Ê!…" Lũ trẻ con xao động, chúng nhảy cỡn lên khỏi mặt đất… "Ê! Ê!…" Sáu lính Mỹ đột nhiên đứng dậy. Có tiếng hét giữa khối thân thể no đủ đó… "Down it…" Sáu cái thân cồng kềnh vội cong xuống vây xung quanh chiếc thùng giấy họ đang ngồi… "Godammed it, fack…! Down! Ok! Ok!" Mười hai cánh tay lực lưỡng Mỹ quốc xoay chiếc thùng, lấy đà. Hey! Chiếc thùng tựa vào cạnh một thùng khác, tựa vào xe, ngúc ngắc và rơi xuống. Sau lính Mỹ đứng thẳng dậy, ngoắt tay đám đông giã từ. Đám đông ngừng bặt tiếng kêu, đàn bà, con nít sau giây phút sững sờ nhào tới. "Thằng Mỹ cho cái thùng!! Thằng Mỹ cho cái thùng!! Thằng Mỹ cho cái thùng!! Đồ ăn đó! Đồ ăn đó! Tao thấy trước". "Không phải, tao thấy". Đám dân Việt Nam chạy lại, họ chạy trong tiếng thở, hơi thở gấp rút… "Mau lên mạ ơi, bỏ cái gánh lại chút nữa lấy…" Đám người Việt Nam nhào lại, những cánh tay đưa trước thân hình, những ngón tay khốn khổ sẵn sàng cong lại để bấu xé, giành giựt… "Cái thùng Mỹ thật to!! Mau lên!" Đám đông nhào vào chiếc thùng như vụn sắt bị hút bởi khối nam châm. Những tiếng lao xao im dần từ trong quán Thuấn chỉ nghe những hơi thở dồn dập, những ngón tay cào xé trên lớp giấy cứng, những thân áo bị xé. Hự! Hự! Người đàn bà bị kéo ngã tung trên mặt đường, khối tóc khô cứng ngắc rối tung, nước rãi ứa ra từ hàm răng đen mốc, cặp môi nứt nẻ quết trầu. "Chết tôi!" Thằng bé bị nhấc bổng lên, thân áo trắng rách xoẹt. Nó được ném tiếp theo người đàn bà… Hừng hực, những tiếng thở như khi cơn lụt lên cao nước đập rầm rập vào mái nhà, liếp cửa. Cơn hồng thuỷ hơi thở Việt Nam lấp cứng nhận chìm khối thùng giấy vô tri Mỹ quốc. Đám đông rú lên tiếng lớn giãn dần ra, những bàn tay nhăn, những bàn tay trẻ thơ thả dần xuống từng mảnh giấy vò thùng, những mảnh giấy báo vừa bóc được … Những cái mồm Việt Nam mở lớn, những con mắt đứng tròng… "Chết! Chết! Người chết! Người chết bà con cô bác ơi!" Thuấn đưa mắt nhìn ra: Một đầu tóc đàn bà xổ tung ở miệng thùng. Cơn gió lạnh cuối năm se sắt, những mảnh giấy vụn bị thổi đi xào xạc, khối tóc người thiếu nữ bay khắc khoải trên mặt nhựa đường.

Xác chết được lính kéo ra, xác chết trần truồng khoảng hai mươi tuổi, da ngăm đen chỉ có hai phần trắng nơi hai chiếc vú và chỗ cái l… Trắng nên thấy được vết bầm của dấu răng, những vết bầm còn ướt máu! Hai đầu vú ướt thẫm, máu hay sữa non khi khoái lạc, hay nước bọt của những tên lính trong cơn tình cuồng nộ? Nhưng thê thảm ghê tởm nhất ở bộ phận giữa hai cái háng, lớp lông cong queo gãy góc dính bết vào nhau bởi chất đàn ông, chất đàn bà và… máu… Túm lông không còn gợi nên sự sống mãnh liệt nhưng là gươm đao địa ngục, vạc dầu khô đặc lởm chởm xương người cuồng sát, ngắc ngoải bết bát mắc kẹt vào nhau… Cửa mình, những cái mép thâm tím trầy trụa bị kéo rút ra ngoài phơi những sợi gân máu đen thâm dưới thứ nắng vàng lạnh ngọt cuối năm. Chết vì bị làm tình quá độ! Viên Bác sĩ Tiểu đoàn gật gù. Thuấn cong người: Thức ăn và toàn thể chất lỏng trong dạ dày vọt ra khỏi mồm. "Đại uý nghĩ sao về sự hiện diện của người Mỹ?" "Down it!" Sáu lính Mỹ như đè trên vai trên cổ, Thuấn khum người xuống… Ọc!!

"Gì đấy ông?" Minh quay lại hỏi.

"Không". Thuấn gượng cười đưa điếu thuốc lên miệng. Khẽ liếc về bên trái, một đôi mắt đen đang mở lớn nhìn.

"Bây giờ mấy giờ rồi?" Thuấn quay sang hỏi Minh.

"4 giờ, còn sớm, ông về sao?"

"Không về thì làm gì. Ông về nhà cô Quỳnh Như có công việc, tôi làm gì nữa ở đây". Thuấn bỏ bớt ga, xe chạy chậm trong lòng cổng thành mát rười rượi.

"Cổng này là cổng gì?"

"Cổng Thượng Tứ đấy ạ!" Quỳnh Như đáp nhỏ nhẹ. Tiếng "đấy ạ" phát âm theo giọng Huế nghe hay hay. Các ông người Bắc thường khéo nói, sao anh Thuấn nói ít quá?

"Tôi nghe mấy người kia nói đủ rồi, hơn nữa tôi chỉ biết nói chuyện tiếu lâm".

"Như trông anh có vẻ buồn chuyện gì?"

"Con gái thường quá nhạy cảm nên nhìn quá đáng sự kiện. Tôi khi nào cũng thế".

"Ông ấy không buồn gì đâu, hôm nào chị nghe quan ba kể chuyện "Thầy bói đi tắm piscine" thì biết".

"Chuyện gì vậy?" Như tròn mắt hỏi Minh. Minh cười hất hàm phía Thuấn. "Chị hỏi ông Thuấn, sao hỏi em".

"Chuyện gì vậy, anh Thuấn kể đi".

"Đâu được, chuyện vớ vẩn ở bàn rượu. Đi vào lối nào đây Minh?"

"Quẹo qua trái, mình vào Đại nội chơi, về nhà làm gì".

Quỳnh Như mau mắn gật đầu: Ừ, vào Đại nội đi cho anh Thuấn biết nơi vua ở.

Thuấn lái xe đi chậm chậm giữa hai hàng cây xanh, chỉ vào hàng sấu. Đây có cây sấu trái ăn ngon lắm, từ lúc di cư vào đến giờ tôi mới thấy lại.

"Thế thì ông ở đây hái sấu mà ăn, tôi tạt qua nhà một chút".

"Làm gì kỳ vậy, nói chơi thôi, hết thời leo cây rồi…"

"Nhưng ông và bà chị tôi ở lại đây để tôi mượn xe về qua nhà".

"Ừ thì ông đi…"

Thuấn nhìn lên Quỳnh Như khó khăn.

"Cô Như đừng hiểu lầm, tôi hay lúng túng khi đứng một mình với người mới quen dù là đàn ông, tôi không quen cung cách này".

"Dạ". Như khẽ liếc về người đàn ông bên cạnh, nơi anh ta có điều gì lạ, vẻ bứt rứt khó khăn cố che giấu dưới nét mặt bình thản. Lòng người con gái bỗng xao xuyến khi nhìn Thuấn ngồi khom mình trên

bờ hồ nhìn xuống mặt nước xanh. Hết mùa hè, sen tàn chơ vơ vài cọng khô héo.

"Ở đây tịch mịch và buồn quá, chỉ hợp cho những người yêu nhau". Thuấn nói nhỏ nhưng Quỳnh Như đã lắng nghe. Nỗi xao xuyến bùng lên.

"Anh nói đúng".

Im lặng, khó khăn nằm giữa hai người. Thuấn đứng dậy bước đi dọc theo sân chầu, những tảng đá vuông vức mát lạnh im lìm, nét điêu khắc tuy không tinh xảo nhưng thể hiện một lớp quan phong kiến trong thời đại điêu tàn. Thằng cha tạc tượng biết thế nào cũng hết vua nên tượng nào cũng có vẻ buồn. Thuấn thú vị vì khám phá của mình, đi trở lại nơi Quỳnh Như ngồi. Mặt trời rọi bóng Thuấn đổ dài trên sân đá lạnh. Quỳnh Như nhìn Thuấn không e dè. Lễ hỏi, Bằng và toàn thể sinh hoạt của nàng sau hai mươi năm tự nhiên như vỡ nát. Mối tình của ta bi thảm.. Bằng và Quỳnh Như đã nói với nhau như vậy sau mỗi cơn ân ái, khi áo quần đã được mặc lại, ngồi nghiêm trang nhìn chiếc ảnh ở phòng Bằng. Nàng thấy buồn cười. Bi đát? Hình như nàng thèm muốn vị lạ lùng quyến rũ đó, Quỳnh Như nhìn người lính đang đi về phía mình đầu tóc hớt ngắn, vẻ mặt khắc khổ, có được nụ cười trẻ thơ nhưng vội vã che giấu. Tội nghiệp. Quỳnh Như thấy mình dò dẫm được một lối đi giữa khu rừng chằng chịt bủa lưới khó khăn. Thuấn ngồi hai chân buông thòng xuống bờ hồ:

"Cô Như biết sao mấy cái tượng có vẻ buồn không? Thằng cha đẽo tượng gì cũng tiên đoán hết còn vua nên tượng anh quan nào cũng như người đi đưa đám, cô Như thấy vẻ mặt của các bức tượng Tây phương đấy, mặt nào trông cũng hiên ngang đáng tiền cả, không hiểu muốn tạc tượng quan võ bây giờ người ta phải lấy khuôn mặt như thế nào?"

"Nếu tôi làm người dựng tượng, tôi tạc anh!"

"Tôi?" Thuấn nhìn xuống mặt nước. "Không được, tôi mặt ngựa tướng hầu chỉ để làm tài tử đóng vai độc, không làm tượng đẹp được". Thuấn lúc lắc đầu, cười tiếng lớn khoan khoái. Bình thản được lặp lại tự nhiên…

"Anh làm Như xúc động". Cách xưng hô thay đổi mau chóng. Thuấn ngừng cười nhìn Như. Cô gái Huế bình thường ước lệ đã mất, Quỳnh Như nhìn lại Thuấn không ngượng nghịu.

"Tôi có trực giác rất nhạy, biết người nào thương hay ghét mình trong lần gặp đầu tiên. Chắc lần này cũng không nhầm". Quỳnh Như gật đầu. Thuấn lần tay tìm bao thuốc trong túi, ngã người trên mặt cỏ, nhìn lên trời, trời trong xanh không mây sáng rực, liếc về phía Quỳnh Như đôi mắt đen vẫn nhìn chàng đăm đăm. Thuấn quay người một vòng, úp mặt vào bàn tay Quỳnh Như đặt trên cỏ. Da tay người thiếu nữ ấm áp mịn màng chạm vào lớp da chai đá nám đen của Thuấn. Bao nhiêu năm rồi, Thuấn không có xúc cảm với nồng độ thế này, tất cả khối tình cảm được giấu kín dưới vẻ mặt lầm lì khinh mạn, những tiếng cười ồn ào nặc hơi rượu. Nhưng sau tất cả ồn ào thô bạo đó, Thuấn thấy rõ mình, người với linh hồn đơn sơ nhạy cảm nhất, loại người tối mờ sương một mình chèo chống con đò cô đơn trong bóng trăng hiu hắt để biết có một khối tình hoá đá trong lòng. Đã một lần như thế và kiệt lực khi tình tan. Kiệt lực, Thuấn sợ hãi trăn trối nghiệt ngã của quả tim sau cuộc tình tan vỡ. Từ đó đến nay là năm năm, năm năm khối tình nép kín vào một góc linh hồn lâu lâu gây thành cơn đau nhói nhức buốt làm liệt hẳn người. Thuấn sợ phút giây đó. Không những sợ, Thuấn cạn vốn tình sau khi đạt đến đỉnh chót của tình yêu. Phím đàn đã chùng dây đồng rung vào độ cao nhất, lòng trống như khẩu súng đã bắn hết đạn. Đi tìm một tình yêu khác, Thuấn không làm được khi lòng còn nhức nhối với vết thương đầu đời. Sáu năm trước, thời gian sau khi ra trường, Thuấn vừa xong một khoá huấn luyện Biệt động, mãn khoá ngày mồng mười Tết, Thuấn gầy gò đen đúa như một tuổi trẻ tàn tạ. Thuấn hai mươi mốt tuổi, má hóp, tóc cạo trọc của ngày nhập học nay mọc lởm chởm khô cứng xấu xí. Trên chuyến xe về Sài Gòn bắt đầu bốn ngày phép, Thuấn gặp Bích Trân. Vẻ mặt lặng lẽ cùng những nét gian nan trên mặt người lính làm người thiếu nữ xúc động. Chú ý quay hộ cái kính gió lên. Thuấn khẽ liếc. Một khuôn mặt xinh đẹp hiền hậu với đôi mắt màu nâu thật lớn long lanh ánh sáng niềm nở, xuống xe ở một góc đường Sài Gòn, Thuấn xoay chuyển khó khăn bên cạnh người thiếu nữ, thế giới lính tráng vây bọc chung quanh đã lâu làm Thuấn lạ lùng bối rối với người con gái. Khuôn mặt xinh tươi có những ý nghĩ gì? Thuấn làm sao biết được. "Vừa rồi trên xe, sao cô gọi tôi là chú, tôi mới hai mươi mốt tuổi". Môi người thiếu nữ khẽ cười. "Tại vì em thấy

anh già quá, như trên dưới ba mươi". Tiếng em, anh, bất chợt làm Thuấn xôn xao. "Tại vì anh cực quá". Thuấn không hối hận vì đã thú nhận kể lể. Người thiếu nữ gây cho chàng cảm giác quen thuộc. "Em đi xuống tỉnh B làm gì?" Chữ em nói không khó khăn, chữ thần diệu lần đầu tiên Thuấn nói được. Trong âm thanh ngắn ngủi nhẹ nhàng kia, Thuấn thấy vẻ linh thiêng của một vật sở hữu ngàn đời không biến đổi. "Dạ, để gặp người fiancé, em không muốn lấy người đó". Thuấn nhìn vào mặt người thiếu nữ, Bích Trân nhìn lại. Năm phút đầu tiên gặp nhau quá ít đối với lượng thời gian từ vô thuỷ nhưng quá đủ qua những câu nói vô nghĩa, những ngón tay bối rối, tia nhìn ngượng ngập. Bỗng chốc họ như khám phá được lối đi trong rừng, họ gõ được cánh cửa trong đêm, gõ tuyệt vọng, nhưng cánh cửa đã mở và thấy được ánh sáng giữa bóng tối. "Anh có bốn ngày phép không biết làm gì, định đi Đà Lạt, em đi cùng, ngày mai anh đến đón?" Bích Trân bước lên xích lô. "Bảy giờ sáng mai em đợi anh ở ngã tư X". Thuấn gật đầu, di di ngón chân trên mặt đất. Có một điều gì nghiêm trọng vừa xảy ra… Những ngày Đà Lạt trôi êm như lớp sương kỳ ảo trên mặt hồ. Nửa đêm Thuấn thức giấc, chống tay ngồi dậy nhìn sang giường đối diện, Bích Trân ngủ co quắp, mái tóc mềm xoã trên gối, và vầng trán, thứ trán cao rộng thông minh nhăn lại đau đớn. Thuấn muốn ứa nước mắt. Sao khuôn mặt trẻ thơ hồn hậu này có vầng trán khắc khoải đến thế. Thuấn nhẹ chân bước xuống giường, lần từng bước đến quỳ gối bên nàng, đưa năm ngón tay đen bẩn đầy dấu những vạch gai sừng trâu, những ngón tay gian lao đưa dần tới đặt trên khối da thịt tinh anh mang bất hạnh tiềm ẩn… Bích Trân mở mắt, đôi mắt màu nâu thắm thiết tội nghiệp, Thuấn vuốt nhẹ những đường nhăn trên trán. Chỉ có tiếng thở và ngoài căn phòng cửa kín, gió thổi vút đi như cuồng phong. Hai dòngg nước mắt của người xa lạ này, nàng thấy hết lượng của một lòng thương yêu … Những giọt nước mắt rơi xuống … "Đừng khóc, anh van em đừng khóc". Tiếng nói bối rối đứt quãng, ngón tay vẫn vuốt những vết nhăn trên trán người con gái… "Em mười tám tuổi sao trán em quá nhăn? Tội nghiệp, anh thương em…" Bích Trân khép chặt hàng mi lại, vũng nước mắt ứa đầy, màn nước nóng chan hoà trên khuôn mặt ngây thơ bị đe doạ… "Đừng khóc, anh không biết gì hết!" Thuấn thảng thốt cúi xuống, nụ hôn đầu của ba ngày chung sống với nhau. Trong ánh sáng nhạt nhoà lạnh cóng, họ nhìn lại mặt nhau, hai kẻ xa lạ được trói buộc cùng nhau bởi định mạng… Bích Trân xoay người úp mặt trên bàn tay Thuấn, bàn tay đằm thắm đầy tiếng nấc bị nén…

Thuấn nhìn kẽ tay Quỳnh Như, những cọng cỏ sắc xanh, mặt nước hồ hiu hắt, nhìn lên, hai con mắt đen và những sợi tóc xứ Huế mượt mà. Thuấn bỗng thấy trống trải trong lòng. Ngồi dậy.

"Như vừa có lễ hỏi, sao có phản ứng này?"

"Như không biết. Mới gặp anh lần đầu. Như đã thấy có những biến đổi kỳ dị!"

Thuấn không nói, thở khói xuống mặt hồ. Cảnh vật tịch mịch, lá bàng rơi xào xạc, nắng chiều vàng rực trên sắc cỏ xanh… Thuấn hít thêm hơi thuốc, muốn nuốt hết lớp khói trắng xám vào hồn. Linh hồn trống vắng như mặt phi đạo sau khi phi cơ cất cánh, để lại trong không gian ảo giác ám động…

"Anh nghĩ gì? Có nghĩ xấu về Như?"

"Không, không phải thế". Thuấn vội vã quay về phía Như, đôi chân khép lại đặt ngược chiều sát vào chân người thiếu nữ. Không phải thế. Thuấn nắm hai bàn tay trắng mát vào giữa lòng tay mình, nhìn xuống hai màu da tương phản, lạ lùng ngăn cách. Có tiếng động từ xa, Minh bóp còi, ý hẳn đã tiên đoán được "tai nạn" giữa Thuấn và Quỳnh Như.
Xuống xe, Minh cười vang: "Xong rồi, chị đi về, bác đang trông. Ông Thuấn cũng nên về nữa, chiều lắm rồi, Việt Cộng xơi ông thì lãng xẹt". Khi Minh trở đầu ra, Quỳnh Như nói nhỏ: "Còn một vài giờ hết năm rồi, giờ khắc cuối thiêng liêng như giờ hấp hối. Như có thể nói không ngần ngại, Như yêu anh". Thuấn hít hơi thở dài như đang vác một sức nặng kinh khiếp.

Dựa lưng nỗi chết

Chương 6

"Bây giờ em muốn gì hãy nói thật với anh, anh có đủ bình tĩnh để đợi đến giờ này và nói với em bằng tất cả bình tĩnh, anh đã nổi giận và đau đớn, nhưng anh đã đè được xuống để nói với em. Muốn gì, em hãy nói rõ cho anh biết, chúng ta đủ khôn lớn để quyết định công

chuyện”.

"Em không có ý kiến, em không có gì để bàn cãi cùng anh!"

"Đừng dối, có, vì em đã nhìn thằng Đại uý bạn thằng Minh với con mắt khác lạ. Chưa bao giờ em nhìn ai như thế, em cũng không nhìn anh một lần nào được như vậy. Em ngủ với nó, em ân ái trần truồng với nó chắc anh không đau đớn bằng lúc chiều trong bữa tiệc khi em nhìn nó, bữa tiệc giới thiệu em với bằng hữu. Em đâm anh nhát dao trong lúc anh không ngờ nhất”.

"Nếu có một cái nhìn quan trọng như thế kia thì có chuyện gì xảy ra nữa? Em đã có thai với anh, tháng sau Tết đám cưới, sẽ có chuyện gì xảy ra?"

"Có, vì anh không còn em nữa, chỉ còn cái xác vô tri, thân xác nặng trĩu dục tình để anh hân hoan mang nó đến hết đời”.

"Em đáng ghê tởm và khinh bỉ đến thế sao?”

"Nếu anh ghê tởm và khinh bỉ được em thì dễ dàng biết bao, anh đã có em rồi, thân thể tinh khôi của em một tuổi dậy thì xa xưa anh đã đặt chiếc hôn đầu tiên đến bây giờ… Chuyện thể xác thì anh đã quá đủ với em, nhưng không phải thuần tuý như vậy, anh yêu em. Yêu, đúng với nghĩa sống bám vào đấy để cho mình ý nghĩa sống. Ba mươi năm ở thành phố này không chuyển dịch, không mới mẻ, anh từ nhà đến trường qua phố, đá gỗ thấy anh chắc cũng bật cười, anh mang nhiều hoài bão, anh xây nhiều dự định, nhưng anh đã làm được việc gì ngoài một vài bài thơ đăng báo ở Sài Gòn, mấy chứng chỉ triết học, anh làm một tháng được một ngàn sáu trăm đồng, có tiền mua bao thuốc, uống ly cà phê… Đâu phải đời anh chỉ có thế, nhưng anh yếu sức rồi, anh kiệt lực, anh vùng vẫy lấy đẹp, anh chui trong cái tổ tò vò chặt cứng tô nên bởi nước bọt của chính đời mình, và vì thế, bốn năm nay, em cần thiết như một cuộc phiêu lưu mộng tưởng, em là thiên đường mơ ước có kích thước, có hình khối, anh yêu em và trút vào đó hết phần đời cuối cùng của anh. "Anh lý luận tội nghiệp". Em là giải thích cuối cùng để anh sống. Nhưng trong buổi chiều này khi em nhìn thằng cha ấy anh đã thấy hết, hết thật, và khi anh lại nhà mẹ bảo em chưa về, chưa về có nghĩa là em đi cùng hắn với thằng Minh. Thế thôi, một cuộc đi chơi phiếm, nhưng anh biết kết

quả nó vô cùng, anh không quan trọng hoá cuộc đi chơi đó nhưng nó làm sáng tỏ cái nhìn của em lúc buổi chiều. Anh đã nghĩ đúng và bây giờ anh đau đớn nhưng gắng lắng xuống để nói cùng em…" Bằng nói thật đều đặn, hai tay bỏ trong túi, đầu cúi xuống.

Quỳnh Như ngồi im không trả lời, nàng không có phản ứng gì ngoài nỗi im lặng. Quỳnh Như thấy điều Bằng nói đúng nhưng câu chuyện cũng chỉ có thế. Thuấn sẽ đi và nàng thành người vợ, người vợ bình thường như tất cả mọi người đàn bà đã làm. Giải thích với Bằng thế nào đây? Quả thật nàng đã nhìn Thuấn khác lạ, nàng đã nhìn xúc động, mãnh liệt cao hơn và trắng hơn cả xúc động thể xác trong cơn tình ái. Nhưng hình như cũng chỉ có thế, nàng cũng không có đủ can đảm đẩy sự việc đi xa hơn. Chỉ có thế, chút cỏ may dính ở gấu quần, lượng nắng vàng trên mặt nước, nét bi thương có hình ngang trái. Có thể Quỳnh Như dừng ở chỗ này, nàng khao khát sự mới lạ trong mối tình, nhưng làm sao để nói với Bằng? Làm sao cho Bằng hiểu được nỗi buồn chán âm ỉ sao mỗi lần ân ái nồng nhiệt, sợi tóc mai đẫm vào trán, hơi thở dồn dập, lần mò tìm chiếc quần lót, ngửi mùi đàn ông chán chường từ Bằng bốc ra. Đời sống một người con gái chỉ chừng này? Những ước mơ dậy thì, những rung động ngất ngây cho một mối tình vĩ đại ở đâu?

Làm sao nói với Bằng nỗi chán chường mê man khi cơn bão dục tình thổi qua còn đọng lại trong thân thể chút nhơm nhớp đàn ông như lớp bùn trên đất khi con nước rút đi. Làm sao phá vỡ thứ keo đặc cứng ướt đẫm dính chặt vào mỗi tế bào đã nguội lạnh, thứ keo do chính Quỳnh Như cùng Bằng cấu tạo. Làm sao nói được với Bằng?

"Em không nói gì? Không phản đối lời anh nói? Em chấp nhận?”

"Không phải thế, em van anh, không có chuyện gì xảy ra hết. Em bây giờ là vợ của anh rồi, không có gì xảy ra hết".

"Nhưng còn ánh mắt của em khi buổi chiều, cái nhìn như dao cắt, nhìn như đổ thuốc độc vào người anh".

"Có thứ tội nào được xác định bằng cái nhìn. Không có gì cả, anh ta người Bắc, mặc đồ rằn ri, em thấy lạ, em hơi tò mò, chỉ có vậy, anh tin?"

Bằng nói cuối hơi thở. Anh tin, anh cố gắng tin. Chàng lầm lũi đi ra cửa, bước chân nặng nề.

Quỳnh Như liếc nhìn đồng hồ, 7 giờ 45. Mình xa chàng đã gần hai giờ, không biết đêm nay Thuấn có trở lại?

"Thôi nghe ông, đi chơi như thế đã đủ rồi, ở nhà để có chuyện gì tôi còn nhờ ông, tình hình có vẻ nghiêm trọng lắm, hai ông Lạc và Minh đi phép, ông đừng đi đâu nữa đấy". Tiểu đoàn trưởng nhẹ nhàng trách. Thuấn im lặng, chối từ điếu thuốc được mời.

"Ông giận tôi đấy à! Bố khỉ, tối hôm qua ông say, ngày hôm nay ông đi từ sáng lỡ có hành quân tôi đi một mình sao, vừa thôi, ít nhất ông cho tôi nói cho đỡ tức chứ!"

"Dạ vâng, Thiếu tá còn dặn gì nữa?"

"Đ… vào. Viên Thiếu tá nổi sùng. ĐM… Tôi chỉ muốn ông đừng đi nữa thôi. Khi nào hai ông kia về tôi cho ông đi phép".

"Vâng". Thuấn chào thật nhanh bước ra. Viên Thiếu tá lầm bầm chửi thề… "Mẹ, thằng nhỏ không biết điều".

Thuấn đi về nơi đóng quân, bực dọc khó chịu, điếu thuốc trên môi cứ mãi rít vào, trời lạnh, sương mù dày đặc, cứ có cảm giác vương vít khó chịu. Đã thế ông vọt đi Huế chơi cho biết mặt. Bản tính ưa chống đối được dịp bùng lên, thêm duyên cớ, Quỳnh Như, khuôn mặt thanh tú, và thân thể đầy đặn dỏng dỏng cao đang chờ đợi, tội gì cứ đeo cứng vào mối tình tuyệt vọng Bích Trân. Bích Trân giờ này ở đâu? Năm năm trời không thấy mặt, chờ đợi phải có hy vọng gặp… Thuấn chờ Bích Trân thêm bao nhiêu năm? Không một dấu vết. Nhưng khi ngồi lên xe trong bóng tối tìm công tắc, Thuấn chợt thấy mệt. Mệt, con đường trước mặt xa xôi nguy biến, sự liều lĩnh vô ích và khối tình xưa chắn lối… "Thuấn ơi! Em mười tám tuổi, yêu và sống hết mình cho một người, nhưng yêu anh để sống trong nỗi chờ đợi hoài hoài ngày anh về, và ám ảnh cái chết cứ mãi mãi trong người làm sao em chịu nổi. Thôi em xa anh trước để để tránh ngày phải mất anh…" Bích Trân đã viết bức thư ngắn ngủi đó trước ngày xa Thuấn… "Em chưa bao giờ khóc trước mặt một người nào, thuở bé bị đánh đau bao nhiêu em cũng cắn răng chịu đựng, em chỉ khóc khi ở một mình,

gặp anh sao em muốn khóc hoài, khóc mê mải. Hình như mười tám năm em gánh chịu tan thành nước mắt hạnh phúc trước mặt anh. Tối hôm qua em đã khóc một lần chót, em nhất định như thế, em khóc cho tình ta. Em đi, đừng bao giờ anh tìm kiếm". Không phải là bức thư, nhưng là lời trăn trối cuối cùng Bích Trân để lại cho Thuấn. Thuấn không phải chỉ nhớ, những nét chữ, màu sắc, mùi giấy đã khắc chặt những nét hằn sâu trên trí não Thuấn sống trong không gian vây bủa bởi mối tình ngắn hạn bi thiết đó. Năm năm, những giây phút ngặt nghèo khi chiếc trực thăng bốc cháy lao xao, tiếng hét của những người xung quanh, ngoài kia trời xanh xoay đảo theo sự cuốn tròn của độ rơi, rừng dừa dưới đất dâng lên ào ào đủ để thấy rõ cái chết, chết cụ thể, chết có thể đếm bằng thời gian, xa bằng khoảng cách, chết sờ được, ngửi được, mê man và sát mặt. Trong những giây phút ngắn hạn thiên thu đó, Thuấn đọc lại hết bức thư, nhìn lại hết nét chữ xiên xiên đều đặn, tờ giấy viết thư cong queo, chữ “em” ốm yếu, Thuấn thấy lại toàn khối tình yêu sáng rực một lần trước khi giáp mặt cái chết. Sống với tình yêu Bích Trân như thế vừa đúng năm năm. Nhưng bây giờ Thuấn đang rồ xe máy, con đường về Huế đen tối xa hun hút, mười bảy cây số và đồng ruộng lặng lẽ, ếch nhái kêu vang động thê lương. Thôi, phải đóng cho đủ vai trò, tìm lại mặt thật của tình yêu và chính mình trong đó. Bích Trân đâu, về đây dự phần anh hoả táng tình em. Thuấn lái xe nôn nóng, cảm giác nôn nóng quen thuộc đã bỏ qua từ lâu. Quỳnh Như, nước da trắng mát, đôi mắt đen, bầu ngực căng tròn quyến rũ, bao năm rồi Thuấn không có được cái thân thể nồng nàn quyến rũ đó, Thuấn chỉ có những ly rượu, rượu mê mải và những cơn ái tình nhơ nhớp thô bạo.

Thuấn chỉ có những cơn tình ngắn ngủi thô bạo đó, lượng sóng tinh khiết đã kéo ra khơi, còn lại trên bát ngát linh hồn thứ rác rưởi khô héo của một đời gian nan. Thuấn không có thì giờ và cơ hội để nắm được trong tay giọt sương linh thiêng của tình yêu. Chiến tranh và Bích Trân quét một nhát cuồng phong trên đời Thuấn.

"Sao Đại uý không có bồ có vợ gì cả". Thằng Thiên đã hỏi như thế.

"Mày coi có bà già nào chỉ tao tới, lấy liền, còn mục học sinh con nhà lành "tìm bạn bốn phương" tao không ham, lẩm cẩm và nhà quê bỏ mẹ…" Thuấn đã nói với gã lính thân tín như thế. Gã lính cười, nó biết đâu cơn sụp đổ điêu tàn trong lòng Thuấn. Nhấn thêm gaz, chiếc xe chạy như cơn hốt hoảng muốn chạy trốn nỗi tang thương, muốn bắt

kịp hình dáng sáng tươi của thanh xuân. Quỳnh Như, thịt da bí ẩn đợi chờ Thuấn trong bóng đêm cùng với nỗi cảm xúc nhiệt thành bất chợt. Thuấn mở lớn hai mắt, máu dồn lên thái dương, hai tay bấu chặt tay lái. Một con người thật quen thuộc nào được hồi sinh. Xác ma trong giây phút âm dương hoà hợp chợt đứng dậy, hối hả sống cùng đời.

Ánh đèn xe quét vội lên mặt hàng rào nhà Quỳnh Như. Một bóng trắng thấp thoáng. "Anh". Tiếng nói thảng thốt mừng rỡ cuối cơn nôn nóng, rất cuồng nhiệt. Thuấn thắng mạnh, tắt đèn, nhảy xuống xe, bước về chiếc cổng gỗ đang lay động. “Em”. Trong bóng đêm mờ sương buốt giá, dưới tàn cây xanh, hai người im lặng sít sao chặt chẽ, chỉ có tiếng thở đứt khoảng và nụ hôn sũng ướt. "Anh lái xe lại đàng kia, tắt đèn đợi em lấy áo choàng".

Quỳnh Như biến ra khỏi nhà. Trong nhà vang tiếng hỏi: "Tối rồi, đi đâu?” Quỳnh Như không trả lời, nàng khép tà áo chạy nhanh hơn. Đàng kia tình yêu, cuộc phiêu lưu kỳ lạ đang chờ đợi.

"Anh quẹo phía trái".

"Đường gì tối mò vậy?"

"Đường Âm Hồn, ngã này ít người quen, em không muốn cho họ thấy".

"Em sợ?"

"Cũng không hẳn thế, anh đi về phía tay trái nữa, lái chậm để em chỉ đường…”

Bây giờ xung quanh là bóng tối, mặt hồ đen thảm hơi bùn non, cá đớp mồi nghe xa xăm.

"Hồ này là hồ gì? Lạnh và vắng quá…"

"Hồ Tĩnh Tâm, thuở xưa vua đến đây chơi… Bây giờ mình đang đứng giữa một giả sơn, ban ngày đẹp lắm”. Thuấn kéo Quỳnh Như ngã xuống. "Khoan để em lót chiếc manteau, nền đá dơ lắm”. Thuấn cởi chiếc áo saut cuốn tròn một cục. Gối cho em đấy. Thuấn thấy

hàm răng của Quỳnh Như sáng trắng. “Anh có nghĩ em bất thường?”

"Không". Thuấn kéo Quỳnh Như sát vào người.

"Anh với em cùng thấy tương lai cuộc tình ngắn hạn, gắng sống cho đủ”. Quỳnh Như gật đầu trước khi chìm đắm vào nụ hôn. Thuấn hít thật đầy qua lớp áo mỏng, mùi thịt da Quỳnh Như như khối không khí được nén lại nặng trĩu kích thích.

"Khi em ra với anh, ở nhà biết?"

"Nhưng em bất kể, em không còn với anh bao lâu nữa".

"Người Huế vốn kín đáo”.

"Nhưng đâu phải không biết liều lĩnh”.

"Lần đầu tiên anh quen với một người Huế, bề ngoài của em không phản chiếu gì con người bên trong của em hết, lúc về nơi đóng quân, anh còn lấy làm lạ phản ứng của em".

"Vì anh là thứ điện làm em bốc cháy, anh là loại người giúp người khác sống hết mình".

"Anh chẳng thấy được quý tính ấy, nó như thế nào?"

"Đừng đùa, em nói thật, anh có cái vẻ người bạn thân từ lâu, gây cho người ta ý muốn được tâm sự”.

"Anh không biết điều đó, nhưng anh biết được người nào thương hay ghét mình ngay lần gặp đầu tiên".

"Anh đã nói điều này khi chiều rồi, anh có đoán được hành động của em không?”

"Có, nhưng không đến nỗi như thế này, anh nghĩ em chỉ có một thoáng cảm tình, thứ "hồn bướm mơ tiên".

"Và anh thụ động?”

"Em muốn anh làm những gì? Em đã có chồng…"

"Mới lễ hỏi thôi, chưa đám cưới, nhưng em muốn nói về phần anh, anh không biết liều lĩnh?”

"Liều lĩnh". Thuấn cười nhỏ. "Anh biết chứ, nhưng liều đến đâu, mang em đi, thú thật anh không nghĩ đến điều đó, vì anh… mệt, anh mệt thật tình, sống đã khó, mang thêm một tình yêu trắc trở anh làm không nổi".

"Anh hối hận về em?"

"Không, anh hãnh diện và sung sướng được yêu em, em đánh thức anh dậy, anh ngủ mê hơi lâu. Anh muốn được yêu, anh đi tìm điều này". Rất nhiều thành thật trong giọng nói. Thuấn thấy rõ nỗi thành tâm cay đắng. Hai mươi sáu tuổi, số tuổi vững vàng và đẹp của người thanh niên, nhưng Thuấn đã không sống cùng với nó. Trên chiếc chiếu thanh xuân của đời mình chàng chỉ thấy lúc nhúc hỗn độn những buồn phiền có hình khối, mùi vị, thứ mùi vị lạ lùng của thây người chết bốc lên theo vết thương tím thẫm máu bầm. Hơi chết, hơi thuốc súng hỗn hợp hoà tan thành khối không khí nhạt nhoà xanh tươi, tuổi thanh xuân của Thuấn lên men kinh dị trong môi trường đó. Tuổi hai mươi sáu của Thuấn đầy dẫy tiếng động rên siết của xe nhà binh đi qua cầu hãm lại, chiếc thùng gỗ ném xuống … Bục! Tiếng rơi lạnh tanh đắng cứng như lưỡi dao đi xuống một đường cổ trần trụi. Tuổi trẻ của Thuấn chỉ có niềm vui khi bỏ đá vào ly và lượng rượu màu vàng chảy xuống, đường suối thênh thang đoản mệnh bọt bèo, thuốc độc của thượng du mời uống vào để bay là đà trên mặt trời lận đận…Tuổi trẻ hai mươi sáu của Thuấn giống như lớp tro tàn của ngôi nhà bị cháy, còn trơ lại chiếc cột đen đúa sừng sững giữa một trời mây xuống thấp.

"Sao anh yên lặng?"

"Không, anh bàng hoàng với tình yêu của em". Quỳnh Như nằm hẳn trên người Thuấn, nụ hôn mê mái bần bặt.

"Em làm anh thèm muốn!"

"Không quan hệ, em chìu anh… Em cũng thế…"

Thuấn lần tay mở hàng nút áo, thịt da xôn xao trống trải, hai cồn ngực của người thiếu nữ vừa trở thành đàn bà cứng ngắc. Thuấn di động hơi thở trên đó, Quỳnh Như run thiêm thiếp dưới nụ hôn. Lâu lắm Thuấn mới lại có cảm giác này, làm chủ được thân thể người khác, thân thể giới hạn nhưng có những rung động mở ra vô cùng.

"Anh yêu em". Nhiều thành thật và sung sướng trong tiếng nói thì thào. Quỳnh Như không phải ôm Thuấn bằng hai tay nhưng bởi sức mạnh thèm muốn của một đời mơ ước. Đêm yên lặng, mặt đá cứng, nỗi u tịch rì rầm trong lá nhỏ, dưới mặt hồ cảnh vật thấp thoáng tan vỡ, lung linh. Mối tình này cũng vậy. Chút nước tìm được trong sa mạc bốc cháy uống cho hết, uống mê man. Quỳnh Như cào cấu rên siết trên mối tình đột khởi do nàng vừa xây đắp.

"Anh, em chết mất, bỏ anh sao được… Anh thân yêu".

"Thôi, anh phải về, khuya rồi".

"Anh về đâu?”

"Về ngoài chỗ đóng quân, cây số 17”.

"Đâu được, bây giờ Việt Cộng đầy đường, anh làm sao về được?!!”

"Không quan hệ, anh hành quân vùng này suốt mấy tháng, chỉ có du kích, để đèn mắt mèo chạy cái ào sức mấy tụi nó biết…"

"Không, em van anh, lỡ có chuyện gì em ân hận suốt đời… Hay anh vào nhà em".

Thuấn mỉm cười. "Em định tập cho anh thành Casanova tân thời? Phần anh, thì không kể, ngại cho em…"

"Không cần, em bất chấp tất cả để gần anh, em cũng lạ với chính mình, không hiểu sao em yêu anh đến thế. Buổi chiều khi anh về, em đếm từng phút, bảy phút, hai mươi ba phút, mỗi phút em nhớ anh theo một cách khác, hình như có khối gì thật nặng đè lên trái tim, em thở không nổi… Cơm chiều không ăn nhưng em không đói, nếu tối nay anh không đến chắc em không ngủ được. Không phải là tình yêu

thuần tuý, nhưng là cơn điên bất ngờ làm nổ tung niềm ấm ức của đời em. Không phải em bị quyến rũ gì ở anh nhưng anh làm em thấy rõ mình, anh làm em sống hoàn toàn cho mình". Quỳnh Như ngồi rũ xuống, tóc đen hơn bóng đêm. Từ trong khối đen xôn xao đó Thuấn nghe tiếng nói và nhịp dập của quả tim. Đã từ lâu Thuấn không nghe lời này, những lời của người nói cho người.

"Được, em vào nhà mở trước cửa sổ đợi, anh chạy vào trong chỗ tiền trạm gởi cái xe xong sẽ đến cùng em…"

Quỳnh Như gật đầu, nụ hôn không rời trước khi chia tay. Cửa sổ phòng Quỳnh Như đã mở sẵn, bóng người thiếu nữ thẫm hơn nền trời. Thuấn leo vào, cửa sổ đóng chặt lại. Ngoài kia trời cuối năm xứ Huế rét cóng được xua tan.

"Sao anh đầy mồ hôi thế này?"

"Anh chạy từ trong tiền trạm ra… Để anh cởi bớt áo, nực quá…"

"Đừng cởi áo trời lạnh lắm, mười bốn độ, vào nằm sát em…"

"Em không thẹn với anh? Tiếng cười khúc khích ấm áp…"

"Chỉ một lần với anh và thôi, đừng nói gì nữa, em muốn nằm im…"

"Anh cũng thế, năm năm sau này anh chưa nằm trên giường civil một lần, chỉ ngủ võng, về hậu cứ nằm giường sắt nhà binh, anh bắt đầu lạnh rồi. Nằm trong chăn với em ấm thật, buổi sáng gặp em anh đâu nghĩ đến lạc thú này… Quỳnh Như…"

"Gì anh?"

"Em có thể bỏ nhà vào Sài Gòn ở với anh?"

"Em cũng nghĩ thế nhưng chắc không được, không thể được?"

"Lý do chính?"

"Rất nhiều lý do nhưng trở ngại chính là anh và em… Hỏi thật lại mình có muốn sống hẳn với nhau không?"

Thuấn im lặng, câu nói Quỳnh Như như ánh sáng lóe lên trong căn phòng đồ đạc đã được dọn đi, người chủ trở về tìm kiếm sau thời gian dài vắng mặt. Thuấn cảm thấy khó khăn, chàng khẽ chuyển động cánh tay. Quỳnh Như biết ý, ngửng đầu dậy, cánh tay được rút ra, Thuấn khoanh trước ngực.

"Anh đừng nghĩ ngợi, mình chỉ có một chút thời gian để sống cho nhau, những quyết định mai sau chưa tính được trong lúc này, một biến cố trọng đại nào sẽ giúp cho mình thấy được ý định có cần chung sống với nhau hay không".

"Em quá khôn!"

"Không phải, nhưng vì là đàn bà em có linh cảm nhạy hơn đàn ông, hơn nữa em khởi đầu tai nạn này…"

"Tai nạn?"

"Tai nạn mê đắm…"

Bốn cánh tay xoắn tròn lấy thân hình chặt hơn nụ hôn không vừa đủ, phải cấu vào thịt, phải ngậm chặt vào xương, phải ép sát, cào cấu rên siết để uống cho hết lượng cảm xúc, hít cho hết hơi khoái lạc. Không đủ, thân thể như thành trì không chinh phục được, có những khoảng sâu xa xôi quyến rũ mê đắm mãi không tìm thấy… Đây rồi, thân thể có những vật dụng riêng, những quý vật thần bí và tuyệt vời.

Bằng rú gaz, chiếc xe gắn máy chạy nôn nao trên con đường đầy núi và bóng tối. Trời lạnh, sương mù, ánh đèn xe vệt một đường vàng úa trong khối không khí xám đục. Sương quá dầy không thấy gì ngoài một khoảng đường đất đỏ, xe lên dốc xuống dốc rú tiếng lớn, tiếng rú nghe nhức nhối vọng lên trong đêm khuya được gió mang đi xa len lỏi vào trong rừng dương… Tóc Bằng xoã xuống trán, bay ngược đàng sau, người chông chênh nhún nhảy theo đà nẩy của thân xe. Lâu lắm Bằng không có hành động hung bạo này, Bằng đang đi dưới chân Ngự Bình, hai bên sườn núi mồ mả mông mênh dằng dặc. Quá khứ của người Huế đưa nhau ra nằm hai bên sườn núi này. Đây là quê hương của người chết, số đông gấp đôi những người đang sống dưới thành phố. Có những ngôi mộ của năm 1900… Đến nay là 70

năm, bảy mươi năm già của nghĩa địa có bề ngang từ An Cựu qua Nam Giao và dài dài lần theo hướng Nam. Bằng ước tính chiều dài khoảng mười cây số. Ba mươi cây số diện tích đủ chỗ cho bao nhiêu người nằm xuống? Mộ trắng, mộ đen, thánh giá hay hoa sen nằm chen chúc hỗn độn dưới ánh đèn của chiếc xe gắn máy, Bằng tưởng tượng hàng trăm ngàn bộ xương người dưới đất đồng loạt đứng dậy, hàng triệu tiếng la từ khe hở của quan tài theo chân cỏ, cọng hương vang lên the thé giãy giụa. Hồn ma nào chẳng có uất ức? Người Huế có những cái chết đẹp như cụ Hường Phong sáng sớm trước khi chết tự tay pha ấm trà nhỏ, bước chậm rãi ra vườn hái bông hoa lài, một hoa cắm ở bàn Phật, một thả vào lớp nước xanh bốc khói. Cụ Hường tụng một đoạn kinh Thuỷ Sám; tiếng tụng kinh chậm rãi khoan thai rọi sáng căn nhà thờ u ám, tiếng tụng kinh lách qua chân cửa sổ sơn đỏ bay là đà trên lá ổi, lá sầu đông… Cụ Hường Phong điểm tiếng mõ nhẹ nhàng, nhẹ dần, nhẹ dần, giọng kinh chuyển sang chơi vơi mơ hồ như âm thanh rạt rào của tiên tri sóng hư vô vọng từ nơi xa. Cụ Hường chết khi rơi xong tiếng mõ cuối cùng. Nhưng người Huế cũng có những cái chết kinh khiếp, chết như bà Bộ Vĩnh, như cụ Ngáo. Bà Bộ Vĩnh giàu nứt vách đổ ngói, bà Bộ Vĩnh giàu với vàng phải tính bằng ký lô. Lụt năm Thìn rút đi, người ta đói khổ thiếu đường phải chết như năm Thân, năm Dậu, bà đem vàng ra phơi đầy sân đỏ chóe cả trời.

Nhưng khi bà Bộ Vĩnh chết không có được cái quan tài, thân thể bó trong chiếc chiếu rách buộc chặt bởi sợi dây thừng, con cái đi vắng, hàng xóm lo chạy lụt, xác bà triệu phú giàu nhất Huế nổi lềnh bềnh trong căn nhà rộng thênh thang, lũ chuột đói bò lên trú ẩn, chúng ăn vào cái phao nổi đó trong những ngày mưa gió … Nước rút đi, cái xác chết của người có vàng phơi đầy sân còn lại một đống xương nhơ nhớp. Những người chết sung sướng và tang thương của xứ Huế đều được chôn ở đây. Bằng đi qua quá khứ quê hương với một đầu óc nổ tung phẫn nộ… Bằng nghĩ đến cái nhìn của Quỳnh Như với gã lính Nhảy dù, người chàng lao đao muốn nôn khan.

Bằng biết Quỳnh Như từ thuở bé, người con gái bề ngoài lặng lẽ đó có một mơ ước kỳ lạ, nàng mơ những điều không thực, nàng ao ước

được nguy biến, nàng muốn sống theo nghịch lý hỗn loạn. Sức Quỳnh Như không thực hiện được. Bằng cũng vậy, nên hai người níu kéo dày vò nhau trong không khí đặc quánh chán nản của một xứ Huế khép kín. Họ đưa nhau vào chốn ào ạt dục tình để đánh nhau từng đòn chí tử thê thảm và tuyệt vọng… "Cái quần lót đâu?…" “Lỡ có thai rồi sao?” Những phút giây biến động hạn hẹp trôi qua, phút giây bềnh bồng trong thiên đường có cường độ và kích thước, những phút giây ngắn ngủi bèo bọt đó chấm dứt thật nhanh và họ thấy lại nhau… Thấy thật rõ, loài chim cuốc vụng về lủi vào bụi cây hoang để tưởng đang thong dong trong cảnh rừng thẫm bóng. Bằng biết Quỳnh Như qua bạc nhược của mình. Gã lính xuất hiện đúng lúc.

Bằng thấy nhức mỏi, rũ rượi, có đổ vỡ toàn diện của chiếc gương soi rõ được thảm thương đời mình. Chiếc xe chạy lồng lộng, núi ban đêm xao động dưới ánh đèn quấy đục sương giăng.

Đến cổng chùa Từ Nghiêm, Bằng không tắt đèn, bẻ cổ xe để ánh đèn rọi xuống thung lũng trước cổng chùa. Đáy thung lũng tím thẫm, hàng ngàn côn trùng rả rích thê lương. Bỗng chốc tiếng rì rào buồn nản như vụt tắt, vạn vật chìm thấp xuống một vùng đen tối mịt mùng… Tiếng rì rào lạ lại nổi dậy ở một góc núi xa hơn. Bằng bấm còi xe, trong chùa có ánh đuốc, hai bóng nhỏ hiện ra dưới ánh sáng lập lòe của ngọn lửa.

"Ai đó, làm chi mà khuya khoắt rứa?"

"Tui, thầy Bằng đây hai điệu, hai điệu vô nói với thầy Trí Không có tui cần gặp, chuyện quan trọng dưới Viện Đại học”.

"Dạ". Hai chú điệu tất tả đi vào.

"Có gì vậy, anh Bằng?"

"Vâng, rất quan trọng". Bằng tắt đèn, bóng tối dày đặc, rừng xung quanh đen thẫm. Chuyện quan trọng, thật ra đến mai Bằng nói cũng

vừa nhưng biến cố của buổi chiều, cuộc cãi lộn với Quỳnh Như làm Bằng lao đao, một mình đi lên núi trong đêm khuya, Bằng muốn phá vỡ hết nỗi hốt hoảng riêng ta trong lòng.

"Tôi sẽ nói vắn tắt xin thầy quyết định mau chóng. Hôm nay là hai mươi chín Tết còn một ngày nữa là cuối năm, có những biến động vô cùng quan trọng, lệnh tổng phản công được ấn định rồi, thầy không cần biết điều đó, sau giờ quân đội Cách mạng làm chủ thành phố Huế, chính quyền hiện tại, tôi ở trong Uỷ ban Thanh niên, thế nên hôm nay đến đây mời thầy gia nhập Uỷ ban đó, thầy phụ trách về thanh niên Phật tử".

"Tôi?" Đại đức Trí Không khẽ rùng mình: Thanh niên Phật tử những người trẻ tuổi hào hùng, bỗng chốc bùng lên tàn ác. Thanh niên Phật tử, Đại đức Trí Không đã thấy hôm đốt phá Thư viện Mỹ, đám tuổi trẻ quần xanh áo trắng mang dép nhào vào biển lửa, cấu xé, gào thét trên từng trang giấy, trên mỗi mẫu tự, họ say sưa cuồng sát trên đống chữ nghĩa vô tri một cách ma quái. Đại đức sẽ phụ trách dẫn dắt họ, tuổi trẻ phải có mục tiêu, nhưng mục tiêu nào của họ đây? Người Mỹ, thật ra chỉ là tên gọi tổng quát sức mạnh siêu đẳng của văn minh Tây phương. Đất nước này là nơi nôn mửa của các nền văn minh, Tàu, Ấn, Nhật, Pháp và bây giờ là Mỹ… Tất cả sự no nê thừa thãi trong lòng các thứ văn minh kia đã đổ xuống đây. Họ nôn xuống để tiêu tan cơn thặng dư khó chịu gây thành chứng choáng váng tăng máu… Đại đức Trí Không sẽ thống lĩnh đám trẻ tuổi hăng hái, đã trút giận hờn trên những trang sách ngoại ngữ khó đọc, sách mà tuần trước họ đã kính cẩn nghiêm trang xếp hàng đi mượn sách… Đại đức Trí Không sẽ làm lãnh tụ đám trẻ tuổi xôn xao ấy để nói những gì… Người Mỹ bẩn thỉu, Đế quốc mới… Chiến tranh phi nhân, chiến tranh của bọn lính đánh thuê… Cực quá thầy ơi! Trung sĩ Tròn của Tiểu đoàn mười chín Nhảy dù, loại lính tàn ác nhất của lũ Nguỵ, cởi chiếc áo, lạnh quá, hai xương vai nhô lên gầy guộc không căng nổi lớp da nhăn nheo… Tui bốn mươi hai tuổi rồi thầy… Đại đức sẽ đưa tuổi trẻ về đâu?

"Thế nào, thầy chấp nhận?"

"Nếu tôi không…"

"Thì những người chỉ huy quân đội Giải phóng sẽ suy diễn: Chùa đã

cho lính Nhảy dù ở, thầy đã có những liên lạc chặt chẽ với đám sĩ quan”.

"Những điều vô lý, ai cấm được họ vào đây, câu chuyện giữa họ và tôi có liên hệ nào đến chính trị?”

"Những người chỉ huy kia không nghĩ như thầy, chùa này tồn tại hay không do quyết định của thầy!!”

"Nhưng tại sao lại chọn tôi?"

"Thầy là nhà sư trẻ có sinh hoạt gần với thanh niên, không phải tôi chọn thầy, nhưng chính Mặt trận ra lệnh tôi móc nối với thầy vào công tác".

"Bao giờ khởi sự?" Nhà sư đè xuống xao động để nói giọng bình thản…

"Thầy cứ ở chùa, đừng đi đâu, sẽ có người đến đón ngày mai hay mốt, thầy cứ giữ cây súng này".

"Tôi không biết bắn súng và để làm gì?" Đại đức Trí Không luồn hai tay vào cánh áo rộng, bàn tay siết chặt vào nhau kìm xuống cơn hỗn loạn. Nhưng không được, giọng nói đã có nét bi phẫn, người tu hành nhìn thấy một giờ phút sắp đến phải nổ viên đạn quái ác vào một người nào đó… Đại đức Trí Không thở hắt ra… "A Di Đà Phật…" Cuộc đấu tranh kinh hoàng đã đến, nhà sư gọi đấng Chí tôn sự trợ lực.

"Súng này là súng rouleau, bóp cò là nổ, có đạn sẵn trong đó. Mặt trận đã tiên liệu trước vì thầy không biết bắn súng, đáng lẽ người ta phát cho thầy loại K.54”.

Nhà sư muốn hỏi K.54 là gì, nhưng thôi, một lớp lo âu đã che lên linh hồn yên tĩnh. Khẩu súng lục ở tay, bộ áo quần tu hành không được tiên liệu để mang vũ khí, nhà sư giấu trong vạt áo nâu, hai tay ở ngoài ôm lấy… "Thôi anh Bằng về". Bóng nhà sư thẳm hơn bóng đen của rừng, đêm gió thổi luồn qua rừng dương dưới thung lũng nghe vật vã. Bằng đưa chân lên đạp máy, chàng thấy mệt mỏi thật sự.

Bằng cho xe đi chậm, lạnh cuối năm như dao cắt, buốt giá luồn sâu trong thịt xương. Bằng run rẩy đốt điếu thuốc, đóm lửa lòe lên trong đêm trông như ma trơi. Bằng nhìn đồng hồ: 10 giờ 45 phút, thở hơi khói vào sương mù. Muốn tan thành thứ khói vô tri.

10 giờ 45 phút, Thuấn chồm lên người Quỳnh Như.

"Sao anh khoẻ thế, lần thứ ba…!!!"

"Anh nhịn lâu rồi, để anh thoả thuê trên em bù lại…" Tiếng nói đứt khúc vì hai đôi môi đã gắn chặt.

"Nhẹ anh, mạnh quá đau em, em có cảm giác lên thật chậm nhưng chắc chắn khi anh nhẹ nhàng em mới có cảm giác đó". Quỳnh Như thì thào, năn nỉ, từng tiếng động một di động khó khăn tạo thành những câu nói đứt khoảng…

"Anh tu hơn tháng nay…"

"Và trước tháng nay?"

"Cũng thế, anh thuộc loại nặng tình dục nhưng không thể ôm một thân thể khác phái nếu không xúc động. Năm năm nay anh không có sinh hoạt thú vị này… Tạm nghỉ, để luận về tình yêu?…"

"Dạ, em mệt muốn ngủ, khi có đủ em muốn ngủ, những đầu ngón tay căng cứng… Em thiếp đi thật thần diệu… Anh bảo anh năm năm nay?"

"Ừ, gái điếm chỉ đến khi quá độ chịu đựng, chóng vánh và thuần tuý của động tác cơ học để cái của anh được đụng chạm, khích động thế thôi…"

"Không qua một cô gái nào với chút tình yêu?"

"Không, hoàn toàn như thế, tuy anh lông bông nói xạo cả ngày, nhưng anh thấy già, già cằn cỗi, sau trận Đồng xoài, em biết trận Đồng Xoài năm 1965? Đấy, anh tập uống rượu sau trận đó… Rượu làm cho dục tình tăng nhưng lại chặt đứt phần tinh tế của sinh hoạt yêu đương. Rượu đốt cháy thật nhanh những cảm xúc linh diệu của

động tác ái ân… Nên anh đã đi qua tuổi trẻ mình không tình yêu. Tình yêu, với số tuổi và cách thế sống lính tráng anh quan niệm hơi thô bạo. Tất cả sinh hoạt phong phú tinh thần phải được thể hiện trên ân ái, anh không đến nỗi tuyên bố được như ông nội nào đó – Chiến trường của tôi là cái giường – Anh không được như vậy, nhưng bảo anh yêu kiểu ái tình cao thượng, tặng cái hoa pensée, hỏi em có thích màu tím không, có thích nhạc Trịnh Công Sơn… Tình yêu là kết hợp của hai cô đơn!!! Những cái đó không có anh, anh là lính Nhảy dù, thực tế và cụ thể. Yêu là sống hết và cho đủ, yêu là sống trong người yêu… Hà hà, hôm nay anh luận về tình yêu kỹ quá, ra vẻ có học lắm rồi… Lấy anh điếu thuốc".

"Suỵt, anh nói nhỏ, bà già em nghe được thì khốn".

Thuấn nghĩ thầm, nếu có thể anh yêu bà luôn. Thuấn bằng lòng với ý nghĩ mất dạy thoáng qua.

"Anh bảo năm năm nay anh không yêu nhưng trước kia thì sao?"

"Trước kia có, có một lần độc nhất, choáng váng, ngất ngư, người nặng như đá, hút chặt vào da như đỉa, một lần rồi kiệt lực luôn. Lúc đó anh mới ra trường, nửa trẻ con, nửa người lớn. Từ bao nhiêu năm trước, lúc mới ra trường, anh đã thấy mệt, mệt rõ ràng, không phải đợi đến năm nay lúc hai mươi sáu tuổi, sáu năm đi như con ma dọc hết nửa nước Việt Nam. Nhưng từ lúc mới hai mươi mốt tuổi đó, còn ham đội mũ đỏ, mặc áo hoa rằn ri, anh đã thấy trước một đời sống phiền muộn và nhọc nhằn. Hơn ai hết anh không sợ khổ, khổ thể xác chỉ là cách tôi luyện bắp thịt. Lúc học Biệt động quân, từ Ninh Hoà tới Dục Mỹ mười bốn cây số anh chạy chỉ khoảng năm mươi phút. Anh hai mươi mốt tuổi, bắp thịt dẻo dai như con ngựa rừng, cơ thể qua khổ cực dễ dàng không chút khó khăn, nhưng lúc đó anh đã thấy đời sống nhà binh khép lại từ từ, như thằng người ngồi trên nóc nhà nhìn nước lụt đang lên từng phân, từng tấc rõ ràng, nước dâng có tiếng động róc rách ngấm thành một lớp loang sẫm trên cây cột màu vàng… Hơn nữa anh không thích làm lớn, chắc chắn như vậy vì em thấy làm lớn ở đất nước này để làm gì, mở hotel cho Mỹ mướn, mở trại heo… Làm Tướng để có đủ bộ ba, phương tiện, lo hộ chuyện đó sao? Anh không ham. Hay làm lớn để đi xe bọc nệm trắng, xua quân ào ạt vào mục tiêu, trên trời có Đại tướng, Tổng thống gọi máy nói liên lạc từ trực thăng xuống để nói chuyện… "Danh dự tất cả

quân lực ở trong tay anh…” “Vâng, tôi nghe rõ Mặt trời", xong anh thúc lính tiến chiếm mục tiêu, tịch thu súng 12 ly 7, súng cối 82 ly, hoả tiễn 122 ly, rồi được gắn Bảo quốc huân chương, được mấy thằng ở đài truyền hình, truyền thanh rà cái máy vào mặt để hỏi. Xin Trung tá cho biết diễn tiến trận đánh… Làm lớn để được chừng đó, anh đâu cần… ĐM, có cái thằng khoá đàn em của anh mới Thiếu uý khi được phỏng vấn hỏi đến tương lai, nó trả lời: “Ít nhất tôi phải được làm Tướng", bố khỉ, làm Tướng để được hút Craven A mua bằng tiền quỹ hoả thực, có sĩ quan tuỳ viên bật hộp quẹt thì làm chó gì, Tướng vậy là Tướng giấy…"

"Anh có vẻ cay cú?"

"Chẳng phải, nhưng anh muốn nói rõ tâm trạng của mình lúc ấy, em thấy anh đã mệt từ cuộc đua khởi đầu… Và lúc đó, đồng thời cái “tai” nạn thiên thu xảy đến…” Thuấn ngừng nói, lặng hút điếu thuốc đang cháy đỏ.

"Rồi thế nào nữa?"

"Rồi… hết, chỉ có vậy, anh bị đè cứng, hết nhúc nhích!" Thuấn dí điếu thuốc vào chiếc dĩa dùng làm gạt tàn thuốc, xoay người lại… Thôi, không nói nữa. Luận hoài, mệt… Ôm anh…"

Quỳnh Như nhích người ra. "Nhưng tại sao anh không nói rõ chi tiết tai nạn gì đấy?”

"Em không cần biết!" Thuấn lăn vào kéo môi trên phần ngực trắng hồng… Quỳnh Như bất động, nhìn lên trần nhà.

"Anh vẫn còn muốn giấu em".

"Không phải đâu, nhưng chuyện ấy không liên hệ gì đến em, đừng lộn xộn, em muốn đóng vai người tình đau đớn hả?”

"Bắc kỳ đểu!”

"Không phải, nhưng anh với em có cả ngàn ngăn cách, mình gặp nhau được bao nhiêu lâu… Từ bốn giờ chiều đến bây giờ hai giờ mười phút, chưa được mười hai tiếng, em biết để làm gì? Trước

mười hai giờ này em biết anh là ai?… Ngày mai anh về chỗ đóng quân, mốt chết, em làm gì được, em khóc, đòi ngã xuống huyệt anh, đâu được, em có chồng, người ta lại đưa anh vào nghĩa trang quân đội trong Sài Gòn, em sẽ làm sao? Em lên Phú Bài nhảy tàu bay theo anh?!! Hà… hà, không phải thô bạo nhưng đó là sự thật, em với anh thấy cả khởi đầu lẫn kết cục của tình yêu. Anh yêu em, có, nếu yêu theo nghĩa gần và rõ nhất. Anh yêu em vì muốn sống cho mình thật đầy đủ, ôm em trong tay, thấy hạnh phúc nhưng rồi sẽ được bao lâu? Anh sợ khi có ý nghĩ muốn chiếm giữ em đời đời, đời đời… nghe kinh bỏ mẹ… Anh có giữ đời đời cho anh được không? Em đừng trách anh thô bạo, hãy trách đời sống, đời độc địa kinh khủng vây bọc tấn công và biến đổi anh… Thôi mệt, không nói nữa… Ôm anh, hôn nữa…” Mở trận chiến ái tình mới! Quỳnh Như im lặng, trong nụ hôn nàng thấy mặn ở môi, giọt nước mắt nào đã chảy nàng không ngăn nổi. Thuấn thở dài.

Chương 7

Thuấn ngừng xe trên cầu, nhìn xuống dòng sông Bồ loáng sáng, ánh sáng đầu tiên của một ngày. Trời lạnh, sương mù ở mặt nước bay lên đặc cứng nồng nàn. Dòng sông sâu mịt mờ dưới chân xa, hai bờ cát trắng váng vất lạnh lùng. Sáu giờ sáng đường chưa mở, mình có thể đứng ở cầu chơi… Thuấn nhủ thầm.

"Đại uý đi đâu mà sớm rứa?" Người lính gác cầu hỏi thủ thỉ thân mật.

"Tôi ở Huế về…"

"Đại uý thật liều, đi chặng này nguy hiểm lắm, hay bị mìn, xe hàng cũng không dám đi”.

"Chết có số, sợ gì, anh hút thuốc?"

Người lính chia tay lấy điếu thuốc hân hoan…

"Đại uý chắc có bồ ở Huế, con gái Huế gặp đàn ông Bắc là xứng…"

"Xứng gì? Tôi đi ngủ đò bà Tôn…"

"Đại uý sành hí, biết cả đò mệ Tôn". Nụ cười hiền lành và chịu đựng chêm vào câu nói.

"Anh gác ở đây lâu hay mau rồi?”

"Dạ được sáu bảy tháng. Trước em ở Tiểu đoàn 3, Trung đoàn I, bị thương ở trận ngoài Cùa nên về Địa phương quân gác cầu này… Nhảy dù của Đại uý cực quá, em thấy ở đây cả năm, tụi em người vùng này, có gì còn có gia đình, chớ còn Đại uý ở tận “trung” Sài Gòn…"

"Tiểu đoàn tôi có nhiều người Trung lắm, thằng cha đi theo tôi là người gì ở tận bên nhà ông Ngô Đình Cẩn đó…”

"Phú Cam, rứa là hắn có đạo rồi…”

"Không, hắn đạo Phật, chịu khó một cây… Người Huế anh giỏi chịu đựng nhất. Xứ này buồn và nghèo đến nỗi không ngờ được. Ra đây mới thấy cái nghèo của miền Trung kinh khiếp". Thuấn nhìn quanh, núi sau lưng xanh mờ lớp lớp, trước mặt và đàng xa những thôn xóm nằm dọc bờ sông còm cõi hiu hắt tiếp giáp đến phá Tam Giang, dải cát xám biền biệt thứ cỏ tím mỏng manh ngút ngàn bất tận… "Xứ Anh nghèo đến độ sông cũng không có nước, Thuấn chỉ xuống dòng sôngg lững lờ mặt nước xanh thẫm quanh co giữa hai dải cát trắng… Ở Quảng Trị có con sông nghe đến lạnh người, sông Thạch Hãn, anh biết sông Thạch Hãn là gì không, là mồ hôi của đá… Trời ơi, đặt tên gì mà bi thảm đến quá vậy”.

Người lính cười, cười hoài, như thứ sức mạnh luồn sâu dưới thịt…

"Đại uý lầm rồi, bây giờ nó không có nước, cha, tới khi nó lụt thì khỏi chê. Đại uý thấy từ dưới mặt nước lên đây tới ba thước, buổi chiều nước còn xấp xấp dưới móng cầu, ban đêm trời tạnh mưa, gió thổi, nước nguồn đổ về đỏ chạch, mặt trăng viền đỏ viền cái vành vàng khè và nước dâng lên từ từ, người ta phải chồng bàn ghế lên giường để ở, chồng tới mô nước ngập tới đó, người ta đánh thùng thiếc kêu cứu… Mà ai cứu được ai, mấy cái làng từ đây đến Sịa, vô thấu trong

Đồng Xuyên, xa tới phá Tam Giang, chỗ mô cũng ngập mênh mông, đứng ở cầu này nhìn từ đây ra biển chỉ thấy một mặt nước trắng xoá, tưởng như biển chảy ngược vô đây… Thảm lắm Đại uý ơi, đứng ở cầu mà thấy bà con trôi, đầu họ nổi lên, thụp xuống trong nước, lòng đau như cắt nhưng biết làm sao được. Không phải trôi vài người mà cả nhà, cả làng cùng trôi. Họ ngồi trên mái nhà, cái mái trôi và rã từ từ, cha con vợ chồng ôn bà dính lại một chùm rồi chìm luôn… Nước ở đây lại mạnh, Đại uý thấy núi gần đó, ào một cái là xuống biển, không làm răng mà chạy cho kịp…"

"Nguy biến thế thì ở gần sông làm gì?"

"Không ở đây thì biết ở mô Đại uý? Bên thì núi, bên thì biển, cái đất chi mà hắn hẹp không có chỗ thở, phải ở dọc mấy con sông mới kiếm đủ đồ ăn. Đại uý thấy đó, ngoài hai bên sông ra chỗ mô cũng toàn cát, cát xám xịt đen đúa chẳng làm được việc gì… Sông nó giết người nhưng nó cũng nuôi sống được người…"

Thuấn im lặng nghe người lính nói, điếu thuốc lá phà khói mênh mang, chàng thấy cay ở mắt, một đêm thức trắng hay cảnh tượng biển nước màu xám đỏ tuôn tràn mênh mông trên đó thoi thóp dật dờ những đầu tóc rối…

Có tiếng gọi ở đầu cầu.

"Có ai kêu tui. Thôi Đại uý đứng chơi, chưa có ai đi vào giờ này, nếu có thì tôi xoay cái bảng đỏ cho Đại uý biết…"

Thuấn gật đầu mời thêm một điếu thuốc… "Dạ, cám ơn Đại uý", người lính đưa tay chào, những ngón tay cong queo, cái chào mềm oặt. Thuấn thấy trống trải một cách dễ chịu, những phiền muộn tưởng đeo chặt trong người phút chốc bay đi thênh thang. Đưa tay xoa mặt, dấu vết trận tình còn đâu đây, thấy được khởi đầu cũng như chấm dứt, chỉ là cơn mê. Chỉ là một cơn mê. Còn một ngày nữa là hết năm, tính tuổi ta là hai mươi bảy, tam thập nhi lập. Tiên sư, cái thân lo chưa xong, Thuấn leo lên xe rồ máy, xe chạy chậm chậm trong sương mù pha nắng. Vặn lưng, mệt thật. Thấp thoáng trong mù mờ hình ảnh Quỳnh Như oằn người dưới cơn tình ái. Thuấn mỉm cười vu vơ…

7.

Đại đức Trí Không đặt cây súng trên mặt bàn đen xỉn, ẩm mùi nước tương, đậu phộng. Cây súng đen bóng lạnh lùng. Đại đức nắm cây súng lên, hướng nòng súng vào góc mái nhà… Khi muốn hắn cũng nhắm như thế này đây. Đại đức khẽ rùng mình như thấy tội giới sát đang khép vào. Phải bắn một người, quyết định khó khăn làm nhức mỏi thân thể như sau khi chặt hàng bó củi lớn. Không bao giờ. Người tu hành thầm nhủ. Phải, không bao giờ, dù bị ép sát đến cuối đường, sẽ giải thoát bản thân, hạnh vô uý của đạo Phật sẽ được noi theo trong giờ phút chót. Chết, Đại đức thấy lờ mờ trước mắt phút tương quan khoảnh khắc ngắn ngủi để qua đời sống khác. Nhưng không phải mình chết mà dự phần vào cái chết của người khác. Đại đức Trí Không run tay… Bàn tay run run mở chiếc khăn màu đỏ đậm như quết trầu, đặt cây súng vào, chêm thêm hai cuốn kinh, cho vào ngăn giữa chiếc cặp da cũ nát trong có cuốn sách Đạo Phật ngày nay của một vị thượng toạ vừa tốt nghiệp ngoại quốc về. Vị thượng toạ có tư tưởng cấp tiến muốn đặt vấn đề: Sinh hoạt Phật giáo trong hoàn cảnh hiện tại với những điều kiện cụ thể… Thượng toạ có bao giờ biết được va chạm tóe lửa giữa Phật pháp và thứ vũ khí lạnh băng ghê gớm này? Đại đức Trí Không cất chiếc cặp vào ngăn tủ cao nhất bước ra sân chùa. Chỉ còn buổi chiều này thì hết một năm. Một năm đã đi qua, nhà tu nghĩ đến số tuổi hai mươi tám. Hai mươi tám vừa sắp đến số tuổi hai mươi tám. Hai mươi tám vừa sắp đến ba mươi, ngày vào chùa cũng chỉ bằng tuổi hai điệu, đầu cạo trọc với một chùm tóc đằng trước bằng nửa bàn tay, cơm chay đạm bạc nhưng ăn hối hả mê man, cơm đỏ lạnh tanh cứng ngắc nấu từ buổi sáng để ăn qua trưa, chút chao mặn, lớp tương lõng bõng những hạt đậu phộng. Năm tháng ốm yếu đã trôi đi như gió chạy trên đồi luồn qua rừng thông non. Rồi ngày khôn lớn với những cơn xôn xao đột khởi, đột biến trong lòng… Không khí u tịch của ngôi chùa như bóng mây che hẳn bầu trời nắng gắt.

Đại đức ghi tên học triết học để có thể so sánh những âm ba tinh tuý Phật giáo trong dòng âm thanh hỗn loạn của tư tưởng, dạy một vài giờ ở trường Bồ Đề tỉnh, làm việc nặng trong chùa giúp hai điệu, thay thế Hoà thượng trụ trì điều hành nhà chùa. Vị Hoà thượng đã đến tuổi già, giữa chiếc bóng đen lặng lẽ trên tường cùng khối hình hài bất động gầy guộc không còn biên giới. Hai hình tượng khác biệt đó có những thông cảm âm thầm soi vào nhau. Hoà thượng sống trên

khoảng trống im lặng… Giữa im vắng của người và cảnh Đại đức vạch một tương lai ẩn khuất êm ả như tiếng ngân chót của hồi chuông trong sương chiều.

Đại đức Trí Không đi dọc theo khoảng sân để lên chánh điện. Hoà thượng trụ trì đang đứng nhìn bóng mây giữa sân, thân thể gầy gò với số tuổi chín mươi hai đứng vững chãi trông như một cây tre còn sót lại sau trận bão khi các thứ cổ thụ kềnh càng to lớn đã bị giật tung. Đại đức Trí Không nhìn chiếc hình hài mặc nhiên ấy lòng cảm thấy bình yên.

"Lạy thầy". Đại đức chắp tay cung kính.

"Ừ, chiều ni là ba mươi Tết phải không con?"

"Dạ, bốn giờ chiều rồi, không còn mấy giờ nữa là hết năm".

"Thầy biết, nhìn cái nắng vàng vàng với cái bóng núi là thầy biết mấy giờ… Con năm ni là hai mươi tám tuổi, con học cái chi dưới Huế?"

"Dạ Cao học Triết… Nghĩa là hết cử nhân rồi sắp thi tiến sĩ". Đại đức mỉm cười vui thích sau chữ tiến sĩ.

"Tiến sĩ là ông Nghè. Thầy lúc trước có học chữ Hán, không bao lăm… À này con, thông vạn quyển kinh mà lòng chưa yên thì vô vị lắm, con gắng đừng để bị u tối với phiền toái ám trong đầu…"

"Dạ". Đại đức Trí Không chắp tay cúi người xuống đi vào chánh điện. Hai chú tiểu đang chơi trò bắn nhau quanh bàn thờ, những tiếng pằng pằng nổ liên hồi với khẩu súng là hai ngón tay trỏ và giữa khép vào nhau…

"Pằng, chú chết trước!"

"Không, chú chết trước tui…"

"Ê mô được, tui bắn trước…"

Đại đức Trí Không mỉm cười, chắp hai tay sau lưng khẽ hắng giọng. Hai chú tiểu im bặt chui tọt xuống gầm bàn thờ… "Chú chui chỗ tê,

tui chỗ ni… Ừ để tui đi đổ chậu nước". Nhà sư xem như không thấy trò chơi, chậm rãi đi đến bàn thờ Phật Thích Ca.

"Các chú chùi cái này chưa?"

"Dạ chưa, mới xong hai nhỏ, cái đó cao quá, để con đi tìm cái ghế!"

"Ghế dưới bếp, lấy lên, thầy chùi giúp một tay".

"Dạ". Chú tiểu chạy nhanh ra cửa.

Căn phòng vắng tanh, khói hương xanh nhạt bay chậm rãi lượn từng vòng trong ánh sáng vàng tươi ấm áp phát từ những cây nến lớn. Nhà sư nhìn lên tượng Thích Ca. Đôi mắt nhắm xuống bình thản, chiếc mũi thẳng và nụ cười… Bao nhiêu lâu nhà sư đã nhìn nụ cười này, mười năm, mười tám năm, một năm bao nhiêu lần, bao nhiêu giờ phút đã qua trước mặt pho tượng. Từ lúc còn để chỏm, phòng chánh điện bát ngát mênh mông tưởng như không có giới hạn và bức tượng uy nghi cao lớn. Rồi tuổi lớn, lớn dần để thấy ngôi chánh điện hẹp nhỏ, bức tượng rụt lại còn một khối gỗ thếp vàng cao hai thước. Nhưng nhà sư ngày càng chìm ngập trong niềm mê man khác, một cơn lụt êm ả nhận chìm xuống hết phiền não khó khăn, bắt nguồn từ nụ cười lặng lẽ… Nụ cười. Nhà sư chợt rùng mình. Người nghệ sĩ chơn chất nào đã vẽ được nụ cười đấng Chí Tôn trong phút xuất thần ngắn ngủi tuyệt vời như thế. Đúng là một nghệ sĩ tràn đầy Phật tính hiểu theo nghĩa đơn giản và trong sáng nhất… Nụ cười tràn trề tính chất Việt Nam một cách kỳ lạ. Nụ cười của Phật ở tranh Ấn Độ quá gọn gàng sắc sảo, nụ cười đã đến cuối cùng của chặng đường dài suy nghiệm. Nụ cười ở tượng đá Chiêm Thành thì quá đơn giản, pha chút khô khan, cảm giác khô của chất liệu nhám cứng. Còn tượng Phật của Trung Hoa và Nhật Bản nữa… Lạ thật, cũng là đức Thích Ca, với dáng ngồi, những ngón tay từ bi… Nhưng tượng Phật Trung Hoa thì quá xa cách, nụ cười quá an lành tự tại bát ngát vững vàng của dải đất mênh mang và dòng giống Hán Nam. Nhà sư lại chợt rùng mình, cơn xúc động ào ạt nôn nao. Nhìn lên, lần thứ bao nhiêu, thấy lại nụ cười của thớ gỗ mộc mạc, lớp sơn nứt từng đường nhỏ, tà áo cong cong chừng mực dịu dàng, những ngón tay đằm thắm và đôi mắt nhìn xuống với nụ cười. Nụ cười hồn nhiên pha lẫn chút vô tư chịu đựng đơn giản như khi ông lão dựng thẳng người nhìn lại thửa ruộng còn tươi luống cày, trời trên cao xanh ngắt, cơn

gió đầu xuân khẽ lay động chòm râu màu trắng thưa thớt, những nếp nhăn trên mặt chợt giãn dần ra, đột nhiên có nụ cười, một nụ cười bất chợt đầy ắp hạnh phúc mơ hồ chưa có hình khối, đối tượng… Hạnh phúc được sống trong lòng đời đầy đủ cả khổ đau lẫn sung sướng, sống hay là nghi lễ linh thiêng hân hoan mà thể chất diễn đạt cũng ngoài cơn cuồng nộ của cuộc mơ hồ cố gắng. Cười như sau khi vừa lợp xong được mái tranh, cơn gió mùa đông bắt đầu luồn qua khe núi, cười của lớp dân Nghệ Tĩnh khi vượt Trường Sơn đứng ở đỉnh Hải Vân nhìn đồng bằng hai xứ Quảng trải dài đến tận chân trời… Nụ cười của Phật Việt Nam còn có chút hạnh phúc cay đắng của người vợ Nam Xương khi thấy bóng chồng thấp thoáng trong bụi mờ trên nẻo đường về, sửa soạn vở bi kịch nhức nhối… Bao nhiêu năm nụ cười vẫn tràn đầy cơn gió thổi miệt mài trên con sông xanh thơm bóng rêu, chuyển động lăn tăn giữa hai bờ lau lách.

Đằng trước chùa, bóng nắng bắt đầu nhạt và đêm đã đến dưới đáy thung lũng. Khí lạnh và khói lam bốc cao. Đoàn quân mặc áo quần nâu tiến vào thung lũng. Họ dắt lá trên nón, sau lưng, một hàng cây xanh rì đang chuyển động. Đoàn quân dừng lại, hàng cây xanh thấp xuống, tiếng loạt xoạt của gió thổi trên những thân cây nhân tạo, trong tiếng gió có hơi thở của người. Người thở dồn dập đứt khoảng vì mệt. Bằng có mặt trong đám người, chỉ tay về phía ngôi chùa nói với một thân cây um tùm lá… "Tôi đã làm áp lực với một nhà sư trong chùa này, ông ta có ảnh hưởng nhiều với lớp thanh thiếu niên của đoàn Quyết Tử, ông ta sẽ đóng vai trò đại diện cho lầm lẫn tôn giáo trong những quyết định cứng rắn…" Bóng cây gật đầu, ánh nắng cuối cùng rọi xuống thung lũng soi rõ một đôi mắt long lanh quyết chí nhưng le lói đường gân đỏ mệt mỏi.

Lạc thắp nén hương vào chiếc ly đựng đầy gạo được dùng thay bát nhang, có tiếng khịt mũi của người vợ. Lạc xoay người lại. Vợ Lạc khoanh tay trước ngực cúi đầu lặng lẽ…

"Tôi với mình lấy nhau như thế đã mười tám năm… kể từ ngày tôi đi lính". Lạc bước tới, dựa lưng sát tường kéo vợ vào người…

"Tóc mình khô quá sao chẳng gội gì hết?"

"Nhà tắm không có nơi gội. Em có gội ở Sài Gòn trước ngày ra đây… Tóc em có mùi?"

"Không". Lạc im lặng ngửi mùi nắng bụi trên sợi tóc khô se của người vợ, bao lâu Lạc không làm cử chỉ thương yêu nhỏ bé này, mười bảy năm tình vợ chồng và đời lính… Mới ngày nào đó khăn đóng áo dài đi giữa hai lối tre in dấu chổi vừa quét, cô thôn nữ khép nép rụt rè bước theo trong thứ nóng có khói bay mịt mù từ cây đuốc của ông chú từ hàng đầu… Mười bảy năm, mới ngày nào mái tóc đen kịt đẫm ướt dầu dừa mát lạnh trong lòng tay, nay khô se xơ xác dưới ánh điện vàng vọt theo cơn gió đêm lạnh buốt… Mười mấy năm cũng bằng thời gian mang giày săng đá, giày botte de saut, bao nhiêu đôi giày đã qua trên đó đôi chân gồm những ngón thô cứng cong méo trắng nhợt, không phải màu trắng tự nhiên của loài da nhàn hạ nhưng vì bị để lâu bóp chặt trong một thể tích hầm hơi kín mít mùi bùn non và mồ hôi… Lạc nhúc nhích mấy ngón chân trên đôi dép Nhật, hít mùi tóc khô của vợ một hơi dài… Tội nghiệp, mười bảy năm rồi, tiếng nói không vượt khỏi hàm răng khép chặt nghe phều phào.

"Mình nói gì em?"

"Không".

"Vừa rồi mình bảo vợ chồng lấy nhau được mười tám năm, em nhớ mình chỉ ở với nhau năm giao thừa, kể cả tối nay, còn ngoài ra mình đi tận đâu đâu…"

"Thì đi hành quân chứ đi đâu nữa". Lạc đâm ra cáu kỉnh vì nghe âm thanh của vợ có những khó khăn trách móc…"

"Không, em nói gì mình đâu, em… thương mình và thương thân, em năm nay ba mươi bốn tuổi rồi, còn một giờ nữa là ba mươi lăm, em già rồi, đợi mình từ một thuở xa xưa bây giờ đã quen, đợi thêm cũng được, hình như em sống cả đời để đợi mình về". Lạc lắc đầu. "Không, tôi nói đùa". Lạc kéo chặt vợ vào lòng, thấy lại trước mắt mười bảy đêm giao thừa dằng dặc, từ năm một ngàn chín trăm năm mươi đến năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy. Những giao thừa của những năm đầu đời lính, khẩu phần đặc biệt, rượu chát được uống thả cửa, sĩ quan Pháp bỏ hết kỷ luật thường ngày để vui cùng lính Việt Nam… Tết, Tết, chúc mày một bonne année! Bois un coup avec moi le petit caporal. Lạc đứng dậy trên thùng, nâng chiếc ca

nhôm… Je bois un trait… ca… ca… c'est ca, c'est bon type, tiếng khen thưởng ồn ào, tiếng vỗ tay loạn xạ. Lạc uống một hơi không nghĩ, rượu chát chua ngọt ngọt, vị nồng nàn trầm ấm, ướt đẫm lưỡi, một đường đỏ theo mép chảy xuống ướt đẫm khoảng áo, da cổ đỏ cháy, Lạc lột chiếc nón đỏ trên đầu đắp lên phần da thịt thắm tươi… Versez le vin dans eci mon lieutenant. Lạc căng chiếc mũ bằng hai tay, viên sĩ quan Pháp hai tay nâng hai chai rượu nhảy lên chiếc thùng… Bon, très biens. Hai ca rượu đổ vào lòng mũ… Rượu sóng sánh màu đỏ sậm trong lòng mũ đen úa bẩn, Lạc ngụp đầu vào, mùi mồ hôi, mùi tóc cháy nắng, mùi đất đậm đà, trộn lẫn vào cùng chất lỏng sôi nổi. Lạc ngụp đầu vào… Bravo! Bravo! Hoan hô Hạ sĩ Lạc, Hạ sĩ Lạc ngụp hẳn mặt vào, rượu sóng sánh chuyển động, rượu ngập lụt giác quan, rượu mát lạnh chuyển qua mức độ nóng bức. Lạc mê man đẫm ướt, tưởng như toàn thân tan chảy thành luồng nước đỏ nồng thắm. Những đêm giao thừa tung hoành thật tự do ở xóm bà Mâu, Trung sĩ Lạc bước ra sau khi mở lưỡi con dao commando, cán dao bằng nhôm run rẩy khô cứng ép con hát đứng nép vào một góc… Mụ chủ quán ấp úng: "Vâng, vâng, thầy Đội cứ tự nhiên… Nhà cháu xin lỗi, xin lỗi". Lạc bước tới cạnh ả đào hát. Bốp! Cái tát bắn ngã thân thể nhỏ bé vào thành giường… "Tiên sư, giao thừa hay không cũng mặc, ông còn ngồi đây là mày còn tiếp cho đúng tiền ông bỏ ra, muốn cả xóm này bị phá nát ra bây giờ hả…" "Dạ, dạ thưa thầy Đội sinh phúc để nhà cháu dạy dỗ em út, xin thầy Đội…" Lạc rút con dao ra khỏi bàn, bước ra khỏi ngưỡng cửa. Đầu con hẻm có bóng người thấp thoáng, Lạc chặt lưỡi, nâng chiếc xe đạp ghi đông course lên vai… tay trái thủ con dao chưa gấp lưỡi, gió đêm lạnh thổi phà lên mặt, cơn chếnh choáng bay hẳn đi, nhưng Lạc vẫn bước những bước ngã nghiêng, ánh đèn từ ngoài mặt lộ lập lòe vàng ửng. Lạc cất tiếng hát… Debout les paras… cip, cip, cip, giọng khò khè nặng nề nhập nhòe hơi rượu chêm vào những tiếng gừ gừ. Trong bóng tối Lạc cười những tiếng nhỏ thích thú với lối đóng trò giả say, ánh đèn đường chao động ngõ hẹp, ba bóng người nhào ra, có tiếng dây xích khua trong gió… "Ông giết mày!" Ba bóng đen cùng nhào tới. Lạc nhanh như con báo, "Ha ha, ĐM… chết với ông đây, cha chúng mày đâu có say". Lạc tỉnh như trong giây phút bàn chân rời khỏi sàn máy bay và bốn sợi dây thượng thặng dù căng bật, chiếc xe đạp ném ngang về phía phải, Lạc nhảy về phía trái, cánh tay phải vòng lên che lấy đầu và mặt, tay trái nơi có lưỡi dao, đâm thẳng về phía trước. Lạc nghe tiếng "bực" ngọt sắc trên đầu tay, lớp thép của một chiếc xích sắt quấn theo cánh tay phải, phần da thịt vừa bị bóc

đi, cơn đau quá nhanh lóe sáng như ánh chớp không làm Lạc đau đớn, cánh tay phải xoay một vòng, chiếc xích đã nằm trong bàn tay. Lạc giật mạnh và tay trái, cánh tay tự do và tàn bạo thọc thêm một lần phía đàng trước. Phập, lưới thép cứng ngắc lạnh buốt của con dao đi một vòng từ trái sang phải. Lạc cong tay, rút con dao ra khoảng một tấc. Phập, lưỡi dao ngập xuống lần thứ hai. Hà, đụng vào ông là chết! Chữ chết của Lạc hoà vào một tiếng thét lạnh lẽo : "Chết tôi rồi". Lạc cười trong bóng tối. Chết là phải. Lạc bước vào nhà cùng với chiếc xe đạp trên vai, con dao đã nằm trong túi quần nhưng hai tay đẫm máu, máu của Lạc và máu của kẻ vô danh trong hẻm tối. Lạc không biết mặt người vừa bị chàng đâm. Không hiểu nó chết hay không?

"Mình, sao mình đầy máu thế này?" Bà vợ chạy quanh Lạc, mười ngón tay run rẩy không dám đụng đến áo…

"Không có gì", chiếc xe đạp vất vào một xó, bàn tay trái, bàn tay khoẻ mạnh và đẫm nhiều máu, đẩy vợ đi… “Bà lo việc bà đi, tôi không có sao…” Lạc bước vào buồng…

"Mình say thật rồi, ĐM… không lẽ mình say máu người". Ngoài bàn thờ nơi vùng ánh sáng lung linh có tiếng khóc của người vợ. Lạc vớ phải một chiếc ly ném thật mạnh xuống sàn. ĐM… Im có được không!” Lạc ngã người xuống giường, nhắm mắt tỉnh rượu. Khoảng tay gối đầu có mùi máu tanh tanh… "Tiên sư, ba năm lấy vợ mới ở nhà ăn Tết với vợ một lần…” Lạc thấy mệt mỏi lạ lùng.

Đêm nay, Lạc thấy lại cảm giác đó, mệt mỏi có hình khối đè xuống người rã rời, ngất ngây ngột ngạt… "Tôi sẽ gắng xin về làm tại Bộ Tư lệnh, thôi đây là giao thừa chót tôi đi lang bang… Tôi hứa với mình như thế". Lạc thì thầm vào tai vợ, giọng ấm đặc chơn chất pha lẫn hối hận của một người kiệt lực, nhưng trong lòng vẫn thấy có điều gì ngang trái khó khăn.

"Con đi với mẹ đến đằng nhà ông ngoại, lát nữa sau giao thừa đến không được, số mẹ năm nay không tốt, xông đất nhà ông không được, mình đến mừng ông trước”.

"Mẹ đi một mình cũng được, nhà ông đâu bao xa, con thèm ngủ quá". Minh lười lĩnh ngồi dậy khỏi giường, che miệng đáp lại sau một

cái ngáp dài.

"Đâu phải mẹ ngại đi một mình, bao nhiêu năm con đi lính cả nhà thăm hỏi, hai năm sau này con đi mất biệt, bây giờ nên đến thăm ông cho phải đạo".

"Vâng, vâng, con đi đây, con đùa vậy thôi…" Minh với tay lấy bộ áo quần để ở thành giường, bộ áo quần bẩn cũ xì hôi ngai ngái mùi bùn và đất ẩm. Minh đưa lên mũi ngửi.

"Dơ lắm rồi, hồi nãy mẹ định giặt nhưng sợ con không chịu, mẹ thấy nó đã nhão xìu… đất dính ở cổ đen ngòm".

"Chưa dơ lắm, không hôi, còn mặc được…"

"Trời đất, áo quần như vậy con còn bảo là sạch?"

Minh cười, căng chiếc áo cũ rũ rũ mấy cái, xong, có thể mặc thêm vài ngày, nếu đi hành quân thì thêm nửa tháng cũng được…

"Thôi, Tết nhất ai lại mặc đồ lính trông cục mịch quá, con lấy áo quần thường mặc đi…"

Minh ngần ngại, chiếc áo lính mỏng manh ẩm ướt lạnh cóng thật khó để mặc trong tiết trời giá buốt và cảnh nhà ông ngoại với đám đông hân hoan chuyện trò trong ánh nến sáng rực từ bàn thờ rọi xuống, và Minh lúng túng trong bộ đồ lính… "Ừ, thôi mặc tạm cái áo quần gì đó cho tiện". Minh rũ chiếc áo xuống, vải popelin trắng sau nhiều lần giặt căng rạn mỏng, cổ áo lật, sờn mòn được mẹ mạng bằng loại chỉ quá trắng. Nhìn vào bảng huy hiệu của trường thêu chỉ xanh "QH", Minh mỉm cười nhớ lại đâu đó hãnh diện ngày đỗ tú tài I và lên đệ nhất. Đệ nhất Quốc Học với nấc thang cuối cùng sẽ trở thành sinh viên, có thể mang cà vạt đi phố ngày Chủ nhật và tán nữ sinh trường Đồng Khánh không e ngại, đệ nhất Quốc Học với ba đường vạch xanh trên túi áo chứng tỏ đã có một trí thức vững vàng để đi nghe linh mục hoặc giáo sư diễn thuyết những đề tài "Nhìn mặt hiện sinh: Người đàn bà sinh vật lạ lùng ấy…". Đệ nhất Quốc Học sẽ tự tin đi vào phòng hội, ưỡn ngực ra, ba đường xanh rõ ràng… Đệ nhất rồi đó có quyền chứ… Minh kéo ghế, gù cái lưng cau vầng trán khi diễn giả cao giọng tha thiết… "Như vậy, người đàn bà, cái thân phận bi đát rõ

rệt nhất…", Minh nhớ lại cô nữ sinh viên văn khoa của chứng chỉ dự bị đã khẳng định lời trên về thân phận người đàn bà trên giường giáo sư Văn mấy tháng sau buổi chiều diễn thuyết… Đúng thật, văn chương triết học đã khai phá những lối đi rạng rỡ cho đời sống. Nếu không có lời diễn thuyết đó, không có hình ảnh bi tráng sống động nói lên phản kháng của con người trước hoàn cảnh trong dáng điệu của giáo sư Văn. Đôi mắt long lanh sau cặp kính trắng, biết gầy gồm những ngón tay xinh đẹp tài hao bấu siết lại, gằn mạnh trên mặt bàn… với âm thanh réo gọi vũ bão vang lên… người đàn bà, thân phận, định mệnh… hiện sinh bi đát… Nếu không có những viên đá dò dẫm đầy tính cách mạo hiểm trong cuộc tìm kiếm con người đó làm sao một cô gái Huế bỏ chồng chưa cưới, cởi áo cởi quần lăn lộn miệt mài, giãy giụa chân tay trong cơn động tình ái với giáo sư Văn, thứ thầy tu xuất đầm đìa tình dục trên mỗi dòng trong toàn thể các tác phẩm đi tìm một chỗ đứng cho thân xác. Minh cười nhẹ nhớ lại sự bàn tán xôn xao của thành phố Huế sau tai nạn bi thảm do triết học gây nên, lũ học trò nhỏ xuýt xoa thán phục … "Hay thật, ông Văn chì thật, học đã giỏi mà còn dám sống đúng theo tâm hồn mình… Tao thì nghĩ bà kia oai hơn, dám bỏ chồng chưa cưới để theo ông Văn…" Đúng là định mệnh, thằng học trò chỉ thiếu chữ "con người" nữa là đúng ngôn ngữ của giáo sư Văn. Khối người bị ép kín bởi Ngự Bình và cửa Thuận An xuýt xoa thì thầm to nhỏ, tưởng như những nụ hôn, vòng tay siết, cơn ân ái giữa anh giáo sư thầy tu xuất và một chị sinh viên hai mươi tuổi học chứng chỉ dự bị là kết hợp vĩ đại giữa tư tưởng và tuổi trẻ biến thành hiện sinh dũng mãnh chống đối lại tảng đá luân lý đóng rêu để lại từ đời Đồng Khánh, Thiệu Trị. Thành phố xôn xao vì chuyển động của đôi mông giống cái học văn khoa đưa đẩy vồ vập của một giống đực trí thức làm rung rinh dãy trường thành rêu thâm, hòn bia đá Phú Văn Lâu, chín ngọn súng đồng đứng im lìm trước Ngọ môn vàng rực trong nắng. Minh cùng lũ bạn đã than van, thì thầm bàn tán bằng những ngôn ngữ quan trọng cái tai nạn quyến rũ kinh khủng đó và trong lòng nhen nhúm ao ước được sống chết hết mình với một mối tình trong tương lai, mối tình, phút hiện sinh làm sáng rực định mệnh bi thảm và dũng cảm của con người!!! Minh chúm miệng thổi phù hai tay đánh vào nhau, có tiếng cười nhỏ thoát ra từ cổ họng.

"Gì đấy con?"

"Không có gì hết mẹ, con nhớ đến chuyện mấy năm con đi học nên

buồn cười".

"Mấy cậu bạn học của con đến đây chơi luôn, họ thường nhắc đến con và cứ trách con không viết thư về…"

"Tụi nó trách sao nữa mẹ? Con viết thư cho tụi nó làm gì? Để kể chuyện chiến trường, để bày tỏ tâm trạng của tuổi trẻ trong thời chiến tranh… Hì hì… không lẽ con đi kể chuyện con có mấy cái huy chương cho tụi nó nghe nữa hay sao? Con về đây chẳng thấy mặt thằng nào cả, có gặp mấy đứa trên phố, nhưng con quên tên nên đành lơ luôn".

"Chỉ có con tệ vậy thôi, chứ như cậu gì đậu hai bằng cử nhân luật đó, đến đây là hỏi con luôn…"

Minh không trả lời, im lặng mặc chiếc áo, cũng vì mình có con em với mấy đứa chị họ xinh đẹp tụi nó mới đến, dám chắc có ông nào đó học sau mình đến đây nhận vờ: “Dạ cháu học với Minh từ hồi còn con nít…" Tiên sư, ái tình cũng phải có kế hoạch. Minh hút gió lung tung, mặc thêm cái áo saut.

"Đi mẹ, con xong rồi”.

"Sao con ăn mặc gì lạ vậy, chân con lại đi dép Nhật nữa”.

"Trời lạnh mà mẹ, nhưng con còn gì để mặc bây giờ, đây là đồ cũ bị trật mốt rồi, có gì mặc đó không ai để ý đâu… Con quên đường tới ông ngoại rồi, không phải quên, tối quá con nhìn đường không ra”.

"Con thật vô vị".

Minh cười không nói, lầm lũi đi sau người mẹ. Tối ba mươi trời đen đường vắng, ngọn đèn đường chao động, khói hương từ các căn nhà bay ra tản mát vào sương mù. Minh nhớ những giờ thức dậy mặc đồ mới, lạnh cóng, ăn bát chè bông cau, cục xôi cứng ngậm trong nước chè vàng óng, chất ngọt lạnh tanh trôi dần vào người, nghe chừng như những giọt mùa xuân thấm dần vào máu, rồi pháo nổ từng tiếng vang lên… "Pháo nhà ông Tham, nhà ông Đốc… Ấy, ông gì làm bên công an có tràng pháo tốt nổ không dứt một tiếng…Minh, đốt pháo đi con”. Minh mang thêm đôi giày, chải tóc.

Tóc chải rẽ, mẹ nâng một tay dưới cằm giữ thẳng đầu mới rẽ được đường ngôi. “Tóc gì cứng thế này, đằng sau không xong gì cả, chóng ngoan lên để mẹ thấm một chút nước lạnh cho tóc nằm xuống”. Minh chải tóc với nước lạnh, cho nổi hoa màu trắng… "Mẹ mua con đôi vớ rộng quá…” “Rộng gì thì mẹ mua bằng nắm tay mẹ hay con, nhưng đây là vớ nylon có thể co giãn được. Mẹ đo từ đâu đến đâu?” "Theo nắm tay…" "Ừ rộng thật". Minh mặc áo mới, giày mới, đầu chải với nước lạnh, bước ra khỏi hiên nhà, không khí mát tinh khiết, hình như trời đất rung chuyển. Minh hít hơi lạ vào như xe lửa bắt đầu qua khỏi hầm đèo Ngoạn Mục, trời lạnh, không khí mới mẻ, cây thông toả mùi thơm, người làm vườn mặc veston, trẻ con má đỏ căng tròn trong áo ấm. Minh hít những hơi nhẹ, thổi cây hương trịnh trọng trước khi châm vào sợi bấc, sợi bấc khô queo cứng cáp sau mười tháng hong trên chái bếp. Sợi bấc bắt lửa cháy đến hân hoan, chiếc pháo đầu tiên nổ. "Pháo mình nổ to quá mẹ ơi, năm nay mẹ phát tài…" Pháo nổ từng chiếc chắc chắn, ngọn tim đã cháy hết, chiếc pháo im lìm gây một tiếng động khổ đau nhức nhối trong tim. Băng pháo hết, vỏ xác pháo bay bay rực rỡ dưới gió đêm, chúc mẹ mạnh khoẻ … Minh bóp tay trước bụng. Chợt thấy âm thanh của tràng pháo còn vang dội, thứ âm thanh của niềm vui ngắn hạn mỏng manh như phút giây vô hình qua biên giới của hai năm. Minh muốn ngủ, cởi áo vắt trên thành ghế, sáng mai mẹ nhớ thức con dậy…

"Mẹ ạ!"

"Gì con?"

"Hết Tết theo con vào Sài Gòn không?"

"Làm gì trong đó?”

"Mẹ ở chơi đi chợ nấu ăn cho con, con thèm thức ăn Huế, mẹ nấu cho con canh hến, cá nục kho, cá nục kho cắm đôi đũa vào chỉ thấy một lỗ, con nói với gia đình tụi bạn ở miền Nam như thế nhưng họ không tin, Sài Gòn chỉ biết kho cá nục nước hoặc chiên, mất mùi cá, mẹ làm bánh bột lọc nữa…"

"Nhưng ở đâu?”

"Ở cư xá Sĩ quan Tiểu đoàn, nhà hai buồng có bếp, rồi con lấy vợ

cho mẹ một đống cháu, mẹ tha hồ quấn tã nghiền cháo cho tụi nó".

"Con nói thật không, nếu con chịu thế mẹ vào với con liền".

"Chịu chứ, qua Tết này con được hai mươi lăm tuổi, hai mươi lăm tuổi đối với người Việt Nam là già, bạn con có đứa có vợ hồi hai mươi tuổi. Con đi với mẹ trong đêm nay vừa thấy mình nửa con nít nửa người lớn".

"Lớn rồi, con nít làm sao được… Nếu con chịu mẹ đóng cửa nhà vào với con lập tức, con cho mẹ một đứa cháu nội, mẹ giữ nó không một chút bụi…"

"Xong rồi, hết Tết mẹ vào với con, con sẽ được ăn cá nục".

Bóng hai mẹ con đổ dài theo ánh đèn chao động, có mùi hoa từ hàng dậu thơm ngát… hoa dạ hương, Minh nghĩ thầm, hoa cũng sửa soạn đi qua một ngày mới. Có những thân cây sầu đông gầy guộc chập chùng hai bên đường, Minh có cảm giác thấy được những chồi lá non trong bóng đêm dày thẫm, lá cũng có mùa xuân riêng của nó.

Nhà ông ngoại đầy người, cậu mợ và đám anh em bạn dì đứng ngồi đầy nhà trên và nhà ngang… "À, o Tám, dì Tám… À, cô mới đến", mỗi người một câu họ ghìm lời nói trong cổ họng để tạo vẻ nghiêm trang, sự nghiêm trang làm nhòe âm thanh hững hờ đến một người thân. Họ ngoại mình là dòng Tôn Thất ở Huế lớn lắm, có phủ, có đình, có ruộng vườn, non bộ to lớn có đủ kích thước của một thế giới thần bí thu hẹp lại, kích thước của dòng Tôn Thất, dòng vương, ông ngoại làm Tham tri bộ Lại. Họ lớn ở bộ tam sự cao hơn năm tấc vàng chóe, sau bàn thờ Phật một dãy hình người chết bán nguyệt, người em ông ngoại mũ cánh chuồn ốm yếu dưới sức nặng của chiếc mũ, chòm râu đen mệt mỏi. Minh không hiểu sức mạnh nào trong lòng một ông quan cằn cỗi này để dẫn dắt dân chúng qua quãng đường ngặt nghèo, chống chỏi với cán bộ Cộng sản hớt tóc ngắn, hông đeo súng lục pạc-khoọc và cách mạng công nông. Việt Nam độc lập chắc hẳn đè bẹp đạo Thần tử, đức Khâm thượng… Thánh thượng hồi loan. Ông ngoại ngồi trong đi văng vàng rực ánh nến, đầu đội khăn, mắt đeo kính, áo dài sa tanh đen, áo ngoài đơm bông chữ thọ, quần xan… cậu mợ dì vây bọc xung quanh, có người từ Nha Trang, có người về từ Ban Mê Thuột… "Tôi phải vận động lắm, nhờ ông

Trưởng ty trên đó lấy chỗ mới về được, vé cuối năm như ăn cướp, may là nhờ người quen, nhưng không có ông Ty thì tôi cũng nhờ bà Tỉnh, tôi với bà quen nhau lắm, bà là con của mụ dưới đầu cồn đó… Trời ơi, bà gặp tôi lần đầu thiếu đường ôm mà khóc, mới biết người Huế đi đâu cũng được vị nể mà thương lấy nhau". Dì Tư nói thật nhiều, dì nói oang oang nhấn mạnh ở chỗ bà Tỉnh và nỗi khó khăn phải mua vé vào dịp Tết… "Nhưng được thấy thầy là mãn nguyện rồi, có tốn vạn bạc tôi cũng chịu huống gì mấy ngàn tiền vé". Dì kết luận khoan khoái vì thấy không ai ngắt lời, xác định được sự hiếu thảo trên giá tiền chục vạn… Ông ngoại im lặng ngồi nghe, không hiểu mỉm cười hay vì ánh sáng lung linh làm chiếc miệng móm chuyển động. Ông ngồi hưởng hiện tại, một hiện tại hạnh phúc có thể định giá vào số lượng con cháu xung quanh. Cậu Năm cũng không kém, đi tàu bay thì hai tiếng là tới, giá tăng kinh khủng, tôi cũng muốn đổi xe Nhật, nhưng cái thứ đó không bền, tôi xài bao nhiêu đời xe rồi nên tôi biết, chỉ có cái dáng thanh thanh vậy thôi… Đường từ Nha Trang về đây nguy hiểm không tả được, gió biển chắc chắn làm thầy khoẻ ra liền… Thầy đi xe con như ngồi trên salon, cậu Năm bắt đầu nói lại bằng chuyện xe hơi, nhấn mạnh về vài nỗi nguy hiểm và hao phí khi đi đường. Dì Tư ngồi nghe ra dáng bực dọc, vì công lao đi máy bay chắc chắn thua xa nỗi khó nhọc của chiếc xe hơi đi năm trăm cây số. Ngoài ra chiếc xe bóng lộn màu đỏ nằm rõ ràng trước nhà như dấu tích của một phiêu lưu ngắn hạn của một lòng hiếu thảo cụ thể được thể hiện bởi giàu sang. Xe chị cũng uống nhiều xăng lắm, tuy đoạn Ban Mê Thuột xuống nguy hiểm nhưng chị cũng muốn về bằng xe hơi.

"Đâu được, xe là xe Jeep làm sao mà về, về đến đây đã gãy xương sống à…" Cậu Năm hả hê chứng tỏ được sự hiếu để qua nhãn hiệu của chiếc xe. Dì Tư ngồi im bực dọc: "Cốt về được với thầy cho mau là quý, cà tịch cà tang biết bao giờ mới tới…" Ông ngoại ngồi im lặng nghe cậu và dì giành giựt nhau bằng chứng của tình thương, trí não người già chậm chạp làm phép tính giữa số tiền bị mất và sự hiện diện của các đứa con.

"Ai sau con Tám đó?”

"Dạ thằng Minh đó thầy, nó theo đơn vị ra ngoài này hành quân xin phép nghỉ đêm về thăm thầy, mấy năm nay nó chỉ ở trong Nam”. Mẹ nhấn mạnh chữ xin phép.

"Thằng Minh à, ông ngoại hỏi với vẻ hững hờ, lâu quá thầy quên mất mặt nó, con xích tới đây on coi một chút". Bàn tay nhăn nheo lạnh cóng rờ trên mặt Minh… "Nó lớn ghê, mấy năm trước con đến đây hái ổi, trần bì…" Bàn tay rờ đến áo saut, áo gì mà dị hợm thế này.

Minh đứng im dưới cái rờ tìm kiếm, ông già tìm được trên vóc dáng đứa cháu không phải một vóc dáng thân yêu nhưng như tấm áo Nhảy dù thô cứng…

"Cháu đi lính Biệt động quân đó à?" Có giọng nói tra hỏi từ một bà mợ đang dựa lưng vào chiếc cột.

"Dạ thưa không phải, cháu đi Nhảy dù".

"Nhảy dù, như rứa anh ở đây hay Đà Nẵng năm 1966". Một gã trẻ tuổi không giấu nóng nảy.

Minh liếc qua, à thằng Trí con cậu Sáu, gã mặt tái, dài quắn, loại mặt thủ dâm và hiểm độc, thằng Trí, Minh chợt nhớ thời gian trước lúc bố mới mất nhà bắt đầu sa sút. Nhưng bà ngoại và mợ Sáu không nghĩ như vậy đem Trí đến nhà Minh, thằng bé nhởn nhơ sung sướng vì sắp được trả thù… Bà ngoại đã tấn công mẹ.

"Con coi lại thằng Minh, nó hỗn và nghịch ngợm quá, đây nè nó đánh thằng Trí đến bầm cả mặt", bà ngoại bóp hai tay vào má Trí lắc qua lắc lại, chìa hai má nó cho mẹ Minh xem hai gò má không có vết bầm, chỉ có màu đỏ của làn da hóp quá mạnh… Mợ Sáu tiếp theo: "Cô phải dạy nó lại, cha nó chết đi thì còn cô, con hư là tại mẹ, cô cứ thả nó đi là thành du thủ du thực, à, mà nếu không coi được thì em đưa chị nuôi".

"Dạ thôi, để em đánh cháu liền". Mẹ cúi xuống chịu đựng.

"Mẹ vẫn thương nó lắm chứ, cháu nào mà chẳng thương, hơn nữa nó lại không cha, đáng lẽ mẹ phải thương hơn, nhưng khổ cái thằng nó nghịch ngợm", bà ngoại đưa tay lên lau nước mắt, Minh nép ở nhà trong sau liếp cửa nhìn ngoại chùi những giọt nước mắt vô hình… Minh liếc qua thằng Trí, mặt nó thoả thuê sung sướng, đôi mắt đầy trắng láo liên tìm Minh… Minh thấy ở bà ngoại cái vẻ gì

không thực, mấy tháng trước khi bố mất Minh là cái đinh của sự chiều chuộng mỗi khi về ngoại… “Chao ơi, cháu lớn quá, cháu tới đây bà coi… Hừ cái thằng có cái tai thật to, hắn giống ba hắn như đúc, bố là rể có chức phận lớn, hắn lại có cái cằm giống bên ngoại… Cằm này tha hồ mà đòi ăn”, ngoại bế Minh trên tay, dí cái mồm đầy quết trầu vào má Minh, các cậu dì lớn đón Minh về chơi nhà, cậu Út cõng Minh chạy khắp mấy con đường vắng, nhưng khi bố mất sao mà khác hẳn thế này, cậu Út bẹo má bẹo tai Minh thật đau, khi Minh lén với lên hái ổi các cậu các dì nhìn Minh lạnh lùng: "Cháu đi chỗ khác chơi, cháu đi đâu đó, sao không về nhà mẹ đợi…” Trường học Minh gần nhà bà ngoại. Minh sợ cái không khí vắng lặng của gia đình sau khi bố chết. Minh ngã về bên ngoại… "Cháu về nhà ăn cơm, ở đây không có ai rửa tay chân cho cháu trước khi ăn…” Minh lầm lũi xách cặp bước ra khỏi chiếc cổng bằng lá chè Tàu, nghe đằng sau có tiếng nói của ngoại: “Mẹ nó dặn đến đây xin cơm đó…” Minh không hiểu có gì khác giữa bữa cơm ở nhà vào ở ngoại, nhưng có một nỗi buồn rõ rệt làm lòng đứa bé nặng lắm. Minh liếc mắt nhìn thẳng vào các cậu, các bộ veston thẳng tấp, trịnh trọng với cà vạt, các dì áo dài mới, khoác áo ấm đắt tiền… Những ngày thơ ấu lạnh lùng bi thảm đắm chìm từ lâu bỗng ồn ào trở lại.

"Vụ Phật giáo ở Đà Nẵng có Tiểu đoàn tôi tham dự, chắc hôm đó anh có vào trong đó biểu tình?"

Minh cau có ra mặt. Minh biết họ ngoại vốn sùng đạo và cố chấp, Phật nhất định là bậc đại trí, Công giáo ngoại lai hời hợt, các cậu dì hãnh diện với bàn thờ Phật được lập ở mỗi nhà, tượng Phật lớn hơn nhau theo tỷ lệ nghèo giàu. "Kim thân Phật Thích Ca nhà con cao gần một thước", cậu Hai hãnh diện khoe với ông ngoại, xem công việc thờ Phật như cách thức diễn tả sự hiếu đễ tiếp sức với cha già dựng lên bức tượng đồng mạ vàng, góp công lao để đẩy cha về Niết Bàn tương lai… Câu nói của Minh có ảnh hưởng ngay lập tức.

"Như vậy cháu có dẹp bàn thờ ở Đà Nẵng?"

"Không những dẹp cháu còn cho lính đánh thả cửa mấy anh sư”.

"Chết, chết, A Di Đà Phật, nghiệp chướng đó khi nào rửa được, cháu nỡ lòng nào mà phạm đến các thầy…” Mợ cả xuýt xoa.

"Cháu chẳng thấy có gì là khó hết, mấy thằng trốn lính cạo trọc đầu thành thầy tu, tụi nó ăn nói còn mất dạy hơn lính cháu… Mợ biết thằng Thứ học chung với cháu một lớp, thi hỏng tú tài là nó đi Thủ Đức, xong đi Biệt động quân, mất dạy cả thành phố Đà Nẵng phải khiếp… Thế rồi cũng cạo đầu làm thầy xách động biểu tình hợp với lính tráng con nít tranh đấu. Con không vơ đũa cả nắm, mợ vào Đà Nẵng mà xem mấy thằng du đãng cầm đầu biểu tình… Đạo Phật hư không phải do ông Diệm, ông Khánh, ông Kỳ gì hết, chính là do bọn lưu manh đó nó phá nát". Minh nói hả hê, bao nhiêu uất ức phiền muộn cho nổ bùng không che giấu. Buổi chiều ấu thơ nào ôm chiếc cặp bước ra khỏi chiếc cổng, bụng đói, mâm cơm nhà ngoại vừa dọn, con tôm râu đỏ chạch thèm thuồng, chiếc lồng bàn đậy lại. "Con đi về kẻo mẹ con trông…" "Mẹ nó biểu nó qua xin cơm…" Minh nhớ như in, Minh nghe sấm nổ cuồng nộ bên tai. Minh thấy rõ cái đau nhói nhục nhã khi chân bước đi trong bóng tối chập choạng của trời bắt đầu tối. Minh liếc một vòng tròn, những cặp mắt mở to vì tức giận. Minh nhìn vào chỗ thằng Trí.

"Chắc vụ Đà Nẵng anh có tham dự, anh có định tự thiêu không? Tiên sư, anh mà tự thiêu thì nhà mình có thánh tử đạo hạng nhì rồi đó…" Mẹ bấm vào tay Minh. Minh rút tay lại ra vẻ không biết, liếc về phía ông ngoại, người già chưa kịp có phản ứng về Minh. Ông ngoại im lặng, lòng Minh chùng xuống, nó bước tới khoanh tay lại… "Con kính chúc ông ngoại khoẻ mạnh".

"Ừ, con đi trận mạc gắng giữ mình".

"Dạ thưa ông con về". Minh bước lui. "Thôi con về trước mẹ về sau". Minh cúi đầu xung quanh thưa bà, thưa cậu, thưa dì. Minh bước lần ra cửa. Trời lạnh và đen thẫm. Minh bước vào khối đen im lặng mênh mông, thấy rõ lại những giao thừa thơ ấu cùng một khối lượng không khí đằm thắm thê thiết của tuổi thơ.

Minh mang đôi giày nhà binh đến đứng trước gương.
"Đồ Tết của sáu năm đi làm quan đây".

Dựa lưng nỗi chết

Chương 8

Giang hai tay, áo saut trông rộng thùng thình che hết nửa người khép tay lại, Minh nhảy nhảy, chai rượu trong túi chuyển động lục cục… Cái áo rộng thế này hèn gì hồi xưa lính Tây không bắt gà cũng uổng. Minh nhét cây súng vào thắt lưng, đi xuống bếp lấy hai mươi chiếc nem lá bỏ vào túi dưới của chiếc áo còn rộng chỗ. Kiếm cái gì nữa bây giờ. Minh cắt một khoanh giò thật lớn gói vào túi nylon, mình như một ụ thức ăn di động. Ra khỏi nhà Minh hướng về phía khách sạn, lạnh, hai tay đút vào túi áo, lạnh không kém gì Đà Lạt. Tết này như vậy là mình đi lính được sáu năm. Minh nhớ đến Tết đầu tiên ở trường, doanh trại vắng hoe, các khoá đàn anh đi phép, nắng đầu xuân vàng rực gây gây lạnh. Minh vừa được gắn alfa, đầu húi cao trắng xoá, mặt loang lổ từng mảnh da bị tróc vì rám nắng… Những người cùng phòng đi vắng, Minh trùm chăn ngủ bù sau hai tháng tân khoá sinh, chiếc máy do sinh viên khoá đàn anh cho mượn chạy hoài bản nhạc độc nhất… "Greenfield… You never know what make you run away… How can I keep searching when the cloud hide the day…" bài hát của một người bị tình phụ, thê thiết khắc khoải vang vang trong căn phòng lạnh vắng. Minh chưa có một mối tình nào, Minh chỉ có một cuộc đời mới khởi đầu, nhưng Minh linh cảm được có một điều gì bất toàn, ngón tay dò kẽ nứt đầu tiên bắt đầu có dạng trên mặt da trắng bóng trơn láng. Dĩa hát chạy hết được đặt lại…" home… to the greenfield that we are once again…" Home, nhà, chốn hạnh phúc của những người yêu dấu, nhà, chốn Minh vừa xa rời chắc lâu lắm mới có ngày trở lại… Khóc, giọt nước mắt vô tình nào đã làm ướt mắt gã trai mười tám tuổi, Minh đứng dậy nhìn qua cửa kính, khu sân cỏ trước doanh trại lác đác vài người, trời đột nhiên âm u, phía rừng ùn ùn sương phủ, Minh khóc cho một duyên cớ vô hình…

Thối thật, Minh đá một cái vào khoảng không gian trống. Tiên sư, tự nhiên lại khóc… Minh nhìn quanh xem thử có người nào trông thấy, ừ lúc đó mình con nít thật, Minh rút ra một cái nem, lột lá, bỏ tọt vào mồm, kéo chai rượu Johny Walker. Nhãn đó là sang rồi đòi gì nữa… Minh đứng dưới cột đèn, rót rượu ra nắp nhôm… Ực, không đá uống

cũng được, trời lạnh rượu thêm ngon. Minh rót thêm một lần nữa… Có bóng người đi qua mặt, khẽ liếc Minh.

"Uống không?"

Người kia lắc đầu, bước chân tránh đi xa xa…

"Không thì thôi, sĩ quan Nhảy dù mới nhận chức… à". Minh bỏ chai rượu trong túi, bước đi thật vui vẻ và nhanh nhẹn, Minh chợt nghe một thoáng u buồn phiền muộn nào nằm sẵn trong tim.

Cửa phòng Lạc hé mở sau tiếng gõ cửa đầu tiên. Minh cho chai rượu vào trước lắc mấy cái. Có tiếng hét lớn: "Vô đây! Vô đây! Tôi chưa đợi ai bằng đợi ông tối nay". Lạc chạy ào ra cửa, cuống quít kéo Minh vào.

"Thủng thẳng bể bố chai rượu ra bây giờ…"

"Tiên sư, ngồi đợi ông muốn dài cả cổ, tôi mua mấy chai bia uống tạm, đêm giao thừa lạnh như cắt, ngồi uống bia một mình chi bằng uống thuốc độc chết sướng hơn".

"Thôi đừng than van nữa ông già, chị với hai con đâu?"

"Phòng bên cạnh, tội nghiệp Tết nhất lại phải mò đi xa kiếm chồng, chồng lại cỡ tôi nữa thật là xứng đáng tuyên dương công trạng, mươi tám năm lấy chồng chỉ được thấy mặt chồng năm cái Tết, tiên sư đúng là bà ấy trúng số độc đắc hạng bét… Thôi mở rượu, ấy, sao ai uống trước rồi, ông thổi ở đâu?"

"Đừng nói bậy, tôi xin ông già tôi đấy, đi dọc đường tôi nhậu trước hai nắp".

"À, vậy thì được, lần sau bảo ông già cho chai tốt hơn cỡ Courvoisier Martell…"

"Ừ, cái này phải nói qua bà già vì ông già về ở với Chúa rồi…"

"C… ông lúc này lại nhiễm tính ông Thuấn rồi…"

"Tính tốt thì phải học, học thầy không tày học bạn, ông Thuấn là bạn tốt, không học cũng phí. Bà chị tôi mới thấy Thuấn xạo mê ngay…"

"Chết, chị ông điên rồi, chị gì mới được chứ".

"Chị họ, muốn gì cứ nói, chết quái gì mà rào đón…"

"Vậy khỏi giữ, sợ chị ruột ông thì không được… Từ trước đến nay tôi vẫn nghĩ bà nào điên mới mê ông Thuấn, nhớ vụ ở Dakto có con đĩ nhất định theo nó về Sài Gòn, vui thật, nghe ông Thuấn ba hoa một hồi thế là con bé nghệt mặt ra… Tiên sư, mình nghe nó láo đến sốt cả ruột, thế mà vẫn có kẻ tin đến ngẩn người".

"Ừ, cũng như mấy thằng nhà báo, toàn là những tay nói dóc thượng thặng thế mà khi nghe ông Thuấn nói chuyện tượng đồng ngồi ở nghĩa trang hoá thành ma đón xe xin quá giang, xin thuốc lá, một tụi ngồi đực mặt ra ghi chép phỏng vấn. ĐM… Tôi ngồi bên cạnh cười đến vãi đái… Ông thấy cảnh ông Thuấn diễn tả cảnh thằng tượng đồng đối thoại với ông ấy chắc ông cười đến chết, thế mà không hiểu sao mấy cha nhà báo tin được, cứ một điều Đại uý ghi rõ cảnh bức tượng đón xe… Đại uý cho biết cảm giác khi nghe bức tượng nói… Hà… hà… Ông có nghĩ cảnh ông Thuấn phịa không? Ông ta nói như thế này: Bức tượng đó tạc theo mẫu của hạ sĩ Côn đại đội tôi, nên khi nghe tiếng nói Quảng Trị của nó tôi lạnh người, tôi hỏi "Có phải em là Côn không?". "Dạ thưa Đại uý, em là Côn đây, thấy Đại uý lái xe qua nên em đón xe thăm Đại uý…".

"ĐM… Láo thế là nhất rồi. Thuấn ơi là Thuấn ơi, vong linh ông ở đâu về uống với tôi chén rượu…" Lạc hớp ly rượu cười rung cả người… "Ấy thế mà ông Thuấn lại nói với tôi khác…"

"Khác làm sao?"

"Khác là thằng tượng đồng ngồi trên bệ đá tay ngoắt ngoắt. ĐM… cả sếp mình là Đại tá Lữ đoàn trưởng cũng tin luôn".

"Rồi bây giờ đi qua chỗ bức tượng ông ấy có chào không?"

"Có, thì hôm đó ông Thuấn lái xe, sếp ngồi một bên, tôi ngồi sau, gần đến chỗ bức tượng là ông bắt đầu gỡ mũ, tháo kính, lái chậm và

chào thật nghiêm… Bây giờ mới biết Thuấn xạo…"

"Cái trò chào bức tượng cả Sư đoàn này đều bị lây ông Thuấn hết đấy".

"Thuấn xạo thực, nhất ông ấy rồi…"

"Uống tiếp, chuyện Thuấn xạo biết đến bao giờ cho hết, uổng thật tối hôm nay nếu có ông Thuấn sẽ vui biết mấy, cũng như hôm ở Bồng Sơn ông Trung tá Khoa, chiến đoàn 3 sắp sửa lên trực thăng cũng phải nán lại để nghe ông Thuấn luận về gà Bình Định và vợ Quảng Ngãi. Tôi không hiểu thằng cha ấy nhặt những chuyện khỉ gió kia ở đâu, chuyện gì hắn cũng luận đều đều dài dài… Thiên hạ lần đầu tiên nghe Thuấn nói cứ tưởng thằng cha thông kim bác cổ…"

"Thì cũng phải có tài chứ, tài dựng chuyện và tưởng tượng rồi ráp những sự kiện rời rạc nhưng có thực xung quanh một cái trục bịa đặt, thế là thiên hạ tin như chết. Không kể người lạ, ngay cả ông với tôi khi nghe ông Thuấn nếu không được báo trước cũng vẫn tin, như hôm ông ấy ngồi phịa chuyện tướng ông Diệm và bà Nhu, cả bộ chỉ huy Tiên tri nghệt mặt ra nghe xong cứ chặc lưỡi khen ông Thuấn giỏi cho đến khi nó bị ông Ba phó vặn lại, cả làng mới biết bị xạo…"

"Chuyện thế nào?" Minh nhai một miếng nem, chất thịt vừa chín được ngấm thêm men rượu nồng tan trong cổ, nhắm mắt lại, một chút nước mắt ướt rèm mi… Rượu uống sao ngon nhưng mạnh quá, lúc đi ngoài trời lạnh uống thấy ngon hơn ở trong phòng.

"Uống đi, để tôi kể chuyện ông Thuấn luận ông Diệm. Ông ấy bảo: ông Diệm là tướng đại quý vì ông ấy thuộc loại ngũ đoản bát đại, cho nên mới bị cái chết bất đắc kỳ tử, nửa đường đi toong… Ôi chao, ông ta dẫn chứng cả cổ kim để làm bằng cớ, nào là ông Chu Văn An là tướng hầu, ông Án anh Án em gì đó ở bên Tàu… rồi ông ta luận luôn chuyện ông Nguyễn Khánh… ĐM… nói sướng cái miệng nhưng ông ta kể vung vít quá mới bị ông phó kê, hắn ta cứng họng nên mới thú nhận đang nói xạo…"

"Vậy là mấy ông thua rồi, tôi chỉ bị một lần là biết ngay…" Minh hớp thêm ngụm rượu. "Sao đắng quá, tôi phải đi kiếm cục nước đá".

"Để tôi”.

"Đâu được, tôi sẵn áo quần tiện hơn ông. Minh đứng dậy bước ra khỏi phòng. Đợi tôi năm phút thôi…”

Lạc gật đầu, nhìn thẳng vào chai rượu màu vàng lóng lánh ánh đèn, Lạc cười nhẹ, đưa tay lên sờ cằm, những chiếc râu ngắn nhám nhám ở tay, Lạc liếc về phía cửa phòng vợ, có tiếng thở dài rất nhẹ, Lạc lắc đầu.

Thuấn dặn tên lính thân tín:

"Tao đi chơi loanh quanh đây, có gì mày chạy đi gọi”.

"Dạ". Binh nhất Thiên nhỏ nhẹ trả lời.

Ra khỏi chỗ đóng quân, bước lên mặt đường, đường số 1 đêm ba mươi Tết vắng lặng như một thỏi đá màu đen đắm chìm trong sóng trắng đục.

"9 giờ, còn ba tiếng nữa giao thừa", Thuấn cho tay vào trong túi áo, bước theo bề ngang của con đường…

Một hai ba, hai mươi bốn bước, xương sống mẹ Việt Nam rộng hai mươi bốn bước, đi ra phía này là tới Hà Nội, đi vô phía này tới Sài Gòn. Thuấn xoay mặt về hướng Nam, xung quanh sương trắng lớp lớp. Những ánh đèn le lói hai bên đường trông ốm yếu như sắp tắt.

Mình đâu có nghĩ cảnh giao thừa đứng trên quốc lộ như thế này… Buồn thật… Làm cái gì bây giờ… Điên à? Ông nói với ai hở ông? Thuấn ép tay vào người cúi đầu đi về phía Nam.

"Ai đó? Đứng lại”.

"Lính Nhảy dù đi du xuân”.

"Đi mô tối rứa?”

"Giao thừa đi chơi”. Trong bóng tối xám đặc lập lòe ánh lửa, Thuấn biết mình đã gần tới cầu, sương dày quá không thấy được thành

cầu, dòng sông ở dưới xa chìm hẳn trong khói sương lạnh giá. Thuấn bước tới, đốt điếu thuốc.

"Có dây kẽm gai không?"

"Có, ép về phía trái… Coi chừng, thôi để tui mở cho mà đi".

Thuấn đứng lại, lạnh quá, gió dưới sông thổi lên mang theo hơi nước ẩm ướt, sợi dây kẽm chắn ngang lối đi, ánh đèn bấm di dần về phía Thuấn. "A, Đại uý đi mô mà khuya khoắt ri? Mới chín giờ đã đi du xuân…" Thuấn tự nhiên thấy lòng vui vẻ. Người lính gặp hồi sáng không giấu vẻ mừng rỡ trong khi luống cuống mở dây kẽm gai.

"Đại uý thiệt là lạ, trời lạnh như cắt mà lại đi chơi, mà chơi chi ở đây… Tôi đứng chờ giờ đổi gác để chui vào mền làm một giấc đã… Bây giờ Đại uý định đi đâu?"

"Chẳng biết… Đi mỗi vòng rồi về, lạnh quá hả?" Thuấn chìa cho người lính điếu thuốc. "Trời lạnh hút thuốc ngon thiệt", người lính xuýt xoa. Thuấn nhớ điếu thuốc đầu đời, một góc rừng Đà Lạt lạnh buốt, trời tối đen Thuấn với tên bạn cùng phiên gác chia nhau điếu thuốc có mùi bạc hà. Khu rừng đen thẫm trống trải, điếu thuốc lòe lên thấy rõ đường chỉ tay hồng.

"Thuốc này là thuốc gì?"

"Oakland menthe, một bao hai chục đồng".

"Mày hút một ngày mấy gói?"

"Hai, tao người Đà Lạt mà mày, ở đây không có thuốc chịu không nổi, tao hút Bastos nhưng mấy hôm nay ho nên xài tạm thứ này".

"Bastos là thuốc lá đen".

"Ừ", tên bạn trầm giọng nghiêm trọng.

Thuấn cảm thấy thua sút, hít một hơi thật mạnh, khói bay đầy mồm muốn sặc…

"Thuốc này nhẹ quá", Thuấn phê bình ra vẻ thành thạo.

"Nhẹ đối với tao, nhưng mày mới tập hút nên hút nó".

Thuấn muốn cãi lại, thấy khó khăn, trong bóng đêm Thuấn có cảm giác như thằng bạn đang đưa mắt nhìn bàn tay vụng về của mình cầm điếu thuốc. Ngày hôm sau Thuấn bắt đầu hút thuốc, thuốc Mélia vàng… Vậy là bảy năm rồi, mau thật, mình chỉ có nước giỏi bắt chước. Thuấn tì tay vào thành cầu, thanh sắt đẫm sương lạnh cóng. Mặt sông dưới xa lóng lánh theo ánh đèn dưới chân cầu toả ra một ánh sáng vàng rực xôn xao, người lính đi đến gần Thuấn, gót giày nhà binh gõ từng tiếng động lạnh buốt trên sàn cầu. Chiếc bóng lầm lì nín lặng.

"Ông gác đến mấy giờ?”

"Dạ mười một giờ".

"Có buồn không?"

Người lính không trả lời, cười tiếng nhỏ, đốm lửa từ điếu thuốc và đèn ở thành cầu chiếu rõ một chiếc cằm lởm chởm râu…

"Hết gác về cạo râu ăn Tết nghe ông…”

"Dạ, mà tui không có dao cạo, già rồi làm đẹp chi nữa Đại uý?”

Già, Thuấn chợt hỏi, mình đã già chưa nhỉ? Thuấn miết cái cằm lên mu bàn tay, những sợi râu cứng, ngắn, chuyển động gây nên một cảm giác thú vị… "Ấy, nhột em!" Quỳnh Như ưỡn người lên vùng vẫy dưới nụ hôn trên phần ngực. Thuấn luồn tay dưới nách Quỳnh Như kéo hai vai nàng xuống, chiếc cằm miết nhẹ từ cổ theo luống thủng giữa đôi vú… Tiếng thở ngắt khoảng mê đắm, có giọng cười nhỏ dưới nụ hôn. Thuấn đứng thẳng người, nhìn mãi xuống dòng sông bốc khói tưởng như thấy rõ được chiếc bóng mình nở rộng theo cùng mênh mang của lớp sương mù. "Quỳnh Như", Thuấn gọi một tiếng nhỏ, đột nhiên nỗi nhớ thương như quả đạn bùng nổ trong cơ thể… Tại sao mình rung động? Tại sao mình đứng ngồi phiền muộn, sao hơi thuốc hít vào miệng nặng nề hiu hắt, trong giá rét trống vắng của một đêm trừ tịch trên quốc lộ tối đen, Thuấn thấy nỗi thê lương có

hình khối nặng nề hơn bóng đêm, lạnh lẽo hơn gió chạy xôn xao trên mặt sông, luồn qua khối sương mù xoay chuyển ánh đèn vàng giá lạnh.

"Anh có xe gì không?"

"Dạ, tui có cái xe gắn máy".

"Lát nữa hết gác anh về đâu?”

"Nhà tui ở dưới trường học, tui về đó…”

"Anh cho tôi mượn cái xe, mười một giờ trả lại, nếu không kịp thì tôi mang đến nhà trả cho anh".

"Đại uý định đi mô?”

"Đi dọc dọc theo đây… Tự nhiên tôi muốn chạy một vòng".

"Dạ, Đại uý lấy, nếu chút nữa không có tui Đại uý đem xuống chỗ trường học, nhà tui bên trái".

"Xong, cám ơn anh trước, lát nữa tôi đem trả xông đất nhà anh luôn, số tôi hên ghê lắm, anh sẽ lên hạ sĩ nhất trong năm nay”.

Người lính cười không nói đứng nhìn Thuấn đang nổ máy xe.

Thuấn rú hết gaz, chiếc xe lồng lên, xốc mạnh trên đoạn đường lồi lõm, ánh sáng không đủ rọi xa. Thuấn ghì chặt tay lái, không bớt tốc độ… Gió thổi lạnh hai bên tai, răng nghiến chặt… Thuấn thấy thấp thoáng dưới ánh đèn khối không khí mù mờ chuyển động, xoắn lượn… Trước mặt Thuấn rừng cây thông chập chờn, con đường đỏ ướt sương, những ngọn đồi cỏ chuyển động ào ạt. Chỉ mới năm năm qua. Đêm một giờ sáng từ tỉnh B Thuấn theo xe đò lên Sài Gòn, chiếc xe bật đèn chạy qua Dĩ An, Thủ Đức, Bình Lợi, Bình Hoà… Cô bác cho tiền, cô bác cho tiền… Thuấn xuống xe ở Đakao đi bộ về

Tân Định, đồng hồ chỉ hai giờ mười lăm, thành phố Sài Gòn ngủ kỹ, lũ chó hoang chạy vật vờ trên những đống rác, thành phố mệt mỏi như giấc ngủ trưa của con điếm miệt mài. Nhưng Thuấn thì không vậy, Thuấn nhảy chân chim trên lề đường loang nước, Thuấn chạy hân hoan trên Sài Gòn tàn tạ úa bẩn, Thuấn chạy vào đường Trần Quang Khải, rẽ tay mặt, chạy nhanh hơn nữa… Đây rồi, căn nhà Bích Trân kín cửa im lặng. Thuấn nhìn lên, một, hai, ba… Cửa sổ thứ hai là phòng khách, sau phòng khách là phòng ngủ của Bích Trân, có thể nàng ngủ ở phòng khách, trên canapé hay dưới sàn nhà, cuốn truyện úp trên mặt… Bích Trân khi lặng lẽ đau đớn như tuổi già, Bích Trân khi nói em, kể chuyện, khi coi sách, ngây thơ mãi mãi như trẻ con… Thuấn đứng trong bóng tối nhìn lên khung cửa im lặng, nghe đâu từ căn phòng tiếng thở nhẹ nhàng của người thiếu nữ mê thiếp, Bích Trân chuyển mạnh cánh tay ép sát vào ngực, thế nằm co quắp tội nghiệp, thế nằm sửa soạn chống đỡ cơn phong ba. Một giờ, hai giờ, Sài Gòn tỉnh giấc, động cơ xích lô máy vang động từng nhịp rồi tản dần trong không khí ấm mát của đêm còn vướng vất, ngọn đèn vọng úa nhợt nhạt, bầu trời chuyển thành màu xanh thẫm. Cánh cửa cuối cùng chợt mở, người u già bước ra…

"Kìa cậu Thuấn, làm gì sớm thế?"

"U kêu cô Trân hộ tôi…"

"Cậu lên từ bao giờ?"

Thuấn mỉm cười không nói vò vò bao thuốc trong tay… Bích Trân chạy xuống, bước chân cuống quít nhảy vội, làn tóc rối, đôi mắt hốt hoảng…

"Có gì vậy Thuấn? Có gì xảy đến cho anh?”

"Không, anh nhớ em…"

"Anh đến lúc nào?"

"Lâu lắm. Cho anh hôn em, trời chưa sáng, không ai thấy".

"Coi chừng u già".

"U già đã vào nhà… Ôm anh…"

Cửa đóng, mái hiên rộng bóng tối đầy khoảng sâu. Thuấn khép chặt hai tay, đầu người thiếu nữ ép vào vai… "Anh đến từ lúc hai giờ, ngồi ở ngưỡng cửa này…"

"Anh kỳ quá!"

"Không, chỉ vì yêu em…"

Bao nhiêu lần như thế, bao nhiêu đêm trong cơn say, Thuấn sờ vào lớp tường đá lạnh tưởng như vuốt ve một bóng hình thân yêu. Năm năm, gã trẻ tuổi nồng nàn ngày xưa đã mất. Tối nay, Thuấn đang sống lại, chiếc xe chạy như một nỗi hân hoan tìm kiếm được hạnh phúc sau thời gian chết cứng. Quỳnh Như, giọng Huế thánh thót trong vắt, tiếng cá đớp mồi dưới bờ sen, cánh sen tàn trên mặt hồ đặc bèo, chiếc giường nệm nồng mùi thiếu nữ, Thuấn duỗi thẳng hai chân, hai ngón chân cái đan chặt vào trong cơn bão ngầm cảm giác thổi lướt qua. Quỳnh Như, giờ tỉnh giấc sau cơn mê phiền muộn. Anh đến cùng em… Thuấn qua một khúc quẹo, đèn lướt một đường vàng trên luỹ tre vệ đường. Sắp đến cầu An Hoà, Thuấn nghĩ, tăng thêm một chút tốc độ để đi được lượng khoảng cách tối đa… Có bóng người chạy thấp thoáng trước mặt… Thuấn thắng thật mạnh, chiếc xe chao bên trái lạng thêm một đường bên phải, bánh xe xiết trên đường ngã nghiêng. Thuấn nhảy vào vệ đường, kéo khẩu súng nhanh ra khỏi thắt lưng, lăn xuống đất nằm lên đống lá tre, họng súng hướng về phía hai bóng người đang đứng trong vùng ánh sáng.

"Ai? Đứng lại, nhúc nhích tôi bắn". Thuấn hét thật lớn, át hẳn tiếng gió và động cơ chiếc xe đang giòn giã nổ…

"Dạ, tui tui…"

"Tiến tới, đưa tay lên khỏi đầu".

Hai bóng người tiến tới lần lần, Thuấn kéo cơ bẩm khẩu súng, tiếng động lạnh vang như tiếng nổ, hai người giật nẩy, co rút lại…

"Hai anh ở đâu?”

"Dạ tụi em gác cầu, Việt Cộng về, tụi em chạy thoát".

"Việt Cộng?"

"Dạ tụi nó lấy cầu và đóng đầy trong làng Dốc Sơ, chắc ở Huế cũng có tụi nó… Em còn nghe súng nổ thiệt loạn ở chỗ cửa Chánh Tây…"

"Chắc không?"

"Dạ có, tụi đánh vô cầu nói toàn tiếng Quảng Bình".

Thuấn nhảy vội lên chiếc xe, gài khẩu súng vào thắt lưng.

"Hai anh chạy về cây số mười bảy đi, ở đó có nhiều lính mình".

"Dạ, tụi em cũng tính thế".

Thuấn quay xe về hướng An Lỗ, nhìn lại thành phố Huế, hình như có tiếng nổ khô của lựu đạn chen lẫn trong tiếng pháo… Quỳnh Như, Thuấn rú hết gaz, chiếc xe lao vút đi…

*

Minh đạp cửa ào vào như cơn lốc…

"Gì vậy?" Lạc nhổm dậy, tay còn cầm hộp bia.

"Xong rồi, Việt Cộng đứng đầy đường. Phải kêu bà chị với mấy ông nhỏ dậy…"

"Chạy đi đâu?”

"Vào trong tiền trạm của mình".

"Ông biết đường?”

"Kêu bà chị dậy đi, nhớ mang theo thức ăn”. Minh nói như ra lệnh, rút khẩu súng colt, lên đạn đặt khoá an toàn dắt vào thắt lưng ở vị thế dễ

kéo ra nhất. Minh mở cửa bước ra hành lang, cong người trên lan can nhìn xuống đường, bên kia vườn hoa Nguyễn Hoàng leo lét ánh đèn thấp thoáng đầy những bóng người sau các gốc cây, phố chính người đi vội, hình như họ đang dồn thành từng nhóm. Minh liếc về phía phải, từng tổ tam tam di chuyển yểm trợ nhau dọc theo bờ tường. Minh chạy vào, vợ chồng Lạc và hai đứa con đã sẵn sàng, vợ Lạc tay xách chiếc valy nhỏ…

"Chị bỏ valy lại, mặc thêm áo vào mang chút thức ăn thôi, dưới đường đi không được nữa…"

"Tụi nó?" Lạc hỏi nhỏ. Minh gật đầu, tầng dưới vang tiếng nổ, đạn AK từng nhịp ba viên gọn gàng, tiếng nổ vang dội dọc theo hành lang, có tiếng người van lạy và bước chạy lên cầu thang.

"Chết, làm gì bây giờ mình?" Vợ Lạc bấu chặt tay chồng.

Lạc rút khẩu súng ra khỏi lưng, mũi súng hướng về cửa phòng, đưa mắt nhìn Minh dò hỏi, Minh lắc đầu bước đến khoá cửa phòng…

"Ông kéo cái bàn đến đây cho tôi, chận cứng lại, nhớ khoá chặt hơn". Lạc làm như cái máy, sự sáng suốt bình thản thường ngày mất hẳn, người vợ cùng hai đứa con như sợi dây trói chặt tay chân cùng phản ứng. Lạc nghe lời Minh không chút phản ứng ngần ngại.

"Ông đứng sát tường, giúp tôi trèo lên cái lỗ này".

Lạc đứng dạng chân, hai bàn tay bám vào thành cửa sổ. Minh trèo lên hai vai, lần tay theo thành tường.

"Ông nâng tôi lên chút nữa".

Lạc nhón chân lên, Minh bám được khung cửa trần nhà trổ lên mái, rán đu ngược người lên.

"Bây giờ ông đưa hai cháu lên". Hai thằng nhỏ được kéo lên trước, xong đến vợ Lạc, khi tất cả ở trong buồng tối, Lạc lấy lại bình tĩnh.

"Bây giờ mình phá mái nhà?"

"Phá nhẹ tay, đừng để ngói rơi xuống, để tôi lên trước định hướng, ông coi chừng cửa phòng mình, đừng để nó biết mình núp trên này". Lạc gật đầu tỏ vẻ hiểu, khi Minh bắt đầu gỡ từng tấm ngói Lạc thở nhẹ liếc mắt nhìn xuống lỗ hổng, căn phòng vắng, ngọn đèn mờ, chai rượu lăn lóc trên sàn nhà, ngoài hành lang có tiếng chân người chạy, những giọng hét ra lệnh chêm vào những âm thanh của cổ họng bị chặn lại. Tiếng nổ từng phát một gọn ghẽ, khô khan, khi viên đạn đi từ nòng súng xuyên qua mục tiêu, mục tiêu bằng xương bằng thịt ép sát vòng kim loại lạnh băng. Cửa phòng bị tống mạnh, chiếc ghế lung lay, chìa khoá rơi xuống. "Mở cửa, mở cửa", giọng miền Trung nặng tai, Quảng Bình hay Đồng Hới, tấm cửa bị rung dưới sức ép, một loạt đạn nổ giòn, ống khoá bị bắn tung từng mảnh nhỏ. Lạc nhắm vào bóng đèn, đoàng, bóng tối dày đặc, vừa lúc cửa phòng bị xô tung, chiếc bàn lật ngược đổ sầm trên nền nhà. Loạt đạn từ ngưỡng cửa sáng từng chập, Lạc bắn vào ngưỡng cửa hai viên. "Lùi, lùi, tui bị rồi đồng chí…" Căn phòng tối thâm. Lạc ngửng đầu lên, một luồng gió lạnh băng theo lỗ hổng thổi vào nhà, bầu trời lóng lánh sao. Trèo lên, Minh thò đầu vào lỗ hổng. Minh bò trước, hai đứa bé, Lạc bò sau cùng, thành phố Huế rộn rã tiếng pháo nổ, nhưng tai Lạc nghe rõ tiếng súng, không có viên nào rít trong không khí, viên đạn đã nằm trong một mục tiêu xương thịt nào đó. Trái với sự dự đoán, Lạc bình tĩnh trở lại, cảm giác như sắp sửa xua quân vào khi nghe mục tiêu đã bị phi pháo cày nát. Minh khôn ngoan thận trọng như đang dự trò chơi trốn bắt trong tuổi nhỏ. Chàng nhấn bàn tay trên mỗi khoảng gạch ngói trước khi trườn tới, dãy trường thành trước mặt đen thẫm bề thế gần tới từng tấc một.

"Bây giờ mình phải tìm cách vượt cái hào này".

"Lội qua?" Lạc hỏi với giọng e dè.

"Chuyện đó thì dễ cho ông với tôi, chỉ lo bà chị với hai thằng nhỏ".

"Ừ nhỉ". Lạc đưa tay lên gãi gãi trên mặt.

"Em biết lội, mình và anh Minh đừng ngại". Vợ Lạc e dè cất tiếng, sự sợ hãi trên đoạn đường mái nhà đầy tiếng súng đã làm người đàn bà cứng lưỡi, bây giờ hạt đất dưới chân làm tĩnh trí. Có luôn mấy đứa nhỏ kia ở đây thì chắc dạ biết mấy, người đàn bà muốn nói với chồng câu nói cùng ý nghĩ.

"Ở Sài Gòn có đánh nhau không mình?" Không ai trả lời câu hỏi.

"Không cần, để tôi đi tìm chiếc xuồng, mấy người hái sen thường hay cột chùm ở đây, hơn nữa trời lạnh lắm".

"Vậy thì tốt, ông có cần tôi đi cùng không?"

"Không, ông coi chừng đừng động đậy, tránh hết mọi thứ".

Lạc gật đầu, kéo vợ con thụp xuống, hơi bùn và nước xông lên ẩm ướt. Minh rón rén dò từng bước chân, hào nước mắm nằm sau đám nhà dân chúng, những cột sàn nhà chông chênh đóng rêu trơn, mùi bùn non cống rãnh rác rưởi bốc lên nôn nao. Minh kéo cao cổ áo saut, rút khẩu súng cầm tay, bước chân hẳn xuống bờ hào. Đi thế này tránh người ta trông thấy, nếu bị bắt gặp? Minh nhủ thầm, phải áp đảo ngay, Việt cộng chắc tràn khắp thành phố chắc không thoát được, nhưng mình là người Huế, cởi áo saut này thì ai biết mình là ai? Minh yên dạ, bước tới vững vàng trong bóng đêm…

"Đây nhá, cái thành này chạy quanh khu nội thành, bên trái kia là cửa Thượng Tứ". Minh chỉ tay về hướng một khối đen nhô cao ở đàng trước xa xa…

"Tôi biết, chắc tụi nó ở đó rồi, ông tính đường nào về tiền trạm mình".

"Tiền trạm mình ở trong Mang Cá".

"Mang Cá là gì?"

"Nơi Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1, bây giờ nếu chạy thẳng đường từ cổng thành này là đến, nhưng chắc không nổi… Tụi nó thế nào cũng giữ con đường này".

"Có thể tụi nó muốn nhào vô Sư đoàn 1".

"Suya, nên mình phải tìm con đường xa con đường này, cứ men theo mấy con đường nhỏ nhỏ là lọt, ông đi sau có gì thì dọt, chạy mẹ vào nhà dân chúng, thằng dân nào láng cháng là phơ".

"Sao kinh vậy ông? Toàn người Huế của ông cả đấy".

"Khỏi bàn, ông thấy tụi trong khách sạn không là người Huế sao?… Chuyện đó tính sau, bây giờ cốt yếu là vào trong tiền trạm, có ăn, có sống, leo tàu bay về Sài Gòn là tốt".

"Còn gia đình ông nữa".

Minh không nói. Có một cái gì tàn bạo lạnh cứng trong lòng, trong cơn nguy biến Minh đã khôn khéo phát triển đến tối đa phản ứng tìm sống. Minh đã ích kỷ một cách thản nhiên cứng ngắc. Gia đình? Minh nghĩ đến mẹ và gia đình bên ngoại trong một thoáng hối hận, mẹ và gia đình bên ngoại không có gì với Việt Cộng, họ đứng ngoài cuộc biến động nguy hiểm này, cả nhà ngoại sẽ nấu những nồi cơm thật lớn và các dì mợ trổ tài chế biến những món ăn khô dè xẻn cho đám đông, thịt khô, cá chấy, muối sả, họ sẽ ăn những thức ăn khó khăn đó để đợi chờ biến cố đi qua trong bình yên. Trong khi Minh vượt từng thước đất trên sự sống chết đi về Tiểu đoàn, theo sau một người bạn, bạn lớn tuổi, bạn lính, bạn uống rượu… Minh cùng họ cố về tiền trạm nơi có những người lính thuộc Ban 4 Tiểu đoàn, những người lính không mang súng để vác gạo, bắp su, xách nước mắm từ trực thăng xuống vùng hành quân. Cơn nguy biến ném Minh vào trong một cuộc đấu tranh lạ lùng, cuộc chiến đấu không chiến hữu và không vinh quang. Nhưng Minh phải tới được tiền trạm, Minh phải thắng vì cả cuộc đời cụ thể của Thân Trọng Minh đặt trên cuộc đấu tranh này, nếu Minh thua, một nòng súng AK sẽ dí trước trán. "Lính Dù nguỵ hả?" Việt Cộng sẽ hỏi Minh bằng giọng Quảng Bình, Quảng Trị và có thể là giọng Huế… "ĐM, lính Dù nguỵ mà… hì hì…" Ngón tay của tên Việt Cộng sẽ co lại, cò súng sẽ co lại, Minh nghe được tiếng chuyển động của lò so hoàn lực chuyển để kéo cho búa đập vào chậu cơ bẩm, bốp, kim hoả sẽ đâm vào hạt nổ và đoành… Thân Trọng Minh giải thể thao của học sinh miền Trung niên khoá 1957-1958, cây toán học của Trường Võ Bị sẽ bị bắn ngược người ra đàng sau, một phần chất óc phọt ra ngoài, Minh ngã xuống, chân tay giãy giãy, sự sống cuối cùng giãy giụa vùng vẫy trước khi tắt ngúm. Chết, một sự chết toàn thể có kích thước ở tay chân lạnh giá cứng đơ, dòng máu chảy ra đẫm ướt thấm sâu trong đất, chết có mùi hôi ngai ngái… Chết thụ động và vĩnh viễn… Phải sống, phải về tiền trạm. Minh dự phần vào cuộc chiến không huy chương với hết sức mạnh con người.

"Này Minh, tụi mình phải kiếm cái áo quần gì để thay mới nói chuyện thoát".

"Tôi cũng nghĩ vậy, hơn nữa cái quần tôi ướt nhẹp lạnh không chịu nổi… Mặc cái áo saut này chi bằng kêu Việt Cộng đến túm còn hơn".

"Lấy áo quần civil ở đâu bây giờ?"

"Vào đại nhà nào vắng người, để tôi đi kiếm". Minh len lỏi trong khu vườn chuối ở trên mặt thành nên thấy được khu phố chính mờ mờ ánh đèn trong sương. Dưới kia chắc bắt đầu loạn, đã có những anh chết trong khi đang xỏ tay vào áo veston để đợi giao thừa xuất hành… Không hiểu đã giao thừa chưa. Minh thoáng cười với ý nghĩ rời rạc của mình. Khu vườn hết, Minh bắt đầu vào một khoảng sân đất nện cứng, có người đàn bà đang cúi đầu lạy trước mặt một bàn thờ nhỏ.

"Này, bà ngừng cho tôi hỏi một chút".

Người đàn bà nhìn lên hốt hoảng, những cây hương đang cầm ở tay lã chã rơi xuống. Có nhánh hương rơi trên chân nhưng người đàn bà không để ý, một động tác thật thuần thục, hai bàn tay xòe rông chắp vào nhau, người đàn bà xá hai ba cái liên tiếp, đôi môi nhăn nheo kéo xuống sửa soạn cho tiếng khóc… Ầm, ầm, tiếng nổ ở xa, miệt Gia Hội hay Đông Ba, không biết 105 của ta hay Việt Cộng vừa giật sập mất cái gì? Minh liếc thấy ngọn lửa lóe lên sáng rực trước tiếng nổ. Người đàn bà giật nẩy mình không kìm hãm nổi tiếng khóc đang ứ. "Lạy cậu tha cho tôi", bà xá thêm mấy cái, đôi mắt không rời khẩu súng. Giữa tiếng nổ và khẩu súng của Minh có liên hệ với nhau… Những căn nhà bên cạnh xôn xao, người ta chạy vội ra sân đứng hướng mặt về phía có tiếng nổ. Minh đẩy người đàn bà vào trong nhà. "Bà vào trong này tôi có chuyện nói". Bà ta bước líu díu, những cây hương còn hững hờ trên tay xoay từng vòng sáng đỏ theo mỗi bước đi.

"Bà không phải sợ gì hết, ở nhà còn người đàn ông nào không?"

"Dạ có, thằng con trai tôi đi lính ngoài Quảng Trị, cậu thương tình tôi không làm gì nên tội".

"Nói hoài, tôi bảo bà đừng sợ, bà cho tôi hai bộ đồ civil, áo quần thế nào cũng được, có áo len thì tốt, còn bà cũng nên gói sẵn một gói đi, có gì chạy cho lẹ…"

"Chạy đi mô, vì cái chi mà chạy?"

"Đạn, súng, đánh nhau lớn, ở đây không yên mô".

"Nhưng có lính tráng đồn trại chi ở đây?" Người đàn bà nhìn lên bàn thờ, ánh nến chiếu vào giấy vàng mã trở nên lóng lánh, rực rỡ khói cây nhang bay là đà quyện vào nhành mai trước khi tan, người đàn bà quay lại nhìn Minh, đôi mắt bớt vẻ sợ hãi phảng phất buồn.

"Tui không đi, ông Việt Minh hay Quốc gia tui không biết, bàn thờ tui dọn rồi, đầu năm không ai bỏ nhà mà đi ".

"Cậu định trốn đi mô?" Người đàn bà run run hỏi Minh.

"Đi trốn?" Minh khó chịu. Minh không muốn mang tâm trạng này. Minh thấy mình đang làm một công việc to lớn và quan trọng dù trong bóng tối.

"Tôi không trốn đâu hết, tôi đi Mang Cá". Minh hơi bối rối trước câu nói của mình, ôm bộ áo quần, nương theo bóng tối đi về cuối khu vườn.

Người đàn bà ngồi lại nhìn lên bàn thờ, khói hương bình thản lặng lẽ bay, ánh nến chập chờn ấm áp. Thế giới của người đàn bà trong tối giao thừa là đây… Ngồi im trên chiếc ghế nhìn tàn hương rũ xuống dính vào đốm lửa một cách mong manh, chờ cơn gió yên lặng rơi xuống. Tàn hương lay động yếu ớt như thời gian vô hình chuyển đi giữa hai năm. Người đàn bà đợi hết tàn hương sẽ cúng đến phần đồ ngọt, chè đậu ngự nước trong vắt, hạt đậu vàng xanh nở một đường sung mãn như cành lộc mới… Giặc giã ở đâu cũng mặc, ba bốn lần chạy loạn rồi, loạn lần nào cũng quá lâu, trận Cùa, trận Nam Đông năm 63, 64 gì đó, thằng con thứ nhì bị gãy chân bó bột. Năm nay là Mậu Thân, hai thằng con lại đi biệt mặt không về? Giặc đã phá nhà nhiều lần, giặc đã vào trong nhà, đã làm mẹ con cách xa, đã đẩy tình thương về những chỗ tối tăm vô ích, thương con biết để trong lòng,

người đàn bà ngồi như đã ngồi suốt hai mươi năm. Giặc kia chờ chồng, giặc này chờ con, còn tai ương nào để xảy ra? Người đàn bà ngồi chờ tàn nén hương.

"Xong rồi, bây giờ mình cứ tà tà mà đi, dân chúng hình như cũng vừa biết được có biến động, mình kiếm nơi nào đông nhập vào. Ông và bà chị đừng nói gì cả, xứ Huế ít người Bắc, có gì cứ để tôi. Bây giờ mình xuống đường". Minh chỉ tay xuống con đường nhựa nằm dưới chân thành, ánh đèn vàng ấm soi rõ những lá cây khẽ rung động. Năm người bước chân xuống mặt nhựa.

"Đi ngã nào?" Lạc khẽ hỏi, liếc nhìn những con đường chằng chịt trước mặt.

"Phía này, cứ đi như người thường chạy loạn, đừng trốn tránh gì cả". Minh cho tay vào trong túi, cúi đầu rảo bước đi trước.

Một loạt đạn vang lên từ đầu đường, những ngọn đèn bị bắn vỡ nổ nghe gọn ghẽ, bóng tối đè lên một phần đường. Minh kéo hai đứa bé, Lạc kéo người vợ nhảy vào vệ đường, ẩn sau một gốc cây. Ba bóng người tiến đến …

"Ai, đi ra".

"Đi ra". Minh khẽ nói. Ném mấy gói áo quần dưới cống.

Minh đứng dậy tự nhiên, dẫn hai đứa bé bước ra.

"Các anh là ai? Làm gì?" Giọng Quảng Bình chát chúa, tên Việt Cộng thủ cây AK trước ngực ở thế sẵn sàng, hai tên kia bố trí về hướng chúng vừa đi đến.

"Dạ anh em tôi dạy học, mới đi chùa về".

"Dạy học lớp mấy?" Tên Việt Cộng nhíu mày ra vẻ suy nghĩ.

"Dạy nhiều lớp, tôi dạy vẽ, tôi là giáo sư hội hoạ của trường". Minh chọn thật nhanh một môn học vô thưởng vô phạt, anh tôi là thợ sửa đồng hồ…

Tên Việt Cộng im lặng, mắt vẫn nhìn vào Minh…

"Anh là lính gì mà có súng, súng này lạ quá, lần đầu tiên tôi thấy". Minh hỏi, giọng hoà hoãn vô tư. Tên Việt Cộng khẽ cười:

"Anh không biết gì cả, bây giờ mấy người tới đằng chỗ trường học để sinh hoạt". Y chỉ tay về hướng trường Bồ Đề…

"Anh biết đường đi không?"

"Dạ biết". Minh lễ phép.

"Biết thì đi tới đó liền". Gã đưa nòng súng lên trời bắn ngọn đèn đường kế tiếp.

Minh giả vờ kêu "Trời ơi!" sau tiếng nổ.

"Dạ thưa ông chúng tôi đi". Minh dẫn hai đứa con, Lạc rẽ vào con đường trước Pháp đình. Hai tên Việt Cộng tiếp tục đi dọc đường dưới chân thành, họ đi đâu bóng tối đầy đến đó.

"Mình tới trường học đó sao?" Lạc hỏi.

"Đâu được, nhưng như vậy không những tụi nó đóng dọc từ đây đến Mang Cá, tụi nó còn bố trí cả chiều ngang thành nội rồi…"

"Để tôi kiếm xem có đường nào lọt được, thôi mình đi theo đường này thử". Minh dẫn bốn người đi vào con đường dọc theo hông toà án.

Một tràng tiếng nổ khô vang lên đều đặn. Minh và Lạc cùng nhìn lên trời, những khối lửa bay song song về phía Mang Cá.

"Tụi nó pháo kích, ít nhất cũng có 4 cây 82".

"Tao nghe cả hoả tiễn 122 ly nữa, có thấy khối lửa đỏ rực bay cao nhất không?"

Minh gật đầu đưa mắt nhìn Lạc hỏi ý kiến.

"Như vậy là hơn tiểu đoàn rồi, pháo bốn cây là phải tiểu đoàn trở lên".

"Có thể là bộ chỉ huy Trung đoàn của tụi nó".

Một tràng tiếng nổ khác, vợ Lạc xoắn xuýt ngồi bẹp xuống ôm lấy hai đứa con. “Mình! Mình! Làm sao bây giờ?"

"Không gì chị, đó là súng của Việt Cộng ở đây bắn đi”. Minh chợt mỉm cười vì câu nói của mình. Ở đây bắn đi, Minh cùng một phía với Việt Cộng. Một phía, Minh thấy lạ, một chút yên ổn ở vị trí sau súng địch, phân chia bạn thù hoá ra chỉ một giai đoạn, một giai đoạn ngắn và trống, qua khỏi khoảng trống vô hình đó con người được biến dạng như cây gậy lệch đi khi được nhìn qua màn nước. Súng cối và hoả tiễn Việt Cộng bắn đi tất nhiên có súng cối hoặc 105 của ta phản pháo lại, Minh mong muốn cuộc phản pháo chậm để tìm đường trốn.

"Không xong rồi Minh, tìm phía nào ra khỏi mấy cái ống nhổ này đã, ở gần không được”.

Minh gật đầu, rẽ về phía tay mặt. Ổ súng cối địch chắc đặt ở đường Hàm Nghi phía tay trái.

Người chạy hỗn loạn, người chạy ra khỏi nhà mang những vật dụng thật vô ích trong cơn hốt hoảng. Áo quần tạp nhạp được gói vào trong chăn cũ: ôm trước ngực bằng hai tay chéo lại, một chiếc ly được mang theo. Chiếc ly vô dụng, khôi hài lúng túng chuyển từ tay trái sang tay phải, cuối cùng được ném đi trong la hét thúc giục. “Trời ơi là trời. Súng của ai? Súng của ai? Chạy ngả mô đây?” Người nhào ra từ đường, đường trống trải lạnh cóng, nhìn lên trời đạn bay đỏ lưới. Tiếng nổ nghe thật gần do đạn súng cối départ hay hoả tiễn được phóng đi. Tiếng nổ, khối dân co rúm người như dưới một dịch động kinh. Dân chúng không phân biệt được tiếng nổ của kích hoả đập vào hạt nổ để đẩy viên đạn đi xa hay tiếng nổ của đầu nổ khi chạm phải mục tiêu. Người dân sợ bất cứ mọi tiếng nổ và ánh sáng, sợ mảnh gang nứt ra từ quả đạn, sợ viên đạn nhỏ bằng đồng bay vút trong không khí. Tai ương có hình dáng màu đỏ vạch trong trời đêm, tai ương có khoảng cách và tiếng nổ. Dân chúng chạy vào trong nhà, cảm thấy nhà mênh mông và mỏng manh họ nhìn hết vật dụng thân yêu… Chiếc giường vậy cũng được ba mươi năm khi ông nội còn

làm Biện ở ngoài Hà Tĩnh, cái đồng hồ quả lắc vàng chóe úa màu đen chậm chạp đưa đẩy trong khối vỏ màu nâu khắc hình trái nho, đồng hồ mua từ năm 1949 sau khi lính rappel đầu tiên kể từ lúc hồi cư cuối năm 1946. Người gia chủ treo lên định mang xuống.

"Ba con Uyên muốn mang cái đồng hồ phải không?”

Người chồng nhìn vợ dò hỏi không trả lời.

"Trời ơi! Cái đồng hồ! Khai sinh giá thú giấy tờ đất cát mình không mang đi định mang gì của nợ đó”.

Người vợ chạy xuống bếp xếp chén dĩa kiểu vào tay nải… "Uyên, Uyên, giúp mẹ mang cái này". Người mẹ lắc lắc tay nải. Nặng quá không mang nổi. Cô gái chạy quanh chiếc bàn học, cuốn album, nhật ký, tập lưu niệm. Biết mang cái gì, Uyên xé vụn đống thư cột bởi sợi cao su, những lá thư của tình yêu thần thoại, khởi đầu tuổi thanh xuân, bị xé nát, vứt bỏ, nhoà tan trên sàn nhà. Lá thư tình cách đây hai ngày đã làm Uyên bấn loạn, Uyên đã đọc từng chữ, đã cắt từng câu, nghiến ngấu, ve vuốt từng dấu chấm tân kỳ hình ông sao, Uyên nhớ vạch chéo ngang tàng dũng mãnh. "Người ấy" như vậy đã yêu mình lâu lắm? Người ấy theo dõi mình với mối tình cay đắng trong bao ngày tháng qua… Uyên vung tay ném mạnh những cuốn sách ra khỏi chiếc valy con, xếp tấm áo len trắng vừa đan xong để mặc trong Tết này… Cả gia đình náo loạn một cách khó khăn, họ xoay quanh các đồ vật, nằm bẹp xuống sàn nhà sau mỗi tiếng nổ và nhổm dậy tiếp tục cào cấu la hét trên đống vật dụng bỗng chốc trở thành quá thân yêu và cần thiết…

"Chạy không nổi về Mang Cá được, trước mặt bên trái toàn người anh em, tay phải mình lại đụng cái thành, thôi chạy vào nhà bà chị tôi rồi tính sau". Vợ chồng Lạc cùng gật đầu một lượt theo Minh không ý kiến.

Ngày mồng Hai Tết, Thuấn dẫn đại đội chạy băng qua phi trường Tây Lộc, sắt PSP nhún nhún dưới chân, xóm nhà dân ở xa bốc khói, phòng đợi khách bị trúng đạn B.40 xám đen, cánh cửa bị thổi tung, đại đội bố trí trông về cửa An Hoà đợi lịnh, Thuấn đi vào phòng, có chiếc xe Jeep cháy ở ngưỡng cửa, hai người chết gục ở tay lái, Thuấn đi đến. À pilot L 19, Thuấn đứng sát gần xác chết để nhìn rõ

mặt. Có thể là mấy cha pilot hay bay với *red marker*(), mình có thể biết nó,
Thuấn đưa báng súng lật gã phi công chết trên tay lái.

"Thằng cha này lạ, mình không biết".

Gã phi công bị bốn năm viên đạn ở ngực, một viên vào đầu, hai con mắt mở cứng ngắc, màu từ vết thương trên đầu chảy xuống dính một bên mặt, đóng khô những sợi râu mép.

"Người anh em có bao giờ nghĩ rằng mình chết trên tay lái ô tô không nhỉ?" Thuấn mỉm cười với ý nghĩ mình. Ai làm sao biết được mình chết lúc nào và ở đâu như gã phi công đã ngồi chết trên tay lái. Một anh chàng người Huế cuối năm về quê hương? Không phải, mũi xe hướng về phi cơ chắc anh ta nghe súng nổ nên lái xe Jeep vào đây định vọt đi bằng máy bay, anh ta chết khi còn mặc đồ bay màu xám, huy hiệu con rồng bị một vết cháy, có thể thằng Việt Cộng dí súng thật sát để bắn… Thuấn muốn nghĩ tiếp thêm vài chi tiết về người chết, nhưng trí óc làm việc chỉ đến chừng đó. Thuấn bước vào phòng đợi, gạt máy điện thoại xuống đất. Giờ nay còn có ai gọi, chỉ gọi được Nước Chúa. Thuấn leo lên chiếc bàn gối đầu vào mũ sắt, nhắm mắt lại.

"Khi nào Tiểu đoàn gọi mày đưa máy tao, còn đụng hay không ở đâu cũng mặc, tao ngủ". Gã lính truyền tin gật đầu không nói, ngồi dựa lưng vào tường sát dưới chân Thuấn. Gã không cởi chiếc máy trước khi nhắm mắt. "Tôi cũng buồn ngủ quá Đại uý…" Thuấn nghe từng tiếng động lịch kịch của chiếc nón sắt mỗi khi gã lính cong chân chạm phải cùng tiếng máy chạy sè sè. Thuấn không ngủ được, nhưng hai mí mắt sưng mọng chụp xuống mở không ra, cảm giác như đôi mắt khô cứng không thuộc về phần điều kiện của mình nữa. Bên trong mí mắt đã dậy, đôi mắt vẫn còn thức, nghe ngóng chờ đợi. Thuấn muốn ngủ, hai đêm, hai ngày căng thẳng và di chuyển tác chiến liên tiếp làm vỡ nát những khóm xương, trùng hết mọi đường gân nhưng đôi mắt vẫn tỉnh táo một cách khó chịu. Trong bóng tối của văn phòng, sau rèm mi Thuấn nghe đôi mắt mình chuyển động ngang dọc. Thuấn xoay người ra phía cửa, ánh nắng làm Thuấn mở mắt, sân bay vắng ngắt rải rác toán lính nằm dài bên kia phi đạo… Gã phi công chết vẫn mở mắt nhìn bầu trời xám đục. Thuấn ngồi nhỏm dậy. “Tốt, sống đến bữa này là tốt". Hình như Thuấn nói như thế.

"Dậy mày". Thuấn đá vào chân gã lính truyền tin. Dậy để xin lệnh kéo vào trong kia bố trí, ở đây trống quá, tao lại đói nữa, suốt giao thừa đến bây giờ không có một bữa ăn. Thuấn cầm máy truyền tin liên lạc với Tiểu đoàn trưởng. Gã lính truyền tin vẫn gục đầu ngủ kỹ, Thuấn ném ông liên hợp xuống đất sau tiếng chửi thề…

"Gì Đại uý?" Gã lính giật mình lồm cồm bò dậy.

"Trên Tiểu đoàn bắt mình chiếm cửa An Hoà!

"Lệnh đâu kỳ vậy? Cửa đó tụi Tiểu đoàn hơn 2 giữ rồi mà".
"Mất lại rồi, mày kêu mấy ông Trung đội trưởng lại đây”.

Dựa lưng nỗi chết

Chương 9

Ba Trung đội trưởng từ ba góc phi đạo đi đến, Thiếu uý Chí Trung đội trưởng Trung đội 3, tướng người vốn to lớn, thứ xương to, mập thịt nặng nề bề thế nhưng chỉ qua hai ngày không ngủ, Chí hốc hác trông thấy, râu mọc loạn xạ vàng úa trên khuôn mặt ố bẩn, Thuấn hỏi đùa Chí:

"Sao ông to con mà yếu vậy?"

"Đâu biết, tôi không ngủ là không đứng nổi".

Thuấn nhìn các Trung đội trưởng một vòng trước khi nói, sáu cặp mắt mệt mỏi cố chú ý vào lời Thuấn, những sợi gân máu ửng đỏ nổi bật trên tròng mắt màu trắng.

"Đây, Tiểu đoàn bắt mình chiếm cái cửa An Hoà…"

"C… Chiếm làm gì mấy cái cửa, giữ Bộ Tư lệnh và mấy chỗ trọng yếu đủ chết rồi, còn bày đặt tấn công", Trung đội trưởng Trung đội 1 rú lên.

"Biết vậy, nhưng không hiểu lệnh từ đâu xuống, Tiểu đoàn bắt phải thế".

"Đánh thì không ngán nhưng cho tôi ngủ một giấc rồi muốn gì cũng được". Thiếu uý Chí nói sau cái ngáp.

Thuấn nhún vai không nói, có một cái gì bất toàn trước khi ra lệnh. Thuấn phân vân. Chiếm cửa thành làm gì? Thuấn cũng muốn hỏi như thế, một đống súng lấy được hôm qua đã bị vất lại trên đường tiến quân, đánh giặc không lấy súng thì đánh làm gì? Thói quen quân đội dạy cho Thuấn: Muốn được gọi là thắng phải lấy được súng của địch, cây súng làm nên anh hùng, xác định khả năng chỉ huy, sự can đảm giúp người sĩ quan bước lên đầy đủ với lời khen, huy chương

và cấp bậc. Bây giờ đánh giặc không để lấy súng, Thuấn lạ, lạ hơn nữa trước khi ra lệnh Thuấn vẫn thấy bên cạnh nỗi bâng khuâng có niềm nôn nao thúc giục…

"Ông 1 (Trung đội 1) đi theo con đường này tiến trước, ông 2 và 3 rút ra sau theo hình nấc thang, có gì để mình rút về đây lại… Tụi nó không đông nhưng bị bắt buộc ở lại đó nên mình phải cẩn thận, con cháu cụ Hồ "tapi" chuyến này, phe ta còn đánh dài dài nên các ông phải giữ vốn".

"Có gì yểm trợ không?"

"Không". Thuấn xếp bản đồ cho vào túi quần. Thôi các ông đi, tôi theo thằng 3…" Trung đội 1 báo cáo đến cổng thành hai mươi thước, Thuấn ra lệnh bố trí lại xong dẫn hai gã hiệu thính viên len lỏi theo các khu vườn lên đến cuối Trung đội 1. Thuấn bảo viên Trung đội trưởng:

"Bây giờ cho hai thằng khinh binh chạy lên thử, nhớ bảo tụi nó tránh xa cái cổng, lỡ có gì còn chạy về".

Hai gã khinh binh bỏ sắc xuống cúi mình đi ra khỏi khu vườn, sửa soạn chạy qua con đường để vào chân thành. Vừa đến được nửa đường thì súng nổ dài dài dọc trên thượng thành, AK, thượng liên, B40, đồng loạt như một bánh pháo được châm ngòi một lúc. Hai khinh binh thoáng khựng lại, xong lủi hẳn vào chân thành… Thuấn phóng người xuống sau một luống đất, hai gã hiệu thính viên chậm chạp theo sau.

"ĐM… Nằm đâu cũng được, gì mà phải theo sát sau".

"Không theo Đại uý lỡ máy gọi làm răng…" Gã hiệu thính viên người Quảng cằn nhằn.

"Đến nước này mà mày còn lý luận. Theo tao để chết … Tụi nó nổ dữ quá". Gã mang máy cười, nụ cười trống rỗng lạ lùng làm Thuấn muốn cười theo.

"Đưa máy tao nói chuyện với Tiểu đoàn".

Vẫn nằm yên sau luống đất, Thuấn báo cáo tình hình với Tiểu đoàn trưởng:

"Trình Đích Thân (danh hiệu truyền tin) lên không được, tụi nó đầy ở trên đó, thành dày cả thước, M79 bắn vào chỉ trầy được mỗi viên đá. Tụi tôi thử cả trái phải nhưng vô hiệu".

"Thôi được, nằm đấy, nhớ nằm ra xa một chút để tôi hỏi lệnh Lima Delta (Lữ đoàn)".

Thuấn bỏ máy xuống, nói với một binh sĩ nằm gần nhất:

"Mày bò lên kêu ông Thiếu uý xuống gặp tao".

Viên Thiếu uý lụp xụp chạy đến.

"Gì Đại uý?"

"De, lui phía sau khoảng hai cái vườn cho chắc, tụi nó trên cao thấy mình dưới này, nằm một lát nữa ăn súng cối bây giờ".

"Vâng, nhưng để tôi kéo hai thằng em về đã".

"Sao?"

"Thằng Hồng với thằng Toàn "đi" rồi!!"

"ĐM… Mới thấy nó tới được dưới chân thành có can gì đâu?"

"Dạ, khi Đại uý ra sau này, tôi ra dấu tụi nó trở về, chưa kịp bắn che, thằng Hồng đã dọt lui, thằng Toàn nhảy ra đỡ bị luôn…"

"Có chắc chết hay bị thương?"

"Chết, thằng Trung đội phó chạy lên xem rồi…"

"Sao ông cho nó chạy lên làm gì, thằng cha này gan lắm, chết đi nữa thì tức hộc máu ra đây, Trung sĩ Thái phải không?"

"Dạ, Trung sĩ Thái".

Thuấn nhỏm người dậy chạy lại đầu khu vườn, bên kia đường sát chân thành Trung sĩ Thái đang đứng sát vách vào tường, mũi súng hướng lên cao, hàm râu quai nón lâu ngày không cạo làm mặt Thái trở nên xanh xao, xác hai khinh binh nằm cong trên mặt đường cách chân thành khoảng ngắn.

"Bắn hết cỡ lên nóc thành". Thuấn bảo với viên Trung đội trưởng. Súng nổ, vụn gạch và đất trên nóc thành bay mờ mịt.

"Thái, Thái". Thuấn đứng dậy hét lớn, vung tay ngoắc liên hồi. Trung sĩ Thái hiểu ý, rời khỏi bực thành, nhảy đến hai xác chết. Thái kéo hai cái xác về thật nhanh, chân của người chết nảy lên mặt đường từng nhịp. Trung sĩ Thái chạy hết con đường bỗng đảo người một vòng, hai xác chết ở hai tay rơi xuống. Thái gượng dậy chạy vào khu vườn Trung đội 1 đang bố trí.

"Kêu thằng 2 lên". Thuấn đá vào một người lính nằm kế. "Mày chạy xuống báo ông Trung đội trưởng Trung đội 2 đem cả Trung đội lên trên này, ông Chuẩn uý đến gặp tao. Máy, máy…" Không có tiếng trả lời. "Toản đâu?" Gã mang máy tên Toản lật đật từ dưới chạy lên.

"Em đây Đại uý".

"Sao mày trốn mất tiêu vậy? Sợ chết hả?"

"Đâu có, Đại uý bảo em nằm lại đừng đi theo".

"C… Lý luận nữa". Thuấn cầm máy liên lạc với Tiểu đoàn xin cho lệnh tấn công.

"Ông điên hả? Vừa rồi ông bảo đánh không được, giờ này ông xin đánh lên. Lima Delta bảo nằm đó tránh xa xa. Thằng Tiểu đoàn 9 có đến chỗ Thượng Tứ mà không được, cũng kẹt rồi…" Giọng Tiểu đoàn trưởng vang vang trong máy đầy ngạc nhiên và mệt mỏi…

Thuấn trả chiếc ống nghe lại cho Toản, ngẩng đầu lên.

"Đại uý gọi tôi?" Chuẩn uý Trung đội trưởng Trung đội 2 vừa đến, giọng thoáng chút lo lắng.

"Thôi, không cần nữa, lui hết, về sân bay lại, ông dẫn đi trước".

Khi Đại đội về đến sân bay,Thuấn đi tưởng vào trạm hàng không… Trời vừa chiều sương dày, mưa phùn mù mịt, gió rét… Đưa tay lên xoa xoa ở mặt đất, theo nước mưa dính nhớp ở tay, Thuấn đi qua xác người phi công. "Như vậy ông chết được ba ngày rồi đó hả? Gia đình ông có ai biết không? Cha mẹ, vợ hay người yêu đang ở Sài Gòn, Nha Trang hay Đà Nẵng, họ có nhớ đến ông hay đang tìm đường sống dưới cơn mưa đạn trong một thành phố khác?" Thuấn đứng ở cửa phòng đợi nhìn xác người chết ngửa mặt lên trời lất phất mưa phùn.

"Đại uý cho em mượn hộp quẹt nấu cơm". Binh nhất Thiên rụt rè hỏi Thuấn.

"Mày thì khi nào cũng chỉ lo nấu ăn". Giọng Thuấn pha chút giễu cợt, Thiên không nói, bóp hai tay vào nhau, hai chân run run vì lạnh, nửa vì bối rối. Thuấn nhìn gã lính thân tín chợt thấy lòng trầm xuống, hai ngày hai đêm sát cận kề cái chết và tột cùng khốn khổ, đêm giao thừa chạy bộ từ cây số 17 về đến An Hoà, ngoại ô xứ Huế, gần 20 cây số dồn lên trên đôi chân không cảm giác, không phải chân người đang sai khiến bước tới nhưng chỉ có những bắp thịt chuyển động đẩy đưa thân thể về phía trước, trận đánh ác liệt ở làng Đốc sơ… Hai ngày Thuấn men dọc theo sợi dây vô hình giữa cái sống và cái chết, không thức ăn, nước uống ở trên sông đào, nước tanh mùi máu và hơi người chết. Thuấn nhai vội mấy trái chuối lấy từ bàn thờ bị trúng đạn, nải chuối đã bị cháy sém nám khói đen, người chủ nhà chết trong động tác sửa soạn cho thế quỳ trước bàn thờ… Thuấn sống trong cảnh chết, ăn thức ăn có mùi vị ma quái và thiêng liêng, thức ăn để dành cho tổ tiên trong những ngày Tết. Thuấn không để ý, tất cả năng lực dồn lại để luôn luôn tỉnh táo, để lắng nghe súng cối địch, dặn dò các Trung đội trưởng nhớ phân tán binh sĩ tránh B40, Thuấn nhắn nhủ mình phải sống để ra lệnh rõ ràng, nếu cần la hét chửi bới các Trung đội trưởng, bảy mươi hai binh sĩ còn lại đang trông chờ Thuấn, họ chỉ có thể đứng và bắn thật chính xác vào một bóng đen đang di chuyển, khôn khéo tránh né một tràng đạn AK, nếu còn nghe giọng ra lệnh, hay chiếc bóng của Thuấn chạy len lỏi qua những thân cây phủ sương dày đặc. Hai ngày nay Thuấn đã sống quên bản thân mình, tất cả giác quan, sức mạnh và phản ứng dựng

đứng trên độ căng tối đa của năng lực… Binh nhất Thiên luôn luôn theo Thuấn trong mọi giờ khắc của hai ngày qua. Thuấn ngồi, Thiên khép nép ngồi cách một khoảng, đang ở Trung đội 2 Thuấn chạy vọt lên Trung đội 1, bao giờ cũng vậy, sau hai gã mang truyền tin có bóng dáng lềnh khềnh chậm chạp của Thiên với chiếc ba lô căng cứng vật dụng.

"Mấy hôm nay Đại uý không ăn cơm". Thiên đánh hai tay vào nhau để giảm bớt vẻ ân cần của câu nói.

Thuấn nhìn chiếc má hóp của Thiên nôn nao như trước một ân huệ không trả được. Binh nhất Thiên vốn người cao lớn, ăn khoẻ, có thể ăn không cần thức ăn một hơi mười chén cơm lớn… Mấy hôm nay Thuấn không ăn cơm, Thiên không dám nấu, Thiên sợ phải ăn một mình trong khi ông thầy bận la hét chỉ huy. Thiên nhịn ăn người hốc hác thấy rõ… "Đại uý ăn trái chuối, Đại uý ăn bánh tét". Thiên lần mò tìm kiếm trong ngõ ngách của những nơi đi qua để tìm thức ăn cho Thuấn, quên hẳn nhu cầu cho chính thân mình, một cơ thể yên lành, khoẻ mạnh và bình thường. Thuấn thấy nét trũng trên má Thiên, vòng thâm quanh đôi mắt… " ĐM…" mày ốm nhóm, Thiên ơi".

"Dạ". Binh nhất Thiên cười, Thuấn cười theo. Hai thầy trò cười thật vô nghĩa, có một niềm hoan lạc thật ấm áp len lỏi trong hơi lạnh của buổi tối đang nặng nề vây bủa.

"Mày định nấu cơm, nhưng có gì để nấu?"

"Em còn giữ gạo và đồ nấu ăn".

"Tối hôm kia mày không ném đi?"

"Không, có ăn cơm vẫn hơn Đại uý, hơn nữa cái soong này còn mới, em mua trong tháng rồi…"

"Mày vác nguyên ba lô chạy từ ngoài Quảng Điền vào?!"

"Dạ… Đại uý cho em mượn hộp quẹt".

"Tao không có, mày kiếm đâu đó, ra chỗ thằng người chết biết đâu kiếm được cái Zippo".

Thiên bước đến chỗ gã phi công, lưng người lính rộng phẳng, cong xuống di động chậm chạp, tưởng thấy được một khối nặng của chiếc sắc đựng quần áo, soong chảo và thức ăn… Hơn hai mươi cây số chạy bộ với khối nặng ba mươi ký trên lưng. Thuấn thấy cay ở mắt, trong nguy nan và cái chết, binh nhất Thiên vẫn không quên bổn phận, một bổn phận tầm thường để luôn luôn sửa soạn nồi nấu cơm. Thế giới của Thiên bề bộn với bốn hộp thiếc được dán nhãn: mỡ, đường, cà phê và tiêu ớt. Chung quanh dây lưng đạn có những túi nhỏ đựng kim chỉ, dăm hột nút, thuốc lọc nước. Thiên quanh quẩn đề phòng mỗi một động tác của Thuấn, nghĩa vụ và bổn phận của Thiên khép cứng chặt chẽ xung quanh người chỉ huy… Bao nhiêu lâu Thuấn chỉ cảm thấy lờ mờ công việc săn sóc chu đáo đó, giữa Thuấn và người lính không còn phân cách, Thuấn coi Thiên như một phần của thân thể, một cái bóng khít khao… "Hết cả thuốc rồi", Thuấn lẩm bẩm trong miệng trong khi vò bao thuốc … "Dạ, thuốc đây Đại uý". Thiên chìa một gói thuốc mới… "Chán quá Thiên ơi". "Dạ". "Thầy trò mình chuyến này cực quá". "Dạ, dạ…" "Mày lên trước kéo tao lên sau". "Dạ…" binh nhất Thiên dạ suốt ngày, trong rừng sâu, trong chái bếp, trên đoạn đường Tam Quan – Bồng Sơn. Quốc lộ số 1 bị đời xáo nát bấy, đường xe lửa lật sang một bên. Thuấn nhặt từng viên đá cuội ném hai bên vệ đường. “Thuở nhỏ tao hay đứng ở đường rầy xe lửa nhìn về phương Nam và tưởng đi miết sẽ đến Sài Gòn". "Dạ". "Mày đi xe lửa chưa?” “Dạ, chưa thấy xe lửa chạy, chỉ thấy nó ở nhà ga". "Vậy thì làm sao mày biết cái thú vị của đi xe lửa được”. “Dạ…”

Thiên sát Thuấn mỗi bước nhỏ, dưới lằn đạn trong mưa dày của xứ Huế, trong hơi nóng bốc lên hừng hực từ núi đá ở Pleiku. Bao nhiêu năm như thế đã trôi qua, tối nay Thuấn thấy chiếc lưng của người lạ ở ngoài mình, một người khác thật lạ, thật xa, một người không chút tương quan tinh thần hay thể xác, người đó bao nhiêu năm gần gũi đến độ nhập vào cùng Thuấn qua một thứ nghĩa vụ do nhà binh xác định… Không có nó chắc mình đói cả trăm lần, nó mắc nợ gì với mình rồi, hình như nó chỉ xa mình một lần khi đọc kinh vào buổi tối trong một ngày… Thuấn đưa tay lên xoa mặt, những sớ thịt rung động trước luồng nước mắt xúc động vô hình như đang đầm đìa trên má. "Có hộp quẹt không Thiên?"

"Dạ có, cái bật lửa bằng vàng, mình có nên lấy cái ví của cha này

không, Đại uý?”

"Mai mình chôn nó, đem cái ví vào đây xem ở đâu báo cho nhà nó biết".

Bên bếp lửa đỏ, Thuấn ngồi lật từng tấm ảnh trong ví của viên sĩ quan phi công, tấm ảnh lớn nhất chụp ở Nha Trang, gã sĩ quan mang quần áo trắng của quân trường chụp chung với một cô gái mặc quần jean, áo pull, gió biển thổi tóc cô gái bay bồng bềnh che nửa mặt. Thuấn nghiêng bức ảnh vào lửa… À, ca sĩ Kiều Ly, cô ca sĩ nổi tiếng chịu chơi của hai tỉnh Đà Lạt và Nha Trang. Một vài người trong khoá Thuấn cũng đã lăng nhăng với cô này. "Chủ nhật vừa rồi con Kiều Ly đi chơi với tao suốt cả ngày, nó cho de tụi dưới Nha Trang để lên đây với tao”. Gã tên Thông oang oang khoe với bọn Thuấn trong phạn điếm, trong khi gã khoá đàn anh đang lườm lườm rình rập. "Nói nhỏ mày, tụi niên trưởng phạt chết cha. C… ĐM… đếch ngán, tụi nó ghen với tao…” Thông cười thật khoái trá. Thuấn đưa bức ảnh cho Thiên trong lúc gã lính mở nắp xem nồi cơm đang chín tới.

"Mày thấy cô này đẹp không Thiên?"

"Không, lùn với chân to dị hợm". Thiên phê bình sau khi chớp chớp đôi mắt để quan sát.

"Vậy chứ cô ta nổi tiếng lắm đấy. Ở Đà Lạt thằng nào cũng giành nhau để làm quen cô ta, không phải sinh viên sĩ quan mà mấy cha cấp lớn cũng vậy nữa".

"Đại uý có quen cô ta không?”

"Không, chỉ biết thôi, cô này bồ thằng bạn tao… Ở Đà Lạt tao chỉ mê cỡi ngựa, cỡi ngựa khoái hơn cỡi đàn bà nhiều… cỡi lâu hơn, oai hơn, cỡi đàn bà cao lắm nửa giờ là ngất ngư, mày biết thượng mã phong không Thiên?"

"Dạ không". Thiên tắt bớt lửa, đứng dậy sau tiếng cười hì hì, che giấu sự không biết của mình về điều Thuấn hỏi.

Thuấn nhìn lại vào tấm ảnh, cô gái choàng tay qua lưng gã tuổi trẻ, dựa đầu vào ngực, nụ cười say đắm và sung sướng. Em cười và

chụp hình như thế này bao nhiêu lần rồi? Em nằm ngửa ngất ngư bao nhiêu đứa? Từ tên sinh viên sĩ quan mới lớn đến gã Trung uý, Đại uý sành sỏi, sành sỏi ở bộ râu mép lún phún, điếu thuốc cắn chặt giữa hai hàm răng, kể một lô vũ nữ hạng sang với những chi tiết về mông, vú, thói quen khi làm tình, em cũng đã nằm dưới bao anh Tá đầu hói, bụng bự, em chống hai chân, lắc lư chiếc mông, mông em lớn, chân em lớn, tựa vào thật chắc chắn, xoay xở vững chãi dễ dàng… Em bây giờ ở đâu? Sài Gòn, Đà Lạt hay Nha Trang? Em có nhớ đến gã phi công đã cùng em chụp chung một tấm ảnh hạnh phúc, em có nhớ nụ cười mãn nguyện và vòng tay âu yếm vòng quanh một thân thể chắc nịch mà giờ đây đang nám đen nằm ngửa trên chiếc Jeep bốc khói. Em có nhớ khuôn mặt gã trẻ tuổi đã cùng em qua một đoạn đời hoan lạc, khuôn mặt đó đã tím bầm, thủng lỗ, chảy máu tanh tao bốc mùi trong cơn mưa buốt cóng của xứ Huế.

"Đại uý, ăn cơm, Đại uý?”

"Ừ". Thuấn ném tấm ảnh vào lửa. "Mày có biết đường Âm Hồn không Thiên?"

"Dạ nó ở phía trên kia, gần hồ Tĩnh Tâm… Đại uý có ai quen ở đó?”

"Không, tao quen làm gì!" Thuấn nghĩ đến Quỳnh Như như một kỷ niệm đã khuất. Chỉ mới hai ngày hai đêm. Thuấn gõ gõ chiếc đũa vào miệng chén… Hoả châu từ Mang Cá bắn lên váng đục trong sương mù.

"Khi chiều sao Đại uý đòi tấn công lên cái thành làm gì?"

"Thấy thương Hồng và thằng Toàn của Trung đội 1 chết tao nổi sùng, thêm Trung sĩ Thái ở đâu chạy lên lãnh một phát trúng luôn".

"Tiểu đoàn không cho Đại đội mình lên".

"Tao điên thôi chứ ông Tiểu đoàn trưởng điên nữa sao? Lên lúc ấy giờ này đâu ngồi đây được, lên là kẹt luôn, về hết nổi".

"May quá, Tiểu đoàn cho phép Đại uý thì giờ này khổ rồi, lần sau đời đời đừng xin như vậy nữa”.

Lần sau, Thuấn mỉm cười, lần sau đâu có nữa. Đúng như thế, Thuấn cũng lạ với thái độ của mình lúc ban chiều. Hai người chết nằm cong queo, hàm râu đỏ úa bụi của Trung sĩ Thái, hai tay hai người chết, bước chân xiêu vẹo trống trải, loạt đạn cày trên mặt nhựa, người hạ sĩ quan lảo đảo. Tất cả sự kiện gợi nên cảm giác bị săn đuổi thua kém. Không phải vì hai binh sĩ chết, Thuấn đã mất thật nhiều thuộc hạ, Thuấn mất những người rực rỡ, thân ái hơn binh Toàn, binh Hồng như khi mất Thiếu uý Phương trên tay… Trái mìn nổ Phương ngã vào Thuấn áo quần bị xé nát, máu chảy ra từ những lỗ thủng đẫm ướt lồng ngực khoẻ mạnh phơn phớt lông tơ. Phương hai mươi tuổi vừa ra trường được sáu tháng, Phương gọi Thuấn bằng anh thay vì cấp bậc, Phương để râu để trở nên người lớn, Phương tập uống rượu đế ngâm nước đá… Phương sống hồn nhiên và chết tức tưởi. Thuấn mang Phương trên tay chạy bay xuống đồi, cỏ gai cắt đứt mặt, máu và nước mắt Thuấn đẫm ướt vành môi. "Anh Thuấn, Thuấn…" Phương thều thào chỉ vào ngực nơi dòng máu đang chảy, mặt thất sắc, mắt đứng tròng và Phương chết tội nghiệp. Nhưng lúc ấy chỉ có phẫn nộ bề mặt để hét lớn qua máy thúc giục Đại đội tiến lên, tên Việt Cộng bị bắt trói giật hai khuỷu tay được đẩy tới trước mặt chỉ gây cho Thuấn cảm giác chán ngán. Tên Việt Cộng khoảng 15 tuổi, xanh mét, run rẩy dưới cơn sợ không gợi cho Thuấn cảm giác về vóc dáng kẻ thù đúng cỡ. Nhưng chiều hôm nay, khi nhìn hàm răng của trung sĩ Thái trong cơn lao đao, bộ râu mệt mỏi ngang tàng của người hạ sĩ quan xoáy trước mặt Thuấn như tấm bia trụt khỏi tầm đạn đạo… Thuấn nổi giận vì mất hai người lính, nổi giận vì người hạ sĩ quan đã làm một hành động dũng cảm, nhưng tất cả thất bại chỉ vì Thuấn, tình cảm hỗn độn này thúc giục Thuấn nôn nao… Mình vẫn còn háo thắng. Thuấn có cảm giác như vừa trông thấy đàng sau lưng binh nhất Thiên, có những lạ lùng bỗng từ đâu hiển hiện như ánh sáng đột chiếu trong bóng đêm.

"Bây giờ ông tính sao, mình kẹt ở đây đã hai ngày".

"Đợi, kiếm dịp trốn vào Mang Cá".

"Dân chúng đi hết".

"Họ đi ra ngã Thượng Tứ để qua phía bên kia sông, mình qua bên ấy làm gì? Đây cách Mang Cá chỉ khoảng vài trăm thước, mục tiêu của ông và tôi ở đó, mục tiêu độc nhất". Minh đưa một ngón tay làm ra vẻ

quan trọng như đang thuyết trình hành quân.

"Đồng ý, tôi chỉ hỏi ông vậy thôi, ở đây chỉ ngán nỗi đánh nhau lớn đến lúc xài bom thì tụi mình hết đất, ngoài ra tôi cũng không có ý định gì khác, tôi còn ngại bà dì ông với cô con gái, vợ chồng tôi, hai đứa con làm phiền họ, đàn bà khó xử thật".

"Ôi, loạn mà ông, ông với tôi tới đây coi như giữ nhà cho bà ấy, phải cám ơn ông đàng khác".

"Nhưng tôi vẫn thấy không ổn tí nào".

Minh và Lạc cùng im lặng khi Quỳnh Như đi đến. Quỳnh Như không còn vẻ tươi mát của hai ngày trước. Quỳnh Như của cuộc tình mới nở đầy ắp thiết tha, làn tóc nay phải cột chặt, quần đen, áo len ngắn, chiếc manteau đỏm dáng thường ngày được nâng niu gìn giữ nay ố bẩn, Quỳnh Như khó khăn và bực bội.

"Em định đi hở Minh?”

"Ừ, ở đây có ngày Việt Cộng nhào tới là em mất chỗ đội nón, hơn nữa nhà cũng sắp hết gạo". Minh giận dữ gằn mạnh từng chữ, sự ghét bỏ họ hàng bên ngoại, vẻ lúng túng tội nghiệp của Lạc làm Minh nổi giận nhanh chóng. Lạc vội vã đứng dậy : “Chào cô Như".

"Dạ vâng, có gì mà Minh giận với tôi thế?"

"Vâng…" Lạc chùi chùi hai tay vào ống quần, gã Trung uý Nhảy dù của 18 năm chiến đấu dọc nước Việt Nam không tìm được câu trả lời.

"Chẳng có gì hết, ông Lạc về đàng hầm chỗ ông, để tôi nói chuyện với bà chị tôi".

Lạc thở phào dễ chịu bước đi. “Chào cô Như". Minh nhớ lại cảnh Lạc giả vờ say rượu ở Darkto đòi hiếp mụ chủ quán… Trung uý Lạc tay súng, tay cầm chai bia.

"Thế nào, em út đâu hết?”

"Dạ, dạ… Thưa ông Trung uý em nó chạy hết".

"Không có em thì phải thế người khác…" Lạc tu một hơi hết phần bia trong chai, choảng, vỏ bia được ném vào một góc nhà. Lạc đút súng vào lưng quần cởi nút áo… "ĐM… để lính commando biểu diễn xay cà phê cho anh em coi".

"Dạ… thế?"! Mụ chủ quán chắp hai tay trước ngực.

"Bà…" Lạc tiến tới một bước.

Mụ chủ quán kiêm luôn nghề tú bà co rúm người lại khi Lạc vừa chạm phải. Nét mặt trân tráo hỗn hào của mụ chứa biển hẳn, người đàn bà lùi lại lùi lại, hai tay che ngực…" Ông Trung uý, ông Trung uý, ở đây không được".

"OK, hà hà không được thì vào trong kia…" Lạc tiến tới, xoay thân hình ngắn ngủn phì nộn về lối hành lang giữa hai dãy phòng kín cửa… Chen trong tiếng đều đặn của chiếc giường Minh nghe tiếng xuýt xoa : "Trung uý, Trung uý…" Bây giờ gã Trung uý cựu cai commando lén lút đi từng bước thật nhẹ ra khỏi căn phòng, sau khi lí nhí … "Chào cô Như!!"

"Bây giờ em nói chị hay, em và vợ chồng ông Lạc kẹt lắm mới vào đây, mai mốt hay chút nữa nếu thuận tiện thì tụi này chạy về Mang Cá, thế thì có gì để chị và mợ phải phiền nhiễu cau có, thời loạn giặc giã người ta chết mỗi giờ, mỗi phút, đây này chị nghe 105 nổ trên thượng thành đó, bây giờ chỉ cần ở đài tác xạ ra lệnh bắn qua trái thêm vài trăm ly giác thì cái nhà này sập, mợ và chị có cau có được nữa không?"

"Minh, chị van em, người ta là bạn em, ở đây một vài bữa đến nỗi gì mà chị phải cau có, ngoài ra không có em và ông Lạc, chị và mợ dâu dám ở đây… Em hiểu giùm chị, chị không có bần tiện đến như thế, chị xin lỗi em, xin lỗi ông Lạc, chị không phải như em nghĩ".

"Thế thì sao?" Minh hầm hầm đứng dậy. "Mặc chị, em đi coi tình hình, có gì em về Mang Cá". Minh vụt nhanh ra cửa, ngoài đường ở nơi xa có tiếng súng nổ chen nhau.

"Đừng Minh! Minh!" Quỳnh Như chạy theo ra đến cửa ngõ. Một trái đạn rơi vào vườn bên cạnh, Quỳnh Như ngồi thụp xuống, chạy lại vào nhà, ngã người xuống chiếc nệm đặt dưới đất khóc tức tưởi. Sợ, lần đầu tiên nàng tiếp xúc với chiến tranh và tiếng nổ, một tiếp xúc gần và tàn bạo. Chiến tranh bao nhiêu lâu chỉ thấy được qua báo chí, radio, ở trái sáng lửng lơ thần bí đỏ màu máu hay vàng vọt trên nền đêm đen thẫm phía ngoại ô. Quả sáng lửng lơ chao động không gây ý niệm kinh hoàng đầy đủ, không vẽ đủ không khí tai ương khốn khó của bụi cây, rạch nước xôn xao bước chân người, không dọi đủ nòng súng đen lạnh giá. Quỳnh Như chỉ thấy ở xa một vùng trời đêm rực màu đỏ… Đẹp, có thể là như thế! Chiến tranh ở ngoại ô, ngoài thành phố, sau luỹ tre âm u xa cách với trang sách kín chữ. Chiến tranh, Quỳnh Như chỉ thấy được gần nhất ở chiếc quan tài phủ lá cờ vàng di chuyển trên lòng một chiếc GMC, chiếc xe vút qua vội vã, quan tài hơi chuyển động, mùi ngai ngái được đọng lại chốc lát trong không khí. Người chết được chuyển đi nhanh và lặng lẽ như một món hàng khó chịu. Người chết không nói được, nắp quan tài đóng, lá cờ vàng mệt mỏi, chút hơi thối phảng phất. Người sống nhìn chiến tranh qua một hình ảnh xám đặc phiền muộn.

Nhưng bây giờ Quỳnh Như đã được thấy chiến tranh thật sự. Chiến tranh ở trái đạn, không biết đạn gì, súng cối hay đại bác nổ đốn sập một cây thông hai người ôm. Tiếng nổ không phải chỉ bùng tai, nhưng vang dội trong ngực, luồn theo mạch máu chảy gây thành dãy nổ dây chuyền trong thịt da. Tiếng nổ làm nẩy quả tim, làm ngu si hôn ám trí óc. Nổ ở chỗ này? Bên kia? Bây giờ hay giờ tới. Quỳnh Như nhìn ở đâu cũng thấy tiếng nổ, nàng tưởng toàn thể bầu trời đang nứt thành những mảnh nhức nhối đầy âm vang. Chiến tranh đến gần giúp Quỳnh Như nhìn được thêm người chết. Không phải chết yên lành, đẹp đẽ như ông ngoại, chết từ từ, chết đến từ tốn nhẹ nhàng từ chân, lên ngực, ông được tắm bằng nước có mùi thơm, ông được mang áo mới, đội mũ vàng, tay chân bóp rượu vuốt lại nghiêm chỉnh thẳng thắn. Ông chết trong sự lơ mơ thấy được một Niết Bàn hạnh phúc, vây bọc như tiếng tụng kinh của khuôn hội Phật tử… "Nam mô thiếp dẫn đạo sư… Nam mô thiếp dẫn đạo sư…" Ông chết từ từ, thiếp vào nơi yên ổn. Người chết ở đây thì khác, người chết khi chạy, đang há mồm như van xin, đang đưa tay lên trời tuyệt vọng. Như hai mẹ con người hàng xóm chiều hôm qua đang đứng trên bờ rào để xin phép Quỳnh Như qua gánh nước. Ngày thường người mẹ nổi tiếng là hung dữ hỗn hào, bao nhiêu lần Quỳnh Như

nghe bà ta đay nghiến người con gái về một lỗi không đâu. Giọng người Huế the thé rả rích nhức nhối từng chữ. “Con ơi là con ơi, thằng cha mi lúc xưa đã làm tao khổ điêu khổ đứng, chừ đến phiên mi, mi mới nứt con mắt mà đòi rượng đực… Mả cha tiên sư, cái thứ máu lăng loàn của thằng cha mi đó…” Quỳnh Như đóng cửa sổ, máu lăng loàn, hình như có chút ám chỉ nào đó. Quỳnh Như tưởng như mụ ta thấy được cảnh nàng oằn người tha thiết dưới cơn chuyển động dục tình. Tiếng hét của người đàn bà len lỏi qua hai khu vườn, qua lớp cửa sổ chọc vào tai Quỳnh Như buốt nhức như khi siết lưỡi dao cạo trên mặt mụn bóng sáng. Nhưng chiều hôm qua người mẹ xuất hiện dưới một vóc dáng khác.

"Thưa cô, cô cho mạ con tui qua xin mấy đôi nước, nước ngoài phông tên không còn nữa… Dạ, dạ cám ơn cô…" Bà tay xoay qua cô con gái. "Con vô lấy đôi thùng cho mạ đi gánh”.

"Để con gánh, mạ gánh làm chi".

"Con đang có… Nghỉ đi…” Bà mẹ xây qua phía Quỳnh Như. "Hắn đang có mà đòi đi gánh, hắn làm như tui già lắm đó cô… Hắn sợ tui cực đó mà".

Và bà mẹ cười, nụ cười ngây ngô sung sướng đang được thương yêu. Ầm! Quả đạn nổ bên bờ dậu, hai mẹ con được nâng lên một khoảng xong ngã ra hai phía. Quỳnh Như chạy vào bếp chui xuống hầm. Cửa nhà bếp bỏ trống, nàng nhìn được phía bên kia vườn. Bà mẹ bò bằng hai tay và đầu gối, đầu tóc đen rũ xuống kín mặt. Bà ta bò đến nơi người con, cúi xuống như chó mẹ hít hơi chó con. Bà mẹ ngồi dậy, cởi chiếc áo đắp lên mặt cô con gái, xong run rẩy nằm xuống trên thân hình người con… Một thứ ánh sáng vàng vọt giá rét chiếu lên tấm lưng trần nhăn nhúm bất động. Quỳnh Như mở to mắt, nàng nghe được tiếng khóc im lặng của người mẹ trong hơi gió xào xạc thổi lớp lá chuối đưa đẩy phiền muộn. Cái chết bắt đầu và chấm dứt dưới mắt Quỳnh Như thản nhiên như chiếc lá vừa rơi.

Hai ngày sống với chờ đợi trái nổ, Quỳnh Như thấy trong lòng những biến đổi lạ lùng. Trong bóng tối của căn hầm dưới bộ ván gõ, như một người ngồi trầm tư với chiếc bóng mình trên vách, nàng thấy rõ được hết quá khứ mộng ảo phù du. Tình yêu cay đắng, xót xa, lần khám phá ra mình qua mối tình say đắm nổ bùng như dòng điện luồn

theo mạch máu, Quỳnh Như cảm được sự hững hờ khi nghĩ đến nỗi ham mê nồng nhiệt cuống quít cách đây hai ngày. Trong bước chân vội vã chạy vào hầm, Quỳnh Như chỉ thấy cơn thúc giục nồng nhiệt để tồn tại, bản thân thực sự thân yêu của mười ngón tay luôn được tỉa gọt cẩn thận. Bây giờ Quỳnh Như chợt nhớ, tại sao có giọt nước mắt thật chân thật khi nhìn đống tóc rụng trong buổi sáng ngã bệnh, khi móng tay dài trắng hồng bị gãy, Quỳnh Như đã khóc say sưa đau đớn trong những trường hợp như thế! Tiếng nổ làm Quỳnh Như chạy thật nhanh để không nghĩ đến được Bằng với căn phòng đầy bóng tối, mái tóc đau đớn dằn vặt và phút giây ngã xuống hầm hập mê mải. Quỳnh Như cũng hết sức để nghĩ được đến Thuấn, tình yêu vội vàng mà của ba ngày trước đã đốt cháy hết sinh lực của mỗi tế bào da thịt, trí não. Quỳnh Như tưởng mình có thể chết đi để mối tình tồn tại. Nhưng đến bây giờ, sau bốn mươi chín giờ gần gũi với cái chết trong căn hầm tối Quỳnh Như chỉ nhớ được có một người – Người thân yêu gần gũi độc nhất, xác thân có góc cạnh và hình khối – Chính nàng.

Minh nép người vào hàng rào chè xanh lần lên đến ngã tư. Hướng về Mang Cá đường vắng, nhà kín cửa, vài con chó cụp đuôi chạy len lén qua mặt đường trống trải. Lũ thú vật chống chỏi tai ương bằng chiếc đuôi quặp vào che bộ phận quý giá, bí mật. Minh cho tay vào bụng sờ báng súng, cây súng quá nhỏ so với nguy biến đang bao quanh. Lạnh. Minh rùng mình. Nỗi sợ bốc hơi tăng thêm cường độ rét buốt của thời tiết. Có xác chết nằm cạnh một gốc cây, xác chết mặc veston mà xám, phần ở bụng căng cứng, tay người chết mở ra. Minh đứng nép vào gốc cây, liếc nhìn xuống cổ tay người chết, kim đồng hồ chỉ 10 giờ. Chắc giờ thằng cha này chết. Ít nhất nó cũng được mặc áo mới khi chết. Đột nhiên Minh cảm thấy vui trong lòng với ý nghĩ vừa đến. Nỗi vui vẻ bình yên thấy mình được bình an, lạc thú hơn kẻ khác. À ra mình chưa chết, chết nằm lăn như thằng cha này quả thật không sung sướng chút nào. Mặt trời hơi le lói, nắng ấm dọi xuống từng đường vàng sẫm trong sương mờ. Minh cảm thấy hăng hái và tự tin. Ít nhất mình cũng chưa chết, gắng qua thêm một ngã tư nữa, đến gần hồ Tịnh Tâm thì cách Mang Cá không bao xa, xong kiếm lại Đại đội kéo lên chỗ nhà bà mẹ, đem Lạc và gia đình về. Đại đội mấy hôm nay ai chỉ huy, lính có bao nhiêu người chết hay bị thương? Trong yên ổn bất chợt Minh nghĩ đến đơn vị, công việc như đang ở trong hoàn cảnh thông thường. Có gì đâu tai ương của hai ngày qua, súng bắn trước mặt hướng vào chính bản thân chưa sợ,

huống gì thứ tai hoạ tổng quát này… Thật ra chỉ vì vụ nổ trong khách sạn làm mình hoảng hồn, bây giờ thoát xa nó rồi, có gì đâu phải xao động. Đây rồi, gắng đến cuối bờ thành kia sẽ thấy hồ Tĩnh Tâm; hồ Tĩnh Tâm – Mang Cá chỉ vài trăm thước, mình có Đại đội trong tay, chuyến này phải mang một cây M16, súng colt không đủ gì cả… Minh cúi người thấp ẩn dưới hàng rào chè tàu chạy như bay. Minh ngửi thấy trong không khí mùi trà ẩm và hương sen tàn bốc lên trên mặt hồ yên lặng.

"Đứng lại! Đưa tay lên!" Một tiếng hét từ bụi rậm vang ra làm Minh hốt hoảng, bước chân bị giật ngược. Minh lăn xuống chiếc rãnh lớn bên vệ đường.

"Đi lên! Làm gì chạy ghê vậy!" Một gã lính Bắc Việt mặt non choẹt đứng trên vệ đường hươi mũi súng ra dấu bảo Minh đứng dậy. Minh chống tay rướn người lên, bùn non ngập đến cổ tay, bùn dơ dáy và tanh mùi cống rãnh. Minh ngước mắt, tên lính chợt phì cười: "Sợ hả, lính nguỵ hay chi mà sợ? Lên đưa giấy coi". Minh ấn chiếc gối xuống mặt bùn nặng nề đứng dậy, lấy sống cánh tay áo lau ngang mặt, mắt vẫn không rời khuôn mặt nhởn nhơ đùa cợt, cong người bò lên bờ rãnh, tay lần mò tìm đám cỏ gà trên mặt đường. Bựt! Luống cỏ bị bật gốc, không đề phòng, Minh ngã lộn người xuống lại. Gã lính Bắc Việt vùng cười khan, người đã gập đôi, khuôn mặt tái xanh căng ra vì nụ cười quá khổ… "Ha! Ha! Răng mà yếu quá rứa, bị bệnh phải không, còn đi học hay làm việc cho nguỵ… Ha! Ha!" Giọng Quảng Bình nheo nhéo trêu chọc, lủng củng ngắt đoạn giữa tiếng cười khoái trá.

"Nè, nắm chân tôi đây để leo lên, rồi cho coi giấy tờ". Gã lính đứng sát vào vệ đường, chân phải đặt ngang bờ kênh, chắc nịch.

"Nắm vào đây, leo lên!"

Minh nằm dưới lòng cống nhìn lên. Đôi mắt vàng bệch lấp lánh ánh sáng rõ ràng dưới vành mũ quê mùa làm Minh muốn nghẹt thở. Bùn như nồng nặc và đặc cứng lại. Minh thấy mình lún xuống, chìm dần dưới những tảng bùn đen tối nhơ bẩn. “Leo lên, đợi chi nữa, nắm vào chân đây này". Gã lính choàng súng ra trước ngực cúi thấp người trên mặt đường thòng chân xuống lòng rãnh. Trời tối sầm, mưa nặng hạt, bùn sệt đặc, mùi tanh tưởi, giọng cười chế nhạo, đôi mắt khinh thường và nỗi bình yên tự tin của năm phút trước tan biến

như tia chớp đắm chìm vào trong bầu trời ủ giông đen. Lòng tự tin biến đi nhường lại cho cảm giác sợ hãi đến tê liệt, sự sợ hãi có hình khối như bùn hôi đang đeo cứng và tiếng cười, đôi mắt của kẻ thắng thế ở mặt đường. Minh rút hai chân khỏi bùn tựa vào sườn đất cứng trên mặt rãnh, hai tay nắm cổ chân của gã lính, cổ chân gầy guộc khẽ rung rinh… "Leo lên đi!" Giọng nói trên mặt đường đầy uy quyền thúc giục Minh như bị đốt cháy bởi ngàn bó đuốc lớn, nỗi sợ hãi bất chợt bị khám phá cùng với toàn thể hèn mọn của thân thể chìm đắm dưới lớp bùn hôi. Minh giật mạnh! "A!" Người gã lính trụt xuống độ dốc. Minh bước lên một bước, xong quay mặt xuống, ngửa người trên sườn dốc, cong chân phải đạp mạnh vào vai gã lính Bắc Việt. Thân hình nhỏ thó lăn nhanh xuống lòng rãnh, chiếc mũ có ngôi sao vàng lăn qua một bên. Minh nhảy xuống. Đánh! Minh đánh bằng hai bàn tay dùng hết lực, Minh móc khẩu súng colt ở bụng ra, báng súng giáng xuống mặt gã lính chính xác tàn bạo… Gã lính quơ tay chống đỡ tuyệt vọng. Minh đè xuống bằng hai đầu gối, tay trái khép lấy chiếc cổ gầy gò, ngón cái lọt vào lỗ hổng dưới yết hầu như muốn đâm thủng lớp da nhăn nheo. Máu trong mắt gã lính chảy đầm đìa ngấm xuống bùn thành từng vũng nhỏ nâu sậm. Minh trút xuống gương mặt xấu xí nhăn nhó và thất thần hết cả nỗi lo sợ khiếp đảm cùng cảm giác tủi hổ khi từ dưới lòng cống nhìn lên đôi mắt khinh khi. Minh tháo khẩu AK ra khỏi người gã lính, kéo cơ bẩm nhìn vào buồng súng. Có đạn lên nòng rồi, tốt. Minh nhắm nòng súng vào mặt gã lính. Bóp cò. Cò cứng ngắc, không chuyển động. Minh quên mở an toàn. Minh đưa ngón trỏ lên đụng chốt an toàn, lòng không thoáng chút xao động… Xác tên lính nẩy lên trên mặt bùn nghe bành bạch như con lươn trăn trở. Cuối cùng, nhát dao đâm xuống… Minh chạy trở lại hướng nhà Quỳnh Như, nét mặt lạnh tanh dưới vẻ khôn ngoan cay độc.

Bằng nói với Đại đức Trí Không:

"Bây giờ thầy vào trong thành nội với tôi, sau khi mình họp với Uỷ ban Khu trong đó, tôi sẽ ghé thăm nhà Quỳnh Như, thầy biết Quỳnh Như?"

Đại đức gật đầu không nói, đi lần đến chiếc xe gắn máy của Bằng đứng đợi, không chút phản kháng trong cử động. Người đi tu giấu hết phong ba của bốn ngày qua dưới nét mặt trầm lặng u buồn. Bốn ngày xảy ra như giấc mộng, giấc mộng dài đầy sự chết, máu và lửa

đỏ. Địa ngục không phải là ý niệm siêu hình. Địa ngục cũng không phải là hình ảnh tưởng tượng có tác dụng luân lý để khơi động ý hướng tốt trong lòng người. Nhưng bốn ngày qua, sự kiện xảy đến chung quanh đã tạo dựng nên một địa ngục cụ thể âm vang tiếng khóc và sũng ướt bi ai. Đại đức được Uỷ ban Lâm thời của chính quyền cách mạng uỷ nhiệm vụ điều hành đoàn sinh viên học sinh Phật tử. Nhưng đoàn thể này đã vượt hẳn ra khỏi sự kiểm soát của người tu hành, những đoàn viên và huynh trưởng mới xuất hiện. Họ được phát súng AK và đeo băng đỏ. Ngôn ngữ hung bạo hiếu sát. Họ lý luận chặt chẽ và kết luận nhanh chóng, kết luận nhanh chóng trong công việc chấm dứt đời sống người khác. Biến cố mới xếp hạng và quyết định mạng người trong khoảng thời gian tối thiểu. Mỗi người biến thành kẻ thù của người khác mau chóng không ngờ tới.

"Ông có thằng con đi lính Biệt động quân trong Đà Nẵng".

"Con tôi đi chứ đâu phải tôi".

"Ông phải chịu trách nhiệm việc làm của con ông".

"Nhưng con tôi đến tuổi phải vào Thủ Đức".

"Tại sao không trốn lính, tại sao không đi lính văn phòng lại đi Biệt động?"

"Cái đó tôi không biết. Nhưng trốn lính thì ở đâu? Làm gì để ăn?"

"Con ông ra trường chưa đầy ba năm đã lên Trung uý. Hắn đã giết người để lên lon. Hắn phụng sự bọn Mỹ xâm lược để lấy tiền".

"Giết người để lấy tiền Mỹ. Không phải vậy, tháng Tết ni tôi còn cho hắn thêm ba ngàn. Hắn không có đủ tiền tiêu…"

"Nguỵ biện. Ông còn yểm trợ kinh tế cho bọn ác ôn côn đồ…"

Người đàn ông bị trói tay sau lưng. Chiếc khăn đóng rơi xuống, những sợi tóc muối tiêu phủ tung trên trán. Dòng nước mắt chảy xuống gò má nhăn nheo, qua dongg nước mắt người đàn ông hướng về phía Đại đức Trí Không…

"Thầy nói giúp, thầy nói giúp giùm… Tôi không có tội gì hết. Tôi lên chùa của ôn luôn, thầy không nhớ tôi sao? Tôi là Khuôn trưởng ở đường Gia Hội đây. Tôi ăn chay mười mấy năm rồi, tôi có tội chi? Tôi có tội chi? Thầy nói giúp, tôi sống được, tôi cạo đầu lên chùa ở với ôn với thầy luôn…"

Người đàn ông muốn đưa tay về trước, nhưng cánh tay đã bị trôi ngược, chỉ có đôi mắt sũng ướt, đỏ rực như đẫm máu hướng về phía người đi tu. Đại đức Trí Không niệm nhỏ câu kinh trong lòng, giọt nước mắt bi phẫn được nhét xuống cuối đáy linh hồn phong ba đang cuồn cuộn.

Khi Bằng rồ máy, Đại đức khẽ giật mình như vừa tỉnh cơn mê. Yên lặng, người đi tu chậm rãi leo lên đằng sau.

"Những hôm này thầy không được vui".

"Người tu hành như tôi không thích hợp với biến động".

"Nhưng cách mạng lại đòi hỏi những thay đổi căn bản trong giờ phút chuyển tiếp".

"Cách mạng phải dựa trên con người. Huỷ con người thì cách mạng làm gì và để cho ai". Trong bình thản của giọng nói, nỗi bi phẫn cố giấu vẫn không tròn.

"Phải huỷ diệt một số nhỏ phản động, thoái hoá và nguy hiểm cho cách mạng".

"Thiểu số vẫn là con người. Người tội nghiệp và đáng quý của một nhân phẩm. Và tiêu chuẩn nào kết án để không nhầm lẫn". Đại đức đã đến cuối chịu đựng, nói không dè dặt.

"Nếu cần thấy nên phát biểu ý kiến trước Uỷ ban". Giọng Bằng thoáng chút đe doạ…"

"Tôi không từ chối nếu có người chấp nhận phần đúng của tôi. Uỷ ban là ai? Tôi chỉ thấy một khối cá nhân quá khích, ngay cả anh, người bạn của tôi, anh có chấp nhận lời tôi không?"

"Hiểu ý của thầy là một chuyện, nhưng biến đổi thành hành động thì quá khó. Ít ra cũng không thể chấp nhận trong hoàn cảnh này".

"Bây giờ chúng ta đi ngả nào", Đại đức lái câu chuyện qua hướng khác.

"Mình qua ngã cầu Đông Ba, quân giải phóng giữ an toàn lộ trình này".

Bằng chợt thấy lạ ở ngôn ngữ. Chỉ mới mấy ngày, toàn thể con người, ý nghĩ và ngôn ngữ của Bằng biến đổi hẳn. Bằng như mũi tên trên đường bay, khác hẳn với giờ khắc trước chỉ là thớ gỗ nằm yên trong túi lên ám khói. Con người mới hay con người thật, không có biên giới rõ rệt cho sự phân định. Bằng chỉ biết mình đang trong cơn ngây ngất như kẻ chán đời lần đầu tiên khám phá ra nỗi quên lãng hân hoan của men rượu.

Bằng không thể ngờ được khuôn mặt sau cánh cửa là Quỳnh Như. Vẻ tươi trẻ của người thiếu nữ bốn ngày trước đã biến mất. Quỳnh Như tóc rối, da xanh xám, đôi môi khô se và hai trũng mắt sâu xuống mệt mỏi. Đôi mắt cố nhướng lên nhìn Bằng, tia nhìn không xúc động.

"Em không mừng được thấy anh?”

Quỳnh Như không nói, hơi hé cửa cho Bằng bước vào, Đại đức Trí Không bước theo sau thoáng tần ngần. Căn nhà đen ẩm và lạnh buốt. Quỳnh Như khêu to ngọn đèn dầu dẫn Bằng và nhà sư đi xuống nhà ngang, đứng lại cạnh chiếc hầm.

"Đứng ở đây lỡ có pháo kích chạy vào kịp".

"Ai bắn?" Bằng hỏi dồn…

"Không biết, hai bên bắn lẫn nhau". Quỳnh Như nhìn nhà sư gật đầu chào. "Có nghe anh Bằng nói chuyện thầy hoài… Lần đầu tiên con biết thầy", Quỳnh Như ngại ngùng rõ rệt trước chữ con…"

"Đây là thầy Trí Không. Bây giờ là Uỷ viên của…"

"Không, tôi không làm gì hết. Ở đây anh khỏi ép tôi mang những

chức vụ mà quả tình tôi không muốn. Xin phép cho tôi ra nhà sau, hình như nhà sau có người".

"Dạ, có vợ chồng người bạn cậu em và mẹ tôi sau đó…”

"Ai vậy?" Bằng hỏi dồn…

"Minh và gia đình người bạn của nó…"

"Sao Minh lại ở đây?”

"Em không biết".

"Sao em lại không biết?"

"Anh muốn em biết gì bây giờ?"

"Em có vẻ giận anh?"

"Không, chẳng có gì… em mệt". Quỳnh Như dựa người vào cột nhà, mắt nhắm lại… "Mệt, đu ngôi sao vậy, em mệt thật sự”.

"Thấy anh, em không mừng?"

Quỳnh Như không trả lời, nàng hé mắt nhìn Bằng, xong khép mi lại.

"Em có vẻ biến đổi…”

Quỳnh Như gật đầu. “Em biến đổi, biến đổi hết”.

"Em biến đổi vì anh, vì câu chuyện hôm 29 Tết?" Bằng nói qua hai hàm răng rít chặt, sự phẫn nộ cố gắng kìm lại…

"Không". Quỳnh Như ngồi xuống nóc hầm lưng dựa vào chiếc cột.

"Em có can đảm không?” Bằng trở lại giọng bình tĩnh sau một hơi thở dài.

"Có, em đủ can đảm để sống bình thản ít nhất cho đến ngày hôm nay…"

"Tốt, vậy thì em nói thật với anh, em biến đổi vì người bạn của Minh?"

Quỳnh Như khẽ cười và lắc đầu. Mi nàng mở ra, ánh mắt vụt sáng tinh quái.

"Anh nghĩ sai, không phải vậy…"

Bằng chồm người tới trước, giảm bớt chiều cao, dán sát mặt vào Quỳnh Như, tiếng nói đứt khúc tắc nghẹn của cơn giận bị ép xuống.

"Anh không nghĩ lầm, chỉ có em gian dối và hèn nhát…"

"Không phải, em chắc chắn như thế, trước thì em cũng không nghĩ thế nhưng bây giờ em rõ em hơn ai hết".

"Anh rõ em hơn cả, anh đã gần em từ tinh thần đến vật chất, tất cả biến động nào trong em dù mới phát hiện nên phản ứng mù mờ anh cũng đã nhận thấy. Hơn nữa đứa con trong em là của anh…"

Quỳnh Như cười thành tiếng. Âm thanh rạn nứt như khối đá tan vỡ dưới vòi nước ấm.

"Anh hiểu được em, nhưng chỉ được một phần, phần phía ngoài, và phần khác nơi sâu xa nhất chính em em cũng không hiểu… Em mang đời sống của anh trong người, nhưng tất cả đã tan vỡ…"

"Em muốn nói gì?"

"Không còn gì hết, hết thông cảm, hết thương yêu, hết anh, hết em, đứa con, bào thai, tất cả vỡ tan và trôi đi hết. Em có kinh nguyệt lại".

"Bao giờ và tại sao?"

"Em không nói gì khác, vì mọi chuyện đã xong, em vẫn là vợ anh, vợ chính thức, vợ có đám hỏi, đám cưới. Em không chống đối gì điều này. Nhưng em bây giờ khác hẳn em trước Tết, em không còn của anh, của em nữa, em lạ với mình rồi… Mệt, em mệt".

Bằng ôm lấy người Quỳnh Như. Thân thể người con gái bạc nhược lạnh lẽo. Bằng không nghe được tiếng tim đập rộn rã của tình yêu. Tình yêu đã chết. Bằng muốn bóp nát Quỳnh Như trong vòng tay tuyệt vọng.

Bằng và Đại đức Trí Không qua cầu lúc trời nhá nhem tối, trời lạnh, sương dày kín, nhịp cầu màu đen đậm nét trong sương mù. Xe lên dốc không nổi, Bằng phải bước xuống đẩy, Đại đức lầm lũi đi theo yên lặng, như màu nâu trầm tĩnh đậm nét nhạt nhoà trong bóng tối ẩm ướt.

"Mấy năm trước những đêm mưa tôi thường hay đến đây, đứng trên cầu nhìn xuống dòng sông, mưa bay chập chờn trôi dạt theo cơn gió, ánh đèn từ chân cầu dội từng vòng ánh sáng xuống mặt nước xôn xao sóng nhỏ…"

"Chắc thú vị lắm. Ở trên chùa khi trời mưa tôi đứng trên đồi cao nhìn về thành phố, chỉ thấy từng khối nâu đỏ trong màn mưa… Tôi cũng thích nhìn mưa bay, mưa ở núi ủ dột héo hắt…"

"Nhìn hoài cây cầu trong màn mưa, dần dần tôi xem nơi này như chốn quen thuộc, đêm mưa gió thế nào tôi cũng đến đây. Khuya khoảng một, hai giờ sáng, thành phố yên lặng, chỉ còn mỗi hành động thê lương là tiếng mưa và màn mưa chuyển động trên ngọn sóng. Trong bóng đèn vàng, tôi thấy như vũ trụ vô tri có linh hồn đang đau đớn dằn vặt. Và tôi cứ đắm chìm hoài trong nỗi dằn vặt vô duyên cớ đó. Và sau một thời gian nỗi dằn vặt vô hình biến thành khổ đau nặng nề cụ thể đè mãi xuống. Tôi cứ có cảm giác bị bóp cổ, bị kìm kẹp, đè nén, nói không được, đi không được… Bao nhiêu ý chí phấn đấu tan rữa dần. Có những đêm mưa tôi đứng ở thành cầu nhìn xuống khoảng sông xao động tưởng như bị cuốn hút lập lòe, có lời mời mọc im lặng êm dịu mê đắm nào dưới lớp nước trôi nỗi vàng đục đó… Trời sáng, mưa hết hạt, ánh đèn nặng nề u ám hơn, trời trong vắt thênh thang, mưa bay đi, tôi tỉnh dần dần trong không khí mới mẻ của ngày vừa bắt đầu. Bao nhiêu lâu như thế tôi cứ tự hỏi mình có phải nghiêng quá độ về sự chết? Nhưng thật ra không phải thế, tôi yêu đời sống, yêu quá nữa là khác, nhưng đêm mưa và mặt nước sông sao cứ quyến rũ tôi tan biến vào đấy…"

"Bây giờ chuyện ấy vẫn còn".

"Hết, hết từ hồi tôi bắt đầu đi dạy”.

"Có tiền coi như một thành công". Đại đức cười nhỏ sau câu nói.

"Không phải vậy, đi dạy có tiền, có thêm những nhu cầu mới, mỗi ngày các nhu cầu vật chất càng chất đầy hơn, siết mạnh vào. Thế là hết băn khoăn vô duyên cớ, hết đau đớn siêu hình, chỉ còn lại những tính toán bẩn chật, ước muốn nhỏ nhặt… Tôi như cây bị khô lá dần dần, lá khô từ ngọn lần xuống gốc, khô khan gãy vụn từng phiến mỏng… Và thế là hết tiệt mưa gió, bão tố, mặt nước sông, sương mù, ánh đèn chao động, tất cả trôi dạt vào cuối ký ức. Mỗi khi qua cầu, tôi hững hờ xa lạ như qua nhà lạ, qua nơi không quen. Xúc động ba năm trước như một tình cảm giả hình".

"Như vậy là tốt. Thực tế làm chân thật với lòng hơn".

"Một thứ chân thật khốn nạn, chân thật hèn hạ hết thời".

"Tôi không nghĩ như thế, sự thật đâu phải tầm thường, sống trong đời thì phải chịu đựng nỗi tầm thường đó. Giữ tâm mình vững và trầm tĩnh không để bị lôi kéo ràng buộc quá nhiều…"

"Tại vì thầy đi tu. Tôi thì khác, có những khó khăn người đi tu không có như người thường, hoặc nếu có thì cách giải quyết cũng khác… Như tình yêu chẳng hạn".

"Tình yêu?"

"Tình yêu trai gái, giữa đàn ông và đàn bà, giống đực và giống cái… Các thầy đâu phải chịu hệ luỵ bởi vấn đề này…"

"Tôi nghĩ đó đâu phải là khó khăn, đau đớn cho anh, nhất là anh toại nguyện với tình yêu, nghe nói anh đã có làm lễ hỏi với cô Như".

"Vâng". Bằng lặng lẽ tiếp tục đẩy chiếc xe. Thành phố Huế chìm hẳn vào bóng tối. Đạn bay vạch từng đường đỏ dài trong nền trời.

"Có điều gì làm anh không vừa ý?"

"Thầy có gặp sau nhà Quỳnh Như mấy người lính Nhảy dù?"

"Có anh Minh em cô Như và vợ chồng người sĩ quan bạn anh Minh. Anh có quen với Minh?"

"Như vậy là hai người, họ mặc đồ lính?"

"Không, áo quần dân sự, nhưng anh để ý làm gì?"

"Tôi không thích lính".

Đại đức Trí Không dừng lại nhìn Bằng. Giọng nói lạnh lẽo khô cứng, rờn rợn như lưỡi dao chậm rãi xiết trên đá nhám.

"Anh có ý định gì với những người lính đó? Những người lính không súng. Anh thấy người bạn của anh Minh gần bốn mươi tuổi, hai đứa con và người vợ vây chặt. Tôi gặp ông này vài lần ở trên chùa, đó là người đàn ông bị lôi kéo bởi cảnh sống, tôi chẳng thấy tàn bạo, thù hằn ở nơi người đàn ông cần cỗi đó. Họ chỉ được gọi là lính qua bộ áo quần và khẩu súng, người của Mặt trận, người của Uỷ ban gọi họ là kẻ thù khi họ có những vật dụng kia trên người. Riêng anh và tôi lấy tiêu chuẩn gì để xem họ là kẻ thù … Tôi là người đi tu, bị kẹt vào hoạt động này trong khoảng thời gian trầm luân giới hạn. Tôi không có kẻ thù, tôi nhìn người đúng vị trí và giá trị của mỗi cá nhân, anh cũng thế… Anh chẳng có kẻ thù nào hết ngoài con người ngang ngược biến đổi trong anh…"

"Thầy có lý của thầy. Riêng tôi nếu có làm một điều gì khác với tâm tính mình thì đó chỉ là thái độ bồi đắp cho tập thể đã nuôi dưỡng mình. Tôi được sung sướng và yên ổn trong đoàn thể, cái lý của tôi do đoàn thể tạo thành".

"Thế anh định làm gì? Anh đi tố cáo cho tiểu ban thanh trừng và hành động? Cái hố đằng sau trường học đã đầy rồi, người chết quá đủ, toàn người Huế, người của xóm anh ở… Có điều gì biến đổi anh thành tàn bạo?"

Bằng im lặng đạp nổ máy. "Thôi thầy leo lên ngồi, thầy cẩn thận nghe tiếng départ của súng đại bác thì nhảy xuống hố. Uỷ ban Lâm thời tối nay họp lúc 8 giờ tại chùa D. Có thể có những quyết định liên quan

đến tình hình quân sự, mặt trận ở khu hữu ngạn có vẻ bất lợi cho phe ta".

Phe ta. Đại đức Trí Không mỉm cười. Trên tấm áo nâu này, Đại đức đã mang thêm một nhãn hiệu. Xe chạy, gió lạnh nhưng tai Bằng nóng đỏ. Lý của đoàn thể, Bằng có thấy có điều gì bất toàn không thật trong luận lý vừa nói. Thân thể lạnh giá và tia nhìn trống rỗng của Quỳnh Như như luồng gió sắc buốt xuyên qua da thịt. Nỗi hờn giận mất máu ngùn ngụt cháy lên làm hoa mắt. Bằng phóng xe chạy như điên trong bóng tối, con đường nhỏ gập ghềnh. “Thầy giữ hộ tôi cây súng, xe chạy nhanh nó rơi mất”. Đại đức Trí Không vòng tay rút khẩu súng ở bụng Bằng.

"Anh Bằng cho tôi xuống đây”.

Xe chạy chậm. Bằng hỏi dứt tiếng. "Thầy xuống đây làm gì, mình về chùa gặp anh em, đúc kết ý kiến trước khi vào hội để khỏi có trở ngại…”

"Anh cứ để tôi xuống, tôi có việc nói ngay bây giờ”.

Xe ngừng, Bằng chống chân xuống đất. “Thầy muốn nói điều gì?"

"Anh có ý định tố cáo anh Minh và vợ chồng người bạn với Tiểu ban Thanh trừng?"

"Thầy có quyết định gì?"

"Tôi không có quyết định gì hết, tất cả chỉ do anh".

"Nếu tôi tố cáo".

"Tôi… bắn anh".

Bằng cố nhìn đôi mắt của Đại đức, nhưng chỉ có đêm đen và mưa phùn trước mặt. Trong bóng đen mờ mịt nổi lên một bóng dáng đậm đà.

Bằng chống càng xe:

"Thầy không nói điều gì quá lòng thầy?"

"Tôi đang tự hỏi. Tôi có can đảm bóp cò súng không?"

"Thầy đã quyết định?”

"Những người lính đó với anh không thù oán, anh nên trở lại với bản tính của tháng năm trước, có điều gì làm anh hung bạo?"

"Có điều gì biến đổi tôi thành hung bạo?". Đêm chung quanh như thắp sáng bởi ngàn cây đuốc, có tiếng reo hò chế nhạo, giọng cười ùn ùn như bão lớn, ba mươi năm sống, bao nhiêu ăn học, mối tình tuyệt vời cay đắng, tình yêu tinh thể quý giá của linh hồn… Còn gì nữa sau khi cơn bão đã thổi qua, cơn bão mặn đắng nước mắt và tanh nồng tủi hổ. Có gì lạ nữa trong Bằng ba mươi tuổi ngày ngày với viên phấn đứng trước mấy mươi tia nhìn soi mói và Quỳnh Như đôi mắt trống rỗng, xa vắng… "Đúng là hết". Bằng cười nhỏ. Tiếng cười lớn dần, lớn dần.

"Này thầy, thầy có đủ bình tĩnh để bắn tôi không?”

"Anh nên giữ bình tĩnh để đừng phạm vào tội ác vô lý. Không có quyền lực nào bắt mình phải từ bỏ tâm linh sáng suốt của mình".

"Đúng, thầy nói đúng, chẳng có quyền lực nào hết, chỉ có tâm tư bềnh bồng, chỉ có tim ta lao đao biến đổi. Nhưng thầy là người đi tu, thầy đâu biết được những ô trọc phiền hà của đời sống, cây đời thầy vững vàng tươi tốt, còn cành lá tôi mục nát khô héo, không ai đốn tôi ngã, ruột tôi nung nóng, vỏ tôi khô và chết lần. Chính tôi làm tôi chết, không phải, phải nói tôi chết dần từ phần bên trong chết ra, chết chắc chắn, chết đến như cổ bị nghẹt từ từ. Chết vì mang con trùng độc trong người, con trùng đời sống. Thầy đi tu, con trùng của thầy được ăn chay, nghe kinh kệ chuông mõ nên nó sống tịch mịch, đứng ngồi êm ả, riêng con trùng của tôi cựa quậy, trăn trở, cào cấu cắn xé không ngừng. Con trùng thầy hiền lành, dễ bảo, sống không đòi hỏi, không nhu cầu. Trái lại con trùng của tôi có nhiều dục vọng, nó được dạy dỗ nuôi nấng bởi thói xấu, những thói xấu đẹp đẽ thiết tha, nó ăn thức ăn khát vọng và uống rượu tình yêu, thứ rượu mạnh hừng hực, nhưng men rượu cũng có khi tàn, khi tỉnh cơn thì buồn lắm thầy biết không … Khi tỉnh rượu lúc tàn canh… Cụ Nguyễn Du tuyệt tác thật,

cả hệ thống buồn chán đầy cứng cụ chỉ viết lại vừa hai câu thơ đúng mười bốn chữ, mười bốn chữ giản dị lăn lóc đây đó được cụ ghép lại thành một trường sầu hận… Nhưng tôi giải thích với thầy làm gì? Tôi mệt. Em… mệt. Quỳnh Như dùng chữ thật hay, đúng ra có sống qua giây phút đó mới biết cách diễn tả sâu sắc cô đọng như thế. Đúng, tôi mệt lắm, tôi không có lý luận quanh co nữa. Tôi sống giản dị như mọi người. Tôi ghen ghét, ước mơ, mê đắm một cách tủn mủn nhỏ nhặt. Tôi như vậy đó, thầy muốn gì ở tôi. Tôi đi tố cáo. Tôi ghét lính. Lính làm tôi xấu hổ. Tôi đứng trong lớp học làm điệu làm bộ, giả vờ nghiêm trang, đóng kịch trí thức phản chiến, ghét bạo động, thấy sáng tỏ được nỗi phi lý của đời sống nhưng tựu trung tôi là thằng trốn lính, tôi sợ đi Thủ Đức. Khổ lắm, thầy đâu biết thế nào là lối sống của lính. Thầy ở góc núi, ăn cơm nhạt, nhưng như thế đâu đã khổ, thầy có an vui tự tại, thầy có tự do, thầy được sung sướng … Đi lính, mang cây súng, đội nón sắt, đi hoài, cả đời sống được đặt trên đôi chân, đôi chân được một lớp da giày che phủ, xong cứ bước bừa tới trước. Chân mang thân, thân sụp xuống dưới gánh nặng của súng đạn ba lô và thế là đi… đi hoài, vì "đi lính" mà thầy … Trong nguyên nghĩa đã có động từ đi, thầy thấy không? Đi lính, thế là đo cho hết chiều dài, chiều rộng của quê hương, đo cho hết nỗi điêu linh, đo cho cùng thống khổ… Tôi không có ước vọng cao đẹp khốn nạn đó, tôi sợ nó. Tôi kinh khiếp đến nổi da gà, đến lạnh sống lưng, tôi không chịu nổi cảnh khổ thê lương của người lính, tôi sợ nên tôi trốn, sợ nên tôi ghét, sợ nên tôi nói láo. Với chính tôi, tôi biện luận bào chữa để được yên ổn. Nhưng khi nhìn thấy một người lính tác chiến trong bộ áo quần nhàu nát tạt qua thành phố, đám tang quạnh quẽ với quan tài phủ quốc kỳ run rẩy trên sàn xe GMC, người thương binh vừa ở bệnh viện ra, da trắng xanh vì mất máu, máu khô của hôm bị thương còn đọng ở chân tóc, ở vành móng tay … Họ đã mê thiếp kiệt lực trong cô quạnh tủi cực từ lúc ngã xuống ở chiến trường cho đến ngày xuất viện. Chắc chắn không có sự săn sóc nào nên trong vành đôi mắt còn lớp bùn khô của cuộc hành quân lần cuối. Thầy thấy người lính cụt chân chống nạng đứng chờ xe lam chưa. Đó, tôi hổ thẹn và sợ hãi với hình ảnh đó, tôi từ chối cái vinh quang nhức buốt thê thảm được làm lính… Và như thế, tôi dối được tôi thật lâu, nhưng bây giờ thì hết. Tôi căm thù sợ hãi người lính một cách công khai. Họ làm tôi tủi nhục và sợ hãi. Họ làm tôi tủi nhục và đau đớn, họ làm tôi hết dối trá với tôi được. Tôi ghen ghét, rủa nát và kinh sợ những người lính… nên, tôi nói là tôi làm, tôi đi tố cáo. Họ không cho tôi yên ổn nên tôi báo thù. Thầy nghe rõ chưa, tôi đi báo thù, thầy

nghe chưa, tôi đi tố cáo… hai thằng lính Nhảy dù đó…”

*

Tháng Tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, hai tháng sau biến cố Mậu Thân tại Sài Gòn trong một căn phòng hai giường của bệnh viện, Thuấn ngồi vắt vẻo trên giường dưới chân Minh nhìn qua giường Lạc, vài người sĩ quan khác ngồi đứng đối diện với hai người bệnh.

"Em trai xui rồi, tụi tao đánh như điên lòng vòng hết cả thành phố Huế không sao, đến lúc mày với ông Lạc tìm về được Tiểu đoàn thì ăn ngay một trái B.40, chắc phải xin thuyên chuyển mày về với Việt Cộng". Thuấn nhìn nhìn chiếc giường khi nói, đầu gật gù.

"Ấy ông nhún thế mảnh B.40 trong người nó chạm vào nhau nghe lạo xạo kinh quá". Lạc đứng lên chêm thêm câu pha trò, cả bọn khúc khích cười. Minh cố gắng nhếch mép để nói nhưng không nổi…

"Đau quá, đừng chọc tôi nữa, cười không được, cười đau bụng, bụng mới mổ lắc lư quá chịu không nổi”.

"Tụi tôi cũng muốn đến thăm hai Trung uý …” Một anh Thiếu uý nhỏ nhẹ nói… “Ấy mà hình như Trung uý có giấy lên Đại uý rồi”.

"Khi nào có thì gọi, gọi trước chỉ lúc vừa chết mới đúng, đằng này nó chưa chết được thì gấp gì". Thuấn cắt ngang câu nói của viên sĩ quan.

"Dạ vâng, nhưng vì vừa về đến Sài Gòn Tiểu đoàn mình phải đi ngay về Hốc Môn, đến bữa nay chúng tôi mới rảnh nên đi theo Đại uý Thuấn và đến đây thăm hai Trung uý”.

"Xong rồi, nói vậy là đủ, bây giờ đến phiên tôi hỏi các ông mấy chuyện, vì lúc các ông về lại Tiểu đoàn thì tôi đang kẹt ở trong sân bay thành nội Huế, không gặp ông với ông Lạc được, tiếp theo là ông bị thương, ông Lạc ngã bệnh, đau gan đau phổi gì đó nó hành… Tiên sư lính Nhảy dù Tây để lại, vì sợ quá mà gan ruột teo vào nên phát ốm…"

"Ấy không phải, lúc ấy hoạ may có chó mới đi khai bệnh, tôi đâu có hèn như thế, nhưng quả tình tôi không kiểm soát nổi. Mười mấy năm lính tôi đâu có ngán thứ gì, cú rút lui khỏi Cao Bằng vừa đánh vừa chạy suốt mấy trăm cây số tôi còn chịu nỗi, rồi ở Điện Biên Phủ nội cái cứ điểm Béatrice mà phải đánh lui đánh tới mấy lần, tôi thuộc về 6 ème BPC, Tiểu đoàn trừ bị, sau khi cha Tiểu đoàn trưởng năn nỉ bộ chỉ huy mới cho lệnh đánh Béatrice. Chính Đại đội tôi là nỗ lực chính, tôi là Thượng sĩ làm Trung đội trưởng đi đầu. Tiên sư tôi đá đít Tây chạy có cờ… Nhưng cú ở Huế, kẹt có vợ con bên cạnh tôi lúng túng như bị cột hết tay chân và cứ có cảm giác đạn lúc nào cũng bay về phía mình, 105 của mình bắn cách chỗ trốn cả trăm thước mà tôi cứ nghĩ nó nổ bên cạnh… Suốt từ khi trốn ra khỏi khách sạn, ông Minh bảo gì tôi làm theo đó, tôi không tự chủ, quyết định một việc gì, khi về đến Tiểu đoàn là tôi sụm luôn, chẳng biết trong người có cái gì, nhưng tôi đứng không được, thở không nổi… Hình như sau những ngày quá căng thẳng, thần kinh tôi không co lại được về vị trí cũ, vì trước đó cứ nhắm mắt là tôi tưởng đến cảnh hai ông con bị đạn banh ngực chết, liên tiếp một tuần tôi không ngủ, người khô khan như nướng chín… Về đến Tiểu đoàn tôi ngã xuống không gượng nổi".

"Được rồi, như vậy chuyện ông đã xong, còn ông Minh…"

"Tôi có gì?"

"Cây súng?"

"Cây súng nào?"

"Khẩu colt Trung Cộng. Ông bị thương thì ngất ngư liền, thằng lạc đà của ông nó đem qua gởi tôi, ông lấy được bao giờ? Vì tôi nhớ khi ông về đến Tiểu đoàn là 4 giờ chiều, 5 giờ ông bị thương ngay, gần hồ… hồ Tĩnh Tâm. Tĩnh Tâm là gì mà nổ như sấm… "Tĩnh Tâm, mặt hồ yên lặng, bùn non và hương sen, nụ hôn người con gái Huế. Thuấn chợt chùng lòng, tưởng như đang nhớ lại một quãng đời đã xa khuất từ lâu. "Tôi nhớ rồi, hồ Tĩnh Tâm, ông bị thương lúc ấy thì cây súng ở đâu ra?"

"Của ông thầy chùa!"

"Ông thầy nào?"

"Các ông nhớ cái chùa sau núi Ngự Bình dưới lăng ông Ngô Đình Cẩn?"

Những tiếng lao xao: "Nhớ… Nhớ…"

"Ông thầy chùa cho tôi".

"Cho ông từ lúc Tiểu đoàn mình đóng ở đấy hả?”

Thuấn chăm chú hỏi.

"Không, sau này, lúc tôi và ông Lạc trốn ở nhà bà chị tôi. Ông ta đến một lần với cha anh rể, có nói chuyện với tôi và ông Lạc một chút, rất vui vẻ và dễ chịu, mặc dù trong đạn lửa chết chóc ông vẫn bình thản hoà nhã, khuyến khích tôi với ông Lạc sớm về đến Tiểu đoàn. Nhớ đến chuyện ngày đó tôi cứ ngượng đến chóng mặt, ai đời mình là lính lại được một ông thầy chùa khuyên bảo giữ bình tĩnh khi nghe 105 nổ. Phần ông Lạc thì hiểu được, vì chuyện vợ con nên ông ta tê liệt phản ứng, riêng tôi chẳng bị ràng buộc vào chuyện gì mà cũng cứng ngắc người vì lo sợ, hèn thật…"

"Rồi ông ta cho ông khẩu súng trong buổi nói chuyện đó?”

"Không, lúc ấy là buổi chiều, đến tối ông ta trở lại”.

"Sao lại buổi tối?"

"Tôi không rõ, chỉ biết khi ông ta và anh chàng lấy chị Như ra khỏi nhà lúc 5 giờ chiều, khoảng 8 giờ tối chúng tôi nghe tiếng gõ cửa. Cả nhà lạnh cứng vì sợ, ai cũng tưởng Việt Cộng đến bắt chúng tôi. Ông Lạc chạy quanh hai con như gà mắc đẻ, tôi lên đạn khẩu AK”.

"Khẩu AK nào nữa?"

"Chuyện ấy để sau kể, sau cùng là chị tôi đánh bạo ra mở, vì tiếng gõ cửa không hấp tấp đe doạ…”

"Rồi ông ấy nói với ông những gì?"

"Không, ông chỉ nói mấy câu nhỏ: Tôi đưa anh và vợ chồng anh Lạc qua khỏi hàng rào bố quân của lính bên kia, và ông đưa tôi cây súng để làm kỷ vật".

"Ông không hỏi xuất xứ của cây súng?"

"Lúc đó nửa mừng nửa lo, tôi không để ý, ông ta đưa thì nhận. Bây giờ tôi cũng không rõ tại sao ông ta làm vậy, và cây súng ở đâu ra? Cây súng có gì lạ không?"

"Không, như những cây súng khác, nhưng hình như vừa bị bắn xong, kẹp đạn bị mất đi 3 viên, ông có bắn viên nào không?"

"Làm gì có thời giờ, tối đó trốn theo ông thầy, cả ngày sau ngồi đợi Tiểu đoàn, sáu giờ chiều bị thương, tôi chưa nhìn kỹ nó một lần".

"Ông thấy ông thầy chùa có gì lạ không?"

"Làm sao thấy được gì, lo sống không nổi làm gì để ý đến người khác, nhưng tôi nhớ một điều: tối hôm đó ông ta có vẻ buồn nản dằn vặt kinh khiếp lắm, khác vẻ bình lặng trầm mặc của ngày thường…" Khi bước xuống cầu thang bệnh viện, Thuấn nhớ hình ảnh người tu hành ngồi yên lặng nhìn khói thuốc bay lãng đãng trong nắng chiều vàng đục của một ngày cuối năm. Hình ảnh lặng lẽ bình yên này phút chốc như cơn giông lớn bùng lên ngùn ngụt che khuất một thoáng nhớ nhung mơ hồ về người con gái đã yêu Thuấn trong một chớp ngắn ngủi giữa nỗi triền miên dằng dặc của cuộc đời. Hình ảnh lặng lẽ bão bùng phảng phất nỗi đau đớn không nói được cùng người.

Dựa lưng nỗi chết

Lời bạt

Chỉ là câu chuyện giản dị của những người lính trong một thời gian dồn dập… Chuyện bình thường, phẳng phiu, không là bản anh hùng ca rực rỡ uy dũng, cũng không đậm nét bi thương làm đọng cứng linh hồn – Chỉ là phản ứng cấp thời của người lính cố tìm lối sống trong cái chết trùng điệp… Phản ứng cấp thời nên ngắn hạn và

chóng vánh nhưng mang nỗi thụ động tội nghiệp, đến đỗi ngậm ngùi…

Mỗi chiến tranh khai sinh ra một lớp anh hùng, mỗi thời đại, biến cố cần thiết một loại người tổng hợp… Chiến tranh Việt Nam kéo quá dài, dài hơn biến cố khởi đầu, dài hơn ước tính chiến lược của những kẻ chủ tâm khởi xướng, chiến tranh Việt Nam dài bất tận, dài miên man được chuyển đi miệt mài trên lưng của hàng triệu con người, những người kinh sợ chiến tranh hơn bất cứ chủng tộc nào của nhân loại… Thế nên chiến tranh Việt Nam, cuộc chiến không có anh hùng.

Cuộc chiến chúng ta không có những André, anh hùng trí thức của *Chiến tranh và hoà bình*, không có Robert Jordan, người chiến sĩ tự nguyện tìm chân lý đời sống qua nỗi chết của Hemingway, chúng ta cũng không có những người thấm mệt của Irwin Shaw… Đây là chiến tranh của người bình thường, người vì đã sống nên phải chiến đấu, người biết yêu đời, yêu người, người thương thân và tự nhiên phải dự phần vào chốn đao binh với linh hồn không chút bạo ngược. Nhưng những người lính đó đã chiến đấu đúng cỡ. Chiến đấu đúng “tiêu chuẩn" chiến trường. Hai mươi năm dài hay hơn nữa, người Việt Nam vẫn đứng vững được trước mọi sức tấn công vì cuộc sống đã đồng nghĩa cùng đời chiến đấu. Lẽ tất nhiên người lính đối phương, phía Cộng sản, lại là một chuyện khác.

Tuy tràn ngập với đời sống, thế nhưng người lính Việt Nam vẫn là hình ảnh lạ lùng với người… với chính bản thân. Yếu tính lính, tuy chỉ là yếu tố ngoại nhập nhưng không thể cưỡng chế, không ngăn chận nổi. Qua tấm áo, người lính là một sinh vật dị kỳ. Thế giới riêng rẽ dần được tạo dựng. Sinh vật lính tội nghiệp quay cuồng lổng chổng hỗn loạn vào cùng nhau trong khói súng, máu và sự chết… Bản chất con người muôn thuở vẫn còn đấy nhưng qua tháng năm dài tanh mùi máu, qua phút giây đằng đẵng dằng dặc khói bom, người lính biến dạng thành người lạ, biến dạng thành thiên thần, lắc mình thoát nên quỹ dữ… Bản năng được khai phá tận cùng, tội lỗi bốc đầy phủ phê. Lính-sống-cùng-đời-lính không kẽ hở, không phân ly… Yếu tính tạm thời trở thành căn bản, tưởng như gió thoảng ngoài xa nào ngờ bão tố dậy sấm trong lòng. Sinh vật lính vùng vẫy tung hoành trong lòng thế giới ầm vang cô quạnh riêng tư.

Đang sống trong đời không ai có thể biết hết cuộc đời. Chưa chết không thể hiểu về cái chết. Nhưng có những cuộc sống dựa vào nỗi chết, đặt căn bản trên nỗi chết. Chết không phải là biến dạng, nối tiếp cuộc sống… Nhưng chết ở bên cạnh, ở sau lưng, trước mặt, trùng trùng kín mít giăng giăng bao lấy sự sống… Sống và chết là trạng thái hỗn hợp không kẽ hở. Chết là một cách thế thường trực của sống. Trong "cuộc sống" quái dị kinh hoàng bình thường lặng lẽ đó, người lính Việt Nam đã sống như thế nào?… Quá nhiều dòng chữ đã nói về lối sống nọ. Nhưng chỉ nói được lúc người-lính-sống. Qua khỏi biên giới không xác định giữa khi quả đại bác ra khỏi nòng và tiếng nổ, qua khỏi lúc quả mìn nổ ở khinh binh đi đầu, khói bụi tung cao, âm thanh còn lồng lộn trong óc, mắt rực một màu đỏ mịt mù… Trí não giãn ra chớp nhoáng, lại vẫn còn nghe tiếng "tách" khô ngắn của kim hoả đập vào khối nổ… Trong toàn thể âm – dương, tiếng động mịt mùng và im lặng lạnh lẽo. Người lính "nghe" được cùng một lúc: mình bị mìn… mình còn sống. Phút giây rùng rợn bi thảm độc địa đó là cuộc sống thường hằng của riêng mỗi người lính – Không ai có thể viết ra thành lời được. Không thể một ai viết được vì không ai có thể sống cùng.

Là một người lính nên có được hoàn cảnh qua chặng đường độc địa ghê gớm trên, cầm bút cố gắng biểu hiện qua dòng chữ nguồn gốc lối sống gây quá nhiều ngộ nhận. Và cũng là để biện hộ giải thích cho chính bản thân. Nơi địa chấn từ lâu đang âm ỉ…

Vấn đề vừa được đặt ra vấp ngay hố lớn ngỡ ngàng. Khi cầm bút chỉ còn là người viết-văn-bình-yên ghi lại biến cố mà dù hắn ta có dự phần trong giờ phút này cũng đã xa lìa mất hút. Viết có nghĩa không phải là viết riêng cho một cõi-trong-ta, viết ở tinh tuý là nói-cùng-người về ta hay một người nào khác, một đời nào khác… Nhưng viết gì trong chiến tranh? Lại thêm điều khó nói. Nếu bảo rằng chỉ cần kể đến cảnh đời gian khổ và hành động can trường của đời lính thì quá giản lược. Gian khổ quả là một tính chất, nhưng không là tính chất độc nhất, chính yếu, càng không là không khí tổng quát của chiến tranh… Đói, khát, đau đớn, sợ hãi, gian nguy là những góc cạnh đa diện của đời binh lửa, người lính đắm chìm và miệt mài trong đó. Họ hãnh diện với cơ khổ tân toan của mỗi ngày chiến trận, dạ dày quen một ngày một bữa ăn – Gian khổ, trong khía cạnh tích cực là phẩm chất đẹp riêng tư của đời lính chiến – Không phải là yếu tố gây nên tan vỡ, tuyệt vọng. Vậy yếu tính cuộc chiến ở đâu? Lại phải tập

trung, gạn lọc, định lượng dần với một nỗ lực lớn để khám phá ra những động tác, lời nói rất thường bề ngoài, bao phủ thêm bởi hệ thống sự kiện rất sôi nổi, bắt mắt, lôi cuốn… Đời sống vốn đã phức tạp và đa diện, đời binh đao lại thêm phần sôi nổi, đa đoan. Viết với sự ôm đồm quá mức, bản văn lần trở thành tập tài liệu ghi đủ các sự kiện, sự cảm xúc vắng bóng không tránh khỏi… Viết ôm đồm quá nhiều, đời lính quá vô cùng mang thêm vẻ ồn ào kệch cỡm đầy âm động bề mặt rất bình dân hạ dần xuống bọt bèo rẻ rúng…

Viết về cuộc chiến, ắt phải đề cập đến nhân vật chính – Người lính. Nói rõ thêm tính chất của nhân vật chính đó. Thời đại chinh chiến này chỉ có người lính, kẻ mang nghiệp nhà binh, vắng bóng toàn thể anh hùng, vắng và mất hẳn. Anh hùng chỉ là một phản ứng cấp thời – Phút giây ngắn mà kẻ "hào kiệt" bộc phát đó không bao giờ nghĩ đến và suy diễn thành hệ thống luận lý. Chiến tranh này là chiến tranh khoảng cách, khoảng cách từ hai khinh binh mỗi bên, khoảng cách từ nòng đại bác đến mục tiêu, khoảng cách từ phi cơ xuống đất… Khoảng cách đó co giãn tuỳ theo khả năng viễn xạ của vũ khí người lính sử dụng. Anh hùng không còn giữa khoảng trống thật rỗng này. Người lính sống, chết và làm anh hùng do một tình cờ không kiểm soát.

Viên đạn đi đến, xoáy một lỗ hổng đỏ tươi trên da thịt, người lính đứng tròng, da xanh xám, cúi xuống nhìn máu từ thân thể chảy ra từng dòng ngấm xuống đất, đọng thành vết nâu sẫm trên nên cát xám… Chết! Chữ khô nhỏ vang động trong một khoảng giây rất ngắn. Người lính “cảm” thấy nhanh như tia chớp toàn thể cuộc đời – Đau thương, hoan lạc, khốn khổ, u uất chen lẫn xô bồ hiển hiện trong một chớp mắt – Viết được hết cái “chớp mắt” này không? Chắc là không, không thể được, vì chỉ có người lính đó mới cảm nhận được một lần - Lần độc nhất - Giây phút thiên thu bí nhiệm bão bùng đó. Chỉ có mỗi anh ta qua lằn ranh của sống chết, anh ta đi một mình. Thế nên, viết được gì? Viết làm sao được “sát na” đau đớn linh diệu ấy… Và viết cho ai? Làm gì? Người lính đã chết…

Thấy hết vẻ tang thương vô ích của hàng chữ viết, nhưng trên tờ giấy ngòi bút vẫn chạy đều… Trong tuyệt vọng im lặng người viết vẫn muốn khai triển, muốn “nói” một điều gì canh cánh – Sự diễn tiến thành hình của đoàn thể hắn tích cực tham dự. Ngày 13.4.1949, lực lượng quân sự Quốc gia đầu tiên được thành hình – Vệ binh Quốc

gia – Tập họp của Bảo chính Đoàn, Vệ binh Nam Việt, Vệ binh sơn cước… Những người lính bị cưỡng ép nằm ở trong tay một khẩu Mat 36 hoặc Mousqueton bắn từng viên một, nòng súng không đường khương tuyến và "Quốc gia", danh hiệu mù mờ với ông vua được gọi là Quốc Trưởng nằm ngoài hệ thống thể chế lập pháp của toàn thế giới.

Năm 1951, lực lượng vệ binh dần được chính quy hoá không phải do nhu cầu căn bản của Quốc gia nhưng để làm mạnh lập luận "chống Cộng" của ông Tây De Lattre muốn nguỵ trang bàn tay thực dân bởi máu đỏ của đám Phụ lực quân được đóng khung trong những “ổ” bê-tông bao bọc châu thổ sông Hồng… Xong rồi, tôi đã thuyết phục được anh vua ù lì để hắn ta chấp thuận “chính quy hoá” quân đội Annamite!! (Trích Lucien Bordart). Quân đội Quốc gia đã được đẻ non sau một cơn hiếp dâm tàn bạo, đẹp mặt hơn, nó lại được chỉ huy bởi một vị Tổng tham mưu trưởng lừng danh – Thiếu tướng Hinh. Gã Tây con local mang thực dân tính nhiều hơn bất cứ một anh Tây chính gốc, gã tay chơi lái tàu bay Spitfire, Junker, ý niệm quốc phòng không thoát khỏi buồng lái chiếc bà già Morane Saulnier và thành công cụ thể của võ nghiệp sau thời gian dài phục vụ cho nước mẹ – Một chị đầm bán cà phê ở Bắc Phi được mang về Việt Nam, chị đầm có bộ ngực lớn nhất Đông Dương!!

Được khai sinh trong hoàn cảnh ngất ngư, được nuôi dưỡng bởi bàn tay ghê tởm của những người chỉ huy mà ý niệm Quốc gia chỉ là tiếng nói phảng phất mơ hồ được đọc lên một cách kỳ lạ sau những cơn thử lửa với cường độ tiêu huỷ hàng ngàn sức mạnh to lớn hơn… Năm 1954, chiến tranh tạm ngừng để nhận thấy rằng, bất kỳ dưới danh nghĩa nào, tổng số người chết mang chủng tộc Việt Nam của Quân đoàn Viễn chinh… Chiến dịch Castor hay trận Điện Biên Phủ hạ màn với 13.050 chết và bị thương có một phần ba quân nhân Việt Nam (theo B. Fall). Bắt buộc người ta phải chấp nhận sự có mặt của người lính Việt Nam – Những người lính chết trước khi được xác nhận vì Tổ quốc!! Và người lính "siêu vô danh" đó đã được tôi luyện đẽo gọt trong một thứ lửa ma quái dần dần biến thể không ý thức, không chỉ đạo, thành người lính Quân lực Việt Nam Cộng hoà… Quân lực đối đầu với cộng sản, đạo quân Thập tự không Thiên Chúa – Sự kiện đã xảy ra như một mầu nhiệm không giải thích được.

Thời gian từ năm 1955 đến 1960 chỉ vừa đủ để tập cho những cá

nhân rời rạc, chiến đấu trong lòng đơn vị mới, chưa đủ lượng thời gian để tạo truyền thống, thói quen cho mỗi đơn vị. Chiến tranh lại trở nên tàn khốc và những đơn vị tân lập, những Tiểu đoàn Bộ binh, Biệt động quân chưa kịp sốt vỡ da, chưa đủ lượng huấn luyện, vội vã rời hậu cứ chìm dần trong cuộc chiến quái đản lạ lùng, tàn khốc, chiến tranh số một của chiến sử nhân loại. Thêm một lần nữa người lính Việt Nam chứng tỏ sức đề kháng ngấm ngầm tuyệt diệu.

Đại chiến mùa hè 72, nối tiếp cao điểm Mậu Thân dựng nên thành tích mới – Ba mặt trận chính, Quảng Trị, Kontum và An Lộc đều bị rơi vào bất ngờ chiến thuật và lúng túng chiến lược… Cộng sản đã chuẩn bị chiến trường quá độ tinh vi, chiếc xe tăng lãnh năm 1966, thực tập nổ máy, tập chạy, tập điều động, tu bổ từng đinh ốc, từng giọt nhớt… Một năm có bao nhiêu giờ nổ máy tại chỗ, bao nhiêu giờ di chuyển trên đường bằng phẳng, bao lâu trên đường núi, suốt sáu năm trời "tổ xe tăng" không chểnh mảng, không ngừng nghỉ ôn luyện, thực tập để tháng 2.1972 có mặt tại Đông Bắc An Lộc, nòng súng ở cao độ nhất định … Giờ G của chiếc xe tăng đã được sửa soạn từ sáu năm về trước. Ở Quảng Trị, Kontum, các yếu tố tác xạ của giàn 130 đã được tính sẵn, con đường chuyển quân bằng molotova đã dọn dẹp quang đãng… Giờ G của chiến trường mùa hè 72 là giọt nước cuối đầy chiếc ly chuẩn bị. Hội nghị Ba lê cũng đi đến bước chót, bản hiệp định ngưng bắn quái đản hàm hồ đã được tu chỉnh từng chữ một trong căn phòng mật đàm giữa Kissinger và Thọ… Không một chữ nhắc đến Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!! Sự chuẩn bị tinh vi đến độ độc địa chấm dứt – Trận chiến bắt đầu … Lại thêm một lần nữa như mùa xuân xưa, Tân Cảnh, Lộc Ninh, Đông Hà lần lượt bị giặc xâm chiếm, dãy cao độ phía Tây đường 14 do Nhảy dù chiếm lĩnh bị cả một Sư đoàn Cộng sản luận chiến dồn dập tấn công không ngắt quãng… Charlie, Delta những đỉnh núi chỉ do một trăm tay súng chiếm giữ, dần dần bị bóc hẳn dưới những đợt tấn công cấp Trung đoàn với pháo yểm vượt khỏi sức ước tính của những đầu óc nhiều tiên liệu. Và cao điểm cuối cùng ở miền cực Bắc quê hương, Đông Hà, Quảng Trị, hai thị trấn bốc lửa ngọn, tung lớp khói dày che khuất mặt trời hạ chí… Năm trăm chiếc tăng được pháo binh yểm trợ tiếp cận đồng theo hướng Bắc Nam ùa xuống như cơn nước lũ…

Và cũng như Mậu Thân, dựa lưng vào nỗi chết, người lính Việt Nam đã chiến đấu trong một trạng huống không ngờ – Chiến đấu đồng

nghĩa như đang sống. Thiếu hẳn ưu thế kỹ thuật chiến trường, lòng trống vắng tinh thần của hệ thống chủ nghĩa, chỉ với quả tim người và lòng ham sống, tình cảm không được suy nghiệm, luận lý, giải thích một lần trong đời, người lính Việt Nam đã chiến đấu để bảo vệ con người và đời sống – Hành vi cao cả bình thường chưa bao giờ được ý niệm như là bổn phận!!

Tập thể xao xác của hai mươi năm trước nay như viên ngọc trong suốt đã chứng nghiệm giá trị qua trùng điệp bão lửa. Hai mươi năm, chặng đường dài cơ cực ngút ngàn, núi cao khổ đau chất ngất, thế nhưng sinh vật lính lặng lẽ đó dù chưa ý thức được phẩm chất cao quý của mình, dù bị bủa vây bởi muôn ngàn miệt thị và ngộ nhận – Không phải vì bát cơm, cũng không phải vì lá cờ – Đã chiến đấu và tồn tại như một thực thể tràn đầy bi tráng. Tĩnh từ này vẫn chưa đủ, phải gợi đến hình ảnh một thứ Thánh chịu nạn, gánh cơn đau yếu Tổ quốc để bước lên con đường gai lửa – Hình ảnh "thánh nhân" bình lặng này quá gần gũi với phẩm chất của người chiến sĩ cách mạng – Hiệp sĩ mới của thời đại tan vỡ đang trên đường xây dựng lại con người…

1969–1973
Hết

Nguồn: Talawas
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 09/09/2007 2:27:17 CH

Phan Nhật Nam

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 1

Lời Tác Giả

Mùa Hè, những cơn mưa bất chợt ùn ùn kéo đến, ào ạt chụp xuống núi rừng Kontum, Pleiku... Trời thoắt trở lại xanh, cao khi mưa dứt, nắng hanh vàng ấm trong không khí gây gây lạnh, những đồi cỏ xanh dọc Quốc Lộ 14 bắt đầu óng mượt, cánh cỏ non lớn dài phơi phới dưới sau trận mưa đầu mùa và thung lũng xa vàng rực hoa hướng dương. Không khí, gió, trời mây và cỏ cây thay đổi hẳn, mới mẻ toàn khối, toàn sắc, vùng cao nguyên lộng lẫy, triền miên với từng hạt nắng vàng ối tan vỡ trên đồng cỏ xôn xao gió thổi...

Mùa Hè, gió Lào miền Quảng Trị, Thừa Thiên thổi từng luồng, từng chập, đưa “con trốt” chạy lừng lững trên cánh đồng cát chói chang, những đồi hoa sim, hoa dủ dẻ rung rinh bốc khói dưới mặt trời hạ chí. Giòng nước sông Hương, sông Đào, sông Bồ, Mỹ Chánh, Thạch Hãn đục hơn, thẫm màu hơn, lăn tăn từng sợi sóng nhỏ len lỏi khó khăn qua kẽ đá, bãi cát, chầm chậm chảy về phía Tam Giang, cuốn trôi theo đám lá tre già khô úa.

Mùa Hè, những con đường thành nội Huế lốm đốm ánh trăng xuyên qua cành lá, cô gái chuyển tấm lưng sau lớp tóc dài dày kín, nâng khối tóc xôn xao lên khỏi chiếc gáy để cơn gió ngắn len qua hàng rào

chè xanh thổi khô đi lớp mồ hôi rịn trên những lông tơ nõn.
Mùa Hè, mưa rào tăm tắp đổ xuống kín trời An Lộc, chập chùng ẩn hiện những thân cây cao su nhoà vào nền trời xám tối, khu rừng biến thành khối đêm đen trong khoảng khắc, khối đen chuyển dịch, vẫy vùng ào ạt theo từng cơn lốc gió... Mưa tan, trời tạnh, ánh trăng lạnh nhô lên từ phương tây, cuối bình nguyên lồng lộng, núi Bà Đen ấn một nét đen thẫm thần bí trên nền trời xanh ánh trăng. Và đàn nai bắt đầu tung tăng từ đầu nguồn, cuối lạch... Đàn nai chạy vun vút qua rừng cây, trên đồng cỏ mượt sóng, chạy và ngừng lại, “bép” mấy tiếng âm u cùng ánh trăng chập chờn trên sóng cỏ.
Mùa Hè, mùa đẹp đẻ, tươi gắt căng sức sống, ngày ngày nỗ lực trên mặt nước loáng ánh nắng hay đồng lúa nặng hạt. Hạt ngọc của trời, và người dân cất cao tiếng hò...
Được mùa chớ phụ môn khoai,
Đến năm Thân, Dậu lấy ai bạn cùng...
Tiếng hò chạy dài trên lúa, theo cơn gió đưa ra đến đầu ghềnh, cuối cửa sông, tan biến vào cùng sóng nhỏ... Trên mặt nước, con đò xuôi về Thế Chí, Đại Lộc dọc Phá Tam Giang(*), lại vang dội một giọng hò khác phảng phất nét tàn tạ bi thảm của hơi Nam Ai thê thiết... Hò... ơ... ai...về...ạ... ạ... Đại...Lộc...ạ... ạ... ai vượt... ạ..ơ..Kế Môn...
Đã từ lâu...Lâu lắm, người dân của ba miền đã qua những mùa hè trong cạn đáy khắc khoải để hy vọng tiếp tục đời sống với mơ ước chỉ đầy chén cơm. Nhưng mùa Hè năm nay, 1972 tất cả hy vọng và mơ ước nhỏ nhoi tội nghiệp kia tan vỡ trong tận cùng kinh ngạc. Bao năm qua, chiến tranh đã quá nặng độ, chiến tranh quá dài, dài thê thảm, dài đau đớn tràn ngập. Người dân Việt mong mỏi đi qua thêm một mùa, một năm, chiến tranh lắng dịu và được sống sót. Nhưng,

30 tháng 3 ở Đông Hà, 24 tháng 4 ở Tân Cảnh, 7 tháng 4 ở An Lộc, 1 tháng 5 cho Huế và Quảng Trị... Hoài Ân, Tam Quan, Bồng Sơn, Bình Giả, Đất Đỏ... Toàn thể những địa danh nơi hốc núi, đầu rừng, cuối khe suối, tận con đường, tất cả đều bốc cháy, cháy hừng hực, cháy cực độ...Mùa Hè 1972, trên thôn xóm và thị trấn của ba miền đồng bốc cháy một thứ lửa nhân tạo, nóng hơn, mạnh hơn, tàn khốc gấp ngàn lần, vạn lần khối lửa mặt trời sát mặt. Lửa ngùn ngụt. Lửa bừng bừng. Lửa kêu tiếng lớn đại pháo. Lửa lép bép nức nở thịt da người nung chín. Lửa kéo dài qua đêm. Lửa bốc khói mờ trời khi ngày sáng. Lửa gào chêm tiếng khóc của người. Lửa hốt hoảng khi cái chết chạm mặt. Lửa dậy mùi thây ma. Lửa tử khí trùng trùng giăng kín quê hương thê thảm khốn cùng.

Kinh khiếp hơn Ất Dậu, tàn khốc hơn Mậu Thân(**), cao hơn bão tố, phá nát hơn hồng thủy.Mùa Hè năm 1972- Mùa Hè máu. Mùa Hè của sự chết và tan vỡ toàn diện. Mùa Hè cuối đáy điêu linh. Dân tộc ta sao nỡ quá đọa đày!

Ba sư đoàn bộ binh 304, 308, 324B, cùng sáu trung đoàn địa phương của Khu 5, ba trung đoàn chiến xa, hai trung đoàn đặc công và một sư đoàn pháo nặng 130 ly, cho mặt trận Trị-Thiên. Ba sư đoàn 5, 7, 9, tăng cường sư đoàn Bình Long, hai trung đoàn 202 và 203 chiến xa, được yểm trợ bởi một sư đoàn pháo nặng tại mặt trận An Lộc. Hai sư đoàn 320 (Thép) và Sao Vàng, một trung đoàn chiến xa tấn công vào Tân Cảnh, Kontum; hướng tiến được dọn đường bởi một trung đoàn pháo đặt từ rặng Big Mama Mountain, vùng Ba biên giới Việt-Miên-Lào. Cộng quân chơi trò chơi máu, mở đầu những "ngày hè đỏ lửa", trận cuối cùng để tìm kiếm kết thúc cho mười năm chiến tranh "giải phóng" cạn lực, sau "tổng-công-kích thất bại Mậu

Thân 1968”.
Quân ta phải chống lại.Chống giữ để tự vệ. Chống trả nơi biên giới cuối cùng: Tự Do hay Nô Lệ. Sống hoặc Chết. Trận đấu quyết tử và trận chiến cực điểm. Ba tháng hay 100 ngày chiến trận, những kỷ lục chiến trường thay đổi từng nấc, từng bậc lớn, từ 2,000 quả đạn cho cứ điểm Charlie, Kontum đến 8,000 quả cho An Lộc.Bắc quân đi bước tàn nhẫn không nương tay và quân dân Miền Nam đồng đương cựvới nổ lực cao nhất tại “Điểm đứt hơi - Điểm vỡ của chiến trận”. Chúng ta đã chiến đấu giữ vững và kiêu hùng chiến thắng.
Hôm nay, ngày đầu tháng 8, cuộc đại chiến đã bước qua tháng thứ tư, và có cơ kéo dài thêm một thời gian nữa, nhưng quân dân ta cắn răng, ngậm chặt, hứng hết tai họa, đựng đầy khổ nạn... Chịu thêm nữa cũng thế, đánh thêm nữa cũng được. Trong nguy nan, Dân tộc biến thành “Thánh chịu nạn”. Dân tộc kiêu dũng, quật cường, vượt qua, bất chấp tất cả để tồn tại. Ngọn lửa Mùa Hè 1972 nung độ nóng cao nhất trui rèn chúng ta - Người Việt Nam muốn sống đời đáng sống của Người - Người Tự Do.
Được đi, chứng kiến và dự phần vào ba mặt trận, ba vùng đất quê hương, người viết không mong gì hơn ghi lại một vài khía cạnh của cuộc chiến - Cuộc chiến vĩ đại vượt mọi chiến tranh - Mà phải một ủy ban quân sử, trong thời gian dài mới có khả năng, điều kiện thâu tập và đúc kết toàn thể. Vì chỉ ghi được biến cố qua một vài khía cạnh, với những người, đơn vị lâm chiến quen thuộc; người viết xin tạ lỗi do những thiếu sót mà một cá nhân không thể nào tránh khỏi, và đã phải viết lại từ một khoảng ngày tháng quá gấp rút.
(*): Phá lớn giữa hai tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên, do ba sông Thạch Hãn, sông Bồ và Sông Hương đổ vào.

(**): 1945; 1968.

Viết lại,

Ngày Quân LựcVNCH,

Tháng 6, 1998.

Mùa Hè, Đất Mỹ.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 2
Charlie

Tên nghe quá lạ
Quả tình nếu không có trận chiến mùa Hè 1972, thì cũng chẳng ai biết đến Charlie, vì đây chỉ là tên quân sự dùng để gọi một cao độ nằm trong chuỗi cao độ chập chùng vùng Tân Cảnh, Kontum. Charlie, "Cải Cách" hay "C," đỉnh núi cao không quá 900 thước trông xuống thung lũng sông Pô-kơ và Đường 14, đông-bắc là Tân Cảnh với mười hai cây số đường chim bay, đông-nam là Kontum, thị trấn cực bắc vùng Tây Nguyên. Charlie bị bao vây bởi Căn Cứ 5, Căn Cứ 6 ở phía bắc, những mục tiêu quân sự nổi tiếng, những vị trí then chốt giữ cửa ngõ vào Tân Cảnh mà bao nhiêu năm qua, bao nhiêu mùa hè, mùa mưa rào, báo chí hằng ngày trong và ngoài nước phải nhắc tới khi những hạt mưa đầu mùa rơi xuống vùng núi non, cạnh sườn cực tây địa giới nước Nam.
Năm nay, sau bao nhiêu lần thử thách từ mùa mưa 1971 qua đầu xuân 1972, Bắc quân vẫn không vượt qua được cửa ngõ hai căn cứ số 5, số 6, thế nên cộng quân đổi hướng tiến, lòn sâu xuống phía nam hai căn cứ trên để tiếp tục sự nghiệp "giải phóng" với mục tiêu cố định: Tân Cảnh, cắt Đường 14.
Vòng đai Lữ Đoàn II Nhẩy Dù nằm về phía trái quốc lộ có hình cánh cung bắt đầu bởi căn cứ Anh Dũng ở cực bắc đến Yankee hay Yên Thế, ngã lần xuống nam với Charlie, Delta, Hotel, Metro và chót hết là Bắc Ninh, phía đông Võ Định, nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn. Vòng đai này có nhiệm vụ che chở phía trái đường 14, phát hiện sự di chuyển từ đông sang tây của địch xong dùng phi pháo để tiêu diệt. Đây là lý thuyết chiến thuật,quan niệm hành quân của phía cộng hoà đối với

mục tiêu và hướng tiến của phía cộng sản hằng bao nhiêu năm. Nay địch thay đổi đường đi và quân ta lập vòng đai nhẩy dù... Yankee, Charlie, Delta bắt đầu được đặt tên để tiếp nhận định mệnh tàn khốc trong cuộc chiến trùng trùng. Đoạn sau kể về trận đánh ở Charlie, trận đánh nhỏ của một tiểu đoàn nhẩy dù, nhưng điển hình cho toàn thể bi hùng cực độ về người Lính Chiến Việt Nam.

Đến đây,
Người gặp Người
Đường mòn trên đất Lào khi chạy đến vùng Ba Biên Giới phía đông cao nguyên Boloven chia ra hai nhánh; nhánh thứ nhất từ Chavane đâm thẳng biên giới Lào-Việt xuyên qua dãy Chu Mon Ray để nhắm vào Darkto; nhánh thứ hai từ Bản Tasseng qua trại Lệ Khánh, và Kontum là mục tiêu cuối cùng của quan niệm chiến thuật Bắc quân: Phải chiếm giữ thị trấn cực bắc nầy để làm bàn đạp lần tấn công Pleiku, rồi từ đây tiến về phiùa đông, xuống bình nguyên tỉnh Bình Định. Gọi nhánh thứ nhất là nhánh Bắc và nhánh thứ nhì là nhánh Nam. Trong chiến dịch Xuân-Hè 72 của Mặt Trận B3 (chiến trường Tây Nguyên), đường rẽ phía Bắc được sử dụng, từ đỉnh 1773 của núi Chu Mon Ray, con đường không thể gọi là một nhánh nhỏ của "đường mòn ****" nữa, nhưng phải gọi đó là một "Bypass" của một cải lộ tuyến phẳng phiu trơn láng, chạy ngoằng ngoèo qua các cao độ, đổ xuống những thung lũng hun hút của dãy Big Mama Mountain rồi bò theo hướng đông đến đỉnh Kngok Kon Kring. Đỉnh núi này cao quá, con đường phải quẹo qua trái, đi lên cao độ 960 và tạm dừng lại. Dừng lại, vì phía đông, hướng trước mặt chỉ cách mười cây số, con sông Pô-Kơ dậy sóng... Con sông ầm đổ qua ghè đá, ào ào đi giữa rừng xanh núi đỏ. Bên kia sông, Quốc Lộ 14 chỉ khoảng trên dưới sáu cây số và đầu con đường là Tân Cảnh, mục tiêu của bao chiến dịch.Từ ngày chiến tranh "giải phóng" bùng nổ.
Đây rồi, "...nồi cơm điện National" đây!! Tân Cảnh hấp dẫn ngon lành như cô gái yếu đuối hớ hênh thụ động nằm dưới thung lũng bát ngát ở đằng kia. Bộ đội ta tiến lên! Nhưng không được nữa, con đường đã bị dừng lại, và bộ đội ta dù được "tùng thiết", dù được đại pháo "dọn đường" cũng phải dừng lại, vì đỉnh 960 chính là bãi đáp C, là cứ điểm Charlie và Tiểu Đoàn 11 Nhẩy Dù đã xuống LZ (*) này từ ngày 2-4. Con cháu Bác và Đảng phải ngừng lại bố trí trận địa.Nỗ lực kinh khiếp kéo dài trên năm mươi cây số đường núi, từ ngả rẽ đất Lào

phải dừng lại vì chạm phải “sức người”.Ở đây - Người đã gặp nhau. Vực thấp, đỉnh cao, bạt núi, xẻ đèo, những con người cuồng tín và tội nghiệp của miền Bắc đã làm được tất cả. Con đường núi của Tướng Stiwelle từ Miến Điện đến Trùng Khánh, Trung Quốc năm 1945 đã là một sự khủng khiếp - Đường xuyên sơn vạn dậm, dài thật dài, quanh co khúc khuỷu lớp lớp giữa núi rừng nhiệt đới, con đường nổi tiếng đúng như tầm vóc và giá trị của nó - Cả nước Tầu sống bám vào cái ống cứu nguy thậm thượt hun hút này. Vào thời điểm đầu thế chiến, nước Tầu, đồng minh “tuyệt vời cần thiết” của người Mỹ dễ thương cần phải sống để chống đỡ trục Bá Linh - Đông Kinh. Con đường quả đáng tiền và đáng sợ. Nhưng đường này làm bằng máy, dưới sự yểm trợ và che chở của các “Ong Biển” hảo hạng, những người lính công binh chiến đấu hãnh diện của Mỹ Quốc giàu sang hùng mạnh. Năm mươi cây số đường xuyên sơn của “bộ đội ta” thì khác hẳn. Bộ đội đào bằng tay trong đêm tối. Bộ đội lấp hố dưới tấm lưới lửa thép của B52, trên những giải thảm tử thần dầy lệnh bom bi CBU. Sức người và lòng cuồng tín ghê gớm đã vượt qua giới hạn. Đấy không còn là người với thịt da biết mệt mỏi đau đớn, cũng không là người với trí óc biết nguy biến và sợ hãi. Bắc quân, khối người vô tri tội nghiệp chìm đắm trong ảo tưởng và gian nguy triền miên. Con đường sạn đạo vào đất Ba Thục tân thời được hoàn thành từng phân từng thước... Bắc quân theo đó đi về Đông.
Nhưng đến đây, ở cao độ 960, người lính Bắc Việt không tiến được nữa vì đã gặp “người”- Người rất bình thường và giản dị. Người biết lo âu, sợ nguy biến. Người có ước mơ và ham muốn vụn vặt. Những người không thần thánh hóa lãnh tụ và tin tưởng Thiên Chúa cũng chỉ là bạn tâm tình. Nhưng đó cũng là những người lính đánh giặc “tới” nhất của Quân Lực Miền Nam, chỉ huy bởi những sĩ quan miệt mài trên dưới mười năm trận địa. Những sĩ quan biết đánh hơi rất chính xác khả năng và ý định của đối phương. Bắc quân dừng lại giữa đường, ảo tưởng bị công phá và tan vỡ- Họ gặp lính Nhẩy Dù Việt Nam.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 3
Trận Đánh Trên Cao Điểm

Anh Năm (Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, Tiểu Đoàn Trưởng 11 Dù) bố trí quân “hết sẩy”. Cứ điểm C hay Charlie chính thống, cao độ 960 giao cho “thằng 1”, đại đội 1 do Thinh, trung uý khoá 25 Thủ Đức chỉ huy. Thinh trẻ tuổi đời lẫn tuổi lính. Thinh có vẻ yếu trước mắt mọi người vì Thinh...đẹp trai! Đã đẹp trai, tốt mã thì đánh giặc hơi yếu. Chẳng hiểu sao phần đông là như thế?! Những anh có vẻ tài tử, ăn nói ngon lành, rỗn rãng thường hay lạnh cẳng... Nhưng nghĩ cho kỹ thì cũngcông bằng thôi, con người mà, được cái nầy thì mất cái kia. Nhưng anh Năm dưới cái nhìn sắc sảo của con ó, kèm theo “suy tư “ của phó Mễ đã chọn Thinh để giữ Charlie vì cả hai người chỉ huy đều chắc một điều: Đây là một tay “dur”, loại liều, thứ “kép trẻ đang lên” của trận địa. Thinh được lãnh hãnh diện “Nhất kiếm trấn ãi” và những ngày sau Thinh đã chứng tỏ, người chỉ huy mình đã không nhầm lẫn. Phía bắc của C giao cho đại đội 3, do Hùng “mập” làm đại đội trưởng. Hùng chỉ là đại uý thôi, nhưng “người” có đủ tác phong và khả năng để “tiến” xa hơn. Vì “người” cũng là tay văn nghệ, “lãnh tụ” sinh viên, có kích thước cơ thể và tính chất của tướng Thắng, ông “tướng sạch nhất “ của quân đội và cũng là ông tướng học giỏi nhất!! Nhưng giờ nầy Hùng chỉ là “simple captain” nên cam phận dẫn quân lên trấn giữa phía bắc Charlie, căng mìn bẩy, đào hầm chờ con cháu Bác, những chiến sĩ Điện Biên... Điện Biên cái con bà nhà nó, lúc xưa bố nó đánh Điện Biên chứ đâu phải nó hôm nay, trong họ tôi có ông chú làm tiểu đoàn trưởng đánh cái Điện Biên khỉ gió kia... Bây giờ tụi nó là cái chó gì..Chẳng nhẻ tôi là lính Tây cà-lồ sao?!! . Phần còn lại tiểu đoàn lên cao điểm 1020 hay C2. Anh Năm bảo Mễ:
- Mình giữ hột lạc (cao độ bản đồ thường tượng hình hột lạc) này vì phiá nam tao chắc toàn tụi nó, lệnh hành quân bắt buộc mình phải giữ cửa thằng Charlie. Kẹt lắm, trước sau gì tụi nó cũng phải chiếm thằng Charlie nầy, và mình thì chỉ việc “thủ”?! Bố khỉ, thôi đã xuống đây thì phải giữ chứ biết làm sao, hôm đi họp hành quân được nhận tin tình báo từ quân đoàn, sư đoàn 320 (Sư đoàn Điện Biên cộng sản) đã rút về tây, vào đất Lào!!
- Anh Năm yên chí, mình “hơn tiền “ tụi nó!! Mễ chắc giọng.
Nhưng thật ra tất cả chỉ là những câu nói bề mặt, phần trong, đằng sau lý luận và phân tích, do những kinh nghiệm và nhạy cảm riêng về chiến trường, mọi người đều có chung ý nghĩ: Xong rồi, mình đã lọt bẫy!! Bởi, chiến tranh miền núi là chiến trường giữa những cao điểm; đành rằng C và C2 cũng là những cao độ, nhưng 960 và 1020 làm sao chế ngự được những đỉnh 1773, 1274, 1512 của rặng Big Mama

Mountain và tiếp theo một dãy đường đỉnh nam rặng Chu To Sang... Và pháo binh của tụi nó. Pháo và kèm theo một "rừng cối", gồm một hệ thốngsúng cối có đường kính từ 80 ly trở lên hoặc sơn pháo bắn thẳng... Sự thông minh và tinh tế về chiến trường của toàn bộ sĩ quan tiểu đoàn ngừng lại ở đây. Họ không dám nghĩ thêm. Phần lệnh hành quân đã giao cho họ một đỉnh núi trơ trọi để sửa soạn vinh quang cùng cái chết. Họ chỉ có một đỉnh Charlie đang hừng hực bốc hơi dưới nắng hè hạ chí trời Tây Nguyên. Định mệnh, sức mạnh khắc nghiệt khốn kiếp đã bắt phải như thế. Tiểu đoàn 11 Nhẩy Dù không còn khả năng chọn lựa. Như cuối cùng cái chết thế nào rồi cũng phải tới cho dù người lính hằng chiến đấu quyết liệt bao nhiêu.
Ngày 6, cứ điểm Delta ở phía Nam bị đánh. Đúng chiến thuật, lính ông Giáp tưới xuống một trận mưa pháo, cối và hoả tiễn. Đêm thật dài, người ở Charlie chờ đợi và theo dõi...Tiên sư, tụi thằng Mạnh (Tiểu đoàn 2 Dù giữ Delta) bị rồi.. Xem thử tụi nó đánh đấm ra sao? Bộ chỉ huy tiểu đoàn 11 Dù chong mắt vào loa khuếch đại máy truyền tin để nghe kết quả... Trời sáng dần, Delta lấy lại được, quân ta thắng. Anh Năm nhìn Mễ:
- Mầy thấy đấy, chúng sẽ chơi với mình cũng với cách nầy, chúng sẽ lấy kinh nghiệm ở Delta để "dứt điểm" mình. Toàn thể bộ chỉ huy im lặng. Mọi người đều có ý nghĩ chung. Bao giờ đến lượt mình? Baogiờ?
Nhưng anh Năm không thụ động, con hổ dù bị nhốt trong chuồng vẫn còn nguyên phong độ, uy lực riêng. Không cần phải luận lý lâu lắc. Đây, quyết định của anh:
- Mễ, mầy đem hai thằng 2 và 4 (Đại đội 2 và 4) lên chiếm cho tao cái nầy. Anh chỉ vào một cao điểm ở nam C2. Nếu chiếm được mình sẽ cho một thằng lên giữ nó, mình đã bị phân tán mỏng thì cho mỏng luôn, càng mỏng càng tốt, tránh được pháo, đỡ bị tụi nó vây... Mầy nghe chưa?
Mễ gật đầu, anh năm thấy, nó cũng chung ý nghĩ. Đã vào bẩy thì tìm cách thoát ra, một đỉnh núi không thể là vị trí cố thủ. Tôi nghe anh rõ. Mễ trả lời. Trời vừa sáng, Mễ quay bảo Hải, sĩ quan trưởng ban 3(Ban hành quân),
- Ông cho hai thằng 2, 4 chuẩn bị, mình đi làm ăn. Không thể ngồi đợi tụi nó tới đây rúc rỉa, cấu xé được...
Ba đợt xung phong không thành, Bắc quân quả không dại dột bỏ vị trí rất nhiều ưu điểm; cũng bởi sườn quá dốc, quân ta dù can trường, dùng tay lẫn chân cũng không thể nào "chạy" qua được hàng lưới lửa của 12ly7 (đại liên phòng không hoặc chống chiến xa) hoặc sơn

pháo 75 ly bắn thẳng!!
- Cho thằng Mễ lui! Anh Năm bảo Hải. Trán cau lại, anh nhìn xuống đất, gỡ kính, chớp mắt, nói nhỏ sau tiếng chặc lưỡi : Mình bị một con dao đâm lút cán vào lưng!!
Những ngày sau tương đối bình yên, hằng ngày các đại đội tung các đứa con ra xa lục soát, chỉ trừ đườngvề phía nam, nơi tụi "khốn nạn" đang chui trong núi. Làm sao"móc" chúng ra được? Bom thả xuống hằng ngày, nhưng chỉ là bom miểng... Mẹ...hầm tụi nó đào theo chữ U hoặc con c... gì gì thì làm sao bom "lách" vào được?! Anh Năm đi lại trên đỉnh đồi nhìn bốn hướng trùng trùng và xa xa trong ánh nắng về phiá Tây, cuối con đường trong vùng núi Lớn có lớp bụi mù...
...Xe chúng nó! Xe chúng nó! Tăng hay GMC của tụi nó...Bom!! Bom... Gọi lữ đoàn Hải,
- Để em gọi, nhưng Molotova chứ đâu phải GMC, anh Năm!
- Thì đấy là GMC của Nga, mầy biết mẹ gì!!
Đàn em thì bao giờ cũng 'chẳng biết mẹ" gì. Anh Năm vốn hay phủ đầu như vậy. Nhưng đấy chỉ là một cách nói, bởi anh rõ ưu điểm của từng người như một máy ghi âm cực tốt. Máy bay ta ào tới, con đĩ "Lan 19" lượn một vòng trên vùng chỉ định, cho "ra" một trái khói... Khu trục nhào xuống tiếp theo, bom nổ dâng cột khói lên cao.
- Tiên sư, bom ném thì hay nhưng sợ tụi nó trốn rồi, nó lại không trốn luôn mà quay trở lui về phía mình thì bỏ mẹ...
Sau cơn bom, khói bay lên không trung, qua bóng nắng đằng xa thung lũng lại có lớp bụi mới bồi từng chập...
...Tăng! Tăng...tăng nữa, đông quá, tụi nó chưa bị... Tiên sư, nó trốn ở đâu nhỉ? Trên đồi cao, anh Năm đứng im như con báo nhìn lũ sài lang tiến tới hằng hằng lớp lớp. Làm gì được bây giờ... Không lẽ xin thêm phi tuần khu trục?
Ngày 11, trận địa pháo bắt đầu. Pháo thật sự của 122 và 130 ly ào ào trútxuống C1, C 2, C3...Không phải từng trái, nhưng từng chùm, từng loạt... Một, hai, ba....Hải cố gắng đếm,
- Mầy làm gì thế, điên sao em?! Anh Năm vừa hỏi vừa cười,
- Mình gắng đếm để báo cáo cho chính xác!!
- Thế thì mầy phải đếm hàng chục một, một chục, hai chục... Tụi nó đâu "đi tiền" lẽ!!
- Tụi nó "chơi" tôi!Thinh ở Charlie báo cáo qua máy.
- Mầy giữ nỗi không? Anh Năm cướp ống liên hợp máy truyền tin trên tay Hải.
-Trình " đích thân", suya là tôi giữ được, xin cho pháo mình nổ gần tôi thêm chút nữa...

Pháo căn cứ hoả lực Võ Định (Nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn) bắn tới tới trước, rơi xuống sườn phía đông Charlie... Đạn 105 và 155 nổ từng trái một, khói bụi tung lên trông rõ.
... Mẹ, bắn gì "quí phái" vậy, nó tấn công chính diện ở phía tây, mầy xin pháo căn cứ 5 bắn xuống dễ ăn hơn!!
Hải bốc ba, bốn cái máy truyền tin một lúc, năm ngón tay chuyên "xoa", "nặn" di chuyển trên giàn ống liên hợp lẹ như chớp... Thằng nầy gọi là "Hải khều" cũng phải, nó khều cái gì đúng cái đó!! Anh Năm phịa câu khôi hài đúng lúc, Hảinheo mắt cười thích chí.
Pháo căn cứ 5, và hai căn cứ Sơn Tây, Mạnh Mẽ cùng ào xuống, vây quanh Charlie vòng đai lửa. Đấy! Đấy...phải như thế mới được. Anh Năm gật gù tán dương, đồng lúc tiếng Thinh vang vang qua loa khuyếch đại,
- Trình đích thân cứ cho gà nó "đá" như thế, em đánh tụi nó de ra như đuổi con nít... Tốt! tốt...cho gần hơn năm mươi thước nửa thì tốt hơn, ngay trên tuyến em cũng được!!
Bốn mươi lăm phút sau, pháo im bặt, cả ta lẫn của địch. Anh Năm lên hầm chong ống nhòm xem đại đội 1 bên đồi C lục soát chiến trường. Súng và xác bộ đội cộng sản nằm lềnh kênh chật kín đồi đất đỏ.
- Nó đánh thằng 1 là để dợt chơi, cú dứt sẽ với mình,
- Trung tá, trên họ không tin nó pháo mình bằng 130 ly?! Hải báo cáo, giọng mỉa mai.
- Gì? Anh Năm chỉ gắt được một tiếng. Như thế là người đang nổi cáu. Trường hợp nầy vốn rất ít, vì anh vốn trầm tỉnh, sự giận chỉ đến sau chót, khi dã cuối cùng chịu đựng.
- "Họ" bảo mầy sao? Chữ "họ" được gằn xuống khinh thị!!
- "Họ" bảo mình kiếm mảnh 130 để gởi về!! Chữ "họ" thứ hai qua cách nói của Hảicũng đắng cay không kém.
- Đến đây mà kiếm, muốn thấy súng của chúng thì cũng đến đây, tao như thế nầy không lẻ la hoảng, báo cáo láo sao?! Anh đá một hòn đất bay tung... Mẹ, nó xài toàn đạn delay (*) mới thế nầy đây! Câu nói ngắn đau đớn của niềm phẫn nộ tuyệt vọng.
- Cho sửa sang hầm hố, ngày mai gì tụi nó cũng "chơi " lại. Trước khi bước đi, anh quay sang Hải, dặn thêm: Mầy trình với lữđoàn, để nói với quân đoàn, đây là đạn 130 ly thật. 130 ly xuyên phá. Mầy bảo tao nói thế.
(*)Đạn đầu nổ chậm, dùng xuyên phá công sự
Đêm xuống thật mau, đêm của núi rừng thẩm màu và đầy bóng tối đe doạ. Sao trên cao lấp lánh, sương mù đùn lớp... Đêm như có hình

khối chuyển dịch. đêm chất chứa che dấu hàng ngàn sinh vật đang bò dần vào cứ điểm. Đêm cũng vô cùng im lặng, nhưng nỗi im lặng kinh dị như khoảng cách từ khi viên đạn ra khỏi nòng súng và sắp sửa “chui” xuống mái hầm, hố phòng thủ. Trong bóng tối, mấy trăm con người trên ba cứ điểm dựng đứng đôi mắt xuyên thủng qua bóng tối. Và chờ. Ngủ chỉ là khoảng cách ngắn để đối mắt khép lại, đầu gục xuống, xong giật mình tỉnh giấc với nỗi “lo lắng” như vừa qua cơn mê thiếp dài, và trong khoảng khắc “dài thăm thẳm chóng vánh” nầy, hình như quân địch đã tiến sát gần hơn!! Tiểu đoàn 11 Dù qua đêm trong chập chờn sắc buốt với cảm giác viên đạn vô hình đang bay thẳng vào mặt. Có ráng hồng bên kia núi... Ngày đã tới. Ánh sáng đẹp âm vang hân hoan, như ân huệ nồng nàn vừa được sống sót qua thêm một đêm.

Chương 4
Ngày Cuối Của Một Người

Ngày 12 bắt đầu. Lính cong lưng xuống trên đất để đào thêm độ sâu... Càng sâu càng tốt. Tỷ lệ được sống sót là độ sâu của lớp đất đá vô tri nầy. Đất được đổ lên mái. Con người chui lọt vào giữa đất đá, tội nghiệp và thụ động như con sâu ẩn mình trong tổ. Pháo sẽ đến lúc nào? Nổ ở đâu? Câu hỏi âm thầm vang vang trong đầu hàng trăm con người. Trên ba cứ điểm im lặng chỉ loáng thoáng bay những sợi khói mỏng manh. Khói của cơn pháo cuối cùng chưa dứt độ nóngtrong đất. Chỉ tiếng cuốc đục đều đều vào đất đá như hơi thở bị ngắt khoảng.
Trong hầm chỉ huy, anh Năm chỉ những điểm ước tính Bắc quân đặt súng,
- Chắc chắn chúng chôn súng ở đây... Anh chỉ ngón tay trên các đỉnh Kngok Toim, Kngok Im Derong. Toàn là cao độ trên 1500 thước, ở đấy, tụi nó thấy mình rõ như ở đây mình thấy thằng 1 dưới Charlie. Ngày hôm qua nó bắn mình không trật một phát ra ngoài. Mầy xin mấy phi tuần để sẵn, có gì mình dội xuống liền. Dội ngay trên tuyến mình cũng được. Xong, ông Mễ và Bác sĩ Liệu về hầm đi, đừng tụ vào một chỗ.
Mễ và Liệu đứng dậy,

- Chào trung tá. Anh Năm gật đầu. Hình như anh gượng cười. Có điều gì khó khăn sắp xẩy ra? Không ai biết, nhưng âm tiếng mọi người có điều gì khang khác, buồn buồn... Tai ương nguy biến chực sẵn đâu đây đã làm người hoá nên tê liệt, rã rời. Cũng thật do chờ đợi quá căng thẳng giữa vũng tối, dầy bóng đêm.
- Thôi, tôi về, có gì tôi chạy qua với anh. Hải không để ý tiếng "anh" bất bình thường nói trong hơi thở hụt. Người chỉ huy đứng dậy, Hải tiển anh ra cửa hầm. Anh bước lên nặng nề, chậm chậm, lưng cong xuống. Anh đi trên đất đá đào xới với dáng dấp của con hổ bị thương khi trở lại, rừng xưa nay đã hoang tàn.
11 giờ 5 phút, pháo lại bắt đầu... C2 bị nặng hơn C và C1. Theo thói quen, Hải nhẩm tính tính từng chục trái một; hắn hét lớn báo cáo với lữ đoàn,
- Tôi và hai đứa con củng bị một lượt, toạ độ đặt súng ở yếu tố cũ... Không ước lượng được, hai trăm trái rồi... tụi nó đang tấn công C!! Bắc quân từ Tây và Tây-Nam đồng nhào lên C, những người ở C2 nhìnxuống sườn đồi lúc nhúc những bóng áo vàng đục di chuyển chậm chạp, lui tới...
-Nó đánh giặc gì kỳ vậy? Người hạ sĩ quan hành quân hỏi Hải.
-Tụi nó "điên", chẳng phải "điện biên" mẹ gì cả,đéo thấy ai ngu bằng tụi nó,
Lính đại đội Thinh nhỏm dậy khỏi giao thông hào, súng bắn không cần nhắm, lựu đạn ném không cần lấy đà. Ta và địch cách nhau không đầy một tầm lựu đạn. C2 vẫn im lìm dưới trận mưa đạn và lửa... Tám trăm trái rồi... Chưa đầy một tiếng, nó đã nổ hơn tám bớp!! Hải ngồi bẹp trên đất, nón sắc chụp xuống, lẫm bẩm những câu vô nghĩa với chính mình. Qua máy truyền tin nội bộ (giữa các đại đội và ban hành quân tiểu đoàn), tiếng chuyển lệnh của Thinh nghe chững chạc, tự tin, "... đợi tụi nó đến gần rồi hẳn bắn, nó chỉ là lính con nít, bây là nhẩy dù mà để thua là yếu lắm đó...". Hải cố mỉm cười nhưng nụ cười không thành dạng. Pháo vẫn nổ như cơn địa chấn như xoay chiếc hầm nghiêng ngã... Tụi nó đòi dứt đứa con của mình... Ờ mà sao chẳng nghe anh Năm gọi qua gì hết... Có chuyện gì không nhỉ. Trí não Hải đã cứng trơ. Hắn không nghĩ được điều gì hơn.
Mễ không buồn nghĩ đến số vũ khí của hai đại đội 1 và 3 tịch thu được. Anh Năm chết, là tiểu đoàn phó, Mễ tự động lên thay thế. Trách nhiệm quá nặng với tình thế kẹt cứng. Và anh Năm, người đàn anh thân mến từ bao nhiêu năm, gian nguy, khổ nhọc bao ngày dài cùng chia sớt. Vĩnh biệt anh, hầm bị ba trái cực mạnh, chịu làm sao thấu... Sao cuộc đời chỉ dành cho anh toàn hoạn nạn. Hoạn nạn của

ba mươi năm ở đời chưa đủ sao?
Mễ, Hải, Liệu nhìn nhau... Trời chiều cao nguyên sẫm bóng nắng. Đêm sắp đến. Đêm với chiếc bẫy sập xuống từ từ, lũ người tuyệt vọng nhìn thấy những tia gân máu đỏ đục loáng ánh sáng phẫn nộ hấp hối trong mắt nhau.
Liệu cho lệnh những người lính y tá đào đất lên, mang anh ra ánh sáng. ngoài vết thương ở tim, người anh tím bầm từng chỗ, chiếc kính vỡ, mắt nhắm, miệng hơi mở để lộ ra những răng cửa. Hải ngồi xuống, rờ vào xác anh còn ấm, đập mấy cái lên áo. Lớp bụi mờ đục bay bay...
- Để tôi rửa cho ông ấy,
Liệu ngồi xuống với bông và cồn. Thi thể anh trầm trầm dưới nắng Tây Nguyên đẫm màu vàng rực. Hết. Mười hai năm chiến trận chấm dứt phút nầy đây trên cao độ 1020. Trông về bốn hướng chập chùng đồi cao tiếp núi thẳm.
Trường Sơn ác độc nhận thêm một hình hài.

Chương 5
Đốt Charlie

Bây giờ là buổi chiều. Buổi chiều với nắng vàng và gió lộng. Không còn tiếng nổ trong không gian, ba mỏm núi bốc những sợi khói nhỏ, mờ mờ hơi nóng. Nóng không phải hơi nắng mặt trời nhưng do âm ỉ của thuốc súng chưa kịp tan, còn lẫn khuất nơi cây cỏ, đất cát.
- Thiếu tá... Hải gọi nhỏ Mễ. Lúc riêng rẽ, ít khi hai người gọi nhau bằng cấp bậc, nhưng bây giờ, tình hình đã khác, trách nhiệm và bổn phận quá đổi nặng nề, thêm xúc động trong lòng qua cái chết của người chỉ huy. Hải nhắc nhở Mễ,
Thiếu tá, tổng kết là mình chết 20, 40 bị thương cần di tản,
Mễ gật đầu, đưa mắt nhìn hỏi Liệu...
- Đúng vậy! Liệu đáp nhỏ. Anh toubib hết đồ nghề, nhìn xuống xác anh Năm, như một cách lẫn tránh.
- Dạ, có ông Hùng muốn nói chuyện với thiếu tá. người lính truyền tin đưa ống liên hợp cho Mễ.
Tiếng Hùng ở C1, vọng trong máy: Trình Mê Linh (danh hiệu truyền tin của Mễ), ở tôi thì không có gì, nhưng từ sáng tới giờ sao chẳng

nghe 008 (Tiểu đoàn trưởng) nói gì với tôi hết... Giọng Hùng mang vẻ trách móv xa vắng, ắt hẳn hắn đã linh cảm được tai nạn xảy ra. Mễ nhìn xuống xác anh Năm, đôi mắt đỏ mệt mỏi chớp chớp, hình như có giọt nước mắt lưng tròng,
- 008 đã bắt tay với ông Phan (Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 1 Dù, đã tử trận Hạ Lào, 1971), biết thế thôi, đừng nói cho ai hay...
- Dạ, tôi nghe rõ Mê Linh. Hùng không còn hơi sức để hỏi gì thêm. Súng lại nổ dưới Charlie. “Cất” anh Năm lại, đừng cho lính biết. Tất cả ra giao thông hào. Mễ ra lệnh ngắn. Lời nói đanh cứng, dứt khoát. Trong ráng chiều, những người lính ở C1 và C 2 chăm chú theo dỏi trận đánh nơi cao độ C.
Bắt đầu, cối và sơn pháo từ những cao độ phía Tây bắn từng nhịp bốn trái một vào căn cứ, xong bộ binh sư đoàn Điện Biên từ hai hướng Tây, Tây-Nam xếp hàng như đi điễn hành tiến vào...
- Đúng là tụi nó điên rồi, không điều động, ẩn núp gì cả... điện biên cái con c...!! Lính ở C1 và C2 dồng đứng dậy khỏi giao thông hào chơi trò chơi mới,
- Mầy bắn vào cái hố có bốn thằng núp dưới kia, nếu trật thì để tao. Hai người lính đại đội 112 thách nhau dùng súng phóng lựu M 79 và hoả tiễn cầm tay M72 từ đồi cao bắn xuống. Trái đạn bay đi khoảng ngắn, đất bụi bay lên... Bốn thân xác phơi trần trụi, vật vã, lăn lóc. Người lính nhỏMiền Bắc đi giải phóng ai đây; trong phút chốc họ đã trở nên thành những bia thịt sống thậm vô ích và chết với gía qua rẻ. Cuộc tấn công vào cứ điểm C kéo dài năm đợt. Lính Thinh đánh tỉnh táo, chắc chắn. Nhưng bỗng nhiên, Mễ có quyết định: Rút nó về, nhỡ tối nay, nó hết đạn thì sao...
Hải gọi liền máy, bảo Thinh,
- 401 (Thinh) đây 06 (Hải), anh xếp va-ly lại, nhớ mang theo mấy thằng rách áo, về ở với bố mẹ...
- Vâng, vâng, tôi nghe rõ, tôi cũng có ý định đó vì kẹo gần hết, nhưng sợ 008
và 007 (Tiểu đoàn trưởng và phó) hiểu lầm. Tội nghiệp chưa, đến giờ nầy, Thinh vẫn không biết người anh cả của tiểu đoàn đã đi khuất. Trong âm nói của Thinh vang động mối hân hoan vui sướng” về với bố mẹ”. Thinh đâu tiên đoán được đến lượt mình ở ngày mai?!
Đại đội 111 rút được về C2, năm giờ chiều, trời chỉcòn chút ráng đỏ, gió lạnh... Đỉnh Charlie trống trải cháy ngọn lửa điêu tàn. Và trong hoang vu hấp hối của cỏ cây, hằng trăm người lính Bắc Việt, “những chiến sĩ Điện Biên của sư đoàn Thép, đơn vị vang danh bốn chiều lục địa, những người lính Quân đội Nhân Dân của nước Việt Nam

Dân Chủ Cộng Hoà", tất cả đồng nhào lên Charlie một lượt... Những "bàn chân gang thép mang linh hồn vũ bảo vào Nam giải phóng, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược"đồng chạy mau hơn, nhanh hơn... Để cùng lăn lộn, giành giựt trên vùng đất vỡ nát, lầy lụa xác người và hơi thuốc đạn. Như một cơn đồng nhập quẩn trí, tất cả đồng vất bỏ vũ khi, dùng tay trần cào, xới, bới, móc... Đám lính đói sưđoàn Thép kiếm thức ăn. Họ tìm gạo sấy, thịt hộp và C Ration. Cuối đường giải phóng, những "chiến sĩ Điện Biên anh hùng" tìm ra "vinh quang đích thực" nơi những hộp thức ăn chế tạo tại Mỹ, giữa đám xác người Miền Nam họ vừa tàn sát.
... Bom!! Bom!! Đốt cháy tụi nó hết!! Mễ nói như thét,
- Có ngay! Hải "khều" ngay ba phi tuần Napalm; toán lính Bắc định tháo chạy, nhưng không kịp nữa. Theo một hướng Tây-Đông chính xác, ba chiếc Skyraider cùng chúi xuống một lúc... Lửa lồng lộng, lửa vàng đỏ trộn khói đen cuộn lên lớp lớp... Trong cỏ cây cháy khét có mùi thịt. Thịt của người và thịt của thức ăn. Lính cộng sản sưđoàn Điện Biên Phủ vinh quangchết trên mục tiêu vừa chiếm lĩõnh - Những hộp thịt thức ăn chế tạo tại Mỹ.
Ngày 13 tháng Tư, Mễ cho đại đội 112 xuống chiếm lại C. Lính của Hùng "móm" vừa từ trên "hột lạc" đổ xuống bị bật lại ngay bởi một hàng rào của cối 60, 82 và sơn pháo 75 ly bắn thẳng từ ngọn đồi phía Tây. Bộ chỉ huy tiểu đoàn không một chút do dự: Cho thằng 2 về, tụi nó hận mình về vụ hôm qua. Lên phía Bắc không được, Mễ thử bung quân ra hướng Đông để tìm bãi đáp. Phải có một bãi đáp bất cứ gia nào, thưlng binh, người chết, xác anh Năm...Tât cả cần phải di tản. Sự hiện diện của những đau đớn nầy làm lòng nặng xuống, cũng có thể gây nên tâm lý phục hận phẫn nộ, nhưng cũng là lần suy sụp lo sợ. Phải di tản gấp số thương binh. Mễ nói với Thinh:
- Ông gắng ra chỗ nầy, (một trãng trống cách C2 khoảng ba trăm thước về hướng Đông), kiếm được LZ(bãi đáp trực thăng), di tản hết thương binh và người chết, tụi còn lại mới yên lòng được. Đừng để cho lính có cảm giác bị bỏ rơi, tinh thần họ giản dị, dễ xúc động. Hơn nữa, mình hết đạn và nước uống. Nhé, ông gắng ra cho được.
- Dạ, thiếu tá để tôi.
Thinh can trường như Triệu Tử Long, dẫn đại đội chỉ trên khoảng bốn mươi người rời căn cứ. Cái trãng trống kia rồi, 50, 40, 30...Gắng chút nữa, mình có nước uống!! Thinh thúc dục người lính. Nhưng không thể được. Bắc quân bắt đầu khai hoả, bốn phía cùng nổ từ các cao điểm chung quanh. Nguy hiểm hơn, địch cắt đứt đường về, quân ở C2 cố ra đón bị chận lại, không thể dùng một thứ vũ khí nào khác

ngoài lựu đạn. tiến không được, thối lui không xong, trên đầu bị vây chụp bởi đạn sơn pháo từ dãy cao điểm phiá Nam dội xuống. Thinh ngã chết. Chỉ còn con đừng nầy cho người lính trẻ. Thinh chết giữa trời, trên đồi cháy. Viên đạn cuối cùng vừa bắn ra. Bóng Bắc quân vây kín.Trái lựu đạn còn lại cũng vừa ném... Người sĩ quan tuổi quá hai mươi ngã xuống bởi chục nòng súng xả đạn vào. Chuẩn uý Ba nhào đến ôm xác Thinh, hứng nốt những viên đạn còn lại.
Mễ nổi điên trong giao thông hào, gọimáy liên lạc với đại đội 111,
- Ở đấy còn có ai?
- Có tôi. Khánh, sĩ quan liên lạc tiền sát pháo binh đáp mau.
- Anh coi đại đội, cố dẫn về lại tôi, có thằng 4 ra đón.
- Tôi nghe đích thân rõ. Người sĩ quan pháo binh gom quân làm một mũi dài. ...Đánh!! Để tao đi đầu, lựu đạn mở hết kíp ra. Trung sĩ Lung, người hạ sĩ quan thâm niên nhất dẫn đầu toán quân, xung trận như mũi tên lửa. Đường về có được rồi, bắn bắn che nhau, Lung về chót... Nhưng còn hai ông thầy!! Lung cố chạy ngược trở lại nơi xác của Thinh và Ba. Một loạt đạn vô tình nào đó... Chầm chậm Lung ngã xuống. Ba xác chết chồng lên nhau bất động.
Hai giờ chiều, Bắc quân mở cuộc tấn công mới, cuộc tấn công công khai, nhắm thẳng vào C2, căn cứ chính.
- Tụi nó dứt mình. Được, mầy "điện biên" tao "nhẩy dù", xem ai hơn ai... Tất cả ai ngồi được, kể cả bị thương, ra hết giao thông hào, thằng nào kêu la khóc lóc, tao bắn chết. Chính tao bắn... tụi mầy để thua, tao bombing vào đây. Chết, chết tất cả!! Mễ gào lên, xong ngất xỉu.

Chương 6
Đốt Charlie (2)

Liệu nói nhỏ, thì thầm sát tai Mễ: Tim ông nó mệt rồi, đừng "gonfler" quá, ông chết luôn, hết người chỉ huy.
Lính sư đoàn Điện Biên thổi kèn xung phong dưới yểm trợ của cối và sơn pháo. Quân ta sau mỗi đợt pháo, đứng khỏi giao thông hào... Vào nữa...vào nữa đi con...Có đứa nào già không mầy? Tao chỉ thấy toàn con nít, đánh tay không tao cũng có thể bóp cổ tụi nó được!! Trước mắt lính nhảy dù, một lớp, hai lớp, những "đứa trẻ" cứ tuần tự

đi tới... Những lớp trẻ con chơi trò đánh nhau. Chơi trò chơi ác độc do ép buộc, tuyệt vọng và vô nghĩa lý.
... Không nương tay với nó... Napalm Hải!!
- Có ngay!!
Hai chiếc skyraider xuống thấp như chưa bao giờ thấp hơn, dưới đất thấy được chiếc mũ trắng của anh pilot; hình như anh muốn nhìn quân bạn, anh muốn chào thăm hỏi như sau mỗi lần thả "líp" dù chót, phi cơ thường hạ thấp cách mặt đất khoảng vài mươi thước để "chào bãi". Ở đây cũng thế, hai chiếc máy bay rà sát xuống coi như gần đụng ngọn cây. Thả bom với cao độ như thế nầy chắc chắn không chệch một thước, bom nổ cháy xém đến tuyến phòng thủ của quân bạn, đám lính Bắc lăn lộn trong bãi lửa, chạy dạt ra xa... Nhưng ô kìa, hai chiếc skyraider không lên được nữa... Lòng can đảm và tình đồng đội đã giết các anh. Các anh đã xuống quá thấp để ném bom thật chính xác, để bung địch ra cho bạn. Các anh đã quên thân mình... Hai cánh đại bàng chúi xuống. Chúi xuống nữa và bốc cháy... Vĩnh biệt các anh! Đám cháy kết thúc trận đánh. thây người cháy đen nằm chật sườn đồi.
...chúng nó đánh, chết như thế để làm gì nhỉ!? Một ngày của hai mươi bốn giờ trên thép đỏ và máu nóng đi qua. Trời tối dần. Đêm xuống... Người lính dựa lưng vào giao thông hào liếm môiâ. Môi anh nóng như miếng vỏ cây bi nung khô... từ sáng đến giờ chưa được uống nước. Anh không còn sức để nghĩ thêm sau chữ "nước".
Ngày 14 tháng Tư tiếp theo. Tính đến hai giờ chiều, C2 nhận hơn 2000 đạn "delay" và nổ chụp. toàn bộ tiểu đoàn 11 co mình trong giao thông hào dưới cơn mưa pháo không dứt đoạn.
... Nó nổ xa mình. Hải thều thào,
- Ừ phía Tây, ngoài tuyến mình. Liệu tiếp lời, gật đầu đồng ý với Hải. Nhưng thật ra cả hai đều tự dối, pháo không rơi một điểm, một tuyến, pháo chụp toàn thể C2. Pháo tan nát. Pháo mênh mông. Tất cả những lời nói chỉ là cách tự đánh lừa, trấn tỉnh đồng đội và cũng chính mình.
- Hôm nay 14? Liệu hỏi bâng quơ, gợi chuyện trong tiếng nổ ầm ỉ sắc buốt. Mễ Hải không trả lời, đưa mắt dò hỏi. Còn lời nào trong cơn mưa lũ của sắt thép vang độâng nầy ?!
- Hôm nay mười bốn, mai mười lăm, ngày đầy tháng con tôi...
Bốn con mắt lại mở ra. Mễ và Hải không hiểu ý Liệu. Không hể hiểu nổi... Vì Liệu đang nghĩ: Không lẽ ngày đầy tháng con bố lại chết?! " Chết", chữ nhỏ ngắn nầy làm tê liệt hết phản ứng. Chết đến từ tiếng "bục" âm âm nơi xa, sâu trong rặng Big Mama... xong nổ "oành" đâu

đây... Hình như ngay trên đỉnh đầu, trong lòng nón sắc đang vang động u u. Giữa khoảng cách kinh khiếp nầy chữ "chết" hiện ra sáng rực như một giải quang báo, tiếp nổ bùng với toàn hể sức công phá. Tiếp tục... tiếp tục... Bốn cây 130 ly nơi xa nã đạn xuống Charlie nhịp nhàng từng ngắt khoảng ngắn.
Năm giờ chiều, trận mưa đại pháo chấm dứt để cối và sơn pháo 75 ly điểm giọt, bắn thẳng vào căn cứ.
- Xong rồi, tụi nó "chơi' mình lại. Mễ đứng khỏi giao thông hào. Đêm nay là quyết định, mình và nó last fighting... Mễ báo cáo với bộ chỉ huy lữ đoàn,
- Bây giờ tụi nó hết "in coming (pháo kích)", và bắt đầu "ground attack". Không phải Mễ sính dùng tiếng Mỹ, bởi thông thường, những danh từ kia phải được nguỵ hoá, nhưng bây giờ tìm đâu ra thì giờ để dò tìm từng từ trong bảng "Ám danh đàm thoại".
- Nó đánh anh chưa? Viên lữ đoàn trưởng ở căn cứ Võ Định vào máy liên lạc trực tiếp với Mễ.
- Bắc đầu ở hướng cũ, tây và tây-nam, heavy attack,
Tất cả đứng khỏi hầm, đạn súng colt lên nòng, bác sĩ Liệu lúi húi tìm mấy trái lựu đạn... Tôi hết đồ nghề bác sĩ rồi, chơi "đồ chơi" mới vậy, lần sau đi hành quân, tôi mang một khẩu đại liên 60!! Không ai còn sức hưởng ứng câu đùa của Liệu. Mễ nhăn mặt đau đớn, ngày hôm qua bị một quả pétard (thủ pháo, một loại lựu đạn biến chế) nổ quá gần, sức nổ ép cứng xương sườn vào vách hầm, để lại những vết máu bầm lấm chấm...
Trời tối dần, hơi núi đùn lên cao, đậm đặc thêm vì khói súng. Bắc quân đã chiếm được một phần giao thông hào, tuyến phòng thủ của đại đội 114...Trình Mê Linh, nó lấy của của tôi một "khúc ruột". Cho, đại đội trưởng 114 báo cáo với Mễ,
- Hải, nói với lữ đoàn nó vào tuyến mình rồi,
- Tao...tao mệt... nói không nổi, Liệu giúp hộ...
Bác sĩ Liệu, to người, béo mập, đang khom lưng lẫy súng colt lạch cạch như trong phim cao-bồi, chớp ống liên hợp máy truyền tin,
... Dễ thôi, để tôi... Tụi nó cắm được một phần vỏ lạc của tôi... Liệu è à với giọng tỉnh táo đùa cợt,
- Ông phải la lên mới được, đùa thế, ngoài ấy tưởng mình giỡn,
- Giỡn làm sao, không đùa như thế, chẳng nhẻ lại khóc lóc mếu máo sao... Ê... chạy đi đâu!! Liệu quay nòng súng colt về phía một anh lính đang nháo nhát chạy vào khu giao thông hào trung tâm,
- Đi ra, ông bác sĩ không bắn mầy thì tao bắn cho mầy biết chết như thế nào? Mễ hét lớn với người lính... "biết chết như thế nào?!". Mễ

cũng buồn cười vì lời nói của mình... Chết rồi, thì biết chó thế nào nữa?! Ầm! Một trái bộc-pha nổ thật gần, bắn Mễ ngã ngữa người xuống. Mễ lồm cồm bò dậy, sờ lưng,
...bác sĩ, chắc tao bị thương nặng!! Mễ thều thào.
Liệu xoa tay lên lưng Mễ, thân áo rách lỗ chổ...Đếch có gì cả, mảnh nhỏ như bụi, vì ông yếu sức nên ngất thế thôi, đây là hậu quả những cú đấm của thằng Hennessy, Couvoisier trước kia!!
...C... giờ nầy mà mầy còn trêu được!
- Stupid! Why you fire forty-five? Anh vố vấn trưởng, thiếu tá Duffy hét vào tai Liệu,
- I have only this... Mẹ mày, giờ nầy còn why với what....What cái cần câu ông ấy,
Một đợt, hai đợt... năm đợt, Bắc quân tràn vào, bị đẩy ra, lại tiếp tục tràn vào, chiếm được một đoạn giao thông hào, xong lấn dần từng đoạn,
- Không xong rồi, nó nhiều “tiền” quá! Hải lẩm bẩm.
Mễ nhìn Liệu, Hải, cố vấn trưởng Duffy. Tôi muốn ở lại! Mễ chắc giọng.
-Nó vào chỗ thằng 4 (đại đội 4), đang qua chỗ thằng 2, mình hết đạn... Dọt, tôi đề nghị. Hải khôn ngoan, dứt khoát.
- Phải, mình “ra” đi, ở đây chịu không nổi, tụi nó đông gấp mấy mình. Liệu tiếp theo. Chữ “ra” ráo hoảnh trống không.
Mễ im lặng, gở nón sắc ra khỏi đầu,
...No hesitation, the best way... Sir? Duffy, Thiếu Tá Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, người quấn băng loang lổ máu khô, anh đã bị thương ba nơi trên thân, nhưng quyết ở lại với tiểu đoàn. Viên cố vấn, hiểu được phút giây nghiêm trọng đối với Mễ; lần đầu tiên anh gọi người cùng cấp bậc, một thiếu tá người Việt với danh xưng kính trọng, “sir”.
- Đồng ý, cho thằng 2 dẫn đầu, xong đến đại đội chỉ huy và thằng 4 bao chót. Hải, gọi máy qua thằng 3, bảo nó “nhổ neo” ra điểm hẹn nầy. Mễ chỉ một vùng tập trung ở hướng đông-bắc trên bản đồ. Bảo nó đi ngay, mang theo thương binh.
Lần đầu tiên trong đời tác chiến Mễ phải “chạy”, Mậu Thân, 1968, ở Huế, với đại đội chỉ còn ba mươi người, dẫu trùng trùng nguy khốn, Mễ vẫn điều quân phản công chiếm lại cổng thành Thượng Tứ. Nhưng, lần nầy, viễn ảnh toàn bộ tiểu đoàn bị tràn ngập, Mễ không còn cách nào khác hơn.
- Hướng đông-bắc, 800 ly giác, thằng 3 sẽ ra đó với mình. Hải chuyển lệnh cho Hùng “móm”, thành phần xung kích còn lại cuối cùng của đơn vị.

...OK, em nghe, em làm được cái một. Hùng “móm” vẫn ranh mảnh như không có chuyện quan trọng đang xẩy ra.
Đi xuống hoài, vực sâu hun hút, trời tối thẫm và cây rừng đan lưới. Chỉ tiếng lá khẽ động dưới bước chân cùng những thanh âm rên rỉ gầm ghìm trong cổ họng.Đoàn quân lẫn vào bóng đêm như muốn tan thành vật vô hình. Sau lưng họ trên đồi cao, C2 bốc lửa ngọn. Bom đã thả xuống khi người lính cuối cùng đại đội 1 ra khỏi vòng vây. Thương binh nặng và xác “anh Năm”, chuỗi cảnh tượng chập chờn chồng lên trí óc Mễ. Mệt, cảm giác rõ rệt nhất, ba ngày và đêm không ăn, ngủ, chỉ nhấp chút nước lã cầm hơi và cuối cùng, cuộc rút quân trong đêm... Đi nữa đi Hùng, đúng hướng rồi, cứ tiếp tục, phía mặt trời đó, bao giờ đến chỗ trống thì báo tôi. Nhớ liên lạc với thằng 3 ở phía trái, thấy mặt trời thì bảo. Mễ thì thào chuyển lệnh cho Hùng, đại đội trưởng đại đội 1.

Mặt trời chưa thấy, đêm còn dầy. Dầy từng khối lớn mông mênh và đặc cứng. Hình như đã đến đáy một “tan-véc”(khe nhỏ chạy giữa hai chân núi), chân bước lên lớp đất ẩm. Nước! Người lính đặt tay xuống “mặt nước”. Không có, chỉ một lớp lá ẩm mục và đất bùn, khe suối mùa, chưa có nước. Nhưng bàn tay có chút ẩm, người lính lè lưỡi liếm miếng nước vô hình đó .
Qua khỏi “tan-véc”, lên đỉnh đồi, thấy lại sau lưng ngọn lửa ở C2 bập bùng. Bạn bè ta còn đó, sống làm sao được hở trời ?Mễ kiệt lực hỏi,
- Hải, khi chót mình để “anh Năm” ở đâu ?
- Ở giao thông hào, nơi hầm đại liên. Mễ và Hải chỉ nói với nhau được câu ngắn trong đêm. Nguy biến và rình rập vẫn còn rất nhiều. Sao trời chưa sáng nhỉ ?Hùng, gắng đi mau hơn nữa, càng xa tụi nó càng tốt, giữ được súng và thương binh nhẹ như thế này cũng tạm coi như là “đẹp”. Đẹp, hình như Mễ cười chế riễu mình trong bóng tối. Thôi, đừng nghĩ gì nữa, cởi nón sắt cầm tay, bốn ngày đội hoài khối sắt trên đầu, khi cởi ra còn nguyên ảo giác của âm vang tiếng nổ lộng trong lòng chiếc nón kim khí. Mệt quá! Sống rồi! Hùng “móm” kêu một tiếng sảng khoái, bốc máy báo cáo cho Mễ, nhanh như chớp:
- Tôi thấy “nó” rồi phía tay trái tôi.
Mễ nhìn lên tàng cây, trời tím nhạt chưa có ráng nắng, nhưng ngày đã bắt đầu, trãng trống vùng tập trung đã gần đến. Thoát rồi chăng?

Mễ tự tin nhưng cũng rất đầy kinh nghiệm: Nó phục mình ở đây nữa thì tan hàng!! Ý nghĩ kinh khiếp như một mũi dao cực bén cắm ngay đỉnh đầu.Mễ không dám nghĩ tiếp...
- Kêu thằng "Đỗ Phủ" đến tao Hải,
- Duffy come here... Viên thiếu tá cố vấn đang đi sau Hải và Liệu nghe kêu, mỉm cười bước lại. Ba lần bị thương, bốn ngày chiến đấu không ăn, ngủ, Duffy vẫn "cứng" như một khối thép, đầu đội mũ đi rừng, khẩu M18 đặt ngang hông, tự tin và bình thản như một ý chí không lay chuyển. Tiên sư thằng cha này "dur" cả hồn lẫn xác, number one! Liệu nói với Hải khi Duffy qua mặt để lên gặp Mễ. Anh chàng hiểu ý, mỉm cười: Hello Doc!!Trong phút chốc sự việc khủng khiếp của bốn ngày căng cứng như vụt tan đi. Nắng cũng vừa đến, nắng đầu tiên của ngày, lòng người lính duỗi ra theo độ ấm của vệt ánh sáng. Sống được rồi mừng biết bao nhiêu!
- Đây nhé Duffy, vùng tập trung của mình, 113 bên trái, phe ta bên phải cùng "move" lên. Mình làm một cái LZ (bãi đáp), xong "mày" gọi "Tây" đem máy bay tới móc mình ra, OK ?
- OK Do !! "Đỗ Phủ" gật đầu lia lịa... Good...very good, you're the best commander! "Đỗ Phủ" đưa ngón cái lên ca tụng Mễ.
- Tao hay hơn nhiều, cú này bị "kẹt", mày khen làm tao ngượng.
Duffy không biết Mễ nói gì, cười rộng mồm, Mễ cười theo.
Rất cẩn thận, Mễ cho Hùng "móm" và Hùng "mập" cùng lên trãng trước. Hai cậu Hùng "bắt tay" nhau, làm thành vòng phòng thủ, phần còn lại của tiểu đoàn với đám thương binh "bò" lên tiếp... Xong rồi, khá an toàn, giữ được cái trãng là tốt, có đường thoát rồi.Duffy,có tàu bay chưa ?
- OK! Ten minutes, sir!
Nhưng không còn "ten minutes" nào cho Tiểu Đoàn 11 nữa! Một trận mưa rào, mưa đầu mùa... Mưa bởi một rừng cối và sơn pháo từ những cao độ phía đông "tưới" xuống. Bắc quân tấn công bộ từ đông-nam lên. Không hầm hố, không đạn, mệt mỏi, đói khát của bốn ngày đã đến đỉnh cao nhất chịu đựng. Tiểu đoàn 11 Nhẩy Dù lăn lộn, cựa quậy hấp hối trên trãng cỏ tranh trơ trụi dưới lưới chụp đan dầy bởi lửa, khói và mảnh đạn thép... Hàng sống, chống chết! Hàng sống, chống chết! Bắc quân ào ào như nước lũ tràn đi qua con đê bị vỡ. Tiểu đoàn 11 tựa tình cảnh con báo kiệt lực bị vây khốn bởi một rừng ong cực độc! Bây giờ là 8 giờ sáng của ngày 15-4-1972, Tiểu Đoàn Nhẩy Dù mới tinh của Anh Năm, tiểu đoàn đã khoan thủng bức tường thép của cộng quân ở Damber; tiểu đoàn "nướng sống" hai tiểu đoàn của sư đoàn Điện Biên trên cứ điểm C- Thua. Thua đau

đớn và thua vô lý!! Đâu còn có thế để dựa vào. Đâu còn lực để đương cự ?!
Muốn đánh nhau phải có "thế" và "lực".Thế đã mất ngay từ ngày đầu tiên khi bước xuống cao điểm với một nhiệm vụ "phòng thủ" quá mỏng manh thụ động, và lực nào còn nổi sau bốn ngày hay 156 giờ tác chiến căng thẳng trên các cao điểm nguy biến và thiếu thốn toàn diện. Hình như mọi người đều không ăn, uống kể từ ngày 12.Uống, nếu có chỉ là chữ gọi động tác "nhúng" chiếc lưỡi vào nắp bi đông ẩm ướt. Tan hàng!! Những người sống sót còn lại tan biến vào rừng cỏ tranh.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 7
Người ở lại với Charlie,

Charlie tan, trên đất đá điêu tàn chỉ còn vươn vãi khói xám và thây người. Trong đó có Anh- Người đàn anh kính mến đã cùng tôi chia xẻ quãng đời dài. Những dòng chữ viết để nhớ Anh - Nguyễn Đình Bảo.
Ngày 22 tháng 5, ông Nixon đi Nga, không ít thì nhiều chuyến đi ấy đã có tác dụng với cuộc đại tấn công của Bắc quân vào ba quân khu.Rất nhiều giả thuyết về cuộc kịch chiến này được đem bàn tán, nhưng tất cả đều đồng ý: Chuyến đi có ảnh hưởng đến trận đánh và đây cũng là trận cuối mùa, một mùa đại loạn đẫm ướt máu đỏ chảy trên những thân thể gọi là "người Việt Nam". Ngày 22 tháng 5 ông Nixon khởi đầu chuyến đi, ngày 12 tháng 4 anh chết. Sao anh không gắng sống? Anh chỉ cần gắng thêm một tháng rưỡi nữa, nếu chưa chấm dứt, chiến tranh có thể mang những hình thức khác, cuộc đại tấn công này sẽ được đình chỉ lại, hoặc chuyển qua vùng khác... Những vùng dễ đánh để anh có thể tung hoành như anh đã làm nhiều lần trong tháng năm chinh chiến dằng dặt. Và biết đâu chiến tranh sẽ biến thái lại nên thành chiến tranh du kích, anh là tiểu đoàn trưởng đơn vị Nhẩy Dù, làm sao có thể chết được trong những "chiến tranh an toàn" như thế! Tại sao anh không gắng sống?Tại sao thế hở trời ?
Vẫn biết rằng đi chiến trận là mất mát. Không chết trước thì chết sau... Trước anh cả trăm ngàn người đã nằm xuống. Anh đã cùng tôi

chứng kiến bao nhiêu lần “nghỉ phép” của ông Huệ, Thừa, Hổ... Anh gật gù, “Thôi tại số, mình gắng chịu vậy...”. Anh gắng chịu đã quen. Anh đã thoát nhiều lần. Từ trung đội trưởng tiểu đoàn 8, anh qua tiểu đoàn 3; làm đại đội trưởng tiểu đoàn 1 và tiếp theo tiểu đoàn 9. Anh đã dự bao nhiêu trận từ thuở ông Đống mới làm tiểu đoàn trưởng giờ này là Trung Tướng Tư Lệnh; anh đánh trận từ lúc chiến tranh còn như là trò chơi, ông Tư “Hòa Hảo” đi thuyền vào họp với Việt Cộng, đám giặc cỏ chỉ vài cây súng ngựa trời hay 2 khẩu Mat 36 để thay đại liên. Từ những trận đánh nhỏ đó, anh được “trưởng thành trong khói lửa”, thành ngữ nói ra nghe có vẻ “cải lương” nhưng quả thật không còn chữ nghĩa nào để dùng chính xác hơn. Anh đánh trận Ấp Bắc, giải vây đồn Bổ Túc vào những năm 60, với những trận đánh mở đầu “chiến tranh giải phóng”. Chiến tranh lớn dần như một thứ quái thai được mùa, như tế bào ung thư ngon trớn, chiến tranh lớn như sinh vật quái dị ở hành tinh khác đến đây nẩy nở theo cùng chiều rộng của không gian. Khói lửa từ đấy dậy lên như giông bão. Trong “môi trường” hào hùng độc địa nầy - Anh trưởng thành.
Anh già hơn không phải do số tuổi, nhưng chiến trận, hành quân như nối mối thời gian để nhắc nhở mỗi ngày, mỗi tháng, năm anh qua... Năm 1965 giải vây Đức Cơ, Pleiku; năm 1966 bị phục kích ở Cheo Reo, cũng năm này “giải phóng” Bồng Sơn, Tam Quan.67 “lội” nát người suốt vùng Thừa Thiên, Quảng Trị, từ cái làng nhỏ ở bên kia sông Hương nhìn ra phá Tam Giang, đến cuộc tấn công vào khu phi quân sự đổ từ đèo Ba Giốc xuống. Hết 67 đến 68 anh đem quân về vùng đồng Ông Cộ, Hốc Môn, Bà Điểm; Việt cộng tấn công đợt Hai, tiểu đoàn 9 do anh làm “ông Phó” có cơ hội “rửa mặt” nhân vụ tịch thu cả hầm vũ khí chở đầy một chiếc F.O.M.Chiến thuật thay đổi, từ ven đô anh di chuyển về Tây Ninh để “cày” từ Tống Lệ Chân qua Katum, Trại Bí... Suốt một vùng biên giới dài theo con sông Vàm Cỏ anh đi như không mệt... Anh đi như định mệnh đốn mạt bắt anh dính liền vào mỗi thước đất phải bước qua.
Nhưng chưa bao giờ nghe anh than tiếng nhỏ. Sự chịu đựng và vẻ bình thản là tính chất căn bản của anh.
- Mầy biết nhá, tao di cư vào, mỗi ngày phải đạp xe mờ người chạy từ trại định cư đến Phú Thọ để lấy khẩu phần bánh mì và năm đồng bạc. Mầy biết, tao tập thể thao to chừng này, thằng Tây bán thịt gần trăm ký bị tao ném một cú đòn vai, nằm luôn.
Anh là con nhà võ, thắt đai đen nhu đạo thời kỳ 56, 57, tính chất võ chân truyền này là nền tảng tinh thần của anh. Đó là một tinh thần rất thường ở bề mặt nhưng phần trong rất “sáng”; một thứ “sáng” mã

thượng, độ lượng và chân thật - Chân thật và thẳng thắn tuyệt đối. Anh sống ở đời giản dị và thẳng thắn như kẻ có võ công thượng thừa lại thêm tâm tư nhân ái. Anh không một lần than thở dù lúc làm "ông Phó" ở tiểu đoàn 9 anh bị "kẹt". Anh bị nạn. Anh bị "ép". Bị "nát như cái mền". Nhưng tất cả đã không làđáng kể... Hãy nghe anh nói:
- Mày thấy, tao là lính tác chiến, rồi cũng có ngày tao phải chỉ huy, nhỡ bị kẹt là cái hạn của mình, sau đó mình "bốc". Anh cong một bàn tay lên làm cú "bốc" kèm theo tiếng chửi thề "mẹ". Sự bực dọc của anh chỉ được diễn tả chừng ấy.Không hận đời và tin ở mình.Trong đời sống bình thường, anh sống với thái độ khắc kỷ thật cao thượng.
Anh Năm kính yêu,
Anh chết ngày 12 tháng Tư, đến giờ này, sau ba ngày xác anh vẫn chưa móc ra được. Ngày 14 ông Bạch Long cho hai trực thăng và một Skyraider vào, cố làm một bãi đáp để đưa anh ra, cả ba chiếc đều bị "shotdown". Người lính về nói với gia đình như thế, cháu Tường bẩy tuổi đã lớn, nhưng cũng chưa hiểu nổi phận bi thảm của lần mất bố, kể lại câu chuyện... Kể lại phút anh nằm xuống với lồng ngực bị vỡ. Không biết chi tiết đó có đúng thế không, nhưng cháu cứ lập lại với mọi người xem như như một nét "xuất sắc" của anh. Tội nghiệp cháu quá anh ơi, nó đang lún xuống trong một bất hạnh với quả tim hồng và nụ cười sáng, nó nắm tấm ảnh lúc anh còn ở trường, thắt đai đen bên cạnh ông Hiếu... "Bố cháu là những người "xuất sắc"!Ôi anh đã sống, chết bởi những hoàn cảnh cực độ. Những phiền não cùng cực và vinh quang bốc lửa. Anh di chuyển giữa những cực điểm với tâm tư bình yên, lặng lẽ, chiếc lưng gù xuống chịu đựng. Giờ này anh mới "thật sự nghỉ ngơi", một cách nghỉ ngơi cay đắng và khắc nghiệt. Cuộc đời đã "ta-pi" anh trước khi anh kịp đứng lên rũ áo, thối tiền.Anh thua trong sáng suốt và nín lặng cũng như ván bài ở lăng ông Cẩn ngoài Huế trong tối mùa đông năm xưa... "Tao biết mày tháu, nhưng cũng cho mày ăn."Anh úp bài cho tôi về tiền. Anh Năm ơi, anh bị cuộc đời "tháu" cú này nữa. Cúù tháu độc địa và hết thuốc chữa.
Anh chết thật rồi!! Tin cuối cùng rõ ràng về anh do Hải "khều" nói lại không thể sai vào đâu nữa. Hầm anh hứng đúng ba trái hỏa tiễn, mảnh ghim vào tim và anh chết ngay phút đầu tiên, khi "tụi nó" bắt đầu đánh biển người vào Charlie.Hải "gói" anh vào ba lớp poncho, nhưng máy bay không xuống được, Mê Linh lại bị thương. Chúng nó phải "rút lui chiến thuật" vì pháo và hỏa tiễn rơi đến cả ngàn trái vào căn cứ, đặc công cảm tử lại phá được hàng rào ngoài.Giữ thế nào được nữa, Mễ lẫn Hải đều bị thương, chúng cố điều động phần sống

sót còn lại để mở đường máu, bảo toàn đơn vị.Phải bỏ anh lại, chắc chắn Mễ đau đớn lắm, vì hắn và tôi đều nặng ân tình với anh biết mấy; từ thuở ở tiểu đoàn 9, anh “che” cho hắn bao nhiêu đòn; Mễ là đứa rất có tình, bỏ anh lại nơi chốn núi rừng, vùi dưới đống đất cát và lửa đỏ chắc là vết thương dài đời không hết, tâm hồn khó được phần quên lãng nguôi ngoai.
Mấy hôm nay tôi ngủ không được, mắt nhắm lại thấy cảnh anh đang chết, những giờ khắc cuối cùng, anh chống ngược mắt xuôi tay và đi khuất... Tưởng đến tiếng nói, nụ cười và toàn thể không khí của bữa cơm chót trong vườn Tao Đàn, đâu có ngờ đây là bữa cơm vĩnh biệt?! Chưa bao giờ anh vui vẻ và tự tin cho bằng thời gian đó: “Số tao hết cực rồi, hạn 33 tuổi đi qua... Tao làm lớn cho mày nhờ.”Tôi cũng nghĩ như thế, vì cái “võ nghiệp” cứ phú quý thụt lùi, thôi thì chỉ mong ngày anh “làm ông tướng!!”Ngày đó sẽ không bao giờ có nữa, cũng không còn những ngày vui như buổi chiều cuối năm mờ hơi sương, anh và tôi đứng ở sườn đồi nhìn xuống sông Hương bốc khói lam, nồng hớp rượu “số Bảy” không đá, nghe từng âm ba rộn rã của men rượu tan trong máu và cất tiếng cười bất chợt... Tiếng cười hào sảng thống khoái vang động không khí u trầm bí ẩnchiều cuối năm dầy sương lạnh.
Tôi cũng tin vào số mạng, biết rằng anh có tướng lộ xỉ không được tốt, nhưng bù lại tai anh dày, có thùy châu, bước đi vững chãi... Nên nghĩ rằng anh sẽ đi qua, anh sẽ vượt qua tất cả hoạn nạn, vì anh đã hoạn nạn dư thừa, hoạn nạn ngập mặt. Từ tuổi thiếu niên anh đã gian nan phấn đấu, phấn đấu để thành người và dựng đời, anh đối chọi với khó khăn như con trâu miệt mài trên đồng ruộng. Năm nay anh 35 hay 36 tuổi, tôi không được rõ, nhưng hình như anh chưa có ngày nghỉ ngơi toàn nghĩa. Cuối đời, vừa le lói chút ánh sáng bình yên và hạnh phúc, anh hân hoan sửa soạn tương lại, rộn rã như cô dâu tốt số. Đời đã quật anh cú chót và anh đành thua. Bao nhiêu năm tranh sống để lúc chết quả tim đang hả miệng cười.
Tiểu đoàn rút khỏi Charlie và phi cơ oanh kích căn cứ. Ôi sao tàn khốc thế hở trời?! Anh đã sống cay nghiệt sao cái chết lại quá bi thương. Ba lớp poncho gói thân anh làm sao che chở nổi hình hài vô tri dưới cơn mưa bom, bão thép. Phép màu nào giữ nổi xác thân anh? Vĩnh biệt, Anh Năm kính yêu...Nơi chốn hư không nào...Mong linh hồn anh được lần yên nghỉ.
Viết lại,
12, Tháng Tư, 1972 - 12 tháng Tư, 1998.
Lần “thật chết như luôn sống lại”,

Dù bao lâu,
Cách bao xa.

Chương 8
Tạm Kết Giữa Mùa Hè

Charlie mất, Delta ở phía nam do tiểu đoàn 7 Dù phải rút đi vì không chịu nổi cuộc cường tập kéo dài qua ngày thứ tư; đai Nhẩy Dù tan vỡ dần như chuỗi dây xích nút đầu bị phá.Chỉ còn lại hai cứ điểm chót là Bravo và Métro ở trái, phải Võ Định. Nhưng Võ Định không thể là một điểm chiến thuật vững chắc khi cạnh sườn đã bị nhổ. Ngày 24, tháng Tư, phi trường Phượng Hoàng (tây Tân Cảnh), Tân Cảnh và hai căn cứ Diên Bình, Zuzu ở phía nam lần lượt tan rã. Võ Định không còn là một cứ điểm có khả năng kháng cự và bộ chỉ huy lữ đoàn 2 đưa tiểu đoàn 7 dần dần mở đường xuôi nam hướng Kontum. Kontum dưới ảnh hưởng của việc mất Tân Cảnh biến thành cảnh địa ngục với những trận đánh sát nách thành phố, như ở Đại chủng viện, khu phi trường. Những đơn vị đặc công Bắc quân với ám hiệu riêng: Tay áo cuốn lên quá cùi chỏ, quần xắn quá đùi, mảnh vải trắng buộc quanh vai, đã đột nhập vào những nơi trọng yếu của thị xã.Công trường 2 cộng sản sau khi dưỡng quân, vượt sông Pô-kơđánh vào sườn của lữ đoàn 2 và các chiến đoàn Biệt Động Quân. Hết, lữ đoàn 2 Dù chỉ còn mỗi đường, các tiểu đoàn tự nương bảo vệ lẫn nhau rút về Pleiku. Lữ đoàn lại hết nhiệm vụ Vùng II để ra Vùng I. Đường về Pleiku phải qua đèo Chu Pao đỉnh núi 953 trông xuống sông Dak Yeul với những cao độ thẳng đứng. Chỉ còn mỗi đường này là sinh lộ, nhưng sinh lộ phải qua điểm chết: Đèo Chu Pao. Hai đại đội của tiểu đoàn 7 Dù do Nguyễn Lô (Tiểu đoàn phó) chỉ huy mở một đường đi qua điểm chết với chấp nhận tỷ lệ thiệt hại 50% quân số. Và cũng như bao lần của mười năm chiến trận, Lô mở được cửa ngõ về Pleiku, dân và quân theo đó rút đi.Rút đi khỏi địa ngục, vì Kontum không còn là thành phố sống, người dân thất thần dáo dác giành dựt nhau kiếm một chỗ trực thăng ở sân vận động... Giữa bụi mù và tiếng nổ đại pháo, cảnh người sống cuồng loạn đổ xô vào lòng trực thăng bất chấp tiếng súng thị oai của quân cảnh. Họ chen nhau như nước tràn qua đê vỡ để đến gần, đến gần hơn chút nữa ngưỡng cửa

trực thăng, và lúc tay vừa chạm được khối sắt xám phủ bụi đỏ, chân cong lên sắp bước vào lòng của “hy vọng sự sống” thì một cơn sóng khác, đạp họ ngã xuống, kéùo hút ra xa...
Kontum cháy ngọn lửa hồng lên cao hẳn khỏi rừng xanh. Chỉ còn mỗi hình ảnh bình yên nơi thành phố đang bùng lửa này là hàng phượng đỏ hoa gần câu lạc bộ ngã cành xuống mặt nước sông Dakpla mờ sương khói. Nhưng phượng cũng có màu đỏ - Màu của máu.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 9
An Lộc,

Miền Đông không bình yên
Bỗng chốc thị trấn nhỏ về cực đông-nam phần cuối con đường 13 biến thành địa danh vang dội toàn thế giới... Guernica, Arden, Berlin của Thế Chiến lần Hai không còn ý nghĩa khi so với thị trấn bề dài 1800 thước và bề ngang từ cửa Phú Lổ đến hàng rào phòng thủ tiểu khu đo đúng 1000 thước. Trên diện tích bé nhỏ nầy, lại nhỏ hơn nữa của những ngày “tử thủ”, khi thành phố “co” lại với khoảng 900 thước bề dài còn lại-Một ô vuông cây số hứng chịu gần 60 ngàn quả đạn, đạn đại bác bắn tập trung từ mười vị trí trở lên trong 100 ngày vây khốn. Thế nhưng, An Lộc đã chịu đựng được. Quân và Dân ở An Lộc đã chịu đựng được. Chịu đựng- Sức mạnh tự nhiên không bờ, không đáy- Với nó, trong đó, Người Việt ngụp lặn miệt mài để tồn tại.
Sống! Thượng Đế ban món quà hiếm hoi quý giá này cho dân tộc ta quá khó khăn, hẹp lượng. Chỉ được sống, đám dân và lính ở An Lộc đã phải căng mình hứng chịu dài cơn bão săm sắp tiếng nổ và mảnh thép, trong ba tháng. Họ lên đến những “đỉnh” đau đớn chóng mặt, như từ một độ cao hai trăm thước, người mẹ sẩy tay đánh rơi đứa con khi trực thăng chao mạnh. Cái chấm nhỏ bé tội nghiệp rơi dần dần vào một cõi xa xăm mất hút...Không nghe được tiếng động của thân thể trẻ thơ đập mạnh trên đất đá. Không có tiếng thét bi ai của người mẹ mất con... Chỉ âm động phần phật cánh quạt phi cơ và gió bạt trên không gian im lặng. Từ đỉnh cao hai trăm thước đến vực sâu hai thước giữa lòng đất đỏ lạnh tanh, người cha bình thản ngồi xếp ngay ngắn, thẳng hàng hình hài năm đứa con và người vợ, sau khi đã đặt tay chân đúng vào thân thể của mỗi đứa.

Nỗi đau đớn dài như con đường 13 từ An Lộc về Chơn Thành. Lai Khê, Bình Dương, An Lộc, Lộc Ninh... Tên đặt ra nghe sao quá thê thảm, tội nghiệp, làm gì có "bình an" nơi miền Đông tàn khốc này... Tất cả chỉ là ước vọng. Nói thật hơn, chỉ là những hư vọng khó có lần hiện thực- Ảo giác mù mờ khi con người đã đến đáy khốn cùng. Chạm tay sự chết.

Trong qui ước truyền tin quân đội, chữ A được đánh vần là "Alpha" hay "Anh Dũng".An Lộc cũng bắt đầu với chữ A, thế nên tôi gọi "An Lộc là Anh Dũng"; tĩnh từ này đã được dùng quá nhiều, đến độ nhàm chán, nhưng ngoài nó ra không còn một danh từ nào xác thực và đúùng đắn hơn. Phải, An Lộc là Anh Dũng. Chiến đấu ở An Lộc- Sống ở An Lộc- Chết ở An Lộc - Tất cả đều trùng trùng tràn ngập, vây kín, kích động bởi tính chất anh hùng. Tôi không nói quá lời, với chân thật của người cầm bút và tấm lòng giản dị của người lính, xin xác nhận lại một điều: An Lộc - Anh Dũng. Yếu tính của thành phố, người và sự kiện nơi An Lộc là tỉnh từ giản dị đầy đủ kia.

Mười năm kinh qua trận địa, bao nhiêu trang sách về binh sử đã được đọc, tất cả đều bị An Lộc vượt xa, vượt một tầm quá lớn mà không một trận chiến nào có thể bén gót được. Kiến thức quân sự, ý niệm chiến tranh, tất cả bị đổ nhào vô nghĩa, vô dụng với An Lộc. Chắc chắn như thế, nếu ai hằng đến sống, chết cùng với nơi chốn ấy một lần. Những "huyền thoại" về An Lộc đã được khai thác, nhưng không hết. Những người kiệt liệt của An Lộc đã được nhiều nhắc nhở nhưng chưa đủ. Tôi nối tiếp công việc này vì An Lộc không những chỉ có Tướng Hưng với các Trung Đoàn 8, 9, 48, 52 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh; Đại Tá Huấn với Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù; Liên Đoàn 3 BĐQ, và Đại Tá Nhật với thành phần cơ hữu Tiểu Khu Bình Long. Ngoài những lực lượng này, còn có Lữ Đoàn I Nhẩy Dù, đơn vị tham chiến từ ngày 7-4, bắt tay An Lộc lần một vào ngày 16-4 và lần thứ hai sau trận đánh trên tất cả các trận đánh, Tiểu Đoàn 6 Dù "clear" hai cây số còn lại vào đến Thanh Bình (hay đồn điền Xa Cam) trong "bốn mươi lăm phút chiến trận".An Lộc được "bắt tay" lần thứ hai lúc 17g45 ngày 8 tháng 6 năm 1972.

Quê hương của loài nai,

Đường 13 chạy từ ngã ba Chơn Thành đến An Lộc đo được 30 cây số, tiếp tục về hướng Bắc thêm 18 cây số nữa là Lộc Ninh, bên kia biên giới là Snoul, qua Snoul con đường ngã theo hướng Tây-Bắc để tới Kratié, nằm cạnh bờ Cửu Long; nép bên bờ trái con sông, đường chạy tiếp về phía bắc để gặp StungsTeng, vị trí chiến thuật quan trọng của đường giây ông Hồ từ Bắc vào. Đoạn này có thêm một tên

khác, “đường Sihanouk” cho có vẻ đại đồng nhưng thật ra cũng chỉ là của anh Hồ cộng sản. Khởi đầu cuộc chiến “Đông Dương lần thứ Hai”, những công thầnđầu tiên của Trung ương Cục Miền Nam đã lần mò, tìm kiếm, ráp nối lại con đường... Bắt đầu từ vùng suối Đá, suối Chà Là, suối Ma vùng Bình Long, Phước Long, băng qua biên giới, đến những “mật khu” trong tương lai sẽ vang danh theo chiều rộng thế giới: Lưỡi Câu, Mõ Vẹt. Năm 1970, đại quân Miền Nam từ Bình Long, Tây Ninh, đồng loạt xua quân qua biên giới; cánh quân cực bắc của lực lượng vượt biên đã có lần đi xa quá Snoul để đến gần Kratié. Cộng quân tan nát, đổ vỡ toàn thể hạ tầng cơ sở, kho tàng, trọng điểm tiếp liệu và căn cứ trung ương. Hai năm sau, những ngày đầu 1972, một lực lượng cộng khác, thứ cộng nguyên gốc, theo một kế hoạch được bảo mật tinh vi, chuẩn bị yểm trợ cho mục tiêu chính trị, từ miền Bắc xuôi theo đường 13 vượt qua Snoul cùng ào vào Lộc Ninh với 3 sư đoàn chính qui thượng thặng, sau khi được giàn đại pháo 130 đã dọn sẵn đường. Sau Lộc Ninh là An Lộc. Và thị trấn nhỏ bé của miền cực đông-nam Nam bộ, bắt đầu co vào trong một thế gọi là “tử thủ”. Địa ngục có thật bắt đầu từ ngày đầu tháng 4-72 ở đây. Nơi An Lộc.

An Lộc không phải là thị trấn, thành phố, thật ra chỉ là thị xã tỉnh Bình Long, đồng thời cũng là quận lỵ Quận An Lộc, tức Quận Châu Thành của tỉnh. Tỉnh gồm ba quận, Lộc Ninh cực bắc, An Lộc giữa và Chơn Thành phía nam. Tất cả cơ sở hành chánh đều nằm trên con đường 13, con đường lớn phẳng phiu chạy thẳng theo hướng Bắc-Nam, vạch một đường đen thẫm giữa rừng cao su xanh lá, nổi bật trên màu đất đỏ nâu mịn màng đẹp đẽ. Đỏ nâu cũng là màu máu khô, đường 13, con số của sự xấu - Định mệnh đã định rõ: Con lộ mang số tử thần và màu máu thẫm - Hai cuộc chiến tranh chứng tỏ có một Thượng Đế nhẫn tâm khắc nghiệt đã sắp đặt sẵn điêu linh cho nơi chốn, lẫn người. An Lộc, tên nghe thuần hậu hiền lành, như cảnh tượng đàn nai chạy tung tăng trên đồng cỏ tranh mượt sóng. Đàn nai sống no đủ bình yên, được che chở bởi tàng cao su, rừng bạt ngàn xanh im bóng nắng và hàng vạn con suối mang đủ các địa danh Việt, Miên, Thượng... Những giòng suối đầu tiên của sông Bé ở phía đông và sông Sài Gòn ở phía tây. Bình Long- Quê hương loài nai nằm giữa hai con sông trải dài trên một bình nguyên bao la,miền Đồng Nai thượng không những chỉ là một vị thế tốt, còn là chiếc nôi nuôi dưỡng quốc gia với tài nguyên thiên nhiên phong phú, quý hiếm. Đất rộng mênh mông trải dài chập chùng đồi thấp đến tận Biên Hòa, Gia Định. Đất giàu đẹp, uy nghi như hãnh diện bất tận quê hương.

Nhưng, đúng là quê hương khốn nạn. Quê hương gắng chịu tai ương của nhân loại. Quê hương nguy khốn, ngặt nghèo. Quê hương lửa dậy và Bình Long hừng hực tro bay. Nơi sự sống không còn mặt đất.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 10
Địa Ngục Trước Mặt,

Khi đứng trước An Lộc, dẫu kiễng chân, mở to mắt, tôi cũng chỉ thấy được một tòa lầu cao, ngói đỏ, con đường hơi ép trái trước khi vào thành phố, chiếc tăng T54 nằm bên vệ đường, che khuất một phần không gian. An Lộc cách một khoảng 1700 thước, nhưng sao đã thấy từng cơn rung trong lòng, đã thấy thái dương giật giật.Đâu phải chiến tranh chỉ có ở trong đó, nơi tôi đứng, năm mươi sáu xác chết của C7, C8 (đại đội 7, 8) của Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 275, Công Trường 7 đang nằm chật trong các công sự phòng thủ; nơi đây cũng có hai T54, ba PKR 79 nằm chúi đầu xuống hố bom, bộ máy bị tan nát vì lựu đạn công phá. Nơi tôi đứng, chỉ mười lăm phút trước, Đại Đội 62 Tiểu Đoàn 6 Nhẩy Dù đã xung phong cú chót bắt tay với Đại Đội 81 Tiểu Đoàn 8 Nhẩy Dù. Lần bắt tay vinh quang của quân sử người Việt phương Nam. Nhưng, nơi tôi đứng cũng dậy mùi người chết gây tanh trong gió...Chiến trường nơi đây cũng đã quá nặng độ, nào cần vào đến trong kia.Nhưng An Lộc nơi xa 1700 thước ấy lại gây cho tôi cơn đau đớn giật ngược, người cồn cào nóng rực tưởng như đứng trước một người thân vừa ngã chết!
- Tôi vào trong đó nghe anh Năm? Tôi hỏi trung tá Đỉnh, tiểu đoàn trưởng 6 Dù.
- Khoan, mai sớm hẵn hay, đợi đi, từ thằng 8 (tiểu đoàn 8) vào trong kia đâu có yên, nó pháo chết cha mày. Chết lại không có được “tuyên dương công trạng” nữa,
- Ừ vậy thôi, ngày mai.
Đêm xuống thật nhanh trong rừng, rừng cũng chỉ là chữ để gọi tên một vùng cây, vì ở đây rừng chỉ còn những thân cây cháy đen tua tủa dựng lên trời với cành khô không lá. Cây ngổn ngang và rừng điêu tàn. Bom đánh xuống cháy một xóm nhà vốn là sự thường trong chiến tranh, nhưng đốt cháy hẳn một cánh rừng bao la thì chỉ có ở

Việt Nam. Nơi thiên nhiên biến dạng bởi lửa đỏ. Tắt lửa, trời tối thẫm, vài viên đạn đại pháo cầm canh điểm giọt dài từ bắc An Lộc đến cuối nơi đóng quân của Trung Đoàn 33 Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Lần đầu tiên tôi dự trận chiến "bắn quấy phá" do pháo của Cộng quân.Ưu thế hỏa lực vùng này không cần phải xét thêm, địch hơn hẳn ta một chặng đường dài, quá dài không theo kịp. Trời sáng tôi sửa soạn hành lý để dông. Có tiếng người gọi 64 (Đỉnh) ở trong máy. Tiểu đoàn trưởng5 Dù ngỏ lời chào mừng Tiểu Đoàn 6,
-Ông bắt tay được với tiểu đoàn 8 là tay cừ,tụi này đợi cả hai tháng, chả có ai nắm được tay mình, mỏi bỏ mẹ...
- Hì... hì, Đỉnh cười thích chí. Hiếu khóa 14, Đỉnh 15 Đà-Lạt, cùng là dân năm 54 "mang rau muống vào Nam diệt thù", nay gặp được nhau giữa rừng chiến trận, câu chuyện vang vang những lời thống khoái... Có Nam Xương (Danh hiệu truyền tin trước kia của tôi, Nam là tên, Xương nghĩa là không có... thịt) lên đây với tôi, 55 (Hiếu) có muốn gần nó không ?
- Đâu đâu, cho tôi nói chuyện với nó một chút, lâu không được nói chuyện với dân civil !!Chắc giọng nó "thơm" lắm.
Tôi cười ngượng ngùng, có một chút xấu hổ làm cứng mặt, đàn anh của tôi đã nói thật. Nhu cầu được gặp và nói chuyện với người lạ là một phản ứng thông thường của người lính miệt mài torng rừng rậm. Bao nhiêu lần tôi cũng đã có cảm giác này.Chui rúc mãi trong rừng sâu, đóng quân ở nơi hoang dã, khi thấy được một con đường, dù chỉ là loại đường đất trải đá dẫn đến một làng xóm cũng gây nên cảm giác ấm áp trong lòng - Cảm giác sống giữa nơi có người, không lẻ loi ... Gặp mặt người, ước muốn sao nghe quá cay đắng, nhưng chính là một hạnh phúc tội nghiệp mà chỉ có người lính trong chiến tranh mới cảm thấy.
Tám trăm thước từ tiểu đoàn 6 đến khu vực tiểu đoàn 5 tôi đi hơn nửa giờ..."Mày đi qua đó thì coi chừng, có hai hướng pháo, một ở tây-bắc, một ở đông-nam. Nếu ở hướng đông-nam lại thì không sợ, chỉ sợ hướng tây-bắc, khi nào nghe pháo tới thì đứng xây lưng vào cây cao su hoặc nhẩy xuống hố".Đỉnh dặn dò tôi trước khi vào vùng pháo.
- Anh coi thường tôi quá, cũng đã là Đại Đội Trưởng Đại Đội 93 Tiểu Đoàn 9 từ 1965 chứ đâu phải là dân cù lần chưa đánh giặc,
- Tại vì mày đeo cái máy ảnh, tao cứ tưởng mày làm báo thứ thiệt!!
- Báo quái gì, giang hồ chơi vậy thôi, tôi dọt, về viết bài bốc anh.
Rừng không nắng, đất đỏ tung tóe, cây gẫy đổ chắn lối đi, xác Bắc quân chôn tập thể ngổn ngang gò đống, pháo rời rạc rơi, cứ năm

phút từng cặp một... Tôi cũng nhiều phen tìm hố để ẩn nhưng người làm sao nhanh hơn đạn, khi đứng được trong hố thì đạn đã chạm nổ rồi!! Mới hơn một năm đã quên bố hết phản ứng... Chẳng bù năm xưa khi trái đạn đầu tiên vừa nổ ở vùng phi quân sự, tôi đã ở nguyên con trong hố đào bằng nón sắt! Mình hết thời lính rồi.Tôi lẩm bẩm nhắm hướng tiểu đoàn 5 đi mặc kệ pháo rơi trên mặt lộ... Nếu nhỡ mình chết ở đây thì với tư cách gì nhỉ?Dân cũng không, lính chẳng phải.Không có một điều gì kéo tôi đến đây, không lẽ để lấy tài liệu làm "tác phẩm"?!!
Mồm ngậm điếu thuốc, tay bỏ túi quần, tay giữ máy ảnh, tôi cũng lạ với mình trong phút giây "đạt đạo" này. Đời là sự vô thường !! Tôi luận lung tung trong đầu khi bước chân đi qua vùng rừng được lính Nhẩy Dù đặt danh hiệu "bãi pháo". Pháo là pháo kích, đại pháo của Cộng. Hơn ngàn người dân An Lộc đã chết trên tám trăm thước ngắn này trong những ngày trước khi họ cố bỏ nơi đỏ lửa để xuôi nam... Gạo xấy, tay nải, nón, guốc còn lác đác đầy khoảng rừng.Chụp hình được hết những mảnh vụn này không ? Tôi tự hỏi khi loay hoay điều chỉnh ống kính. Chẳng thấy được gì, thôi vậy.Tôi xếp máy đi hết quãng đường.
Đến khu đóng quân của tiểu đoàn 5, chẳng có người lính nào trên mặt đất, pháo đang nổ ngoài đường. Dứt pháo, những cái nón sắt từ từ nhô lên khỏi nắp hầm, hầm dưới đất, nắp hầm khum khum như những nấm mồ nhỏ... Cảnh tượng giống như đàn còng gió khi thấy người đi đến vội tụt xuống cát trên bãi biển. Những người lính vừa nhô lên thấy tôi nhoẻn miệng cười.
- Báo hả? Có thuốc lá không ?
- Chẳng phải báo beo gì cả! Thuốc lá còn mỗi điếu ở mồm đây, hút không?
- Hút ! Người lính thò tay lấy điếu thuốc không chậm một giây.
Đến hầm ông Hiếu, phải một phút kêu gọi, ông Tiểu Đoàn Trưởng thâm niên nhất của Nhẩy Dù mới "bò" ra khỏi ổ... À Toa, đợi đấy, moa đãi toa hộp bia và bánh do bà vợ vừa gởi lên. Tôi cởi áo giáp, máy ảnh, nhận hộp bia vàng sánh.Như những người lính im lặng chung quanh, tôi bình thản uống từng hớp bia hạnh phúc. Đến một độ nào đó con người "bão hòa" với đau đớn, trở thành trơ, mất xúc cảm và vô vi như một kẻ đạt đạo cao siêu. Tôi chỉ mới qua vài ngày chiến trận, chỉ mới ở vài ngày dưới vùng "hỏa tập tiên liệu" của địch, đầu cũng đã cứng và lòng phẳng trắng vô tri.Uống, bia lúc nào cũng ngon và ngọt, thở một hơi thuốc thơm lên vòm trời âm u.Ầm !Ầm !Lại hai hỏa tiễn, tôi thụt đầu vào lại hầm, hộp bia sóng sánh trào ra chút

bọt nhỏ.Uống thật say đắm, cạn giọt cuối cùng, biết đâu lát nữa khi vào An Lộc lại bế ngay một quả.
- Lâu quá moa không thấy mặt trời, cao su ở đây còn lá, ngày lại nhiều pháo kích, ở luôn trong hầm cho tiện.Ra khỏi hầm chẳng làm được gì, nhỡ có chuyện gì lại thiệt cho đơn vị.Người tiểu đoàn trưởng số 1 đã nói thế, trận chiến này quả thật không còn chỗ để khai sinh anh hùng. Đánh nhau bằng lưỡi gươm, người làm tướng thuở xưa có cơ hội chứng tỏ được mưu lược, can đảm và tài nghệ riêng mình.Đánhbằng gươm, lối đánh mã thượng, quân tử, đánh đối mặt, và chết không ân hận. Chiến tranh hôm nay với đại pháo xa hàng chục cây số và viên đạn vô tình nổ chụp. Người thụ động toàn thể dưới vũ khí tàn ác vô nhân. Chiến tranh không những chỉ hủy diệt đời sống. Chiến tranh còn làm mất giá trị con người.
Mãn thiên hoa vũ,
Vượt hẳn hết ý niệm từ trước, bỏ xa trí tưởng tượng đã xếp đặt, An Lộc không “hư” từng khu, không đổ từng khóm, An Lộc vỡ nát, vỡ tan tành, vỡ vụn...Không còn sự sống trên mặt đất, không còn dấu vết người trên mặt đất, thành phố chìm dưới hầm, sâu dưới đất, càng sâu càng tốt như một ổ mối khổng lồ dưới lớp đất bùn bề mặt. Vòng đai thành phố bây giờ đã nới rộng lên phía Bắc đến gần được sân bay.Những ngày “tử thủ” đường phòng thủ này rút xuống ngang hoành độ 88, từ đây kéo thẳng đến cực nam bãi trực thăng B45 đo được 800 thước và bề ngang được 500.Một diện tích rộng chưa tới cây số vuông đã có lần nhận được 8000 viên đạn như trong đêm 11 rạng 12 tháng 5; 8000 viên đạn loại xuyên phá chưa kể hỏa tiễn và cối tung hoành trên mảnh đất chỉ bằng khu vực Đa Kao.Mỗi thước vuông đất phải nhận hơn 10 trái đạn.Đạn Delay xuyên xuống đất hơn một thước mới nổ.Không cần phải trúng ngay hầm chỉ cần nổ bên cạnh cũng đủ xô ngã vách hầm. Dân và lính thụ động co rút dưới hỏa ngục đổ từ trên trời xuống trong hơn hai tháng. Pháo không phải từng cơn, từng giờ, từng loạt, pháo đầy trời như mưa, pháo ào ạt như gió, pháo kín mít như mây. Pháo không vạch từng đường như Mậu Thân, pháo không đi từng luồn như ở Hạ Lào. Pháo và trời chan hòa trộn lẫn như mưa bay giăng giăng che kín không gian của những ngày xuân mưa bụi. Dưới bầu trời đầy những đóa hoa tử thần đó. An Lộc co quắp, vật vã, tan thành mảnh, phất phới bay như tờ giấy xé nát được tung lên giữa trời lộng gió. Một hỏa tiễn nâng chiếc xe jeep bay bổng, khối sắt nặng 1/4 tấn vừa rơi xuống chạm mặt đất lại bị thổi ngược lên cao, nhẩy lên một mái hầm như hộp thiếc nhỏ bị quay cuồng vì những viên đạn tinh quái chính xác trong phim cao bồi Mỹ.

Pháo đầy trời nên sự chết cũng ở khắp nơi, chết lan như cỏ gà, chết tự nhiên, như sống thì phải chết. Chết ở An Lộc là hiện tượng tất nhiên. Gia đình bẩy người, hai vợ chồng năm người con cùng trú trong một cái hầm. Hầm đào dưới nền nhà trên lót vài tấm ván và một lớp bao cát. Tất cả đo được một thước bề dày. Tội nghiệp, dân đâu biết được cường độ công phá của đạn 130 ly. Nên, ầm một tiếng ngắn ngủi, cái nắp hầm tội nghiệp đó tung lên vỡ tan từng mảnh nhỏ như những hạt nước tóe lên khi hòn đá nặng rơi xuống... Chết! Sáu xác chết được một người còn sống chắp nhặt, vá víu để xác người mẹ không có tay người con, để thằng anh không lẫn chân thằng em. Người cha chậm rãi, từ tốn bình thản đi chọn lựa từng phần thân thể một của mỗi người thân yêu, còn gì trong đầu óc khô cứng đó. Không còn gì, chẳng nên gọi đó là óc não con người.Người đã chết. Con người thật đã chết toàn phần ở An Lộc.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 11
Chân Dung Người Giải Phóng,

Trên đây là những hình ảnh củanhững “nội” An Lộc, chung quanh An Lộc từ những ấp cực tây như Phú Bình qua cực đông Phú Hòa, xuống phía nam như Thanh Bình, Văn Hiến ... Những tên ấp nghe thật hiền, hiền lành tội nghiệp như ước vọng nhỏ nhoi của người dân khổ ... Dân cạo mủ, dân làm nhà máy mà hơi nhựa cao su đã thấm đẫm qua lớp da, bao quanh thớ thịt tại nên một sắc thịt nâu nâu, nhạt nhạt có cảm giác rút cứng nhão nhoẹt khi chạm phải ... Nhưng những người dân tồi tàn này đã bị kéo ra khỏi thôn xóm cuối đời - Họ là di dân từ Trung và Bắc vào - chống nạng bế con, cõng cha mẹ đi dọc đường 13 hướng về Tân Khai, Tần Ô, Lai Khê để đến Bình Dương, thiên đường yên ổn khốn mạt đang chờ đón, che chở ... Vì chỉ các Bình Dương trên mười cây số là Lái Thiêu, nơi có lũ người được mệnh danh là “giới trẻ” đang đu đưa trên những chiếc võng ni lông, võng cói, đút cho nhau những miếng sầu riêng, chôm chôm bằng động tác của phim roméo và Julliette, bằng thứ nũng nịu hờn dỗi dưới những tàng cây xanh im bóng nắng. Cũng dưới những tàng cây như thế này ở Bình Dương cách đó không đầy mười phút Honda, những người dân An Lộc ngồi chồm hổm nhìn ra con đường

ngập nắng, hướng về mạn Bắc, nơi quê hương cuối đời đang đỏ lửaTay vẫn nắm chặt một mẫu vải vụn mà suốt bốn ngày không rời bỏ ... Mẫu vải mang hơi hám kích thước, biểu tượng cho đời sống, niềm hy vọng ở quê nhà.
Người dân rời xóm làng để lại nơi chốn cho những người ”giải phóng.”Họ đi từ Bắc vào, từ Thanh Hóa, Nghệ An xuống Đồng Hới, băng qua biên giới dọc theo Tchépone, Mường Nông xuôi dần xuống phía Nam, rẽ vào Kontum hay mặt trận B3 hoặc tiếp tục xuống vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt trước khi qua lại biên giới để vào Lộc Ninh, cách An Lộc 18 cây số - Hành lang di chuyển mở rộng không chướng ngại.Họ đến An Lộc từ đầu tháng Tư sau sáu tháng di chuyển và bắt đầu “được” xích vào cần chân ga thiết giáp, xích vào cây để bắn máy bay và xích vào cổ người bên cạnh để đi hết lời nguyền “Sinh Bắc Tử Nam.”Ôi, nhưng đó chỉ là bề ngoài, một bề ngoài giả dối tội nghiệpđể che chở phần tinh thần đổ nát, tan vỡ trong kinh hoàng, khiếp đảm.Làm sao không sợ được, vì trong đêm 11 rạng 12 tháng 5, sau khi được 8000 quả đạn dọn sạch đường, 3 trung đoàn, mỗi trung đoàn quân số 3 Tiểu đoàn đầy đủ được“tùng thiết” với một đại đội chiến xa thuộc các trung đoàn 203 và 303 thiết giáp, tưởng sẽ san bằng An Lộc, giết toàn thể lính Mỹ Ngụy, không để sống một người dân.Mười bẩy “pass” B52, mỗi “pass” đi qua do 3 phi cơ thực hiện với 42 quả bom 500 ký, 24 quả bom 250 ký. 17 pass bom sát nách An Lộc 600 thước, chiếc hầm béton của Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn I Dù “di chuyển” theo cơn rung của bom. Bom chiến lược, với nguyên tắc chỉ thả cách quân bạn khi có khoảng cách an toàn từ hai cây số trở lên. Cuộc đánh bom phải do chính Trung Tướng James Hollingsworth của Vùng III điều khiển. Và chỉ một “pass” bom ở Trãng Bàng cũng đủ làm cho thành phố Sài Gòn chuyển động, cách nơi đánh bom 30 cây số đường chim bay!Con người nào chịu nổi 17 pass bom đi trên đầu, bao chung quanh không phải từng lớp nhưng từng chồng, từng tảng âm thanh mà cường độ nằm ngoài sức tưởng tượng... Sợ, phải sợ, dù người có được đúc bằng thép, thép cũng chảy, người có uống thuốc liều, thuốc cũng phải tan, Marx, Lénine, ****, Võ Đại tướng chẳng còn là cái quái gì trong khối không gian điên đảo tàn khốc đó - Sợ, nên dù có bưng bít, che dấu trong lá thư gởi về gia đình ở Nghệ An, Nguyễn Đình Nghiêm, ám danh quân số và đơn vị là HT 810042 SZ 7, sau một thời khuyên nhủ gia đình “công tác tốt để đạt được tiêu chuẩn... Em Ba hãy gắng học tập để tiến bộ đúng sự hướng dẫn của Đảng...” Cuối thư không thể cầm lòng được, Nghiêm viết thẳng: “Điều kiện chiến trường rất gian khổ, vô cùng khó khăn, thư có khi 2,

3 năm không viết được, nên gia đình cha mẹ chớ trông thư con".Viết thế nào được dưới 17 pass B52 đó? Viết thế nào được dưới AC 130 Spector bằng Ra-đaba quả 105 ly một?! Không viết thư được là chuyện bắt buộc. Không thể sống được là điều tất nhiên. Làm sao có thể sống được hở người Cộng Sản? Làm sao để sống và chiến thắng hở ông Võ Nguyên Giáp - "Thiên tài ngu muội" của lịch sử dân tộc. Lỗi lầm này mấy biển rửa cho tan. Oán hờn chồng chồng cao ngất.
Ở đây, mặt trận với tàn khốc ngập trời, hậu phương lớn ngoài Bắc thì được "bồi dưỡng" với hạnh phúc,"Tết này em sẽ mua về cho mạ 1, 5 cân đường, hợp tác xã ủy nhiệm cho gia đình người đi nghĩa vụ quân sự số lượng đường với tiêu chuẩn đó.Mạ có nói đem bột, trứng qua bên này, nhưng như vậy thì tốn quá... Em sẽ làm 50 cái bánh và một gói chè và mạ đã nhất trí ..." Trời đất hỡi, còn tội nghiệp nào nữa hả trời, ba năm đi làm giải phóng được "hỗn hợp vui vẻ" bằng phần thưởng 1, 5 cân đường!!Anh "giải phóng" cho ai và để làm gì hở anh Nguyễn Văn Hưu (số quân, đơn vị 271003TB004)?! Anh giải phóng đồng bào miền Nam để "nhất trí tiến bộ xã hội" với 1, 5 cân đường sao anh?!
Trước An Lộc, không có một luận lý nào có thể tồn tại được, chỉ còn tiếng thở dài bi thiết để nén khối đau ra lồng ngực và chớp mi mắt mọng cay tưởng rơi giọt nước vô hình. Nhưng, khóc cũng không nổi.

Chương 12
Chiến Trường Lộ Mặt

Chiến trường lộ mặt,
An Lộc tàn khốc, nhưng đối với quân dân Miền Nam, sự tàn khốc này mang một nét bi tráng, hào hùng. Đây là khối lửa nung đốt và tôi chín người. An Lộc bi thương - Bi thương ấy thúc giục con người cố đạp đổ định mệnh, vượt khỏi định mệnh tàn ác để tồn tại, tồn tại trong tự do chỉ riêng một lần trong đời cảm thấy khi từ bỏ tài sản cuối đời băng mình đi dưới trời đại pháo. Chỉ vì muốn sống tự do người dân An Lộc mới bất chấp tất cả, mới vượt qua tất cả, đi trên cái chết, trong cái chết để thể hiện ý hướng trừu tượng mà suốt đời dài không một lần lý luận. An Lộc dũng cảm kiên cường đứng vững chắc trên

điêu tàn, vĩ đại như ánh lửa soi đường cho cả dân tộc. để lịch sử mãi ghi nhớ, lòng người hằn in sâu. An Lộc, cây cổ thụ quê hương còn lại sau cơn Đại Hồng Thủy máu lửa. Người Miền Nam nhìn An Lộc như tấm gương soi rõ chân dung bình lặng cao cả của mình.
Và chiến trường này cũng có đủ mặt trái của nó. Đó là một chiến trường phi nhân, vô lý và tuyệt vọng. Chiến trường hư không. Chiến trường chết, mồ chôn ảo vọng và bạo ngược. Người cộng sản hứng hết mặt trái khốc liệt này.
Bỏ đi những sự kiện chiến thuật như Bắc quân đã có đủ ưu thế chiến trường, gần hậu cần, hành lang chuyển quân rộng rãi, dễ di chuyển, ngụy trang tốt, tiếp vận, tiếp liệu đầy đủ và nhất là được yểm trợ bởi một hỏa lực khủng khiếp, một hỏa lực vượt hẳn mọi hỏa lực bộ binh dã sử dụng của quân sử thế giới. So với Mậu Thân, Hạ Lào, chiến trường Trị-Thiên, Kontum... An Lộc vượt quá xa về hỏa lực. Không có một trận địa pháo nào dồn dập và nặng nề như trên chiến trường nhỏ bé An Lộc. Sẽ không bao giờ có nữa, chắc chắn như thế. Nhưng dù đã có được hết ưu thế chiến thuật, ba công trường 5, 7, 9, được tăng cường hai trung đoàn chiến xa 202 và 203, cộng quân vẫn không “dứt điểm” An Lộc. Mặc dù cho đến hôm nay khi viết những chữ này (20-6-72), địch vẫn còn hoạt động mạnh tại Tầu Ô, Đức Vinh và An Lộc còn nằm trong vùng hỏa tập tiên liệu của hai hướng pháo Tây-Bắc, Đông-Nam. Nhưng mục tiêu chiến thuật (nhấn mạnh nghĩa chiến thuật) của chiến dịch đã bị gãy đổ. Hoàn toàn gẫy đổ.
Nhưng, mặt trái chiến trường cũng không phải ở lần thất bại quân sự này. Mặt trái chính là lần tan vỡ “huyền thoại không tưởng” về bộ binh Bắc Việt. Bởi nơi đây đã minh chứng, không hề trên mặt trận lại có một loại lính năng lực tác chiến xuống thấp đến thế. Khả năng tác chiến kém có thể do vì thiếu huấn luyện, thực tập, chưa đủ kinh nghiệm trận địa... Nhưng ở đây, yếu tố chính để kết nên căn bản cho toàn bộ yếu kém này là tinh thần Bắc quân: Khối hư không thất vọng và chán nản cao độ. Ở mặt trận Trị-Thiên, binh sĩ Bắc Việt khi vượt sông Bến Hải tràn xuống Đông Hà, Quảng Trị dù sao vẫn còn mang được tâm lý Đánh trên quê hương, nơi đất nhà, vùng thổ ngơi còn dính líu với Miền Bắc. Họ lại được thúc đẩy thêm “ý niệm đi giải phóng, chiếm đóng” cộng sự hận thù đối với dân chúng Miền Nam, nhất là dân cư ở các thị trấn, thành phố. Tâm lý này còn nguyên cường độ nên khi vào Quảng Trị, toán lính Bắc quân vẫn giữ được tính chất cực đoan, cường bạo để thúc dục tinh thần và nâng cao khả năng tác chiến - Khả năng giết dân và quân dân Miền Nam.Ở chiến trường Kontum, tuy trải qua một chặng đường dài di chuyển,

lại chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, tinh thần Bắc quân vẫn chưa hẳn hoàn toàn tan vỡ vì các trận đánh ở dãy cao độ Delta, Charlie, Hotel phía tây Quốc Lộ 14, ở đèo Chu Pao không có sự hiện diện của dân. Đánh trong rừng, người lính khai triển tối đa khả năng chém giết, không bị ghê tay bởi những cảm giác ân hận, lỡ lầm. Nhưng ở An Lộc thì khác hẳn, Bắc quân từ mật khu bôn tập về mục tiêu màdân nhiều hơn lính- Dân dáo dác, sợ hãi, trốn lánh và chết thảm... Lòng người nào trong cuối đáy không thoáng ân hận khi chính tay mình hạ sát kẻ tay không?! Thêm vào đấy, các công trường 5, 7, 9 chỉ là chỉ danh của các sư đoàn "mặt trận" có cán bộ và lính người Nam xen kẽ cùng những người từ phương Bắc đến. So sánh đã xẩy ra, chuyện trò sẽ tỏ rõ, lính Bắc nhận được chân dung đích thực của mình, biết rõ hành động phi lý khi rời bỏ quê hương từ một chốn mịt mùng để dấn thân vào cuộc chiến tuyệt vọng.Tuổi 15, 16, 17 rất dễ bị kích thích nhưng cũng mau mắn ngã lòng - Số tuổi trung trực, nhạy cảm và thơ ngây. Lính Bắc ở mặt trận này bị phá vỡ toàn diện hệ thống tinh thần vì chiến trường lộ mặt: Hàng ngày dân chúng vượt qua "bãi pháo" qua Xa Trạch, Tầu Ô... vượt nỗi chết để chạy về phía lính Cộng Hoà... Tất cả thực tế nầy như cánh tay nghiêng ly nước lã đầy. Lính Bắc vỡ mặt, thấy mình kẹt trong chiến trường phi nghĩa, vô nhân đạo. Nhưng quả muộn màn vì cổ đã bị xiềng vào đồng đội... Giờ báo tử cho bộ binh Bắc Việt đã điểm.

Chương 13
Trị Thiên

Đất vinh danh cho người,
..Nếu được hành quân tái chiếm Quảng Trị tôi sẽ cúng một con heo. Một người lính Sư Đoàn 1 đã nói như thế.Không phải câu nói chơi, phút bốc đồng nhưng là tình cảm mãnh liệt tha thiết được diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, chơn chất.Giữa đất và người không còn biên giới, người lính không nhìn các địa danh : Cam Lộ, Hương Hóa, Trị Bưu, Phong Điền, An Lỗ như những mục tiêu quân sự, chốn không hồn mà nhiệm vụ bắt buộc phải đi đến trong một thời gian và sau đó đợi chờ từng ngày qua để trút đi dửng dưng lạnh nhạt.Đất và người gắn bó không giải thích được bằng lý luận, chỉ cảm thấy bàng bạc

mơ hồ, chứng nghiệm bởi một trực giác ngây ngất ... Và không riêng cho người lính sanh trưởng vùng Thừa Thiên, quảng trị.Những người khác, những sĩ quan, trung sĩ, binh nhì sinh trưởng ở Bắc, Nam thuộc các đơn vị tổng trừ bị, hành quân tăng phái đến, bước chân đến vùng địa đầu đất nước lòng bổng nhiên chùng xuống trong xúc động lạ lùng ... Nhiệm vụ hành quân không được nhìn thuần túy như một công tác quân sự có tính cách bắt buộc, hành quân vùng Thừa Thiên, Quảng Trị âm vang mênh mông, tính chất cuộc viễn chinh thánh chiến, đấu tranh giữ đất, giữ nước, đấu tranh cho một lẽ sống còn.Chiến đấu ở miền giới tuyến hào hùng như bước chân qua một bờ lịch sử.Tương lai dân tộc được quyết định qua vùng đất này. Đây không phải là một cảm xúc quá độ được tăng thêm cường lực để làm dáng trong văn hương nhưng đã đi lính, đội nón sắt, mặc áo giáp, nhảy trực thăng xuống Khe sanh đổ quân trên các mỏm Động Thông, Động Gió, đã di chuyển theo giòng Tam Giang, qua Túy Vân lúc sương còn mờ trên đầm Thủy Tú hay ngược phía Bắc để đi vào vùng Phong Điền, Đại Lộc, Phá giăng giăng mưa bụi, trăng non soi ánh sáng bạc thếch, ánh sáng chết trên mặt nước lăn lăn sóng nhỏ, thôn xóm xa lặng trong bóng tối, nghe trong lòng cơn ào ạt xúc cảm, thấy rộn rã từng ạt rung động trên làn da - Đất linh thiêng, huyền bí bao trùm vây bọc, con người trong đó thấy tan biến, hòa hợp vào cùng từng ngọn cỏ, cơn gió, người thấy đau, đau rõ ràng nhưnhức buốt như vạch xanh của sông Bến Hải vạch đường độc địa trên bờ cát thênh thang - Đất và người cùng đau với vết thương quê hương. Cảm giác trên đã thành hình, đã gây nên phản ứng sinh lý làm dựng sợi lông tay cảm xúc nhưng có thể không được phân tích, không được rọi nhìn, định lượng, người lính “thấy” ràng buộc, thấy mơ hồ, lãng đãng nhưng chắc chắn, cần thiết như không khí hít vào trong mỗi cử động.

Trị-Thiên, ngoài đất còn có người, người Huế, người Quảng Trị, người ăn cơm ghé sắn, người uống nước “chè” nấu bằng lá ổi, người gọi lính bằng “anh cộng hòa ơi ...” Những người đã mừng rỡ đến ngất xỉu sau mười, mười lăm ngày dưới hầm sâu, nhịn đói nhịn khát, đại tiện, tiểu tiện và ngủ trên cùng chiếc chiếu như trong mùa xuân Mậu Thân khi nghe ngoài đường phố tiếng lách cách của báng súng đập vào đùi khi người lính di chuyển. Lính Cộng Hòa tới! Lính Cộng Hòa tới!Người dân hé cửa nhìn: Trên đường phố vắng, hai hàng lính đi song song ở lề đường, đội hình, y phục hoa của Biệt Động Quân hay Thủy Quân Lục Chiến ... Lính Cộng Hòa bà con ơi !!Sống rồi bà con ơi !! Ông già, ngườitrẻ, công chức, cảnh sát mở

toang cửa ào ra đường... Mừng quá mấy anh ơi, mừng quá !!Mấy anh ở đây luôn hả ??Uống nước không?Những người lính từ miền Nam ra bị vây kín bởi một nồng nhiệt bốc lửa.Họ là điểm sống cho thành phố Huế đã đến đáy hấp hối và tuyệt vọng.Còn vinh quang đẹp đẽ nào cho bằng tiếng kêu mừng rỡ của người dân Huế trong mùa xuân đỏ lửa khi được sống gởi đến những người lính xa lạ phong trần.

Đấy là những sự kiện của mùa xuân năm xưa. Bây giờ, tháng thứ ba của ngày Bắc quân mở cuộc đại tấn công và Miền Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên, hai thành phố đầu tiên hứng chịu tai ương tàn khốc của bom đạn và người dân của hai thành phố này lại thêm một lần tay bế con, lưng cõng cha mẹ già xuôi theo Đường Số I dưới che chở độc nhất hay niềm tin cuối cùng - Người lính- Bộ đội cộng hòa ơi, cứu bà con, bộ đội cộng hòa ơi! Trên đoạn đường máu Quảng Trị, Hải Lăng, Mỹ Chánh không phải một người, nhưng toàn khối dân bi thương nguy biến cùng gọi lên như thế một lần. Gọi bằng hơi thở cuối, mồm há hốc, mắt trợn đứng, gọi khi máu chảy, khi nằm xuốngtan vỡ, tay lần trên chuỗi Thánh Giá, mắt nhắm nghiền, trên đầu, chung quanh đại pháo Bắc quân nổ liên hồi, nổ tàn ác... Đạn nổ không bỏ sót một phần đất, không quên một thân người ... Bộ đội Cộng Hòa ơi !Người dân lại một lần kêu to lên như thế. Vinh quang biết mấy cho người lính Việt Nam.

Đất không Vinh Quang riêng cho Lính, đất còn là Thánh Địa cho Người. Người tầm thường, người còm cõi, người quắt queo khô héo như nhánh “nè” (1) khô rốc tong teo, lay động dật dờ dưới cơn nắng hạ chí. Nhưng những người tội nghiệp, tàn tệ, răng đen, môi nẻ tóc rối, người mà tai ương đã hiển hiện lên giọng nói, bất hạnh đã đặt mầm ở tiếng “khóc kể” bi ai hờn oán. Bất hạnh cũng đã có “điềm” ở giọng hò thê thiết đến rợn da khi những con thuyền chập chùng trong bóng tối lướt thướt trên sóng qua Bảng Lảng, Ngô Xá, La Vân, La Chữ, Vân Trình.a ... ơ ... chỉ hai tiếng nhỏ con thuyền đi hết khúc sông mà âm thanh còn lộng trong gió ... Đã có “điềm” rồi nên dân Trị Thiên dù không cơm, không gia, không nương, rẫy bái vẫn tồn tại và sống còn.Họ sống bằng gì và như thế nào ?Chuyển hết tháng ngày đi quakhông cũng đủ là một việc vĩ đại ... Rất vĩ đại ... Rồi ba tháng máu lửa này, chui dưới hầm, ăn khoai sống, hứng chịu ngàn trái đạn của hai bên ... Ngày Hải Lăng vừa được quân ta tái chiếm, đồ đạc cho vào thúng sau, thằng con ngồi thúng trước, người đàn bà nhỏ quắt queo gánh “gánh đời” đi thoăn thoắt trên mặt cát trắng bầy nhầy lớp thịt người ... Người trị Thiên có “tài” đi nhanh nhưthế đã bao năm

??Có anh phóng viên đài truyền hình chận hỏi :
- Chồng và mấy đứa con lớn đâu ?
- Chết hết rồi ... Họ đem đi băm, vằm, chém nát, chôn sấp dập ngửa mô không biết !!!
- Bây giờ bà đi đâu ?
- Hí ? Người đàn bà nhà quê không hiểu câu hỏi.
Cho dù hiểu đi nữa thì bà ta cũng không biết đi đâu ... Quo vadis ? Mày đi đâu ? Chúa có hỏi đi chăng nữa người cũng không trả lời được ... Đi đâu? Ngày đã hết, đời đã hết, chỉ còn mỗi con người lừng lững cùng nỗi đau đớn mịt mùng hư không

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 14
Về Quê Hương Điêu Tàn,

Phi cơ đến Huế lúc một giờ sáng tắt đèn từ trên cao khi lấy hướng đáp, thấp xuống, thấp xuống chút nữa, trên một độ cao cần thiết, đèn ở cánh được bật cháy, chúi xuống và bánh chạm đất, đèn lại tắt.Không một phi trường nào im lặng và tăm tối bằng.Phòng tối, ngổn ngang lính nằm, những người lính tóc rối và râu rậm, họ ngủ mệt nhọc và trăn trở, giấc ngủ đứt khoảng khi có tiếng động của bước chân đi đến dù tiếng động cực nhỏ, những đôi mắt đỏ hoe mở ra xong khép lại.Gần trăm con người không ngủ, họ chỉ nhắm mắt và nằm ... Ngủ, hình như họ đánh mất sự nghỉ ngơi này, mất đã lâu, từ hơn hai tháng trên các căn cứ võ Định, Diên Bình dọc quốc lộ 14.Ngủ chỉ là trạng thái chập chờn của đôi mắt khép lại nhưng tai lắng nghe ... Nghe tiếng nổ hoặc tiếng départ của pháo nơi xa ...
Chẳng có vẻ gì để gọi là chiến tranh loạn lạc và điêu linh nơi chúng tôi đang đứng trong buổi sáng đầy nắng vàng và gió từ sông mang hơi nước dịu nhạt bay đến.Xóm Mỹ Chánh đổ nát vì vụ dội bom lầm hôm mồng 5 khúat sau rặng tre, chiếc cầu gỗ cháy từ bao ngày trước còn bốc khói, nhịp cầu sắt bị đổ xuống không đủ cường độ để gợi lên không khí bi thảm của trận chiến vừa xẩy ra cách đây mười ngày trên con đường nhựa bên kia sông, nơi bãi cát đìu hiu lặng đứng những khóm tre còm cọi ... Những tang thương trầm thống của những ngày qua tan byến trong ánh nắng đẹp đẽ vàng rực của buổi sớm mai này.có tiếng chim cu gáy ở bên kia sông, tiếng chim mộc mạc ấm áp

như giọng cười khúc khích của đứa trẻ.
- Đấy, toa thấy cái lũy tre ở đầu con sông nơi chỗ quanh của con sông không? Liễn chỉ tay về hướng đông, nơi con sông quanh một vòng thật đẹp để đổ vào phá Tam Giang.
- Ờ, tôi thấy rồi, chỗ đó tôi đã đóng quân.Làng nội tôi đấy, làng Vân Trình, tên nghe hay không, mỗi vụ hè tôi về đây chơi, năm mười tuổi đã lội qua sông này được ... Hai mươi năm sau cho bạc triệu tôi cũng không qua được bên kia một mình.
- Ừ.Tôi lơ đãng nhìn theo con sông, nơi này mùa đông xưa tôi đứng trên bờ đợi Mễ cởi áo bơi qua sông mua rượu, phía trái nơi xa có bãi đất bồi thửa ruộng, bắp lên những lá xanh ngắt ...
- Người miền Trung cực quá, không đủ đất trồng lúa, có chút đất bồi là bám vào ngayBa mươi cây số từ núi ra biển không có chút đất màu, toàn cát và cát, cằn cỗi xám xịt không như cát vùng Nha Trang, Cam Ranh.
Súng nổ sát bờ sông, súng nhỏ, Bộ Binh Bắc quân mở đường, đánh thăm dò ... Chúng trở về nơi Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, Phúa đang báo cáo với Lữ Đoàn.
- Đó là tiền phương bộ binh của tụi nó xuống quan sát mình, chẳng hiểu nó bắn súng cối và 57 như vậy để làm gì ?C ... Mày gọi pháo binh làm mười tràng vào nơi yếu tố mà toán viễn thám ghi nhận tiếng départ.Phúc nói với Tiền, sĩ quan ban 3.
Pháo từ Phong Điền rơi lên ào ạt.Bắc quân ngưng tác xạ, họ xuống hầm hay đã bị chết, không biết được, những đám bụi do đạn nổ bốc lên tan đi thật nhanh, chỉ còn luồng khói đen cuồng cuộn bốc cao.Một ngôi nhà bị cháy.Có tiếng gắt của anh Phúc : “ Tụi nó đặt súng ở đấy thì xin bắn ở đấy, làm sao biết viễn thám đêm vừa rồi có ngửi đúng hay không ?Tiên sư có vợ, bị cặm sừng cũng đếch biết nữa là ...”
Anh ném cái ống liên hợp vào một góc nhà tụt xuống hầm chỉ huy xỏ chân vào đôi dép đi vào nhà thờ ...
Đường về, trời nắng gió im buổi trưa mùa hè miền Trung bốc cháy toàn thể cảnh vật, núi im lìm rung rinh sau lớp hơi đá mờ nhạt, người lính bị thương ngồi băng sau gác bàn chân sưng đỏ máu đẫm ướt cuộn băng bày.Qua Phong Điền, xe bị kẹt, ngừng lại dưới tàng cây nhìn Pháo binh TQLC di chuyển cho cuộc hành quân đang khai diễn. Họ nhìn tôi tò mò, áo lính Nhẩy Dù đi xe TQLC, tóc dài và chiếc máy ảnh ở ngực ... Tôi trông chẳng giống ai !Tôi cũng biết thế nên lúng túng đưa máy hình lên chụp loạn xạ.Ôi tôi hành nghề báo.Có một điều gì buồn buồn trong thân.
Mỹ Chánh không có gì, quả thật vậy, tôi về Sài Gòn, thay lớp áo

quần dơ và ướt, uống ly rượu có đá lạnh, chạnh nhớ những người bạn ở nơi xa đang ao ước một tờ báo, dù tờ báo đã cũtừ ngày 30 tháng Tư ... Điều này làm lòng tan vỡ, những người sống trên khổ nhọc miệt mài, trong núi xanh, trên cồn cát, những “sinh vật” lính quen thuộc và thân ái bị quay cuồng níu kéo hoài vào gian nguy triền miên ... Không phải chỉ có ở Mỹ Chánh với Trâu Điên, nhưng khắp cùng đất nước, từ núi cao xuống đồng bằng, có đủ trên mỗi phần đất của quê hương.Mỹ Chánh không có gì ngoài hai xác chết bên kia sông cạnh chiếc xe tăng bị cháy, tiếng nổ B52ầm vang đều đặn và núi rung rinh, cây cầu bốc khói xám. Những người và cảnh chết này có nổi yên nghỉ riêng, lòng có xốn xang là hình ảnh người lính mang dép Nhật, chống cây gậy đi trên thôn xóm tan vỡ, người lính không đầy 20 tuổi ... Em bị thương !Chỉ còn tiếng nói và hình ảnh đó đè nặng ở đỉnh đầu, tay tôi run và nặng khi viết những dòng chữ vô nghĩa này.
Quả bom chiến lược hay viên đạn súng colt chỉ gây một tiếng nổ, cũng chỉ viết thành “một chữ” trên trang giấy, nhưng trầm thống của con người thì mênh mông.Chữ nghĩa vô tri viết được mấy cho vừa.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 15
Bay Trong Hoàng Hôn

Tàu không bay thẳng ra đèo Hải Vân, nhưng bay dọc theo bờ biển ra Nam Ô.Trời đã chiều, nắng hết chỉ còn “dư âm” của ánh vàng trên cây cỏ.Từ trên cao nhìn xuống, biển Thanh Bình ngày nào không còn nữa, nhà lấn ra sát mặt nước,nước xanh đục lợn cợn rác, bọt vàng của rêu và chất dơ.Hết cả rồi, chốn xưa, ngày mới lớn, đêm hè trong vắt lấp lánh sao, nửa đêm về sáng ngồi dậy đốt vỏ bánh xe nhìn ánh lửa, nhìn đại dương, nhìn Tiên Sa đen thẫm cùng Hải Vân vòng đường kín đặc, vòng núi hở một khoảng ở hải đăng để thấy biển phía xa xanh xao dưới ánh trăng non.Mơ ước gì trong đầu óc tươi trẻ đó ?Không biết, chỉ thấy lòng mênh mông thênh thang bay lên tiếng hát âm thầm phơi phới.Hết, chiều nay trên độ cao gió lạnh nhìn xuống biển xưa vấy bẩn và lòng nặng trĩu nặng phiền phiền.Máy bay dọc theo biển để thấy rừng dương ở Nam Ô xơ xác, trơ rụi.Ôi khu rừng thơ mộng của ta mười bốn năm trước thế này sao.Rừng không còn,

chỉ còn khu vườn dương liễu cằn cỗi, bờ cát vàng dốc đứng nay cũng thấp xuống tan hoang ... Không còn gì nữa, quả thật không còn gì nữa, như tuổi thanh xuân đã mờ khuất đi.Qua núi Nam Ô để thấy lại bóng mẹ xõa tóc ngồi hong nắng ... “Mẹ con mình là người đầu tiên ở Đà Nẵng đến tắm ở đây ...” Mẹ đã nói thế để khích lòng “giang hồ vặt” của con trai.Đà Nẵng - Nam Ô 10 cây số đường dài quá xa cho một tuổi mới lớn.
Năm phút máy bay đủ đi hết một quãng đời niên thiếu, mau thật.Tôi tưởng như vừa qua lớp mộng dài.
Gió lạnh, phi cơ đã đâm thẳng ra biển để vượt Hải Vân, đỉnh núi bên trái phủ mây trắng, đường nhựa ở trên, đường xe lửa ở dưới, thấy rõ trước mắt hình ảnh đứa nhỏ tóc bay đưa chiếc đầu ra khỏi cửa sổ thành tàu nhìn xuống đại dương đen ồn tiếng sóng, sóng bạc đầu xô đẩy vào rà.Sâu hun hút, tưởng dưới xa như là chốn nghìn trùng không đến được ... Sửa lại thế ngồi đỡ mỏi chân, cong hai đầu gối sát ngực cho bớt lạnh.Lại giống hình ảnh đứa bé đêm trừ tịch năm nào ngồi co ro trong một chiếc xe hàng trên đỉnh đèo sương phủ và gió rét.Tôi sống torng hai thế giới, trong hai chốn thời gian lúc trực thăng đổicao độ vượt đèo ... Mình là ai ?Đi đâu ? Mong ước gì ?Hơn mười năm chưa thấy rõ mình.Đời khó thật.
Trời vẫn còn sáng trên không, thứ ánh sáng mờ mờ của bóng tối sắp đến, xuống ở độ thấp 100 thước.100 th. để thấy rõ từng nếp nếp nhà, sân đất, giậu tre và những cánh đồng xanh.quê hương bình yên và đẹp vô ngần trong ánh sáng cuối cùng của một ngày.Đầm Thủy Tú lăn tăn sóng nhỏ trải dài như một thỏi kim cương xanh.Đầm mênh mông lặng lẽ dạt những vòng tròn xôn xao khi trực thăng bay qua, núi Túy Vân ấn một nét đen đậm dịu dàng trên không gian và mặt hồ xám bạc.Túy Vân Sơn, tưởng tượng đến hình ảnh ngày xưa đoàn thuyền lộng lẫy của Hoàng Gia trôi theo giòng nước đến nơi này neo bến và tiếng chuông cuối ngày lồng lộng trên sóng nhỏ tan dần vào hư không.Chiến tranh mệt mỏi của ngày dài di chuyển tan nhanh như sương mỏng, tôi mở to hai mắt, dựng đứng hết xúc cảm để nhìn hết, lấy hết toàn khối quê hương đang nằm dài yên lặng dưới xa - Không thể có nơi nào đẹp hơn quê hương ta !Câu nói của cuốn sách thơ ấu được lập lại không định trước.Phải, quê hương ta quá đẹp, vẻ đẹp mộc mạc, bình lặng cao cả, quê hương là thiên nhiên cô đọng, quê hương tan biến hòa hợp vào cùng vũ trụ.Núi không cao, đầm không rộng, nhà mái tranh, con đò nan mảnh mai trôi lững lờ trên sóng nước hiền hòa, khuôn đất nhỏ vàng nhạt, từ trên cao vẫn tưởng được độ cứng và vẻ bóng bẩy phẳng lặng in từng đường chổi mới

quét qua ... Quê hương thương yêu nồng nàn dưới đó, dưới độ cao 100 thước, trên lưng đàn trâu về chuồng, cong đôi sừng nghếch khuôn mặt chịu đựng, giương đôi mắt võ vàng nhìn tiếng động trên không.Lòng bồi hồi run rẩy như vừa qua khỏi chốn linh thiêng ... Bao nhiêu phần đất của quê hương còn đượm vẻ thanh bình này ?Chắc còn rất ít, hay chỉ còn lại trên ảnh trên tranh, trong trí tưởng, trong ao ước ... Vì khi máy bay vừa đến Huế, nhận được lệnh di tản thương binh, phi hành đoàn chỉ kịp và vội miếng cơm, lấy tọa độ bãi đáp và tầng số làm việc, bay liền hướng Hương Điền dọc Phá Tam Giang.Tiểu đoàn 6 và 8 TQLC vừa đụng trận.
Trời sập tối, cảnh vật xanh xanh xám xám, chút sương mờ đã dâng lên từ mặt nước.trực thăng qua La Vân, Hương Cổ, Quảng Điền, những nơi chốn quá quen byết bao nhiêu lần xuôi ngược trên bờ lúa dọc con sông xanh thẫm lác đác những lá tre già.Tàu vượt Phá Tam Giang - A! Lại một chốn xưa huyền bí - Phá mông mênh bí mật u trầm, phá xôn xao chuyển dịch những lượn sóng xuôi ngược, phá nồng nàn say sưa như tuổi nhỏ khi đọc đến câu “Yêu em anh cũng muốn vô.Sợ truông nhà Hồ, sợ Phá Tam Giang.”Vật biểu lượng ngăn trở tình yêu là đây, tôi nhớ lại được nỗi rung động náo nức của tuổi mới lớn.. Nhưng bỗng nhiên như luồng sét thật mạnh đánh sát mặt, như kẻ bị phụ tình trong giờ khắc say đắm nhất, tàu đã bỏ mặt nước xanh để bay lên vùng cát trắng.Tôi lao đao như từ ánh sáng vào bóng tối, tôi tóe lửa ngộp ngộp hơi thở như gió thổi mạnh đập vào mặt.Nỗi mơ mộng tan vỡ, vỡ bùng không còn chút níu kéo.tôi đang bay trên một quê hương điêu linh, không thể trốn chạy được ... Lũy tre xanh, bọt sóng đầm xô đẩy, núi Túy Vân lặng lẽ, mảnh vườn đất phẳng, nụ cười sáng, bàn tay vẫn trên đồng xanh không có giá trị gì nữa.Quê hương đẹp đó quá ít, quê hương này, quê hương dưới chân, trên cát trắng quê hương trải dài theo biển từ Thế Chí, Đại Lộc qua Mỹ Thủy, Triệu Phong mới thật sự điển hình cho tàn tạ, tàn tạ tuyệt vọng câm nín của những “ổ” nhà nằm rải dài trên 30 cây số ngút ngàn lặng lẽ.Ba mươi cây số không nhà, chỉ độc một chuỗi ổ chuột sùm sụp ép mình trên cát, chơ vơ thụ động dưới mưa bom và đại bác - Tội quá trời ơi, năm xưa 1967, khi qua vùng này đã phải cúi mình xuống làm đôi để nhìn một gia đình một mẹ năm con ngồi ôm lấy nhau dưới mái lá như vượn mẹ bồng con ngồi co mình nhìn lũ người cay độc ... Bao ngày qua, đời sống dưới mái lá đó càng thêm độ thê thảm.Không đồng lúa, không nghề chài, họ ăn gì, lấy gì để sống qua hằng hằng tháng ngày tân toan, rồi lại thêm bom rơi đạn rớt, bom đạn không phải chỉ một cơn một lúc nhưng phủ đầu và ngập

mặt.Trước 1967 đến bây giờ là bao lâu ?Còn con người chăng trên bãi cát trắng dưới những "ổ" lá nằm rải rác trên dải quê hương điêu tàn đó ?Có đàn lợn đi lang thang trên bờ biển, loài thú tầm thường bình yên, không thích hợp với hùng vĩ của đại dương chạy tán loạn khi nghe động cơ vang nổ ... Chữ Gia của tiếng Hán đuọc biểu tượng bởi một mái nhà dưới có chữ Thỉ - Trên giải đất không nhà này đâu còn nơi nương náu cho loài thú tội nghiệp kia - Người sống làm sao được trong tan nát này hả trời ?Câu hỏi buồn cười tội nghiệp vang âm thầm làm nhói cơn đau nhức nhức ở nơi ngực.
Không thể gọi là "dãy phố buồn hiu" nhưng phải gọi "dãy quê hương thê thảm," cũng chưa đủ

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 16
Dậy Đường Tử Khí

Không khí tàn tạ của vùng Mỹ Thủy, Hương Điền, vẻ đau đớn lạnh cứng của xác người lính Thủy Quân Lục Chiến Tiểu Đoàn 8 khi gió thổi lớp Poncho dán chặt vào mặc để lộ chiếc đầu tròn sống mũi thẳng, năm ngón tay tái xanh có những móng dài đầy đất của tối hôm qua trên trực thăng không còn nghĩa lý gì so với cảnh tượng trước mặt.
Tôi đang ở trên cây số 9 từ Quảng Trị kể đến, vùng thôn Mai Đẳng, xã Hải Lăng..Không thể dùng một chữ, một tĩnh từ, không thể nói, khóc, la, trước cảnh tượng trước mặt, chỉ có thể im lặng, chỉ có thể nghiến răng, bặm môi, dù răng vỡ, môi chảy máu tươi, tay luống cuống, mắt mờ nhạt, mũi phập phồng.Không có thể biết gì về thân thể đang mở ra trước sự tàn khốc trước mặt.Trời ơi ! Hình như có tiếng kêu mơ hồ dội ngược ở trong lồng ngực, trong cổ họng, nơi óc não, hay chỉ là ảo giác của con người mất hết khả năng kiểm soát.Kiểm soát làm sao được nhịp đập của quả tim, không ai ngăn cản cơn chớp liên hồi của đôi mắt, tay nổi da gà, những sợi gân ở thái dương phồng lên đập xuống - Mệt, máu chảy ngúc ngắc trăn trở lăn lóc khô khan khó nhọc trong những gân căng đến độ chót ... Cũng không phải như thế - Tôi không biết, hoàn toàn không biết được gì của xác thân.
Tôi không còn là người đang sống, vì sống là sống cùng với người

sống, chia xẻ vui buồn, đau đớn lo âu với người sống.Chung quanh tôi, trước mặt chỉ còn một hiện tượng, một không khí - Chết.Phải, chỉ có sự chết bao trùm vây cứng.Chỉ có nỗi chết đang phơi phới bừng bừng che kín không gian.
Đã sống trong cảnh chết của trận Đồng Xoài năm 65, trận Bình Giả năm 64, đã nằm cùng, ngủ chung với xác chết qua một thời gian dài, nhưng bên cạnh những nín lặng đau đớn của những cái chết này vẫn còn tiếng nói, tiếng động của người sống dù là tiếng khóc vật vã, lời kể lể thống thiết của những người mặc đồ tang lăn lộn trên xác chết đã sình chương mới được kéo về sau bẩy ngày tử trận.Những cảnh chết còn không khí người sống, tôi chịu được - sự chịu đựng khốn mạt chỉ có chiến tranh mới dạy được cho người.Và mới gần đây, An Lộc với những ngôi mộ vô danh, mộ tập thể, những cái chết câm lặng đến độ chót của đau đớn kinh hoàng, người cha trầm tĩnh đi tìm từng cái chân, cánh tay của năm đứa con vừa bị tan thây vì quả đạn đại pháo, nhưng lại còn được một nấc chót - Bên cạnh người chết vẫn có người sống - Người sống, dù với thể xác vô tri, đi đứng hcuyển dịch như thứ người cuồng tín bi thảm - Người điên buồn, điên lặng, điên câm nín, điên ở trong, điên chạy ngược, thấm đẫm, trĩu nặng từ tế bào thần kinh - Dù sao cũng là Người Sống.Ở An Lộc, tôi còn thấy được loại người cuối đáy đau thương đó.An Lộc lại quá nhỏ, chỉ hơn một cây số vuông, cái chết cô đặc lại, ngập cứng vào người nhanh và gọn như nhát dao ngọt.Cái đau đến chớp mắt, người chưa kịp chuẩn bị thì đã lún hẳn vào trong ... Tôi cũng chịu đựng nổi, gồng mình mà chịu, chịu được như chiếc bóng căng phồng khí độc. Ở đây, Giáp Hậu, Mai Đẳng, Hải Lâm thì khác hơn An Lộc một bậc, hơn trên một tầng, tầng cao ngất chót vót, dài hơn An Lộc một chặng, dài hun hút mênh mông.sự chết trên 9 cây số đường này là 9 cây số trời chết, đất chết, chết trên mỗi hạt cát, chết trên đầu ngọn lá, chết vương vãi từng mảnh thịt, chết từng cụm xương sống, đốt xương sườn, chết lăn lóc đầu lâu, chết rã rời từng bàn tay cong cong đen đúa ... Nhiều quá, 9 cây số hay 9000 thước, mỗi thước trung bình hai bộ xương tung tóe, vậy tất cả là bao nhiêu?Chỉlấy con số trung bình vì có chiếc xe hồng thập tự chổng bánh vỡ sườn để lộ những bàn chân đen thòng ra ở cửa đằng sau ... Chiếc xe Honda gẫy đôi, còn xót lại hai đôi dép Nhật, người ở đâu ?Không làm phân biệt được tay này, chân kia, đầu lâu người nọ ... Chiếc xe công binh ủi một đường dài, những xác chết, không, phải nói những bó xương bị dồn cùng áo quần, vật dụng, chạm vào nhau nghe lóc cóc, xào xạc, “đống rác” người ùn ùn chuyển dịch, một chất nhờn đen đen

ươn ướt lấp lánh trên mặt nhựa - nhựa thịt người !!Trời nắng, đồng trắng, con đường im lìm, động cơ chiếc xe ủi đất - phải gọi xe ủi người mới đúng - vang đều đều, hơi nắng bốc lên từng đường trên mặt nhựa, hơi nặng mùi ... Vạn vật chết trong lòng ánh sáng.Ánh sáng có mùi người
Làm được gì bây giờ? Bịt mũi, che mồm, nhưng tất cả vô ích, hơi chết đọng trên da, chui vào mũi, bám trên áo, hơi chết hít vào phổi trôi theo máu. Tôi đang đứng trong lòng của sự chết.Tránh làm sao được, ai có thể ra khỏi khối không khí của nơi sống?Những cảnh chết tập thể của người Do Thái ở các trại tập trung gây nên niềm bàng hoàng xúc động vì người chứng kiến thấy được “xác người,” xác chồng chồng lớp lớp có thứ tự, gọn ghẽ nguyên vẹn... 9 cây số đường chết của Quảng Trị không còn được quyền dùng danh từ “xác chết” nữa, vì đây chết tan nát, chết tung tóe, chết vỡ bùng ... Chết trân tất cả mọi cái chết.Không còn được “người chết” trên đoạn đường kinh khiếp đến tột độ của chốn quê hương thê thảm.Giáp Hậu, Hải Lâm :Tên nhớ vào máu dù sau này tôi chết, ký ức cũng không thể phôi phai ...Đã dùng hết tất cả chữ nghĩa có trong đầu, nhưng chưa đủ, chắc rằng chưa thể đủ được, tôi điều tiết hết cả thần kinh để đón nhận, ghi nhớ nhưng nhận không vừa, ghi không nổi ... Lòng bây giờ cũng như dây đàn đã đứt, chỉ còn thoáng âm ba cứng đỏ mơ hồ không kìm giữa nỗi chết.Đau choáng váng, ngất ngư dật dờ bởi thứ men chết dậy lên hừng hực như nắng sáng.
Pháo vẫn còn rơi ở phía trái con đường, rơi từng ba quả một, từ vùng Tây Bắc đến, người lính Công Binh vẫn từ từ cho xe ủi “người,” tôi vẫn lặng lẽ hút những hơi thuốc đắng.Nếu pháo nổ ở đây thêm hai xác người nữa thì có là bao !Không gì lạ nếu tôi và người lính Công Binh này chết.Chẳng có nghĩa gì khi thêm hai đầu lâu mới, bốn cánh tay, bốn bàn chân và ít ruột gan rơi rớt đẫm máu văng trên mặt nhựa này ...Đúng như thế vì những đầu kia, tay nọ chắc cũng đã qua một lần rung động, cũng có qua một vết kỷ niệm, một đời nồng nàn ước vọng, sung sướng và hạnh phúc.Bây giờ còn gì nữa đâu trong chiếc sọ đen nâu dính chút thịt nhão nát và lọn tóc khô rối rắm.Người đàn bà, sinh vật đã một lần yêu quý, đã một lần thiên đàng rực sáng của tình yêu, là hạnh phúc mầu nhiệm của người mẹ ...Còn gì đâu trong chiếc sọ nồng thối lăn lóc nọ ?...Hết nơi cho Người, hết thật.Lọt vào 9 cây số này con người đã hoàn toàn tận diệt, sinh vật người hoàn toàn tận diệt. Hết, một chữ ngắn gọn để diễn tả cơn tan vỡ cùng cực ... Chỉ còn được mỗi chữ này.

Chương 17
Cảm Giác Lạ

Xe ra khỏi, không, phải nói rằng đó chỉ là cảm giác tự đánh lừa mình, vì không ai có thể ra khỏi được nỗi chết trùng vây kín.Đến La Vang thượng, xuống đi bộ vào La Vang chính tòa, nơi bạn tôi, Tiểu Đoàn 11 Dù đang chiếm giữ.Hai cây số đường đất giữa ruộng lúa xanh cỏ, tôi đi như người sống sót độc nhất sau trận bão lửa đã đốt cháy hết loài người.
Đường vắng, trời ủ giông, đất dưới chân mềm mềm theo mỗi bước đi, gió mát và không khí thênh thang.Ngồi xuống vệ đường bỏ tay xuống ao nước kỳ cọ từng ngón một - Tôi muốn tẩy một phần sự chết bao quanh ? Có cảm giác lạ :tôi vừa phạm tội, tôi được sống.Phải, tôi có cảm giác như chính mình vừa giết người và dành quyền được sống, chính bàn tay này vừa tham dự vào trò tàn khốc ...Tôi nghĩ lộn xộn điều này nối lấy điều kia, hổ thẹn, uất ức, giận hờn, đau đớn và ... vô tri giác.Tôi muốn “chửi” Tướng Giai.Dù có bị thôi thúc, ép buộc từ một chiến lược nào đó ông ta cũng không thể bỏ Quảng Trị trong bất thần để đến nỗi 9 cây số đường kia phủ thịt người.tôi cũng muốn chửi Bắc Quân.Dù luật chiến đấu là phải thắng, nhưng ai nỡ bóp cò để B40, B41, 75 ly sơn pháo, từ trên những cao độ của Xuân Lâm, TrườngPhước, Trường Thọ (những tên gọi sao cay đắng) nổ vào những “mục tiêu” xao xác - D0oàn người chạy loạn.Thắng trận ở đâu khi những mục tiêu đau đớn đó ngã xuống ?Tội nghiệp, những người lính của Đại Đội 3 Quân Y còn tưởng đến giá trị của chiếc cờ trắng chữ thập đỏ nên đã trương lá cờ thụ động vô nghĩa để băng qua sự chết.Bắc quân, hình như anh đã không có tình người, cạn tình người.Anh giải phóng cho ai khi đi giết con người ?Tôi muốn hỏi điều đó, hỏi vang vang, hỏi bằng tiếng thét đến vỡ cổ, bật máu, tôi muốn hỏi tại sao Người giết Người tỉnh táo và tàn tệ đến thế kia ? ... Từ nơi đặt súng đến “mục tiêu” không quá 1 cây số và gần nhất dưới 50 thước, anh không nghe tiếng thét khi Người chết sao ? Tôi muốn hỏi người lính miền Bắc với hết cả thống hận trong lòng.Căm thù nào trên người đàn bà tóc rối bế con chạy xôn xao giữa giòng người tan nát ?Tôi muốn hỏi, hỏi ngàn lần, hỏi vạn lần người mang danh hiệu là lính của Quân Đội Nhân Dân.Nhân Dân

để gọi những ai ?Tôi muốn hỏi một triệu triệu lần bằng tiếng thét vô hình nổ bùng trong đầu óc khi ngồi giữa cánh đồng trống.
Muốn cào mặt, đấm ngực, cắt da để máu chảy thành giòng, để nhìn thấy mình cũng "được" đau đớn, chia sẻ.Tôi bất mãn với chính tôi trong trạng thái ù lỳ vô tri khi giương mắt nhìn rõ chiếc sọ người tóc rối.Phải, tôi cũng muốn chửi cả chính tôi, thật sự như thế ... Tôi cũng có tội, tôi cũng có tội đấy, trời ơi!!
Đi vòng vòng ở sân của Vương Cung Thánh Đường, nhìn tượng thiên thần, tượng Đức Mẹ, cây dương liễu cháy xám ... Những cảnh sắc và nơi chốn này đối với tôi là kỷ niệm không phôi phai, nhưng bây giờ sau khiqua 9 cây số chết, lòng cứng, não trơ, tôi đi xiêu vẹo ngả nghiêng trong lòng nắng và gió nồng ... Ngửi và thấy toàn người chết.Trí óc không nghĩ được cái gì hơn ... Đi qua ngôi nhà xưa khi mùa đông 66, 67, tôi, Thừa, Hổ và anh Bảo ngồi ghếch chân lên gốc cây thông uống bia đá.Trời lạnh nhưng cũng phải uống nước đá, chúng tôi vừa ở núi, nơi đầu sông Thạch Hãn rút ra, 15 ngày trong đó ... Bây giờ những bạn xưa đã chết, tôi thì đang bị vây khốn trong một trời thống khổ, làm cái gì đây ?Còn gác chuông của nhà ông Trùm họ đạo : Tôi nhớ căn nhà này có một cô gái, Hổ đã trêu ghẹo cô ta một câu trước khi rút quân đi, Hổ chết đầu Xuân 68, cô gái bây giờ ở đâu ?Hay cũng đã chết tan trong một vùng lửa đạn.Bước qua gạch ngói của căn nhà đổ nát, tôi đến gác chuông kéo sợi dây, hai quả chuông quá nặng, phải kéo bằng cả hai tay ... Kính ... coong ... Tiếng chuông âm u vang động ; vang vào trong núi không nhỉ ?Nơi đây là một bình nguyên trùng điệp và Trường sơn bao vây nơi xa ... Vắng vẻ quá !Tôi nói thật lớn cho chính mình nghe.Chẳng biết nên làm gì ?Giật dây chuông thêm một lần nữa ...
Về theo chuyến tản thương, người thương binh nặng nhất chốc chốc ứa chút máu hồng, bên cạnh, gã tù binh bị thương nằm mê man ...
- Tụi này cứng cổ lắm, bị thương nó nằm lì để bắt mình vác đi, đ ..m .. nó lại được nằm băng ca trong khi tui phải bò bằng cùi chỏ !! Anh lính bị thương hai chân ngồi dựa thành xe chửa đồng ...
- Thôi, mình khá hơn tụi nó là chỗ này, lỡ cứu nó, cứu cho trót. Tôi tìm đường nói cho anh lính khuây khỏa, quả tình cũng không tin được lời nói của mình.Vì khi đi ngang căn nhà ở cạnh trụ sở xã Hải Lâm, nhìn cảnh người đàn bà ngồi "tước" từng sợi thịt ra khỏi xương người chồng.Người vợ ngồi kẹp đầugiữa hai gối, tước từng sợi thịt đã nâu đen nhão nát trên xương ống tay và chân ... Bà ta dùng bàn tay "xoa" lên trên lớp xương sọ, vừa để đuổi kiến vừa để tẩy phần da ươn ướt mòng dính vào khối xương mũi, động tác bình thản thân ái

như người vợ trong khi âu yếm tay lên mặt chồng.Ôn ơi là Ôn ơi !! Tiếng khóc nhức nhối than van gầm gừ trong cổ họng như đánh nhịp khi người vợ "nắm" đầu người chồng lên bằng hai ngón tay thọc vào ổ mắt "rảy" cho hết kyến !Tôi biết gã tù binh nghe nhưng cố lờ, gã ngủ trên suốt đường di tản mặt bạnh ra khiêu khích.Người lính của ta có thù hận một chút cũng không sao.Có điều không công bằng giữa hai phe lâm chiến, lính ta đánh giặc không thù hận, tôi biết điều này vì tôi cũng là một lính tác chiến.
Trên xe ra phi trường nghe câu chuyện của hai vợ chồng già quá giang ở băng sau, tôi chợt khám phá ra mọt điều : Dân chúng vùng Thừa Thiên, Quảng Trị đã sửa soạn đón chờ tàn khốc qua tiếng nói.Họ không nói, nhưng than vãn, kể lể, rên xiết.Nỗi oan khiên vô hình chập chùng trên mỗi âm, mỗi chữ, cách lên xuống của từng câu.Không nói quá đáng, từ lâu, đã cảm thấy nhưng chưa kyểm chứng cho đến hôm nay ba thàng mười ngày, lại một số lượng thời gian bí nhiệm mà người Trungcứ mãi nhắc tới, tức là 100 ngày của trận chiến cuối mùa, 3 mặt trận : An Lộc, Kontum, trị Thiên đều cùng có một mẫu số chung : Dân Trị Thiên là nạn nhân đa số.Vì dân cạo mủ ở an Lộc, người dinh điền ở Kontum cũng là những di dân Quảng Trị.Thậm chí ở chiến trường Bình Giả, số lớn nạn nhân cũng không ai ngoài những người dân vừa mới di cư từ Cam Lộ, Khe Sanh vào ... Thôi đó là tai ương tiền định, Trị Thiên còn là Câu Ô, xứ sở của người Chàm mà người Trung gọi là Hời.Âm thanh sao nghe qua thê thiết, oán hờn, rồi lại còn giọng hò nữa ... Ai đã đứng ở bờ sông Bồ (chảy qua An Lỗ)sông Thư Rơi (Mỹ Chánh), sông Hương nghe giọng hò cất lên từ những khoang đò khi chiều vào tối mới hiểu được vì sao có những quê hương cứ mãi tàn tạ, oán hờn ... Định mệnh đã xếp đặtthế.Chì còn lời này để an ủi kiếp đắng cay.

Chương 18
Người Lính Viet Nam

Một nhiệm mầu
Chiến trận vẫn tiếp diễn, tôi lại bị kẹt trong một guồng máy tầm thường hèn mọn, phải bị trói chân, buộc tay, hằng ngày dẫn một Đại Đội Địa Phương Quân đi chặt ô rô, cóc kèn, dừa nước, phải liên lạc,

nhận lệnh từ những sĩ quan đặc ước cựu binh sĩ, Hạ sĩ quan của quân đội thuộc địa, những "cấp chỉ huy" sáng giá, những Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng mà chủ đích của công việc là làm sao "vồ" được một số tiền trước khi đổi đời, lộn giống ... Trong tầm thường cay đắng này, tôi cứng người vì hổ thẹn cùng nỗi uất ức điên cuồng lặng lẽ.Hết, phải giã từ những chiến hữu hào kiệt, phải giã từ những chiến trận mịt mùng lửa dậy, phải giã từ ngày căng thẳng giữa hai cọc sống - chết và đêm nóng đỏ của hơi bom rát mặt...
Ngày ngày ngâm chân xuống bùn sâu của những kinh rạch chằng chịt vùng Bến Lức, Long An, đêm dẫn bẩy người lính nằm phục kích trên bờ ruộng, tôi nhìn sao, nhìn trời, nhìn cơn gió và ánh nắng, tưởng nhớ đến những nơi xa, nơi chiến trận trùng trùng giăng kín những người quen hay không quen ngã xuống trong mỗi giờ qua, mỗi ngày tàn.Tiểu Đoàn 11 Dù ở quảng Trị vừa chết thêm một Đại Đội Trưởng - Nguyễn Phúc Long, Đại Đội Trưởng chỉ huy, như thế có nghĩa là pháo đã tăng cường độ, tăng rất cao, rất mạnh.Tiểu Đoàn 3 Dù chết anh Thiếu Úy Thủ Khoa một khóa Sĩ quan Trừ bị, cựu sinh viên luật từ Pháp về, con một ký giả, cựu Thủ Hiến, một Trưởng Hướng Đạo. Tiểu Đoàn 3 Dù nằm dưới Mỹ Chánh, vậy là chiến trận đã trở chiều.Rồi chiến trường Quảng Ngãi tăng cường độ.Bạn tôi, Lê Văn Nghĩa, Chi Đoàn Trưởng chiến xa lừng lẫy 1-4 mất tích ở mặt trận Quế Sơn, mất tích hay chết?Đau biết mấy, tháng trước Nghĩa vào Sài Gòn chạy đôn đáo để tìm tôi... Tìm tao làm gì hở Nghĩa, phải chăng mày biết điềm đi khuất nên tìm kiếm để giã từ!Ôi, bạn thân thiết của một đời mà bao nhiêu năm không gặp, lúc có thể gặp lại thì đời đã đóng cửa biệt ly. Đau, cảm giác đau đớn rì rầm soi mòn cơ thể trong tháng ngày tiêu hao làm tôi gẫy đổ từng vụn nhỏ. Ở vùng II, Tiểu Đoàn Biệt Động Quân của Ngô Văn Mai, Tiểu Đoàn giải phóng Bồng Sơn đang kêu gọi tôi đến, hăm hở sửa soạn chuyến đi dài với Biệt Động thì chiếc cùm cứng nặng đã gông vào quanh cổ, làm gì đây? Giữa đám mây, cơn mưa chợt đổ ào xuống khi chân ngập dưới bùn lầy rạch Rít, tôi ngẩng đầu nhìn hạt mưa mà gởi đến chiến trường bạn hữu nơi xa tiếng thét lặng căm chất chứa những cay đắng lẫn ngậm ngùi. Rồi Thủy Quân Lục Chiến sau 27 tháng Bẩy, thay thế Nhẩy Dù để "dứt điểm" cổ thành Quảng Trị.12 giờ 45, ngày 25 tháng 7 tôi ở đấy, chứng kiến Tiểu Đoàn 5 Dù "mớn" bờ thành và "dựng đại cái cờ," lời Đại Đội Trưởng Đại Đội 51/TĐ 5 Dù.Gần hai tháng qua đi, Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến đổi 6 Dù, 3 TQLC đổi 5 Dù, 9 TQLC đổi 11 Dù, Trâu Điên (2 TQLC), Quái Điểu (1 TQLC) chận đường cửa Bắc ngang sông Thạch Hãn, những Tiểu

Đoàn Mũ Xanh quá quen thuộc, quá gần gũi với những Nghiêm, Liễn, Tiền, Hợp, những bạn thân, đấy là chưa kể Tùng, Để, Phúc, Kim, Tống, những niên trưởng “đúng chỉ số” đã phải chịu bao nhiêu gian nan để bước chân vào nội thành, nơi tòa nhà của Tiểu Khu Quảng Trị ... Gian nguy, hình như danh từ này không đủ, không làm sao đủ được vì cổ thành là gì, nếu không phải là cục đá vuông với bề dài mỗi cạnh 590 thước, cao và dầy 5 thước - Mục tiêu được đo bằng số chính xác đó gồm trăm ngàn viên gạch ghép lại đã thấm bao nhiêu lít máu ?Mua bằng bao nhiêu mạng người ?Bao nhiêu đời sốngđã đánh đổi lấy bức thành rộng năm trăm thước vuông đó, bao nhiêu ?27 tháng 7 - 15 tháng 9 là 48 ngày, và nếu kể từ 7 tháng 7, lúc Tiểu Đoàn 7 Dù vượt qua ngã 3 Long Hưng vào cách chi khu Mai Lĩnh 300 thước thì mặt trận thành phố Quảng Trị thực sự đã kéo dài trong 68 ngày, 68 ngày với lực lượng 4 tiểu đoàn Dù (5, 6, 7, 11) trong giai đoạn đầu và 8 tiểu đoàn TQLC (giai đoạn 2) cùng một liên đoàn BĐQ.Trong 68 ngày đó, đặc biệt là 48 ngày của Thủy Quân Lục Chiến, các tiểu đoàn của ta đã phải chiến đấu liên tục trên một chiến trường dài hai câynăm trăm thước từ ngã ba đường Lê Văn Duyệt, đường vào TRí Bưu đến Long Hưng, ngõ vào Quảng Trị, và ngang một cây số hay 1000 thước - Những con số phải viết chính xác để nói lên một chiến trường hẹp cứng gai góc hết ý niệm chiến trận - Chiến trường có diện tích Hai ngàn năm trăm thước vuông đó đã được 15 tiểu đoàn bộ chiến bao vây và quét sạch từng thước đất, phải nói từng tấc đất nếu muốn giữ độ chính xác trong 68 ngày, 15 tiểu đoàn hay 7500 người phải đi qua 2500 thước vuông, vậy mỗi người có bao nhiêu thước chiến trận ? - Con số trung bình cho thấy 3 người lính có 1 thước vuông mục tiêu.Một thước vuông để tác chiến trong 68 ngày !!Quân sử thế giới trước và sau Quảng Trị, không còn một nơi nào, không thể có một chiến trường nào chật cứng đứt hơi bằng Quảng Trị, Việt Nam ... Chắc chắn như thế.Trong 68 ngày đó, 6 tiểu đoàn pháo của hai sư đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến đã bắn bao nhiêu trái đạn, dàn hải pháo của Hạm Đội số 7, phi cơ Việt Nam đã đánh 7 phi tuần xuống góc đông bắc cổ thành, mở đường cho Tiểu Đoàn 5 Dù ; 7 phi tuần gồm 14 phi xuất, một phi cơ trong một phi xuất đánh 12 trái bom từ 250 ký đến 500 ký ... Vậy trong 68 ngày, bao nhiêu bom đã rơi xuống trên mỗi phần đất của thành phố chiều dài không quá 15 phút Honda đó ?!!Quảng Trị !Muốn kêu lên một tiếng nhỏ, muốn nhỏ một giọt nước mắt - Thành phố quê hương là thánh địa chịu nạn cho hết tai ương nhân loại - Không còn một nơi chốn điêu linh nào của địa cầu qua mặt nơi mang tên Quảng

Trị.Không có một nơi nào.
Để kết luận, ta tìm một sự so sánh.Người Đức bao vây Stalingrad 76 ngày, người Mỹ giữ Bataan trong 66 ngày, Corregidor 26 ngày, quân lực Anh và Khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk trong 241 ngày.Và gần gũi nhất, Điện Biên Phủ thực sự bị bao vây là 56 ngày.Những cuộc bao vây và tử thủ lừng danh này được thực hiện bởi súng Sten, Mat 36, Garant, Carbin M1, loại vũ khí hàng đầu của Bộ Binh Mỹ, Bộ Binh số 1 của thế giới !!!Những trận đánh để đời của quân sử thế giới đó có là gì so với Quảng Trị khi một anh Hạ sĩ nhất 17 tuổi, Trần Văn Rony của Tiểu Đoàn 6 Dù hạ gần 100 Cộng quân trong một ngày chiến trận ... Dưới đất là cá nhân chiến đất khai triển tối đa, trên trời 1 pass B52 đi qua (sau 27 tháng 7, phi cơ Mỹ và B52được lệnh đánh Quảng Trị) với 3 chiếc, một chiếc chở 42 trái bom 250 ký, 24 trái bom 500 ký, cùng đánh xuống trên diện tích không quá 500 thước bề dài ... Còn gì nữa không ?Quả thật không còn đủ chữ nghĩa để nói hết “nồng độ” của chiến trường.Từ ngã tư Quang Trung - Duy Tân, nơi Tiểu Đoàn 6 Dù bàn giao lại.Tiểu Đoàn 6 TQLC đã mất hết 48 ngày để đánh đến vào góc thành đông nam cổ thành Đinh Công Tráng - 48 ngày tác chiến dằng dặc thường trực trên trục tiến quân dài đúng 400 thước ; 400 thước đầy chốt, chốt gồm một tổ 3, 6 hoặc 9 người, gồm đủ B40 và thượng liên, chôn cứng dưới những công sự chịu đựng được bom, chốt được bao bởi một hàng rào cối “cơ hữu” từ những chốt lớn đằng sau và đại pháo 130 từ Đông Hà, Bến Hải, Khe Sanh bắn xuống - Qua được một tấc đường, đến gần một điểm chốt là bò trên nỗi chết cụ thể như lớp đất đá ngổn ngang mà bàn tay chạm phải khi lần mò tìm kiếm lối đi ... 400 thước cho 48 ngày tác chiến không dứt thở, còn điểm “thông hơi” nào của chiến trận để chiến sĩ ta chịu đựng khỏi đứt hơi.
Thế nhưng người lính đã sống còn và chiến đấu được, chiến đấu hào hùng hừng hực quyết tâm, 30 tháng 3 kể đến giờ này là 6 tháng hay 280 ngày đỏ lửa, người chiến sĩ ta có đêm nào ngủ được quá 4 giờ, bao lần bình yên cầm cái chén để từ tốn và miếng cơm nóng, người lính ta đã bắn bao nhiêu ngàn viên đạn, đã dựng mắt thức trắng mấy ngàn giờ ... Cái thân thể gầy gò nặng dưới 50 ký lô mang bốn ngày thức ăn và gạo, một bộ áo quần, chiếc poncho, võng, 600 viên đạn XM16, 6 trái lựu đạn M26, 1 hỏa tiễn M72, nón sắt và khẩu súng - Tất cả khoảng 40 ký - 40 ký đè nặng trên tấm lưng gầy còm hằn dưới xương sống trong 6 tháng để đi qua vực thẳm của nỗi chết trùng trùng, người lính còn là “nạn nhân” thụ động đến độ thê thảm của trò chơi chính trị được cò kè mặc cả ở những căn phòng kín

cửa.Đưa bàn tay chỉ còn một ngón, người sĩ quan của Trung Đoàn 57 Sư Đoàn 3 chỉ vào tượng Chúa ở ngực đểnói " "Tất cả những điều tôi nói là sự thật - Đầu tháng Tư trấn giữ ở phía bắc Đông Hà chính mắt tôi thấy 6 khẩu đại bác của Bắc Quân khai hỏa ở Ngã Tư Sòng (Gio Linh) cách tôi không đầy 3 cây số, phi cơ Mỹ được gọi tới và đánh cách mục tiêu 12 cây số ... Khẩu đội đại bác Bắc Quân để sát cạnh đường vào làng Kim Môn dưới chân đèo Ba Dốc, những điểm địa hình quá dễ nhận trên địa thế, vậy không có một lý do nào bảo tôi nhầm lẫn chấm sai mục tiêu cả 12 cây số !!Và rõ ràng nhấtlà ngày 25 tháng 7, ngày Tiểu Đoàn 5 Dù bám được bức tường đá Cổ Thành Quảng Trị, chỉ có mỗi phi cơ A37 của Không Quân Việt Nam yểm trợ cho đến 12g45, khi Nguyễn Tấn Sĩ thúc lính bòlên thành, buổi chiều Không Quân Hoa Kỳ can thiệp, dội bom nội thành - Kết quả vì hai trái bom đánh nhầm, Tiểu Đàn 5 mất đà, khựng lại và dội ngược ... Sư Đoàn Dù trống ngã bến Chùa, đường qua sông Thạch Hãn về NHan Biểu, Ái Tử - Đường tiếp vận của Bắc quân ... 9 tiểu đoàn Dù chỉ vừa đủ rải dài từ Mỹ Chánh đến Quảng Trị, từ đường chiến thuật 556B ra đến quốc lộ một lữ đoàn để chận con đường Ái Tử - Nhan Biều - Cổ thành là ước vọng tha thiết của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Dù hay cũng chính của Tướng Trưởng ... Ước vọng được căng dài trong 2 tháng không thực hiện !! Thế nên dù Tiểu Đoàn 5 Dù là tiểu đoàn hàng đầu của binh chủng, dù Tiểu Đoàn 6 là tiểu đoàn đã làm phép màu ở An Lộc, hai tiểu đoàn này có gồm những người lính đúc bằng thép cũng không thể dựng cờ Cổ Thành, không thể nào dựng được trong những điều kiện thuận lợi tái người như đã nói.Vậy bám được bờ thành như buổi sáng ngày 25 tháng 7 đã là một chiến công kỳ diệu. Chỉ có thể làm được với Tiểu Đoàn 5 Dù, đơn vị đã khai sinh sau vi tướng cho quân lực. Tướng Ngô Quang Trưởng khởi đầu võ nghiệp cũng với Tiểu Đoàn 5 Dù.
Người Lính Việt Nam đã chiến đấu và tồn tại như một nhiệm mầu. Trên mầu nhiệm bình thường lặng lẽ này Tổ Quốc điêu linh thở từng hơi ngắn đớn đau nhưng bền bĩ ... Chư nghĩa hoàn toàn vô nghĩa trước chân dung bi tráng hùng vĩ của người và quê hương.
Việt Nam tháng 10, 1972.

Mùa Hè Đỏ Lửa

Chương 19
Đêm Trên Bờ Thạc Hãn

Định mệnh, phải gọi sức mạnh bí ẩn và linh thiêng đó thêm một lần.. Phải, chỉ định mệnh mới có thể xếp đặt, dàn xếp tất cả tai ương, hạnh phúc, địa ngục, thiên đàng cho con người.Những sự kiện kinh hoàng nhất đã xẩy đến, những thống khổ đọa đầy nhất đã hiển hiện, tất cả tàn khốc chất ngất chiến tranh đã ào xuống trên Quảng trị, kéo dài qua Đại Lộ Kinh Hoàng trong mùa hè trước thì năm nay 1973, bắt đầu cho những ngày hè mới trên thành phố tan nát nhỏ bé này - Thành phố, chữ viết đến quá ngại ngùng ... Vì đống gạch đá vĩ đại kia có phải là một thành phố không ? - trên đoạn đường số 1 mà chỉ 365 ngày trước đây, hàng ngàn người đã nằm xuống với hiện thực của một địa ngục trần thế ... 365 ngày đi qua, trên bụi cỏ còn vương dấu mảnh áo quần cháy nám của người chết, trên lớp cát xám lạnh theo cơn gió đôi khi thoang thoảng mùi thịt da chưa tan biến hết và hằng ngày, hằng giờ trên Quảng Trị, “thành phố” không tiếng nói, không nóc nhà, lũ chó hoang sục sạo tung hoàng tìm kiếm mùi chủ cũ ... Trên dấu vết mới tinh của mùa hè khốc liệt vừa qua, những ngày hôm nay, mùa Hè 73 là sân khấu để diễn ra một tấn kịch khác - kịch Hòa Bình - Bờ sông Thạch Hãn, nơi trao đổi tù vĩ đại của một nền hòa bình lạnh buốt sống lưng - Định mệnh, chỉ có sức mạnh siêu hình này mới giải thích được

Máy bay đi qua An Lỗ, qua Phong Điền, qua Mỹ Chánh, trời mù sương nên trực thăng bay sát mặt đường ... Tôi lại thấy cầu Dài, cầu Ngắn, thấy hỗn độn trên cát trắng cảnh chết của toàn thể con người mà dấu vết sau một năm dài vẫn còn hằng hằng trên màn mắt ... Nhưng trước mặt, hai bên, trên chiếc trực thăng bây giờ tôi đang bị vây quanh bởi nón ông soa, nón cối, áo đại quân, áo tác chiến vải kaki Nam định và thuốc lá Điện Biên bay mùi khét ... Thượng Đế ơi, phải chăng người muốn ném tôi vào một cơn đùa !!? Hằng ngày đi bộ từ nơi của Nghiêm, (Tiểu Đoàn Phó TĐ ! TQLC) căn nhà lầu có lò gạch mà mùa Xuân Mậu Thân tôi đã đến ở và chiến đấu ... Trí nhớ vận dụng tối đa cũng không thể xác định được nơi chốn đã một lần trú ngụ ... Và Quốc Lộ 1, đường Nguyễn Hoàng, đường Gia Long, trạm xăng xưa tôi và Mễ mua xăng theo lối “ủng hộ,” quán sách đối diện Cổ Thành, quán bún bò ở bờ sông ... Tất cả chốn xưa mỗi ngày mỗi giờ đi qua vẫn không thể tìm ra dấu tích ... Quảng Trị ơi, trái tim muốn vỡ tan dưới tiếng than im lặng.Và tôi lại đến ngồi ở bến sông, nơi tọa độ YD3 ... Lịch sự, hòa nhã, kiềm chế hết phẫn nộ, đè xuống hết tức tưởi ... Thông báo cùng quý vị, thể hiện tinh thần hòa giải, thi hành nghiêm chỉnh Nghị Định Thư ... Tôi phải đối mặt với một kẻ thù

vẫn còn rất mới. Ngày này, tại đây, mùa hè năm trước. Trước mặt, Quảng Trị tan vỡ chập chùng qua lớp nước mắt vô hình
Thương thân, thương bè bạn, thương người, thương thành phố.Nỗi thương mến mênh mông nhưng dày đặc, thương mến rộn rã đau đớn, thương mến ngất bồn chồn ... Mỗi lần ngồi xuống chiếc canô chạy qua bờ bắc Thạch Hãn, thấy lá cờ vàng phất phới trên điêu tàn - lòng trùng xuống, độ phiền muộn sâu như hố thẳm ... Đêm khuya, sương mù mịt, trăng lạnh dọi xuống giòng sông đang lách tách con nước về biểnxa, nhìn phióa núi nơi bạn thân đang co mình dưới hầm để qua cơn pháo tập trung từ Gio Linh đổ xuống ... Đêm qua dần dần, ngày đến, trăng lặn vào nơi xa, màu vàng đục phiền muộn như nỗi uất ức ... Ngày hết hẳn, trời sáng, lính và dân tập họp đầy ở bờ sông để đón “anh em mình” về và chứng kiến những phương thức biểu lộ “đấu tranh cách mạng” hạ cấp, cố chấp và bỉ ổi của lũ tù được trả về bên kia - Nơi không có con người ... Đứng trong đêm, nghĩ chuyện trong ngày để thấy bội phục vô vàn lòng cao cả và sức chịu đựng siêu đẳng của Người Việt Miền Nam - Những người lính vừa qua đêm dài dưới pháo nổ và người dân còn hằn vết dấu kinh hoàng - Quảng Trị, nơi họ chứng kiến lũ tù Cộng Sản đi qua thoảng tiếng tru của lũ chó hoang đi tìm chủ
Lòng cố chấp và sự căm hờn, những khuyết điểm mà người viết dù ở hoàn cảnh nào cũng phải nên chối bỏ. Nhưng trong hoàn cảnh đau đớn này, phải cho tôi quyền phẫn nộ - Tính chất cần thiết để bảo vệ con người trước bạo lực. Cuốn sách đã hình thành trong cơn đau đớn, lần in thứ hai này người viết xin được gởi kèm theo một tình ý mới - Xin được coi như một vũ khí bảo vệ con người. Lời nói không phải mang tính chất kệch cỡm của một đại ngôn láo xược nhưng xin được nghĩ là sự cầu khẩn phát xuất từ một người Việt Nam trong hoàn cảnh bi thiết hào hùng - Hoàn cảnh của chính quê hương Việt Nam.
Một năm qua, những người lính được kể đến đã có nhiều biến đổi. Rất nhiều người thay cấp bậc và chức vụ, nhiều người tạm biệt chiến trường và những người đã ... chết.Bên cạnh đó, có những người sống lại, những người trở về và hỏa ngục Cộng Sản đã được xác nhận là một thực thể.Đồng thời những chuyến đi kế tiếp còn cho biết có rất nhiều trận lớn đã không được ghi nhận, như trận “Quận Triệu Phong” của Tiểu Đoàn 1 TQLC, trận đánh mẫu chốt mở đường cho chiến dịch tái chiếm Quảng Trị - Quận đường Triệu Phong , chốt chận đường tiếp vận của Bắc quân từ phía bắc theo sông Thạch Hãn vào Quảng Trị. Thế nên, phải xin lập lại một lần câu tạ lỗi.Một cá

nhân trong thời gian giữa các chuyến đi không thể nào có khả năng ghi nhận đủ toàn thể một cuộc chiến vĩ đại.Cuộc chiến vượt hết cả cuộc chiến lịch sử chiến tranh loài người.
Quảng Trị- Tháng 3-73

Nguồn: đăc Trưng
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 17/06/2005 3:39:56 CH

Phan Nhật Nam

Những Dòng Sông Chảy Qua Vùng Đá Sạn

Lời tác giả

Nhỏ chị ấy sinh đúng một năm sau di cư, 1955 tại Phố Hàng Đường, Hà Nội. Nó tuổi Mùi thua mầy và tao đúng mười tuổi. Nhỏ hơn mười tuổi nhưng nỗi đau, cảnh khổ của nó so với của mầy và tao...

Khi cô phụ tài Xe Đò Hoàng tuyến đường San José-Westminster (Bắc-Nam Cali) mở băng DVD ca nhạc trình diễn màn hát Quan Họ thì hai người khách đàn bà bắt đầu câu chuyện với cách bí ẩn riêng tư, diễn tả qua từng nét mặt, âm tiếng thay đổi theo cảm xúc..

..Bà biết hát Quan Họ nầy hay như thế nào không?

- Làm sao biết được, giỏi lắm là ngâm nga theo điệu "Người ơi người ở đừng về.." Mà bà có hơn gì tôi để ra câu đố nầy nọ?

- Biết là vậy, tôi với bà di cư vào Nam năm 1954 còn "oắt tì xà lai", làm sao biết "ngoài Bắc ta"có cái gì, may ra còn giữ được giọng Hà

Nội khác với mấy cậu, mợ 75, "iem ở hà lội.. suốt".. Theo ông bố vào ở chỗ Hỏa Xa Đà Nẵng, đi học trường Bà Xơ dưới Nhà Thờ Con Gà bị tụi bạn trêu "Bắc Kỳ ăn cá rô cây nên hô răng..", thế nhưng, biết được cái hay của Quan Họ là do đứa chị kể lại sau nầy..

- Chị nào, chẳng lẻ mợ Nguyệt nhà bà lại biết được những điều mà tôi với bà không biết ra..

- Không, đây là nhỏ chị họ ngoài Bắc, gặp sau nầy ở Mỹ, nó qua đây làm đại diện thương mại gì đó cho bên Việt Nam, gọi là chị (tuy nhỏ tuổi hơn) vì là cháu ngoại lớn của bà cả, nó đẹp lắm, giống như Romy Schneidder trong phim Sisi Impéatrice (*)..

- Bà có nói quá không, người ngoài Bắc đẹp đến cỡ Brigitte Bardot mà chụp cái nón cối lên đầu như em Jane Fonda thì trông cũng chẳng giống ai.. Mà bà ngoại cả là sao? (**)

- Thì ông ngoại tao (khi "tôi" trở thành "tao", hoặc "bà" hạ xuống "mầy" tức là câu chuyện đã đi vào đoạn gay cấn, cấp thiết) là người Tàu, Tàu chính gốc, có đến chín bà vợ, đại gia đình sống như trong chuyện Hồng Lâu Mộng. Bà tao thứ Tám, ông lấy từ bên Miên đem về Sài Gòn, xong đưa ra Bắc nên mợ tao có tên ấy mầy không thấy sao.. Nhỏ chị ấy sinh đúng một năm sau di cư, 1955 tại Phố Hàng Đường, Hà Nội. Nó tuổi Mùi thua mầy và tao đúng mười tuổi. Nhỏ hơn mười tuổi nhưng nỗi đau, cảnh khổ của nó so với của mầy và tao cứ như núi, dẫu rằng mầy với tao chịu nạn sau 30 tháng Tư cũng đã nát người.. Chồng đi tù cải tạo, một thân nuôi con, vượt biên đến Mỹ

với thứ tiếng Anh Anglais Vivant nói đến gãy lưỡi, mỏi tay.. Nhưng dù sao bọn mình còn có an ủi với hai-mươi mốt năm nơi Miền Nam, và cuối cùng cũng đến được đất Mỹ. So với nhiều người, mầy và tao còn "hạnh phúc" hơn bao nhiêu kẻ khác.. Cứ như cảnh chị nhỏ ấy tao sợ chịu không thấu..

- Mầy nói thì tao nghe, nhưng với cảnh khổ ai có thể so sánh với ai, mấy ai nói mình khổ hơn hay khổ kém bao giờ.. Người bạn trầm giọng bùi ngùi, thương cảm.. Đời mầy cũng quá sức rồi, từ "sáu-mươi, bảy-mươi..", tiểu thư lái Mazda 1500, Mustang Capri đưa con đi học.. Qua "bảy-lăm" đẩy xe trâu làm ruộng dưới Suối Nghệ, Bà Rịa; rồi với hai con nhỏ chưa đầy mười tuổi vượt biên qua Thái bằng đường bộ Campuchia giữa bầy lính Polpot thôi cũng đủ đáng sợ như chuyện kể trong Papillion, lại thêm mấy năm ở Trại Cấm Sikiew, Thái Lan coi như ở tù không án..

- Chuyện tao kể ra cũng thường so với vạn, triệu người Nam, đời chị nhỏ ấy diễn ra theo cách khác, điển hình cảnh khổ của người Miền Bắc, lại là đàn bà có học, tài sắc, gia thế.. Tao không nói điều tưởng tượng, nghe ra chuyện mầy sẽ thấy lời tao chưa đủ. Nó lại luôn chịu cảnh khổ một thân, một mình..

- Sao lại một mình, chồng, con nó đâu..

..Đấy lại là một đầu mối của đau thương đời nó.. Đầu mối lớn nhất.

Chú thích:

(; **) Những nữ tài tử điện ảnh Mỹ, Pháp nổi tiếng trong thập niên 50, 60, 70..*

Những Dòng Sông Chảy Qua Vùng Đá Sạn

Một

Bé Giang Thanh sáng đẹp như khối ngọc toàn hảo. Sinh ra trong một chiếc túi đỏ rực - Đẻ bọc điều năm tuổi Mùi "*không chùi cũng sáng*". Và cô bé đã nhận ngay ân huệ lớn: Đau đậu mùa lúc lên ba nhưng dù chửa chạy qua loa bằng thuốc ngoại khoa cũng hết bệnh, chỉ để lại những chấm sẹo nhỏ trên cánh mũi như là nét duyên. Sống mũi cao chạy thẳng lên trán biểu lộ trí sáng và sự cương nghị. Nghe kể lại, ông ngoại thường bế đặt lên đùi, nhìn vào mắt cháu nói lời thương yêu thắm thiết: "*Tội nghiệp cháu tôi phải phận con gái.. Gía như là con trai thì dễ đương cự hơn với tử vi "Mệnh vô chính diệu, Địa Không, Hỏa Tinh độc thủ..",* bởi ông là người thâm cứu tử vi, thấy ra phận người đau thương qua lá số. Ông đặt tên nó là Giang Thanh như bà Nguyệt nhà tao được gọi là Minh Nguyệt theo ý thơ của Lý Bạch. Bà ngoại, vợ cả của một gia đình gồm tám phụ nữ tứ xứ, thuộc nhiều chủng tộc, sắc dân khác nhau, ông lấy về trên đường làm ăn phiêu bạc khắp Đông-Nam Á.. Nơi khởi đầu từ Vân Nam, đầu nguồn sông Thanh Thủy, dừng chân, dựng sở tại Hà Nội-Hải Phòng sau khi liên kết với viên chánh sở mật thám Pháp, Đại Úy Favani xây dựng nên đường giây nha phiến qua ba trục Côn Minh-Hà Nội-Sàigòn. Cũng bởi viên đại úy người Corse (*) nầy cùng chung sở thích-Đàn bà và thuốc phiện-Những thú vui tuyệt vời (lại sinh lợi tối đa) ông ta tiếp nhận, áp dụng, và khai triển bài học kinh nghiệm từ viên chỉ huy, Thiếu Tướng Tư Lệnh De Linarès. Phần gia chủ Uông Đại Dụng, dẫu xuất thân Đại Học Côn Minh, học viện cổ kính có từ Thế Kỷ 15 với tòa đại sảnh cao 99 bậc thềm nổi tiếng là một di tích lịch sử của thủ phủ Tỉnh Vân Nam, nhưng ông đã thấy rõ sự vô ích, vô dụng của học vấn, lại là thứ chữ nghĩa của Khổng, Mạnh, nên ông quyết chí làm

giàu.. Có tiền tức có tất cả - Tiền vi tiên. Ứng vạn biến. Ông gieo trồng, chế biến, sản xuất ra thứ đem lại nhiều tiền nhất: Thuốc phiện. Và tùy theo tình hình chính trị, thời cuộc quân sự, ông cũng là đầu mối chuyển một thứ hàng nguy hiểm không kém thứ thuốc kia: Thuốc súng, đạn, bom.. Ông bán súng, đạn cho những phe phái cần thiết đến chúng không phân biệt họ là ai: Thổ phỉ, cộng sản, đảng phái tư sản, kể cả kẻ tống tiền, giết mướn.. Bán cho ai ông báo cho viên đại úy biết, nếu cần, người nầy cung cấp thêm hàng cho ông tìm nơi tiêu thụ. Quanh bàn đèn, Đại Úy Favani nói lời khen ngợi: *Ông là người khôn ngoan nhất Đông Dương.* Uông Tiên Sinh không trả lời, ông đứng dậy châm hương lên bàn thờ - Bàn thờ do bà cả thiết lập với những mẫu tượng thánh thần sơn son thiếp vàng rực rỡ.. *Đại úy nói quá lời, tôi chỉ làm theo cố vấn của nhà tôi.* Ông nói thật vì bà cả đã từng vào Sàigòn với một cây roi mây.. Bà đến ngôi nhà (*Đường Trần Nhật Duật, Tân Định, sau nầy gia đình tao ở trước 1975, mầy đã tới chơi mấy lần – Người kể chuyện nhắc nhở*) ông mua riêng cho bà ngoại tao, nói lời đỉnh đạc, kẻ cả: Cô đừng sợ, đàn bà với nhau, tôi phải giữ cho cô, tội là do lão ghê gớm nầy.. Bà ghìm ông tao xuống, bà xử dụng những thế võ như thế nào đó (ông tao cũng thuộc loại cao thủ nhưng không chống lại).. Ông nằm im nghe vợ kể tội: Cô ấy còn trẻ, mới mười sáu tuổi, ông phải biết làm thế là thất đức, tôi sẽ chuộc phần lỗi của ông bằng cưới hỏi đúng lễ để chính thức xin cô ấy về.. Nhưng nay phải trừng trị để ông biết thế nào là nghĩa vợ chồng mà ông đã nhiều lần gây nên điều xúc phạm xấu hổ (Đối với tôi và cũng đối với cô ấy) - Lần nầy là lần thứ tám, lần cuối cùng. Ông nằm im nhận mấy chục roi phạt, xong đứng lên cầm tay bà cả: Tôi xin lỗi mình. Anh xin lỗi em. Ông quay qua nói với bà tao. Khi trở ra Bắc, ông đưa bà tao lên chiếc xe đua mui trần màu đỏ chạy từ Hà Nội về Hải Phòng, mặt căng kiêu hãnh với điếu xì gà ngậm ngược chỉa lên trời.. Bà cả ngồi băng sau cười cười coi như không có gì.

- Mầy vẫn chưa nói gì về nhỏ chị tuổi Mùi kia..

Chú thích:

(*) Corse: Đảo Tây-Nam nước Pháp, trong Địa Trung Hải, nổi tiếng với cư dân có tâm lý, tính khí mạnh mẽ do thổ ngơi, địa thế, môi trường cằn cỗi, khắc nghiệt.

- Tao phải nói rõ ra như thế để mầy thấy ông tao, bà cả, bà bác (mẹ

chị nhỏ ấy) ra sao để hiểu nó ảnh hưởng những gien như thế nào từ mẹ, bà, và ông ngoại. Nó là tổng hợp của những người kia với mức độ cao nhất – Cao nhất về sắc sảo tính khí, hạnh phúc, khổ đau kể cả dáng vẻ rất lạ của nó.. Cổ không chỉ cao ba ngấn mà đến những năm ngấn.

- Thế mẹ nó như thế nào? Bà bác của mầy..

.. Bà ấy là một trong những người đầu tiên (lại là phụ nữ) đi Pháp học về âm nhạc qua bảo trợ bởi lão mật thám người Pháp kia (đã trở nên là một người thân trong gia đình ông tao).. Trong nhà gọi là *ông Pha* và chỉ dùng tiếng Việt để nói chuyện. Bác tao kể: Ông ấy đã có nhận xét trong một bữa ăn: "*Tôi ăn đủ năm trăm thứ phô-ma của Tây ("Tây"chứ không là "Pháp"), tôi cũng nếm hết các thứ mắm của "ta".. Biết phân biệt nước mắm nhỉ khác nước mắm pha như thế nào. Nghĩa là tôi ăn tất không bỏ sót một thứ gì!"* Lão ấy bảo trợ bà bác tao đi Pháp học không phải không có mục đích, lão muốn gia tài của ông tao lọt vào tay người nhà của lão. Lão tính trước bà bác tao cho ông con trai ngoại hôn (mà lão bảo là con nuôi để tránh trách nhiệm với bà người Việt sinh ra ông con nầy, lấy cớ mắc chứng "tráng dương sậu tinh", thêm nghiện nặng thuốc phiện nên không thể có con, lại là con trai). Ông nầy lúc ấy là thiếu úy Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù là đơn vị năm 1954 nhảy xuống Điện Biên Phủ trước tiên..

- Làm sao mày mầy rành chuyện lính tráng, nhà binh đến như thế..

- Thì ông Nhân nhà tao năm "tám-chín" sau khi đi tù về có theo mợ tao đến gặp ông nầy ở nhà Đường Nguyễn Trải Sàigòn.. Lính gặp lính nói ra biết ngay, lại là lính nhảy dù không có bao nhiêu đơn vị. Dịp ấy, mợ tao mới biết vụ việc của bà bác tao, bà cả, ông ngoại ngoài Bắc sau "năm-tư".. Thực tế xẩy ra đáng sợ, kinh hoàng hơn bất cứ câu chuyện nào người trong Nam nghe được, tưởng tượng ra..

.. Mới nghe mầy giáo đầu đã thấy bày ra như một đống bùi nhùi, đến chuyện thật nữa không biết lường tới đâu, nhưng mầy cũng chưa nói gì đến nhỏ chị kia..

Thủng thẳng, chuyện phải có đầu đuôi, xe chưa ra Đường 152, nếu kể chưa hết tao bảo ông Nhân kể tiếp, viết lại cho mầy xem, ông ấy

còn có dự định đưa người, việc thật nầy vào một cuốn chuyện dài nữa.. Cũng bởi, có ông Đỗ chủ báo Thời Luận, bạn ông ấy đã viết về cảnh khổ, nỗi đau của người đàn bà Miền Nam rồi, nay ông ấy phải viết về Miền Bắc cho cân phân, cũng để trả ơn quê vợ. Để tao kể tiếp.. Trước khi vào Nam, ông tao cho tập họp đủ tám bà vợ và chia phần dưới sự quyết định của bà cả.. Những chậu trồng ngãi dưới chân bàn thờ đền được mang vào phòng riêng, đào vàng lên, chia thành tám phần khác nhau tùy theo nhận định của bà về khả năng giữ gìn, sinh lợi của mỗi người.. Phần những bà kia như thế nào tao không rõ, phần của bà tao được quyết định như sau: Cô Tám, cô là người nhỏ tuổi nhất, nhưng cô đã chứng tỏ đủ sức thay thế tôi, cô giữ phần lớn nhất, cô mang năm trăm lạng vào Nam theo chuyến máy bay sớm nhất với con, cháu nhà cô..

Chuyện của gia đình mầy bao nhiêu lâu quen thân tao biết rõ, kể về gia đình ông mầy ở lại ngoài Bắc với chị nhỏ kia thôi. Người nghe chuyện nôn nóng.. Và tao cũng thắc mắc, ông mầy, bà cả khôn ngoan, tinh tế như vậy, lại thêm bà bác mầy nữa, mới nghe qua chuyện cũng đã thấy ra là hạng người không thường.. Thế sao lại không tính đường đi vô Nam, chẳng lẻ tin lời tuyên truyền của cộng sản nên ở lại?

- Về lý do chính trị tao không rõ, nhưng theo lời mẹ tao hỏi lại ông bố con Giang Thanh hôm gặp ở nhà đường Nguyễn Trải thì sự thể là thế nầy.. Ông tao nói với bà cả và bà bác: Tộc họ Uông vốn chủng người Bạch, người Bố thuộc nhóm Di ở Vân Nam, từ ngày xưa Đời Đường, Tống.. đã không thuận với người Hán ở phương Bắc, bên Quảng Đông, Quảng Tây; dẫu có lúc Tưởng Giới Thạch phải rút về Trùng Khánh để chống cộng sản, cần mượn đường Côn Minh để nhận tiếp tế, quân viện Mỹ từ Miến Điện đưa lên. Vụ công ty tàu đường sông của chú Sáu bị bang hội Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến chèn ép đến nỗi phải phá sản là một bài học phải nhớ cho dù chú ấy đã vào trong Huế gặp Vua Bảo Đại để xin bảo trợ, cạnh tranh với người Hoa qua danh nghĩa người Việt. Tôi đã tới Nam Vang, Chợ Lớn.. những nơi nầy mình không tranh lại với họ (Người Hoa, gốc Hán tộc), vậy nên tôi quyết định ở lại Hà Nội.

- Nhưng đó là phần của ông ngoại, bà cả, chẳng lẻ bà bác mầy với ông chồng lai Pháp, sĩ quan nhẩy dù lại chịu ở lại với cộng sản hay sao..

.. Vụ việc nầy có những lý do khác tao không được rõ lắm, nhưng quyết định cuối cùng là do bà bác tao. Bà nói: Bố đã quyết, vậy con không thể để bố mẹ ở lại một mình, nhà con tuy là sĩ quan, nhưng anh ấy (theo cách của ông Pha, nhân sự, cơ quan mật hoạt động tình báo của nhiều phía) cũng đã có những liên hệ với người bên Việt Minh.. Nhưng nếu xẩy ra khó khăn đến đâu con cũng xoay xở được. Mẹ sinh ra con - *Một mẹ. Một con* - Con là con cửa đền, cửa phủ, chỉ Thần, Thánh mới đem con về với các Ngài, người phàm không thể nào chạm đến con. Bà bác tao là tổng hợp sự quyết liệt của bà cả, mưu thuật của ông tao cộng thêm phần thâu nhận của những năm học ở đất Pháp.. Rau tập tàng thì ngon. Bà có đến ba nguồn văn minh, văn hóa trong người hòa hợp trong Đức Tin Đạo Giáo. Nhưng sự thể dù chuẩn bị giỏi đến thế nào, tai họa vẫn xẩy đến như một điều tất nhiên. Giọng người kể chuyện trùng xuống.

.. Yên được hai năm, đến năm 1957, Hà Nội bày ra mặt thật của họ với trận đánh tư sản, những kẻ quen biết với ông, bà tao trong chính quyền đồng cố ý lánh mặt khi chiến dịch truy lùng, đấu tố bắt đầu. Căn nhà ba tầng Phố Hàng Đường một sớm mai ngủ dậy bị vây bởi một đám đông trang bị gậy gộc, la ó, chưởi bới ầm ỉ do công an khu phố hướng dẫn. Chúng đòi ông tao ra trình diện để nghe đấu tố. Ông đóng cửa phòng bảo người nhà ra nói với chúng: Muốn nói chuyện với ông phải cỡ ông Đồng, ông Giáp.. Nhưng cũng không cần, ông sẵn có cách giải quyết. Ông thay áo quần mới, áo dài hai lớp lót gấm, cúc vàng gài bên hông phải, lấy bàn đèn, dọc tẩu mạ vàng xuống (chỉ khi nào có khách quý mới đem dùng). Ông làm thuốc bình thản, kiểu cách phong lưu.. Xong lần dưới gối lấy khẩu súng nhỏ do ông Pha tặng trước đây với lời dặn: Đây là khẩu súng khởi nghiệp của tôi. Bao nhiêu người gây khó khăn, trở ngại cho công việc, tôi giải quyết với khẩu súng nầy.. Nó đã thành tinh, đêm ngủ tôi gối lên, nghe tiếng khóc của những người chết. Tôi giao nó cho ông vì (dẫu còn sống) ông đáng mặt thủ lãnh của những hồn ma nầy. Với nó, không ai hại ông được, chỉ khi ông quyết định chính ông thôi. Hôm nay, ông thực hiện lời ông Pha - Hút xong tám điếu thuốc, số lượng những người vợ ông yêu thương. Ông nói lớn: Tôi đi đây mình. Tôi chết đừng chôn. Đốt thành tro ném theo sông. Nhớ, ném xuống Sông Thanh Thủy ở biên giới, chảy về Vân Nam. Chúng nó không xứng để làm nhục tôi. Ông đặt nòng súng vào miệng xem như hút thêm một điếu. Điếu cuối cùng. Điếu số 9, tượng trưng cho Bà Cả.

.. Phần bà cả, bà đứng giữa điện thờ, trước tượng Đức Thánh Trần nến thắp sáng, tay cầm bó nhang cháy đỏ, tay cầm cái (xiên) lình.. Bà xiên chiếc lình qua má. Mũi nhọn chiếc xiên đi ngọt ló ra qua gò gò má thứ hai. Bà hét lên lanh lảnh như kêu gọi tất cả âm binh cùng dậy lên.. Qua ánh lửa, sau màn khói, mặt bà hiện vẻ uy nghi thần bí. Bọn người dần rút lui. Sau bàn thờ, bà bác tao được dặn chuẩn bị sẵn chất đốt để nếu bọn người làm tới sẽ phóng hỏa đốt rụi căn nhà. *Cả gia đình sẽ hoá thân trong lửa*.

Người nghe kể rúng động.. Hèn gì mợ mầy và mầy đều có tính "*không sợ ai*" qua cái trán dồ nầy (người bạn chỉ vào trán kẻ kể chuyện).. Hóa ra đấy là cách của cả nhà bên ngoại mầy.

- Tao cũng không rõ điều ấy nếu không gặp chị nhỏ Giang Thanh, trán nó cũng thẳng đứng, dồ ra thế nầy. Người kể gỏ gỏ vào cái trán.. Yên, để tao kể tiếp, mà tới chỗ nào rồi.. Chỗ bà cả lên đồng đuổi tụi định cướp nhà ông mầy.

..Lo tang ma cho ông xong, đến lượt bác tao nhập trận. Bà nói với bà cả: Bố chết, mẹ phải sống để giữ giềng mối nhà nầy, nhưng nay đến lượt con gánh vác. Con không phải chỉ lo cho mẹ, nhưng còn phần chồng, con con nữa – Gánh nặng nầy là của riêng con. Con không bỏ được. Bà thay áo nhung màu bordeau, tóc vấn cao, cổ đeo chuỗi ngọc, mang giấy tờ địa bạ sở hữu căn nhà.. Bà lên xe xích lô (do người nhà đạp) đi giữa hai hàng phố người lố nhố nhìn ra. Bà đến gặp lão chủ tịch nhân dân thành phố Hà Nội nói lời thẳng thắng.. Căn nhà tôi là điện thờ Đức Thánh Trần, Ngài là vị anh hùng hiển thánh của người Việt, Bác Hồ cũng đã làm thơ ca tụng Ngài. Vì chế độ mới có nhiều quy định nên chúng tôi biết mình không thể tiếp tục ở đấy. Chúng tôi muốn giao lại cho người xứng đáng, biết giá trị của căn nhà.. Vậy xin ông nhận lấy do đã bao lâu quen biết gia đình chúng tôi..

Lão chủ tịch rúng động, bỗng dưng được một tài sản quá đỗi lớn lao, vì đấy là một trong những căn nhà tư nhân lớn nhất Hà Nội.. Chị quyết định như vậy hay là do "Bà Cả".. Viên chủ tịch nhấn mạnh chữ "Bà Cả" với ý tôn trọng, và tôi sẽ phải làm những gì? Ông ta băn khoăn..

- Mẹ tôi để tôi toàn quyền, nhà chúng tôi chỉ xin giữ căn điện thờ Đức Thành Trần (bà cố ý dùng đủ chữ), cũng để mẹ tôi ở lại lo hương khói. Phần gia đình chúng tôi, xin ông cho một căn hộ ở La Khê, Hà Đông và ít vàng làm vốn.

.. Chị có gì bảo đảm cho vụ việc nầy. Viên chủ tịch ngại ngần trước diễn tiến quá mau chóng, dễ dàng..

- Tôi mang theo đây tất cả giấy tờ, ông làm tờ giấy tay mua lại (mua ngày trước khi bộ đội vào Hà Nội - Tháng 10/1954) với giá tùy ông định. Nhà chúng tôi đã có nhiều và nay mất thì cũng là chuyện tất nhiên. Ông đừng ngại, chúng tôi "*quyết định ở lại với cách mạng*" chứ không phải bị bắt buộc, các chị kia bà tôi đã cho đi Nam. Gia đình chúng tôi ở lại để chuẩn bị cơ sở cho ngày thống nhất như nhà nước đã thông cáo! Bà bác biết kết hợp tất cả yếu tố (chính trị, xã hội, riêng tư..) với giọng chân thực, lịch lãm nhưng quyết liệt, chặt chẽ, hợp lý..

.. Rồi sau đó thế nào? Người nghe chuyện thấy khó khăn hình dung ra sự kiện.. Trước khi về La Khê bác tao nói với bà cả: Chúng nó (kẻ cầm quyền mới) nói cứng nhưng đứa nào cũng tham và cũng nhát bởi chúng làm điều ác độc, vô lại.. Mình nhường cho chúng một phần căn nhà, mẹ ở lại giữ đền (sau nầy có dịp mình đòi lại). Con về bên La Khê để dễ qua lại thăm mẹ và theo dõi tình hình. Bà xin vào tổ hợp đan len xuất khẩu và xoay qua đường buôn chuyến lên mạn ngược, ngã Lào Cai-Vân Nam-Con đường ngày trước ông tao chuyển thuốc phiện.

.. Đã buôn bán như thế thì ghi tên vào tổ hợp đan kia làm gì?

- Để có hộ khẩu theo ngành nghề, bà ấy đâu có thể ngồi yên một chỗ mà cầm que đan.. Năm "sáu-mươi" Hà Nội bắt đầu đánh Miền Nam, nhỏ chị tao vừa được mấy tuổi đã thay mẹ tập đan những phần đơn giản, đến mười tuổi nó đã đan nhà nghề, biết ráp cổ, vai và đan lồng những hình hoa văn phức tạp. Năm Miền Bắc bắt đầu bị dội bom (1964), nó đã là tay đan chuyên nghiệp vượt chỉ tiêu, một tháng xong ba áo gởi sang Nga Sô.. Mười tuổi, mầy với tao ở Miền Nam chỉ biết đánh thẻ, đòi búp-bê, nó phải đi chăn trâu cho hợp tác xã nơi sơ tán (để tránh bom Mỹ), đan áo giúp mẹ. Nhưng nó khôn ngoan, biết lợi dụng nhân dáng đẹp đẻ của mình để dụ bọn con nít nhà quê.. Tao

hát cho chúng mầy nghe, chúng mầy cắt cỏ cho trâu tao.. Nó đứng giữa bãi ruộng, mặt sáng đẹp, tóc bay dài theo gió.. Dẫu áo quần lam lủ, chân đất, Giang Thanh hiện thân toàn hảo nét đẹp thuần nhã của văn minh, văn hóa đất Bắc. Nó diễn cảnh Thị Mầu lên chùa phải lòng Thị Kính; nó hát *Lý Tình Tang, Lý Thiên Thai*.. của hoạt cảnh "*Liền Anh, Liền Chị*" trong hát Quan Họ..

.. Làm sao bé tí như thế mà biết những điệu hát ấy?

- Bà cả tao họ Đặng, Bắc Ninh, tức vùng Kinh Bắc dọc Sông Đuống; đời Vua Lê, Chúa Trịnh sinh ra bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ. Bà cả bày cho mẹ nó, mẹ nó hát ru cho nó nghe từ còn nằm nôi.. Mầy nghe nó hát mới biết Quan Họ phong nhã, trữ tình như thế nào.. Chưa kể hoạt cảnh cảm động khi "liền anh, liền chị" gặp nhau mỗi năm sau Tết âm lịch vào ngày Hội Lim sau một năm xa cách..

Năm 1968, Mỹ tăng cường dội bom Miền Bắc để ép Hà Nội ngồi vào bàn hội nghị, bộ đội dồn đưa vào Nam, vùng biên giới Hoa-Việt giao cho lính Trung Cộng trông giữ, bọn phỉ người Tàu nhân cơ hội lén qua Việt Nam kiếm ăn. Bác tao trong một chuyến buôn hàng bị bọn cướp chận lại khoảng rừng Phố Lu, Lào Cai. Bà không chịu mất của cho chúng, dùng chiếc quanh gánh (với những thế võ bí truyền của người Hoa, võ Việt cổ do ông, bà tao dạy) đánh lại bọn cướp không nao núng.. Cuối cùng chúng giản ra, một tên dùng súng tiểu liên AK47 chỉa vào ngực bà đòi vàng và tiền mà chúng biết bà quấn quanh người. Bà quắt mắt nhìn thằng cầm súng khinh miệt.. Muốn bắn mầy nhìn thẳng mắt tao, còn nếu sợ hãy cút đi.. Bà nói bằng tiếng Hoa. Thằng phỉ nhắm mắt, bóp cò, đạn phá toang lồng ngực. Bà chết ngồi dựa sườn đồi, hai tay bám vào lườn đất không chịu ngã xuống, giương mắt đứng tròng, khối tóc dài xanh đen bung xỏa.. Đứa bắn súng tiến tới, bỗng chấp tay, sụp lạy.. *Xin nương nương tha tội, quả tình tôi không có ý định..* khi nó nhận ra chiếc trâm của giòng họ Uông trên đầu tóc bà. Bác tao ứa ra giòng máu uất hận. Bà chết bất đắc oan nghiệt nên rất linh, dân chúng vùng biên giới lập miếu thờ. Miếu ấy hiện nay vẫn còn, cũng phù hợp với sự việc bố con Thanh kể lại cho mợ tao nghe sau nầy. Không ai dám bày chuyện nếu thật sự không có. Thế là, nhỏ chị mười-bốn tuổi phải thay mẹ gánh hết khối nặng của gia đình gồm bà ngoại, cha già, và hai đứa em. Khi nghe tin con bị nạn, bà tao chỉ thét lên tiếng oán hờn.. *Súng! Bắn.. bắn súng!* Bà vẫn tiếp tục sống nhưng như gốc cây khô, suốt ngày

không nói, đêm đứng sững trước điện thờ, mất trí nhớ hoàn toàn. Bà không hề khóc.

Hai người đàn bà cùng lần im lặng như thể gánh nặng đau thương của Giang Thanh đè lên họ.. Rồi nó xoay xở làm sao? Làm sao sống được! Câu hỏi vô ích, thừa thải. Người kể tiếp tục với cách gắng gượng: Bị dồn vào cảnh khổ, nó trở nên khôn ngoan, đáo để.. Từ Hà Đông nó về căn nhà ở Hàng Đường lấy cớ thăm bà.. Đến khuya, nó vào phòng viên chủ tịch thành phố, nói với cách đòi nợ.. Ông cho cháu số vàng mà ông đã thiếu của mẹ cháu? Viên chủ tịch không phải là người dễ bị dọa.. Vàng gì, tao đã giả cho mẹ mầy đủ, giấy tờ tao còn giữ đây.. Tao chỉ có con buồi cho mầy! Ông nhìn nó với cặp mặt diễu cợt dâm đảng.. (Cũng bởi hỗn hợp ba giòng máu, nó cao hơn đứa mười-bốn tuổi bình thường, ngực nẩy nỡ vun phồng khiêu gợi) Cháu biết cái giấy ấy, nhưng mấy lạng vàng kia không xứng với giá của nhà nầy.. Ông hẳn biết! Cháu không đòi quá, chỉ xin ông trả thêm cho đủ.. Tao không có! Mầy làm gì nào? Ranh con đừng giở trò khốn nạn.. Mầy tự động vác xác vào đây, ông hiếp có chửa bây giờ! Ông không hiếp cháu được đâu, thằng bạn cháu đứng dưới kia chỉ đợi cháu la lên là nó chạy tới báo trụ sở công an khu phố! Ông chủ tịch đến cửa sổ, mở hé những lá sách nhìn xuống đường.. Trời đất! Bây giờ mầy muốn gì? Cháu chỉ xin ông số vàng còn thiếu.. Gì nữa? Ông chủ tịch mệt nhọc, buông xuôi. Ông viết cho cháu cái giấy gởi nơi tổ hợp đan len giúp cháu tiếp tục việc của mẹ cháu. Mầy xin gì hãy nói cho xong một lần.. Ông bảo hộ cho cháu vào *Trường Sân Khấu* bởi lý lịch bố cháu không tốt! Ông chủ tịch nói như than: Mầy bao nhiêu tuổi mà đã gớm ghê đến thế.. Lớn lên chút nữa mầy còn ra sao hỡ?! Khi vén vạt áo, buộc những khoen vàng vào thắt lưng quần, Giang Thanh nhìn gã đàn ông *thông cảm* đồng lõa.. *Cháu sẽ không nói việc nầy với ai. Bà nhà không phải đi Hà Nam đâu.. mà qua bên La Khê gặp bố cháu chiều mai mới về!* Cháu khai trong đơn xin vào học trường ca múa là ông có họ với bà cháu. Ông thuộc nhà Đặng Xuân của ông Trường Chinh phải không ạ..

Khi ngồi với đứa bạn trong vòng rào sân vận động Hàng Đẩy, Giang Thanh khóc như chưa bao giờ được khóc.. Mẹ ơi! Ông ơi! Nhỏ gào như kẻ điên. Gã bạn cuống quýt ôm lưng tỏ vẻ an ủi.. Nó ngưng khóc, tát thằng bé một tát cực mạnh, đạp gã bạn ngã ra đất.

.. Tại sao nó muốn vào học trường sân khấu kia?

- Bởi đấy là một trong những cơ quan cho học viên nhiều đặc quyền, đặc lợi. Vào đoàn đó, nó được tiêu chuẩn đường, sữa, thịt để có sức khoẻ tốt, ngoại hình đẹp. Lớp của nó chỉ nhận hơn ba mươi học viên của cả ngàn người dự tranh, đấy là chưa kể phải thành phần lý lịch tốt. Nó lại là con của sĩ quan nhảy dù Pháp, không có cái chước với lão chủ tịch kia thì làm sao mà vào được. Nhưng nó cố ý là nhắm vào món bồi dưỡng đường, sữa, thịt hằng tháng cùng với tiêu chuẩn mười-sáu ký gạo cho mỗi học viên - Tiêu chuẩn cao nhất của Miền Bắc. Thì từ đó mới biết hạt gạo quý, hiếm đến thế nào đối với người Miền Bắc. Ông thi sĩ Phùng Cung phải kêu lên: *Tôi cúi đầu.. Bạc tóc, dập đầu.. Lạy hạt gạo rơi..* Với tiêu chuẩn gạo đó, nhỏ chị nuôi được cả nhà bốn người.. Mầy nói gì tao không hiểu? Thì nhỏ Giang Thanh ấy dùng một nửa tiêu chuẩn (gạo) để nuôi bà, bố và hai em.. Trong suốt bảy năm liền từ 1968 đến 1974, *nó chỉ ăn một ngày một lần vào buổi trưa*, để dành tám ký gạo (nửa tiêu chuẩn) đem về nuôi gia đình. Suốt một thời con gái lớn lên, nó không có một chút đường, chút sữa nào hết!

Người kể trầm giọng tiếp tục: Không phải chỉ mình nó mà cả miền Bắc vậy mà mấy ai trong Nam biết đến, phải sau 1975, khi chịu chung đòn cộng sản mới vỡ lẻ ra.. Như vậy đời nó cũng phải được lúc dễ chịu chứ, từ bé đến lớn cứ khổ như vậy chịu sao nỗi! Người bạn ngao ngán, cố ý chờ nghe một điều vui.

- Những điều tao vừa kể vắn tắt cho mầy nghe ra chưa diễn tả đủ cảnh đời và cách sống của nó.. Cơ cực như thế, nhưng vào dịp Tết Trung Thu, nó vẫn cố dành dụm để nấu được một nồi cháo ám cho cả nhà.. Tại sao phải có nồi cháo ấy? Thì thuở trước khi bà bác còn sống, lúc bà tao còn trẻ, dịp lễ, tết là để cho cả nhà trổ tài nấu nướng, dọn cỗ.. Ví như nồi cháo ám ấy là phải nấu với một con cá quả, thịt ba chỉ, hành phải búi lại từng củ, đủ rau thìa là, cần tây.. Trước ngày Tết âm lịch, mọi người phải tắm bằng nước rau ngò phơi khô, mặc áo quần mới để chúc tết nhau trong ngày Mồng Một. Bà tao mất trí, bác tao chết, bố nó bị khủng khoảng, hai em gái còn nhỏ trong một xã hội thiếu thốn, hạn chế của miền Bắc, nó phải một mình đóng vai chủ gia đình, người cha lẫn người mẹ từ năm chưa đến tuổi thành niên.. *Đời em nó khốn nạn lắm chị ạ!* Nó than thở với tao khi chị em gặp nhau năm 2005 vừa rồi. Năm nó năm-mươi tuổi.

..Năm mươi tuổi hẳn nó phải già lắm nếu như gặp phải cảnh đời như mầy vừa kể ra. Mà sao gọi là em, nhỏ ấy là vai chị mầy cơ mà.. Nó giữ lễ trăm phần trăm của người Bắc chứ không "xà bần" như mầy và tao (những người đã được "Nam Hóa" coi như toàn phần).. Ngay mợ tao, không phải là người dễ tính, nhưng buổi đầu gặp nó là chịu ngay. Nó khôn ngoan thiên bẩm thêm cảnh khó làm nên sắc sảo hơn. Nhưng cũng không hẳn là vậy, những tình thế tao vừa kể thật ra cũng không mấy khó khăn đối với nó, vì đấy là hoàn cảnh chung của cả miền Bắc trước 1975.. Dẫu rằng suốt bẩy năm từ 1968, coi như hằng ngày nó phải chạy trên trục tam giác: Khu Mai Dịch - Phố Hàng Đường - La Khê (Hà Đông) để trông bà, cha và hai em, cùng về trường học nếu không có những tai nạn nói ra đến nặng lòng, tội nghiệp..

..Sống như thế đã quá khổ, còn tai nạn nào thêm nữa đây? Người bạn nghe chuyện nói như than.

- Thì ví như lần mất chiếc xe đạp, dù chỉ có cái sườn và hai bánh xe.. Bọn cướp rình sẵn trước cổng nhà bà nó.. Như con hổ cái, một mình đánh hai thằng kẻ cắp, thằng thứ ba giật xe chạy mất, nó chạy theo thì bị một gậy đập ngang mặt, phải dùng hai ống tay để chận.. Hai tay nó giờ nầy còn sẹo và thương tật do trận đòn nầy, cũng may giữ được cái mặt đẹp, vũ công ba-lê mà mặt bị sẹo thì còn gì để múa với may. Mất xe đạp nên khi đi từ Mai Dịch về Hà Đông, nó phải nhảy tàu điện nhiều lần, tránh người soát vé để tiết kiệm vài hào bạc, chỉ khoảng một, hai cent Mỹ. Nhưng tất cả tình thế thiếu thốn vật chất ấy hình như nó coi nhẹ vì xem là điều tất nhiên, nếu không vướng phải tai nạn tình ái, hệ lụy thương yêu!

- Đã qua cảnh khổ như thế thì chuyện yêu đương trai gái có nghĩa là gì?! Người nghe chuyện lên tiếng phê bình, cũng thật sự thắc mắc về tình cảnh tâm lý của một con người đã kinh qua khốc liệt cùng cực, nhưng sao chưa đủ độ cứng cỏi, trưởng thành?

- Hỏi như thế thật ra mầy cũng chưa hiểu gì về nó - *Đấy chỉ là một đứa nhỏ phải chịu cảnh đời khắc nghiệt của những người lớn (mà nó phải buộc phải thay thế)..* Thế nên, khi nghe anh chàng cùng lớp (Thằng bạn thân năm trước theo nó đi đòi nợ lão chủ tịch thành phố - Nó vốn trung hậu, thẳng thắng, chơi với ai hết lòng với người ấy.

Thằng nầy lại là con ông giám đốc trường sân khấu) ngõ lời yêu thương và nhất là quà cưới sẽ là chiếc xe đạp Phượng Hoàng do Trung Quốc sản xuất mà hiện nó đang mượn xử dụng. Thế là nó tin thật, chấp nhận ngay lời cầu hôn. Nó cũng nghĩ rằng: Với sắc vóc đẹp đẻ, tính tình chân thật ắt sẽ được mọi người coi trọng thương yêu. Một hôm, bất ngờ mang quà sáng đến cho thằng kia (xôi nấu từ sáng tinh mơ để chứng tỏ lòng thương yêu chăm sóc).. Tay ủ dĩa xôi, tay giữ ghi-đông xe, đạp chập choạng giữa trời đông đất Bắc.. Đi vào, bắt gặp thằng ấy đang ngủ với một đứa bạn gái cùng lớp! Nó ngất xỉu ngay trên ngưỡng cửa, lên cơn động kinh, nằm lăn ra đất, răng cắn chặt, thân thể cứng đơ như khối gỗ.. Thằng kia (hoảng sợ nếu nó chết sẽ chịu phần trách nhiệm) vạch quần đái lên mặt nó, cũng do người chung quanh thúc dục, chỉ bảo.. Tỉnh dậy, nó đi thẳng một mạch. Mặt tỉnh lạnh, mắt ráo hoãnh. Bịnh sạch sẻ và ghê tởm liên hệ trai gái có triệu chứng từ đó, càng ngày càng rõ rệt - Nó *thấy* ra bộ phận sinh dục của thằng kia trước mặt trong cơn kích ngất.

Tóm lại, nó vẫn chỉ là một đứa bé gái với tâm chất trong sáng, cả tin trong một thân thể thiếu nữ đương độ phát triển, cũng vô cùng quyến rủ.

Những Dòng Sông Chảy Qua Vùng Đá Sạn

Hai

Sau tai nạn tình ái, Giang Thanh trở nên lầm lì ít nói, nhưng khi cần phát biểu thì cứng cỏi giữ chắc ý kiến qua cách lớn tiếng cố chấp, không kìm giữ phản ứng quyết liệt, mạnh mẽ. Cuối năm, tháng 12, 1974 tốt nghiệp ưu hạng trường sân khấu, cũng đúng mười-chín tuổi, Giang Thanh tình nguyện đi B (chiến trường Miền Nam) với mục đích: Để gia đình "*xóa thành phần*" do có con là chiến sĩ văn công đi Nam. Người cha được phục hồi quyền công dân thay mặt bà ngoại coi ngôi đền nay được xếp hạng là tụ điểm sinh hoạt văn hóa nhân gian. Nhưng lý do chính, để cô em kế, Hương Thơ (sinh 1957) được ghi danh vào đại học tổng hợp và kết nộp đoàn (Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh), sau đó chắc chắn sẽ trở nên thành "đối tượng đảng".

Đoàn văn công được điều động đi B vào đầu năm 1975 sau chiến dịch đánh chiếm Phước Long hoàn tất (12, 1974). Tuyến giao thông gọi là "đường mòn Hồ Chí Minh" nay đã là một xa lộ hai chiều chạy dọc theo sườn Đông Trường Sơn sâu nội địa Miền Nam, chứ không là đường giây "xã hội chủ nghĩa" nằm phía Tây trong lãnh thổ Lào và Campuchia của thập niên 60-70. Giang Thanh bừng bừng cảm xúc của người được tham dự vào giai đoạn quyết định lịch sử dân tộc. Thêm mối hân hoan cụ thể là hoàn cảnh gia đình được ổn định do nỗ lực của gần mười năm quên mình lo cho bà, cha và hai em. Cô để lại sổ lương, tem, phiếu gạo, thực phẩm cho cha với lời dặn.. "Con đi B chuyến nầy bình an thôi, chỉ chờ ngày giải phóng Miền Nam con sẽ về thăm bố và hai em. Hy vọng bà còn sống, và khoẻ mạnh cho đến ngày ấy. Khi nào lãnh lương con, bố đừng tiêu hết, nhớ để lại một tháng vài đồng để sau nầy nhà có cái vốn nhỏ cho hai em.." Cô không nghĩ rằng mình vừa mới hai mươi, và đời sống trước mặt có nhiều điều không thể lường trước, nghĩ ra, dự phòng tới. Buổi ra đi, người cha hiện nguyên đủ hình dạng một con người bị thời thế khuất phục, đánh vỡ mà nay dẫu cố gắng hồi phục nhưng bất lực. Ông nhìn con trong bộ quần áo vải kaki màu ô-liu, mũ tai bèo, cổ quấn khăn rằn với đôi mắt không phản ứng.. Ông nhớ ngày rất xa xưa trước kia, cũng đã có lần mặc quân phục - Quân phục của một quân đội khác - Đội ngũ đã một thời hùng mạnh vang danh thế giới, nhưng cuối cùng đã thất trận từ nơi đất nước nầy và mất hết khả năng lập lại lần vinh quang. Ông lạ với con. Ông lạ với đời sống mà ông đã sống cùng, chịu đựng, chia xẻ hằng mấy mươi năm qua. Ông hôn lên má con.. Động tác thắm thiết từ lâu không thực hiện, cũng không thấy ai lập lại, bày tỏ. Giang Thanh nhận ra (và cảm thấy rất hiện thực) phần u uẩn trong mắt người cha về *một điều mơ hồ* (cũng rất cụ thể) của lần đi B *không hẳn là buổi vui mừng* như mọi người chung quanh đang rộn rã hân hoan ca ngợi.

Đoàn xe Zil chở toán văn công qua sông Bến Hải vào địa phận tỉnh Quảng Trị, Xã Gio Linh, vùng đất đã dựng nên bài hát bi tráng của một nghệ sĩ ngày trước 1954 là thần tượng của những người yêu tiếng nhạc ái quốc và hào hùng chiến đấu của hai miền Bắc /Nam - Cuộc chiến đấu giữ nước khởi đầu từ đêm 19 tháng 12, 1946 tại Hà Nội, Hải Phòng với những Tự Vệ Thành tóc xanh, áo trắng,có người mặc áo veste, đội mũ phớt khi tác chiến.. Những thanh niên, sinh viên, học sinh, kể cả "dân càng" giang hồ.. dùng thân thể chắn ổ súng đại liên của Binh Đoàn Viễn Chinh Pháp. Trận chiến mà những

người viết văn, làm thơ diễn tả lại với mỗi chữ nóng sôi lửa đỏ.. *Nổ súng rồi! Nổ súng rồi! Hải Phòng ộc máu phun ra bể..(*)* Hoặc: *Nhớ đêm ra đi trời bốc lửa. Cả kinh thành ngụt cháy sau lưng..(**)* Cùng lần với những lời thơ hùng vĩ nầy, bài hát vẽ nên một cảnh huống khốc liệt, bi thương.. *Mẹ già đi lấy đầu con.. Xa xa tiếng chuông chùa reo.(***).*

(*) Thơ Trần Huyền Trân*, Hải Phòng, 11/1946*

*(**)*Thơ Chính Hữu, *Tống Biệt, 1947*

(***) Nhạc Phạm Duy*, Bà Mẹ Gio Linh, 1948 (?)*

Đêm liên hoan cuối năm, dịp Tết Âm Lịch 1974 qua 1975, Giang Thanh cùng những bạn trong tốp ca múa diễn tả, thúc dục, ngợi ca cuộc kháng chiến thứ hai hiện đang đi vào giai đoạn kết thúc với thắng lợi vẻ vang qua những bài hát.. *Bác Cùng Chúng Cháu Hành Quân, Trường Sơn Đông/Trường Sơn Tây..* Nhưng khác với sự chờ đợi của đoàn ca múa, trên bãi cát Thôn Diêm Hà Nam, quận Triệu Phong bên bờ biển âm âm tiếng sóng, toán bộ đội giữ vị trí pháo và đám dân chúng tham dự buổi liên hoan không có vẻ hào hứng nôn nao của một đêm vui được tổ chức, động viên, chuẩn bị từ ngày đoàn bước chân lên đất Miền Nam. Sáng hôm sau, Giang Thanh ngõ lời thắc mắc với viên chính ủy đơn vị bộ đội.. *Sao em thấy các đồng chí bộ đội có vẻ không hồ hởi khi nghe các em hát.. Và quần chúng hình như cũng thế?!* Hồ hởi sao được cô ơi, cả một Sư 308 chỉ còn chừng ấy mống! Năm 1972 mà cô vào đây thì chỉ có là tan xương sau dăm phút đứng trên mặt đất. Không chỉ bên ta mà cả lính ngụy cũng chịu chung số phận.. Nhân dân nào tránh được, cũng hứng bom, chia lửa của cả hai bên. Đạn, bom dập xuống không phân biệt bên nào, dưới đất chốt cách nhau vài ba thước, trận chiến tháng 9 năm ấy hai bên như trộn trấu vào nhau. Làm sao phân biệt đạn nào của địch, pháo nào của ta.. Cô thấy đằng xa kia không..? Giang Thanh nhìn ra xa, phía tây, sau những cồn cát, lũy tre loang lỡ.. Cô thấy những ụ đất và những kiến trúc xiêu ngã ngổn ngang.. Thành Phố Quảng Trị đấy, mấy ụ đất kia là cổ thành bằng gạch xây cả hai trăm năm như mấy cửa ô Hà Nội!

Giang Thanh xuôi về Nam với tâm cảnh nặng lòng.. Điều mơ hồ cảm nhận từ lúc ra đi nay càng cụ thể với những xóm làng cô đi qua. Hơn

thế nữa, cô còn linh cảm, xao xuyến về một điều gì bất hạnh của riêng mình - Một tai họa nào đang phục sẵn.

Rời Quảng Trị, đoàn theo đường giây giao liên được bảo vệ, hộ tống bởi một đại đội trinh sát qua những căn cứ quân sự, những địa phương đã được quân giải phóng chiếm đóng, lấn chiếm từ những năm Tổng Công Kích 1972, hoặc sau Hiệp Định Ba lê 1973, trong năm 1974.. Những địa phương (với cư dân dị biệt âm, chữ nói) có những tên gọi lạ lùng như Ba Lòng, Cùa, Tý, Sé, Đắc Tô.. khác hẳn những làng quê miền Bắc thông thường đặt theo tên chữ Hán-Việt, và lũy tre xanh bao bọc.. Nhưng tất cả những nơi nầy cùng chung một cảnh sắc: Đấy là những thị trấn, làng xã heo hút giữa vùng núi mù mờ trùng điệp, hoặc đồi cỏ khô cằn.. Tuy nhiên, đến đâu cũng nghe những lời vui mừng phấn khởi: Bây giờ là *hòa bình rồi*, chứ như mấy năm trước *còn Mỹ* thì đâu có ngủ được trên mặt đất.. "*Hoà bình rồi.. Không còn Mỹ*", nhưng sao vẫn không thấy những thị xã, thành phố? Và "*chiến tranh giải phóng*" nầy tại sao vẫn tiếp tục? Và đâu là "*nhân dân Miền Nam bị kìm kẹp dưới ách Mỹ-Ngụy*" đang trông chờ lần giải phóng từ Miền Bắc!? Những câu hỏi âm thầm xuất hiện trong đầu Giang Thanh đồng thời nỗi nhớ quê nhà, nơi các em, với ánh mắt u uẩn của người cha. Mãi cho đến giữa tháng Ba, đoàn được thông báo tin vui: Quân Đoàn Tây Nguyên đã giải phóng Thị Xã Buôn Ma Thuộc, nhưng vì tình hình ở đấy còn đang phức tạp nên toán văn công chưa được phép vào trình diễn, mặc dù bộ đội và nhân dân đang hồ hỡi, phấn khởi chào đón (?!). Hiện thực cho nguồn vui nầy, đoàn được phát những thức ăn tươi, đồ hộp cao cấp mang nhãn hiệu "*Quân Tiếp Vụ QLVNCH*" với hình người lính cầm súng (Mỹ) và lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ. Đoàn lên những xe quân sự to, chắc hơn xe Zil (của Trung Quốc) tiếp tục xuôi Nam với tốc độ khẩn cấp để đến cuối tháng Ba đi vào một thành phố đẹp như phong cảnh, tranh ảnh Tây Phương: Đà Lạt. Và Giang Thanh cùng với tất cả thành viên trong đoàn đều không nén được tiếng kêu kinh ngạc thán phục trước chiếc cổng lớn của một khu doanh trại uy nghi trãi rộng hết vùng đồi trùng điệp hùng vĩ: *Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.*

Toán ca múa được xếp chỗ ngủ vào những phòng riêng biệt, mỗi phòng gồm hai giường sắt, nệm, khăn trải giường trắng tinh xếp thẳng góc.. *Phòng ngủ nầy là của tụi học viên sĩ quan Ngụy đấy. Chúng được đào tạo như thế nầy để đàn áp, giết hại nhân dân.* Viên chính ủy đoàn (cố gắng) tìm lời giải thích (phù hợp) về cảnh trí tiện

nghi, xếp đặt ngăn nắp, sạch sẻ của tòa doanh trại mà dù những chủ nhân căn phòng hẳn đã phải ra đi trong khẩn cấp nhưng nền nhà còn nguyên độ bóng sạch khiến người bước lên có cảm giác e ngại gây dơ bẩn. Nhưng lời giải thích (dẫu cố tình ép buộc mà người nói cũng không tin vào nội dung do chính mình nói ra) không còn độ tác dụng khi toán văn công được lệnh thu dọn chiến lợi phẩm nơi thư viện.. Những khối sách bề thế bọc gáy da, chữ vàng xếp chật trong toà đại sãnh im lặng một cách uy nghiêm - Nội lực trí tuệ thể hiện qua *chữ của người* xây dựng nên văn minh, văn hóa nhân loại – Những người học, đọc những sách nầy chắc chắc không là kẻ chuyên nghiệp sát nhân, ăn gan, uống máu người, ném trẻ con hài nhi vào lửa (?!) Giang Thanh có ý niệm rất cụ thể. Và cô thực sự chìm xuống cảm giác phạm tội - Tội hủy diệt, với máu, thịt con người do chính tay cô tàn phá, nhúng đẫm - Cô và các bạn trong toán văn công được lệnh thiêu đốt khối sách của thư viện. Lửa bùng lên.. Các bạn cô đùa cợt, bừng bừng hân hoan ném sách vào lửa.. *Sách nầy! Sách nầy.. Sách mã mẹ chúng mầy.. Đọc cho cố.. học cho lắm để tàn sát nhân dân!* Giang Thanh nghe đau trên thịt da mình. Cô như đang cùng sách chịu lần thiêu sống. Cô cố gắng cất dấu những cuốn sách lớn, dày, đẹp nhất, bìa in theo kiểu chữ Romain cổ điển, nét khắc vàng tươi. Cô có cảm giác an ủi như cứu được những con người - Những người lương thiện, tốt lành, cao thượng.

Đêm liên hoan Giang Thanh uống tất cả những gì các bạn mang lại.. Rượu *Số 7* nồng cay; rượu nhản *Người Đi Bộ* thơm mùi lúa mạch; rượu sâm-banh mở ra cùng tiếng nổ và bọt trào vàng óng.. *Rượu đỏ như màu máu.. Rượu vang.. Rượu vang..* Ông ngoại, bà ngoại, ông người Pháp tên Pha (nghe qua câu chuyện nhà thường kể lại), và người cha với chiếc áo trận nhiều túi, vải rằn ri thô cứng (chỉ mặt trong nhà khi mùa rét).. *Rượu Vang tất cả là đây*.. Giang Thanh uống vào người như nhận lãnh một thứ *nước* quen thuộc, máu của mẹ, của cha, của quá khứ, ngày xưa khi bà còn uy nghiêm, xuân sắc, đài các. Khi mẹ còn sống. Cô uống xuống như nuốt hết cùng lần tuổi thơ khốn cùng, nguy biến, sáng dậy tinh mơ và đêm giá rét thức giấc một mình.. Một mình từ mười bốn tuổi vượt đói khổ nuôi cha, nuôi em. Giang Thanh uống rượu chiến thắng hoà nước mắt của mình. Cô cười dòn dã, líu lưỡi nói với Sơn.. *Mầy là thằng khốn nạn.. Tao yêu mầy nhất mà tao cũng khinh ghét mầy nhất.. Tiên sư bố mầy.. Mầy ngủ với con Diễm như thế có được gì mà mầy mất tao trọn. Tao chẳng đau khổ mẹ gì cả, chỉ tiếc là tao đã có lần yêu mầy.. Muốn trả*

thù mầy thì tao giết mầy ngay nhưng tao.. đéo cần.. Mẹ tao bị chúng giết nên tao sợ chuyện giết người chứ không phải tao sợ gì mầy.. Tao thách mầy đánh tao như năm kia khi vì còn yêu mầy nên tao nhịn mầy! Cô nhổ nước bọt và rượu vào mặt Sơn, gã trai đã cùng cô sống suốt thời gian bảy năm nơi trường ca múa với Tình Bạn thắm thiết - Cũng là người giúp cô nhận hiểu về sự phản bội của Tình Ái tầm thường.

Giang Thanh không biết mình đã trở về chỗ ngủ như thế nào, với ai. Nửa đêm, cô tỉnh giấc với cảm giác ê nhức nơi bộ phận sinh dục. Cô đưa tay xuống sờ đũng quần.. Ướt dính máu, và chất nhầy nhầy đóng khô trên những sợi lông nỏn.

Giang Thanh phải ra trước phiên họp của bí thư đoàn để trả lời về *tội hủ hóa* nay đã nên bằng chứng cụ thể với bầu thai càng ngày càng dễ nhận. Nhưng cô không phải tay vừa. Mặt đanh lại, tiếng nói như ngọc vỡ, cô trả lời với ban bí thư.. Tôi không phải là loại người khốn nạn, suy đồi hủ hóa, mê giai.. Tôi là chiến sĩ cách mạng. Là diễn viên ưu tú của đoàn kịch nói, ca múa, đi Nam để cổ vũ động viên cho cuộc giải phóng Miền Nam. Đêm ấy, đêm uống rượu liên hoan, tất cả mọi người đều say không riêng một mình tôi.. Có chăng tôi là người say nặng nhất.. Ngày hôm sau tôi xin đi khám phụ khoa thì bác sĩ chứng nhận tôi bị cưỡng dâm, y chứng còn đây, và tôi đã báo sự vụ đến ban bí thư. Nếu ăn vụng thì tôi đi báo làm gì? Chẳng đứa nào ngu đến độ đi tố cáo chuyện lén lút của mình! Và tôi cũng đã xin đi khám phụ khoa hai lần sau đó để xin bác sĩ tống cái thai ấy ra.. Hôm nay, tôi vẫn giữ nguyên ý định ấy. Nếu phá thai phải nhiễm trùng hay băng huyết mà chết tôi cũng không từ. Tôi viết giấy ngay bây giờ chấp nhận quyết định nầy. Đáng nhẻ, ban bí thư phải tìm ra kẻ khốn nạn ấy, bắt nó phải chịu kỹ luật, hạ tầng công tác, khai trừ nó ra khỏi hàng ngũ đảng viên.. Đảng viên cộng sản là thế sao.. Đạo đức cách mạng Bác Hồ dạy chúng mầy (cô cố ý dùng chữ “chúng mầy”) để đâu? Đảng viên gì nhân lúc đồng chí mình say cởi quần đè ra hiếp! Mắt cô giương lên sòng sọc, giọng thét lớn, bao nhiêu giận hờn uất ức (suốt từ năm tháng qua, do nhiều nguyên nhân..) cùng lần nỗ tung không che dấu.

Ban bí thư cuối cùng đưa đến biện pháp: Tất cả những đoàn viên phái nam đồng phải làm tự kiểm để tìm ra kẻ thủ phạm. Cuộc kiểm thảo đưa đến kết quả dễ dàng với số lượng có đến ba kẻ thú nhận,

bao gồm viên phó bí thư và gã tên Sơn.. Tất cả “ba thủ phạm” đồng lòng nhận lỗi, và xin được chuộc lỗi bằng đám cưới chính thức với Giang Thanh do ban bí thư làm chủ hôn. Nhưng tất cả đều không lường được.. Giang Thanh cười khinh miệt, chỉ mặt ba kẻ ”thủ phạm” với lời như dao chém đá: Các anh nhìn lại mặt mình đi.. Tôi như thế nầy mà phải gọi các anh làm chồng ư? Cái thai trong bụng tôi đã là một sự đốn nhục.. Lấy các anh tôi phải chịu sự nhục nhã kia đến trọn đời.. Cô đổi giọng.. Tao không cần thằng nào phải gánh chịu phần khốn nạn do một trong ba đứa chúng bây đã gây nên.. Nhưng tao cũng đã biết rõ đứa nào.. Cô nhìn vào mặt gã tên Sơn: Mầy đã hai lần gây nhục cho tao.. Nay mầy lại ngỡ qua “nhận lỗi” nầy, mầy sẽ cột được với tao.. Đừng có hòng! Tao sẽ phá cái thai nầy, hoặc nếu để thì tao cũng sẽ không bao giờ cho mầy được nhận đứa bé trong bụng tao làm con. Con tao không có loại thằng bố khốn nạn, hèn hạ như mầy!

Gã tên Sơn sụp xuống đất than vãn.. Anh lạy em.. Anh van em xin em giữ lấy con. Nó là con chúng ta, anh với em dẫu sao trước kia cũng có lễ hỏi chỉ chưa cưới mà thôi.. Em không cho anh nhận nó cũng được, nhưng xin em đừng bỏ nó.. Tối hôm qua anh nằm mơ thấy nó rất rõ - *Nó là con gái giống hệt đứa con* mà chị anh đã để chết ngạt trong hầm trốn pháo năm kia ở Thái Bình..

Ai anh, ai em, vợ chồng gì với mầy.. Nếu tao giữ đứa bé là vì nó từ trong bụng tao mà ra. Mầy là thằng khốn kiếp đâu xứng đáng làm bố con tao. Giọng nói vẫn còn nguyên độ cứng cỏi nhưng thoáng vẻ cay đắng chán chường chứ không hoàn toàn do phẫn nộ như khi bắt đầu buổi họp.

Cuối năm 1975, ngày 28 tháng 12, đúng chín tháng, mười ngày kể từ cơn say ngất ở Trường Đà Lạt, Giang Thanh sinh đứa bé gái ở Nhà Bảo Sanh của bà đỡ Người Hoa, họ Lương, Đường Hai Bà Trưng, ngã ba gặp đường Trần Quang Khải, từ Đường Trần Nhật Duật đi thẳng ra - Nơi có căn nhà ngày trước Uông Đại Dụng đã mua cho bà thứ Tám vào năm 1915, sáu-mươi năm trước, cũng một năm Ất Mão, 1975.

Những Dòng Sông Chảy Qua Vùng Đá Sạn

Ba

Giang Thanh từ chối những quyền lợi của người được tước hiệu "Nghệ Sĩ Ưu Tú" nếu như thuận trở về Hà Nội với đoàn ca múa. Cô xin ở lại Sàigòn, ghi danh vào học trường Quốc Gia Âm Nhạc nay cải biên nên thành Trường Âm Nhạc Nghệ thuật số #2, Lớp Đạo Diễn do quan niệm, nghệ sĩ trình diễn chỉ có một thời đoạn và một lãnh vực riêng: Hát, múa, phim, kịch.. Và sẽ bị hạn chế bởi tuổi tác, thời gian, yêu cầu của nghiệp vụ (cho dù tài nghệ xuất sắc, kỹ thuật điêu luyện đến đâu) - Nhưng những hạn chế nầy sẽ không tác động đối với chức năng đạo diễn, nếu không nói ngược lại – Càng ở lâu trong nghề, tuổi càng lớn, người đạo diễn ắt sẽ trở nên vững vàng, sâu sắc hơn. Tuy nhiên, cô cũng phải chịu những lời phê phán, trách móc, ác độc.. "*Nó muốn ở lại Sàigòn là bị nhiễm cái mùi bơ thừa sữa cặn của bọn ngụy bỏ lại đấy mà.. Cái ngữ ấy rồi đây chỉ có nước nằm ngữa ra để bán thân nuôi miệng thôi.. Thằng Sơn ấy đã van lạy trước tập thể như thế mà nó còn đá thằng nhỏ như con chó thì nó còn biết thương ai.. Đứa nhỏ kia trước sau gì nó cũng cho vào nhà mồ côi để rộng đường đi ngang về tắt."* Đối với những lời "tiên tri" không mấy tốt lành nầy, cô đáp lại không khoan nhượng.. "*Ở Miền Bắc, tao mười bốn tuổi còn nuôi được cả nhà dưới bom đạn Mỹ, hôm nay chúng mầy nói điêu, nói độc, rồi đây sẽ có ngày chạy tới bám vào gấu quần tao để xin xỏ."* Cô không dùng lời ngoa ngôn, trống rỗng, bởi sẵn có dự định (thật ra là quyết định) với hai khả năng giúp phần ưu thế: Một sắc vóc rực rỡ lồ lộ, và trí sáng thiên bẩm do từ trực giác bén nhạy, giúp cô thấy ra sự việc, lời nói, ý niệm của người khác từ lúc mới manh nha khởi động.. Hơn ai hết cô biết rõ về mình nên rất đỗi tự tin, đồng thời biết giữ vững tâm chất trong sáng do đã kinh qua cảnh khổ mà không bị nhận chìm xuống. Nhưng cô cũng sẵn sàng tiếng lời độc địa, khắc nghiệt ứng phó, trả lại chính xác từng chữ, từng câu với đối thủ. Chắc chắn một điều, Giang Thanh không hề sợ hãi, ngã lòng.

Miền Nam nói chung, Sàigòn nói riêng (hiện thực cụ thể nhất) sau 30/4/1975 rơi vào một tình trạng bi thảm kỳ dị suốt hơn trăm năm thành hình, xây dựng nên cảnh sắc riêng biệt, đặc dị tài hoa - Cảnh huống bi thảm do chính bản thân (người Miền Nam) góp phần khởi dựng, thực hiện qua một cuộc đổi đời đảo ngược nên thành tồi tệ - Cũng gọi là "*cách mạng giải phóng dân tộc*", nếu nói theo ngôn ngữ

chính trị thời thượng mà lần hồi không mấy ai cam tâm xử dụng do so sánh với thực tế khi "*chưa giải phóng*". Những chuyến xe buýt vàng chạy đường Gia Định, xe xanh nội thành Sàigòn thoắt trở nên chuyện, tích đời xưa cũ. Nhà cửa, quán đàng Đường Lê Lợi, Tự Do, Lê Thánh Tôn bày ra vẻ buồn thảm tội nghiệp như cô gái ngày hôm trước còn mặc trên người những áo quần đắt tiền của thời trang thế giới nay lập tức thay bằng chiếc bà bà màu trắng, và quần đen nội hóa, chân mang đôi dép nhật đúc bằng nhựa làm từ Chợ Lớn, hiện thực chính xác miêu tả của Hoàng Cầm: *Chân dép râu. Đầu thắt bím. Quần đen, áo trắng, dáng con sen..*

Người Miền Nam vừa kinh ngạc, vừa buồn cười bởi hậu quả thất trận "lãng xẹt" quá mau chóng, vô lý của mình, đồng thời thấy rõ ra chân dung kẻ thắng trận.. Chỉ là một đối thủ lúng túng, xoay xở cây xẻng cá nhân mang nhản hiệu U.S. trên tay, ngơ ngác đi trước Toà Đô Chính, bối rối nhìn lên những cao ốc với lời tán thán.. Khiếp! Và người giúp việc nay là cứu tinh của gia đình qua lời trấn an kẻ cả.."*Cậu, mợ đừng ngán đứa nào, cứ dời xuống dưới ga-ra mà ở; tui bây giờ là chủ nhà nầy, thuộc đội đặc công thành phố, phụ trách phụ nữ quận Phú Nhận ("Nhận" chứ không là "Nhuận").* Người ta bắt đầu ăn bo bo, củ mì thay hạt gạo mà chỉ tháng trước phải là "gạo Nàng Hương, Chợ Đào" mới có thể nuốt xuống một chén cơm với mâm thức ăn ít nhất cũng phải ba món "canh, xào, mặn". Người Sàigòn phải trình bày toàn bộ ý nghĩ, cảm xúc của mình bằng một tỉnh từ tổng quát "*tốt*" với một lối nói "*được học tập*" sau nhiều đêm họp tổ khu phố, kiểm điểm, bình bầu, báo cáo thành tích thi đua lao động, tăng gia sản xuất.. *Báo cáo cán bộ, tôi đã lao động tốt, đạt, và vượt chỉ tiêu mà trên giao..* Từ bà già bán bún ốc nơi Chợ Phú Nhuận, ông đạp xích lô, anh thanh niên chạy xe thồ, thằng bé chạy việc nơi tiệm phở quốc doanh.. Tất cả đều chung một lời báo cáo với một nội dung tất cả đồng học thuộc. Mỗi đêm từ 8 đến 11 giờ. Xong tất cả về đi ngủ để sáng sáu giờ ra công viên văn hóa tập thể dục theo nếp sống văn minh văn hóa mới.

Và để an ủi, người Sàigòn tự hoạt kê phần bất hạnh của mình qua những câu chế diễu.. "*Đả đảo Thiệu-Kỳ cái gì cũng có. Hoan hô Hồ Chí Minh, mua cái đinh cũng phải xếp hàng..*" Tuy nhiên cũng có một điều mà trước đây những chế độ cũ (thực dân, phong kiến, cộng hòa..) dẫu cố công bao nhiêu cũng không thực hiện được: Đấy là mọi người đều bình đẳng trong một tình huống cùng khổ, thảm hại qua

một cơ chế kinh tế, xã hội gọi là "*chế độ bao cấp*". Giang Thanh không thoát khỏi cảnh chung khốn cùng do vinh quang cách mạng cô góp phần xây dựng nên. Mức lương cố định của học viên trường Âm Nhạc Nghệ Thuật không thể giúp cô nuôi đủ bản thân, huống gì nay thêm bé Thanh Giang - Cô đão ngược tên mình đặt tên con để biểu lộ quyết chí - Đấy là đứa con của chính cô. Với riêng một mình cô. Vì bé Thanh Giang chỉ được đăng ký là con tư sinh do cô không có chứng chỉ kết hôn với ai, nên bé không được gọi là con trẻ của chế độ mới - Chế độ xã hội chủ nghĩa. Chế độ chấm dứt hiện tượng người bóc lột người. Thanh Giang không được tính vào mức lương của mẹ. Thế nên, Giang Thanh tìm cách phấn đấu để nuôi con.

Xin được chân chạy bàn ca đêm (ban ngày phải học tại lớp đạo diễn) ở nhà hàng Bát Đạt được hai bữa.. Đêm thứ ba, viên quản lý đến bên cạnh khi cô đang choàng chiếc áo đồng phục trước buổi làm.. Em đẹp quá, thơm quá.. Anh ta hít hít cánh mũi rộng để chứng thật đang được thấm đẫm hương thơm từ da thịt cô gái.. Giang Thanh ngừng mặc áo, nhìn gã quản lý.. Hiểu lầm sự im lặng của cô, anh ta tiến tới.. Em khỏi phải chạy bàn nữa, phí đi, đừng mặc áo chiêu đãi nầy kể từ đêm nay. Lên phòng anh, phòng quản lý, lầu tám, phòng có bể cá vàng đằng trước.. Không mặc thì bà đội lên đầu mầy ấy à.. Mầy nhầm người rồi! Giang Thanh chụp chiếc áo choàng lên đầu gã quản lý. Quay ngoắt bước đi. Cô cũng gặp phải "sự cố" tương tự tại vài nhà hàng khác, hoặc bị vợ của những viên quản lý đòi xé xác "con Bắc Kỳ trắng như đầm lai, đẹp như Thanh Nga, Mộng Tuyền.." Cuối cùng, cô chọn chân rửa chén tại Khách Sạn Nam Đô, cơ sở biên chế nên thành nhà hàng quốc doanh, địa điểm chiêu đãi chính thức cho những đoàn hát trung ương vào Sài Gòn công tác. Không ai biết cô diễn viên thoại kịch tài hoa, nghệ sĩ trình diễn ca, múa dân tộc điêu luyện, học viên biên đạo diễn xuất sắc cũng là cô phụ bếp (những đêm cuối tuần) lên ca với những chồng chén dĩa cao ngất, lầy nhầy thức ăn rửa bằng tay trần với xà phòng nội hóa. Nhưng Giang Thanh không hề ta thán, cô nói thành lời với chính mình.. Chẳng thấm vào đâu so với cảnh đội bom Mỹ chạy từ Mai Dịch về Hà Đông với cái bụng đói! Cô còn có được mối hân hoan khi xin với ban quản lý bớt một phần lương tính vào hai con gà xối mỡ đem về đãi bạn đồng lớp.. Ăn đi chúng mầy, đây là tiền lương của tao chứ không phải xin của ai. Chúng mầy ăn đi, từ ngày vào học đến giờ tao chưa đãi chúng mầy được một bữa cho đáng. Cũng bởi cô vốn có tính ham vui và ưa chăm sóc người khác vì đã hiểu nghĩa hạnh phúc khi

được thương yêu và biểu lộ sự yêu thương cùng người.

..Đồng chí học viên Giang Thanh hãy báo cáo trước tập thể từ đâu đồng chí có được hai con gà quay đem về đãi các bạn học viên trong lớp đạo diễn.. Hai con gà ấy tính ra hơn một nửa mức lương căn bản của học viên. Chúng có từ đâu nếu không do những quan hệ bất chính!

Trong khoảng khắc, Giang Thanh uất ức nghẹn cứng vì không thể nghĩ sự tốt lành lại đưa đến hậu quả tồi tệ ác độc nầy. Nén xuống phẫn nộ, cô phản công.. Từ đâu mà có? Các đồng chí ám chỉ tôi đi làm gái mới có tiền để mua những con gà ấy chứ gì? Tôi không rẻ đến thế.. Nếu muốn làm gái, tôi biết đường xuống khách sạn Bến Nghé đi khách ngoại với những món tiền lớn gấp bội, hơn cả năm lương của tôi kìa..Và muốn biết vì sao tôi có những con gà kia hãy đến hỏi chỗ Nam Đô, đêm thứ bảy vừa rồi ở đấy chiêu đãi đoàn ca múa Hồng Hà từ ngoài Hà Nội vào, sau khi trình diễn nơi tụ điểm ca nhạc Bông Sen.. Nhưng giá sử như tôi phải đem thân đi làm gái thì các đồng chí cũng phải xấu hổ cùng tôi.. Chiến sĩ văn công đi B, Miền Nam được giải phóng rồi phải đem thân đi làm gái.. Ai xấu hổ hơn ai!? Ai đau xót hơn ai!? Thành quả cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước mà đẩy chiến sĩ, bộ đội vào chỗ phải bán thân nuôi miệng là làm sao? Và miếng thịt gà kia không phải chỉ cho riêng tôi, nhưng còn cho vào miệng các đồng chí đang ngồi ở đây để chủ trì vụ kiểm điểm nầy.. Xét xử tôi đi! Hãy kiểm điểm tôi đi! Ai được quyền kiểm điểm ai? Lấy cái gì để kiểm thảo, phê bình!? Giang Thanh đẩy không khí buổi kiểm điểm nên thành một màn bi kịch đen thẫm đoạ đày. Sau nầy nhớ lại, cô lấy làm tiếc đã không nói hay hơn, độc hơn thế nữa.. Bà đã không nói thì thôi, nói thì phải cho chúng mầy sống dỡ, chết dỡ mới được.

Cuối cùng, Giang Thanh quyết định rời Nhà Hàng Nam Đô đi vác cá ở chợ Cầu Ông Lãnh với lời nguyền rũa tự thân.. “Mã mẹ chúng mầy, bà lấy cái thân bà đây để nuôi con xem thử có đứa nào đụng đến, vòi vĩnh, bắt ép được!” Mỗi đêm, cô lén dậy từ lúc một giờ sáng, chêm mùng cho con ngủ yên, đạp xe xuống vựa cá góc đường Cô Giang/ Nguyễn Thái Học.. Vóc người cao, chắc, Giang Thanh đội thúng cá chạy thoăn thoắt không khó khăn, chỉ phiền nỗi nước cá chảy xuống tóc, ướt đẫm mặt, đậm mùi tanh tưởi.. Bốn giờ sáng trở về, gội đầu, tắm cho hết mùi cá đọng sâu chân tóc, trên da thịt. Cũng

may trời miền Nam luôn nóng nực nên không phải chịu giá rét, nhưng ngâm nước suốt một giờ trong buổi sáng sớm lâu ngày sau nầy gây chứng viêm soang mũi làm tiếng nói của cô bị khàn đục mất âm sắc trong trẻo.. Bù lại, cảnh khổ tôi luyện ý chí Giang Thanh bền bỉ hơn, thông cảm trực tiếp cảnh khốn cùng của người (là chính bản thân). Cô dựng kịch "*Bà Mẹ Can Đảm với Những Người Con"* của Bertol Brecht để tố cáo tội ác của phát xít, tư bản gây chiến tranh đày đọa con người cần lao vô tội, và thủ vai người mẹ mà không ai có thể diễn xuất sánh cùng - Thật ra cô chỉ cần hiện thực nỗi đau của chính mình và những người đàn bà trong gia đình họ Uông trên sàn sân khấu mà thôi.

Vỡ kịch trên thật ra do ủy viên văn hóa tư tưởng trong ban bí thư nhà trường, Lê Đậu phỏng dịch từ nguyên tác của Bertol Brecht. Đậu người Thanh Hóa nơi đã có những ví von (thuần túy không chỉ là những ca dao, tục ngữ của địa phương nầy để miệt thị, chế diễu địa phương khác) thể hiệu đủ cá tính về người, việc của vùng đất đã nẩy sinh ra những cuộc huyết chiến kéo dài từ thế kỷ 16, 17..Nam/Bắc Triều; 60 năm); Trịnh/Nguyễn hơn trăm năm tranh hùng quanh khu vực hai bên Đèo Ngang.. *Thanh Hoá ăn rau má, phá đường rầy!* Người Thanh Hóa thực sự hãnh diện với tính chất kiên cường, mạnh mẽ, đánh phá của họ.. *Đá như Thanh Hóa!* Tức là mẫu mực kỹ thuật đá bóng tròn để (miễn có) đoạt thắng bất kể giá nào phải trả. Thanh Hóa không phải chỉ có vinh quang trên ngôn ngữ, thi ca, hò vè, nhưng thực tế đã có viên Đại Tá Đặng Vũ Nam đánh tan đạo binh Charlton, Le Page trên Đường Số 4 (1953), bắt sống hai chỉ huy cao cấp trên trận địa, hũy diệt hoàn toàn một binh đoàn cơ động liên binh chủng của quân đội Pháp trong một cuộc vận động chiến tài tình, điêu luyện của chiến thuật du kích tiến lên trận địa chiến. Thanh Hóa là an toàn khu trong chiến tranh 1946-1954, và cũng là địa phương dẫn đầu trận đấu tố bật tung lũy tre ngàn năm che chở quê nhà, ghìm chặt xuống tiếng than của vạn con người thống khổ, đọa đầy. Đậu vào Nam với câu khẳng định: "*Đéo mẹ chúng nó! Cần Thơ, Gia Định.. không riêng của người Nam. Đứa nào mạnh thì đứa đó lấy".* Đậu không dịch vỡ kịch chỉ vì công việc của người dịch thuật, phóng tác, nhưng như lời anh ta nói với Giang Thanh: "Tôi dịch vỡ kịch nầy để cho cô. Cô dựng nó nên thành kịch đáng giá khác với những bản kịch nhà quê của chúng nó.. Loại chiến sĩ cộng sản Paven (*) xúc tuyết làm cách mạng! Với nó, cô đi lên sân khấu lớn như đoàn kịch trung ương Mát-cơ-xva" Khi diễn thử, dẫu chẳng có cảm tình với

Đậu, Giang Thanh cũng phải nói thầm: Lão quái nầy đáng phục thật, đối thoại của Bertol Brecht mà nó dịch ra cứ như kịch của Lưu Quang Vũ.

Sinh nhật Giang Thanh ba-mươi tuổi, 1985 dẫu đang thời bao cấp, khó khăn chung, vì bao nhiêu tài sản, kho tàng tịch thâu từ Miền Nam phải dồn trả nợ Nga, Tầu, và bù trừ cho thiếu thốn của (người) Miền Bắc đã phải chịu đựng từ 1945, 46.. Nhưng Sài Gòn vẫn không thể "*nghèo ngang bằng*" Hà Nội, Hải Phòng.. nên Đậu xoay được một bó hoa ba-mươi đoá hồng Brigitte, với chiếc bánh sinh nhật được những người tham dự trầm trồ đánh giá.. Bó hoa đẹp hơn lẵng hoa Bác Tôn gởi cho bộ chính trị ngoài ta và cái bánh lớn như mâm cối 82Ly Trung Quốc. Không hiểu lão "Đậu đéo" kiếm đâu ra được như thế như thế! Đậu sở dĩ có tính danh "đéo", do anh ta luôn bắt đầu câu nói với.. "*Ông đéo cần.. Chúng mầy đéo hiểu..*" trong tất cả mọi giao dịch. Cũng chẳng phải trong ngôn ngữ bình thường mà ngay cả khi trò chuyện với viên bí thư bộ văn hóa.. "*Báo cáo anh.. Tôi "đéo" nghĩ rằng bọn miền Nam có thể làm "đéo"gì được ta!*" Viên bí thư vốn tổng hợp nhuần nhuyễn "*tính nhân dân và tính đảng*" nên đã đáp lại: "*Nói vậy, cậu "đéo" hiểu gì về chúng nó cả..*". Riêng về nghĩa đen, Đậu không thể nhịn "đéo" cho dù một ngày theo như lời anh ta tự mô tả: "*Đéo biết thế nào mà khi nào tao cũng cứ tưng tưng thế nầy.. Đéo mẹ, giá như là đàn bà ắt phải mỗi ngày nạo thai một lần!*" Đậu không nói quá về mình, sợ rằng anh ta diễn tả không được chính xác hơn. Sài Gòn sau 1975 với đàn ông (miền Nam) hầu hết phải vào trại tập trung; bộ đội Miền Bắc chết rải dọc Trường Sơn.. Phần lớn phụ nữ (không học vấn (cho có học vẫn vô dụng), ngành nghề, tài sản..) muốn kiếm sống không còn gì ngoài thân xác của mình, nên người như Đậu với tật "đéo" không là trở ngại, mà đôi khi còn được "biểu dương". Trước cổng nhà Đậu luôn có những cô gái ngồi đợi vì.. "*Anh ấy có bảo em, mỗi khi ế khách, không chỗ ăn, chỗ ngủ thì đến đây..*" Nhưng Đậu không chỉ "nhiều" với thói tục "đéo", anh còn nhiều trong tất tả mọi phương tiện.. Ăn thì phải ăn cho đáng! Cắn miếng thịt phải ngập hàm răng.. Ăn ba thứ rau, dưa, cà muối.. ông đéo đụng tới bao giờ. Mất công đi.. ĩa!! Đậu không nói quá, anh không hề cho vào miệng bất kỳ các loại rau, trái, đậu nào. ..Trứng là rau của ông. Thịt là cơm của ông. Cái hỉm là bùa của ông! Ông la lối, hùng hổ như thế, học hành, chữ nghĩa như thế tại sao không viết nên cuốn sách nào đi.. Không lẻ cái đầu, trái tim của ông chỉ chứa ngần ấy thứ? Có người đặt câu hỏi khó với ý định bắt bí. Đậu nhanh chóng nắm chắc

ý đối thủ, nhổ toẹt mẫu tàn thuốc đẫm nước bọt.. Cái đầu hả.. Thì chỉ nghĩ đến chuyện đéo, và cuộc đời ông đã là một tác phẩm hoàn chỉnh.. Đéo cần viết thêm một chữ nào nữa. Còn quả tim.. *Đéo mẹ, quả tim ông thuộc về đảng vinh quang.. Hê..hê!* Đậu gằm gằm nhìn đối phương sau lớp kính dày. Với lối sống, ăn, ngủ, nghĩ như thế, chiếc đầu, thân thể Đậu luôn nóng như một khối lửa, nên anh chỉ có thể mặc quần sọt, áo tay ngắn không gài hai nút ở cổ. Đậu ngủ ngay trên sàn nhà, không hề nằm giường, nệm. Trong cung cách sống với quan niệm vừa kể, Giang Thanh là một "mục tiêu" Đậu không thể bỏ qua. Đéo mẹ, ông phải bắt cho được con bé nầy dẫu mầy có chạy lên giời! Khi Đậu chưởi thề nguyên chữ là gặp phải trường hợp vô cùng "khẩn trương" và rất có ý nghĩa.

**) Pavel: Nhân vật thanh niên cộng sản của tiểu thuyết cách mạng Nga*

Thế nên, khi đến lúc, cô Thúy Hương, vợ Đậu một người đàn bà đẹp, chuyên làm người mẫu cho tạp chí thương mại, thời trang phụ nữ (Đậu mang vào Nam năm sau 1975) trở thành gánh nặng.. Em là người mẫu mà không chụp "nuy" thì phí đi, để hôm nào anh kêu thằng quay phim, chụp ảnh trong trường về nhà làm cho em mấy phùa.. Hương tin lời Đậu, cũng bởi người tình của cô (một tay nhiếp ảnh chuyên nghiệp Sài Gòn trước 1975 cũng có nhận xét tương tự), hơn nữa cô cũng thích thú với dự kiến được tham dự vào "*sinh hoạt văn minh tiên tiến mà trước kia bọn Mỹ-Ngụy (sa đọa) đã nâng lên hàng nghệ thuật".* Và khi anh chàng nhiếp ảnh đang lóng cóng sửa vị thế nằm cho Thúy Hương thì Đậu phá tông cửa phòng nhào vào với hai viên công an khu phố (dẫu anh ta có sẵn chìa khoá phòng).. Ối giời đất ơi! Ối giời đất ôi.. Cô người mẫu đẹp nhất Hà Nội! Vợ của tôi! Đậu ngã lăn lên đất trước để hai viên công an chụp hiện trường phạm tội. Đậu lấy được căn nhà Đường Nguyễn Huệ với cớ chứng "lỗi phần người vợ" - Căn phố mặt tiền trước 1975 là cơ sở Ảnh Viện Thăng Long, Thúy Hương chiếm dụng dưới danh nghĩa Hội Nhiếp Ảnh Giải Phóng.

Giữa buổi tiệc sinh nhật Giang Thanh, Đậu trình ra tờ giấy ly dị với lý do: Vợ bị bắt gặp làm tình tại chỗ! Giang Thanh cũng đã quá mệt với cuộc sống đơn độc mà luôn có kẻ nhìn vào với ý định sỗ sàng.. *Cho anh làm cha con bé của em đi!* Cô thuận lấy Đậu với một giao ước: Lấy tôi, anh muốn ngủ với con nào thì mặc (tôi đã biết rõ anh "máu'

như thế nào), chỉ yêu cầu anh đừng mang gái về nhà khi tôi đi vắng.. Tôi không muốn con tôi (là con gái) thấy sự dơ bẩn ấy! Khi con tôi lớn, đưa ra ngoại quốc học là tôi vào chùa ngay. Chuyện gì chứ chuyện nhỏ ấy ông biết liệu, mợ đéo phải dặn! Đậu cam kết, quay mặt dấu nụ cười.. Con nầy ghê lắm, đéo đùa được với nó!

Sống vợ chồng chính thức được một tuần, Giang Thanh xác chứng điều cô nghi ngờ: Những mạnh mẽ ồn ào về "đéo" của Đậu chỉ cốt che dấu: Anh ta không có khả năng hoàn tất "*nghĩa vụ (hoan lạc) làm chồng*" - Để được trở nên thành một người cha theo nghĩa bình thường. Đậu bào chữa (khuyết điểm) của mình với nụ cười xuôi xị: *Ông chỉ có cái mồm thôi, mợ đừng phiền!* Nhưng chính khi Đậu bộc lộ điều yếu đuối tội nghiệp nầy với nụ cười ngây ngô con trẻ (rất hiếm hoi) thì lòng Giang Thanh lại lắng xuống.. Cô nói lời an ủi: Cũng chẳng quan trọng lắm, miễn là bố yêu thương, che chở mẹ con tôi.. Bố cứ việc 'đéo" ở đâu như bố muốn từ trước đến nay, đừng đem gái về nhà, đừng rước bệnh vào người chỉ làm khổ thân, và xấu mặt tôi..

Để trả ơn sự thông cảm rộng lượng của vợ, ngày hôm sau Đậu mang giỏ đi chợ với cách hân hoan, nụ cười rộng mở kéo đến mang tai.. Tôi đi chợ về nấu ăn cho mẹ con nó. Lần đầu tiên Đậu mua những món rau, đậu, củ.. Đậu giải thích với người bán hàng: Tôi mua những thứ nầy nấu canh cho con bé ấy mà. Cũng là lần đầu anh không xử dụng chữ "đéo" trong lời nói. Và Giang Thanh thật tình cảm động khi Đậu lóng cóng bưng tô canh lên cho hai mẹ con.. Ông cả đời chỉ biết làm món nhắm, đây là lần đầu tiên ông phải làm "nội trợ" hầu mẹ con nhà mợ. Đậu cười rộn rã, hào hứng ngồi xuống với bé Thanh Giang.. Để bố cho mầy ăn nhá. Giang Thanh cười vui trong ánh mắt, cô nhủ thầm: Thôi thì lão có dở chứng gì mình cũng phải bỏ qua cho yên nhà lợi nước, chỉ mong được bình an thế nầy..

Nhưng sự cố gắng (có thiện ý) của Đậu bị lung lay sau lần xong trận tình cực độ thoả mãn (bởi không phải chịu trách nhiệm, ràng buộc bởi nghĩa vụ/ý nghĩa làm chồng) với nữ nghệ sĩ Xuân Hồng ngôi sao văn, thơ, ca nhạc từ Hà Nội vào công tác thành phố mang tên Bác. Nữ sĩ châm điếu thuốc Điện Biên bọc giấy bạc (thuốc là cao cấp nhất do Hà Nội sản xuất).. Vất đi, hút thứ ba số nầy (Thuốc lá nhập cảng, Hiệu 555), ngủ với ông mà hút đồ nhà quê mang từ Hà Nội vào là chưởi ông không bằng.. (Thật sự Đậu chỉ muốn chứng tỏ cách ăn chơi của "*người Sàigòn để chộ người ngoài ta mới vào*" chứ không

có ý định bĩ thử cô nữ sĩ). Nhưng Xuân Hồng không phải tay vừa.. “Ông mã mẹ cả nhà anh.. Ba số với chẳng là ba số. Mồm anh chẳng ăn mắm tôm thịt chó, hút thuốc lào suốt cả mấy mươi năm hay sao.. Nay vừa được hầu con đĩ không chồng mà chửa, xin được chân bưng bô nhà nó đã quên mất ‘tính cách mạng trong sáng” của cán bộ văn hóa tư tưởng như lời anh thường lên lớp dạy chúng tôi.. Anh biết nó mô tả anh như thế nào không? Nó nói gì? Đậu ngồi nhỏm dậy. Nó bảo anh là thứ gà trống thiến, chỉ được cái mồm! Đậu có thể bỏ qua nhiều chuyện, nhưng bởi cô nữ sĩ vốn rất tinh nên biết đánh trúng ngay “tử huyệt” đối thủ.. Nó bảo như thế à? Đậu như ngồi phải đống lửa. Nó chẳng bảo thì ai mà biết ra, kể cả màn anh bưng bô hầu mẹ con nó. Đậu chống chế trống không, yếu ớt.. Vừa vừa thôi, liệu cái mồm! Cô nữ sĩ ỡm ờ.. Anh bảo nó với anh giữ mồm với nhau chứ bảo được ai.. Mà cũng lạ, người như anh sao mà dễ bị xỏ mũi đến thế? Tôi cứ ngỡ anh cao như núi, ai ngờ chỉ là một hòn đất.. Xuân Hồng biết nâng lên và đạp xuống. Đậu cáu kỉnh: Đéo đứa nào xỏ mũi được ông, ông không phải là loại người chui vào gầm giường la lối, đưa mông ra để đứa khác đá đít.. Đứa nào giỏi “quay” được ông, vì thương tình thì ông chịu nhũn thế thôi. Xuân Hồng xoay qua vấn đề “chí tử” thứ hai.. Kể từ ngày lấy ông nó đã tiêu hết mấy cây vàng.. Đòn quả rất hiệu lực. Đậu ấp úng.. Chuyện ấy liên quan gì đến cô. Nữ sĩ cười nhạt.. Không liên quan đến tôi, nhưng nói ra để báo cho ông rõ, cả Hà Nội người ta đang bàn chuyện: “Thằng Đậu đéo” (xin lỗi cho tôi nhắc lại đúng nguyên văn..) dở trò lưu manh lấy được cái nhà của con Thúy Hương nay lại đi cúng cho con Giang Thanh để được cái tiếng làm chồng hờ.. Mẹ kiếp, người như em đây cũng chỉ mong được tiếng về làm dâu nhà “Họ Lê Thanh Hóa” của bố.. Bố đâu phải là thằng nhỏ, con sen xách làn đi chợ về hầu mẹ con nhà nó, dọn cứt chó, cho mèo ăn.. Được bố làm chồng, cố vấn đường chữ nghĩa, em được giải thưởng văn học hội nhà văn liền một khi. Bố là một bậc thầy cơ mà!

Đậu lụp chụp bỏ áo vào quần, điếu thuốc ngậm ở miệng rung rung, đẫm ướt.. Địt mẹ chúng mầy cả lũ.. Nầy, muốn chưởi về nhà anh mà chưởi, tôi không phải là cái thùng rác để anh trút xuống những thứ thổ tả của nhà anh.. Xuân Hồng rít giọng. Rồi sẽ biết tay ông! Đậu quyết chí. Ông là cái đéo gì mà biết với chả biết! Xuân Hồng đổ tràn ly nước khiêu khích. Đùng đùng chạy xuống cầu thang, Đậu lẩm bẩm.. Địt mẹ chúng mầy.. Địt mẹ chúng mầy!

Nhưng khi Đậu bước chân vào nhà thì Giang Thanh đã ra tay trước.. Chén, dĩa, đồ sành, đồ sứ, gương soi, tủ kính, cửa sổ, bàn trang điểm.. Tất cả đã trở thành một đống vụn lỡm chởm vươn vải đầy nhà. Cô nói sắc gọn: Thằng khốn, tao đã truyền đời cho mầy từ ngày đầu tiên.. Mầy có quyền đi "đéo" bậy, nhưng cấm làm nhục mặt tao. Con đĩ Xuân Hồng đã đi rêu rao khắp những nơi tao quen biết, là tao chịu lấy mầy chỉ cốt chiếm cái nhà do mầy cướp được qua vụ dàn cảnh con Thúy Hương ngủ với thằng thợ chụp hình.. Tao lấy mầy là vì vàng, dẫu con buồi thối của mầy vất ra chó cũng chê, cái mặt mầy ác như con chó ngao.. Nhà nào.. Vàng nào.. hỡ?!

Giang Thanh trở nên là "kẻ thù" vì đã bày ra những "nhược điểm" chí tử không thể bù trừ, chuyển đổi của Đậu. Nhưng dẫu là kẻ bản lĩnh do gian nan cảnh khổ tôi luyện nên thành, cô vẫn nguyên vẹn tâm chất chân thật, mẫn cảm của một nghệ sĩ vốn xuất thân từ gia đình thế giá, văn hóa thuần nhã, cô không thể tưởng ra, lường trước những tình huống ti tiện hèn hạ, thủ đoạn ác độc hơn một cơn giận. Nên sau khi ra tay tàn phá, và thấy Đậu im lặng quét dọn với cách thức chịu đựng, hối lỗi.. Tất cả vật dụng bị đánh vỡ dồn lại hai cần xé lớn, Đậu cố sức xoay xở nhưng không thể xê dịch, chiếc kính trắng gãy gọng đong đưa một bên tai, đầu tóc rũ rượi.. Giang Thanh cảm thấy ái ngại về hành vi quá độ của mình, cô cười nhỏ, khẻ gắt.. Xê ra, chẳng làm được cái gì ra hồn.. Chỉ được cái mồm láo! Và cô hầu như đã quên mất phần lỗi của Đậu, khi qua hôm sau anh xuất một lượng vàng đi sắm lại những thứ đã bị đập vỡ với câu tán thán kèm nụ cười khỏa lấp.. Lần sau có đập vỡ, mợ nhớ chỉ đập cái nào bằng sành thôi, cái nào đắt tiền mợ tha cho nó! Chẳng có lần sau nào nữa.. Lần sau tôi đập vỡ đầu anh ra. Và cô thật quên hẳn tai nạn đã xẩy ra.

Như một cố tật không thể sửa đổi và cố ý thực hiện, Đậu lập lại thành tích "đéo bậy" không những một lần nhưng nhiều lần nhưng với một cách thức khôn ngoan, kín đáo hơn với những "đối tượng" mà anh cho là "vô hại".. Anh giải thích với Giang Thanh: Tôi chẳng thích gì những con mụ ấy, chúng nó không đáng gót chân của mợ.. Nhưng tôi muốn cho chúng nó biết rằng người ngoài ta hơn bọn ngụy tất cả, kể cả cái khoảng trên giường! Giang Thanh trả lời cũng "cực kỳ": Chẳng biết đứa nào "chiến thắng" đứa nào.. Ông hơn bọn ngụy cái gì tôi không biết, chứ vụ "khoảng trên giường" chắc ông thua chúng nó rồi.. Đừng nói phét với tôi! Thế mợ đã "test" với chúng nó

rồi hay sao mà biết rõ thế? Giang Thanh mau chóng nổi xùng: Tôi chẳng hơi sức đâu để "tét, tiết" gì cả? Tôi chỉ nhìn dáng ông đi về sau mỗi lần mà ông gọi là đi "tiếp thu chiến lợi phẩm của bọn ngụy để lại" thì biết ngay?! Có "chiến lợi phẩm" nào đi tìm ông lần thứ hai, có chăng là do mấy cây vàng ông mang từ ngoài Bắc vào còn lại.. Nhưng tôi nói để ông yên tâm: Con bé lên cấp hai là tôi thôi ông ngay, vì tôi cũng đã kiếm được căn hộ ở Đường Nguyễn Trãi.. Ông tha hồ đi "trả thù ngụy quân, ngụy quyền" và trả tiền cho bọn "sản phẩm sa đọa do chế độ Mỹ-Thiệu" để lại.. Mặc xác ông với cái lũ đàn bà của ông.. Những "con cháu Bác Hồ" hay "tay sai Mỹ-Thiệu" đối với tôi chẳng khác gì nhau..

Những đối thoại kể trên có kết thúc tại lần Giang Thanh trình ra tờ giấy ly dị với lỗi phần "người chồng phạm tội ngoại tình". Đậu ngẫn người, hỏi câu thành thật: Làm sao.. làm sao mợ có tờ giấy ấy? Giang Thanh từ tốn, cặn kẻ, dứt khoát: Tôi cấm ông xử dụng lối cậu, mợ, anh, em.. với tôi từ nay. Ông hỏi tôi làm sao có cái giấy nầy chứ gì.. Vậy là ông chẳng nhớ những thành tích "trả thù (vợ, con) bọn ngụy quân, ngụy quyền" đã khoe với tôi hay sao.. Ông dạy cho tôi nhiều điều, tôi phải học được đôi phần. Ông muốn nghe lại những thành tích kia không? Tôi đã sang ra nhiều cuộn băng, nghe lại hấp dẫn cực kỳ.. Với cái máy cassette mà ông khoe đã thâu băng lần làm tình với con mụ vợ bé thằng cha tổng trưởng ngụy gì đó đi Mỹ để lại trong biệt thự đường lên sân bay.. Ông nhớ lần ông vừa làm tình vừa chưởi để con mẹ thêm phần phấn khích không?

.. Thế thì mợ.. Nầy, đã bảo không "cậu, mợ"! Giang Thanh dứt khoát. Vâng, thế thì cô muốn gì? Chẳng muốn gì cả, tôi ra khỏi nhà nầy, không lấy của ông một cái bát, đôi đũa.. Hôm nào mời ông lên chơi nhà ở Nguyễn Trải, nhà số.. Hẻm 222, số ấy dễ nhớ..

..Bà cho tôi lên nhà bà, và bà xuống đây thăm tôi. Tôi van bà.. Tôi biết lỗi.. Cũng đã gần ba năm tôi sống với bà.. Tôi không thể không có bà và con bé.. Bà hiểu tôi.. Tôi không thể sống một mình! Đậu quỳ xuống hôn lên chân Giang Thanh.

Đấy là tôi nói riêng với ông, người ngoài không ai biết.. Chẳng tốt lành gì việc nay bỏ người nầy, mai đi lấy người khác. Đến khi nào ra khỏi nước với con bé, tôi sẽ tuyên bố công khai, rồi mọi người nghĩ sao tùy ý họ.. Sau khi mẹ con tôi dọn đến nhà Nguyễn Trải, ông

muốn xuống ăn cơm thì gọi cho biết trước, hoặc tôi lên nấu nơi nhà nầy nếu hôm ấy tôi rảnh rỗi. Coi như hai vợ chồng ra riêng vì công việc..

Đậu úp mặt trên chân Giang Thanh rất lâu tỏ ý hàm ân, thống hối. ;

Ba

Giang Thanh từ chối những quyền lợi của người được tước hiệu "Nghệ Sĩ Ưu Tú" nếu như thuận trở về Hà Nội với đoàn ca múa. Cô xin ở lại Sàigòn, ghi danh vào học trường Quốc Gia Âm Nhạc nay cải biên nên thành Trường Âm Nhạc Nghệ thuật số #2, Lớp Đạo Diễn do quan niệm, nghệ sĩ trình diễn chỉ có một thời đoạn và một lãnh vực riêng: Hát, múa, phim, kịch.. Và sẽ bị hạn chế bởi tuổi tác, thời gian, yêu cầu của nghiệp vụ (cho dù tài nghệ xuất sắc, kỹ thuật điêu luyện đến đâu) - Nhưng những hạn chế nầy sẽ không tác động đối với chức năng đạo diễn, nếu không nói ngược lại – Càng ở lâu trong nghề, tuổi càng lớn, người đạo diễn ắt sẽ trở nên vững vàng, sâu sắc hơn. Tuy nhiên, cô cũng phải chịu những lời phê phán, trách móc, ác độc.. "*Nó muốn ở lại Sàigòn là bị nhiễm cái mùi bơ thừa sữa cặn của bọn ngụy bỏ lại đấy mà.. Cái ngữ ấy rồi đây chỉ có nước nằm ngữa ra để bán thân nuôi miệng thôi.. Thằng Sơn ấy đã van lạy trước tập thể như thế mà nó còn đá thằng nhỏ như con chó thì nó còn biết thương ai.. Đứa nhỏ kia trước sau gì nó cũng cho vào nhà mồ côi để rộng đường đi ngang về tắt."* Đối với những lời "tiên tri" không mấy tốt lành nầy, cô đáp lại không khoan nhượng.. "*Ở Miền Bắc, tao mười bốn tuổi còn nuôi được cả nhà dưới bom đạn Mỹ, hôm nay chúng mầy nói điêu, nói độc, rồi đây sẽ có ngày chạy tới bám vào gấu quần tao để xin xỏ."* Cô không dùng lời ngoa ngôn, trống rỗng, bởi sẵn có dự định (thật ra là quyết định) với hai khả năng giúp phần ưu thế: Một sắc vóc rực rỡ lồ lộ, và trí sáng thiên bẩm do từ trực giác bén nhạy, giúp cô thấy ra sự việc, lời nói, ý niệm của người khác từ lúc mới manh nha khởi động.. Hơn ai hết cô biết rõ về mình nên rất đỗi tự tin, đồng thời biết giữ vững tâm chất trong sáng do đã kinh qua cảnh khổ mà không bị nhận chìm xuống. Nhưng cô cũng sẵn sàng tiếng lời độc địa, khắc nghiệt ứng phó, trả lại chính xác từng chữ, từng câu với đối

thủ. Chắc chắn một điều, Giang Thanh không hề sợ hãi, ngã lòng.

Miền Nam nói chung, Sàigòn nói riêng (hiện thực cụ thể nhất) sau 30/4/1975 rơi vào một tình trạng bi thảm kỳ dị suốt hơn trăm năm thành hình, xây dựng nên cảnh sắc riêng biệt, đặc dị tài hoa - Cảnh huống bi thảm do chính bản thân (người Miền Nam) góp phần khởi dựng, thực hiện qua một cuộc đổi đời đảo ngược nên thành tồi tệ - Cũng gọi là "*cách mạng giải phóng dân tộc*", nếu nói theo ngôn ngữ chính trị thời thượng mà lần hồi không mấy ai cam tâm xử dụng do so sánh với thực tế khi "*chưa giải phóng*". Những chuyến xe buýt vàng chạy đường Gia Định, xe xanh nội thành Sàigòn thoắt trở nên chuyện, tích đời xưa cũ. Nhà cửa, quán đàng Đường Lê Lợi, Tự Do, Lê Thánh Tôn bày ra vẻ buồn thảm tội nghiệp như cô gái ngày hôm trước còn mặc trên người những áo quần đắt tiền của thời trang thế giới nay lập tức thay bằng chiếc bà bà màu trắng, và quần đen nội hóa, chân mang đôi dép nhật đúc bằng nhựa làm từ Chợ Lớn, hiện thực chính xác miêu tả của Hoàng Cầm: *Chân dép râu. Đầu thắt bím. Quần đen, áo trắng, dáng con sen..*

Người Miền Nam vừa kinh ngạc, vừa buồn cười bởi hậu quả thất trận "lãng xẹt" quá mau chóng, vô lý của mình, đồng thời thấy rõ ra chân dung kẻ thắng trận.. Chỉ là một đối thủ lúng túng, xoay xở cây xẻng cá nhân mang nhản hiệu U.S. trên tay, ngơ ngác đi trước Toà Đô Chính, bối rối nhìn lên những cao ốc với lời tán thán.. Khiếp! Và người giúp việc nay là cứu tinh của gia đình qua lời trấn an kẻ cả.."*Cậu, mợ đừng ngán đứa nào, cứ dời xuống dưới ga-ra mà ở; tui bây giờ là chủ nhà nầy, thuộc đội đặc công thành phố, phụ trách phụ nữ quận Phú Nhận ("Nhận" chứ không là "Nhuận").* Người ta bắt đầu ăn bo bo, củ mì thay hạt gạo mà chỉ tháng trước phải là "gạo Nàng Hương, Chợ Đào" mới có thể nuốt xuống một chén cơm với mâm thức ăn ít nhất cũng phải ba món "canh, xào, mặn". Người Sàigòn phải trình bày toàn bộ ý nghĩ, cảm xúc của mình bằng một tỉnh từ tổng quát "*tốt*" với một lối nói "*được học tập*" sau nhiều đêm họp tổ khu phố, kiểm điểm, bình bầu, báo cáo thành tích thi đua lao động, tăng gia sản xuất.. *Báo cáo cán bộ, tôi đã lao động tốt, đạt, và vượt chỉ tiêu mà trên giao..* Từ bà già bán bún ốc nơi Chợ Phú Nhuận, ông đạp xích lô, anh thanh niên chạy xe thồ, thằng bé chạy việc nơi tiệm phở quốc doanh.. Tất cả đều chung một lời báo cáo với một nội dung tất cả đồng học thuộc. Mỗi đêm từ 8 đến 11 giờ. Xong tất cả về đi ngủ để sáng sáu giờ ra công viên văn hóa tập thể dục theo nếp sống

văn minh văn hóa mới.

Và để an ủi, người Sàigòn tự hoạt kê phần bất hạnh của mình qua những câu chế diễu.. "*Đả đảo Thiệu-Kỳ cái gì cũng có. Hoan hô Hồ Chí Minh, mua cái đinh cũng phải xếp hàng..*" Tuy nhiên cũng có một điều mà trước đây những chế độ cũ (thực dân, phong kiến, cộng hòa..) dẫu cố công bao nhiêu cũng không thực hiện được: Đấy là mọi người đều bình đẳng trong một tình huống cùng khổ, thảm hại qua một cơ chế kinh tế, xã hội gọi là "*chế độ bao cấp*". Giang Thanh không thoát khỏi cảnh chung khốn cùng do vinh quang cách mạng cô góp phần xây dựng nên. Mức lương cố định của học viên trường Âm Nhạc Nghệ Thuật không thể giúp cô nuôi đủ bản thân, huống gì nay thêm bé Thanh Giang - Cô đão ngược tên mình đặt tên con để biểu lộ quyết chí - Đấy là đứa con của chính cô. Với riêng một mình cô. Vì bé Thanh Giang chỉ được đăng ký là con tư sinh do cô không có chứng chỉ kết hôn với ai, nên bé không được gọi là con trẻ của chế độ mới - Chế độ xã hội chủ nghĩa. Chế độ chấm dứt hiện tượng người bóc lột người. Thanh Giang không được tính vào mức lương của mẹ. Thế nên, Giang Thanh tìm cách phấn đấu để nuôi con.

Xin được chân chạy bàn ca đêm (ban ngày phải học tại lớp đạo diễn) ở nhà hàng Bát Đạt được hai bữa.. Đêm thứ ba, viên quản lý đến bên cạnh khi cô đang choàng chiếc áo đồng phục trước buổi làm.. Em đẹp quá, thơm quá.. Anh ta hít hít cánh mũi rộng để chứng thật đang được thấm đẫm hương thơm từ da thịt cô gái.. Giang Thanh ngừng mặc áo, nhìn gã quản lý.. Hiểu lầm sự im lặng của cô, anh ta tiến tới.. Em khỏi phải chạy bàn nữa, phí đi, đừng mặc áo chiêu đãi nầy kể từ đêm nay. Lên phòng anh, phòng quản lý, lầu tám, phòng có bể cá vàng đằng trước.. Không mặc thì bà đội lên đầu mầy ấy à.. Mầy nhầm người rồi! Giang Thanh chụp chiếc áo choàng lên đầu gã quản lý. Quay ngoắt bước đi. Cô cũng gặp phải "sự cố" tương tự tại vài nhà hàng khác, hoặc bị vợ của những viên quản lý đòi xé xác "con Bắc Kỳ trắng như đầm lai, đẹp như Thanh Nga, Mộng Tuyền.." Cuối cùng, cô chọn chân rửa chén tại Khách Sạn Nam Đô, cơ sở biên chế nên thành nhà hàng quốc doanh, địa điểm chiêu đãi chính thức cho những đoàn hát trung ương vào Sài Gòn công tác. Không ai biết cô diễn viên thoại kịch tài hoa, nghệ sĩ trình diễn ca, múa dân tộc điêu luyện, học viên biên đạo diễn xuất sắc cũng là cô phụ bếp (những đêm cuối tuần) lên ca với những chồng chén dĩa cao ngất, lầy nhầy thức ăn rửa bằng tay trần với xà phòng nội hóa. Nhưng

Giang Thanh không hề ta thán, cô nói thành lời với chính mình.. Chẳng thấm vào đâu so với cảnh đội bom Mỹ chạy từ Mai Dịch về Hà Đông với cái bụng đói! Cô còn có được mối hân hoan khi xin với ban quản lý bớt một phần lương tính vào hai con gà xối mỡ đem về đãi bạn đồng lớp.. Ăn đi chúng mầy, đây là tiền lương của tao chứ không phải xin của ai. Chúng mầy ăn đi, từ ngày vào học đến giờ tao chưa đãi chúng mầy được một bữa cho đáng. Cũng bởi cô vốn có tính ham vui và ưa chăm sóc người khác vì đã hiểu nghĩa hạnh phúc khi được thương yêu và biểu lộ sự yêu thương cùng người.

..Đồng chí học viên Giang Thanh hãy báo cáo trước tập thể từ đâu đồng chí có được hai con gà quay đem về đãi các bạn học viên trong lớp đạo diễn.. Hai con gà ấy tính ra hơn một nửa mức lương căn bản của học viên. Chúng có từ đâu nếu không do những quan hệ bất chính!

Trong khoảng khắc, Giang Thanh uất ức nghẹn cứng vì không thể nghĩ sự tốt lành lại đưa đến hậu quả tồi tệ ác độc nầy. Nén xuống phẫn nộ, cô phản công.. Từ đâu mà có? Các đồng chí ám chỉ tôi đi làm gái mới có tiền để mua những con gà ấy chứ gì? Tôi không rẻ đến thế.. Nếu muốn làm gái, tôi biết đường xuống khách sạn Bến Nghé đi khách ngoại với những món tiền lớn gấp bội, hơn cả năm lương của tôi kìa..Và muốn biết vì sao tôi có những con gà kia hãy đến hỏi chỗ Nam Đô, đêm thứ bảy vừa rồi ở đấy chiêu đãi đoàn ca múa Hồng Hà từ ngoài Hà Nội vào, sau khi trình diễn nơi tụ điểm ca nhạc Bông Sen.. Nhưng giá sử như tôi phải đem thân đi làm gái thì các đồng chí cũng phải xấu hổ cùng tôi.. Chiến sĩ văn công đi B, Miền Nam được giải phóng rồi phải đem thân đi làm gái.. Ai xấu hổ hơn ai!? Ai đau xót hơn ai!? Thành quả cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước mà đẩy chiến sĩ, bộ đội vào chỗ phải bán thân nuôi miệng là làm sao? Và miếng thịt gà kia không phải chỉ cho riêng tôi, nhưng còn cho vào miệng các đồng chí đang ngồi ở đây để chủ trì vụ kiểm điểm nầy.. Xét xử tôi đi! Hãy kiểm điểm tôi đi! Ai được quyền kiểm điểm ai? Lấy cái gì để kiểm thảo, phê bình!? Giang Thanh đẩy không khí buổi kiểm điểm nên thành một màn bi kịch đen thẫm đoạ đày. Sau nầy nhớ lại, cô lấy làm tiếc đã không nói hay hơn, độc hơn thế nữa.. Bà đã không nói thì thôi, nói thì phải cho chúng mầy sống dỡ, chết dỡ mới được.

Cuối cùng, Giang Thanh quyết định rời Nhà Hàng Nam Đô đi vác cá

ở chợ Cầu Ông Lãnh với lời nguyền rũa tự thân.. “Mã mẹ chúng mầy, bà lấy cái thân bà đây để nuôi con xem thử có đứa nào đụng đến, vòi vĩnh, bắt ép được!” Mỗi đêm, cô lén dậy từ lúc một giờ sáng, chêm mùng cho con ngủ yên, đạp xe xuống vựa cá góc đường Cô Giang/ Nguyễn Thái Học.. Vóc người cao, chắc, Giang Thanh đội thúng cá chạy thoăn thoắt không khó khăn, chỉ phiền nỗi nước cá chảy xuống tóc, ướt đẫm mặt, đậm mùi tanh tưởi.. Bốn giờ sáng trở về, gội đầu, tắm cho hết mùi cá đọng sâu chân tóc, trên da thịt. Cũng may trời miền Nam luôn nóng nực nên không phải chịu giá rét, nhưng ngâm nước suốt một giờ trong buổi sáng sớm lâu ngày sau nầy gây chứng viêm soang mũi làm tiếng nói của cô bị khàn đục mất âm sắc trong trẻo.. Bù lại, cảnh khổ tôi luyện ý chí Giang Thanh bền bỉ hơn, thông cảm trực tiếp cảnh khốn cùng của người (là chính bản thân). Cô dựng kịch “*Bà Mẹ Can Đảm với Những Người Con”* của Bertol Brecht để tố cáo tội ác của phát xít, tư bản gây chiến tranh đày đọa con người cần lao vô tội, và thủ vai người mẹ mà không ai có thể diễn xuất sánh cùng - Thật ra cô chỉ cần hiện thực nỗi đau của chính mình và những người đàn bà trong gia đình họ Uông trên sàn sân khấu mà thôi.

Vỡ kịch trên thật ra do ủy viên văn hóa tư tưởng trong ban bí thư nhà trường, Lê Đậu phỏng dịch từ nguyên tác của Bertol Brecht. Đậu người Thanh Hóa nơi đã có những ví von (thuần túy không chỉ là những ca dao, tục ngữ của địa phương nầy để miệt thị, chế diễu địa phương khác) thể hiệu đủ cá tính về người, việc của vùng đất đã nẩy sinh ra những cuộc huyết chiến kéo dài từ thế kỷ 16, 17..Nam/Bắc Triều; 60 năm); Trịnh/Nguyễn hơn trăm năm tranh hùng quanh khu vực hai bên Đèo Ngang.. *Thanh Hoá ăn rau má, phá đường rầy!* Người Thanh Hóa thực sự hãnh diện với tính chất kiên cường, mạnh mẽ, đánh phá của họ.. *Đá như Thanh Hóa!* Tức là mẫu mực kỹ thuật đá bóng tròn để (miễn có) đoạt thắng bất kể giá nào phải trả. Thanh Hóa không phải chỉ có vinh quang trên ngôn ngữ, thi ca, hò vè, nhưng thực tế đã có viên Đại Tá Đặng Vũ Nam đánh tan đạo binh Charlton, Le Page trên Đường Số 4 (1953), bắt sống hai chỉ huy cao cấp trên trận địa, hũy diệt hoàn toàn một binh đoàn cơ động liên binh chủng của quân đội Pháp trong một cuộc vận động chiến tài tình, điêu luyện của chiến thuật du kích tiến lên trận địa chiến. Thanh Hóa là an toàn khu trong chiến tranh 1946-1954, và cũng là địa phương dẫn đầu trận đấu tố bật tung lũy tre ngàn năm che chở quê nhà, ghìm chặt xuống tiếng than của vạn con người thống khổ, đọa đầy. Đậu

vào Nam với câu khẳng định: "*Đéo mẹ chúng nó! Cần Thơ, Gia Định.. không riêng của người Nam. Đứa nào mạnh thì đứa đó lấy".* Đậu không dịch vỡ kịch chỉ vì công việc của người dịch thuật, phóng tác, nhưng như lời anh ta nói với Giang Thanh: "Tôi dịch vỡ kịch nầy để cho cô. Cô dựng nó nên thành kịch đáng giá khác với những bản kịch nhà quê của chúng nó.. Loại chiến sĩ cộng sản Paven (*) xúc tuyết làm cách mạng! Với nó, cô đi lên sân khấu lớn như đoàn kịch trung ương Mát-cơ-xva" Khi diễn thử, dẫu chẳng có cảm tình với Đậu, Giang Thanh cũng phải nói thầm: Lão quái nầy đáng phục thật, đối thoại của Bertol Brecht mà nó dịch ra cứ như kịch của Lưu Quang Vũ.

Sinh nhật Giang Thanh ba-mươi tuổi, 1985 dẫu đang thời bao cấp, khó khăn chung, vì bao nhiêu tài sản, kho tàng tịch thâu từ Miền Nam phải dồn trả nợ Nga, Tầu, và bù trừ cho thiếu thốn của (người) Miền Bắc đã phải chịu đựng từ 1945, 46.. Nhưng Sài Gòn vẫn không thể "*nghèo ngang bằng*" Hà Nội, Hải Phòng.. nên Đậu xoay được một bó hoa ba-mươi đoá hồng Brigitte, với chiếc bánh sinh nhật được những người tham dự trầm trồ đánh giá.. Bó hoa đẹp hơn lẵng hoa Bác Tôn gởi cho bộ chính trị ngoài ta và cái bánh lớn như mâm cối 82Ly Trung Quốc. Không hiểu lão "Đậu đéo" kiếm đâu ra được như thế như thế! Đậu sở dĩ có tính danh "đéo", do anh ta luôn bắt đầu câu nói với.. "*Ông đéo cần.. Chúng mầy đéo hiểu..*" trong tất cả mọi giao dịch. Cũng chẳng phải trong ngôn ngữ bình thường mà ngay cả khi trò chuyện với viên bí thư bộ văn hóa.. "*Báo cáo anh.. Tôi "đéo" nghĩ rằng bọn miền Nam có thể làm "đéo"gì được ta!*" Viên bí thư vốn tổng hợp nhuần nhuyễn "*tính nhân dân và tính đảng"* nên đã đáp lại: "*Nói vậy, cậu "đéo" hiểu gì về chúng nó cả..*". Riêng về nghĩa đen, Đậu không thể nhịn "đéo" cho dù một ngày theo như lời anh ta tự mô tả: "*Đéo biết thế nào mà khi nào tao cũng cứ tưng tưng thế nầy.. Đéo mẹ, giá như là đàn bà ắt phải mỗi ngày nạo thai một lần!"* Đậu không nói quá về mình, sợ rằng anh ta diễn tả không được chính xác hơn. Sài Gòn sau 1975 với đàn ông (miền Nam) hầu hết phải vào trại tập trung; bộ đội Miền Bắc chết rải dọc Trường Sơn.. Phần lớn phụ nữ (không học vấn (cho có học vẫn vô dụng), ngành nghề, tài sản..) muốn kiếm sống không còn gì ngoài thân xác của mình, nên người như Đậu với tật "đéo" không là trở ngại, mà đôi khi còn được "biểu dương". Trước cổng nhà Đậu luôn có những cô gái ngồi đợi vì.. "*Anh ấy có bảo em, mỗi khi ế khách, không chỗ ăn, chỗ ngủ thì đến đây..*" Nhưng Đậu không chỉ "nhiều" với thói tục "đéo", anh còn nhiều trong

tất tả mọi phương tiện.. Ăn thì phải ăn cho đáng! Cắn miếng thịt phải ngập hàm răng.. Ăn ba thứ rau, dưa, cà muối.. ông đéo đụng tới bao giờ. Mất công đi.. ĩa!! Đậu không nói quá, anh không hề cho vào miệng bất kỳ các loại rau, trái, đậu nào. ..Trứng là rau của ông. Thịt là cơm của ông. Cái hỉm là bùa của ông! Ông la lối, hùng hổ như thế, học hành, chữ nghĩa như thế tại sao không viết nên cuốn sách nào đi.. Không lẻ cái đầu, trái tim của ông chỉ chứa ngần ấy thứ? Có người đặt câu hỏi khó với ý định bắt bí. Đậu nhanh chóng nắm chắc ý đối thủ, nhổ toẹt mẫu tàn thuốc đẫm nước bọt.. Cái đầu hả.. Thì chỉ nghĩ đến chuyện đéo, và cuộc đời ông đã là một tác phẩm hoàn chỉnh.. Đéo cần viết thêm một chữ nào nữa. Còn quả tim.. *Đéo mẹ, quả tim ông thuộc về đảng vinh quang.. Hê..hê!* Đậu gằm gằm nhìn đối phương sau lớp kính dày. Với lối sống, ăn, ngủ, nghĩ như thế, chiếc đầu, thân thể Đậu luôn nóng như một khối lửa, nên anh chỉ có thể mặc quần sọt, áo tay ngắn không gài hai nút ở cổ. Đậu ngủ ngay trên sàn nhà, không hề nằm giường, nệm. Trong cung cách sống với quan niệm vừa kể, Giang Thanh là một "mục tiêu" Đậu không thể bỏ qua. Đéo mẹ, ông phải bắt cho được con bé nầy dẫu mầy có chạy lên giời! Khi Đậu chưởi thề nguyên chữ là gặp phải trường hợp vô cùng "khẩn trương" và rất có ý nghĩa.

**) Pavel: Nhân vật thanh niên cộng sản của tiểu thuyết cách mạng Nga*

Thế nên, khi đến lúc, cô Thúy Hương, vợ Đậu một người đàn bà đẹp, chuyên làm người mẫu cho tạp chí thương mại, thời trang phụ nữ (Đậu mang vào Nam năm sau 1975) trở thành gánh nặng.. Em là người mẫu mà không chụp "nuy" thì phí đi, để hôm nào anh kêu thằng quay phim, chụp ảnh trong trường về nhà làm cho em mấy phùa.. Hương tin lời Đậu, cũng bởi người tình của cô (một tay nhiếp ảnh chuyên nghiệp Sài Gòn trước 1975 cũng có nhận xét tương tự), hơn nữa cô cũng thích thú với dự kiến được tham dự vào "*sinh hoạt văn minh tiên tiến mà trước kia bọn Mỹ-Ngụy (sa đọa) đã nâng lên hàng nghệ thuật".* Và khi anh chàng nhiếp ảnh đang lóng cóng sửa vị thế nằm cho Thúy Hương thì Đậu phá tông cửa phòng nhào vào với hai viên công an khu phố (dẫu anh ta có sẵn chìa khoá phòng).. Ối giời đất ơi! Ối giời đất ôi.. Cô người mẫu đẹp nhất Hà Nội! Vợ của tôi! Đậu ngã lăn lên đất trước để hai viên công an chụp hiện trường phạm tội. Đậu lấy được căn nhà Đường Nguyễn Huệ với cớ chứng "lỗi phần người vợ" - Căn phố mặt tiền trước 1975 là cơ sở Ảnh Viện

Thăng Long, Thúy Hương chiếm dụng dưới danh nghĩa Hội Nhiếp Ảnh Giải Phóng.

Giữa buổi tiệc sinh nhật Giang Thanh, Đậu trình ra tờ giấy ly dị với lý do: Vợ bị bắt gặp làm tình tại chỗ! Giang Thanh cũng đã quá mệt với cuộc sống đơn độc mà luôn có kẻ nhìn vào với ý định sỗ sàng.. *Cho anh làm cha con bé của em đi!* Cô thuận lấy Đậu với một giao ước: Lấy tôi, anh muốn ngủ với con nào thì mặc (tôi đã biết rõ anh "máu' như thế nào), chỉ yêu cầu anh đừng mang gái về nhà khi tôi đi vắng.. Tôi không muốn con tôi (là con gái) thấy sự dơ bẩn ấy! Khi con tôi lớn, đưa ra ngoại quốc học là tôi vào chùa ngay. Chuyện gì chứ chuyện nhỏ ấy ông biết liệu, mợ đéo phải dặn! Đậu cam kết, quay mặt dấu nụ cười.. Con nầy ghê lắm, đéo đùa được với nó!

Sống vợ chồng chính thức được một tuần, Giang Thanh xác chứng điều cô nghi ngờ: Những mạnh mẽ ồn ào về "đéo" của Đậu chỉ cốt che dấu: Anh ta không có khả năng hoàn tất "*nghĩa vụ (hoan lạc) làm chồng*" - Để được trở nên thành một người cha theo nghĩa bình thường. Đậu bào chữa (khuyết điểm) của mình với nụ cười xuôi xị: *Ông chỉ có cái mồm thôi, mợ đừng phiền!* Nhưng chính khi Đậu bộc lộ điều yếu đuối tội nghiệp nầy với nụ cười ngây ngô con trẻ (rất hiếm hoi) thì lòng Giang Thanh lại lắng xuống.. Cô nói lời an ủi: Cũng chẳng quan trọng lắm, miễn là bố yêu thương, che chở mẹ con tôi.. Bố cứ việc 'đéo" ở đâu như bố muốn từ trước đến nay, đừng đem gái về nhà, đừng rước bệnh vào người chỉ làm khổ thân, và xấu mặt tôi..

Để trả ơn sự thông cảm rộng lượng của vợ, ngày hôm sau Đậu mang giỏ đi chợ với cách hân hoan, nụ cười rộng mở kéo đến mang tai.. Tôi đi chợ về nấu ăn cho mẹ con nó. Lần đầu tiên Đậu mua những món rau, đậu, củ.. Đậu giải thích với người bán hàng: Tôi mua những thứ nầy nấu canh cho con bé ấy mà. Cũng là lần đầu anh không xử dụng chữ "đéo" trong lời nói. Và Giang Thanh thật tình cảm động khi Đậu lóng cóng bưng tô canh lên cho hai mẹ con.. Ông cả đời chỉ biết làm món nhắm, đây là lần đầu tiên ông phải làm "nội trợ" hầu mẹ con nhà mợ. Đậu cười rộn rã, hào hứng ngồi xuống với bé Thanh Giang.. Để bố cho mầy ăn nhá. Giang Thanh cười vui trong ánh mắt, cô nhủ thầm: Thôi thì lão có dở chứng gì mình cũng phải bỏ qua cho yên nhà lợi nước, chỉ mong được bình an thế nầy..

Nhưng sự cố gắng (có thiện ý) của Đậu bị lung lay sau lần xong trận

tình cực độ thoả mãn (bởi không phải chịu trách nhiệm, ràng buộc bởi nghĩa vụ/ý nghĩa làm chồng) với nữ nghệ sĩ Xuân Hồng ngôi sao văn, thơ, ca nhạc từ Hà Nội vào công tác thành phố mang tên Bác. Nữ sĩ châm điếu thuốc Điện Biên bọc giấy bạc (thuốc là cao cấp nhất do Hà Nội sản xuất).. Vất đi, hút thứ ba số nầy (Thuốc lá nhập cảng, Hiệu 555), ngủ với ông mà hút đồ nhà quê mang từ Hà Nội vào là chưởi ông không bằng.. (Thật sự Đậu chỉ muốn chứng tỏ cách ăn chơi của "*người Sàigòn để chộ người ngoài ta mới vào*" chứ không có ý định bĩ thử cô nữ sĩ). Nhưng Xuân Hồng không phải tay vừa.. "Ông mã mẹ cả nhà anh.. Ba số với chẳng là ba số. Mồm anh chẳng ăn mắm tôm thịt chó, hút thuốc lào suốt cả mấy mươi năm hay sao.. Nay vừa được hầu con đĩ không chồng mà chửa, xin được chân bưng bô nhà nó đã quên mất 'tính cách mạng trong sáng" của cán bộ văn hóa tư tưởng như lời anh thường lên lớp dạy chúng tôi.. Anh biết nó mô tả anh như thế nào không? Nó nói gì? Đậu ngồi nhỏm dậy. Nó bảo anh là thứ gà trống thiến, chỉ được cái mồm! Đậu có thể bỏ qua nhiều chuyện, nhưng bởi cô nữ sĩ vốn rất tinh nên biết đánh trúng ngay "tử huyệt" đối thủ.. Nó bảo như thế à? Đậu như ngồi phải đống lửa. Nó chẳng bảo thì ai mà biết ra, kể cả màn anh bưng bô hầu mẹ con nó. Đậu chống chế trống không, yếu ớt.. Vừa vừa thôi, liệu cái mồm! Cô nữ sĩ ỡm ờ.. Anh bảo nó với anh giữ mồm với nhau chứ bảo được ai.. Mà cũng lạ, người như anh sao mà dễ bị xỏ mũi đến thế? Tôi cứ ngỡ anh cao như núi, ai ngờ chỉ là một hòn đất.. Xuân Hồng biết nâng lên và đạp xuống. Đậu cáu kỉnh: Đéo đứa nào xỏ mũi được ông, ông không phải là loại người chui vào gầm giường la lối, đưa mông ra để đứa khác đá đít.. Đứa nào giỏi "quay" được ông, vì thương tình thì ông chịu nhũn thế thôi. Xuân Hồng xoay qua vấn đề "chí tử" thứ hai.. Kể từ ngày lấy ông nó đã tiêu hết mấy cây vàng.. Đòn quả rất hiệu lực. Đậu ấp úng.. Chuyện ấy liên quan gì đến cô. Nữ sĩ cười nhạt.. Không liên quan đến tôi, nhưng nói ra để báo cho ông rõ, cả Hà Nội người ta đang bàn chuyện: "Thằng Đậu đéo" (xin lỗi cho tôi nhắc lại đúng nguyên văn..) dở trò lưu manh lấy được cái nhà của con Thúy Hương nay lại đi cúng cho con Giang Thanh để được cái tiếng làm chồng hờ.. Mẹ kiếp, người như em đây cũng chỉ mong được tiếng về làm dâu nhà "Họ Lê Thanh Hóa" của bố.. Bố đâu phải là thằng nhỏ, con sen xách làn đi chợ về hầu mẹ con nhà nó, dọn cứt chó, cho mèo ăn.. Được bố làm chồng, cố vấn đường chữ nghĩa, em được giải thưởng văn học hội nhà văn liền một khi. Bố là một bậc thầy cơ mà!

Đậu lụp chụp bỏ áo vào quần, điếu thuốc ngậm ở miệng rung rung, đẫm ướt.. Địt mẹ chúng mầy cả lũ.. Nầy, muốn chưởi về nhà anh mà chưởi, tôi không phải là cái thùng rác để anh trút xuống những thứ thổ tả của nhà anh.. Xuân Hồng rít giọng. Rồi sẽ biết tay ông! Đậu quyết chí. Ông là cái đéo gì mà biết với chả biết! Xuân Hồng đổ tràn ly nước khiêu khích. Đùng đùng chạy xuống cầu thang, Đậu lẫm bẩm.. Địt mẹ chúng mầy.. Địt mẹ chúng mầy!

Nhưng khi Đậu bước chân vào nhà thì Giang Thanh đã ra tay trước.. Chén, dĩa, đồ sành, đồ sứ, gương soi, tủ kính, cửa sổ, bàn trang điểm.. Tất cả đã trở thành một đống vụn lỡm chởm vươn vải đầy nhà. Cô nói sắc gọn: Thằng khốn, tao đã truyền đời cho mầy từ ngày đầu tiên.. Mầy có quyền đi "đéo" bậy, nhưng cấm làm nhục mặt tao. Con đĩ Xuân Hồng đã đi rêu rao khắp những nơi tao quen biết, là tao chịu lấy mầy chỉ cốt chiếm cái nhà do mầy cướp được qua vụ dàn cảnh con Thúy Hương ngủ với thằng thợ chụp hình.. Tao lấy mầy là vì vàng, dẫu con buồi thối của mầy vất ra chó cũng chê, cái mặt mầy ác như con chó ngao.. Nhà nào.. Vàng nào.. hỡ?!

Giang Thanh trở nên là "kẻ thù" vì đã bày ra những "nhược điểm" chí tử không thể bù trừ, chuyển đổi của Đậu. Nhưng dẫu là kẻ bản lĩnh do gian nan cảnh khổ tôi luyện nên thành, cô vẫn nguyên vẹn tâm chất chân thật, mẫn cảm của một nghệ sĩ vốn xuất thân từ gia đình thế giá, văn hóa thuần nhã, cô không thể tưởng ra, lường trước những tình huống ti tiện hèn hạ, thủ đoạn ác độc hơn một cơn giận. Nên sau khi ra tay tàn phá, và thấy Đậu im lặng quét dọn với cách thức chịu đựng, hối lỗi.. Tất cả vật dụng bị đánh vỡ dồn lại hai cần xé lớn, Đậu cố sức xoay xở nhưng không thể xê dịch, chiếc kính trắng gãy gọng đong đưa một bên tai, đầu tóc rũ rượi.. Giang Thanh cảm thấy ái ngại về hành vi quá độ của mình, cô cười nhỏ, khẻ gắt.. Xê ra, chẳng làm được cái gì ra hồn.. Chỉ được cái mồm láo! Và cô hầu như đã quên mất phần lỗi của Đậu, khi qua hôm sau anh xuất một lượng vàng đi sắm lại những thứ đã bị đập vỡ với câu tán thán kèm nụ cười khỏa lấp.. Lần sau có đập vỡ, mợ nhớ chỉ đập cái nào bằng sành thôi, cái nào đắt tiền mợ tha cho nó! Chẳng có lần sau nào nữa.. Lần sau tôi đập vỡ đầu anh ra. Và cô thật quên hẳn tai nạn đã xẩy ra.

Như một cố tật không thể sửa đổi và cố ý thực hiện, Đậu lập lại thành tích "đéo bậy" không những một lần nhưng nhiều lần nhưng

với một cách thức khôn ngoan, kín đáo hơn với những "đối tượng" mà anh cho là "vô hại".. Anh giải thích với Giang Thanh: Tôi chẳng thích gì những con mụ ấy, chúng nó không đáng gót chân của mợ.. Nhưng tôi muốn cho chúng nó biết rằng người ngoài ta hơn bọn ngụy tất cả, kể cả cái khoảng trên giường! Giang Thanh trả lời cũng "cực kỳ": Chẳng biết đứa nào "chiến thắng" đứa nào.. Ông hơn bọn ngụy cái gì tôi không biết, chứ vụ "khoảng trên giường" chắc ông thua chúng nó rồi.. Đừng nói phét với tôi! Thế mợ đã "test" với chúng nó rồi hay sao mà biết rõ thế? Giang Thanh mau chóng nổi xùng: Tôi chẳng hơi sức đâu để "tét, tiết" gì cả? Tôi chỉ nhìn dáng ông đi về sau mỗi lần mà ông gọi là đi "tiếp thu chiến lợi phẩm của bọn ngụy để lại" thì biết ngay?! Có "chiến lợi phẩm" nào đi tìm ông lần thứ hai, có chăng là do mấy cây vàng ông mang từ ngoài Bắc vào còn lại.. Nhưng tôi nói để ông yên tâm: Con bé lên cấp hai là tôi thôi ông ngay, vì tôi cũng đã kiếm được căn hộ ở Đường Nguyễn Trãi.. Ông tha hồ đi "trả thù ngụy quân, ngụy quyền" và trả tiền cho bọn "sản phẩm sa đọa do chế độ Mỹ-Thiệu" để lại.. Mặc xác ông với cái lũ đàn bà của ông.. Những "con cháu Bác Hồ" hay "tay sai Mỹ-Thiệu" đối với tôi chẳng khác gì nhau..

Những đối thoại kể trên có kết thúc tại lần Giang Thanh trình ra tờ giấy ly dị với lỗi phần "người chồng phạm tội ngoại tình". Đậu ngẫn người, hỏi câu thành thật: Làm sao.. làm sao mợ có tờ giấy ấy? Giang Thanh từ tốn, cặn kẻ, dứt khoát: Tôi cấm ông xử dụng lối cậu, mợ, anh, em.. với tôi từ nay. Ông hỏi tôi làm sao có cái giấy nầy chứ gì.. Vậy là ông chẳng nhớ những thành tích "trả thù (vợ, con) bọn ngụy quân, ngụy quyền" đã khoe với tôi hay sao.. Ông dạy cho tôi nhiều điều, tôi phải học được đôi phần. Ông muốn nghe lại những thành tích kia không? Tôi đã sang ra nhiều cuộn băng, nghe lại hấp dẫn cực kỳ.. Với cái máy cassette mà ông khoe đã thâu băng lần làm tình với con mụ vợ bé thằng cha tổng trưởng ngụy gì đó đi Mỹ để lại trong biệt thự đường lên sân bay.. Ông nhớ lần ông vừa làm tình vừa chưởi để con mẹ thêm phần phấn khích không?

.. Thế thì mợ.. Nầy, đã bảo không "cậu, mợ"! Giang Thanh dứt khoát. Vâng, thế thì cô muốn gì? Chẳng muốn gì cả, tôi ra khỏi nhà nầy, không lấy của ông một cái bát, đôi đũa.. Hôm nào mời ông lên chơi nhà ở Nguyễn Trải, nhà số.. Hẻm 222, số ấy dễ nhớ..

..Bà cho tôi lên nhà bà, và bà xuống đây thăm tôi. Tôi van bà.. Tôi

biết lỗi.. Cũng đã gần ba năm tôi sống với bà.. Tôi không thể không có bà và con bé.. Bà hiểu tôi.. Tôi không thể sống một mình! Đậu quỳ xuống hôn lên chân Giang Thanh.

Đấy là tôi nói riêng với ông, người ngoài không ai biết.. Chẳng tốt lành gì việc nay bỏ người nầy, mai đi lấy người khác. Đến khi nào ra khỏi nước với con bé, tôi sẽ tuyên bố công khai, rồi mọi người nghĩ sao tùy ý họ.. Sau khi mẹ con tôi dọn đến nhà Nguyễn Trải, ông muốn xuống ăn cơm thì gọi cho biết trước, hoặc tôi lên nấu nơi nhà nầy nếu hôm ấy tôi rảnh rỗi. Coi như hai vợ chồng ra riêng vì công việc..

Đậu úp mặt trên chân Giang Thanh rất lâu tỏ ý hàm ân, thống hối. ;

Những Dòng Sông Chảy Qua Vùng Đá Sạn

Đoạn kết

Thôi thì như thế cũng được, nhỏ chị mầy cứng cỏi, khôn ngoan thật. Người nghe chuyện thở dài, nói gắng gượng tuồng như kiệt sức sau chặng đường quá vất vả. Nhưng cuối cùng cũng không như mầy nghĩ đâu.. Trời đất lại còn gì nữa đây?! Người bạn lên tiếng than như thấy ra tai họa trước mắt với chính mình.

1995. Tháng 11, Đậu đến nhà Nguyễn Trải với một người Pháp đứng tuổi, tóc trắng sáng gợn sóng úp sát vào đầu quý cách, hào hoa. Anh ta xử dụng một ngôn ngữ Pháp thoại với văn phong đúng trường quy thông dụng buổi đầu thế kỷ ở những trường Pháp-Nam trên toàn cõi Đông Dương.. Đây là người đàn bà rất xứng đáng để nhận lãnh tất cả những ân huệ tốt đẹp nhất, và tôi là một một kẻ đàn ông tồi tệ không xứng đáng với người đàn bà cao thượng nầy. Ông.. Phải, chỉ chính ông mới là người định mạng đặt để bên cạnh bà ta với tất cả sự thích hợp tuyệt vời nhất.. Tôi xin kính cẩn trao lại cho ông phần thưởng mà Thượng Đế luôn giành cho người có lòng tốt.. Giang Thanh không rõ hết nội dung lời của Đậu nhưng cô hiểu nghĩa của những tỉnh từ “admirable, respectable, noble..” được lập đi lập lại nhiều lần trong câu nói, và thái độ trang trọng của người khách khi nghe đến chữ “Dieu”, đồng thời cúi xuống cầm tay cô với cách điệu

phong nhả.. Ông nói gì với ông ta tôi nghe không hết, nhưng tôi hiểu được ý chính.. Vậy ông ta là ai? Muốn gì? Đây là ông tổng thanh tra của hãng làm lốp ô-tô Michelin, ngài Paul de Lucassan sang Việt Nam để làm việc với chính phủ ta xem lại việc quản lý các đồn điền cao su, liên doanh mở nhà máy sản xuất lốp ô-tô.. Sản xuất lốp ô-tô, lốp máy bay thì liên quan gì đến tôi? Có, nên tôi mới đưa lại, ông ta có coi phim *"mợ"* đóng mấy năm trước, vai *Bà Mẹ Bất Khuất..* Và ngõ ý muốn gặp *"mợ"* để bàn chuyện lâu dài.. Lâu dài là làm sao? Xin cưới *"mợ"* và đưa về Pháp! Ông bán tôi đấy hả? Không, không bao giờ, *"mợ"* hiểu tôi không đúng. Tôi là người trí thức xã hội chủ nghĩa, là cán bộ văn hóa nhân bản cộng sản.. Bây giờ đến lượt ngài, tôi xin ra ngoài kia. Đậu xoè bàn tay lịch thiệp, nhún nhường.. Lucassan cố gắng diễn đạt với những từ ngữ giản dị nhất, hai tay đặt trên ngực thành thật, thắm thiết.. Thưa bà, tôi quá già, năm mươi tuổi, đã hai lần ly dị, tôi mệt mỏi, không thích làm kẻ phiêu lưu tình ái.. Tôi xin bà bàn tay.. Quand, et comment.. Giang Thanh ấp úng, cô khai triển tối đa khả năng và tỷ lệ phần máu lai Pháp di truyền trong người.. Ông Đậu, ông vào đây.. Ông nói hộ tôi về phần con Thanh Giang. Đậu mau mắn chạy vào với dáng điệu hăm hở, chủ động.. Chuyện ấy mợ khỏi lo, tôi đã nói trước với ngài Lucassan, trước mắt mình chỉ lo đám cưới, mợ chịu phần tổ chức tiệc cưới, tôi trách nhiệm việc giấy tờ, visa để mợ theo ông ấy.. Mợ đi trước, sẽ làm nghi lễ Công Giáo nơi nhà thờ họ đạo riêng của gia tộc ông ấy, xong đưa con bé qua sau.. Đi trước là thế nào? Khi nào? Thứ hai, bây giờ là thứ tư, chỉ còn mấy ngày để lo bao nhiêu việc.. Thứ bảy, chủ nhật đám cưới, mợ mời họ hàng từ Hà Nội vào càng đông càng tốt.. Lấy cái gì để lo đám cưới như chạy tang như thế? Tiền, tiền đô, đô-la Mỹ.. Đây, đây ông ấy đưa trước năm ngàn.. Đậu đếm rõ từng tờ 100 Đô trước mắt người chồng (tương lai) của Giang Thanh. Và Giang Thanh quả thật không thể lường ra sự việc khi Lucassan đeo vào ngón tay cô chiếc nhẫn với hạt kim cương lóng lánh nổi gồ lên.. Cô không hiểu tại sao chiếc nhẫn vừa khít với ngón tay cô (vốn lớn hơn của phụ nữ Việt bình thường), nên cũng không để ý về cách xưng hô (cố tình với danh xưng "mợ") của Đậu.. Tại sao nó vừa thế nhỉ.. Cô băn khoăn xoay xoay chiếc nhẫn. Đậu tin ý, có liền lời giải thích: Thì tôi lấy cái nhẫn mợ giả tôi năm kia làm mẫu.. Để mợ hiểu tôi yêu mợ như thế nào. Chiếc nhẫn nầy đến hai mươi-lăm ngàn đô kia đấy, đắt nhất của tiệm kim cương nơi IMEXCO, phố Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Khi người khách và Đậu đi khỏi, Giang Thanh ngồi im, lắng xuống

với câu hỏi: Tại sao lão ấy tính trước tất cả thế nhỉ? Cô ngạc nhiên với thái độ gần như thụ động của mình.. Nhưng khi nghĩ đến tương lai (rất cụ thể) bé Thanh Giang được ra khỏi nước du học, cô như được truyền nhận một năng lực mạnh mẽ - Điều nầy giúp cô lấy lại sáng suốt, tính thực tế hằng có. Cô cầm máy điện thoại.. Ông Đậu đấy hả.. Tôi muốn hỏi vài điều.. Đám cưới ai chủ hôn, những điều kiện pháp lý về hôn nhân như quản lý, thừa kế tài sản, của hồi môn.. Đành rằng năm ngàn đô Mỹ, chiếc nhẫn hột xoàn là món tiền lớn, nhưng thân tôi, đời con tôi không thể được trả bằng những món tiền, của ấy.. Còn nhà cửa, nữ trang, bé con tôi ai sẽ giám hộ ngày tôi ra khỏi nước? Tiếng Đậu tự tin chắc nịch.. Tôi, tôi lo tất.. Tôi đã lo hết giấy tờ, hộ tịch, giấy kết hôn, điều kiện quản lý, thừa kế.. Kể cả cái két sắc ở ngân hàng để mợ đăng ký gởi tài sản, giấy chủ quyền nhà cửa của mợ.. Ai giám hộ con bé ngày tôi đi để sau nầy đưa nó qua cho tôi? Giang Thanh hỏi dồn quyết liệt. Tiếng Đậu dứt khoát: Tôi, tôi biết nó chưa tới hai mươi tuổi, thế nên phải làm gấp đám cưới trước ngày sinh nhật của nó.. Nó sinh ngày 28 tháng sau, *28 tháng 12..*

Bỏ ống điện thoại xuống, Giang Thanh trở lại câu hỏi: Tại sao lão ấy tính trước hết mọi chuyện như thế.. Thôi, để cho con bé được sung sướng, hạnh phúc ra khỏi đất nước khốn nạn nầy. Giang Thanh đứng lên cầm chai rượu Johny Walker nhãn xanh - Thói quen từ ngày cô sống một mình. Cô nhìn lên cuốn lịch, lật đến ngày Thứ Hai, 28 tháng 11.. Tuần tới mình đi ra khỏi đây.. Có thật không..?!

Xuống xe lửa tốc hành từ Paris ở ga Lyon thì Giang Thanh hoàn toàn không còn ý niệm thời gian, về nước Pháp khi chiếc xe gia đình Lucassan đón cô bỏ đồng bằng đi sâu hướng núi phía Tây, bắt đầu lên ngọn đường đèo dốc ngược.. Đây là nhà máy Michelin, đây là phố chính Montlosier, kia là nhà thờ Notre Dame de Clermont-Ferrand.. Lucassan ân cần, chậm rãi giải thích, chỉ vào khối nhà lớn, ngôi thánh đường màu đen.. Tất cả nhà cửa, tên của vùng nầy thuộc về núi.. Tous sont sur des dômes.. Tu sais.. Lucassan thân thiết cầm tay người vợ mới cưới, hôn những ngón tay tròn đầy, cắn nhẹ lên đầu móng.. Toi.. tu es aussi un dôme.. non, la rivière, soong.. soong en montant des montagnes.. Xe ngừng trước một lâu đài xây dựa vách núi, chung quanh mênh mông trãng trống, cỏ lau cao gờn gợn uốn sóng dưới cơn gió buốt sắc của mùa đông.. Lucassan chỉ về một khoảng trống nhấp nhô những khối đen.. Đấy là nghĩa địa giòng họ De Lucassan, những người chết từ Thế Kỷ 11 bởi “croisade” - Tu

sais.. “La Croisade pour défendre Le Royame de Dieu..” Giang Thanh muốn bật cười về hoàn cảnh, câu chuyện đang tiếp diễn với người đàn ông gọi là chồng. Cô không hề e ngại, sợ hãi, chỉ lạ lẫm, dững dưng. Nếu đổi tất cả mọi thứ trên đời kể cả thân xác cô để được ôm con trong tay một lần.. Ngay bây giờ! Chắc chắn cô không chút ngần ngại từ chối.

Sau gần một tháng sống nơi xứ người, lần đầu tiên Giang Thanh có lại được sự năng động hứng khởi đấy là một ngày gần ngày Lễ Giáng Sinh, ngày 22 thứ Sáu. Ngày rất lạnh, ngọn đồi đóng băng trắng xóa vào buổi sáng, chỉ chút nắng heo hút vào buổi trưa. Nhưng là một ngày vui – Vui nhất vì cô sắp được nghe tiếng con từ bên kia quê nhà, cách nửa vòng trái đất.. Giang Thanh theo chồng xuống phố Clermont - Ferrand để gọi điện thoại về bé Thanh Giang.. Đấy là tượng Vercingétoric, tổ phụ người Gaulois.. Lucassan chỉ lên một khối tượng người cởi ngựa hùng vĩ.. Kia là Blaise Pascal nhà khoa học, tư tưởng siêu việt của người Pháp.. Ông lộ vẻ cung kính ngưỡng mộ khi vòng qua vườn hoa nơi có bức tượng người đứng trầm tư. Nhưng tất cả đều là vật vô tri, vô nghĩa đối với Giang Thanh, bởi cô đang thấp thỏm, nôn nao trong cơn chờ đợi tưởng như sắp nhận được, chứng kiến phép lạ.. Giang Thanh nén thở, hồi hộp theo dõi câu chuyện giữa Lucassan và nhân viên bưu điện khi người nầy loay hoay với cuốn sổ lớn ghi danh mục những tổng đài quốc tế.. Impossible.. Impossible.. Quel est la cité de Ho.. Và cô vỡ oà niềm vui kích ngất khi nhân viên bưu điện chuyển ống điện thoại với tiếng thở hắt thành công.. Tiens.. lui voilà.. Con hả.. mẹ đây.. Giang Thanh bật khóc khi nghe tiếng nói bên kia nửa vòng trái đất.. Mẹ..mẹ.. Mẹ không được khóc.. Con bình an, con chỉ cần ít tiền để đãi bạn sinh nhật con sắp tới.. Mẹ yên tâm, con không sao cả.. Không, con không hỏi bác ấy, con không thích gặp bác ấy.. Con chỉ xin mẹ.. Giang Thanh cuống quýt không hiểu tình thế gì đã xẩy ra giữa con bé và Đậu.. Con nghe mẹ, mẹ không tiếc gì với con, tất cả là của con, nhưng trước khi ra khỏi nước mẹ đã uỷ quyền cho bác ấy bởi con chưa đến hai-mươi tuổi.. Vâng, vâng mẹ hiểu con sắp sửa hai-mươi tuổi, mẹ sẽ về với con ngay sau khi xong giấy tờ bảo lãnh.. Vâng, vâng, sinh nhật con mẹ gọi lại.. Mẹ nhớ con.. Việt Nam cách đây bảy giờ, mẹ đã biết cách gọi cho con.. Giang Thanh lẫn lộn giữa đáp và hỏi, cô cũng không hỏi rõ tại sao con bé có bất đồng gì với Đậu.. Cô mất hẳn bình tỉnh, sáng suốt khi nghĩ đến tình cảnh đứa con đơn độc nơi quê nhà - Tình thế bản thân cô phải gánh chịu từ năm thơ ấu. Cô

thương con bởi nỗi đau xa cách tàn phá cô lớn hơn bất cứ tai hoạ nào từ trước đến nay đã gặp phải - Đáng sợ hơn, Giang Thanh cảm thấy hiện thực một lần ly biệt đoạn đành..

Những ngày Lễ Giáng Sinh đối với Giang Thanh như một cực hình, khối nặng thời gian như tảng đá không xê dịch.. Cô di chuyển, cười nói, ăn uống, cổ khô rốc, tim đập váng vất, tham dự trò vui, bữa ăn với đại gia đình Lucassan theo lời dẫn của chồng như một đứa trẻ mắc chứng chậm phát triển, mắt trống rỗng vô tính nhìn người và việc diễn ra chung quanh.. Sáng ngày 28 tháng 12, cô dậy từ lúc rạng đông, trời rét đậm, nhìn ra những tầng mây màu chì phủ mờ đỉnh núi.. Giang Thanh thấy ra hình tượng những mộ huyệt. cô không dám nghĩ tiếp. Khi cô ngỏ ý Lucassan đưa cô xuống phố, đến nhà bưu điện thì cuộc xung đột âm ỉ từ bao ngày qua nổ bùng không thể che dấu..

- Em gọi tôi là gì..

- Là chồng.. Giang Thanh nhìn thẳng mắt người hỏi không e ngại,

- Vậy em là vợ tôi, người vợ tôi lấy trước mặt Chúa. Lucassan cảm thấy bị xem thường bởi cách nhìn không khoan nhượng từ người vợ mà ông nghĩ phải chịu thái độ khuất phục biết ơn..

- Tôi biết, nên tôi làm tất cả mọi việc trong nhà nầy.. Không phải cái nhà mà là một lâu đài lớn, tôi nấu những món mà ông thích

- Việc ấy của quản gia, người giúp việc, người bếp.. Người vợ phải thỏa mãn ý thích (ý muốn, “le désir” – Lucassan nhấn mạnh) của người chồng. Nhưng em là một cái tủ lạnh.. Không, đúng ra là một tủ đá di động. Em nhìn tôi với tất cả người gia đình tôi với đôi mắt bằng sứ. Điều nầy không phải một lần.. Nhưng lập lại mỗi đêm, lễ Noel vừa qua là một bằng chứng cụ thể..

Giang Thanh cười nhạt.. Ông hiểu tôi không thể vui với gia đình ông, họ nói gì tôi không biết, tôi người đạo Phật, tôi không biết đọc kinh đạo Chúa. Hôm đám cưới nhà thờ, cha xứ cũng thông cảm với tôi. Còn chuyện liên hệ vợ chồng mỗi đêm, tôi không thoả mãn ông theo cách ông yêu cầu được.. Tôi là đàn bà Á Đông, tôi không biết những “kỹ thuật”.. Và tôi đang nhớ con tôi. Tôi sống cũng như chết. Giang

Thanh cố gắng diễn đạt ý nghĩ với khả năng Pháp ngữ thâu nhận được sau một tháng chung sống. Nhưng do bởi là một diễn viên, đạo diễn sân khấu, phim ảnh, cô vốn có khả năng thẩm âm, và phát âm rất chính xác..

Lucassan biết không thể nói gì hơn.. Ông ghìm xuống tức bực, theo cách lịch sự của người Pháp có văn hóa cao, chuyển giọng bình thường: Thế bây giờ "bà" muốn gì? Từ "bà" được nhấn mạnh tỏ vẻ cách biệt, dững dưng..

- Ông giúp tôi xuống phố, đến nhà bưu điện. Tôi cần gọi điện thoại cho con tôi, hôm nay là sinh nhật của nó.

- Tôi chỉ có thể giúp bà vào buổi chiều, sau 4 giờ, tôi còn nhiều việc phải làm sau ngày lễ..

- Không được, buổi chiều thì đã quá khuya bên ấy, bưu điện lại đóng cửa..

- Tôi đã nói, tôi cần làm việc.. Bà đừng quấy rầy tôi!

Giang Thanh quay ngoắt bước ra khỏi phòng.. Cô gầm lên.. Tao đếch cần đứa nào khi thay đội giày cao cổ đế thấp. Cô đi như chạy xuống chân đồi, khi đi ngang qua cột cây số với bảng chỉ đường: Clermont – Ferrand, 11 Km.. Có là một trăm-mốt tao cũng đi được như thường

Giang Thanh tìm được nhân viên bưu điện giúp cô ngày hôm trước.. Bà muốn gọi đứa bé hả.. Ông Lucassan đâu rồi.. Cô nén cơn xúc động..Hôm nay sinh nhật con gái tôi.. Tôi muốn nghe tiếng nó, ông giúp tôi, tôi rất cám ơn.. Cô đưa hai tay ra nắm tay nhân viên bưu điện khẩn thiết.. Chuông reo liên tục không trả lời.. Ông thử thêm lần nữa giúp tôi.. Quái, con bé đi đâu?! Giang Thanh thất sắc. Nhân viên bưu điện bối rối, tuyệt vọng.. Đây, đây ông giúp tôi gọi số nầy, cũng ở cité Ho.. Đằng giây bên kia Việt Nam có tiếng Đậu.. Tiếng từ địa ngục, của quỷ.. Bé nó đi rồi! Hả? Đi đâu.. Con bé đâu!.. Giang Thanh buông ống điện thoại, ngã sấp người trên đất.

Một năm sau, Giang Thanh phục hồi trí nhớ, ly dị Lucassan, về ở hẳn Việt Nam. Cô nhớ lại yếu tố mật mã, mở được két sắt ngân hàng,

nhưng tất cả nữ trang, hồ sơ địa bạ căn nhà đường Nguyễn Trải đã bị lấy mất. Cô cũng biết chi tiết, đêm sinh nhật bé Thanh Giang đàn mèo ở nhà kêu thảm thiết.. Và hàng xóm ngỏ 222 Nguyễn Trải thấy bé đi ra khỏi nhà từ chiều tối với áo quần đẹp, nét mặt tinh anh rạng rỡ như thiên thần. Bé khoe với người gặp trong xóm.. Cháu qua nhà Bác Đ.. để lấy tiền làm sinh nhật đãi bạn. Bé không về từ đêm ấy.

Thế thì cái lão ấy sau nầy thế nào.. Người nghe chuyện không muốn gọi tên "Đ..".. Năm năm sau, tháng 12, cuối năm 2000, hắn ngã chết khi đi chơi Hồ Suối Vàng, Đà Lạt.. Từ đồi cao ngã quay lông lốc xuống hồ.. Chết mặt úp xuống nước, bầm tím như bị bóp cổ.

Hai người bạn im lặng khi xe vào Chợ ABC, thành phố Westminster.. Bây giờ mầy muốn tao đưa đi ăn cái gì không? Không, tao gọi con tao ra đón. Tao ăn không nổi.

Cuối năm, tháng 12, 2007.

Nguồn: Thư viện Toàn cầu
Người đăng: Thành viên VNTQ.net
Thời gian: 19/02/2008 1:26:47 CH